



JONATHAN STROUD

Câu  
thàng  
gào  
thét

HƯƠNG THẢO  
DỊCH

**JONATHAN STROUD**

*Hương Thảo dịch*



# **CẦU THANG GÀO THÉT**

• THE SCREAMING STAIRCASE •

*(Lockwood & Co. #1)*

**NHÃ NAM & NXB HỘI NHÀ VĂN**

---

ebook©vctvegroup | 15-05-2021

Mến tặng bố mẹ

**PHẦN 1**

**HỒN MA**

## CHƯƠNG 1

Tôi sẽ không nói nhiều về những vụ ma ám đầu tiên tôi điều tra cùng Lockwood & Đồng sự, một phần để bảo vệ danh tính các nạn nhân, một phần bởi tính chất kinh hoàng của các sự kiện, nhưng chủ yếu là bởi vì, theo nhiều cách tài tình khác nhau, chúng tôi toàn làm rối bung mọi chuyện lên. Thế đó, tôi vừa thú nhận với các bạn rồi đấy! Trong số những vụ đầu tiên đó, chẳng vụ nào kết thúc được gọn gàng như chúng tôi mong muốn. Đúng vậy, Nỗi kinh hoàng Mortlake đã bị đẩy lùi, nhưng chỉ ra được tới công viên Richmond, và thậm chí bây giờ nó vẫn hằng đêm lén lút len giữa những hàng cây lặng lẽ ở đó. Đúng vậy, cả Ma xám Aldgate và thứ được gọi là Xương Lóc Cóc đều đã bị phá hủy, nhưng chỉ sau khi, vài người nữa đã phải bỏ mạng (mà lúc này tôi nghĩ là không cần thiết). Còn đối với cái bóng đáng sợ đã ám ảnh quý cô trẻ tuổi Andrews, đe dọa cả sự thanh bình trong tâm hồn cô và gấu váy của cô, thật tội nghiệp, bởi bất cứ nơi nào cô đến trên thế giới này, nó sẽ theo sau cô. Bởi thế không hẳn là chúng tôi, tức Lockwood và tôi, đã mang theo một bản lý lịch công việc hoàn hảo, không tì vết khi chúng tôi bước tới số 62 đường Sheen trong buổi chiều mùa thu sương mù đỏ và dứt khoát giật chuông cửa.

Chúng tôi đứng trên bậc thềm, quay lưng lại với tiếng xe cộ ầm ì vọng lại từ phía xa, bàn tay phải đeo găng của Lockwood nắm chặt lấy dây chuông. Phía sâu trong căn nhà, tiếng chuông vọng yếu dần. Tôi chăm chú nhìn cánh cửa: nhìn những chỗ rộp nho nhỏ trên lớp sơn véc ni và mấy chỗ trầy xước trên hộp thư; nhìn bốn ô cửa kính song chéo quả trám đồng giá mà phía sau chỉ thấy tối om. Hiên nhà có một vẻ buồn thương hoang vắng,

các góc hiên ứ đầy cùng một loại lá sồi sũng nước nằm rải rác trên lối đi và bãi cỏ.

“OK,” tôi nói. “Hãy nhớ những quy tắc mới của chúng ta nhé. Đừng có nhìn thấy cái gì là ba hoa cái đó. Đừng luyên thuyên về ai giết ai, giết như thế nào hoặc khi nào. Và trên hết đừng nhại lại khách hàng nhé. Xin cậu đấy. Chuyện đó sẽ chẳng bao giờ có kết cục tốt đẹp cả.”

“Cậu có nhiều quy tắc quá đấy, Lucy,” Lockwood nói.

“Tôi còn nhiều nữa cơ.”

“Cậu biết là tôi có tai nghe ngữ điệu rất tốt mà. Tôi bắt chước người ta mà chẳng cần nghĩ ngợi gì.”

“Được thôi, cứ việc yên lặng bắt chước người ta *sau khi* xong việc. Đừng nói to, *đừng* nói trước mặt họ, *đặc biệt* khi người ta là gã bốc vác Ireland cao hai mét mặc tạt nói lắp, còn chúng ta đang cách đường cái tới cả dặm.”

“Đúng vậy, tuy to thể nhưng hẳn thực sự rất nhanh đấy,” Lockwood nói. “Mà rượt đuổi cũng làm chúng ta khỏe người hơn. Cậu cảm nhận được gì chưa?”

“Chưa. Nhưng có vẻ ở ngoài này sẽ không được đâu. Còn cậu?”

Cậu bỏ dây chuông ra và chỉnh lại cổ áo một chút. “Thật lạ nhỉ, tôi lại cảm thấy gì đó. Có một hồn ma đã xuất hiện trong khu vườn này lúc nào đó trong khoảng vài tiếng trở lại đây. Từ phía dưới cây nguyệt quế ở khúc giữa lối đi.”

“Chắc cậu sẽ nói với tôi đó chỉ là một đốm sáng nho nhỏ.” Đầu tôi nghiêng về một bên, hai mắt nheo lại; tôi đang lắng nghe sự yên lặng của ngôi nhà.

“Đúng thế, cỡ một con chuột thôi,” Lockwood thừa nhận.

“Có thể là chuột đồng. Tôi nghĩ có lẽ nó đã bị mèo hay con gì đó tóm được.”

“Thế... có lẽ không liên quan đến vụ của chúng ta, nếu nó là một con chuột?”

“Có lẽ là không.”

Đằng sau những tấm kính băng giá, bên trong căn nhà, tôi nhận thấy có chuyển động: thứ gì đó dịch chuyển trong bóng đen sâu thẳm của hành lang. “Rồi, đây rồi,” tôi nói. “Bà ấy đang ra đây. Hãy nhớ những gì tôi đã dặn nhé.”

Lockwood khom chân nhặt chiếc túi vải len thô cạnh chân mình. Cả hai chúng tôi lùi lại một chút, chuẩn bị sẵn những nụ cười thân thiện, lễ phép.

Chúng tôi chờ đợi. Chẳng có gì xảy ra. Cánh cửa vẫn đóng.

Chẳng có ai ở đó.

Lockwood vừa mở miệng chuẩn bị nói thì chúng tôi nghe thấy những tiếng bước chân đằng sau trên lối đi.

“Tôi rất xin lỗi!” Người phụ nữ xuất hiện từ trong sương mù vốn đang bước chậm rãi, nhưng khi chúng tôi quay lại bà ta vội vã tăng tốc. “Rất xin lỗi!” bà ta nhắc lại. “Tôi đến trễ. Tôi không nghĩ các cháu tới nhanh đến vậy.”

Bà ta trèo lên những bậc thềm, một người mập lùn với khuôn mặt tròn trịa, đang bước vào tuổi trung niên. Mái tóc thẳng màu vàng tro của bà ta được kẹp ngay ngắn phía trên tai. Bà ta mặc chân váy dài màu đen, áo sơ mi trắng phẳng phiu và một chiếc áo khoác len rộng thùng thình với túi áo sã xuống hai bên. Bà ta cầm trên tay một bìa kẹp tài liệu mỏng.

“Bác Hope ạ?” tôi nói. “Cháu chào bác. Cháu tên là Lucy Carlyle còn đây là Anthony Lockwood, từ công ty Lockwood & Đồng sự. Chúng cháu

tới đây vì cuộc gọi của bác.”

Người phụ nữ dừng lại ở bậc gần trên cùng và nhìn chúng tôi với đôi mắt to màu xám, trong đó tất cả những tình cảm thông thường đều được thể hiện. Ngờ vực, oán hận, hoang mang và sợ hãi - tất cả đều ở đó. Chúng là chuẩn mực trong nghề nghiệp của chúng tôi, bởi vậy chúng tôi không để bụng làm gì.

Ánh mắt bà ta nhanh chóng đảo qua đảo lại giữa hai đứa bọn tôi, nhìn vào trang phục gọn gàng và mái tóc chải chuốt cẩn thận của chúng tôi, vào hai thanh kiếm sáng bóng lấp lánh trên thắt lưng của chúng tôi, những chiếc túi nặng đồ mà chúng tôi mang theo. Ánh mắt đó dừng lại khá lâu trên gương mặt chúng tôi. Bà ta không đi vượt qua chúng tôi tới trước cánh cửa. Bàn tay không cầm bìa kẹp tài liệu đút sâu vào trong túi áo khoác, làm vài trũng xuống.

“Chỉ hai đứa bọn cháu à?” cuối cùng bà ta hỏi.

“Chỉ bọn cháu thôi,” tôi nói.

“Các cháu trẻ quá.”

Lockwood nhoen cười; vẻ ấm áp trong nụ cười đó làm bừng sáng cả buổi tối. “Chính là thế đấy, bác Hope. Bác biết là phải thế mà.”

“Thực ra, tôi *không phải* bác Hope.” Nụ cười nhạt của bà ta, nở ra một cách miễn cưỡng để đáp lại nụ cười của Lockwood, lóe lên trên khuôn mặt rồi biến mất, để lại vẻ bồn chồn. “Tôi là Suzie Martin, con gái bà ấy. Tôi e mẹ tôi sẽ không đến đâu.”

“Nhưng chúng cháu đã hẹn với bà ấy mà,” tôi nói. “Bà ấy sẽ đưa chúng cháu đi xem ngôi nhà.”

“Tôi biết.” Người phụ nữ nhìn xuống đôi giày đen đẹp đẽ của mình. “Tôi e là bà ấy không còn muốn đặt chân tới đây nữa. Cái chết của bố tôi đã đủ kinh khủng rồi, vậy mà gần đây những... *xáo trộn* về đêm còn xảy ra quá

thường xuyên. Tối qua rất tồi tệ, và mẹ tôi đã quyết định rằng thế là quá đủ đối với bà ấy. Giờ bà ấy đang ở với tôi. Chúng tôi sẽ phải bán ngôi nhà, nhưng hiển nhiên chúng tôi không thể làm thế cho đến khi nó trở nên an toàn...” Hai mắt bà ta hơi nheo lại. “Đó chính là lý do vì sao các cháu có mặt... Nhưng thứ lỗi cho tôi, chẳng phải các cháu nên có người giám hộ sao? Tôi nghĩ các cuộc điều tra luôn phải có một người lớn chứ. Chính xác thì các cháu bao nhiêu tuổi?”

“Đủ lớn và đủ trẻ,” Lockwood nói và mỉm cười. “Lứa tuổi hoàn hảo.”

“Nói một cách chính xác, thưa bác,” tôi nói thêm, “luật pháp quy định rằng chỉ cần tới người lớn khi các thám tử đang trong thời gian tập sự. Đúng là một vài công ty lớn *luôn* sử dụng người giám hộ, nhưng đó là chính sách riêng của họ. Chúng cháu độc lập và đáp ứng đầy đủ mọi tiêu chuẩn, và *chúng cháu* không thấy điều đó là cần thiết.”

“Theo kinh nghiệm của chúng cháu,” Lockwood ngọt ngào nói, “người lớn chỉ làm ngáng trở công việc thôi. Nhưng tất nhiên là chúng cháu có mang chứng chỉ của mình theo đây, nếu như bác muốn xem.”

Người phụ nữ đưa tay vuốt mái tóc vàng bóng mượt và gọn gàng. “Không, không... Không cần phải thế. Bởi vì mẹ tôi đã nói rõ ràng là cần các cháu, tôi chắc chắn mọi chuyện sẽ ổn thôi...” Giọng bà ta đều đều và có vẻ ngập ngừng. Một thoáng yên lặng.

“Cảm ơn bác.” Tôi liếc trở lại về phía cánh cửa yên ắng đang mời gọi. “Chỉ có vấn đề này thôi: có ai khác ở nhà không ạ? Khi chúng cháu rung chuông, cháu nghĩ...”

Bà ta ngược lên thật nhanh, nhìn vào mắt tôi. “Không. Không thể nào. Tôi giữ chiếc chìa khóa duy nhất mà.”

“Cháu hiểu. Hẳn là cháu đã nhầm.”

“Tôi sẽ không làm các cháu chậm trễ nữa,” bà Martin nói. “Mẹ tôi đã điền vào phiếu các cháu gửi cho bà ấy.” Bà ta chìa ra chiếc kẹp tài liệu. “Bà ấy hy vọng rằng nó sẽ hữu dụng.”

“Cháu chắc chắn nó sẽ hữu dụng.” Lockwood nhét nó vào đâu đó bên trong áo khoác. “Cháu cảm ơn bác rất nhiều. Hừm, chúng cháu nên bắt đầu ngay. Bác hãy nói với mẹ bác rằng sáng mai chúng cháu sẽ tới gặp bà ấy.”

Người phụ nữ đưa chùm chìa khóa cho cậu ấy. Đâu đó trên đường vắng một tiếng còi xe, rồi một tiếng còi xe khác đáp lại. Còn lâu mới tới giờ giới nghiêm, nhưng màn đêm đang buông xuống và mọi người đã bắt đầu nhấp nhồm. Họ muốn trở về nhà. Chẳng bao lâu nữa sẽ chẳng còn thứ gì chuyển động trên các đường phố London ngoại trừ những dải sương mù và ánh trăng vụn vẹo. Hoặc ít nhất chẳng có gì người lớn có thể *nhìn* thấy rõ.

Suzie Martin cũng cảm nhận thấy điều đó. Bà ta rướn vai, kéo chiếc áo khoác len ép chặt vào người. “Chà, tốt hơn là tôi nên đi thôi. Có lẽ chúc các cháu may mắn vậy...” Bà ta nhìn ra xa. “Còn *quá* trẻ! Sao thế giới lại đến nông nổi này kia chứ?”

“Tạm biệt bác Martin,” Lockwood nói.

Bà ta mau mắn bước xuống bậc thềm mà không đáp lời. Chỉ ít giây sau bà ta đã biến mất vào làn sương mù và hàng nguyệt quế mọc dọc con đường.

“Bà ấy không hài lòng,” tôi nói. “Tôi nghĩ tới sáng mai chúng mình sẽ chẳng được làm vụ này nữa.”

“Thế thì tốt hơn nên giải quyết cho xong trong tối nay đi,” Lockwood nói. “Sẵn sàng chưa?”

Tôi vỗ vào chuôi thanh kiếm của mình. “Sẵn sàng.”

Cậu cười nhăn nhó với tôi, bước lên tới cánh cửa, và với vẻ hoa mỹ của một ảo thuật gia, tra chìa vào ổ khóa.

Khi bước vào một căn nhà có Khách, tốt nhất là bước vào thật nhanh. Đó là một trong những nguyên tắc đầu tiên bạn học được. Đừng bao giờ do dự, đừng bao giờ lừng chừng ở ngưỡng cửa. Tại sao ư? Bởi vì, trong ít giây ngắn ngủi đó, mọi chuyện chưa phải là quá trễ. Bạn đứng đó trước cánh cửa với làn gió lạnh thổi phía sau lưng và bóng tối phía trước mặt, và chỉ có kẻ ngốc mới không muốn quay đầu bỏ chạy. Và ngay khi bạn nhận ra mình *muốn thế*, lòng can đảm của bạn đã bắt đầu chảy tòng tọc xuống chân và con hoảng hốt bắt đầu dâng lên trong ngực, và *bùm*, thế là xong - bạn đã thoái chí trước cả khi bắt đầu. Cả Lockwood và tôi đều biết điều này, bởi vậy chúng tôi không lừng khừng. Chúng tôi bước thẳng qua cửa, đặt túi xách xuống, và nhẹ nhàng đóng cửa lại phía sau. Rồi chúng tôi đứng gần như bất động, lưng quay lại phía cửa, quan sát và lắng nghe các phía.

Hành lang ngôi nhà mà mới đây ông bà Hope còn ở dài và tương đối hẹp, cho dù trần nhà cao làm nó trông có vẻ khá rộng. Những phiến đá cẩm thạch màu đen và trắng được lát chéo trên sàn nhà, và những bức tường được dán giấy nhợt nhạt. Ở giữa chùng, một chiếc cầu thang dốc nổi lên trong bóng tối. Hành lang lệch quanh nó về phía trái và tiếp tục kéo vào một khoảng đen trống rỗng. Các cánh cửa được mở ra ở cả hai bên: những cái miệng há hốc, đang chết ngạt trong bóng tối.

Tất cả những cánh cửa đó đã có thể sáng rực nếu chúng tôi bật đèn lên, tất nhiên là thế. Và công tắc ở ngay kia trên tường. Nhưng chúng tôi không có ý định sử dụng nó. Bạn thấy đấy, nguyên tắc thứ hai mà bạn học được ở đây là: điện gây nhiễu. Nó làm các giác quan không còn sắc bén và khiến bạn yếu đuối, ngu ngốc. Quan sát và lắng nghe trong bóng tối sẽ tốt hơn nhiều. Thật tốt là còn có nỗi sợ đó.

Chúng tôi đứng trong yên lặng, làm việc chúng tôi cần làm. Tôi lắng nghe. Lockwood quan sát. Căn nhà lạnh lẽo. Không khí có cái mùi mốc thối, hơi chua chua mà ta thường thấy ở những nơi bị ruồng rẫy.

Tôi ngả người vào gần Lockwood. “Không có hệ thống sưởi,” tôi thì thầm.

“Ừm.”

“Còn có thứ gì đó nữa, cậu nghĩ thế không?”

“Ừm.”

Khi mắt đã quen dần với bóng tối, tôi nhìn thấy nhiều chi tiết hơn. Bên dưới vòng xoắn của lan can cầu thang là một chiếc bàn nhỏ bóng bẩy, trên đó có một tô sứ đựng những thứ lặt vặt. Tường treo nhiều tranh ảnh, hầu hết là những bức áp phích ca nhạc thời trước đã nhạt màu, ảnh núi đồi điệp trùng và biển khơi yên ả. Tất cả đều khá vô hại. Thực ra hành lang này không hề xấu; dưới ánh sáng mặt trời có lẽ trông nó khá dễ chịu nữa là đằng khác. Nhưng giờ đây nó chẳng còn đẹp dễ mấy, với tia sáng cuối cùng từ trên những ô cửa doãi dài như những chiếc quan tài xiên xiên trên nền nhà phía trước chúng tôi; và hai cái bóng của chúng tôi được đóng khung gọn ghẽ bên trong đó; cùng cái cách ông Hope chết ngay ở chính nơi này, hình ảnh cứ lớn vồn mãi trong tâm trí bọn tôi.

Tôi hít thở sâu để trấn tĩnh lại và dẹp bỏ những ý nghĩ yếu đuối này. Rồi tôi nhắm mắt lại trong bóng tối cay nghiệt và *lặng nghe*.

Lặng nghe...

Hành lang, chiếu nghỉ và cầu thang là lối đi chính và đường thông khí của bất cứ tòa nhà nào. Mọi thứ đều chảy về nơi đây. Ta nghe thấy tiếng vọng của những gì đang diễn ra truyền khắp những căn phòng được kết nối với nhau. Đôi khi ta cũng nghe thấy những tiếng động *khác*, mà nói một cách chính xác, đáng lẽ không nên xuất hiện ở nơi này. Tiếng vang của quá khứ, tiếng vang của những thứ giấu mặt...

Đây là lúc như thế.

Tôi mở mắt, nhấc túi xách của mình lên và bước chậm rãi dọc hành lang về phía cầu thang. Lockwood đã đứng cạnh chiếc bàn nhỏ bé bóng bẩy bên dưới thành cầu thang. Gương mặt cậu lơ mơ trong ánh sáng từ phía cánh cửa. “Có nghe thấy gì không?” cậu hỏi.

“Có.”

“Là gì vậy?”

“Một tiếng gõ nhẹ nhẹ. Xuất hiện rồi biến mất. Rất mơ hồ, tôi không thể xác định nó phát ra từ đâu. Nhưng nó sẽ mạnh lên - vẫn còn chưa tối hẳn mà. Còn cậu thì sao?”

Cậu ấy trở vào chân cầu thang. “Chắc hẳn cậu nhớ điều xảy ra với ông Hope chứ?”

“Ngã cầu thang và gãy cổ.”

“Chính xác. Có một đốm-sáng-chết cực lớn còn sót lại ngay đây, vẫn còn lưu lại ba tháng sau khi ông ấy chết. Đáng lẽ tôi nên mang kính râm, nó chói quá. Vậy là những điều bà Hope nói với George qua điện thoại ngày càng hiện hữu. Chồng bà ấy đã ngã cầu thang và đập mạnh xuống đất.” Cậu liếc nhìn lên cầu thang tối lơ mơ. “Cầu thang dốc và dài... Khó đi đấy.”

Tôi khom người xuống, nhắm mắt nhìn sàn nhà nửa sáng nửa tối. “Đúng thế đấy, nhìn vết nứt trên những viên gạch nền này. Hẳn là ông ấy đã ngã rất...”

Hai tiếng va đập chói tai vang lên trên cầu thang. Không khí ủa mạnh vào mặt tôi. Trước khi tôi kịp phản ứng, một thứ gì đó to, mềm và cực nặng rơi xuống đúng chỗ tôi đang đứng. Tác động của nó làm quai hàm tôi cứng đờ.

Tôi nhảy bật ra đằng sau, rút thanh kiếm khỏi thắt lưng. Đứng dựa vào tường, tôi giơ vũ khí lên và run rẩy, tim như bị bóp nghẹt trong lồng ngực, mắt đảo hoảng loạn từ bên này sang bên kia.

Chẳng có gì sắt. Cầu thang trống không. Chẳng có thi thể tan nát nào nằm bất động trên sàn cả.

Lockwood thành thoi dựa người vào thành cầu thang. Quá tối để có thể chắc chắn, nhưng tôi chắc rằng cậu đã nhướng mày lên. Cậu không nghe thấy gì.

“Cậu ổn chứ, Lucy?”

Tôi thở hắt ra. “Không. Tôi mới cảm nhận tiếng vọng cú ngã của ông Hope. Nó rất mạnh và rất thật. Cứ như là ông ấy ngã đè lên người tôi vậy. Đừng cười. Chuyện này có gì đáng cười đâu.”

“Xin lỗi. Tôi nay có *cái gì đó* khuấy động từ sớm. Càng về sau càng hay ho đây. Máy giờ rồi vậy?”

Đeo một chiếc đồng hồ có mặt dạ quang là khuyến nghị thứ ba của tôi. Tốt nhất là nó có thể chịu được sự giảm nhiệt đột ngột và những cú sốc ngoại chất cường độ mạnh. “Còn chưa đến năm giờ,” tôi nói.

“Tốt lắm.” Rằng Lockwood không được sáng như đồng hồ của tôi, nhưng khi cậu nhe răng cười thì cũng gần được như thế. “Còn thừa thời gian để uống một cốc trà. Rồi sau đó chúng ta sẽ đi tìm một con ma.”

## CHƯƠNG 2

Khi bạn đi săn những linh hồn tội lỗi, điều đơn giản lại là điều quan trọng nhất. Mũi kiếm bạc của bạn lóe sáng trong bóng tối; những vảy sắt rải trên sàn nhà; những chiếc ống nhỏ đóng kín chứa thứ pháo Lửa Hy Lạp tốt nhất, dự phòng cuối cùng cho trường hợp xấu... Nhưng những túi trà, rất nhiều túi trà màu nâu và còn mới, được Pitkin Brothers ở phố Bond (loại yêu thích của tôi) sản xuất, có lẽ là thứ đơn giản nhất và tốt nhất.

Được thôi, có thể chúng chẳng thể cứu sống bạn như mũi kiếm hay một vòng tròn mặt sắt, và chúng cũng chẳng có sức mạnh bảo vệ của một bức tường lửa hiện ra chóng vánh. Nhưng chúng *quả thật* cung cấp một thứ cũng chẳng kém phần quan trọng. Chúng giúp bạn trấn tĩnh.

Ngồi chờ đợi trong bóng tối giữa một căn nhà bị ma ám chẳng bao giờ dễ chịu cả. Bóng đêm đang khép lại xung quanh bạn và sự tĩnh mịch dội vào tai bạn, và chẳng bao lâu sau, nếu như không cẩn thận, bạn bắt đầu nhìn thấy hay nghe thấy sản phẩm từ trí tưởng tượng của chính mình. Nói ngắn gọn, bạn cần thứ gì để khuây khỏa. Mỗi người chúng tôi ở công ty thám tử Lockwood đều có những sở thích riêng. Tôi vẽ vờ một chút, George thích truyện tranh, còn Lockwood đọc các tạp chí lá cải. Nhưng *tất cả* chúng tôi đều khoái trà và bánh quy, và đêm đó ở nhà ông bà Hope cũng không phải ngoại lệ.

Chúng tôi tìm thấy nhà bếp ở phía cuối hành lang, ngay phía bên kia cầu thang. Nó là một căn phòng tương đối đẹp, gọn gàng, sơn trắng và hiện đại, rõ ràng ấm áp hơn nhiều so với hành lang, ở đó không có bất cứ dấu vết siêu nhiên nào. Tất cả đều yên lặng. Không còn nghe thấy tiếng gõ mà tôi

đã từng nghe thấy, cũng không có tiếng va đập quái ác lặp đi lặp lại trên chiếc cầu thang kia.

Tôi đun nước, trong khi Lockwood châm một ngọn đèn dầu đặt lên bàn. Trong ánh sáng đèn dầu chúng tôi tháo kiếm và đai lưng chứa đồ đặt trước mặt. Đai lưng của chúng tôi có bảy chiếc kẹp và túi gài, chúng tôi lục từng chiếc trong yên lặng, tuần tự kiểm tra những đồ đựng bên trong trong khi ấm nước sôi lục đục rồi rít lên trên bếp. Dù đã kiểm tra tất cả mọi thứ ở văn phòng rồi, chúng tôi vẫn sẵn lòng làm điều đó một lần nữa. Tuần trước, một cô gái bên Rotwell đã chết vì quên không bổ sung pháo magiê.

Bên ngoài cửa sổ, mặt trời đã lặn. Những đám mây nhạt nhòa vây kín bầu trời xanh sẫm, và sương mù nổi lên nhấn chìm khu vườn. Phía bên ngoài hàng giậu đen sì, những ngôi nhà khác đã lên đèn. Chúng thật gần, nhưng cũng thật xa, tách rời khỏi chúng tôi như những con tàu đang vượt qua vùng nước sâu.

Chúng tôi đeo lại đai lưng và kiểm tra băng gai dính xung quanh hai thanh kiếm. Tôi rót trà mang ra bàn. Lockwood đã tìm thấy bánh quy. Chúng tôi ngồi cùng nhau bên ngọn đèn dầu lập lòe, những cái bóng nhảy nhót ở mấy góc phòng.

Cuối cùng Lockwood kéo cổ áo choàng lên cao. “Hãy xem bà Hope nói điều gì nào,” cậu nói. Cậu với bàn tay dài gầy guộc ra lấy chiếc kẹp hồ sơ trên bàn. Ánh sáng ngọn đèn lập lòe yếu ớt trên tóc cậu.

Trong khi cậu đọc, tôi xem nhiệt kế kẹp ở đai lưng. Mười lăm độ. Không ấm, nhưng cơ bản đó là điều ta có thể đoán trước ở một ngôi nhà không được sưởi ấm vào thời điểm này trong năm. Tôi lấy sổ từ một túi khác và ghi chú lại về căn phòng và nhiệt độ. Tôi cũng ghi lại chi tiết hiện tượng âm thanh tôi đã trải qua trong hành lang.

Lockwood lắng tập hồ sơ sang một bên. “Hừm, hữu dụng đấy.”

“VẬY HẢ?”

“Không. Tôi châm biếm đấy. Hay là cột nhà nhỉ? Chả nhớ nói thế nào mới đúng.”

“Châm biếm thì thông minh hơn, bởi thế có lẽ cậu đang cột nhà. Bà ấy nói gì?”

“Chẳng có gì hữu ích cả. Bà ấy viết bằng chữ La tinh cho chúng mình đọc thì cũng thế. Tóm tắt thế này nhé. Nhà Hope đã sống ở đây được hai năm. Trước đó họ sống đâu đó ở Kent; bà ấy nói rất nhiều những thứ chẳng liên quan về việc họ đã sống hạnh phúc thế nào ở đó. Chẳng mấy khi có giới nghiêm, đèn ma hầu như chẳng bao giờ bật, và rằng có thể tản bộ muộn mà cũng chỉ gặp những người hàng xóm còn sống. Những chuyện kiểu như thế. Tôi chẳng tin lời nào cả; theo như George nói thì Kent là một trong những nơi hỗn loạn nhất bên ngoài London.”

Tôi nhấp một ngụm trà. “Tôi nghĩ đó là nơi *khởi phát* của Vấn đề.”

“Nhiều người cũng nói thế mà. Dù gì thì sau đó họ đã dọn tới đây. Tất cả đều ổn, không có vấn đề gì trong căn nhà. Không có hiện hồn hiện hiếc gì cả. Người chồng thay đổi công việc, bắt đầu làm việc ở nhà. Đó là sáu tháng trước, vẫn không có gì kỳ quặc diễn ra cả. Rồi ông ấy ngã cầu thang và chết.”

“Gượm đã nào,” tôi nói. “Ông ấy ngã như thế nào?”

“Có vẻ là bị vấp chân.”

“Ý tôi là lúc đó ông ấy ở một mình à?”

“Theo lời bà Hope thì là như vậy. Lúc đó bà ấy đang ngủ. Chuyện xảy ra trong đêm. Bà ấy nói chồng mình có vẻ rối trí một chút từ vài tuần trước khi ông ấy chết. Ông ấy ngủ không được ngon giấc. Bà ấy nghĩ ông ấy dậy để đi uống nước.”

Tôi lẩm bẩm lửng lơ. “Phải rồiiii...”

Lockwood liếc nhìn tôi một cái. “Cậu nghĩ bà vợ đã đẩy ông ấy à?”

“Không nhất thiết như thế. Nhưng điều đó có thể tạo động cơ cho việc ma ám, phải không nào? Các ông chồng thường không ám các bà vợ, trừ phi có nguyên do gì đó. Thật tiếc là bà ấy không muốn nói chuyện với bọn mình. Tôi muốn điều tra bà ấy.”

“Hừm, nhìn không thôi thì không phải lúc nào cũng chính xác đâu,” Lockwood nói. Cậu nhún đôi vai hẹp. “Tôi đã từng nói với cậu về lần tôi gặp tay Harry Crisp tai tiếng đó chưa nhỉ? Hắn ta có khuôn mặt ưa nhìn, giọng nói nhẹ nhàng và đôi mắt lấp lánh. Rất thân thiện và rất đáng tin cậy; tôi còn cho hắn ta mượn một đồng mười bảng. Thế mà cuối cùng hóa ra hắn ta là một tên giết người đáng sợ nhất, kẻ chẳng thích việc gì hơn là...”

Tôi giơ một tay lên. “Cậu đã kể với tôi chuyện đó rồi. Khoảng một triệu lần.”

“Ồ, thế à. Vấn đề là ông Hope có thể đã trở lại vì những nguyên do khác chẳng liên quan gì đến việc trả thù. Tỉ như có việc gì đó chưa làm xong: một ý nguyện ông ấy chưa kịp nói với vợ mình, hoặc một rương tiền giấu dưới gầm giường...”

“Đúng, có thể thế lắm. Vậy là sự nhiễu loạn đó bắt đầu ngay sau cái chết của ông ấy?”

“Khoảng một hay hai tuần sau đó. Bà vợ hầu như không ở nhà trong những tuần ấy. Khi quay trở về, bà ấy bắt đầu nhận ra một sự có mặt không được chào đón.” Lockwood vỗ vào tập hồ sơ. “Nhưng bà ấy không miêu tả nó lại ở trong này. Bà ấy bảo đã nói toàn bộ cho 'thư ký' của chúng ta trên điện thoại rồi.”

Tôi nhăn nhó. “Thư ký ư? George sẽ không thích thế đâu. Tôi có những ghi chép của cậu ấy ở đây, nếu cậu muốn nghe thì tôi đọc.”

“Thế thì đọc đi.” Lockwood ngồi ngả ra đằng sau chờ đợi. “Bà ấy đã nhìn thấy gì?”

Những tờ giấy ghi chép của George đang ở túi trong áo khoác của tôi. Tôi lấy và mở chúng ra, vuốt phẳng những tờ giấy trên đầu gối. Tôi lướt qua chúng thật nhanh, hăng giọng. “Cậu sẵn sàng chưa?”

“Rồi.”

“Một ‘hình dáng chuyển động’.” Tôi trịnh trọng gấp những tờ giấy lại và cất đi.

Lockwood chớp chớp mắt giận dữ. “Một ‘hình dáng chuyển động’? Chỉ có thể thôi sao? Không có gì cụ thể hơn à? Nào - nó to, nhỏ, tối hay sáng, hay sao nữa chứ?”

“Nguyên văn thế này,” tôi đọc, “ ‘một hình dáng chuyển động xuất hiện ở phòng ngủ phía sau và theo tôi ra tới hành lang’. Nguyên văn từng từ đấy, đó là điều bà ấy đã nói với George.”

Lockwood nhúng một chiếc bánh quy tội nghiệp vào cốc trà của mình. “Không phải là bản miêu tả tốt nhất mọi thời đại. Ý tôi là, cậu không thể phác họa ra được gì từ thông tin đó, phải không nào?”

“Không, nhưng bà ấy là người lớn mà: cậu còn trông chờ gì nữa? Có gì mà tốt được chứ. *Cảm giác* của bà ấy thì rõ ràng hơn. Bà ấy nói bà ấy cảm thấy như thể có thứ gì đó đang kiếm tìm bà ấy, rằng nó biết bà ấy đang ở đó, nhưng không thể tìm thấy bà ấy. Và chỉ nghĩ tới việc nó đang tìm kiếm mình đã là quá sức chịu đựng đối với bà ấy.”

“Chà,” Lockwood nói, “như thế tốt hơn *một chút* rồi đấy. Bà ấy đã cảm nhận thấy một *mục đích*. Điều đó có thể gợi ý cho chúng ta về một hồn ma Loại Hai. Nhưng cho dù ông Hope quá cố đang định làm điều gì, ông ấy không phải người duy nhất làm việc trong ngôi nhà này tối nay. Còn có cả

*chúng ta* nữa. Thế... cậu nghĩ sao? Chúng ta có nên xem xét xung quanh một vòng không?”

Tôi uống hết cốc của mình rồi cẩn thận đặt nó xuống bàn. “Tôi nghĩ đó là ý rất hay đấy.”

Trong khoảng gần một giờ đồng hồ chúng tôi làm một vòng quanh tầng dưới, chỉ bật đèn pin lên trong chốc lát để xem xét các vật dụng trong mỗi phòng, còn lại thì di chuyển trong bóng tối lờ mờ. Chúng tôi để đèn dầu sáng trong bếp, cùng với nến, diêm và một chiếc đèn pin dự phòng nữa trên bàn. Một quy tắc hữu ích nữa là giữ một nơi được chiếu sáng đầy đủ để rút lui về khi cần kíp, và nên có những dạng ánh sáng khác nhau, phòng khi Khách có khả năng dập tắt chúng.

Không có gì ở khu rửa bát đĩa và phòng ăn phía sau nhà. Chúng có cái vẻ buồn bã, mốc meo, ảm đạm nơi cuộc sống đã ngừng lại. Những chồng báo quần queo nằm gọn ghẽ trên bàn ăn; trong buồng rửa bát, một khay hành tây khô quắt nẫu chồi nằm lặng lẽ trong bóng tối. Nhưng Lockwood không nhìn thấy dấu hiệu hình ảnh nào, còn tôi không nghe thấy âm thanh gì. Tiếng gõ nhẹ nhẹ mà tôi đã dò được khi chúng tôi bước vào lúc đầu dường như đã biến mất.

Khi chúng tôi đi ngược trở lại hành lang, Lockwood khẽ rung mình còn tôi nổi gai ốc khắp hai cánh tay. Không khí giờ lạnh hơn trông thấy. Tôi xem lại nhiệt kế: lần này là chín độ.

Ở phía trước của ngôi nhà là hai căn phòng vuông vắn nằm hai bên hành lang. Một phòng có một ti vi, một ghế xô pha, hai ghế bành tiện nghi; ở đây nhiệt độ ấm hơn, cùng mức với nhiệt độ trong bếp. Chúng tôi vẫn quan sát và lắng nghe nhưng chẳng phát hiện ra điều gì. Ở phía đối diện, một phòng khách trang trọng với những chiếc ghế và tủ đồ bình thường, được đặt phía

trước những ô cửa sổ có lưới chắn cùng ba cây dương xỉ cỡ lớn trồng trong những vại đất nung.

Không khí có vẻ hơi lạnh lẽo. Nhiệt độ hiển thị trên mặt đồng hồ dạ quang là mười hai độ. Lạnh hơn ở trong bếp. Có thể chẳng có ý nghĩa gì; cũng có thể là rất nhiều. Tôi nhắm mắt lại, trấn tĩnh và chuẩn bị lắng nghe.

“Lucy, nhìn này!” giọng Lockwood rít lên. “Ông Hope kìa!”

Tim tôi đập loạn xạ. Tôi xoay người lại, thanh kiếm rút ra một nửa... chỉ để thấy Lockwood đang cúi xuống và bình thản nhìn một tấm ảnh trên chiếc bàn nhỏ cạnh tường. Cậu đang chiếu đèn pin vào nó: hình ảnh hiện lên giữa một quầng nhỏ ánh sáng vàng. “Cả bà Hope cũng ở đây nữa,” cậu nói thêm.

“Đồ ngốc!” tôi rít lên. “Tôi suýt nữa đã xiên cậu một nhát đấy.”

Cậu ta bật cười. “Ồ, đừng cau có thế chứ. Nhìn này. Cậu nghĩ thế nào?”

Trong ảnh là một cặp đôi tóc muối tiêu đứng trong vườn. Người phụ nữ, bà Hope, là phiên bản lớn tuổi, hạnh phúc hơn của người con gái chúng tôi đã gặp ở bên ngoài: khuôn mặt tròn, quần áo gọn gàng, một nụ cười rạng rỡ. Đầu bà ta cao ngang ngực người đàn ông đứng kế bên. Ông ta cao và hói, đôi vai xuôi, lưng khom, đôi cánh tay to lớn, có thể nói là cồng kềnh. Ông ta cũng cười rạng rỡ. Họ nắm tay nhau.

“Trông họ có vẻ vui vẻ đấy chứ?” Lockwood nói.

Tôi gật đầu vẻ ngờ vực. “Dù sao thì chắc chắn phải có một *nguyên do* cho Loại Hai. George nói Loại Hai luôn luôn có nghĩa rằng ai đó đã gây ra điều gì với một người nào đó.”

“Đúng thế, nhưng George có một trí óc nhỏ nhen và cay độc đáng sợ. Điều này nhắc tôi một việc: chúng ta nên tìm điện thoại và gọi cho cậu ấy. Tôi đã để lại giấy nhắn trên bàn, nhưng cho dù như thế đi nữa thì có lẽ cậu ấy vẫn cứ lo lắng về chúng mình. Hãy hoàn thành chuyến khảo sát trước đã.”

Cậu không tìm thấy bất cứ đốm-sáng-chết nào trong căn phòng khách bé nhỏ đó, còn tôi chẳng thể nghe thấy bất cứ thứ gì, và như thế tầng một đã xong. Nó khẳng định điều chúng tôi đã dự đoán từ trước. Thứ chúng tôi tìm kiếm sẽ ở trên tầng.

Quả là như vậy, khoảnh khắc tôi đặt chân lên bậc thang đầu tiên, tiếng gõ bắt đầu trở lại. Lúc đầu nó không to hơn âm thanh đã phát ra lúc trước, một tiếng *lộp cộp* rất nhỏ, như thể tiếng móng tay gõ vào lớp thạch cao trên tường, hoặc tiếng đóng đinh vào thân gỗ. Nhưng với mỗi bậc thang tôi leo, tiếng vọng lại tăng lên một chút, trở nên rõ ràng hơn nơi tai trong của tôi. Tôi nói điều này với Lockwood, cậu đang leo lên như một cái bóng không hình dạng sau lưng tôi.

“Cũng lạnh dần thêm nữa đấy,” cậu nói.

Cậu nói đúng. Với mỗi bậc thang nhiệt độ càng giảm thêm, từ chín độ, tới bảy độ, giờ tới sáu độ ở đây, quãng giữa cầu thang. Tôi ngừng lại, những ngón tay dò dẫm kéo khóa áo khoác, trong khi mắt vẫn trừng trừng ngược lên nhìn vào bóng tối. Cầu thang hẹp và chẳng có chút ánh sáng nào trên đầu tôi cả. Khu vực phía trên của ngôi nhà là nơi bóng tối vón cục lại. Tôi khao khát bật đèn pin lên, nhưng tôi đã cưỡng lại được thôi thúc đó, nó sẽ chỉ làm cho tầm nhìn của tôi kém hơn mà thôi. Một tay đặt trên chuôi kiếm, tôi tiếp tục chầm chậm bước lên cầu thang, tiếng gõ càng lúc càng trở nên rõ rệt hơn bao giờ hết và cái lạnh châm chích vào da tôi.

Tôi bước lên tiếp. Tiếng gõ càng lúc càng lớn hơn. Giờ đây nó đã là tiếng cào, tiếng đập điên cuồng. Những con số trên mặt đồng hồ thì cứ giảm xuống, giảm xuống mãi. Từ sáu độ xuống năm, và cuối cùng xuống bốn.

Bóng tối ở hành lang tầng trên là một không gian vô định hình, ở phía bên trái tôi, những đoạn lan can màu trắng cao ngang đầu trông như một

dãy những chiếc răng khổng lồ.

Tôi lên đến bậc thang cuối cùng, bước ra hành lang...

Và tiếng gõ đột ngột ngừng lại.

Tôi xem lại mặt dạ quang đồng hồ lần nữa: bốn độ. Thấp hơn mười một độ so với trong bếp. Tôi có thể cảm thấy hơi thở của mình đang bung thành khói trong không khí.

Chúng tôi đang đến rất gần.

Lockwood lướt lên trước tôi, bật đèn pin trong thoáng chốc để do thám. Những bức tường được dán giấy, những cánh cửa khép chặt, yên lặng tuyệt đối. Một bức tranh thêu trong khung tranh nặng nề: màu sắc đã phai nhạt, những con chữ trẻ con, *Ngôi nhà yêu dấu*. Nó đã được hoàn thành nhiều năm trước đây, khi ngôi nhà *vẫn còn* yêu dấu và an toàn, và không ai treo bùa sắt phía trên giường ngủ những đứa con của họ. Trước khi Vãn đề xuất hiện.

Hành lang có hình chữ L, bao gồm một khoảnh hình vuông nơi chúng tôi đứng, và một đoạn cán dài chạy thẳng sau chúng tôi, song song với cầu thang. Bên dưới là sàn gỗ bóng loáng. Có năm cánh cửa: một phía bên phải chúng tôi, một thẳng phía trước và ba nằm cách quãng dọc theo đoạn cán. Tất cả chúng đều đóng chặt. Lockwood và tôi đứng lặng phắt, chỉ tập trung sử dụng thị giác và thính giác.

“Chẳng có gì cả,” cuối cùng tôi nói. “Ngay khi tôi lên tới đỉnh cầu thang, tiếng gõ đã dừng lại.”

Mất một lúc Lockwood mới lên tiếng. “Không thấy đốm- sáng-chết nào,” cậu nói. Từ sự nặng nề trong giọng nói của cậu tôi biết cậu cũng cảm thấy *phiền muộn* - cảm giác trì trệ quái lạ đó, cái sức nặng đè lên những cơ bắp, xuất hiện mỗi khi Khách ở gần. Cậu khẽ thở dài. “Hừm, mời quý cô trước, Lucy. Chọn một cánh cửa đi.”

“Không đâu. Tôi đã chọn cửa trong vụ trại trẻ mồ côi và cậu đã biết điều gì xảy ra sau đó rồi còn gì.”

“Nhưng cuối cùng hóa ra lại ổn thỏa cả, phải không nào?”

“Chỉ bởi vì tôi đã kịp cúi xuống. Thôi được, hãy chọn cửa này đi, nhưng *cậu* sẽ vào trước.” Tôi chọn cửa gần nhất, cánh cửa về phía bên phải. Hóa ra nó dẫn tới một phòng tắm mới được sửa lại. Những viên gạch lát hiện đại sáng lóe lên khi ánh đèn pin lia qua. Có một bồn tắm lớn màu trắng, một bồn rửa mặt và một bồn vệ sinh, và cả mùi hương thoang thoảng đầu đó của xà phòng hoa nhài. Chẳng ai trong chúng tôi tìm được điều gì đáng chú ý ở đây, dù nhiệt độ vẫn bằng mức ở hành lang.

Lockwood thử cánh cửa tiếp theo. Nó mở vào một phòng ngủ rộng phía sau nhà đã được chuyển đổi thành phòng làm việc có lẽ bừa bãi nhất London. Ánh đèn pin soi sáng chiếc bàn gỗ nặng nề đặt dưới một cửa sổ che rèm. Chiếc bàn hầu như bị che khuất dưới những chồng giấy, và những chồng ngất ngưỡng hơn nữa được đặt bừa bãi khắp cả căn phòng. Một dãy những giá sách tối màu, sách bày hỗn loạn, chạy dọc ba phần tư bức tường phía đằng xa. Có những tủ đồ cùng một chiếc ghế da cũ bên cạnh bàn, và căn phòng thoảng một mùi hương nam tính rất nhẹ. Tôi ngửi thấy mùi nước hoa sau cạo râu, mùi rượu whisky, thậm chí cả mùi thuốc lá.

Không khí lúc này lạnh cóng. Mặt đồng hồ đo ở thắt lưng tôi chỉ hai độ.

Tôi bước cẩn trọng vòng qua những chồng giấy và kéo rèm hé ra một phần, đủ xáo động để làm bụi rơi xuống khiến tôi phát ho. Ánh sáng trắng yếu ớt từ những căn nhà phía bên kia khu vườn trôi nổi vào căn phòng.

Lockwood đang nhìn tấm thảm cổ đã sờn trên nền sàn gỗ, lấy mũi giày di qua di lại trên đó. “Có vết lõm cũ,” cậu nói. “Đã từng có một chiếc giường ở đây trước khi ông Hope chuyển đến...” Cậu nhún vai, xem xét

xung quanh căn phòng. “Có lẽ ông ấy quay trở lại để sắp xếp giấy tờ của mình.”

“Chính là đây,” tôi nói. “Đây chính là nơi có Nguồn. Hãy xem nhiệt độ này. Và cậu không cảm thấy nặng nề, gần như tê cứng sao?”

Lockwood gật đầu. “Thêm vào đó đây là nơi bà Hope nhìn thấy 'hình dáng chuyển động' trừ danh ấy.”

Một cánh cửa đóng sầm lại, rất to, đầu đó phía dưới chúng tôi trong căn nhà. Cả hai đứa nhảy dựng lên. “Tôi nghĩ cậu nói đúng,” Lockwood nói. “*Chính* là chỗ này. Chúng mình nên tạo một vòng tròn ở đây.”

“Bằng mặt sắt giữa hay bằng xích?”

“Ồ, mặt giữa thôi. Mặt giữa là được rồi.”

“Cậu chắc chứ? Giờ còn chưa tới chín giờ, thế mà năng lượng của nó đã mạnh rồi.”

“Không mạnh *đến thế đâu*. Thêm vào đó, cho dù ông Hope muốn gì đi nữa, tôi không tin là ông ấy sẽ đột ngột trở nên xấu xa hung bạo. Mặt giữa là quá đủ rồi.” Cậu lưỡng lự. “Thêm nữa...”

Tôi nhìn cậu. “Thêm nữa cái gì cơ?”

“Tôi quên không mang theo xích. Đừng có nhìn tôi như thế. Mắt cậu trông buồn cười lắm đấy.”

“*Cậu quên mang theo xích ư?* Lockwood...”

“George lấy nó ra để bôi dầu và tôi không kiểm tra xem cậu ấy đã bỏ lại chưa. Bởi thế thực ra đó là lỗi của George. Nghe này, chuyện đó không vấn đề gì đâu. Chúng mình không cần đến xích cho một vụ như thế này, phải không nào? Hãy rải mặt sắt đi trong khi tôi xem những căn phòng khác. Rồi chúng ta sẽ tập trung vào nơi này.”

Tôi còn rất nhiều điều nữa để nói, nhưng giờ không phải lúc. Tôi hít một hơi thật sâu. “Hừm, đừng vướng vào rắc rối nhé,” tôi nói. “Lần trước khi cậu đi lang thang trong một vụ khác, cậu đã tự nhốt mình trong nhà vệ sinh đấy.”

“Một hồn ma đã khóa tôi ở trong đấy, tôi đã nói với cậu mãi mà.”

“Đó là cậu nói thế, nhưng chẳng hề có tí bằng chứng nào...” Nhưng cậu đã đi rồi.

Công việc đó chẳng mất nhiều thời gian của tôi. Tôi kéo vài chồng giấy đã ngả vàng phủ bụi về phía tường và tạo một khoảng trống giữa phòng. Rồi tôi kéo tấm thảm sang một bên, và rải mạt giữa thành một vòng tròn có bán kính khá nhỏ để khỏi tốn. Đây là chỗ nướng náu chính của chúng tôi, nơi chúng tôi có thể rút lui vào khi cần kíp, nhưng chúng tôi có thể còn cần tới những vòng tròn khác nữa, phụ thuộc vào việc chúng tôi tìm thấy gì.

Tôi ra hành lang. “Tôi xuống dưới lấy thêm mạt sắt đây.”

Tiếng Lockwood vọng ra từ một phòng ngủ gần bên. “Ừ. Cậu đặt luôn ấm nước nhé?”

“Ừ.” Tôi bước tới cầu thang, liếc nhìn vào cửa phòng tắm đang mở. Khi tôi đặt hai tay lên lan can cầu thang, gỗ ở đó lạnh cóng. Tôi ngập ngừng trên đầu cầu thang, lắng nghe thật kỹ, rồi bước xuống về phía hành lang tầng dưới sáng lờ mờ. Xuống được vài bậc tôi nghĩ mình đã nghe thấy một âm thanh ào tới phía sau, nhưng khi quay lại tôi chẳng nhìn thấy gì. Tay đặt trên chuôi kiếm, tôi tiếp tục bước xuống dưới rồi đi dọc theo hành lang tới nơi ánh sáng ấm áp trong căn bếp chiếu qua vết nứt trên cánh cửa. Ánh đèn mờ ảo là vậy mà vẫn làm tôi phải nheo mắt khi bước vào. Tôi chén một chiếc bánh quy mặt cười, tráng đám cốc và lại đặt ấm lên đun. Rồi tôi xách hai chiếc túi vải len thô lên và xoay xở dùng chân đẩy cánh cửa hành lang mở ra. Tôi di chuyển ngược trở lại, do căn bếp sáng đèn, hành lang dường

như trở nên tối hơn cả lúc trước. Chẳng có âm thanh nào trong nhà. Tôi không thể nghe thấy bất cứ thứ gì từ Lockwood; chắc cậu vẫn đang tiếp tục xem xét những căn phòng ngủ cuối cùng. Tôi chậm chậm leo cầu thang, từ chỗ mát, tới lạnh, rồi lạnh hơn, chập vạt giữ những chiếc túi nặng nề ở hai bên người.

Tôi lên tới hành lang và đặt những chiếc túi xuống cùng với một tiếng thở dài khe khẽ. Khi ngẩng đầu lên để gọi Lockwood, tôi thấy một cô gái đang đứng đó.

## CHƯƠNG 3

Tôi sưng người; trong một thoáng tim tôi đập loạn xạ và tôi chẳng thể nào nhúc nhích được lấy một thớ thịt. Tất nhiên, một phần đơn giản là do bị sốc, nhưng còn có nhiều lý do hơn thế. Một sức ép nặng trĩu lạnh lẽo như tấm bia đá chặn lên ngực tôi; tứ chi tôi như bị vùi trong bùn. Một trạng thái mê mết băng giá len vào sâu thẳm trong não. Trí óc tôi tê liệt, cơ thể trở nên uế oải; tôi cảm giác như mình sẽ chẳng bao giờ có sức mạnh để di chuyển được nữa. Một tâm trạng, có thể là sự tuyệt vọng, đã choán lấy tôi, tôi cũng chẳng còn năng lượng để thực sự quan tâm tới nó nữa. Giờ chẳng có gì quan trọng nữa, cái thân tôi thì càng không. Tôi chỉ có thể mong mỏi, và cũng chỉ xứng đáng nhận được sự tĩnh lặng và tê liệt hoàn toàn này.

Nói theo cách khác, tôi đang trải qua *ma-khóa*, đó là hiệu ứng của Loại Hai khi chúng quyết định để năng lượng của chúng ảnh hưởng lên bạn.

Một người bình thường có thể sẽ đứng đó tuyệt vọng và để mặc cho Khách chi phối ý chí lên họ. Nhưng tôi là một thám tử. Tôi đã từng đối mặt với điều này trước kia rồi. Bởi thế tôi cố sức lấy lại hơi thở khó nhọc từ không khí đã bị đông cứng, rũ sạch làn sương mù khỏi trí óc. Tôi ép mình phải sống. Và tôi chậm chậm đưa hai tay về phía những vũ khí ở thắt lưng.

Cô gái đứng ở giữa chường căn phòng ngủ nay là phòng làm việc, ngay đằng trước tôi. Tôi có thể thấy cô ta ở chính giữa khung cửa mở. Cô ta khá xanh xao, nhưng tôi nhìn rõ cô ta đứng chân trần trên tấm thảm đã được cuộn lại - hay, nói chính xác hơn, *giữa* nó, vì mắt cá chân cô ta chìm trong thớ vải của tấm thảm như thể cô ta đang lội trong nước biển. Cô ta mặc một chiếc váy in họa tiết mùa hè rất đẹp, dài đến mắt cá chân, với những bông

hoa hướng dương lớn màu cam sặc sỡ. Đó không phải một mẫu thiết kế mới. Chiếc váy, chân tay cùng mái tóc dài sáng màu của cô ta được một thứ ánh-sáng-khác mờ mờ, nhợt nhạt soi rọi, như thể bởi thứ gì đó từ rất xa. Và gương mặt cô ta...

Gương mặt cô ta là một khối đặc bóng tối. Không chút ánh sáng nào tới được đó cả.

Khó nói chính xác, nhưng tôi đoán cô ta khoảng chừng mười tám. Lớn tuổi hơn tôi, nhưng không quá nhiều. Tôi đứng đó một lúc, băn khoăn về điều này, mắt dán chặt vào cô gái không có mặt và hai tay lần về thắt lưng.

Rồi tôi nhớ ra mình không cô độc trong ngôi nhà này.

“Lockwood,” tôi gọi. “Ôi, Lockwood...” tôi nói, cố tỏ vẻ nhẹ nhõm nhất có thể. Khi có mặt của Khách thì tốt nhất nên tránh bộc lộ các dấu hiệu của sự sợ hãi - sợ hãi, tức giận và các cảm xúc mãnh liệt khác. Bọn họ sẽ tiêu hóa những thứ đó rất dễ dàng; chúng làm cho họ nhanh hơn và hung hăng hơn. Không có tiếng trả lời, bởi vậy tôi hăng giọng và thử lại lần nữa. “Ôi, Lockwood...!” Tôi dùng ngữ điệu của một bài hát vui vẻ, như thể đang nói với một em bé hay một con thú cưng đáng yêu. Tôi cũng đành phải thử làm thế, bởi cậu đâu có thèm trả lời.

Tôi quay đầu và gọi to hơn một chút. “Ôi, Lockwood, đến đây *đi mà...*”

Giọng cậu nghèn nghẹn vọng lại từ phía hành lang. “Đợi chút, Luce. Tôi vừa tìm thấy một thứ...”

“Trời ơi! Tôi cũng thế...”

Khi tôi quay lại nhìn, cô gái đã tới sát hơn, gần ra đến hành lang. Gương mặt vẫn tối đen, nhưng những mảng ánh-sáng-khác trôi nổi, xoay quanh thân thể cô ta đã sáng rõ hơn lúc trước nhiều. Hai cổ tay xương xẩu của cô ta ép sát vào bên người, ngón tay uốn cong như những lưỡi câu. Đôi chân trần của cô ta rất đỏ gầy guộc.

“Cô muốn gì?” tôi hỏi.

Tôi lắng nghe. Những từ ngữ nhẹ tựa lông hồng chạm tới tai tôi. “*Tôi lạnh.*”

Những đoạn đứt quãng. Bạn chẳng mấy khi thu được nhiều hơn những đoạn đứt quãng. Giọng nói nhỏ bé đó là một tiếng thì thầm phát ra từ rất xa, nhưng cũng gần đến khó chịu. Nó dường như gần với tôi hơn nhiều so với tiếng trả lời của Lockwood trước đó.

“Ôi, Lockwood!” tôi gọi lần nữa. “*Khẩn cấp đấy...*”

Bạn có tin được không? Tôi cảm nhận thấy một thoáng khó chịu trong câu trả lời của cậu. “Đợi một chút đã nào, Lucy. Có một thứ rất thú vị ở đây. Tôi vừa thấy một đốm-sáng-chết - một đốm thực sự, *thực sự* yếu ớt. Có thứ gì đó kinh khủng đã xảy ra trong cả phòng ngủ phía trước nữa! Nó mơ hồ tới nỗi tôi gần như đã bỏ qua nó, bởi thế hẳn nó đã xảy ra cách đây lâu rồi. Nhưng, cậu biết không, tôi nghĩ nó rất khủng khiếp... Có nghĩa là - chỉ là một giả thuyết thôi, tôi chỉ đang đưa ra các ý tưởng - có thể đã có *hai* vụ tử vong kinh hoàng trong căn nhà này... Cậu nghĩ thế nào?”

Tôi khẽ chặc lưỡi. “Tôi nghĩ mình có thể *giúp* cậu với giả thuyết đó,” tôi ngân nga, “chỉ cần cậu ra ngoài này thôi.”

“Vấn đề là,” cậu tiếp tục, “tôi không biết cái chết đầu tiên có liên hệ gì với nhà Hope hay không. Họ mới chỉ ở đây hai năm, phải không? Bởi vậy có lẽ những xáo động mà chúng ta đang trải qua không...”

“... thực sự do người chồng gây ra?” tôi nói to. “Phải rồi, khá lắm! Không phải do ông ấy!”

Một khoảng lặng ngắn. *Cuối cùng* cậu đã chú ý. “Sao cơ?”

“*Tôi nói rằng đó không phải do người chồng, Lockwood! Giờ thì ra đây đi!*”

Bạn có thể nhận ra rằng tôi đã thoáng từ bỏ nỗ lực giữ thái độ nhẹ nhàng. Đó là bởi đối tượng trong phòng làm việc giờ đây đã nhận thấy sự kích động của tôi và lúc này cô ta đang trượt qua cửa. Móng chân trên hai bàn chân gầy gò xanh xao dài và cong vút.

Cả hai tay tôi đang đặt trên đai lưng. Một tay nắm chặt chuôi kiếm; tay kia nắm một ống Lửa Hy Lạp. Tất nhiên bạn thực sự không nên sử dụng pháo magiê ở trong nhà, nhưng tôi sẽ không mạo hiểm mạng sống của mình. Những đầu ngón tay của tôi lạnh như băng nhưng cũng ướt mồ hôi; chúng trượt trên bề mặt kim loại.

Một chuyển động xuất hiện phía bên trái tôi. Tôi liếc thấy Lockwood bước ra hành lang. Chính cậu ấy cũng sững người. “À,” cậu nói.

Tôi gật đầu dứt khoát. “Đúng vậy đấy, lần sau khi tôi gọi cậu trong khi đang làm nhiệm vụ, thì hãy làm ơn lê mông ra đây nhanh gấp đôi nhờ cái.”

“Tôi xin lỗi. Nhưng tôi thấy là cậu đã kiểm soát tình hình tốt đấy. Cô ta đã nói gì chưa?”

“Rồi.”

“Cô ta đã nói gì vậy?”

“Cô ta nói là cô ta lạnh.”

“Hãy nói với cô ta rằng chúng ta có thể giải quyết chuyện đó cho cô ta. Không, đừng làm chuyện gì vớ vẩn với vũ khí của cậu - nó chỉ làm tình hình tệ hơn thôi.” Cô gái đã trượt thêm một chút gần hơn tới hành lang; đáp lại, tôi bắt đầu rút kiếm. “Hãy nói với cô ta chúng ta có thể giải quyết được,” Lockwood nói lại lần nữa. “Nói với cô ta chúng ta có thể tìm thấy thứ cô ta đã lạc mất.”

Tôi làm thế, bằng giọng điềm tĩnh nhất có thể. Chẳng có tác dụng mấy. Hình dáng đó chẳng hề co lại hay thay đổi, hay hóa thành hơi, hay tan ra,

hay làm bất cứ điều gì mà cuốn *cẩm nang Fittes* đã đoán chắc rằng các hồn ma sẽ làm khi bạn cho họ hy vọng được giải thoát.

“*Tôi lạnh,*” giọng nói nhỏ đó lại cất lên; và rồi một lần nữa, to hơn nhiều, “*Lạc lõng và lạnh.*”

“Là gì vậy?” Lockwood đã cảm thấy sự tiếp xúc, nhưng không thể nghe được âm thanh.

“Cũng vẫn những từ đó, nhưng tôi phải nói với cậu, Lockwood ạ, lần này nó không giống với lời nói chuyện của một cô gái cho lắm. Nó nghe rất sâu và rộng, và vang vọng như thể trong hầm mộ.”

“Chuyện đó chẳng bao giờ tốt cả, phải không?”

“Đúng vậy. Tôi nghĩ chúng ta nên coi đó là dấu hiệu.” Tôi rút thanh kiếm ra. Lockwood cũng làm thế. Chúng tôi đứng đối diện với hình dáng đó trong yên lặng. Không bao giờ tấn công trước. Luôn chờ đợi, dự cho họ để lộ ra ý định. Xem họ làm gì, họ đi đâu; nghiên cứu các hình thái hành vi của họ. Giờ đây cô ta gần tới nỗi tôi có thể nhận ra đường nét mái tóc dài sáng màu buông xuống quanh cổ; nhìn thấy những mụn ruồi và những vết nám trên da cô ta. Tôi ngạc nhiên vì hình vóng lại có thể mạnh đến thế này. George gọi đó là “ý nguyện muốn tồn tại”, sự từ chối để mất những gì đã từng có. Tất nhiên, không phải tất cả họ đều xuất hiện theo cách này. Tất cả phụ thuộc vào tính cách của họ khi còn sống, và chính xác điều gì đã xảy ra khi cuộc sống đó kết thúc.

Chúng tôi chờ đợi. “Cậu có thể nhìn thấy mặt cô ta không?” tôi hỏi. Tầm nhìn của Lockwood tinh tường hơn tôi.

“Không. Nó bị ẩn đi rồi. Nhưng phần còn lại thì *rất* sáng. Tôi nghĩ nó là...”

Cậu ngừng lại; tôi nâng tay lên. Lần này âm thanh tôi nghe thấy vô cùng trần trụi và yếu ớt. “*Tôi lạnh,*” giọng nói thì thào. “*Lạc lõng và lạnh. Lạc*

*lông và lạnh... và CHẾT!”*

Vàng sáng xung quanh cô gái vụt chói lòa một vẻ bất hạnh, và trong khoảnh khắc tấm mạng bóng tối bị nhấc ra khỏi khuôn mặt. Tôi gào lên. Ánh sáng biến mất. Một chiếc bóng lao tới phía tôi, hai cánh tay xương xẩu vươn ra. Không khí lạnh cồng ừa vào người tôi, đẩy tôi về phía cầu thang. Tôi vấp chân ở mép cầu thang và ngã ngửa ra sau. Buông thanh kiếm, tôi tuyệt vọng với một cánh tay bám lấy một góc của bức tường. Tôi treo mình trên khoảng không trống rỗng, cơn cuồng phong táp vào người, những đầu ngón tay trượt trên lớp giấy dán tường trơn, lạnh. Bóng hình đó đã tiến đến gần. Tôi sắp rơi xuống.

Rồi Lockwood lao bật vào giữa chúng tôi, lưỡi kiếm của cậu rạch một hoa văn phức tạp vào không khí. Cái bóng lùi lại, tay giơ lên che ngang mặt. Lockwood lại rạch một hoa văn khác, lưỡi sắt sáng lòa tạo thành những bức tường bao vây cô ta từ nhiều mặt. Hình dáng đó co lại. Cô ta lao vút vào phòng làm việc và Lockwood truy đuổi theo sau.

Hành lang trống không. Cơn gió đã lặng đi. Tôi quờ quạng vào bức tường, đu thẳng người lên đỉnh cầu thang và quỳ sụp xuống. Tóc tôi xòa vào mắt; một chân vẫn còn thò ra khỏi bậc thang trên cùng.

Chậm rãi mà cương quyết, tôi đưa tay ra với lấy thanh kiếm. Vai tôi đau âm ỉ nơi khớp cánh tay.

Lockwood quay trở lại. Cậu cúi xuống gần tôi, đôi mắt điềm tĩnh quét qua bóng tối nơi hành lang. “Cô ta có chạm vào cậu không?”

“Không. Cô ta chạy đâu rồi?”

“Tôi sẽ chỉ cho cậu.” Cậu giúp tôi đứng dậy. “Cậu chắc là cậu ổn cả chứ, Lucy?”

“Tất nhiên rồi.” Tôi vén tóc khỏi mặt, ấn mạnh thanh kiếm trở vào bao ở thắt lưng. Vai tôi hơi nhói đau, nhưng không sao. “Vậy thì,” tôi nói và bắt

đầu bước về phía phòng làm việc. “Hãy bắt đầu vào việc thôi.”

“Để lát nữa.” Cậu chìa một cánh tay ra, ngăn tôi bước lên trước. “Cậu cần nghỉ ngơi.”

“Tôi ổn mà.”

“Cậu đang nóng giận. Không cần thiết phải thế. Cú tấn công đó có thể hạ gục bất cứ ai. Tôi cũng bất ngờ về nó.”

“Cậu đã không đánh rơi kiếm.” Tôi đẩy tay cậu ra. “Nghe này, chúng ta đang lãng phí thời gian đấy. Khi cô ta quay trở lại...”

“Cô ta không nhắm vào tôi. Năng lượng đó tập trung hoàn toàn vào cậu, cố gắng hất cậu xuống cầu thang. Tôi nghĩ giờ chúng ta đã biết ông Hope ngã xuống cầu thang như thế nào. Nhưng điều tôi muốn nói là, cậu cần phải bình tĩnh đã, Lucy. Cô ta sẽ hấp thụ sự tức giận của cậu cực nhanh và trở nên mạnh hơn.”

“Ừ, tôi biết,” tôi nói cảm cẫu. Tôi nhắm mắt lại, hít một hơi thật sâu, và rồi một hơi nữa, tập trung làm những điều mà cuốn *Cẩm nang* đã khuyến nghị: kiểm soát bản thân mình, thả lỏng việc kiềm chế cảm xúc. Sau một lát tôi đã kiểm soát được trở lại. Tôi thoát ra khỏi cơn giận dữ của mình, và thả nó rơi xuống sàn như lột lớp da chết.

Tôi lại lắng nghe. Căn nhà yên lặng, nhưng đó là sự yên lặng khi tuyết rơi, nặng nề và ngọt ngào. Tôi có thể cảm thấy nó đang quan sát tôi.

Khi tôi mở mắt ra, Lockwood đang đứng đút tay trong túi áo khoác, yên lặng chờ đợi trong bóng tối nơi hành lang. Thanh kiếm của cậu đã trở lại nơi thắt lưng. “Thế nào rồi?” cậu hỏi.

“Tôi cảm thấy tốt hơn rồi.”

“Cơn giận dữ đã qua rồi chứ?”

“Không còn chút nào sót lại.”

“Tốt rồi, bởi vì nếu như cậu không cảm thấy ổn định, chúng ta sẽ về nhà ngay lúc này.”

“Chúng ta sẽ không về nhà,” tôi điềm tĩnh nói, “và tôi sẽ nói với cậu nguyên do tại sao. Con gái bà Hope sẽ không cho chúng ta vào đây một lần nữa. Bà ấy nghĩ chúng ta còn quá trẻ. Nếu từ giờ đến ngày mai chúng ta không giải quyết được vụ này, bà ấy sẽ không cho chúng ta làm nữa và đẩy công việc này cho Fittes hay Rotwell. Chúng ta cần tiền, Lockwood. Chúng ta sẽ giải quyết vụ này ngay bây giờ.”

Cậu không động đậy. “Nếu là các đêm khác,” cậu nói, “tôi có thể sẽ đồng ý với cậu. Nhưng các thông số đã thay đổi. Đây không phải một ông già tội nghiệp làm phiền bà vợ góa của mình; đây gần như chắc chắn là hồn ma của nạn nhân trong một vụ giết người. Và cậu biết *bọn họ* là như thế nào mà. Bởi vậy nếu cậu không tập trung, Luce...”

Dù đã bình tĩnh và ổn định, tôi vẫn thấy hơi khó chịu với vẻ bề trên của cậu. “Đúng thế,” tôi nói, “nhưng vấn đề thực sự không phải ở *tôi*, phải không nào?”

Lockwood nhăn mặt. “Ý cậu là sao?”

“Ý tôi là xích sắt ấy.”

Cậu trợn mắt. “Ồ, thôi nào. Đó chẳng phải là...”

“Những sợi xích sắt là đồ nghề tiêu chuẩn cho mỗi thám tử, Lockwood ạ. Chúng là vật dụng thiết yếu để tự vệ khi chúng ta đối mặt với một Loại Hai mạnh. Thế mà *cậu* đã quên không bỏ vào!”

“Chỉ bởi vì George cứ nhất quyết phải bôi dầu cho nó! Và nếu tôi nhớ không nhầm thì do *chính cậu* gợi ý đấy.”

“Ồ, vậy giờ hóa ra nó là lỗi *của tôi* sao?” tôi gào lên. “Thám tử nào cũng có thể quên mặc quần chứ không bao giờ quên xích, thế mà cậu thì làm được đấy. Cậu đã quá phấn khích về việc đến đây, đâm ra chúng ta có mang

được gì đến đây thì cũng là kỳ tích đấy. George thậm chí còn khuyên chúng ta không nên đi. Cậu ấy muốn tìm hiểu thêm về ngôi nhà đã. Nhưng không. *Cậu* đã gạt *cậu* ấy đi.”

“Đúng vậy đấy! Là người chỉ huy tôi phải làm thế đấy. Trách nhiệm của tôi là...”

“... đưa ra các quyết định thôi? Đúng rồi, tôi nghĩ thế là chuẩn đấy.”

Chúng tôi đứng đó khoanh tay, nhìn nhau tóe lửa qua hành lang tối đen trong một căn nhà bị ma ám. Rồi, giống như mặt trời mọc, ánh mắt của Lockwood dịu đi thành một nụ cười nhản nhở.

“Thế...” *cậu* nói. “Việc kiểm soát nóng giận của *cậu* đến đâu rồi vậy, Luce?”

Tôi khịt mũi. “Tôi thừa nhận tôi bực mình, nhưng lúc này tôi bực mình với *cậu*. Thế khác mà.”

“Tôi không chắc có khác không, nhưng tôi *ghi nhận* ý *cậu* nói về chuyện tiền bạc.” *Cậu* vỗ mạnh hai bàn tay đi găng vào nhau. “Được rồi, *cậu* thắng. George sẽ không tán đồng đâu, nhưng tôi nghĩ chúng ta có thể mạo hiểm. Tôi đã đẩy lùi cô ta được chốc lát, và chúng ta có một lúc để thở. Nếu nhanh chân nhanh tay, chúng ta có thể giải quyết xong vụ này trong nửa tiếng.”

Tôi cúi xuống nhặt hai chiếc túi vải len thô lên. “Dẫn tôi tới chỗ đó đi.”

Chỗ đó hóa ra nằm tít sâu bên trong phòng làm việc: một khoảng tường trống giữa hai phần thụt vào của chiếc giá sách hỗn loạn lúc này. Trong ánh sáng chói mắt từ đèn pin của chúng tôi, chúng tôi nhìn thấy nó vẫn được phủ lớp giấy dán tường cũ của phòng ngủ, xám xịt, nhạt màu và bị bong ra

gần phào tường. Những bông hồng mập mạp, hình dạng kỳ quặc chạy từ sàn lên tới trần theo những đường xiên.

Ở giữa khoảng không đó có treo một tấm bản đồ màu của Quần đảo Anh. Phần chân của bức tường bị che khuất bởi những chồng tạp chí địa lý cao đến ngang đùi, một vài trong số chúng bị những chiếc búa địa chất bụi bặm đè lên. Bản năng điều tra sắc bén của tôi mách bảo rằng ông Hope có lẽ đã từng là một nhà địa chất.

Tôi xem xét giá sách ở hai bên, thấy bức tường lồi ra như thế nào ở chỗ đó. “Một thành ống khói cũ,” tôi nói. “Vậy là cô ta đã vào đó hả?”

“Cô ta đã tan đi trước khi đến bức tường, nhưng đúng - tôi nghĩ thế. Nguồn trốn trong ống khói cũng là hợp lý, phải không?”

Tôi gật đầu. Đúng, hợp lý. Một cái hốc tự nhiên, đủ to cho bất cứ thứ gì.

Chúng tôi bắt đầu chuyển những chồng tạp chí ra xa, bê trên tay những ôm đầy sang phía bên kia căn phòng. Không gian là một vấn đề. Lockwood muốn vòng tròn ban đầu tôi tạo ra không bị vướng víu, và có một đường dẫn vào nó từ bức tường nơi chúng tôi đang làm việc, bởi vậy chúng tôi vứt hầu hết số tạp chí ở gần cửa và thậm chí ra cả hành lang. Cứ mỗi một vài giây chuyển đồ tôi lại ngừng tay lắng nghe thật kỹ, nhưng ngôi nhà vẫn yên ắng.

Khi chúng tôi đã dọn được một khoảng đủ rộng, tôi mở đám túi ra, đổ một hộp nhựa đựng mặt giữa nữa ra thành một đường cong ngang qua sàn nhà. Nó đại để tạo thành một hình bán nguyệt mở ra ngoài từ phần trọng yếu đó của bức tường. Tôi nối hai đầu lại bằng một đường thẳng chạy dọc chân bức tường, giữ khoảng cách chừng một mét để mặt sắt không bị lẫn với lớp vữa rơi xuống. Khi tôi hoàn thành thì đã có đủ không gian bên trong đó cho cả hai đứa chúng tôi đứng, và cho cả hai chiếc túi vải len thô nữa. Sẽ

khá an toàn, dù rằng không được đảm bảo bằng khi chúng tôi dùng tới xích sắt.

Tôi cũng kiểm tra lại vòng tròn ban đầu ở giữa phòng. Một chút mặt sắt đã bị vương vãi khi chân chúng tôi bước qua, nhưng tôi quét chúng trở lại vị trí.

Lockwood dỡ chiếc bản đồ địa lý xuống và dựng nó dựa vào cạnh bàn. Rồi cậu xuống dưới bếp và quay lại với hai chiếc đèn. Thời gian quan sát trong bóng tối đã qua; giờ là lúc phải hành động, và vì thế chúng tôi cần có đủ ánh sáng. Cậu đặt những chiếc đèn trên sàn nhà bên trong vành bán nguyệt và bật chúng lên ở mức yếu, hướng luồng sáng về phía bức tường trống. Ánh sáng soi tỏ bức tường như một sân khấu nhỏ.

Tất cả những việc đó mất khoảng chừng mười lăm phút. Cuối cùng thì chúng tôi đã đứng cùng nhau bên trong lớp mặt sắt, dao bầm và xà beng sẵn sàng, chăm chú nhìn bức tường. “Muốn nghe giả thuyết của tôi không?” Lockwood nói.

“Nói đi.”

“Cô ta đã bị giết trong ngôi nhà này hàng chục năm trước đây - lâu đến nỗi cô ta trở nên lạng lẽ. Rồi ông Hope đặt phòng làm việc của ông ấy ở căn phòng này, và điều đó vô tình kích thích cô ta. Điều đó cho thấy vẫn còn có gì đó của cô ta được che giấu ở đây; thứ gì đó cô ta quan tâm, làm cô ta cứ vương vấn mãi. Có thể là quần áo, hoặc tài sản nào đó; hoặc một món quà cô ta hứa tặng người khác. Hoặc là...”

“Hoặc là thứ gì đó khác,” tôi nói.

“Đúng vậy.”

Chúng tôi đứng yên và quan sát bức tường.

## CHƯƠNG 4

Kể từ khi Marissa Fittes và Tom Rotwell tiến hành những cuộc điều tra trứ danh của họ, tận từ những năm đầu khởi phát Vấn đề, việc tìm Nguồn của những vụ ma ám đã trở thành trọng tâm công việc của mỗi thám tử. Đúng, chúng tôi cũng làm những thứ khác nữa: chúng tôi giúp tạo ra các lớp bảo vệ cho những chủ nhà âu lo và chúng tôi đưa ra lời khuyên về cách tự vệ. Chúng tôi có thể đặt những bẫy muối trong vườn, đặt những dải dây sắt trên ngưỡng cửa, treo những bùa hộ mệnh bên trên nôi em bé, và đưa cho bạn vô số những cọng oải hương, đèn ma và những vật dụng an ninh hằng ngày khác. Nhưng điều trọng yếu trong nhiệm vụ của chúng tôi, lý do cần đến sự tồn tại của chúng tôi, thì vẫn luôn luôn là như thế: tìm ra những nơi, những thứ cụ thể có liên quan tới một người chết không nhắm mắt nào đó.

Không ai thực sự biết những “Nguồn” này hoạt động ra sao. Nhiều người cho rằng Khách thực sự được chứa trong nội tại của những Nguồn đó, nhiều người khác cho rằng chúng đánh dấu những điểm nơi ranh giới giữa hai thế giới đã bị bào mòn bởi bạo lực hay những cảm xúc cực độ. Các thám tử chẳng có thời gian để suy diễn theo cách nào trong số đó. Chúng tôi quá bận rộn tránh để bị ma chạm chứ chẳng có thời gian để lo lắng về vấn đề quan điểm.

Như Lockwood đã nói, Nguồn có thể là rất nhiều thứ. Có thể là địa điểm chính xác của một tội ác, hoặc một vật có liên hệ mật thiết tới một cái chết đột ngột, hoặc có thể là một vật sở hữu quý giá của Khách khi còn sống. Nhưng thông thường (73%, theo như nghiên cứu được tiến hành bởi Học viện Rotwell), nó gắn liền với cái mà *Cẩm nang Fittes* gọi là “bộ phận cơ

thể còn sót lại”. Bạn có thể đoán *thế* có nghĩa là gì rồi đấy. Vấn đề là, bạn chẳng bao giờ biết được nếu chưa tận mắt nhìn thấy.

Và đó chính là điều chúng tôi đang làm lúc này.

Năm phút đã trôi qua, chúng tôi sắp dỡ được mảng giữa của bức tường. Giấy dán tường đã hàng chục năm tuổi rồi, keo dán khô và hóa thành bụi. Chúng tôi có thể dễ dàng luồn dao xuống dưới và cắt ra những khoảng lớn. Một vài tấm nát ra ngay trên tay chúng tôi; những tấm khác ngã xuống cánh tay chúng tôi như những mảng da lớn. Lớp thạch cao của bức tường đằng sau giấy dán có màu trắng ngả hồng nhạt, lốm đốm mốc và loang lổ những mảng hồ màu nâu cam. Nó làm tôi nghĩ đến một miếng thịt lợn hun khói rắc vụn bánh mì.

Lockwood lấy một chiếc đèn và xem xét gần hơn, tay vuốt dọc trên bề mặt không bằng phẳng. Cậu giơ chiếc đèn ở những độ cao và góc độ khác nhau, quan sát những cái bóng biến đổi trên bức tường.

“*Đã từng* có một khoang rỗng ở đây vào khoảng thời gian nào đó,” cậu ấy nói. “Một khoang cỡ lớn. Có ai đó đã trám đầy nó. Cậu thấy chỗ bả này màu khác không, Luce?”

“Tôi thấy rồi. Cậu nghĩ chúng ta có thể phá vào bên trong không?”

“Sẽ không quá khó đâu.” Cậu nhấc xà beng lên. “Mọi thứ vẫn yên tĩnh chứ?”

Tôi liếc nhìn qua vai về phía sau. Ngoài vòng sáng nhỏ từ ngọn đèn, phần còn lại của căn phòng tối đen. Chúng tôi đang ở trên một hòn đảo được chiếu sáng giữa một biển khơi bóng tối. Tôi lắng nghe và chẳng thấy gì, nhưng có một áp lực đang đều đặn tăng lên trong yên lặng: tôi có thể cảm thấy nó đang hình thành trong tai mình. “Lúc này thì chúng ta ổn,” tôi nói. “Nhưng sẽ không kéo dài đâu.”

“Thế thì nên bắt đầu luôn.” Cậu vung xà beng, đâm sọt soạt vào lớp bả tường. Một trận mưa những mảnh vụn tuôn xuống dưới sàn.

Hai mươi phút sau quần áo chúng tôi đã lấm đốm trắng, mũi giày sục trong đồng vữa và cát vụn từ đằng sau bức tường. Cái hốc chúng tôi tạo ra cao bằng nửa người tôi và rộng bằng một thân người. Có một lớp gỗ cứng, sẫm màu đằng sau nó, trên đó đóng những chiếc đinh cũ.

“Một tấm ván gì đó,” Lockwood nói. Mồ hôi lấp lánh trên trán cậu; cậu nói với vẻ bất cần giả tạo. “Mặt trước một chiếc hộp hay tủ ly hay thứ gì đó. Có vẻ như nó choán đầy toàn bộ không gian bên trong bức tường, Lucy ạ.”

“Ừ,” tôi nói. “Để ý lớp mặt giữa nhé.” Cậu đã lùi lại quá xa và hất chúng ra khỏi vị trí. Đó chính là điều chúng tôi phải chú tâm. Giữ vững các nguyên tắc, giữ cho chúng tôi an toàn. Nếu chúng tôi có xích sắt thì đã không đến nỗi khó khăn như thế, nhưng mặt giữa thì khá mạo hiểm, các đường nối rất dễ bị đứt. Tôi cúi xuống lấy chổi và bằng những chuyển động nhỏ, có thứ tự, bắt đầu sửa những chỗ bị đứt. Bên trên, Lockwood hít một hơi thật sâu. Rồi một tiếng răng rắc nhỏ vang lên khi chiếc xà beng của cậu bập vào gỗ.

Khi đã sửa xong đường mặt sắt, tôi bốc đi một vài năm vữa chực văng lên đường chắn phía trước. Xong đâu đấy, tôi vẫn khom lưng ở đó, ấn những đầu ngón tay của một bên tay thật chặt xuống ván sàn. Tôi ở nguyên tư thế đó trong khoảng chừng một phút, có thể là lâu hơn.

Khi tôi đứng dậy, Lockwood đã tác động được kha khá vào lớp ván tường, nhưng nó vẫn chưa vỡ hẳn. Tôi vỗ vào cánh tay cậu.

“Gì thế?” Cậu lại phang tiếp vào tường.

“Cô ta quay lại đấy,” tôi nói.

Những âm thanh đó lúc đầu rất yếu ớt nên đã chìm vào tiếng động mà chúng tôi tạo ra, và chỉ nhờ vào những rung động trên sàn nhà mà tôi mới

nhận ra được chúng. Nhưng ngay khi tôi nói, chúng bắt đầu to dần lên: ba tiếng va chạm rất nhanh - âm thanh cuối cùng là một tiếng *thụp* đáng sợ - rồi yên lặng, trước khi chuỗi âm thanh bắt đầu trở lại. Đó là một vòng lặp vô tận, lần nào cũng giống lần nào. Âm thanh gọi nhớ cú ngã cầu thang của ông Hope.

Tôi nói với Lockwood điều tôi nghe thấy.

Cậu cộc cằn gặt đầu. “Được rồi. Cũng chẳng thay đổi điều gì cả. Cứ tiếp tục theo dõi nhé, và đừng để bị xáo động đấy. Đó chính là mục tiêu của cô ta. Cô ta nhận thấy cậu là điểm yếu.”

Tôi chớp mắt. “Xin lỗi? Cậu nói gì đấy?”

“Luce, lúc này không phải lúc. Tôi chỉ nói về khía cạnh cảm xúc thôi.”

“*Gì hả? Nói thế thì khá hơn sao?*”

Cậu hít một hơi thật sâu. “Tôi chỉ muốn nói là... là dạng Năng lực đó của cậu nhạy hơn của tôi *rất nhiều*, nhưng trở trêu là sự nhạy bén đó lại làm cho cậu trở nên dễ bị ảnh hưởng bởi các thể lực siêu nhiên mà trong những trường hợp như thế này, việc đó có thể trở thành vấn đề. Cậu hiểu chứ?”

Tôi nhìn cậu chăm chăm. “Tôi tưởng rằng cậu đã nghe lời George đấy.”

“Lucy, không phải tôi nghe lời George.”

Chúng tôi quay lưng vào nhau: Lockwood quay vào bức tường, tôi quay mặt vào căn phòng.

Tôi rút thanh kiếm ra, chờ đợi. Phòng làm việc tối tăm và tĩnh lặng. *Thụp, thụp... THỤP*, những tiếng vọng cứ đập vào tai tôi.

Một tiếng răng rắc báo cho tôi biết rằng Lockwood đã cầm được xà beng vào giữa những miếng ván gỗ. Cậu lấy hết sức đẩy chúng sang hai bên. Gỗ nứt ra, những chiếc đinh màu đen dịch chuyển.

Rất chậm rãi, một trong những chiếc đèn của chúng tôi bắt đầu lụi dần. Nó bập bùng, lật phật, trở nên mờ nhạt và nhỏ dần, như thể có gì đó đang đè nát sức sống của nó. Cho dù như thế, chiếc đèn còn lại vẫn sáng. Sự cân bằng ánh sáng trong căn phòng đã dịch chuyển; những cái bóng của chúng tôi đung đưa một cách kỳ quặc trên sàn nhà.

Một cơn gió giật lùa không khí lạnh vào trong phòng làm việc. Tôi nghe thấy tiếng những tờ giấy bay trên mặt bàn.

“Tôi tưởng cô ta *muốn* chúng ta làm điều này,” Lockwood thở hỗn hển. “Tôi tưởng cô ta *muốn* được tìm ra cơ đấy.”

Bên ngoài hành lang, một cánh cửa đóng sập.

“Có vẻ không phải thế,” tôi nói.

Những cánh cửa khác đóng sập, đầu đó trong căn nhà, cái nọ tiếp sau cái kia, bảy cái liên tiếp. Tôi nghe thấy âm thanh xa xa của tiếng kính vỡ.

“Chán quá!” Lockwood càu nhàu. “Cô đã làm điều đó rồi mà! Thử cái gì khác đi.”

Đột ngột lại yên lặng.

“Tôi đã bảo cậu bao lần rồi,” tôi nói, “đừng có chế nhạo họ chứ! Chẳng bao giờ đem lại kết cục gì tốt đẹp cả.”

“Hừm, tại cô ta cứ lặp lại đấy chứ. Chuẩn bị ấn sẵn sàng nhé. Sắp đến lúc rồi đấy.”

Tôi cúi xuống, lục lọi trong túi. Trong đó chúng tôi đã mang theo đủ các thứ được thiết kế để vô hiệu hóa bất cứ Nguồn nào. Tất cả đều được làm từ những kim loại quan trọng mà Khách không thể nào khuất phục được: bạc và sắt. Hình dáng và họa tiết có thể thay đổi. Chúng là những chiếc hộp, ống, đinh và lưới, mặt dây chuyền, nhẫn và xích. Rotwell và Fittes dập logo của công ty lên đồ của họ, trong khi Lockwood chỉ sử dụng những thứ đơn

giản và tự nhiên. Nhưng điều sống còn là phải chọn kích cỡ phù hợp với Khách của bạn, tối thiểu phải đủ chẵn không cho họ lọt qua.

Tôi chọn một lưới xích, mỏng manh nhưng hiệu quả, tạo nên từ những mắt xích bạc được đúc sít. Nó vẫn được gấp cẩn thận; khi rũ ra nó có thể phủ lên được những vật có kích thước khá lớn, nhưng lúc này tôi có thể nắm gọn nó trong lòng bàn tay. Tôi đứng dậy kiểm tra xem công việc ở bức tường đến đâu.

Lockwood đã dịch chuyển được một trong những tấm ván sang bên một chút. Đằng sau nó là một lớp màn bóng tối mỏng mảnh. Cậu thở dốc và gõ mình, nghiêng về đằng sau, nhãn mặt cố gắng. Giày của cậu ở gần lẫn mạt sắt của chúng tôi tới đáng ngại.

“Nó đang bung ra đấy,” cậu nói.

“Tốt.” Tôi quay mặt trở lại căn phòng.

Cô gái chết đã đứng đó bên cạnh tôi, ngay bên ngoài đường mạt sắt.

Cô ta chân thực như thể vẫn còn sống và đang hít thở, và đang nhìn ra ngoài trời trong một ngày nắng rực rỡ. Thứ ánh sáng lờ mờ, lạnh lẽo nọ chiếu khắp khuôn mặt cô ta. Tôi nhìn thấy cô ta như cô ta hẳn đã từng trước đây - một lúc nào đó rất lâu về trước, trước khi chuyện đó xảy ra. Cô ta xinh đẹp hơn tôi, đôi má bầu bĩnh, cái mũi nhỏ, đôi môi đầy đặn và đôi mắt to, khấn nài. Cô ta trông như loại con gái mà tôi, theo bản năng, luôn không thích - kiểu dịu dàng và ngốc nghếch, thụ động những khi có chuyện, và những khi không có chuyện thì trông chờ vào sức cuốn hút của mình. Chúng tôi đứng đó, đối đầu nhau, cô ta tóc dài, vàng hoe, tôi tóc sẫm màu, nhuộm bụi thạch cao; cô ta để chân trần trong bộ váy mùa hè nhỏ nhắn, tôi thì mũi ửng đỏ và run rẩy trong bộ váy, quần tất và áo chần bông. Nếu không có đường mạt sắt cùng hiệu lực tương ứng của nó, chúng tôi có thể đã với tay ra chạm vào mặt nhau. Ai mà biết được, có lẽ đó là điều cô ta

muốn cũng nên. Có lẽ sự chia rẽ đó đã làm cô ta phẫn nộ. Gương mặt cô ta trống rỗng và vô hồn, nhưng sức ép từ cơn giận dữ của cô ta xô vào người tôi như một con sóng.

Tôi giờ chiếc lưới xích gấp gọn lên như một kiểu chào tréo ngoe. Đáp lại, không khí quất ra từ bóng tối, sục vào mặt tôi, quật tóc vào má tôi. Nó thổi mạnh vào phòng tuyến bột sắt, làm cho mặt giữa dịch chuyển.

“Phải kết thúc chuyện này thôi,” tôi nói.

Lockwood vất vả thở hỗn hển. Có một tiếng rắc khi các thớ gỗ bị xé ra.

Từ khắp phòng làm việc đột ngột vang lên tiếng sột soạt: những quyển tạp chí bị lật mở, những cuốn sách dịch chuyển, những tờ giấy bụi bặm bay khỏi chồng như những đàn chim đang cất cánh. Áo khoác của tôi ép chặt vào người. Gió rít lên xung quanh rìa căn phòng. Mái tóc và chiếc váy của cô gái ma không hề động đậy. Cô ta đứng đó, nhìn xuyên qua tôi, như thể tôi mới là kẻ được tạo ra từ ký ức và không khí.

Bên cạnh giày tôi, lớp mặt giữa đã bắt đầu bị thổi dạt và vương vãi.

“Nhanh lên nào,” tôi nói.

“Được rồi đây! Đưa đồ phong ấn cho tôi.”

Tôi quay lại nhanh nhất trong giới hạn mình dám - điểm mấu chốt lúc này là không vượt qua đường mặt sắt - và đưa cho cậu ấy chiếc lưới được gấp gọn. Ngay khi tôi làm thế, Lockwood dồn lực lần cuối vào chiếc xà beng và tấm ván bật ra. Nó nứt theo chiều ngang, gần đáy cái hốc, và đổ sập về phía trước, kéo theo hai tấm khác được gắn kết vào nó bởi những mộng gỗ. Chiếc xà beng trượt ra khi tấm gỗ đổ xuống và bất thành linh chơi vơi trong không trung. Lockwood mất thăng bằng; cậu ngã sang một bên và có khi đã ngã ra khỏi vòng tròn của chúng tôi nếu tôi không lao lên giữ lại.

Chúng tôi ôm chặt nhau một lúc, chấp chới trên lớp mặt sắt. “Cảm ơn cậu, Luce,” Lockwood nói. “Suýt nữa thì tệ rồi.” Cậu nhăn nhó. Tôi gật đầu

nhẹ nhõm.

Đúng lúc đó những tấm ván đổ về phía chúng tôi, để lộ ra những thứ trong bức tường.

Chúng tôi đã biết trước. Tất nhiên là chúng tôi đã biết trước, nhưng nó vẫn gây sốc. Và những cú sốc khiến người ta phải nhảy bật lại phía sau sẽ chẳng phải là điều mong muốn một khi ta đã mất thăng bằng; khi tất cả đều đang trên bờ vực nguy hiểm. Bởi vậy tôi không kịp nhìn được gì nhiều nhận vào bên trong hốc rỗng đó thì chúng tôi ngã chồng lên nhau, tay đan chặt, chân quấn vào nhau. Lockwood ở phía trên và tôi ở dưới, bên ngoài vòng bảo vệ của lớp mặt sắt.

Nhưng tôi đã nhìn đủ. Đủ để hình ảnh đó ghim chặt vào tâm trí mình.

Cô ta vẫn có mái tóc vàng đỏ; mái tóc vẫn y như thế, dù rằng bị vấy bẩn nhiều bởi bồ hóng và bụi bặm, và bị mạng nhện kết dày đến nỗi thật khó mà nói nó bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu. Những phần còn lại thì khó nhận ra hơn: một dáng hình xương xẩu, hàm răng trơ ra, làn da co quắt, sẫm màu và nhăn lại như gỗ bị đốt cháy, và vẫn nằm khít trên nền gạch nơi cô ta có thể đã nằm trong năm mươi năm qua. Hai bên quai chiếc váy mùa hè đẹp để vẫn treo hờ hững trên những đoạn xương chìa ra. Những bông hoa hương dương màu vàng cam lấp lánh lơ lửng trong một tấm mạng nhện.

Tôi ngã xuống sàn. Gáy tôi đập vào sàn gỗ và bóng tối bị phá tung bởi ánh sáng chói lòa. Rồi sức nặng của Lockwood ấn tôi xuống. Hơi thở của tôi phì qua miệng.

Ánh sáng chói lòa tắt dần đi. Trí óc tôi thông suốt, mắt tôi mở to. Tôi đang nằm ngửa, một tay vẫn nắm chặt tấm lưới xích.

Đó là tin tốt. Tôi cũng đã lại làm rơi thanh kiếm.

Lockwood đã lăn khỏi người tôi và tách ra xa. Tôi cũng lăn dậy, quỳ gối bò lồm cồm, điên cuồng tìm thanh kiếm của mình.

Thay vào đó tôi nhìn thấy gì? Lốp mặt sắt hỗn loạn, vương vãi do cú ngã của chúng tôi. Lockwood đang quỳ gối, đầu cúi gằm, tóc rũ ra đằng trước, đang cố gắng rút thanh kiếm ra khỏi chiếc áo choàng dài và nặng nề của cậu.

Còn cô gái ma đang yên lặng trôi phía trên cậu.

“Lockwood!” Cậu ngẩng phắt lên. Chiếc áo khoác đã bị kẹt chặt dưới đầu gối, cản trở cậu với được đến thắt lưng. Cậu không kịp rút thanh kiếm ra.

Cô gái sà thấp xuống, kéo theo những vòng ánh-sáng-khác. Đôi bàn tay dài xanh xao với ra về phía mặt cậu.

Tôi giật một chiếc ống từ thắt lưng của mình và ném mạnh không do dự. Nó xuyên thẳng qua cái hình dáng đang cúi xuống, đập vào bức tường đằng sau. Cái nút thủy tinh vỡ ra; những tia lửa magiê liếm tới cắt ngang cô gái, cô ta liền biến mất trong những cột sương mù cuộn cuộn. Lockwood ngã người sang để tránh, những đốm sắt lấp lánh trên tóc cậu.

Lửa Hy Lạp là một thứ hay ho, khỏi bàn cãi. Hỗn hợp của sắt, magiê và muối đuổi Khách của bạn đi với tác dụng ba trong một. Sắt nóng đỏ rực và muối cắt qua cơ thể họ, trong khi ánh sáng rực rỡ của magiê cháy gây cho họ cơn đau không thể chịu thấu. Nhưng (và đây là điểm bất lợi) cho dù cháy rất nhanh, nó có xu hướng làm cho những thứ *khác* cũng bốc cháy. Đó chính là lý do tại sao *Cẩm nang Fittes* khuyên không nên dùng lửa trong nhà, ngoại trừ dưới những điều kiện ta kiểm soát được.

Điều kiện hiện tại bao gồm một phòng làm việc đầy giấy tờ và một bóng ma đầy ý chí báo thù. Bạn có thể tìm ra tí ti “kiểm soát được” nào trong đó không?

Khó lắm.

Ở đâu đó có thứ gì đang khóc than đau đớn và giận dữ. Con gió trong phòng làm việc vốn đã dịu đi một chút, bỗng đột ngột trở lại mạnh gấp đôi. Những tờ giấy đang cháy, bị bắt lửa từ chiếc ống, bốc lên cao, thổi thẳng vào mặt tôi. Tôi gạt chúng ra xa, nhìn chúng xoáy vòng, bị điều khiển bởi thứ gì đó vô hình. Chúng bay thành từng cơn ngang phòng, hạ xuống những cuốn sách và những chiếc giá, trên chiếc bàn và rèm cửa sổ, trên lớp giấy dán tường quần mép, trên những tập hồ sơ và những chồng thư khô xác, trên những tấm nệm ghế bụi bặm...

Như những ngôi sao vào lúc chạng vạng tối, hàng trăm đốm lửa nhỏ nhấp nháy chào đời, cái nọ tiếp nối cái kia, ở trên cao, dưới thấp và khắp xung quanh.

Lockwood đã đứng dậy, tóc và áo khoác bốc khói. Cậu hất nhẹ áo choàng sang một bên. Một ánh bạc lóe sáng: thanh kiếm đã ở trong tay cậu. Mắt cậu nhìn xoáy qua tôi vào một góc tối của căn phòng. Ở đó, giữa những tờ giấy đang xoáy tít, một hình dáng đang bắt đầu hình thành.

“Lucy!” Thật khó để nghe rõ giọng cậu giữa tiếng gió gào hú. “Phương án E! Chúng ta theo phương án E!”

Phương án E ư? Phương án E là cái quỷ quái gì vậy? Lockwood có quá nhiều phương án. Và thật khó để suy nghĩ rạch ròi khi cứ mỗi một lúc lại có thêm những chồng tạp chí bắt lửa, và những ngọn lửa đó vươn lên cao hơn, và lối thoát ra hành lang đột nhiên bị chìm trong khói và ánh sáng chói lòa.

“Lockwood!” tôi gào to. “Cửa...”

“Không có thời gian đâu! Tôi sẽ đánh lạc hướng cô ta! Cậu xử lý Nguồn nhé!”

Ồ, đúng rồi. Đó là Phương án E. Dụ Khách ra khỏi nơi tiến hành hoạt động cốt yếu. Và Lockwood đã đang nhảy múa qua làn khói, di chuyển với sự tự tin đến xác láo về phía hình dáng đang chờ đợi. Những mảng cháy

vụn bay tung quanh đầu cậu; cậu lơ chúng đi, hạ thấp thanh kiếm của mình ở một bên sườn. Cậu dường như không phòng bị. Cô gái đột ngột nhào tới; Lockwood nhảy ngược trở lại phía sau, thanh kiếm vung lên vào khoảnh khắc cuối để gạt một cánh tay ma chìa ra. Mái tóc dài màu vàng của cô ta, lẫn vào cùng với khói, cuộn xung quanh cậu từ cả hai bên; cậu cúi xuống và làm động tác giả, cắt tan những lọn tóc sương khói kia. Lưỡi kiếm của cậu nhòà đi. An toàn đằng sau lưỡi kiếm sắt sáng loáng, cậu vững bước thối lui, dụ bóng ma ra xa khỏi ống khói và mảng tường vỡ.

Nói theo cách khác, tình thế cho tôi cơ hội. Tôi nhào lên trước, chống chọi với cơn gió hung dữ. Không khí đập vào mặt tôi, gào thét bằng giọng của con người. Những đốm lửa vổ vào mặt tôi; tôi chẳng còn thở được nữa. Lửa bùng lên ở khắp mọi phía, vươn tới khi tôi đi qua. Sự phẫn nộ trong không khí đã tăng gấp đôi. Tôi gần như đứng yên trước sức cản, nhưng vẫn cố gắng rẽ gió tiến lên phía trước, từng bước từng bước một.

Bên cạnh ống khói, những giá sách đã bùng lên thành bức tường lửa; những vết lửa lan như thủy ngân loang trên sàn nhà. Đằng trước tôi là bề mặt thạch cao vương đầy những đốm sáng màu cam. Bản thân cái hốc thì ken đặc bóng tối, hầu như chẳng thể nhìn thấy vật thể bên trong đó. Đằng sau tấm màn do mạng nhện kết lại, tôi loáng thoáng thấy khuôn miệng không có môi mỉm cười.

Nhìn trực tiếp vào những thứ như thế chẳng bao giờ tốt đẹp gì. Chúng làm bạn sao nhãng khỏi công việc. Tôi giữ cho tấm lưới xích buông ra và kéo lê nó theo mình.

Gần hơn, gần hơn... từng bước từng bước một... Giờ tôi đã ở rất gần. Giờ tôi đã có thể nhìn vào cô ta nếu muốn, nhưng tôi cố giữ ánh mắt mình tránh xa khỏi khuôn mặt đó. Tôi nhìn thấy những con nhện nhỏ xúm lại trên đám mạng nhện, như chúng vẫn luôn làm thế. Tôi nhìn thấy cần cổ toàn

xương, chiếc váy hoa vải cotton phồng lên. Tôi cũng nhìn thấy một ánh vàng đột ngột lóe sáng - thứ gì đó treo dưới cổ họng cô ta.

Một sợi dây chuyền vàng nhỏ.

Tôi tới chỗ cái hốc, đứng đó với tấm lưới sẵn sàng trong tay giữa tiếng gào thét của gió và lửa. Trong một khoảnh khắc, tôi lưỡng lự, nhìn vào sợi dây chuyền vàng treo ở đó trong bóng tối. Nó kết thúc ở một mặt dây chuyền: tôi chỉ có thể nhìn thấy nó lóe sáng trong khoảng trống đáng sợ giữa chiếc váy và lồng ngực xương xẩu. Đã từng có lúc, đôi bàn tay của cô gái đó vòng sợi dây chuyền quanh cổ với suy nghĩ nó sẽ làm cho mình xinh đẹp hơn. Và nó vẫn còn ở đó, nhiều thập kỷ sau, vẫn tỏa sáng, dù rằng da thịt phía dưới nó đã đen sạm, co rúm và không còn sự sống.

Một niềm thương cảm đột nhiên dâng trào trong tim tôi.

“*Ai đã khiến cô ra nông nỗi này?*” tôi nói.

“Lucy!” Tiếng gào của Lockwood át tiếng gào rú của gió. Tôi quay đầu lại; nhìn thấy cô gái ma đang ủa lại phía tôi qua ngọn lửa bốc cao. Khuôn mặt trống rỗng, hai mắt khoan thẳng vào mắt tôi; hai cánh tay cô ta vươn ra như thể định chào đón hoặc ôm hôn.

Đó không phải cử chỉ âu yếm tôi thích. Tôi mò mẫm xọc đại cả hai tay xuyên qua đồng mạng nhện nhùng nhằng, làm cho lũ nhện chạy loạn xạ. Tôi tìm cách hạ thấp tấm lưới - nhưng nó đã bị mắc vào một mắt gỗ nào đó bên rìa cái hốc. Cô gái gần như đã ở phía trên tôi. Tôi hoảng hốt kéo mạnh; mắt gỗ gãy ra. Với một tiếng thốn thức, tôi phủ tấm lưới xích lên mái tóc khô, mềm, bụi bặm kia. Những nếp gấp bằng sắt và bạc phủ xuống cái đầu và thân trên, bọc chúng lại chắc chắn như một cái lồng.

Ngay lập tức cô gái khựng lại, đông cứng trong không khí. Một tiếng thở dài, một tiếng rên, một cái rùng mình. Tóc cô ta rũ ra đằng trước và che

khuất khuôn mặt. Quầng ánh-sáng-khác của cô ta mờ dần, mờ dần... Rồi biến mất. Cô ta biến mất khỏi thế gian như thể chưa từng tồn tại.

Và, cùng với đó, sức mạnh tràn ngập căn nhà cũng biến mất. Rồi áp suất đột ngột giảm xuống. Hai tai tôi nổ bộp. Gió ngưng bật. Căn phòng đầy những mảnh giấy cháy nhẹ nhàng xoáy vòng hạ xuống sàn.

Chỉ thế thôi. Đó là điều xảy ra khi bạn vô hiệu hóa thành công Nguồn.

Tôi hít một hơi thật sâu, lắng nghe...

Tuyệt. Ngôi nhà đã yên tĩnh. Cô gái đã ra đi.

Tất nhiên, khi tôi nói nó đã yên tĩnh, tôi chỉ có ý nói tới sự yên tĩnh ấy ở khía cạnh *tâm linh*. Lửa vẫn cháy dữ dội trong phòng làm việc. Mặt sàn bừng sáng, khói đã cuộn che kín trần nhà. Những đồng giấy chúng tôi chất bên ngoài cánh cửa chuyển sáng trắng lòe, và toàn bộ hành lang đã bắt lửa. Chẳng thể thoát ra được theo lối đó.

Ở phía bên kia căn phòng, Lockwood đang vẫy tay vội vã, trở vào ô cửa sổ.

Tôi gật đầu. Không còn thời gian để lãng phí nữa. Ngôi nhà đang cháy. Nhưng trước hết, tôi quay trở lại chỗ cái hốc và hầu như không nghĩ ngợi gì, tôi mò tay xuống dưới chiếc lưới, và (cố gắng không nghĩ về những gì khác mà tôi chạm vào ở đó) nắm lấy sợi dây chuyền vàng nhỏ - thứ đồ vẫn còn nguyên vẹn, gọi nhớ về lúc cô gái còn sống. Khi tôi kéo, sợi dây chuyền tuột ra một cách dễ dàng như thể đã được tháo móc từ trước. Tôi nhét tất cả - dây chuyền và mặt dây chuyền, mạng nhện và bụi bặm - vào trong túi áo khoác. Rồi, quay đầu lại, tôi di chuyển theo đường dích dắc giữa những đồng lửa đến chiếc bàn phía dưới cửa sổ.

Lockwood đã nhảy sấn lên đó, chân đá một chồng giấy đang cháy xuống sàn nhà. Cậu cố mở cửa sổ. Không được - có lẽ nó bị khóa hay bị kẹt, kiểu gì thì cũng thế cả. Cậu đập nó mở tung, gỗ bung ra ở chốt cửa. Tôi nhảy lên

cạnh cậu. Cuối cùng sau nhiều giờ chúng tôi mới được hít thở không khí tươi mát, ẩm ướt, đẫm sương.

Chúng tôi quỳ gối cạnh nhau ở đó, trên bậc cửa sổ. Xung quanh chúng tôi, những tấm rèm đang rít lên, bùng cháy, ở khu vườn bên ngoài, bóng chúng tôi khom mình trong một khung vuông ánh sáng nhảy nhót.

“Cậu ổn chứ?” Lockwood nói. “Ở cái hốc đó có gì nữa à?”

“Không. Chẳng có gì cả. Tôi ổn.” Tôi cười uể oải với cậu.

“Hừm, một vụ nữa đã được giải quyết.”

“Đúng vậy. Bà Hope sẽ hài lòng phải không? Đúng là nhà của bà ấy đã bị cháy, nhưng ít nhất thì không còn ma nữa...” Cậu ấy nhìn tôi. “Bởi thế...”

“Bởi thế...” Tôi nhìn qua khung cửa sổ, cố gắng nhìn xem mặt đất ở đâu trong vô vọng. Quá tối và quá xa để có thể nhìn thấy.

“Sẽ ổn thôi,” Lockwood nói. “Tôi chắc là sẽ có một vài bụi cây lớn ở dưới đó.”

“Tốt.”

“Và một cái sân bê tông nữa.” Cậu vỗ vào cánh tay tôi. “Cố lên nào, Lucy. Xoay và thả người xuống. Có vẻ chúng ta không còn lựa chọn đâu.”

Hừm, cậu đã đúng về *điều đó*. Khi tôi liếc nhìn trở lại căn phòng, ngọn lửa đã lan khắp sàn nhà. Lửa đã lan đến thành ống khói. Ngọn lửa tham lam đang ngẫu nhiên ngốn lấy cái hốc và những thứ trong đó. Tôi khẽ thở dài. “Được thôi,” tôi đáp. “Nếu cậu đã nói thế.”

Lockwood nở nụ cười đen như bồ hóng. “Trong sáu tháng qua, có khi nào tôi làm cậu thất vọng chưa?”

Tôi đang chuẩn bị mở mồm liệt kê danh sách của mình thì trần nhà bên trên chiếc bàn sụp xuống. Những thanh gỗ đang cháy và những mảng vôi vữa đổ sập xuống đằng sau chúng tôi. Có thứ gì đó đập vào lưng tôi. Nó hất

tôi ra bên ngoài khung cửa sổ. Lockwood gắng tóm lấy tôi khi tôi ngã. Cậu mất thăng bằng; tay chúng tôi chới với trong không trung. Chúng tôi dường như treo ở đó trong thoáng chốc, lơ lửng cùng nhau giữa nóng và lạnh, giữa sống và chết - rồi cả hai chúng tôi ngã nhào vào màn đêm, và chẳng có gì ngoài bóng tối xung quanh ủa tối.

**PHẦN 2**

**TRƯỚC ĐÂY**

## CHƯƠNG 5

Nhiều người quả quyết rằng Vấn đề đã luôn tồn tại cùng với chúng ta. Họ nói ma quỷ chẳng có gì *mới* cả, và chúng vẫn luôn cư xử như thế. Chẳng hạn như câu chuyện đã có gần hai nghìn năm trước đây do nhà văn người La Mã Pliny kể lại. Câu chuyện kể về một học giả mua một ngôi nhà ở Athens. Ngôi nhà rẻ một cách đáng ngờ, và chẳng bao lâu ông ta nhận ra rằng nó bị ma ám. Ngay trong đêm đầu tiên Hồn Sống của một ông già dữ tợn bị cùm đã ghé thăm ông ta. Vị Khách vẫy ông ta đến gần, và thay vì bỏ chạy, ông ta theo bóng ma ra ngoài sân, ở đó ông ta thấy nó biến mất vào lòng đất. Ngày hôm sau vị học giả đã cho người hầu đào đúng chỗ đó. Quả nhiên, chẳng bao lâu sau họ đã đào lên được một bộ xương bị cùm. Bộ xương được mang chôn lại tử tế, và ngôi nhà không còn bị ám nữa. Kết thúc câu chuyện. Các chuyên gia nói rằng, đó là một hồn ma Loại Hai điển hình, với một mục đích điển hình đơn giản - ước vọng muốn sửa chữa một điều sai trái bị giấu kín. Cũng y như những bóng ma chúng ta phải chịu đựng thời nay. Bởi thế thực sự chẳng có gì thay đổi cả.

Xin lỗi, nhưng tôi không tin điều đó. Đồng ý đó là một ví dụ hợp lý về Nguồn bị che giấu - tất cả chúng ta đều biết vô số những ví dụ tương tự. Nhưng hãy để ý hai điều. Thứ nhất: người học giả trong câu chuyện không có vẻ gì lo lắng rằng ông ta có thể sẽ bị ma chạm, và sẽ sững vù lên, cơ thể bầm tím và chết một cách đau đớn. Có lẽ chỉ là do ông ta ngu ngốc (chưa nói là do may mắn). Hoặc có lẽ Khách hồi xưa không nguy hiểm như bây giờ.

Và chắc chắn họ cũng không phổ biến nữa. Đó chính là điều thứ hai. Ngôi nhà bị ma ám trong câu chuyện của Pliny ấy? Có lẽ nó là ngôi nhà bị ma ám duy nhất ở Athens, chính vì thế mà thành ra rất rẻ. Ở đây, trong thành phố London hiện tại có *hàng chục* những ngôi nhà như thế, và lúc nào cũng có thêm nhiều những ngôi nhà khác kiểu vậy mọc lên, dù các công ty thám tử có làm gì đi nữa. Những ngày xưa đó, ma quỷ còn khá hiếm. Giờ đây chúng ta có cả một bệnh dịch. Bởi vậy tôi thấy có vẻ khá hiển nhiên là Vấn đề ngày nay không hề giống những gì xảy ra trước kia. Có thứ gì đó rất lạ và mới *đã* bắt đầu diễn ra khoảng năm mươi hoặc sáu mươi năm trước, và chẳng ai có chút manh mối chết tiệt nào về nguyên do của chuyện đó.

Nếu bạn xem những tờ báo cũ, giống như George vẫn thường làm, bạn có thể thấy những vụ người ta bắt gặp ma ở Kent và Sussex vào khoảng giữa thế kỷ trước thì thoảng được nhắc đến đâu đó. Nhưng phải khoảng một thập kỷ sau đó, một loạt những vụ việc khác mới thực sự thu hút nhiều chú ý, chẳng hạn như vụ Nỗi kinh hoàng Highgate và vụ Bóng ma ở con đường bùn đất. Ở mỗi vụ, những hiện tượng siêu tự nhiên đột ngột bùng phát kéo theo rất nhiều cái chết khủng khiếp. Những cuộc điều tra thông thường không mang lại kết quả gì, và một vài cảnh sát cũng đã hy sinh. Cuối cùng hai nhà nghiên cứu trẻ tuổi, Tom Rotwell và Marissa Fittes, đã tìm được cách lần theo dấu những vụ ma ám về Nguồn tương ứng của nó (trong vụ Nỗi kinh hoàng là một chiếc sọ người bị xây gạch bịt kín; trong vụ Bóng ma là thi thể của tên cướp đường bị đóng cọc ở một giao lộ). Chiến công của họ được ngai ca rất nhiều, và lần đầu tiên sự tồn tại của Khách thực sự in dấu trong tâm trí công chúng.

Trong những năm tiếp sau đó, rất nhiều vụ ma ám khác bắt đầu xuất hiện, đầu tiên là ở London và phía Nam, rồi từ từ trải khắp đất nước. Không khí sợ hãi bao trùm khắp nơi. Những vụ nổi loạn và biểu tình nổ ra; các nhà thờ và giáo đường trở nên phát đạt vì người ta tìm đến đó để mong được

cứu rồi linh hồn. Chẳng bao lâu sau cả Fittes lẫn Rotwell đều thành lập những trung tâm tâm linh để đáp ứng nhu cầu, mở đường cho những đối thủ kém hơn. Cuối cùng ngay cả chính phủ cũng vào cuộc, ban hành luật giới nghiêm khi đêm xuống, và đưa đèn ma vào sản xuất cho những thành phố lớn.

Tất nhiên, chẳng biện pháp nào trong số đó thực sự *giải quyết* được Vấn đề. Điều tốt nhất có thể nói là cùng với thời gian, đất nước này đã dần quen sống với hiện thực mới. Những công dân trưởng thành thu mình lại, đảm bảo nhà họ trữ đầy đủ sắt, và giao phó việc kiểm chế các nguy cơ siêu nhiên cho các công ty thám tử. Tới lượt các công ty thám tử, họ ra sức tìm kiếm những nhân viên giỏi nhất. Và bởi vì sự nhạy bén tâm linh gần như chỉ bộc lộ ở những người còn rất trẻ, nên các thể hệ thiếu nhi như chúng tôi có cơ hội đứng đầu chiến tuyến.

Tôi tên là Lucy Joan Carlyle, được sinh ra trong thập kỷ chính thức thứ tư của Vấn đề, khi nó đã trải khắp quốc đảo chúng tôi, và thậm chí cả những thị trấn nhỏ nhất cũng có đèn ma và tất cả những làng mạc đều có chuông cảnh báo. Bố tôi là người bốc vác ở một ga tàu hỏa phía Bắc nước Anh, nơi những mái ngói đá đen và những bức tường đá nằm len lỏi giữa bao ngọn đồi xanh ngát. Ông người nhỏ thó, mặt đỏ, lưng còng, gân guốc và lông lá như một con vượn. Hơi thở của ông sặc mùi bia nâu loại mạnh, hai tay ông rắn chắc và rất mau lẹ khi cần trừng phạt bất cứ đứa con nào quấy rối sự lẫm lì, lãnh đạm của mình. Tôi không nhớ ông đã từng gọi tên tôi bao giờ chưa; với tôi ông xa lạ và độc đoán. Sau khi ông bị tàu cán năm tôi lên năm, cảm xúc thực sự duy nhất của tôi là lo sợ ông có thể sẽ không để chúng tôi yên. Lúc ấy, những quy định mới của chính phủ trong luật Cái Chết Không Đúng Lúc được thực hiện sát sao. Các thầy tu rắc hạt sắt trên đường tàu nơi

tai nạn xảy ra; họ đặt hai đồng xu bạc trên mắt ông; treo một cái bùa sắt xung quanh cổ để cắt đứt mối quan hệ với hồn ma của ông. Những biện pháp đó đã hoàn thành tốt sứ mệnh của chúng. Ông chẳng bao giờ quay trở lại. Mẹ tôi nói thậm chí nếu có quay trở lại đi nữa, thì ông cũng chẳng thể gây ra rắc rối cho *chúng tôi*. Ông sẽ chỉ ám quán rượu của vùng.

Buổi sáng tôi đến trường, một tòa nhà bê tông nhỏ nằm bên bờ sông ở vùng ngoại ô thành phố. Buổi chiều tôi chơi ở những đồng cỏ đầm nước hoặc trong công viên, nhưng luôn vênh tai lắng nghe tiếng chuông giới nghiêm, và trở về an toàn trong ngôi nhà nhỏ của chúng tôi trước khi mặt trời lặn hoàn toàn. Khi đã về nhà, tôi giúp thiết lập hàng rào phòng ngự. Nhiệm vụ của tôi là đặt những cây nến oải hương lên các bậc cửa sổ và kiểm tra những chiếc bùa treo. Các chị tôi thắp những ngọn đèn và đổ nước mát vào rãnh nước chạy bên dưới hiên nhà. Tới lúc đó tất cả đã sẵn sàng để kịp lúc mẹ tôi hồi hả chạy vào nhà, ngay khi màn đêm bắt đầu buông xuống.

Mẹ tôi (hãy hình dung một người to lớn, hồng hào và phiền muộn) giặt đồ cho hai khách sạn nhỏ trong thành phố. Những thứ tình cảm mẫu tử ấm áp bà từng có đã bị bào mòn đi bởi công việc và sự mệt mỏi, nên bà chẳng còn mấy năng lượng để dành cho lũ con gái của mình, mà tôi là đứa thứ bảy và là con út. Ban ngày bà chủ yếu ở bên ngoài; buổi tối, bà ngồi sùm sụp trong làn khói oải hương, lặng lẽ xem ti vi. Bà chẳng mấy khi dành cho tôi bất kỳ sự chú ý nào, và để cho các chị tôi chăm lo cho tôi là chủ yếu. Với tôi, bà chỉ có một mối quan tâm duy nhất là sau này tôi sẽ tự kiếm sống thế nào.

Bạn thấy đấy, tất cả mọi người đều biết rằng có một thứ Năng lực chảy trong gia đình tôi. Mẹ tôi đã nhìn thấy ma hồi bà còn trẻ, trong khi hai chị tôi có đủ Nhân lực để nhận việc gác đêm ở thành phố Newcastle, cách đây ba mươi dặm. Tuy vậy, chẳng ai trong số họ thực sự có tố chất *thám tử*. Có

thể thấy rõ ràng rằng tôi khác biệt. Tôi có độ nhạy cảm khác thường với những chuyện liên quan tới Vấn đề.

Một lần nọ, chắc là hồi tôi sáu tuổi, khi đang chơi trên đồng cỏ ngập nước cùng với Mary, chị kế ngay trên tôi, chúng tôi làm mất quả bóng của chị ấy trong bụi cây và đã tìm kiếm nó rất lâu.

Cuối cùng khi chúng tôi tìm thấy nó, vùi sâu trong những rễ cây và thứ đất sét vàng dính nhớt, thì ánh sáng đã gần tắt hẳn. Bởi thế khi tiếng chuông vang vọng qua những cánh đồng thì chúng tôi vẫn đang lần đường dọc theo lối mòn cạnh bờ sông để trở về.

Chị Mary và tôi nhìn nhau. Từ hồi còn bé tí, chúng tôi đã được cảnh báo về điều gì có thể xảy ra nếu chúng tôi ở ngoài khi trời tối. Chị Mary bắt đầu khóc.

Nhưng tôi là một bé gái can trường, nhỏ thó, đen nhẻm và không biết sợ. “Không sao đâu chị,” tôi nói. “Vẫn còn khá sớm nên chúng sẽ chỉ yếu như những đứa bé thôi. Đây là nếu *có gì ở* quanh đây, mà em nghĩ chắc là không đâu.”

“Không chỉ có chuyện đó,” chị tôi nói. “Là mẹ cơ. Mẹ sẽ đánh chị sưng mông.”

“Hừm, mẹ cũng sẽ đánh em nữa mà.”

“Chị lớn hơn em. Mẹ sẽ đánh chị *cực* đau cho mà xem. *Em* sẽ không sao đâu, Lucy.”

Thực tình tôi nghi ngờ điều đó. Mẹ tôi giạt chần chín tiếng mỗi ngày, hầu hết là bằng tay, và bà có hai cẳng tay to như đùi lợn. Bà chỉ cần phát một cái thôi là mông tôi rung rinh trong cả một tuần. Chúng tôi vội vã về nhà trong sự im lặng đầy sợ hãi.

Khắp xung quanh chúng tôi là lau sậy, bùn lầy và buổi hoàng hôn xám xịt đang dần trùm xuống. Phía trước mặt, những ngọn đèn thành phố nhấp

nhánh trên một mỏm đồi, là lời nhắc nhở và cột mốc dẫn đường cho chúng tôi. Tinh thần chúng tôi phấn chấn hơn; chúng tôi có thể nhìn thấy những bậc thang cỏ dẫn lên phía con đường.

“Có phải mẹ đang gọi không?” tôi đột ngột hỏi.

“Gì cơ?”

“Có phải mẹ đang gọi chúng mình không?”

Chị Mary lắng nghe. “Chị chẳng nghe thấy gì cả. Mà dù gì thì nhà chúng mình cũng cách đây cả mấy dặm đường.”

Quả thực như thế. Thêm vào đó, dường như thứ tiếng yếu ớt, mỏng manh đó không phải vọng lại từ phía thành phố.

Tôi phóng tầm mắt qua vùng đầm lầy về phía dòng sông tối đen đang lần khuất chảy giữa những ngọn đồi. Thật khó mà chắc chắn, nhưng tôi nghĩ tôi đã nhìn thấy một bóng người đứng ở xa xa giữa đám sậy, một vệt tối còng xuống như con bù nhìn. Khi tôi nhìn cái bóng, nó bắt đầu di chuyển - không quá nhanh, nhưng cũng không quá chậm - theo một đường thẳng mà dường như sẽ cắt qua con đường phía trước chúng tôi.

Tôi thấy mình không muốn gặp người đó cho lắm, cho dù đó là ai. Tôi vui vẻ huých khuỷu tay chị tôi. “Chạy đua đoạn cuối này nhé,” tôi nói. “Chạy nào! Em thấy lạnh rồi.”

Và thế là chúng tôi chạy dọc lối mòn, và cứ vài mét tôi lại nhảy lên để quan sát và thấy con người bí ẩn đó đang hết sức cố gắng để bắt kịp chúng tôi, sai từng bước khập khiễng lách qua những thân sậy. Nhưng điều quan trọng là chúng tôi đã đi nhanh hơn và đến chỗ các bậc cỏ an toàn. Khi tôi nhìn trở lại từ hàng rào thì đồng cỏ ngập nước chỉ còn là một khoảng màu xám đơn điệu rộng bao la, chẳng có gì trong đó cho tới tận chỗ dòng sông uốn lượn, và chẳng có tiếng ai gọi chúng tôi giữa những bụi sậy cả.

Tối muộn, sau khi hết đau hông, tôi kể với mẹ về bóng người lạ, và bà nói tôi nghe về một cô gái thất tình đã tự tử ở đó, từ hồi mẹ còn trẻ. Tên cô ta là Penny Nolan. Cô ta đã lội ra giữa đám sậy, nằm xuống dòng sông và trầm mình tự tử. Như bạn đã có thể đoán ra, cô ta trở thành một Loại Hai đói khát, và đã gây rắc rối hết lần này đến lần khác cho những người từ thung lũng trở về muộn. Qua nhiều năm, thám tử Jacobs đã tốn nhiều sức ở đó để tìm Nguồn, nhưng ông ấy chẳng bao giờ tìm ra, bởi vậy có lẽ tới giờ Penny Nolan vẫn tản bộ ở đó. Cuối cùng họ thay đổi lối đi và bỏ hoang cánh đồng. Giờ đây nó trở thành một bãi hoa dại xinh đẹp.

Những sự kiện như thế đảm bảo rằng chẳng mấy chốc Năng lực của tôi đã nổi tiếng khắp khu vực. Mẹ tôi nóng lòng chờ tới khi tôi tám tuổi, rồi đưa tôi đến gặp thám tử Jacobs tại văn phòng của ông ở bên cạnh quảng trường thành phố. Việc đó rất đúng thời điểm, bởi một thám tử của ông vừa hy sinh trong khi làm nhiệm vụ ba ngày trước. Tất cả mọi thứ đều thuận lợi. Mẹ tôi có tiền lương tuần của tôi, tôi có công việc đầu tiên của mình, và thám tử Jacobs có thêm học trò mới.

Sếp tôi là người cao lớn, nhợt nhạt, ông đã điều hành văn phòng của mình hơn hai mươi năm qua. Dù được dân chúng trong thành phố tôn kính, nghề nghiệp khiến ông xa cách với họ, và vì thế ngày càng toát ra vẻ thần bí. Da ông xám xịt, mũi khoằm và ria mép đen, và ông mặc một chiếc áo vét màu đen hạt huyền hơi lỗi một chút theo kiểu người lo việc đám ma. Ông hút thuốc lá gần như liên tục, bỏ mạt giữa lộn xộn trong túi áo khoác, và chẳng mấy khi thay quần áo. Thanh kiếm của ông đã ngả vàng với những vết ố ngoại chất.

Mỗi tối, khi hoàng hôn buông xuống, ông dẫn năm hoặc sáu thám tử nhí của mình đi tuần xung quanh hạt, phản ứng theo những tiếng chuông báo

động, hoặc nếu mọi thứ yên ắng, kiểm tra những nơi công cộng. Những thám tử lớn tuổi nhất, những người đã vượt qua bài kiểm tra Cấp Ba, đeo kiếm và mang đai lưng đồ nghề; những đứa bé nhất, như tôi, chỉ mang theo những túi đồ lẻ. Dù vậy, được là một phần của nhóm và của công ty quan trọng này, ngẩng cao đầu bước đi trong chiếc áo khoác màu vàng mù tạt, với ông Jacobs vĩ đại dẫn đầu cả bọn, dường như vẫn là điều tuyệt vời đối với tôi.

Trong những tháng tiếp theo đó, tôi đã học cách trộn muối và magiê đúng tỷ lệ, cách rải mạt sắt tùy theo mức năng lượng bóng ma có thể có. Tôi đã thành thạo việc đóng gói các túi đồ và kiểm tra đuốc, đổ dầu vào đèn và kiểm tra những sợi xích. Tôi đánh bóng những thanh kiếm. Tôi pha trà và cà phê. Và khi những chiếc xe tải chở đồ nghề từ công ty Sunrise ở London tới, tôi phân loại những quả bom cùng những chiếc ống và xếp chúng lên giá.

Chẳng bao lâu ông Jacobs phát hiện ra rằng tôi nhìn Khách vừa đủ tốt, nhưng *nghe* Khách thì tốt hơn bất cứ ai. Chưa lên chín, tôi đã lần theo được những tiếng thầm thì ở Kho Thóc Đỏ tới chỗ cột đèn gậy đánh dấu mồ chôn tên cướp. Trong vụ việc đề hèn ở khách sạn Thiên Nga, tôi đã cảm nhận được những tiếng bước chân nhè nhẹ, lén lút lần theo lối đi phía sau chúng tôi, kịp cứu tất cả chúng tôi khỏi bị ma chạm. Công ty đã thưởng cho tôi bằng tốc độ thăng tiến mau chóng. Tôi vượt qua Cấp Một và Cấp Hai trong thời gian nhanh gấp đôi bình thường, và trong sinh nhật thứ mười một của mình, tôi qua được Cấp Ba. Trong cái ngày trứ danh đó tôi đã trở về nhà với thanh kiếm của riêng mình, một tờ giấy chứng nhận ép giấy bóng kính, một cuốn *cẩm nang Fates dành cho người săn ma* thừa riêng và (quan trọng hơn, điều mà mẹ tôi quan tâm) là mức lương tháng tăng vọt. Tôi giờ đây là người kiểm soát chính cho cả nhà, bốn đêm làm việc mỗi tuần của tôi cũng

kiếm được nhiều hơn mẹ tôi làm việc trong cả sáu ngày dài. Bà ăn mừng bằng cách mua một chiếc máy rửa bát mới và một chiếc ti vi to hơn.

Tuy vậy, thực sự tôi không dành nhiều thời gian ở nhà cho lắm. Các chị của tôi đều đã chuyển đi cả, ngoại trừ chị Mary, hiện đang làm việc ở một siêu thị địa phương, và tôi chẳng bao giờ có gì nhiều để nói với mẹ. Bởi vậy tôi dành thời gian tỉnh táo của mình (thường là vào buổi đêm) với những thám tử trẻ khác trong công ty của ông Jacobs. Tôi thân thiết với họ. Chúng tôi làm việc cùng nhau. Chúng tôi vui vẻ. Đôi khi chúng tôi cứu mạng nhau. Nếu các bạn quan tâm, thì tên của họ là Paul, Norrie, Julie, Steph và Alfie-Joe. Giờ họ đã chết cả rồi.

Lớn lên tôi trở thành một cô gái cao ráo, đường nét nổi bật, đậm người hơn tôi mong muốn, với đôi mắt to, lông mày rậm, một chiếc mũi dài quá mức và cặp môi dày. Tôi không đẹp, nhưng như mẹ tôi có lần đã nói, sắc đẹp không phải nghề nghiệp của tôi. Tôi rất nhanh nhẹn, nếu không nói là cực kỳ khéo dùng kiếm, và có khát vọng làm tốt mọi công việc. Tôi làm theo các mệnh lệnh một cách rất hiệu quả, và làm việc xuôi chèo mát mái với đội của mình. Tôi từng hy vọng sẽ sớm vượt qua Cấp Bốn, và sẽ sớm trở thành một trưởng bộ phận, đủ sức dẫn đầu nhóm nhỏ của mình và đưa ra những quyết định riêng. Cuộc sống của tôi rất nguy hiểm nhưng đầy thành quả, và tôi đã có thể hài lòng đôi chút - nếu như không phải vì một sự kiện quan trọng.

Người ta nói rằng khi còn là một cậu nhóc, thám tử Jacobs đã được đào tạo bởi công ty thám tử Fittes ở London. Bởi vậy, chắc chắn đã có thời ông nổi như cồn. Nhưng lúc này thì ông không còn được thế nữa. Tất nhiên rồi, giống như tất cả những người lớn khác, các giác quan của ông đã trở nên kém sắc bén từ lâu; bởi vì ông không thể dò ma được dễ dàng nữa, ông dựa vào chúng tôi để làm tai mắt cho mình. Chuyện này khá công bằng. Tất cả những người giám hộ khác đều làm như vậy. Công việc của họ là sử dụng

kinh nghiệm và trí óc nhanh nhạy để hướng dẫn những thám tử trẻ khi Khách xuất hiện, để phối hợp kế hoạch tấn công, và khi cần thiết, hỗ trợ trong các tình huống khẩn cấp. Trong những năm đầu tôi ở công ty, ông Jacobs đã làm điều này khá tốt. Nhưng vào một thời điểm nào đó trong sự nghiệp, giữa những giờ bất tận ngồi chờ và quan sát trong bóng tối, ông bắt đầu đánh mất sự can đảm của mình. Ông lùi lại ở rìa vùng bị ma ám, do dự không muốn bước vào. Hai tay ông run lên, ông hút thuốc liên tục; ông gào lên ra lệnh từ đằng xa. Ông nhảy lên khi thấy những chiếc bóng. Một đêm nọ, khi tôi lại gần ông để báo cáo, ông tưởng nhầm tôi là Khách. Trong cơn hoảng sợ ông đã phất một đường kiếm và cắt mất một mảng trên mũ tôi. Tôi thoát chết chỉ bởi vì tay kiếm của ông ấy không được vững.

Tất nhiên lũ thám tử chúng tôi biết tổng việc ấy, và chẳng ai trong số chúng tôi để tâm về điều đó. Nhưng ông là người trả lương cho chúng tôi, và ông là một người quan trọng trong thị trấn bé nhỏ của chúng tôi, bởi vậy chúng tôi cứ kệ như thế, và tin tưởng vào trực giác của chính mình. Và trên thực tế, trong một thời gian dài đã không có chuyện gì tồi tệ xảy ra, cho tới đêm đó ở Cối xay nước Wythburn.

Có một cối xay nước đầy tai tiếng ở giữa đường tới thung lũng Wythe. Đã có những vụ tai nạn, một hoặc hai người chết; và nó đã bị đóng cửa nhiều năm. Một công ty gỗ địa phương muốn sử dụng nó để làm văn phòng khu vực, nhưng họ muốn chắc chắn nó an toàn trước đã. Họ đến gặp Jacobs và yêu cầu ông tới kiểm tra, đảm bảo rằng không có gì gây hại ở đó.

Chúng tôi đi đến thung lũng vào chiều muộn và tới đó ngay sau chạng vạng. Đó là một buổi tối mùa hè ấm áp và lũ chim đang gọi nhau trên những lùm cây. Những vì sao chiếu sáng trên đầu. Cối xay là một khối lớn

sẫm màu nằm giữa những tảng đá và đám tùng, bách. Dòng suối chảy lững lờ phía dưới con đường rải sỏi.

Cánh cửa chính của cối xay nước đã được khóa lại bởi một cái khóa móc. Kính trên khung cửa đã vỡ; một tấm gỗ được đóng qua quýt bịt lỗ hổng đó lại. Chúng tôi tập hợp bên ngoài cánh cửa đó, kiểm tra các thiết bị của mình. Thám tử Jacobs, theo thói quen, tìm chỗ ngồi và thấy một chỗ ở gốc cây gần đó. Ông châm một điếu thuốc. Chúng tôi vận dụng Năng lực của mình, và báo cáo lại. Tôi là người duy nhất thu nhận được gì đó.

“Cháu nghe thấy tiếng ai đó đang khóc,” tôi nói. “Rất khẽ, nhưng khá gần.”

“Khóc kiểu gì cơ?” ông Jacobs hỏi. Ông đang nhìn những con dơi bay vụt qua trên đầu.

“Như thể một đứa trẻ.”

Jacobs lơ đãng gật đầu; ông không nhìn tôi. “Hãy lấy căn phòng thứ nhất làm căn cứ,” ông nói với chúng tôi, “và kiểm tra lần nữa.”

Cái khóa đã bị gỉ sau nhiều năm, còn cánh cửa kẹt cứng và cong vênh. Chúng tôi đẩy mở nó ra, soi đèn pin vào một căn sảnh rộng và hoang phế. Căn phòng có trần thấp và rất nhiều mảnh vụn trên những viên gạch sàn nứt vỡ. Có những chiếc bàn và ghế tựa ngả lưng, những mớ giấy nhố cũ dán trên các bức tường, và thứ mùi của đồ đạc mục nát. Bạn có thể nghe thấy tiếng con suối chảy đâu đó phía dưới sàn nhà.

Chúng tôi bước vào căn sảnh đó, kéo theo một dải khói thuốc lá. Thám tử Jacobs không vào cùng. Ông ở bên ngoài trên cái gốc cây, nhìn chăm chặp xuống hai đầu gối.

Chúng tôi đi sát nhau, vận dụng các Năng lực của mình một lần nữa. Tôi lại nghe thấy tiếng khóc đó, lần này to hơn. Chúng tôi tắt đèn pin đi và săn tìm xung quanh; và chẳng bao lâu sau chúng tôi nhìn thấy một bóng hình

phát sáng nhỏ xíu, đang cúi gập ở đằng xa, cuối lối đi dẫn sâu vào trong cối xay. Khi chúng tôi bật lại đèn pin, lối đi dường như không có gì.

Tôi quay trở ra để báo cáo những gì chúng tôi phát hiện được. “Paul và Julie nói rằng nó trông giống một đứa bé con. Cháu không thể nhìn ra các chi tiết được. Nó rất mơ hồ. Và nó không di chuyển.”

Thám tử Jacobs gảy tàn thuốc xuống cỏ. “Nó không có bất kỳ phản ứng nào với các cháu sao? Nó không cố lại gần các cháu sao?”

“Không, thưa ông. Các bạn khác nghĩ nó là một Loại Một yếu, có lẽ là tiếng vọng của một đứa trẻ đã làm việc ở đây rất lâu về trước.”

“Được rồi, tốt thôi. Hãy dùng sắt đẩy lùi nó. Rồi các cháu có thể tìm kiếm chỗ đó.”

“Vâng, thưa ông. Chỉ là, thưa ông...”

“Gì thế, Lucy?”

“Có... điều gì đó không ổn về nó. Cháu không thích nó.”

Đầu điều thuốc rực đỏ trong bóng tối khi thám tử Jacobs rít vào rất nhanh. Tay ông run run, dạo này tay ông lúc nào cũng run như thế; giọng ông có vẻ khó chịu. “Không thích nó hả? Đó là tiếng trẻ con khóc. Tất nhiên là cháu không thích nó rồi. Cháu có nghe thấy gì khác không?”

“Không, thưa ông.”

“Có thể là một âm thanh khác? Từ một Khách thứ hai, mạnh hơn?”

“Không...” Và thực sự là như thế. Tôi không nghe thấy bất cứ thứ gì nguy hiểm. Tất cả mọi thứ trong đợt kiểm tra đều có vẻ mỏng manh, dễ vỡ, gợi lên sự yếu đuối. Âm thanh đó, hình dáng đó... hầu như chúng chẳng hề xuất hiện ở đó. Chỉ là một Bóng yếu điển hình. Chúng tôi có thể xử lý nó trong chớp mắt. Nhưng đồng thời, tôi không tin tưởng nó. Tôi không thích cái cách nó thu mình lại *rất* chắc và nhỏ như thế.

“Những người khác nói sao?” ông Jacobs hỏi.

“Họ nghĩ ca này khá dễ, thưa ông. Các bạn ấy rất muốn tiến hành luôn. Nhưng đối với cháu điều đó có vẻ... không ổn.”

Tôi có thể nghe thấy ông dịch người trên gốc cây. Gió thổi xuyên qua đám cây cối. “Ta có thể ra lệnh cho họ rút ra, Lucy. Nhưng những cảm giác mơ hồ chẳng ích lợi gì. Ta cần một lý do xác đáng.”

“Không có, thưa ông... cháu nghĩ chắc là không sao...” Tôi thở dài, lưỡng lự. “Có lẽ ông vào cùng với cháu nhé?” tôi nói. “Ông có thể cho cháu biết ý kiến của ông.”

Một khoảng yên lặng nặng nề. “Cứ làm việc của các cháu đi,” thám tử Jacobs nói.

Những người khác đã mất kiên nhẫn. Khi tôi nhìn thấy bọn họ, thì họ đã tiến dọc lối đi đó, kiểm gương lên, bom muối sẵn sàng. Cách đó không xa, hình thù phát sáng đã cảm nhận được chất sắt đang tiến lại gần. Nó nao núng và co lại, sáng lập lờ lúc mờ lúc tỏ như một cái ti vi chỉnh kênh không chuẩn. Nó bắt đầu trôi về phía góc lối đi.

“Nó đang di chuyển đấy!” có ai đó nói.

“Nó đang mờ đi!”

“Nhìn kỹ nhé! Đừng để mất nó đấy!”

Nếu không quan sát được điểm biến mất của hồn ma, thì việc định vị Nguồn sẽ trở nên khó nhọc hơn nhiều. Cả đội vội tiến ào lên phía trước. Tôi rút kiếm ra, khẩn trương để bắt kịp với những người khác. Chiếc bóng giờ đã mờ tới mức gần như đã biến mất. Những e sợ của tôi đột nhiên dường như trở nên ngớ ngẩn.

Nhỏ như một đứa trẻ sơ sinh, và vẫn tiếp tục thu nhỏ lại, bóng ma lê bước khố sở quanh góc khuất, biến mất khỏi tầm nhìn. Các đồng nghiệp của

tôi vội vã đuổi theo nó; tôi cũng tăng tốc. Dù vậy, tôi chưa kịp tới được chỗ ngoặt thì một chớp lửa chói lòa xé toạc bức tường đang trước tôi. Âm thanh chói tai của sắt nóng chảy và một tiếng nổ duy nhất của pháo magiê. Trong ánh sáng ngắn ngủi của chớp lửa tôi nhìn thấy một bóng ma khổng lồ đang to dần. Ánh sáng vụt tắt.

Rồi những tiếng gào thét bắt đầu cất lên.

Tôi ngoái đầu lại, nhìn về lối đi qua căn sảnh về phía cánh cửa đang mở. Trong bóng tối chạng vạng xa xôi tôi nhìn thấy đốm đỏ nhỏ xíu của điều thuốc.

“Ông ơi! Ông Jacobs!”

Chẳng có gì.

“Ông ơi! Chúng cháu cần giúp! Ông ơi!”

Đầu điều thuốc bùng sáng lên khi ông thám tử rít một hơi. Không có tiếng trả lời đáp lại. Ông không di chuyển. Rồi gió gào rú dọc hành lang và suýt nữa quật tôi ngã xuống. Những bức tường của cối xay chao đảo; cánh cửa đang mở đóng sập.

Tôi chửi thề trong bóng tối. Rồi tôi rút một chiếc ống từ đai lưng của mình, giơ cao thanh kiếm, và chạy quanh góc hành lang về phía những tiếng la hét.

Ở phiên thẩm tra của ban điều tra những cái chết bất thường, thám tử Jacobs đã bị những người họ hàng của các thám tử hy sinh chỉ trích nặng nề, và vô số tin đồn về ông ta cũng đã được gửi tới tòa, nhưng chẳng đưa tới điều gì. Ông ta cãi rằng ông ta đã hành động hoàn toàn phù hợp với những thông tin tôi mang đến cho ông ta về sức mạnh của Khách. Ông ta khẳng định đã không nghe thấy những tiếng kêu cứu của tôi, hoặc bất cứ thứ âm thanh

nào từ bên trong cối xay, cho tới khi tôi phá được cửa sổ tầng trên và lộn nhào từ mái nhà xuống đất và thoát chết. Ông ta đã không nghe thấy bất cứ tiếng la hét nào.

Khi tôi đưa ra chứng cứ, tôi cố gắng miêu tả cảm giác khó chịu ban đầu mình cảm thấy, nhưng đã bị buộc phải thừa nhận rằng tôi đã không dò tìm được gì chắc chắn cả. Nhân viên điều tra, trong lời kết luận của mình, đã nhận xét rằng thật đáng tiếc khi báo cáo của tôi không thể hiện được chính xác hơn năng lượng của Khách. Nếu nó chính xác hơn, thì có lẽ nhiều người đã được cứu mạng. Lời phán quyết của ông ta là Tử vong do tai nạn bất ngờ, vốn là một điều bình thường trong những tình huống như thế. Những người họ hàng kia được Quỹ Fittes đền bù, và kèm theo là những tấm bia nhỏ tưởng nhớ con cháu họ ở quảng trường thị trấn. Cối xay bị phá hủy, muối được rải khắp cả chỗ đó.

Jacobs mau chóng trở lại làm việc sau đó. Ai cũng cho rằng, sau một thời gian ngắn nghỉ ngơi vượt qua nỗi đau vụ tai nạn, tôi sẽ vui vẻ đoàn tụ với ông ta. Đó không phải quan điểm của tôi. Tôi chờ ba ngày để hồi phục sức khỏe. Sáng sớm ngày thứ tư, khi mẹ và chị còn đang ngủ, tôi gói ghém đồ đạc của mình vào một chiếc ba lô nhỏ, đeo kiềng vào và rời khỏi nhà mà không hề liếc nhìn lại. Một giờ sau tôi đã ở trên chuyến tàu tới London.

## CHƯƠNG 6

### CÔNG TY LOCKWOOD & ĐỒNG SỰ,

công ty thám tử điều tra các thế lực siêu nhiên nổi tiếng, đang cần tuyển một Thám tử Hiện trường Cấp thấp. Nhiệm vụ bao gồm phân tích và xử lý các vụ ma ám tại hiện trường, ứng viên đáp ứng được yêu cầu phải là người NHẠY CẢM với các hiện tượng siêu nhiên, ăn mặc đàng hoàng, ưu tiên nữ, và không được quá mười lăm tuổi. Không nhận những kẻ vô công rồi nghề, lừa đảo và những người có tiền án tiền sự.

Nộp đơn viết tay kèm ảnh,

tới 35 Portland Row, London W1.

Tôi đứng trên đường nhìn chiếc taxi rời đi. Tiếng động cơ xa dần. Rất tĩnh lặng. Ánh mặt trời yếu ớt lấp lánh trên mặt nhựa đường và trên những dây xe đỗ nối đuôi nhau ở hai bên lề đường. Cách đó một quãng, một bé trai đang chơi trong một khoảng nắng bụi bặm, nó đang di chuyển những con ma và thám tử bằng nhựa trên nền bê tông. Những thám tử có những thanh kiếm nhỏ xíu; những con ma trông giống như những tấm chăn nhỏ nổi bông bênh. Ngoài thẳng bé ra, xung quanh chẳng có ai.

Khu vực này của London rõ ràng là một khu dân cư. Ở đây toàn những ngôi nhà chung tường cỡ lớn theo phong cách Victoria, với những sân hiên có cột chống treo những giỏ oải hương và những căn hộ ở tầng hầm có cầu thang thẳng từ đường đi vào. Tất cả mọi thứ đều toát ra vẻ cổ nịu kéo những ngày huy hoàng đã qua - những căn nhà và những con người nhìn về một

quá khứ tốt đẹp hơn. Có một cửa hàng tạp hóa nhỏ ở góc đường, kiểu cửa hàng hỗn tạp bán đủ mọi thứ từ cam cho tới xi đánh giày, từ sữa cho tới pháo magiê. Bên ngoài quán tạp hóa là một chiếc đèn ma bằng kim loại đã cũ, treo trên một cây cột hoa văn vỏ sò cao chừng hai mét rưỡi. Những cánh cửa chớp rộng gắn bản lề lớn đóng im ỉm và trơ trụi, những bóng đèn chớp sáng đã tối om, những thấu kính bị che khuất. Từng mảng gỉ sét nở bung như địa y trên khắp bề mặt sắt.

Phải làm việc quan trọng nhất trước đã. Tôi nhìn bóng mình phản chiếu trên cửa chiếc xe gần nhất, gỡ mũ xuống và vuốt tóc. Trông tôi có giống một thám tử giỏi không? Trông tôi có giống một người có kinh nghiệm và những phẩm chất phù hợp với công việc không? Hay trông tôi giống một kẻ vô danh tiểu tốt đầu bù tóc rối đã bị sáu công ty thám tử từ chối trong vòng bảy ngày? Thật khó mà nói được.

Tôi bước lên con đường đó.

Số 35 Portland Row là một nhà dân mặt trước sơn trắng, cao bốn tầng, với những cửa chớp màu xanh lá đã phai màu và những bông hoa màu hồng mọc trong những chậu cây đặt dưới cửa sổ. Nó phảng phất cái không khí của sự đồ nát, thậm chí còn hơn cả những ngôi nhà hàng xóm xung quanh. Tất cả các bề mặt của nó nhìn như thể cần đến một chút sơn, hoặc có lẽ chỉ cần chùi rửa thôi cũng được. Một tấm bảng gỗ dính phía bên ngoài hàng rào ghi:

CÔNG TY ĐIỀU TRA A.J. LOCKWOOD & ĐỒNG SỰ  
NẾU ĐẾN SAU KHI TRỜI TỐI, HÃY RUNG CHUÔNG VÀ  
ĐỢI BÊN TRONG VÀNH SẮT.

Tôi dừng lại một chút, băng khuâng nghĩ ngợi về ngôi nhà mặt phố đẹp đẽ của công ty Tendy & Các Con Trai, về những văn phòng rộng rãi của các công ty Atkins và Armstrong; nhưng trên tất cả là tòa nhà kính sáng lấp lánh của công ty Rotwell trên phố Regent... Nhưng chẳng cuộc phỏng vấn nào trong số đó đem lại kết quả tốt đẹp cho tôi. Tôi chẳng có lựa chọn nào khác. Giống như sự xuất hiện của tôi đây, đó đơn giản là điều bắt buộc phải làm.

Đẩy cánh cổng kim loại ọp ẹp, tôi bước vào một lối đi nhỏ gạch lát đá vữa. Phía bên phải tôi là những bậc cầu thang dựng đứng dẫn xuống một khoảng sân tầng hầm, một khoảng bóng râm che quá nửa bởi dây thường xuân và cây cối không được cắt tỉa cùng đám cây trồng trong chậu. Có một đường lát gạch sắt hẹp cắt ngang lối đi, và trên một chiếc cột phía trong có treo một chiếc chuông lớn với thanh gỗ bằng gỗ lùn lẳng. Phía trước là một cánh cửa sơn đen.

Bỏ qua chiếc chuông, tôi bước qua lằn ranh và gõ cửa một cách dứt khoát. Sau một chốc, một cậu trai lùn, béo, đầu tóc bóng mượt, đeo cặp kính to bự nhòm ra.

“Ồ, lại một người nữa,” cậu ta nói. “Tôi tưởng chúng tôi đã xong rồi mà. Hay cậu là nhân viên mới của Arif?”

Tôi nhìn cậu ta. “Arif là ai?”

“Chủ cửa hàng ở góc đường. Ông ấy thường cử người đưa bánh rán tới vào khoảng tầm này. Có vẻ cậu không mang theo bánh rán.” Cậu ta trông có vẻ thất vọng.

“Không. Tôi mang kiem đây.”

Cậu thiếu niên thở dài. “Vậy tôi đoán cậu là một ứng viên nữa. Tên gì?”

“Lucy Carlyle. Cậu là ông Lockwood đó hả?”

“Tôi hả? Không.”

“Tôi có thể vào được chứ?”

“Được thôi. Cô gái trước vừa mới xuống dưới rồi. Trông là thấy cô ta sẽ không trụ lại được lâu.”

Ngay khi cậu ta đang nói, một tiếng hét chất chứa nỗi sợ hãi cực độ vang lên từ bên trong ngôi nhà, và vang vọng lại trên những bức tường phủ đầy thường xuân của khoảnh sân bên dưới. Chim chóc bay toán loạn từ đám cây ra đường phố. Tôi nhảy ngược trở lui vì sốc, hai tay tự động dịch chuyển đến chuôi kiếm. Tiếng hét lắng xuống thành tiếng rên rỉ nức nở và chẳng mấy chốc thì lắng hẳn. Tôi tròn mắt nhìn gã thiếu niên ở ngưỡng cửa, cậu ta vẫn chẳng hề nhúc nhích.

“À, chúng ta đến rồi,” cậu ta nói. “Chẳng phải tôi đã nói rồi sao? Cậu sẽ là người tiếp theo. Vào đi.”

Cả cậu thiếu niên lẫn tiếng hét khiến tôi không còn thật tự tin, và tôi gần như muốn về cho rồi. Nhưng sau hai tuần ở London, tôi gần như đã hết lựa chọn; ở đây mà không xong nữa thì chẳng mấy chốc tôi sẽ phải đăng ký gác đêm cùng với những đứa trẻ vô vọng khác. Chưa kể, có cái gì đó trong cách cư xử của gã thiếu niên kia, một chút trơ trẽn trong dáng đứng của cậu ta, cho tôi thấy cậu ta phần nào đoán chừng tôi sẽ bỏ chạy. Tôi không thể chấp nhận điều đó. Bởi vậy tôi bước nhanh vượt qua cậu ta vào một hành lang rộng, mát mẻ.

Sàn nhà được lát gỗ và kê nhiều giá sách gỗ gụ. Trên đó bày rất nhiều mặt nạ của các dân tộc cùng với các đồ tạo tác khác - những chiếc bình và tranh thánh, những vỏ sò và vỏ quả bầu được trang trí rực rỡ. Một chiếc bàn con để chìa khóa đặt ngay bên trong cửa với một cây đèn bên trên, đế đèn có hình dáng như một chiếc đầu lâu pha lê. Đằng sau bàn là một chậu cây to, mẽ vành, cắm đầy ô, gậy ba toong và kiếm. Tôi dừng lại bên cạnh một giá treo áo khoác.

“Chờ một tẹo,” cậu con trai nói. Cậu ta vẫn đứng đợi ở chỗ cánh cửa mở.

Cậu ta lớn tuổi hơn tôi một chút, và thấp hơn tôi, dù rằng mập mạp hơn nhiều. Cậu ta béo lùn, không có đặc điểm nào nổi bật ngoại trừ chiếc cằm vuông khá bự. Đằng sau cặp kính, mắt cậu ta xanh biếc. Mái tóc màu hung của cậu ta gọi tôi nhớ đến một chiếc đuôi ngựa, rủ dày che rợp lông mày. Cậu ta đi giày thể thao màu trắng, mặc quần bò đã bạc, sơ vin hờ, áo phông lên xung quanh bụng.

“Sắp rồi,” cậu ta nói.

Từ phía sâu bên trong căn nhà một giọng rì rầm càng lúc càng to dần. Một cánh cửa hông bật mở: một cô gái ăn mặc đẹp đẽ đột ngột xuất hiện, đôi mắt sắc tóe lửa, khuôn mặt trắng bệch, tay kéo lê chiếc áo khoác nhần nhúm. Cô ta liếc qua tôi với vẻ giận dữ và khinh thường, rồi chửi thẳng mặt cậu béo, đá vào cửa trước khi đi qua nó, và biến mất.

“Hừm. Đúng chỉ là ứng viên loại hai thôi,” cậu béo nhận xét. Cậu ta đóng cửa và gãi chiếc mũi bự của mình. “Thôi được, nếu cậu muốn theo tôi...”

Cậu ta dẫn lối vào một phòng khách nhỏ ngộp nằng, tường sơn trắng gợi nên một vẻ hân hoan, được trang trí với những đồ tạo tác và vật tổ. Hai chiếc ghế ngả lưng và một chiếc xô pha vây quanh một bàn nước thấp, dài. Cũng bên cạnh đó, đang cười ngoác mồm, là một cậu cao gầy mặc vét sẫm màu. “Tôi thắng rồi, George,” cậu ta nói. “Tôi *đã biết* là còn một người nữa mà.”

Khi bước tới để chào cậu ta, tôi sử dụng các giác quan của mình, như tôi vẫn thường làm. Vận hết công suất của tất cả các giác quan, ý tôi là - cả giác quan bên ngoài lẫn bên trong. Để không bỏ lỡ bất cứ điều gì cả.

Thứ dễ nhận thấy nhất là một vật thể to, hình tròn nằm trên bàn, được che phủ dưới một chiếc khăn tay chấm bi xanh trắng. Liệu nó có liên quan

gì tới thái độ bức dọc của cô gái lúc trước không? Tôi nghĩ nhiều khả năng lắm chứ. Cũng có thoảng những âm thanh nữa - thứ gì đó tôi có thể *gần như* nghe được, nhưng chúng cứ nghiền nghệt trong trí óc tôi. Tôi nghĩ nếu tập trung tôi có thể nghe được... nhưng thế cũng có nghĩa là phải đứng yên như tượng, mắt nhắm, mồm mở to, và đó chẳng bao giờ là cách tuyệt vời để bắt đầu một cuộc phỏng vấn cả. Bởi vậy việc tôi làm chỉ là bắt tay cậu con trai kia.

“Xin chào,” cậu ta nói. “Tôi là Anthony Lockwood.”

“Lucy Carlyle.”

Cậu ta có đôi mắt sáng, sẫm màu và nụ cười nhếch mép khá đẹp. “Rất vui được gặp cậu. Uống trà nhé? Hay George đã mời cậu uống thứ gì rồi?”

Cậu béo làm một cử chỉ vể xem thường. “Tôi nghĩ tôi sẽ đợi xong bài kiểm tra đầu tiên đã,” cậu ta nói. “Xem cô ấy có còn ở đây không. Sáng nay tôi đã tốn nhiều túi trà lắm rồi.”

“Thì cứ tạm thời tin tưởng cô ấy trước,” Anthony Lockwood nói, “và đi đặt ấm nước đi.”

Cậu chàng kia có vẻ lưỡng lự. “Được thôi - nhưng tôi thấy cô ấy sẽ bỏ cuộc thôi.” Cậu ta chậm chậm xoay gót và nặng nhọc lê bước ra hành lang.

Anthony Lockwood vẫy tay ra hiệu cho tôi ngồi xuống ghế. “Cậu thông cảm với George nhé. Bọn tôi đã bắt đầu phỏng vấn từ lúc tám giờ sáng, và cậu ấy đói rồi. Cậu ấy đã *rất* tin tưởng rằng cô gái hồi nãy là người cuối cùng.”

“Xin lỗi nhé,” tôi nói. “Tôi cũng e là tôi không mang bánh rán cho các cậu rồi.”

Cậu ta nhìn tôi sắc lẹm. “Điều gì khiến cậu nói thế?”

“George đã nói với tôi về các nhu yếu phẩm được chuyển đến cho các cậu hằng ngày.”

“Ồ. Thế mà tôi cứ tưởng cậu là một bà đồng.”

“Thì tôi là vậy mà.”

“Ý tôi là, theo một cách không bình thường. Thôi bỏ đi.” Cậu ta ngồi xuống chiếc ghế xô pha đối diện và vuốt phẳng mấy tờ giấy trước mặt mình. Cậu ta có khuôn mặt hẹp với chiếc mũi dài và mái tóc đen bù xù. Tôi gần như choáng váng khi nhận thấy cậu ta chẳng nhiều tuổi hơn tôi là mấy. Phong thái của cậu ta tự tin đến nỗi ban đầu tôi không để ý cậu ta trẻ đến vậy. Tới giờ tôi mới băn khoăn tự hỏi tại sao trong phòng lại không có người giám sát nào.

“Tôi thấy trong thư của cậu,” cậu ta nói, “viết là cậu tới từ miền Bắc nước Anh. Từ đồi Cheviot. Có phải đã có một vụ nổi tiếng ở hạt đó vài năm trước không nhỉ?”

“Vụ nổi kinh hoàng ở mỏ than Murton,” tôi nói. “Đúng vậy. Hồi đó tôi năm tuổi.”

“Các thám tử của Fittes đã phải từ London xuống đó để đương đầu với Khách, đúng không?” Lockwood nói. “Trong cuốn *Từ điển địa lý những vụ ma ám ở nước Anh* của tôi có ghi như vậy.”

Tôi gật đầu. “Chúng tôi không dám nhìn vào chúng vì sợ chúng cướp mất linh hồn, và tất cả mọi người phải dán kín các cửa sổ tầng một, nhưng tôi vẫn cứ lén nhìn ra ngoài. Tôi nhìn thấy chúng trôi giữa đường dưới ánh trăng. Chúng nhỏ xíu như những bé gái.”

Cậu ta nhìn tôi vẻ bối rối. “Bé gái ư? Tôi tưởng chúng là hồn ma của những người thợ mỏ bị chết trong một tai nạn dưới lòng đất chứ.”

“Ban đầu thì đúng là như thế. Nhưng chúng là Biến Hình. Chúng đã thay đổi nhiều hình dạng trước khi nhận hình dạng cuối cùng.”

Anthony Lockwood gật đầu. “Tôi hiểu rồi. Bắt đầu thấy quen rồi đấy... OK, như thế hiển nhiên cậu đã biết từ trước,” cậu ta tiếp tục, “rằng cậu có

Năng lực. Cậu có Nhân lực, tất nhiên là tốt hơn so với tất cả những đứa trẻ khác, và có lòng dũng cảm để sử dụng nó. Nhưng theo lá thư của cậu, đó không phải sức mạnh thực sự của cậu. Cậu có thể nghe nữa. Và cậu có sức mạnh Mạc lực.”

“Hừm, Thính lực là sức mạnh thực sự của tôi,” tôi nói. “Khi còn nhỏ tôi thường nghe thấy những tiếng thì thầm trên đường phố - sau giờ giới nghiêm, khi tất cả người sống đã vào trong nhà cả. Nhưng tôi cũng có Mạc lực tốt, dù rằng nó thường bị hòa lẫn cùng với những điều tôi nghe thấy. Thật khó để phân tách chúng. Đối với tôi, Mạc lực đôi khi kích thích tiếng vọng của những điều đã xảy ra.”

“George cũng có thể làm một chút cái đó đấy,” cậu ta nói. “Còn tôi thì không. Với Khách thì tai tôi đặc biệt. Nhân lực là sức mạnh của tôi. Những đốm-sáng-chết và dấu vết của hồn ma, và tất cả những tàn dư của cái chết nữa...” Cậu ta cười. “Một chủ đề vui vẻ quá, phải không? Giờ quay lại nhé, ở đây ghi rằng cậu bắt đầu công việc với một thám tử địa phương ở miền Bắc...” Cậu ta xem lại tờ giấy. “Tên là Jacobs. Đúng không?”

Tôi cười nhạt; trong dạ căng thẳng, bồn chồn. “Đúng thế.”

“Cậu đã làm việc cho ông ấy trong vài năm.”

“Đúng vậy.”

“Vậy là ông ấy đã huấn luyện cậu, phải không? Cậu đã đạt được chứng chỉ Cấp Bốn cùng với ông ấy?”

Tôi khẽ dịch người trên ghế. “Đúng vậy. Từ Cấp Một tới Cấp Bốn.”

“OK...” Lockwood nhìn tôi chăm chú. “Tôi thấy là cậu không thực sự mang theo những chứng chỉ gốc của mình. Hoặc bất cứ thư giới thiệu nào từ ông Jacobs. Như thế có vẻ hơi bất bình thường, phải không? Thông thường trong những tình huống như thế này cần phải có thư giới thiệu chính thức.”

Tôi hít một hơi thật sâu. “Ông ta không cho tôi thư giới thiệu,” tôi nói. “Hợp đồng của chúng tôi kết thúc... đột ngột.”

Lockwood chẳng nói gì. Tôi có thể thấy cậu ta đang đợi nghe chi tiết hơn.

“Nếu cậu muốn nghe toàn bộ câu chuyện, tôi có thể kể,” tôi nặng nề nói. “Chỉ là... nó không phải thứ tôi thích thú gì, thế thôi.”

Tôi chờ đợi, tim đập thành thịch. Đây là khoảnh khắc quyết định. Tất cả các cuộc phỏng vấn đều đã kết thúc quanh giây phút này.

“Thế thì để lúc khác vậy,” Anthony Lockwood nói. Rồi cậu ta cười với tôi, một tia sáng ấm áp dường như lan tỏa khắp căn phòng. “Cậu biết không, chẳng hiểu cái gì làm George chậm trễ đến vậy. Một con khỉ đầu chó được huấn luyện tử tế cũng đã có thể mang trà đến lúc này rồi. Thực sự ta phải làm bài kiểm tra thôi.”

“Phải, những bài kiểm tra đó là gì vậy?” tôi hấp tấp nói. “Nếu cậu không phiền.”

“Có gì đâu. Đó là những bài kiểm tra chúng tôi sử dụng để đánh giá các ứng viên. Thành thực mà nói tôi không quá tin tưởng vào những lá thư giới thiệu của người ta, Carlyle ạ. Tôi muốn được trực tiếp thấy Năng lực của họ hơn...” Cậu ta nhìn đồng hồ. “Tôi sẽ đợi George thêm một phút nữa. Trong khi chờ đợi, tôi chắc rằng cậu muốn biết thông tin về chúng tôi. Chúng tôi là một công ty mới, mới đăng ký được ba tháng. Tôi có chứng chỉ toàn phần năm ngoái. Chúng tôi được DEPRAC\* công nhận, nhưng - phải nói rõ rằng - chúng tôi không làm việc cho họ, như Fittes hay Rotwell hoặc bất cứ công ty nào loại đó. Chúng tôi độc lập, và chúng tôi thích như thế. Chúng tôi nhận những công việc chúng tôi muốn và không thì thôi. Tất cả khách hàng của chúng tôi đều là khách hàng tư, những người có vấn đề với Khách, muốn giải quyết nhanh gọn và êm thấm. Chúng tôi giải quyết những vấn đề

của họ. Họ trả cho chúng tôi khá hời. Tóm lại về công ty thì là như thế. Có câu hỏi gì không?”

Khi vấn đề về quá khứ gần đây của tôi đã được dẹp sang một bên, lúc này con đường của tôi đã khá rộng mở. Tôi sẽ không làm hỏng cơ hội này. Tôi ngồi ngay ngắn trên ghế xô pha, cố sao cho lưng thật thẳng, hai tay đặt gọn ghẽ trên đùi. “Ai là người giám sát các cậu?” tôi hỏi. “Tôi cũng cần gặp họ chứ?”

Một nét nhăn thoáng qua trên trán cậu con trai. “Không có người giám sát ở đây. Không có người lớn. Đây là công ty của tôi. Tôi là người chịu trách nhiệm. George Cubbins là phó.” Cậu ta nhìn tôi. “Nhiều ứng viên có vấn đề với mô hình này, bởi vậy họ đã không đi được quá xa. Chuyện này có làm cậu bận tâm không?”

“Ồ không,” tôi nói. “Không, tôi thích như thế mà.” Có một khoảng lặng ngắn. “Thế... luôn chỉ có hai cậu à? Chỉ có cậu và George?”

“Hừm, thường thì bọn tôi có một trợ lý. Hai người là đủ để đương đầu với hầu hết các Khách, nhưng trong những vụ khó thì cả ba đứa bọn tôi cùng đi. Ba là con số kỳ diệu mà.”

Tôi chậm rãi gật đầu. “Tôi hiểu rồi. Thế điều gì đã xảy ra với trợ lý vừa rồi vậy?”

“Robin tội nghiệp ư?Ồ, cậu ấy... đi tiếp.”

“Sang một công việc khác ư?”

“Có lẽ 'ngừng việc' thì sẽ chính xác hơn. Hoặc, thực chất, 'ra đi'. À, tốt rồi! Trà!”

Cửa hành lang mở ra và mông cậu chàng mập mạp cài số lùi qua nó, theo sát là phần còn lại của cậu ta. Cậu ta trình trọng quay lại và bước tới, mang theo một chiếc khay với ba chiếc cốc bốc khói và một đĩa bánh bích quy. Cho dù cậu chàng đã làm gì trong bếp trong suốt thời gian đó đi nữa,

thì lúc này trông cậu ta tươi tắn hơn lúc trước: áo đã bỏ ra khỏi quần, và vạt tóc giờ đã che xuống mắt. Cậu ta đặt khay lên chiếc bàn bên cạnh cái khối được che khăn, và nhìn tôi nghi hoặc. “Vẫn còn ở đây hả?” cậu ta nói. “Tưởng là giờ này cậu đã chạy mất tiêu rồi chứ.”

“Chưa làm bài kiểm tra mà George,” Lockwood ung dung nói. “Cậu vào vừa kịp lúc.”

“Tốt lắm.” Cậu ta lấy cái cốc lớn nhất và lui về chiếc ghế xô pha.

Có một khoảng lặng lịch sự khi những chiếc cốc được chuyển cho từng người, đường sữa được mời và bị từ chối. “Nào, lấy một chiếc bánh quy đi,” Lockwood nói. Cậu ta đẩy chiếc đĩa về phía tôi. “Cậu ăn đi. Nếu không George sẽ ăn hết đấy.”

“OK.”

Tôi lấy một chiếc bánh quy. Lockwood cắn một miếng lớn và phui tay.

“Phải rồi,” cậu ta nói. “Chỉ một vài bài kiểm tra thôi, Carlyle ạ. Chẳng cần phải lo lắng gì đâu. Cậu sẵn sàng chứ?”

“Sẵn sàng.” Tôi có thể cảm thấy hai con mắt bé xíu của George đang dán chặt vào mình, và thậm chí cả giọng điệu hững hờ của Lockwood cũng chẳng thể che giấu được sự háo hức. Nhưng họ đang đối diện với người đã một mình sống sót qua vụ Cối xay Wythburn. Tôi sẽ không lo lắng vì chuyện này đâu.

Lockwood gật đầu. “Thế thì chúng ta sẽ bắt đầu ở đây.” Cậu ta uể oải với tay về phía chiếc khăn tay chấm bi, và sau một khoảng lặng trang trọng, lật nó sang một bên.

Trên bàn là một bình trụ thủy tinh to, trong và dày, trên đỉnh bịt một nút nhựa màu đỏ. Có những tay cầm nhỏ ở gần đỉnh trụ để bê: nó gọi cho tôi nhớ những bình thủy tinh cổ hẹp loại lớn mà bố tôi thường dùng để ủ bia. Tuy vậy, thay vì thứ chất lỏng màu nâu lên men, nó chứa một thứ khói màu

vàng bết đặc - không bất động hoàn toàn, mà dịch chuyển rất chậm. Ở chính giữa là một thứ gì đó to và sẫm màu.

“Câu nghĩ đây là cái gì?” Lockwood hỏi.

Tôi khom người, nhìn kỹ thứ đó. Khi xem xét thật gần, tôi nhận thấy cái nút có một vài vành bảo vệ và được gắn xi hai lần. Có một ký hiệu nhỏ được chạm nổi trên thành ống: một mặt trời tỏa sáng nhưng đồng thời cũng là một con mắt.

“Nó làm bằng thủy-tinh-bạc,” tôi nói. “Do công ty Sunrise sản xuất.”

Lockwood gạt đầu và khẽ cười. Tôi cúi người sát hơn. Tôi dùng móng tay ngón giữa gõ vào thành thủy tinh; ngay lập tức làn khói bị đánh thức, lẫn tăn lan ra phía ngoài từ điểm va chạm, và cùng lúc đó trở nên dày hơn, vón cục hơn. Khi tan ra, nó để lộ vật thể được chứa trong chiếc bình: một cái sọ người đã nâu và ố đen, được gắn chặt dưới đáy.

Những gợn khói méo mó, vặn vẹo; chúng làm thành vẻ kinh hoàng của một khuôn mặt, với cặp mắt trợn trống rỗng và cái miệng há hốc. Chỉ một chốc sau khuôn mặt đó nhập vào chiếc sọ phía dưới. Tôi bật người ra xa chiếc bình. Khuôn mặt hóa thành những dải ruy băng như những dòng suối xoắn quanh thành bình và lúc này đã trở lại đứng yên.

Tôi hăng giọng. “Đó là một chiếc bình ma,” tôi nói. “Cái sọ là Nguồn, và con ma đó gắn với nó. Tôi không biết nó thuộc loại gì. Có thể là Ma Khí hoặc là Hồn Sống.”

Nói rồi, tôi ngồi ngả lưng ra sau trong một tư thế trễ nải, vô tư lự, như thể xử lý Khách trong bình đã là công việc hằng ngày trong tuần của tôi. Sự thực là tôi chưa từng nhìn thấy con nào và ma hình vừa rồi *đã* làm tôi sốc. Nhưng không đến mức quá sốc: sau tiếng thét của cô gái lúc trước, tôi đã đoán chừng sẽ có *thứ gì đó*. Thêm vào đó tôi đã từng nghe nói đến những vật chứa như thế này từ trước rồi.

Nụ cười của Lockwood dừng khựng lại, như thể không chắc nên tỏ ra ngạc nhiên, thích thú hay thất vọng. Cuối cùng, thích thú đã chiến thắng. “Tuyệt, đúng rồi,” cậu ta nói. “Tốt lắm.” Cậu ta phủ khăn tay trở lại trên chiếc bình trụ đó, và hơi chật vật xếp nó khuất xuống dưới bàn.

Cậu béo húp soạt một ngụm trà. “Cô ấy đã run,” cậu ta nói. “Cậu có thể thấy điều đó.”

Tôi lơ câu nhận xét đi. “Cậu kiểm được chiếc bình ở đâu vậy?” tôi hỏi. “Tôi tưởng chỉ có Rotwell và Fittes có chúng thôi chứ.”

“Câu hỏi thì để sau nhé,” Lockwood nói. Cậu ta mở một ngăn kéo bàn nước, lôi ra một chiếc hộp nhỏ màu đỏ. “Giờ, nếu có thể, tôi muốn kiểm tra Năng lực của cậu. Tôi đã có vài thứ sẵn sàng rồi. Nếu cậu cảm nhận được thì nói cho tôi biết nhé” - cậu ta mở chiếc hộp và lấy một vật đặt lên bàn - “cậu có thể cảm nhận được âm vọng siêu tự nhiên gì ở đây?”

Đó là một chiếc cốc sứ trắng loại thông thường đã cũ, để có rãnh và mé một miếng ở tay cầm. Có một vết ố trắng lạ phía trong miệng cốc, nó dày hơn về phía đáy cốc, trở thành một cục cặn cứng.

Tôi cầm chiếc cốc lên tay và nhắm mắt lại, xoay từ đẳng này sang đẳng kia, khẽ lướt tay trên bề mặt cốc.

Tôi lắng nghe, đợi những tiếng vọng... Chẳng có gì đến với tôi cả.

Thế này thì không ổn rồi. Tôi lắc đầu, xóa sạch những điều phân tâm khỏi trí óc mình, cố hết sức chặn tiếng xe cộ thì thoảng lại vang lên trên đường phố bên ngoài, và những tiếng xì xụp uống trà vọng tới còn thì thoảng hơn nữa từ ghế xô pha của George. Tôi cố lần nữa.

Không, vẫn chẳng có gì.

Sau một vài phút tôi đầu hàng. “Tôi xin lỗi,” cuối cùng tôi nói, “tôi chẳng cảm nhận được bất cứ thứ gì cả.”

Lockwood gật đầu. “Tôi hy vọng là không. Đây là chiếc cốc George dùng để đựng bàn chải đánh răng của cậu ấy. Tốt. Bài kiểm tra tiếp theo nào.” Cậu ta cầm chiếc cốc lên và tung nó về phía cậu béo, cậu này bắt lấy nó với một vẻ sung sướng.

Tôi thấy mình chưng hửng; tôi biết má mình đang đỏ ửng.

Tôi cầm ba lô đứng phắt lên. “Tôi không ở đây để làm trò cười,” tôi nói. “Tôi sẽ tự tìm đường ra.”

“Ồ,” George nói. “Nóng tính quá.”

Tôi nhìn cậu ta. Mái tóc của cậu ta, cái khuôn mặt tròn ú, bóng nhẫy của cậu ta, cặp kính nhỏ ngớ ngẩn của cậu ta: *tất cả* mọi thứ ở cậu ta đều làm tôi giận tím gan tím ruột. “Đúng thế đấy,” tôi nói. “Đứng ra đằng này và tôi sẽ cho cậu thấy *chính xác* là tôi nóng tính cỡ nào.”

Cậu ta chớp mắt nhìn tôi. “Được thôi.”

“Cậu có nhúc nhích gì đâu.”

“Hừm, đây là một chiếc ghế xô pha sâu lòng. Tôi cần chút thời gian mới đứng dậy được.”

“Thôi nào, cả hai cậu,” Anthony Lockwood nói. “Đây là một buổi phỏng vấn, không phải một trận đấu quyền anh. George: im miệng đi. Carlyle: tôi xin lỗi vì đã làm cậu giận, nhưng đây là một bài kiểm tra nghiêm túc, và cậu đã xuất sắc vượt qua. Cậu sẽ rất ngạc nhiên khi biết rằng rất nhiều ứng viên của chúng tôi đã bịa ra những câu chuyện trời ơi đất hỡi về thuốc độc, tự tử và giết người. Chỉ cần câu chuyện ôn hòa nhất của họ là sự thực, nó cũng đã là chiếc cốc bị ma ám dã man nhất ở London rồi. Giờ xin mời hãy ngồi xuống. Cậu có thể nói với tôi điều gì về những thứ này?”

Từ chiếc ngăn kéo dưới bàn: ba thứ mới, được đặt cạnh nhau trước mặt tôi. Một chiếc đồng hồ đeo tay của nam giới, mạ vàng quanh viền, với dây

đeo băng da màu nâu đã cũ; một mảnh ruy băng bằng ren màu đỏ; và một con dao nhíp mỏng, lưỡi dài, cán nạm ngà.

Tôi thấy bớt khó chịu với các chiêu trò của họ. Đây là một thử thách ra trò. Tôi quắc mắt nhìn George rồi ngồi xuống và trải mấy đồ vật đó ra xa nhau một chút, để cho những đặc tính bị ẩn giấu (nếu có) của chúng không bị lẫn vào nhau. Rồi tôi cố gắng làm thanh sạch đầu óc kỹ càng nhất có thể, rồi cầm từng chiếc một lên.

Thời gian trôi đi; tôi kiểm tra mỗi thứ ba lần.

Tôi đã làm xong. Khi mắt tôi lấy lại được tiêu cự, tôi thấy George đang cúi mũi vào một cuốn truyện tranh cậu ta kiếm được từ đâu đó, còn Lockwood đang ngồi như cũ, hai tay đan vào nhau, quan sát tôi.

Tôi hớp một ngụm thật dài thứ trà đã nguội. “Có ứng viên nào khác của các cậu cảm nhận đúng chưa?” tôi khẽ hỏi.

Lockwood mỉm cười. “Thế cậu có cảm nhận được đúng không?”

“Những tiếng vọng rất khó phân biệt,” tôi nói, “và tôi nghĩ chính vì thế mà cậu đã đưa cho tôi tất cả cùng một lúc. Chúng đều rất mạnh, nhưng khác hẳn nhau về chất. Cậu muốn thứ nào trước?”

“Con dao.”

“Được. Con dao có một vài tiếng vọng mâu thuẫn nhau: tiếng cười của một người đàn ông, những tiếng súng, thậm chí có thể là tiếng chim hót. Nếu có một cái chết gắn liền với nó - mà tôi nghĩ hẳn là phải thế, vì tôi có thể cảm thấy tất cả những điều này - nó không thể là một cái chết bạo lực hoặc buồn khổ. Cảm giác mà tôi có từ nó rất nhẹ nhàng, gần như là vui vẻ.” Tôi nhìn cậu ta.

Mặt Lockwood không tỏ vẻ gì cả. “Thế còn mảnh ruy băng?”

“Những dấu vết trên mảnh ruy băng,” tôi nói, “mờ nhạt hơn trên con dao, nhưng sắc thái tình cảm mạnh hơn nhiều. Tôi nghĩ tôi đã nghe thấy

tiếng khóc, nhưng nó rất loáng thoáng. Điều tôi cảm nhận rõ nhất là nỗi buồn; khi tôi cầm nó, tôi cảm giác như tim mình tan vỡ.”

“Còn về chiếc đồng hồ?” Mắt cậu ta chăm chú nhìn tôi. George vẫn đang đọc cuốn truyện tranh của cậu ta - *Đêm Ả Rập kinh hoàng*; cậu ta uể oải giở một trang sách.

“Chiếc đồng hồ...” tôi hít một hơi thật sâu. “Những tiếng vọng ở đây không mạnh như trên dải ruy băng hay trên con dao, nó làm tôi nghĩ rằng chủ nhân của nó chưa chết - hoặc đã không chết trong khi đang đeo nó, theo bất cứ cách nào. Nhưng dù sao thì đã có cái chết gắn liền với nó. Rất nhiều cái chết. Và... nó không hề dễ chịu. Tôi đã nghe thấy tiếng ai đó cao giọng và... và gào thét, và...” tôi rùng mình khi nhìn nó khẽ lóe sáng trên bàn cà phê. Mỗi một vết xước trên chiếc vỏ đồng hồ mạ vàng đó, mỗi một vết xước trên sợi dây đeo nhỏ bé bằng da cong queo đã sờn đó đều khiến tôi kinh hãi. “Đó là một thứ đê hèn,” tôi nói. “Tôi chẳng thể cầm nó được lâu. Tôi không biết nó là gì hay cậu kiếm được nó từ đâu, nhưng chẳng ai nên chạm vào thứ này, không bao giờ. Chắc chắn nó không dành cho một cuộc phỏng vấn ngu ngốc.”

Tôi nhào ra trước, lấy hai chiếc bánh quy cuối cùng từ đĩa và ngồi ngả lưng mà nhai sồn sột. Đó là một trong những khoảnh khắc khi con sóng Bất Cần xô vào ta, và ta thả lỏng người nằm ngửa trên đó, nhìn lên trời cao. Tôi đã quá mệt. Đây đã là buổi phỏng vấn thứ bảy trong nhiều ngày vừa rồi. Hừm, tôi đã làm tất cả những gì mình có thể, và nếu Lockwood và tên George ngu ngốc này không nhận ra giá trị của những nỗ lực ấy - thì thực sự tôi cũng chẳng bận tâm.

Có một khoảng lặng dài. Hai tay Lockwood đan vào nhau giữa hai đầu gối; cậu ta ngồi ngả người về trước như một cha xứ trên bệ xí, nhìn vào hư không, với một vẻ đau đớn, trầm ngâm trên khuôn mặt. George lúc này vẫn

đang vùi đầu trong cuốn truyện tranh. Có lẽ đối với cậu ta, tôi hiện diện mà cũng như không.

“Hừm,” cuối cùng tôi nói, “tôi chắc là tôi biết phải ra lối nào.”

“Nói với cô ấy quy tắc về bánh quy đi,” George nói.

Tôi nhìn cậu ta. “Gì cơ?”

“Nói với cô ấy đi, Lockwood. Chúng ta phải thẳng thắn về điều này nếu không sẽ là thảm họa đấy.”

Lockwood gật đầu. “Quy tắc ở đây là mỗi thành viên của công ty chỉ được lấy một chiếc bánh quy khi đến lượt. Hãy thật công bằng và trật tự. Lấy hai cái cùng lúc những khi căng thẳng là không được.”

“Một chiếc bánh quy mỗi lần ư?”

“Đúng vậy.”

“Ý cậu là tôi đã được nhận vào làm?”

“Tất nhiên cậu đã được nhận,” cậu ta nói.

## CHƯƠNG 7

Số 35 Portland Row, tòa nhà vừa là nơi ở vừa là trụ sở của các thám tử công ty Lockwood & Đồng sự, là một nơi khá bất ngờ. Từ phố trông vào thì vuông vắn và thấp tè, nhưng thực sự nó nằm trên đỉnh của một sườn dốc thoải thoải, bởi thế phần lưng của nó chìa ra cao hơn hẳn phía trên một đồng lộn xộn những khu vườn quây tường gạch. Nó có bốn tầng, từ nhỏ tí xiu (tầng gác mái) cho tới rộng thênh thang (tầng hầm). Nhìn chung ba tầng ở bên trên được dùng để ở trong khi tầng hầm được dùng làm văn phòng; trên thực tế, cách phân chia như thế dường như thường bị xóa nhòa. Chẳng hạn như khu vực để ở có tất cả các loại cửa bí mật dẫn tới những giá vũ khí, hoặc mở ra để trở thành bảng phi tiêu, hoặc giường dự phòng, hoặc những tấm bản đồ khổng lồ của thành phố London với những cây ghim màu ghim đầy bên trên. Trong khi đó tầng hầm cũng được sử dụng làm khu giặt giũ, điều đó có nghĩa là bạn sẽ tập động tác xoay nửa người kiểu Wessex trong phòng tập kiểm với một chuỗi tất treo trên một dây phơi quần áo cạnh đầu bạn, hoặc đổ đầy muối vào các hộp trong khi chiếc máy giặt gầm gào âm ỉ cạnh tai.

Tôi ngay lập tức thích mọi thứ thuộc về ngôi nhà, dù rằng nó cũng làm tôi bối rối. Nó là một ngôi nhà lớn, đầy những thứ đắt tiền của người lớn, ấy vậy mà chẳng có bóng dáng của người lớn đâu cả. Chỉ có Anthony Lockwood và trợ lý của cậu ta, George. Và giờ là tôi nữa.

Buổi chiều đầu tiên ở đó, Lockwood dẫn tôi đi xem một vòng. Cậu ta chỉ cho tôi xem gác mái trước, thấp tè dưới những mái chìa dốc. Gác mái có hai phòng: một phòng tắm nhỏ tí xiu, trong đó bồn rửa mặt, vòi hoa sen và bồn

vệ sinh như chồng lên nhau; và một phòng ngủ áp mái rất đẹp, chỉ vừa đủ rộng cho một chiếc giường đơn, tủ quần áo và tủ ngăn kéo. Đối diện với giường, một chiếc cửa sổ mái vòm có chấn song nhìn ra phố Portland Row tới tận chỗ cây đèn ma ở góc phố.

“Đây là chỗ tôi ngủ hồi còn bé,” Lockwood nói. “Đã lâu rồi không có ai dùng nó; người trợ lý hồi trước, Chúa thương xót linh hồn cậu ấy, đã chọn sống ở bên ngoài. Cậu có thể dùng nó, nếu cậu thích.”

“Cảm ơn,” tôi nói. “Tôi rất thích.”

“Tôi biết phòng tắm khá nhỏ, nhưng ít nhất thì nó là của riêng cậu. Có một phòng to hơn ở dưới tầng, nhưng phải dùng chung khăn tắm với George.”

“Ô, tôi nghĩ ở đây là ổn rồi.”

Chúng tôi rời khỏi gác mái, nối đuôi nhau xuống những bậc thang hẹp. Hành lang phía dưới tối và ẩm ướt, với một tấm thảm tròn màu vàng ở giữa sàn. Những giá sách ở góc nhà được nhét đầy những quyển sách bìa mềm đủ thể loại: những cuốn *Niên giám Fittes* và *Lý thuyết linh hồn* của Mottram đã cũ sờn, cùng một loạt tiểu thuyết rẻ tiền - hầu hết là chuyện giật gân và trinh thám hư cấu - thêm cả những tác phẩm nghiêm túc về tôn giáo và triết học. Trong hành lang và phòng khách bên dưới, rất nhiều đồ tạo tác của các dân tộc được trang hoàng trên tường - bao gồm cả một loại lục lạc đường như được làm từ xương người.

Lockwood bắt gặp tôi đang nhìn nó. “Đó là cây đuổi ma của người Polynesia\*,” cậu ta nói. “Thế kỷ 19. Dùng để xua đuổi các linh hồn bằng âm thanh chói tai.”

“Có tác dụng không vậy?”

“Chẳng biết nữa. Tôi vẫn chưa dùng thử. Có lẽ cũng đáng để thử đấy.” Cậu ta chỉ vào một cánh cửa gần đó. “Đó là phòng tắm, nếu như cậu cần

đến. Đây là phòng tôi, còn kia là phòng George. Tôi sẽ cẩn thận khi bước chân vào đó. Có lần tôi đã bước vào khi cậu ấy đang khóa thân tập yoga.”

Tôi vất vả lắm mới xua được hình ảnh đó ra khỏi đầu. “VẬY đây là nhà của cậu hồi cậu còn bé?”

“À, hồi đó thì nó thuộc về bố mẹ tôi. Giờ nó là của tôi. Và tất nhiên là cả của cậu nữa, chừng nào cậu còn làm việc ở đây.”

“Cảm ơn cậu. Thế có phải bố mẹ cậu đã...”

“Giờ tôi sẽ dẫn cậu xem bếp,” Lockwood nói. “Tôi nghĩ giờ George đang nấu bữa tối đấy.” Cậu ta bắt đầu bước xuống cầu thang.

“Trong đó là gì vậy?” tôi hỏi đột ngột. Có một cánh cửa mà cậu ta không dả động đến; nó không khác biệt gì so với những cánh cửa khác, và ở ngay cạnh phòng cậu ta.

Cậu ta cười. “Đó là phòng riêng, nếu cậu không phiền. Đừng lo, nó không thú vị lắm đâu. Đi nào! Vẫn còn rất nhiều thứ để xem dưới này đấy.”

Tầng một - bao gồm phòng khách, thư viện và bếp - rõ ràng là trái tim của ngôi nhà này, căn bếp là nơi chúng tôi sẽ sử dụng nhiều nhất. Nó là nơi chúng tôi tập trung ăn nhẹ trước các chuyến điều tra; cũng chính là nơi chúng tôi cùng nhau ăn bữa muộn vào buổi sáng ngày hôm sau. Dáng vẻ của nó phản ánh sự hòa quyện giữa công việc và thời gian nghỉ ngơi. Trên các bề mặt gỗ ngang mọi thứ vụn vặt thông thường- những hộp bánh quy, những tô hoa quả, những túi khoai tây chiên - nhưng cũng có cả những túi muối và sắt, đã được cân đo cẩn thận và sẵn sàng để dùng. Có những thanh kiếm thò ra đằng sau đám thùng rác và những đôi ủng làm việc lấm lem những vệt sinh chất đang được ngâm trong một cái xô. Kỳ lạ nhất là chiếc bàn bếp và tấm khăn trải bàn lớn màu trắng trên đó. Che phủ phân nửa tấm khăn là một mạng lưới những ghi chú nguệch ngoạc, những biểu đồ, và cả những bức vẽ về một số kiểu Khách - Hồn Chết, Ma Hoang và Bóng.

“Bọn tôi gọi đây là tấm khăn suy ngẫm,” Lockwood nói. “Chuyện này không nhiều người biết, nhưng tôi đã xác định được vị trí xương của ma cà rồng phố Fenchurch bằng cách vẽ phác sơ đồ đường phố ở đây bằng trà và pho mát nướng vào bốn giờ sáng đấy. Bọn tôi có thể ghi lại những lưu ý, những giả thuyết, lần theo những luồng suy nghĩ thú vị... Nó là một công cụ rất hữu dụng.”

“Cũng là chỗ tiện để trao đổi những tin nhắn lỏ mắng khi một vụ điều tra nào đó bế tắc và chúng tôi không thèm nói chuyện với nhau nữa,” George nói. Cậu ta đang đứng cạnh bếp trông nồi thịt hầm.

“Ồ, thế chuyện đó có xảy ra thường xuyên không?” tôi hỏi.

“Không, không, không,” Lockwood nói. “Hầu như chẳng bao giờ.”

George mạnh tay đảo thịt hầm. “Cứ đợi đi rồi cậu sẽ thấy.”

Lockwood vỗ hai tay vào nhau. “Tốt rồi. Tôi đã chỉ cho cậu xem văn phòng chưa nhỉ? Cậu sẽ chẳng bao giờ đoán được lối vào ở đâu đâu. Nhìn này - nó ở đằng này.”

Hóa ra văn phòng làm việc dưới tầng hầm của Lockwood & Đồng sự được dẫn thẳng ra từ bếp. Đó không hẳn là một cánh cửa *bí mật* - tay nắm cửa sờ sờ trước mắt - nhưng nhìn từ bên ngoài thì nó chẳng khác gì cửa một chiếc tủ đồ bình thường. Lớp gỗ và hình dạng tay nắm của nó giống y chang cửa những chiếc tủ bếp khác. Tuy vậy, khi bạn mở nó ra, một chiếc đèn nhỏ bật lên, để lộ ra một cầu thang xoắn ốc dốc đứng xuống dưới.

Dưới chân cầu thang là một dãy các căn phòng thông thống, trơ gạch không trát, được ngăn cách bởi những khung vòm, cột và các khoảng tường rộng trát vữa. Chúng được chiếu sáng bởi một cửa sổ rộng nhìn ra khu vườn sum sê ở phía trước nhà và những cửa sổ trần đặt nghiêng trở xuống từ mặt sân chạy dọc nhà. Khu vực lớn nhất chứa ba chiếc bàn, một tủ đựng hồ sơ, hai chiếc ghế bành màu xanh cũ kỹ và một chiếc giá sách khá ọp ẹp mà

Lockwood đã lắp ghép lại để chứa giấy tờ của mình. Một quyển sổ cái lớn màu đen nằm hoành tráng trên chiếc bàn chính giữa.

“Sổ ghi các vụ điều tra của chúng tôi,” Lockwood nói. “Nó có lịch sử tất cả những vụ chúng tôi điều tra. George đã biên soạn nó và tham chiếu chéo tất cả mọi thứ với những tập hồ sơ ở trên kia.” Cậu ta khẽ thở dài. “Cậu ấy thích sắp xếp các thứ. Tôi thì chỉ động việc nào làm việc đấy.”

Tôi liếc nhìn những hộp hồ sơ trên giá. Mỗi một hộp đều được gắn nhãn ngăn nắp theo loại và tiểu loại: *Loại Một: Bóng*; *Loại Một: Ma Ấn*; *Loại Hai: Yêu Tinh*; *Loại Hai: Ma Khí* và tất cả những thứ khác, ở cuối dãy là một tập hồ sơ mỏng được ghi nhãn *Loại Ba*. Tôi nhìn nó.

“Cậu đã bao giờ thực sự gặp Loại Ba chưa?” tôi hỏi.

Lockwood nhún vai. “Chẳng bao giờ. Tôi không chắc chúng có tồn tại không nữa.”

Qua một khung vòm ở mé vắn phòng chính là một phòng phụ, hoàn toàn trống trơn ngoại trừ một giá kiếm, một tô bột phấn và hai hình nộm Khách được treo từ xà nhà xuống bằng xích sắt. Một hình nộm đội mũ bê rê, còn hình nộm kia đội mũ chóp cao. Cả hai đều đầy lỗ.

“Đây là Joe và Esmeralda,” Lockwood nói. “Chúng được đặt tên theo Quý cô Esmeralda và Joe Bồng Bềnh, hai con ma nổi tiếng trong *Hồi ký* của Marissa Fittes. Đương nhiên đây là phòng tập kiếm. Chúng tôi tập kiếm ở đây mỗi buổi chiều. Tất nhiên, cậu đã thành thạo kiếm lắm rồi, vì cậu đã qua được Cấp Bốn...” Cậu ta liếc nhìn tôi.

Tôi gật đầu. “Tất nhiên rồi. Đúng thế. Chắc chắn.”

“... nhưng luyện tập để giữ sức khỏe thì cũng chẳng mất gì phải không? Tôi muốn thấy cậu trở tài. Còn đằng này” - Lockwood dẫn tôi tới một cánh cửa kim loại có khóa móc được xây chìm vào tường - “là nhà kho tối mật của chúng tôi. Hãy xem bên trong nhé.”

Nhà kho này là khu vực tách biệt duy nhất của tầng hầm - một căn phòng nhỏ, không cửa sổ, đầy những giá đỡ và những chiếc hộp. Tất cả những vật dụng quan trọng đều được cất giữ ở đây - rất nhiều ấn bạc, xích sắt, pháo và hộp các loại đặt hàng trực tiếp từ công ty Sunrise. Vào lúc này, nó cũng là nơi chứa chiếc bình ma, với cái đầu lâu màu nâu bị dính chặt dưới đáy cùng vật chủ ngoại chất, được che giấu bên dưới mảnh vải chấm bi.

“George thỉnh thoảng lấy nó ra làm thí nghiệm,” Lockwood nói. “Cậu ấy muốn quan sát hồn ma phản ứng như thế nào với các kích thích khác nhau. Bản thân tôi muốn cậu ấy phá hủy thứ đó đi, nhưng chả hiểu sao cậu ấy cứ bám chặt lấy nó.”

Tôi nhìn mảnh vải một cách ngờ vực. Cũng như trong cuộc phỏng vấn, tôi nghĩ mình có thể *gần như* nghe được một âm thanh của linh hồn, một tiếng ngân khe khẽ ở rìa vùng nhận thức. “Thế... cậu ấy đã kiếm được nó từ đâu thế?” tôi hỏi.

“Ồ, cậu ấy đã đánh cắp nó. Tôi nghĩ lúc nào đó cậu ấy sẽ kể cho cậu nghe về chuyện này. Nhưng thực ra nó không phải chiến tích duy nhất mà chúng tôi có ở dưới này. Lại đây xem nào.”

Ở bức tường phía sau của tầng hầm là một cánh cửa kính hiện đại dẫn ra khu vườn, được gia cố bởi những song chắn ma bằng sắt. Kế bên nó, bốn chiếc giá được tán đinh vào bức tường gạch: Chúng chứa một bộ sưu tập những chiếc hộp thủy-tinh-bạc, mỗi hộp đựng một thứ đồ. Một vài thứ đã cũ, những thứ khác rất hiện đại. Trong số đó, tôi nhận ra một bộ bài; một mớ tóc vàng dài; một chiếc găng tay phụ nữ có vết máu; ba chiếc răng người; một chiếc cà vạt được gấp lại. Chiếc hộp trắng lệ nhất chứa một bàn tay xác ướp, đen đúa và quắt lại như một quả chuối ủng, đặt trên một tấm đệm lụa đỏ.

“Đó là tay của một gã cướp biển,” Lockwood nói. “Có lẽ là vào khoảng thế kỷ 18. Nó thuộc về một gã bị treo cổ và bêu nắng ở Bến Tử hình\*, nơi bây giờ là quán rượu Chuột Nhắt Và Súng Hỏa Mai. Hồn ma của hắn là một Ma Ẩn; hắn đã gây rất nhiều rắc rối cho các cô phục vụ quán rượu cho tới khi tôi đào nó lên. Hừm, đây là tất cả những thứ mà George và tôi đã tập hợp lại được trong suốt sự nghiệp của chúng tôi cho đến lúc này. Một vài trong số chúng là những Nguồn thực sự và rất nguy hiểm: chúng phải được khóa kỹ, nhất là về đêm. Những thứ khác chỉ cần lưu tâm một chút - nếu cậu là một người nhạy cảm - giống như ba thứ tôi đã cho cậu xem trong buổi phỏng vấn.”

Tôi đã nhìn thấy chúng ở ngăn dưới cùng: con dao, dải ruy băng, chiếc đồng hồ cầm lặng.

“Đúng vậy...” tôi nói. “Cậu chưa từng nói với tôi chúng là gì.”

Lockwood gật đầu. “Tôi xin lỗi vì những tác động nặng nề của chúng tới cậu, nhưng tôi đã không ngờ cậu cảm nhận chúng mạnh mẽ đến vậy. Con dao là của chú tôi, ông ấy sống ở nước ngoài. Ông ấy đã mang nó theo mình trong những chuyến đi dạo và đi săn. Ông ấy đã mang nó theo mình khi gục xuống chết vì đột quỵ giữa lúc đang săn bắn. Ông ấy là một người đàn ông tử tế; chính vì thế mà cậu đã nói rằng con dao có mang một chút tính cách của ông ấy.”

Tôi hồi tưởng lại một chút về những cảm giác yên bình mà tôi đã cảm nhận được từ con dao đó. “Đúng vậy.”

“Dải ruy băng đó là từ một ngôi mộ người ta khai quật ở Nghĩa trang Kensal Green, năm ngoái người ta đã dựng rào chắn sắt xung quanh vành đai của nó. Trong quan tài là một người phụ nữ - và một đứa bé con. Dải ruy băng đó từng ở trên mái tóc người phụ nữ.” Ký ức về cảm giác của tôi khi tôi cầm mảnh lụa đó quay trở lại; mắt tôi ẩm nước. Tôi hắng giọng và

làm ra vẻ bận tâm xem xét những chiếc hộp gần nhất. Sẽ không ổn nếu để cho Lockwood thấy sự nhu nhược. Sự yếu đuối là thứ nuôi dưỡng Khách; sự yếu đuối và những tình cảm ủy mị. Những thám tử giỏi cần điều ngược lại: khả năng kiểm soát toàn diện và sức mạnh tinh thần. Sếp cũ của chúng tôi, Jacobs, đã mất đi sức mạnh tinh thần. Và điều gì đã xảy ra? Tôi suýt nữa đã chết.

Tôi nói bằng một giọng lãnh đạm, vẻ chỉ quan tâm đến công việc. “Thế còn chiếc đồng hồ?”

Lockwood nhìn tôi chăm chú. “Phải rồi... chiếc đồng hồ. Cậu đã đúng khi cảm nhận thấy tàn dư độc ác của nó. Thực sự nó là vật kỷ niệm vụ đầu tiên thành công của tôi.” Cậu ta trịnh trọng ngừng lại. “À hử cậu đã nghe về tên sát thủ Harry Crisp chứ?”

Tôi tròn mắt. “Không phải vụ giết người đồng-xu-trong-khe đấy chứ?”

“Ờ, không. Đó là vụ Clive Dilson.”

“Ồ! Ý cậu là gã giữ đầu người trong tủ lạnh ư?”

“Không... đó là Colin Buchanan-Prescott.”

Tôi gãi cằm. “Thế thì tôi chưa từng nghe về hửn ta.”

“Ồ.” Lockwood có vẻ hơi mất hứng. “Tôi hơi ngạc nhiên một chút đó. Ở miền Bắc nước Anh chẳng lẽ *không* có báo chí gì sao? Hừm, chính nhờ tôi mà vụ Harry Crisp mới dẹp được đấy. Tôi đang tuần tra vùng dân cư Tooting, săn tìm những hồn ma Loại Hai, và bất chợt nhận thấy tất cả những đốm-sáng-chết trong khu vườn của hửn ta. Người ta đã không tìm thấy chúng bởi vì hửn ta đã khôn ngoan rải mạt giữa khắp nơi sau những vụ giết chóc để khống chế những hồn ma. Và sau này người ta mới vỡ lẽ ra rằng, khi đeo chiếc đồng hồ đó, hửn ta có thói quen thú vật là dụ dỗ...”

“Ăn tối nào!” George đang nghiêng người trên đỉnh cầu thang, tay cầm một cái muối.

“Lúc khác tôi sẽ kể cho cậu nghe về nó nhé,” Lockwood nói. “Chúng ta phải đi thôi. George sẽ bức nếu chúng ta để thức ăn nguội đấy.”

Nếu như tôi biết ngay từ đầu rằng tôi thích những thứ kỳ dị trong căn nhà mới của mình, thì chẳng bao lâu sau tôi cũng hình thành ngay những quan điểm rõ rệt về hai người bạn thám tử của mình. Và ngay từ khi mới bắt đầu những quan điểm đó đã khác nhau hoàn toàn. Lockwood, chưa gì tôi đã thích cậu rồi. Cậu dường như là cả một trời khác biệt so với thám tử Jacobs xa cách và bội bạc; sự thú vị và tính gắn bó của cậu được thể hiện rõ. Đây là con người tôi cảm thấy mình có thể đi theo; có lẽ là để tin tưởng nữa.

Nhưng còn George Cubbins? Không. Cậu ta làm tôi khó chịu. Tôi đã vô cùng nỗ lực để không bức tức với cậu ta trong ngày đầu tiên, nhưng điều đó là không thể.

Riêng về ngoại hình cậu ta nhé. Có điều gì đó trong ngoại hình của cậu ta luôn châm ngòi cho những bản năng tồi tệ nhất của người khác. Mặt cậu ta có một vẻ đáng ghét rất đặc biệt - một bà xơ có khi cũng ngứa ngáy muốn nhảy vào đâm cậu ta - trong khi cặp bàn tọa của cậu ta như đang than trời mong mỗi một cú đá vào đúng chỗ. Cậu ta lù đù lừ đừ lê bước trong nhà như thứ gì đó mềm nhũn sắp tan chảy. Áo cậu ta thò ra ngoài quần, giày thì siêu bụi, dây tuột lòng thòng. Tôi đã từng nhìn thấy những xác sống có dáng đi đẹp hơn George.

Và còn mái tóc rử đó nữa chứ! Và cặp kính ngớ ngẩn đó nữa! Tôi khó chịu trước *mọi thứ* về cậu ta. Cậu ta cũng có một tiểu xảo là nhìn tôi bằng bộ mặt thờ ơ, trống rỗng mà không hiểu sao cũng có thể xem là cái nhìn thô lỗ. Cứ như thể cậu ta đang phân tích tất cả những khuyết điểm của tôi, và tự hỏi tôi sẽ bộc lộ những khuyết điểm nào tiếp theo, về phần mình, tôi đã cố

hết sức để tỏ ra lịch sự trong bữa tối đầu tiên, và kiểm chế bản năng gốc của mình, đó là cầm xẻng đập vào đầu cậu ta.

Tối muộn hôm đó, khi từ phòng ngủ của mình xuống, tôi ngập ngừng một chốc ở hành lang tầng hai. Tôi liếc nhìn qua những giá sách, xem xét cái đuôi ma của người Polynesia... và đột nhiên thấy mình đứng bên ngoài cánh cửa phòng ngủ *kia*, phòng Lockwood đã nói là riêng tư. Nó là một cánh cửa trông rất bình thường. Có một hình chữ nhật mờ nhạt in dấu trên lớp gỗ, khoảng dưới tầm mắt một chút, nơi một tấm biển hay một miếng nhãn dán đã được gỡ bỏ. Ngoài ra thì hoàn toàn chẳng có gì. Có vẻ không có khóa cửa.

Ngó vào bên trong thì dễ thôi, nhưng rõ ràng như thế là sai trái. Tôi chỉ đang quan sát cánh cửa thì George Cubbins bước ra khỏi phòng cậu ta, một tờ báo gấp lại kẹp dưới nách. Cậu ta liếc xéo qua. “Tôi biết cậu đang nghĩ gì, nhưng đó là phòng cấm.”

“Ồ... cánh cửa này ăy hả?” Tôi bình thản lùi lại khỏi nó. “Ừ... Sao cậu ăy cứ đóng nó lại thế?”

“Tôi không biết.”

“Cậu đã từng nhìn vào bên trong chưa?”

“Chưa.” Cặp kính nhìn tôi. “Tất nhiên là chưa từng rồi. Cậu ăy đã yêu cầu tôi không được làm thế.”

“Tất nhiên, tất nhiên. Đúng rồi. Thế...” Tôi cố cười một cách đáng yêu nhất có thể. “Cậu đã ở đây bao lâu rồi.”

“Khoảng một năm.”

“Vậy chắc hẳn cậu biết Anthony rất rõ?”

Cậu mập đẩy nhanh cặp kính lên mũi. “Gì thế này? Một cuộc phỏng vấn nữa ư? Thế thì phải nhanh lên nhé. Tôi còn phải vào nhà vệ sinh.”

“Xin lỗi, đúng vậy. Tôi chỉ đang băn khoăn về ngôi nhà và về cách cậu ấy có được nó. Ý tôi là, ngôi nhà thì có đủ mọi thứ, và Lockwood chỉ ở đây một mình. Ý tôi là, tôi không hiểu...”

“Ý cậu là,” George ngắt lời, “bố mẹ cậu ấy đâu? Phải không?”

Tôi gật đầu. “Đúng thế.”

“Nếu cậu có thể trụ lại đây đủ lâu để có thể hỏi cậu ấy, cậu sẽ biết rằng cậu ấy không muốn nói chuyện về họ. Tôi nghĩ họ là những người nghiên cứu về linh hồn: cậu có thể thấy điều đó từ những thứ được treo trên tường. Họ cũng đã rất giàu có: cậu có thể thấy điều đó từ ngôi nhà. Nhưng dù thế nào thì họ cũng đã ra đi lâu rồi. Tôi tin rằng Lockwood đã được một người họ hàng nuôi nấng trong nhiều năm. Rồi cậu ấy được Sykes 'Đào mộ' đào tạo trở thành thám tử, và bằng cách nào đó đã lấy lại được ngôi nhà.” Cậu ta chỉnh lại tờ báo và bước ngang hành lang. “Chắc chắn cậu có thể dùng khả năng tâm linh nhạy bén của mình để biết được nhiều hơn.”

Tôi nhăn trán sau lời nói của cậu ấy. “Được họ hàng nuôi nấng? Vậy là bố mẹ cậu ấy...”

“Dù nói thế nào, thì tôi nghĩ rằng như thế có nghĩa bố mẹ cậu ấy đã qua đời.” Nói xong cậu ta đóng cánh cửa phòng tắm.

Chẳng khó để đoán *tôi* thích người đồng nghiệp nào hơn, khi tối đó tôi nằm thao thức dưới mái chĩa tầng áp mái. Một bên là: Anthony Lockwood - sôi nổi và nhiệt huyết, sẵn sàng dấn thân vào những bí ẩn mới; một anh chàng rõ ràng hạnh phúc nhất khi được bước vào một căn phòng ma ám, tay đặt hồ trên chuôi kiếm. Bên kia là George Cubbins: đẹp trai như một hộp bơ thực vật vừa mới mở, duyên dáng như một cái khăn lau bàn ướt nằm nhàu nhĩ trên sàn nhà. Tôi đoán *cậu ta* sẽ hạnh phúc nhất khi được bao quanh bởi

những đồng hồ sơ bụi bặm và những chồng đĩa thức ăn, và - bởi vì cậu ta rất dễ nổi cáu, và có vẻ tôi là một người dễ gây khó chịu - tôi xác định sẽ tránh xa cậu ta hết mức có thể. Nhưng chưa gì tôi đã cảm thấy hài lòng khi hình dung đến cảnh dẫn thân vào bóng tối với Lockwood bên cạnh mình.

## CHƯƠNG 8

Cuối buổi sáng là khoảng thời gian ưa thích để Lockwood gặp gỡ khách hàng mới. Nó cho cậu cơ hội để hồi phục sau những chuyến điều tra đêm trước. Cậu luôn tiếp khách ở cùng căn phòng khách nơi tôi đã tới phỏng vấn, có lẽ bởi vì những chiếc ghế xô pha thân thiện và cách bài trí những cái vệt bắt ma phương Đông đã mang đến một không gian phù hợp cho những cuộc thảo luận vượt qua những điều cũ rích và lạ lùng.

Trong ngày làm việc đầu tiên của tôi ở Portland Row, chỉ có một vị khách duy nhất tới theo lịch hẹn trước lúc mười một giờ: một quý ông chừng hơn sáu mươi tuổi, khuôn mặt béo phị và náo nùng, một vài lọn tóc bóng mượt chán chường vắt ngang mái đầu. Lockwood ngồi với ông ta bên bàn nước. George đứng cách đó một quãng ở chiếc bàn viết mặt nghiêng, ghi chép lại cuộc nói chuyện vào quyển hồ sơ lớn màu đen. Tôi chẳng có vai trò gì trong cuộc nói chuyện đó cả. Tôi ngồi ở một chiếc ghế cuối phòng, lắng nghe những gì đang diễn ra.

Người đàn ông gặp rắc rối với ga ra để xe nhà mình. Ông ta nói cháu gái ông ta nhất quyết không bước vào. Con bé bảo đã nhìn thấy những thứ gì đó, nhưng nó là một đứa dễ bị kích động và ông ta không biết liệu có nên tin lời nó hay không. Dẫu vậy, với sự cẩn trọng cần thiết (ông ta đang phùng má ra để nhấn mạnh sự lưỡng lự cao độ của mình), ông ta đã đến với chúng tôi để được tư vấn.

Lockwood lịch sự hỏi “Cháu gái ông bao nhiêu tuổi rồi, thưa ông Potter?”

“Sáu tuổi. Nó luôn là một đứa bé chua ngoa.”

“Và em ấy nói đã nhìn thấy gì ạ?”

“Nó nói những thứ linh ta linh tinh. Một chàng trai trẻ, đứng ở đằng xa của ga ra, bên cạnh thùng gỗ. Con bé nói cậu ta rất gầy.”

“Vâng. Thế anh ta ở nguyên một chỗ, hay có di chuyển gì không ạ?”

“Chỉ đứng nguyên một chỗ thôi, con bé nói thế. Lần đầu tiên, con bé đã nói chuyện với cậu ta, nhưng cậu ta không đáp lời, chỉ nhìn thôi. Tôi không biết có phải con bé bịa ra không nữa. Nó đã nghe nhiều chuyện về Khách khi chơi với bạn bè rồi.”

“Cũng có thể, thưa ông Potter, cũng có thể. Còn ông không nhận thấy có điều gì khác lạ trong ga ra sao? Chẳng hạn nó không lạnh bất thường so với bên ngoài sao?”

Một cái lắc đầu. “Cũng lạnh... nhưng đó là một cái ga ra, bởi thế sao mà khác được chứ? Và để tôi trả lời luôn trước khi cháu hỏi: chẳng có gì *xảy ra* ở đó cả. Chẳng có ai... cháu biết đấy, *chết* hay làm sao cả. Nó mới được xây, chỉ 5 năm thôi, và tôi luôn khóa cửa cẩn thận.”

“Vâng...” Lockwood chắp hai tay vào nhau. “Ông có nuôi chó mèo không, ông Potter?”

Người đàn ông chớp mắt; ông ta dùng một ngón tay mập mạp vuốt một mảng tóc rũ xuống trán. “Tôi chẳng thấy *chuyện đó* có liên quan gì.”

“Cháu chỉ muốn biết liệu ông có nuôi chó, hoặc mèo trong nhà không.”

“Vợ tôi nuôi hai con mèo. Giống mèo Xiêm màu trắng sữa. Những con vật nhỏ bé, gầy gò, ngang bướng.”

“Và chúng có thường xuyên vào nhà để xe không?”

Người đàn ông ngẫm nghĩ. “Không. Chúng không thích vào đó. Chúng luôn tránh xa chỗ này. Tôi nghĩ chắc là bởi vì chúng không muốn bộ lông

nhỏ xíu quý giá của chúng bị vấy bẩn từ bụi và mạng nhện ở khắp nơi.”

Lockwood nhìn lên. “À, ông có vấn đề gì với lũ nhện trong ga ra không, ông Potter?”

“Chà, chắc có cả bầy ở đó. Chúng giăng mạng nhanh tới nỗi tôi chẳng quét kịp nữa. Nhưng mùa này thì luôn như thế, đúng không?”

“Cháu không chắc. Chậc, cháu sẵn lòng nhận vụ này. Nếu tiện thì tối nay chúng cháu sẽ tới, ngay sau giờ giới nghiêm. Từ giờ đến lúc đó, nếu như cháu là ông, cháu sẽ giữ cháu gái của ông tránh xa cái ga ra.”

“Ý cậu thế nào, Carlyle?” Lockwood hỏi khi chúng tôi ngồi trên chuyến xe buýt đi về phía Đông buổi tối hôm đó. Đó là chuyến xe cuối cùng trước giờ giới nghiêm trên tuyến này, những chiếc ghế không hề có người lớn, mà lúc nhúc lũ trẻ con đi gác đêm trong các nhà máy. Một vài đứa ngủ gà ngủ gật; những đứa khác lơ đãng nhìn ra ngoài cửa kính. Những chiếc gậy đồng hồ của chúng - dài gần hai mét, mũi bọc sắt - nảy lên và kêu lách cách trong những chiếc giá cạnh cửa.

“Có vẻ như là một Loại Một yếu,” tôi nói, “bởi vì nó đứng yên và không có chuyển động rõ rệt nào về phía cô bé con. Nhưng tôi sẽ không chú quan đâu.” Môi tôi căng ra khi tôi nói; tôi nghĩ về dáng hình nhỏ phát sáng trong bóng tối ở cái cối xay bị ma ám.

“Rất đúng,” Lockwood nói. “Tốt nhất là phải chuẩn bị cho tình huống xấu nhất. Ngoài ra, ông ấy đã nói rằng nơi đó rất nhiều nhện.”

“Cậu biết về nhện phải không, Carlyle?” George đang ngồi ở ghế đằng trước; cậu ta thoải mái liếc nhìn lại đằng sau về phía tôi.

Gần như ai cũng biết rằng trong khi lũ mèo không thể chịu được ma thì lũ nhện lại *rất thích* ma. Hoặc, ít nhất là chúng thích trường phát xạ tâm

linh mà một số con ma phát ra. Những Nguồn mạnh, vẫn hoạt động tích cực và không bị động chạm đến trong nhiều năm, thường được phủ kín bởi tầng tầng lớp lớp mạng nhện bụi bặm giăng ra đó bởi bao nhiêu thế hệ nhện hau háu. Đó là một trong những thứ các thám tử tìm kiếm trước tiên. Dấu mạng nhện có thể dẫn ta thẳng tới nơi ta muốn tìm. *Tất cả mọi người* đều biết điều đó. Cô cháu gái sáu tuổi của ông Potter có lẽ cũng đã biết.

“Đúng,” tôi nói. “Tôi biết về nhện.”

“Tốt lắm,” George nói. “Chỉ hỏi vậy thôi.”

Chúng tôi xuống xe ở một quận phía Đông của thành phố rộng lớn, xám xịt này, không xa đoạn phía Bắc của con sông là mấy. Những con phố liên kề nhỏ hẹp chen chúc dưới bóng những chiếc cần cầu ở bên cảng. Trời đã nhá nhem, các cửa hàng đang đóng cửa: những quầy chữa bệnh bằng phương pháp tâm linh, những người bán đồ sắt rong, những chuyên gia tự phong bán đồ đuổi ma nhập từ Hàn Quốc và Nhật Bản. Trong mấy tuần đầu tôi ở London, quy mô của chúng làm đầu óc tôi quay cuồng. Từ khắp mọi phía người ta hồi hả trở về nhà. Ở những giao lộ, những chiếc đèn ma đã được thắp sáng, những cửa chớp của chúng chậm chậm nâng lên.

Lockwood dẫn đường vào một con phố nhỏ, thanh kiếm lấp lánh dưới chiếc áo choàng dài nặng nề, đung đưa kiểu cách đằng sau cậu. George và tôi bước kế bên.

“Vẫn như mọi khi, Lockwood ạ,” George nói, “chúng ta làm vụ này vội quá. Cậu chẳng cho tôi đủ thời gian để điều nghiên ngôi nhà và đường phố một cách tử tế. Tôi có thể sẽ tìm ra rất nhiều thông tin liên quan nếu cậu cho tôi thêm một ngày.”

“Đúng vậy, nhưng việc điều nghiên chỉ đến đây thôi,” Lockwood nói. “Chẳng gì có thể thay thế được việc *thám hiểm* thực sự. Với lại, tôi nghĩ cô Carlyle đây sẽ thích cuộc thám hiểm này. Cô ấy có thể sẽ nghe được gì đó.”

“Là người có Thính lực có thể sẽ mạo hiểm đấy,” George bình luận. “Năm ngoái có một cô làm cho Epstein và Hawkes. Tai nghe tốt, trí óc vô cùng nhạy cảm. Nhưng cô ta đã quá hoảng loạn vì tất cả những âm thanh mình nghe thấy, cuối cùng cô ta nhảy xuống sông Thames.”

Tôi cười nhạt. “Marissa Fittes cũng có kiểu Năng lực của tôi đấy,” tôi nói. “Bà ấy chẳng nhảy xuống đâu cả.”

Anthony Lockwood cười to. “Nói hay lắm, Carlyle! Đúng thế đấy, giờ im đi nào, George. Chúng ta đến nơi rồi.”

Ngôi nhà của khách hàng chúng tôi nằm trong cụm bốn ngôi nhà song lập giữa một dãy phố liền kề khác. Kiến trúc căn nhà khá hiện đại. Ga ra của nó được xây gạch, đằng trước có một cửa cuốn kim loại, bên cạnh là một cửa hông dẫn vào bếp. Đồ đạc bên trong ga ra gồm có ba chiếc xe máy cũ đang được sửa chữa ở các mức độ khác nhau, đây là sở thích của ông Potter. Cũng có một chiếc bàn gia công dài và một bức tường treo các giá dụng cụ, và gần về phía cuối ga ra, một chồng cao những thùng gỗ, hầu hết đều chứa đầy những bộ phận máy và bánh xe cũ cùng những động cơ hỏng.

Điều đầu tiên chúng tôi để ý là dù chiếc bàn gia công và những giá dụng cụ khá sạch sẽ, khu vực để đồ lại bị phủ một lớp mỏng mạng nhện mới giăng màu xám. Những sợi tơ nhện sáng mờ treo giữa đồng thùng và dĩa nghiêng xuống sàn nhà; trong ánh sáng đèn pin của chúng tôi, có thể thấy lũ nhện to xù đang lén lút di chuyển giữa những công cụ bí ẩn nào đó.

Chúng tôi dành vài giờ đầu tiên tiến hành đo lường và quan sát một cách cẩn kẽ. George sốt sắng ghi chép những dấu hiệu hạ nhiệt nhỏ nhất, nhưng tất cả chúng tôi đều nhận thấy rằng càng muộn, một luồng không khí *băng giá* siêu tự nhiên càng trở nên rõ rệt. Một thứ *âm khí* chua lèm cũng bốc lên - thứ mùi của sự phân hủy nhẹ. Gần nửa đêm, cảm giác ớn lạnh cuộn lên

trong không gian; tôi cảm thấy lông gáy dựng đứng. Một hình hài mơ hồ hiện ra ở góc xa nhất của ga ra, gần những cái thùng. Nó rất yên lặng và bất động; như một quầng mây khói nhạt nhòa kích cỡ bằng một người lớn. Chúng tôi lặng lẽ quan sát nó, tay đặt sẵn sàng trên đai lưng, nhưng không có dấu hiệu nguy hiểm nào xuất hiện. Sau khi nấn ná trong mười phút, hình dáng đó biến mất. Không gian trở lại quang quẻ.

“Một chàng trai trẻ,” Lockwood nói. “Mặc một kiểu đồng phục bằng da. Có ai thấy thế không?”

Tôi lắc đầu. “Không, xin lỗi. Nhãn lực của tôi không được tốt bằng của cậu. Nhưng...”

“Điều chúng ta thu nhận được ở đây là rất rõ ràng, Lockwood,” George cắt ngang. “Tôi có nhìn thấy bộ đồng phục đó, và nó xác nhận điều tôi đã phỏng đoán trước khi chúng ta vào bên trong. Đây là một ngôi nhà khá hiện đại. Hầu hết các ngôi nhà khác trong khu phố cổ hơn, kiểu nhà liền kề trước chiến tranh. Hồi xưa có lẽ cũng đã từng có một ngôi nhà liền kề ở đây, ngay nơi chúng ta đang đứng. Nhưng nó đã biến mất. Tại sao ư? Bởi vì nó bị trúng bom trong những trận oanh tạc thời chiến. Quả bom phá hủy ngôi nhà có lẽ đã giết chết chàng trai mà chúng ta mới vừa nhìn thấy. Anh ta là một hồn ma từ trận Blitz\*, có lẽ là một người lính nghỉ phép về thăm nhà, và thi thể anh ta đang nằm đâu đó trong lòng đất dưới chân chúng ta.” Cậu ta giắt chiếc bút vào trong túi quần một cách dứt khoát, gỡ cặp kính ra lau vào áo.

Lockwood nhăn trán. “Cậu nghĩ thế à? Có thể lắm... Dù rằng tôi chẳng thấy đốm-sáng-chết nào quanh đây cả.” Cậu ấy vò cằm đắm chiêu suy nghĩ. “Nếu thế, thì khách hàng của chúng ta sẽ không vui đâu. Ông ấy sẽ phải phá bỏ cái ga ra này.”

George nhún vai. “Khó đấy. Ông ấy cần phải tìm ra bộ hài cốt. Ông ấy còn làm được gì khác chứ?”

“Xin lỗi,” tôi nói, “nhưng tôi không đồng tình với các cậu.”

Họ nhìn ngang sang tôi. “Gì cơ?” George nói.

“Tất nhiên là tôi không *nhìn* Khách được rõ như các cậu,” tôi nói, “nhưng có lẽ tôi đã nhận thấy một điều mà các cậu đã bỏ qua. Tôi đã nghe thấy một giọng nói ngay trước khi ma hình đó biến mất. Các cậu có nghe thấy không? Không hả? Hừm, âm thanh rất yếu ớt nhưng khá rõ ràng. *'Không có thời gian. Chẳng kịp kiểm tra phanh.'* Lời bóng hình đó nói là như thế. Nó được lặp lại hai lần.”

“Hừm, *thế có nghĩa là gì?*” George hỏi.

“Nó có nghĩa là,” tôi nói, “Nguồn có thể không phải ở dưới sàn, và nó có thể chẳng liên quan gì tới Blitz cả. Tôi nghĩ nó ở trong một trong những cái thùng kia. Chúng dùng đựng gì nào?”

“Đồ lặt vặt,” George nói.

“Phụ tùng xe máy,” Lockwood nói.

“Phải, những món phụ tùng xe máy mà khách hàng của chúng ta đã thu nhặt về từ khắp mọi nơi. Chậc, chúng đến từ đâu? Lịch sử của chúng thế nào? Tôi chỉ băn khoăn không biết liệu rằng có thể nào một trong số chúng tới từ một chiếc xe máy có liên quan tới một vụ tai nạn nào đó - có lẽ là một tai nạn chết người - hay không.”

George khịt mũi. “Một vụ tai nạn giao thông? Cậu nghĩ Nguồn là một chiếc *xe máy* hỏng ư?”

“Có thể nào bộ quần áo hồn ma mặc chính là bộ đồ da của người đi xe máy không?” tôi nói.

Một thoáng yên lặng. Lockwood gật đầu chậm rãi. “Các cậu biết không,” cậu ấy nói, “có thể bộ quần áo đó, ở thời điểm đó... Hừm, chúng ta sẽ phải kiểm tra lại. Ngày mai chúng ta sẽ hỏi khách hàng liệu chúng ta có

thể xem xét những thùng đồ đó kỹ lưỡng hơn không. Còn bây giờ - cảm ơn Carlyle, vì phân tích rất thú vị đó. Năng lực của cậu rất ấn tượng!”

Nói để các bạn biết, tôi đã đúng. Một trong số những cái thùng có chứa phần nát vụn còn lại của một chiếc xe phân khối lớn đường dài với những chỉ số đo *rất* đáng chú ý khi chúng tôi mở ra. Sau đó chúng tôi mang nó ra khỏi ga ra và gửi tới lò đốt Fittes, và câu chuyện kết thúc ở đây. Nhưng trong đêm hôm ấy, khi cuối cùng chúng tôi cũng trở lại được Portland Row, lời khen ngợi của Lockwood vẫn vang vọng trong tai tôi. Tôi phấn chấn tới nỗi chẳng thể đi ngủ ngay. Thay vì về gác mái của mình, tôi làm một chiếc bánh kẹp dưới bếp và rồi lang thang trong thư viện, một căn phòng tôi chưa khám phá kỹ càng trước đó.

Đó là một căn phòng tối, tường ốp gỗ sồi, đối diện với phòng khách qua hành lang. Những bức rèm nặng nề rủ xuống các ô cửa sổ; những giá sách màu đen chạy kín tường chất đầy những cuốn sách bìa cứng. Phía trên lò sưởi treo một bức sơn dầu vẽ hình ba quả lê xanh. Những chiếc đèn cây xiên đứng rủ xuống như những con diệc; ánh sáng từ một trong những chiếc đèn đó soi tỏ Anthony Lockwood, đang ngả người sang một bên trên chiếc ghế tựa êm ái. Đôi chân dài, mảnh khảnh của cậu duyên dáng gác lên tay ghế; vạt tóc trên trán cậu rủ xuống cũng duyên dáng chẳng kém, che khuất cặp lông mày. Cậu đang đọc một cuốn tạp chí.

Tôi lưỡng lự ở cửa.

“Ồ, Carlyle.” Cậu ngồi thẳng dậy, cười với tôi tỏ ý chào mời. “Mời - vào đi. Cứ ngồi bất cứ chỗ nào cậu muốn, có lẽ trừ chiếc ghế màu nâu ở góc đó. Đó là ghế của George, và tôi e rằng cậu ấy thường nằm ườn ở đó mà chỉ mặc độc quần lót. Tôi hy vọng cậu ấy sẽ từ bỏ được thói quen đó khi bây giờ có cậu ở đây. Đừng lo, cậu ấy sẽ không tới lúc này đâu; cậu ấy đã đi ngủ rồi.”

Tôi ngồi trên chiếc ghế da đối diện ghế cậu. Đó là một chiếc ghế mềm mại và thoải mái, và chỉ bị giảm giá trị một chút bởi một cái lõi táo đã quắt lại đặt gọn ghế trên một tay ghế. Lockwood, sau khi tới bật chiếc đèn đăng sau đầu tôi, khéo léo nhặt nó lên mà không nói lời nào rồi bỏ nó vào thùng rác. Cậu thả người lại vào ghế, đặt cuốn tạp chí vào lòng rồi đan hai tay đặt lên đùi.

Chúng tôi cười với nhau. Rồi đột nhiên tôi nhớ ra chúng tôi là hai người xa lạ. Giờ đây, sau khi tất cả những cuộc phỏng vấn, chuyến đi giới thiệu ngôi nhà và những chuyến điều tra đã tạm thời qua đi, tôi thấy mình chẳng biết phải nói gì nữa.

“Tôi đã nhìn thấy George ở trên tầng,” cuối cùng tôi nói. “Cậu ấy có vẻ hơi... kỳ quặc một chút.”

Lockwood phẩy tay. “Ồ, cậu ấy ổn mà. Thi thoảng cậu ấy tâm trạng tí thôi.”

Yên lặng một lúc. Tiếng tích tắc đều đều từ chiếc đồng hồ trang trí cầu kỳ phía bên trên lò sưởi càng lúc càng rõ ràng.

Anthony Lockwood hắng giọng. “Carlyle, thế...?”

“Cứ gọi tôi là Lucy,” tôi nói. “Nó ngắn hơn và dễ gọi hơn, và thân mật hơn một chút. Ý tôi là bởi vì chúng ta sẽ làm việc cùng nhau. Và còn sống chung trong một căn nhà nữa.”

“Tất nhiên rồi. Cậu nói đúng...” Cậu nhìn xuống tờ tạp chí, rồi lại ngẩng lên nhìn tôi. “*Lucy*, thế...” - cả hai chúng tôi đều cười ngượng ngùng - “cậu thích căn nhà này chứ?”

“Rất thích. Phòng của tôi tuyệt lắm.”

“Và phòng tắm... nó không quá nhỏ chứ?”

“Không. Nó hoàn hảo. Như ở nhà.”

“Như ở nhà ư? Tốt. Tôi rất lấy làm vui.”

“Còn về tên *cậu*,” đột nhiên tôi nói. “Tôi thấy George gọi cậu là 'Lockwood'.”

“Thường tôi dùng tên đó mà.”

“Có ai từng gọi cậu là 'Anthony' chưa?”

“Mẹ tôi từng gọi thế. Và bố tôi nữa.”

Ngừng một lát. “Thế 'Tony' thì sao?” tôi nói. “Cậu từng được gọi thế bao giờ chưa?”

“Tony ư? Nghe này, Car... xin lỗi... *Lucy*. Cậu có thể gọi tôi thế nào cũng được. Miễn là Lockwood hoặc Anthony. Nhưng xin đừng gọi là Tony, hoặc Ant. Và nếu như có lúc nào đó cậu gọi tôi là A Bự, thì tôi e rằng tôi sẽ chẳng có lựa chọn nào hơn là tổng cổ cậu ra đường.”

Lại một khoảng lặng nữa. “Ồ, thế đã từng có người thực sự *gọi* cậu là A Bự sao?” tôi hỏi.

“Trợ lý đầu tiên của tôi. Cô ta chẳng trụ lại được lâu.” Cậu cười với tôi. Tôi vừa cười đáp lại, vừa lắng nghe tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ. Nó có vẻ đã to lên trông thấy. Tôi bắt đầu ước giá mà mình lên trên phòng từ nãy rồi.

“Cậu đang đọc gì thế?” tôi hỏi.

Cậu giơ lên. Bìa tạp chí có hình một người phụ nữ tóc vàng với hàm răng trắng sáng như những ngọn đèn ma đang bước ra khỏi một chiếc xe màu đen. Cô ta cài một cành oải hương lớn trên váy, và các cửa kính của chiếc xe đã được gia cố bằng lưới sắt. “*Xã hội London*,” cậu ấy nói. “Nó là một thứ giẻ rách chán chết. Nhưng ta cũng phải biết những gì đang diễn ra trong thành phố.”

“Và chuyện gì đang diễn ra?”

“Chủ yếu là tiệc tùng.” Cậu quảng tờ tạp chí sang bên tôi. Nó chứa vô số ảnh những người đàn ông và phụ nữ ăn mặc thời thượng đang làm dáng trong những căn phòng đông người. “Cậu có thể nghĩ rằng Vấn đề sẽ làm người ta suy nghĩ lại về chuyện linh hồn vĩnh hằng,” Lockwood nói. “Nhưng đối với những người giàu, nó có hiệu ứng đối ngược. Bọn họ ra ngoài, ăn mặc bảnh bao, nhảy nhót cả đêm trong những khách sạn được phong ấn ở một nơi nào đó, phấn khích với cảm giác kinh hãi khi nghĩ rằng Khách đang rình mò bên ngoài... Bữa tiệc đó được DEPRAC tổ chức tuần trước. Những người đứng đầu của hầu hết các công ty thám tử quan trọng nhất đã đến đó.”

“Ồ.” Tôi nhìn quét qua những bức ảnh. “Cậu cũng được mời chứ? Tôi có thể xem ảnh cậu được không?”

Cậu ấy nhún vai. “Không đâu. Làm gì có suất.”

Tôi lật giở các trang tạp chí thêm một lúc nữa; chúng tạo thành một âm thanh sột soạt có nhịp điệu.

“Khi cậu nói trong tờ quảng cáo việc làm rằng Lockwood là một công ty *nổi tiếng*,” tôi nhận xét, “là có nói dối một chút, phải không?”

Những trang giấy lật mở, chiếc đồng hồ tích tắc. “Tôi sẽ nói đó là hơi phóng đại một chút,” Lockwood đáp. “Rất nhiều người làm tương tự. Chẳng hạn như *cậu*, cậu nói rằng đã đạt được đầy đủ các bằng cấp thám tử cho tới Cấp Bốn. Tôi đã gọi tới chi nhánh của DEPRAC khu vực miền Bắc nước Anh ngay sau cuộc phỏng vấn với cậu. Người ta nói cậu mới chỉ hoàn thành Cấp Một tới Cấp Ba.”

Cậu không có vẻ giận dữ; chỉ ngồi đó nhìn tôi với đôi mắt to, sẫm màu của mình. Đột nhiên miệng tôi khô khốc, tim tôi thành thạch trong lồng ngực. “Tôi... tôi... xin lỗi,” tôi nói. “Chỉ là...” Tôi hắng giọng. “Ý tôi là, tôi *đủ* Năng lực để đạt được những chứng chỉ đó. Chỉ là do thời gian học việc

của tôi với Jacobs đã kết thúc một cách rất tồi tệ và tôi đã không tham dự kỳ sát hạch ấy. Và khi tôi tới đây... hừm, tôi *thực sự* cần công việc này. Tôi xin lỗi, Lockwood. Liệu có tốt hơn không nếu tôi kể với cậu về Jacobs - về câu chuyện đã xảy ra?”

Nhưng Anthony Lockwood đã giơ một bàn tay lên. “Không,” cậu ấy nói. “Không. Chuyện đó đâu có quan trọng gì. Dù điều gì đã xảy ra thì nó cũng đã là quá khứ. Tương lai mới là quan trọng. Và tôi *đã biết* rằng cậu đủ giỏi, về phần tôi, tôi có thể đảm bảo với cậu rằng một ngày nào đó công ty này sẽ trở thành một trong những công ty thám tử thành công nhất ở London. Hãy tin tôi đi, tôi *biết* mà. Và cậu có thể là một phần của nó, Lucy. Tôi nghĩ cậu rất giỏi, và tôi mừng vì cậu ở đây.”

Các bạn có thể hình dung mặt tôi đỏ ửng lên ngay tức thì - đó là sự kết hợp đặc biệt của ba thứ: sự ngượng ngùng do bị phát hiện, sự thích thú vì được khen và sự phấn khích với những giấc mơ do cậu bộc bạch. “Tôi không chắc George có tán đồng với cậu không,” tôi nói.

“Ồ, cậu ấy cũng nghĩ cậu đặc biệt mà. Cậu ấy kinh ngạc vì những gì cậu đã làm trong buổi phỏng vấn đấy.”

Tôi hồi tưởng lại về chuỗi âm thanh của George, từ tiếng khịt mũi và ngáp, tới cái giọng châm chích của cậu ta buổi tối hôm đó. “Đó là cách cậu ấy biểu thị sự chấp thuận sao?”

“Rồi cậu sẽ quen với cậu ấy thôi. George ghét những kẻ đạo đức giả - cậu biết đấy, những kẻ nói những điều tốt đẹp trước mặt cậu, và châm chích đằng sau lưng cậu. Cậu ấy tự hào vì đối lập với điều đó. Thêm nữa, cậu ấy là một thám tử xuất sắc. Cậu ấy đã từng được nhận vào Fittes làm,” Lockwood thêm vào. “Ở đó họ đánh giá cao sự lịch thiệp, kín đáo và thận trọng. Cậu biết cậu ấy trụ lại ở đó được bao lâu không?”

“Tôi nghĩ chắc khoảng hai mươi phút.”

“Sáu tháng. Cậu ấy *giỏi* cỡ đó đó.”

“Nếu họ chịu đựng được tính cách của cậu ấy lâu như thế, cậu ấy hẳn phải rất giỏi.”

Lockwood nở một nụ cười rạng rỡ với tôi. “Theo tôi thấy thì với cậu và George trong đội của tôi, chẳng có gì có thể cản bước chúng ta.”

Trong thoáng chốc, khi cậu nói điều đó, mọi thứ trở nên rất hợp lý. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng khi cậu cười như thế, thật khó để không đồng ý với cậu ấy.

“Cảm ơn cậu,” tôi nói. “Tôi hy vọng thế.”

Lockwood cười to. “Chẳng có gì mà phải 'hy vọng' ở đây cả. Với tài năng của chúng ta kết hợp lại, điều gì có thể không ổn được chứ?”

### PHẦN 3

## SỢI DÂY CHUYỀN

## CHƯƠNG 9

Thật đáng kinh ngạc là lửa có thể lan nhanh tới vậy ở một ngôi nhà vùng ngoại ô bình thường. Thậm chí trước cả khi Lockwood và tôi nhảy xuống khỏi cửa sổ, có lẽ trong khi chúng tôi vẫn đang vật lộn với cô gái ma đó, một người hàng xóm hần đã rung chuông báo động. Đội cứu hộ khẩn cấp cũng phản ứng rất nhanh chóng; họ tới chỉ sau vài phút. Nhưng vào lúc biệt đội phản ứng đêm trong những bộ giáp xích sắt tiến vào khu vườn, đi cùng là một đội thám tử của Rotwell, thì tầng trên nhà bà Hope đã bốc cháy ngùn ngụt.

Những luồng lửa trắng phà ra khỏi các cửa sổ tầng trên như những thác nước chống ngược. Những viên ngói nứt vỡ và sáng lờ mờ trong sức nóng, mép của chúng rục lên trong đêm như những lớp vảy rồng. Những tia lửa mỏng manh xoay vòng và xoắn tít từ trên đỉnh các ống khói, hắt tàn lửa tuôn như mưa rào xuống cây cối và nhà cửa gần đó. Ở phía dưới, sương mù cuộn xoáy một màu cam; các thám tử, nhân viên y tế và lính cứu hỏa chạy điên cuồng qua một đám mây mù lẫn lộn giữa ánh sáng và bóng tối.

Ở trung tâm của tất cả, Lockwood và tôi ngồi khom người dưới gốc bụi cây đã cứu mạng chúng tôi. Chúng tôi trả lời những câu hỏi của đội ngũ y tế; chúng tôi để cho họ làm công việc của họ. Xung quanh chúng tôi những vòi cứu hỏa đang phun nước còn gỗ thì gãy răng rắc; những người giám sát đang hò hét ra lệnh với những đứa trẻ mặc áo vét mặt phùng phùng khí thể đang rải muối trên bãi cỏ. Tất cả mọi thứ dường như siêu thực - bị bóp nghẹt và xa xăm. Ngay cả chuyện chúng tôi sống sót được cũng khó mà hiểu nổi.

Thật may cho chúng tôi là cả ông Hope và bà Hope đều không phải những người đam mê làm vườn. Họ để đám cây bụi đằng sau nhà mọc to sù sụ, sum sê cao vút, cành lá đan xen vào nhau. Bởi thế nên khi chúng tôi ngã vào chúng - va mạnh vào những cành ở phía trên, rẽ xuyên qua những cành ở phía dưới, dừng đột ngột và đau đớn ở gần mặt đất - quần áo của chúng tôi bị xé rách và da dễ bị cào xước, nhưng chúng tôi đã *không* phải nhận cái hậu quả hiển nhiên, đó là ngã gãy cổ mà chết.

Một ngọn lửa phụt khỏi ống khói và bắn tung ra khắp mái nhà. Tôi ngồi đó nhìn vô định, trong khi có ai đó băng vết thương quanh tay tôi lại. Tôi nghĩ về cô gái đằng sau bức tường. Giờ cô ấy chắc chẳng còn lại gì nhiều.

Quá hỗn loạn... và tất cả đều là do tôi. Chúng tôi không cần phải đối đầu với hồn ma của cô ấy. Chúng tôi đã có thể mặc kệ cô ấy - không, chúng tôi *nên* để mặc cô ấy khi chúng tôi biết cô ấy nguy hiểm thế nào. Lockwood muốn rút lui, nhưng tôi đã thuyết phục cậu ấy ở lại làm cho xong. Và quyết định đó... đã dẫn đến *kết cục này*.

“Lucy!” Đó là giọng Lockwood. “Dậy nào! Họ muốn đưa cậu vào bệnh viện. Họ sẽ chữa cho cậu.”

Khóe miệng tôi sưng vù. Nói năng trở nên khó khăn. “Thế... thế còn cậu?”

“Tôi phải nói chuyện với một người. Tôi sẽ theo sau ngay.”

Mọi vật chao đảo trong mắt tôi; mắt trái tôi đã nhắm hoàn toàn. Tôi nghĩ tôi đã nhìn thấy một người đàn ông mặc vét đen đứng ngay đằng sau các nhân viên y tế, nhưng không chắc có phải không. Có ai đó đỡ tôi đứng dậy; người ta dẫn tôi đi.

“Lockwood. Tất cả là lỗi tại tôi...”

“Vớ vẩn. Đây là trách nhiệm của tôi. Đừng lo lắng về chuyện này. Tôi sẽ sớm gặp cậu.”

“Lockwood...”

Nhưng cậu đã lẫn vào trong đám khói lửa.

Bệnh viện đã làm công việc của họ. Họ đã chăm sóc cho tôi chu đáo. Tối sáng thì các vết thương đã được làm sạch và băng bó; bên tay dùng kiếm của tôi đã được quấn băng treo. Tóm lại tôi cứng đờ, đau đớn và rã rời; đầu vậy, không có cái xương nào bị gãy và tôi chỉ khập khiễng một chút. Tôi biết tôi đã thoát khỏi vụ này mà không gặp chấn thương nào nghiêm trọng. Người ta bàn nhau giữ tôi lại để theo dõi, nhưng thế đã quá đủ với tôi. Các bác sĩ phản đối một chút, nhưng tôi là một thám tử và vì thế tôi được tự quyết. Bình minh vừa le lói, họ đã để tôi đi.

Cây đèn ma trước cửa vừa mới tắt khi tôi trở lại Portland Row; tôi có thể nghe thấy tiếng o o của máy móc bên trong cột đèn. Ở nhà Lockwood, ánh đèn văn phòng vẫn sáng dưới tầng hầm, nhưng các tầng trên của ngôi nhà tối om và tĩnh lặng. Tôi chẳng buồn tìm chìa khóa. Tôi dựa người vào khung cửa và nhấn chuông.

Tiếng chân chạy vang lên. Cánh cửa vội vã bật mở. George đứng đó, hai má ửng đỏ, mắt nhìn chăm chặp. Tóc cậu giờ đây còn rối bời hơn cả mọi khi. Cậu vẫn mặc bộ quần áo ngày hôm trước.

Khi nhìn thấy khuôn mặt trầy xước và sưng vù của tôi, cậu khẽ hít hà một tiếng nho nhỏ giữa những kẽ răng. Cậu không nói bất cứ điều gì, chỉ đứng tránh sang một bên, để lối cho tôi bước vào, và lặng lẽ đóng cánh cửa.

Hành lang tối đen. Tôi đến chỗ chiếc sọ pha lê trên bàn chìa khóa và bật đèn lên. Nó tỏa một quầng sáng nhạt bao quanh chúng tôi, cái sọ cười ở tâm quầng sáng. Tôi chờ đợi nhìn những đồ tạo tác của các dân tộc ở trên giá

sách đối diện: những chiếc bình và những chiếc mặt nạ, những vỏ bầu rỗng, mà theo Lockwood, được một số người bộ lạc mặc thay quần.

Lockwood...

“Cậu ấy đâu?” tôi hỏi.

George vẫn đứng cạnh cửa. Cặp kính của cậu sáng lên trong ánh đèn, và tôi chẳng thể nhìn thấy mắt cậu. Có cái gì đó nghẹn ngang cổ cậu ấy. “Cậu ấy đâu?” tôi hỏi lại.

Giọng cậu tổn thương tới độ rất khó nghe. “Sở Cảnh sát Thủ đô.”

“Cùng với cảnh sát ư? Tôi tưởng cậu ấy ở bệnh viện chứ.”

“Cậu ấy đã ở đó. Giờ DEPRAC đang giữ cậu ấy.”

“Tại sao?”

“Ồ, tôi không biết đâu. Có lẽ bởi vì các cậu đã đốt rụi nhà người ta, phải không Lucy? Ai mà biết được chứ?”

“Tôi phải tới gặp cậu ấy.”

“Cậu sẽ không được vào đâu. Tôi cũng đã hỏi rồi. Cậu ấy bảo tôi đợi ở đây.”

Tôi nhìn George, rồi nhìn cánh cửa, rồi xuống đôi giày của tôi, vẫn đang bám đầy bồ hóng và vữa tường. “Cậu đã nói chuyện với cậu ấy sao?”

“Cậu ấy gọi về cho tôi từ bệnh viện. Thanh tra Barnes lúc đó đang đợi đưa cậu ấy đi.”

“Cậu ấy ổn chứ?”

“Tôi không biết nữa. Tôi nghĩ là cậu ấy ổn, nhưng...” Cậu đột ngột chuyển sang chuyện khác. “Trông cậu tệ quá. Tay cậu sao thế? Bị gãy à?”

“Không. Chỉ bị bong gân nhẹ thôi. Vài ngày nữa là ổn. Cậu vừa mới nói 'nhưng'. Nhưng nhị gì thế? Cậu ấy đã nói gì với cậu?”

“Chẳng có gì nhiều. Ngoại trừ...”

Có cái gì đó trong cách cậu nói... Tim tôi đập nhanh; tôi dựa người vào tường. “Ngoại trừ điều gì cơ?”

“Cậu ấy đã bị ma chạm.”

“George!”

“Cậu đừng dựa vào đó được chứ? Cậu đang làm bắn giấy dán tường đấy.”

“Giấy dán tường cái con khỉ ấy, George! Cậu ấy không bị ma chạm! Nếu có tôi đã nhìn thấy!”

Cậu ấy vẫn không nhúc nhích; vẫn nói bằng giọng đều đều khe khẽ. “VẬY Ờ? Cậu ấy nói nó đã xảy ra trong khi cậu đang xử lý Nguồn. Khi cậu ấy đang đánh nhau với Khách, một cuộn sinh chất của cô ta đã chạm vào tay cậu ấy. Người ta đã tiêm adrenaline cho cậu ấy trên xe cứu thương để ngừng thối thệt. Cậu ấy *nói* cậu ấy ổn.”

Đầu tôi quay cuồng. Liệu điều đó *có thể* xảy ra không? Tất cả mọi thứ đã di chuyển quá nhanh trong phòng đọc sách đó, còn khoảng thời gian trong vườn chỉ là một thoáng mơ hồ. “Nó có tệ không?” tôi hỏi. “Đã ở mức nào rồi?”

“Tới lúc họ chữa trị cho cậu ấy ấy hả?” Cậu nhún vai. “Cậu nói tôi nghe đi.”

“Chắc, làm sao *tôi* biết được chứ?” tôi vặc lại. “Tôi có ở đó đâu.”

George gầm lên một tiếng giận dữ khiến tôi giật nảy người. “Hừm, *đáng lẽ* cậu nên ở đó!” Cậu đập bàn tay vào tường mạnh tới nỗi một quả bầu trang trí rơi khỏi giá và lăn xuống sàn. “Cũng như ngay từ đầu *đáng lẽ* cậu phải ngăn không cho cậu ấy bị ma chạm! Phải, tôi nghĩ nó *tệ đấy*! Tay cậu ấy lúc đó đã bắt đầu sưng rồi. Cậu ấy nói với tôi rằng năm đầu ngón tay của cậu ấy phình lên như năm cái xúc xích màu xanh, ấy vậy mà người ta vẫn phải ép mới đưa được cậu ấy vào xe cứu thương đấy. Vì sao ư? Bởi vì cậu

ấy muốn đi tìm *cậu*. Để xem cậu có ổn không! Cậu ấy rất ngang bướng, dù rằng cậu ấy đã bị ma chạm và cậu ấy có thể chết trong vòng một giờ nếu không có ai có hiểu biết cơ bản chọc kim tiêm vào mông cậu ấy. Cậu ấy ngang ngược vậy đó! Cậu ấy đã không chờ tôi về tối hôm qua! Cậu ấy không để tôi điều nghiên một cách kỹ càng, để tôi có thể tìm hiểu *chính xác* các cậu sẽ đối mặt với điều gì. Không! Lúc nào cũng vậy, cậu ấy quá vội vàng. Và giá cậu ấy biết chờ đợi” - cậu hung bạo đá vào quả bầu rơi dưới đất, làm nó xoay vòng và nứt đôi khi đập vào phào gỗ chân tường - “thì những rắc rối ngớ ngẩn này đã không xảy ra!”

Để xem nào. Trong mười hai tiếng đồng hồ vừa rồi tôi đã suýt chết dưới tay một hồn ma tàn độc. Tôi đã rơi từ cửa sổ tầng trên xuống một cái cây nhỏ. Tôi đã bị treo tay. Đã có một anh chàng mặt mụn dùng chiếc nhíp nhổ những cành cây nhỏ và những chiếc gai ra khỏi những phần nhạy cảm trên cơ thể tôi suốt nửa buổi đêm. Tôi cũng đã châm lửa đốt một ngôi nhà nhỏ ở ngoại ô. Ồ, và Lockwood đã bị ma chạm, và giờ đây đang bị cảnh sát tra hỏi, bất chấp tình trạng tệ hại của cậu. Điều tôi cực kỳ cần là đi tắm, ăn một chút, nghỉ ngơi rất nhiều - và được gặp lại Lockwood.

Thế mà thay vào đó tôi lại nhận được cơn giận dữ đầy xúc phạm của George.

Điều đó làm tôi bức mình.

“Im đi, George,” tôi mệt mỏi nói. “Giờ không phải lúc.”

Cậu quay phắt lại nhìn tôi. “Không ư? Hừm, vậy *lúc nào* mới là phải lúc đây? Khi cả cậu và Lockwood đã chết chẳng? Khi tôi mở cửa vào buổi đêm và thấy hai cậu đang bay lượn bên ngoài đường bột sắt, sinh chất kéo vệt phía sau, giun bò ra khỏi hốc mắt à? Được, ổn thôi. Thế thì lúc đó hãy nói chuyện cũng được!”

Tôi khịt mũi. “Tuyệt làm sao. Tôi sẽ không trở về như thế đâu. Tôi sẽ có một cái mã đẹp hơn.”

George hét lên một tiếng giận dữ. “Thật sao? Làm sao cậu *biết* được cậu sẽ trở thành loại Khách nào, Lucy? Cậu chẳng biết gì về chúng cả. Cậu chẳng chịu đọc bất cứ thứ gì tôi đưa cho cậu. Cậu chẳng bao giờ ghi chép những điều cậu nhìn thấy. Cậu và Lockwood chỉ chú tâm tới việc đi ra ngoài và triệt tiêu các Nguồn ngay khi có thể!”

Tôi bước lên trước, về phía cậu. Có lẽ nếu tay tôi bớt đau hơn, tôi đã thoi một cú vào cái ngực phòng tướng của cậu. “Bởi vì đó là thứ đem lại *tiền* cho chúng ta, George,” tôi nói. “Mất thời giờ vô ích vào những tờ báo cũ như cậu chẳng đem lại cho chúng ta cái gì cả.”

Mắt cậu quắc lên đằng sau cặp kính tròn ngớ ngẩn. “Ồ? Chẳng đem lại gì ư?”

“Đúng vậy. Nếu cậu đỡ bị chuyện đó ám ảnh, chúng ta đã có thể làm được gấp đôi số vụ trong mấy tháng vừa rồi. Chẳng hạn như ngày hôm qua nhé. Bọn tôi đã đợi cậu cả buổi chiều. Cậu có thể quay trở lại bất cứ lúc nào, đi cùng với bọn tôi. Nhưng không. Cậu quá bận rộn trong thư viện. Bọn tôi đã ghi lại cho cậu một dòng nhắn lịch sự trên tấm khăn suy ngẫm. Cho tới tận gần năm giờ bọn tôi mới lên đường.”

Giờ cậu nói khê. “Đáng lẽ các cậu *nên* đợi.”

“Vậy bọn tôi không đợi thì sao? Có gì khác chứ?”

“Có gì khác à? Đi nào! Tôi sẽ chỉ cho cậu thấy điều khác biệt!” Cậu lùi lại, xoay người và dẫn tôi theo hành lang vào bếp. Mặc kệ tôi há hốc mồm kinh sợ trước đồng bát đĩa bày ra khắp nơi, cậu mở toang cánh cửa tầng hầm và sầm sập bước xuống những bậc thang bằng sắt. “Đi nào!” cậu gào vọng lên. “*Nếu* cậu không phiền!”

Tiếng chửi thề của tôi có lẽ đã làm sữa phải vón cục nếu không phải nó đã nằm trên bàn được ba mươi sáu tiếng rồi. Tôi đang *thực sự* tức giận lúc này. Tôi cũng uỳnh ạch bước xuống những bậc thang xoắn ốc. Trong văn phòng, đèn đang sáng trên bàn George; những tờ giấy nằm vương vãi, những chiếc cốc bẩn, đám lõi táo, những túi khoai tây rán và những chiếc bánh kẹp gặm dở cho thấy gần đây cậu đã thức khuya. Chiếc bình ma cũng ở đó, không che đậy gì cả, cái hộp sọ hiện ra mờ mờ trong bóng tối vàng vọt. Vì một lý do nào đó cái đầu quái gở đó đang trôi nổi lộn ngược.

George gạt mấy tờ giấy khỏi chiếc bàn. Tôi không đợi cậu bắt đầu, mà nhảy thẳng ngay vào.

“Cậu biết vấn đề *của cậu* là gì không?” tôi nói. “Cậu ghen tỵ.”

George trừng trừng nhìn. “Ghen tỵ cái gì?”

“Với tôi.”

Cậu bật ra một tiếng cười hô hố rất khó nghe, ở trong góc, cái sọ trong chiếc bình ma nhại lại cơn điên của cậu. Nó làm ra vẻ mặt hoảng hốt rất kịch. “Ồ, chắc chắn rồi!” George nói. “Cậu rất tuyệt vời. Cậu vừa mới đốt rụi nhà khách hàng của chúng ta. Cậu là trợ lý giỏi nhất từ trước đến giờ.”

“Chả thế thì sao nào. Người trước tôi thì đã chết rồi.”

Cậu ngập ngừng. “Vấn đề không phải ở đó.”

“Chính xác vấn đề là ở đó đấy. Hãy nói lại tôi nghe Robin đã chết như thế nào đi.”

“Gặp một con Xương Tươi. Hoảng sợ và ngã khỏi mái nhà.”

“Chính thế đấy, còn tôi thì đã sống sót, và đã làm việc đó ở tuyến đầu. Nơi *cậu* chẳng mấy khi tới, George ạ. Và chuyện đó bắt đầu làm cậu cảm thấy khó chịu, phải không? Cậu cảm thấy lạc lõng. Chà, khó chịu thật đấy. Và đừng có cố làm tôi cảm thấy có lỗi vì đã ra ngoài và *xử lý* mọi thứ. Công

việc này không chỉ cần những quyển sách bụi bặm. Mà nó cần những hành động hiệu quả nữa.”

“Được rồi.” Cậu đẩy cặp kính lên trên chiếc mũi to mập của mình. “Được rồi. Có thể cậu đúng. Tôi sẽ phải nghĩ về điều cậu đã nói. Trong khi tôi làm điều đó, có lẽ cậu nên ghé mắt qua một chút nghiên cứu bụi bặm mà tôi đã thực hiện ngày hôm qua, trong khi cậu ở đây mà quên mang theo xích sắt một cách đầy hiệu quả. Tờ giấy đầu tiên này là từ Sở Địa chính. Nó là về số 62 đường Sheen, nơi các cậu mới tới. Nó liệt kê danh sách tất cả những chủ nhà của căn nhà đó trong vòng một trăm năm qua. Nhìn này, có ông bà Hope ở cuối danh sách, nhưng cậu đã biết về họ rồi. Điều các cậu không biết là người này: cô Annabel E. Ward, người đã mua căn nhà đó năm mươi năm trước. Hãy dành chút thời gian ghi nhớ cái tên đó nhé. Còn bây giờ, nguyên do ngày hôm qua tôi lâu như thế là vì tôi đã tới Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, đối chiếu tất cả những cái tên với những câu chuyện từ các tờ báo. Tại sao ư? Bởi vì tôi không thích bất ngờ, và nực cười làm sao, tôi *quả thực* đã tìm thấy một điều bất ngờ. Cậu thấy đấy, tôi đã bắn khoản không biết liệu có người nào trong số những chủ nhà này được công chúng chú ý đến vì một lý do nào đó không. Và - cậu biết gì không? - một người trong số họ đã từng.”

Với những ngón tay dính mực cậu đẩy một tờ giấy khác lên phía trước trên chiếc bàn, một bản copy nhòe mực của một bài báo nhỏ. Bài báo đó là từ tờ *Người phán xử Richmond*, phát hành bốn mươi chín năm trước.

### **Cô gái mất tích: CẢNH SÁT KÊU GỌI GIÚP ĐỠ**

**Về cuộc điều tra vụ mất tích của cô Annabel Ward, một thiếu nữ quảng giao và được nhiều người biết tới, hôm qua cảnh sát đã kêu gọi công chúng cung cấp thêm thông tin mới.**

Người ta đã không nhìn thấy cô Ward, 20 tuổi, sống ở đường Sheen, Richmond, từ đêm muộn thứ Bảy ngày 21 tháng Sáu, khi cô ăn tối cùng một nhóm bạn ở câu lạc bộ đêm Gallops trên đường Chelsea Bridge. Cô ra về ngay trước nửa đêm, và đã không xuất hiện trong một cuộc hẹn vào ngày hôm sau. Các điều tra viên đã thẩm vấn những người quen biết cô, nhưng vẫn chưa có bước đột phá nào trong vụ này. Bất cứ ai có thông tin gì xin hãy gọi vào số điện thoại dưới đây.

Những cuộc tìm kiếm cô gái bị mất tích, một thiếu nữ có tham vọng trở thành diễn viên và là một nhân vật quen thuộc trong giới giao tế, đã được tiến hành bên trong và xung quanh ngôi nhà của cô cũng như các khu vực lân cận trong mấy ngày vừa rồi. Người nhái của cảnh sát đang tìm kiếm trong các ao hồ và dưới các dòng sông. Trong khi đó bố cô Ward, ông Julian Ward, đã đăng một bản thông báo trong đó treo thưởng một phần thưởng lớn cho bất cứ...

“Cậu thấy khó đọc hả?” George nói. “Cũng chẳng trách. Hẳn phải đến, ồ, ít nhất là hai đoạn văn ấy nhỉ. Để tôi giúp cậu làm sáng tỏ nó nhé. Họ không nhắc đến địa chỉ chính xác của cô ta, nhưng tôi nghĩ rõ ràng cô Annabel Ward này phải cùng là một cô với người trong hồ sơ của Sở Địa chính. Ngày tháng cũng trùng hợp. Vậy là cô ta đã sống ở số 62 đường Sheen, ngôi nhà cậu và Lockwood đã bận rộn điều tra một ma hình. Trùng hợp hả? Có thể, nhưng tôi đã ngồi bật dậy và chú ý tới điều này khi mới tìm ra nó. Và thế là tôi vội vã trở về nhà để nói với các cậu - chỉ là khi tôi về tới nơi, thì ồ, ngạc nhiên chưa, các cậu đã đi rồi. Thậm chí ngay cả vào lúc đó, tôi cũng chẳng hề lo lắng. Tôi nghĩ rằng các cậu đã được trang bị đầy đủ. Phải mãi lúc sau tôi mới nhìn thấy các cậu đã bỏ lại những sợi xích sắt.”

Im lặng. Con ma trong chiếc bình giờ đây đã biến thành một khối sinh chất lờn nhõn, phát sáng, lượn vòng chậm chậm như làn nước xanh lục ở đáy giếng.

“Thế nào?” George hỏi. “Có chi tiết nào phù hợp với những gì cậu đã trải nghiệm đêm qua không?”

Cứ như thể một cái lỗ được mở ra đâu đó trong người tôi, tất cả sự giận dữ của tôi đã chui tọt vào đó. Giờ tôi chỉ cảm thấy vô cùng mệt mỏi. “Cậu có ảnh của cô ấy chứ?” tôi hỏi.

Tất nhiên cậu có. Cậu chìa nó ra giữa xếp giấy. “Tôi chỉ có thể thôi.”

Từ một số *Người phán xử* khác. Một cô gái mặc áo choàng lông thú, bị chụp hình khi bước từ trong nhà ra ngoài. Đôi chân thon, răng trắng, tóc được búi phồng cao. Cô ấy có lẽ đang bước ra khỏi một câu lạc bộ hoặc quán bar mà các tờ báo rất yêu thích. Nếu giờ cô ấy còn sống, có lẽ cô ấy sẽ có một bức ảnh khổ nửa trang, với đôi mắt đờ đẫn, trong một cuốn tạp chí của Lockwood, và có lẽ tôi sẽ ghét cô ấy.

Lúc trước, tôi chỉ nhìn thấy khuôn mặt kia của cô ấy - không mắt, quắt lại, bị bao phủ bởi mạng nhện, và bị nhét đằng sau bức tường gạch. Điều đó làm tôi rất buồn.

“Đúng rồi,” tôi nói. “Chính là cô ấy.”

“Tuyệt vời,” George đáp. Cậu không nói bất kỳ điều gì khác.

“Tờ báo nói người ta đã tìm kiếm trong nhà cô ấy,” tôi lẩm bẩm. “Họ đã không tìm kiếm kỹ càng.”

Chúng tôi đứng cạnh chiếc bàn, nhìn chăm chú vào bức hình và tờ báo năm mươi năm tuổi đã bị lãng quên.

“Kẻ giấu xác cô ta đã làm tốt công việc của mình,” cuối cùng George nói. “Và đừng quên điều này đã xảy ra trước khi Vấn đề được thừa nhận rộng rãi. Hẳn người ta đã không cử đội điều tra tâm linh tới.”

“Nhưng tại sao hồn ma đó không gây rắc rối ngay từ đầu? Sao lại có khoảng trống thời gian lâu vậy?”

“Có thể đơn giản là vì có quá nhiều sắt trong ngôi nhà đó. Một chiếc khung giường sắt trong căn phòng đó có lẽ đủ rồi. Nếu như nhà ông Hope từng tiến hành dọn dẹp, thay đổi đồ đạc, thì việc đó có thể đã giải phóng Nguồn.”

“Họ *quả* đã thay đổi,” tôi nói. “Ông ấy đã sửa lại nó thành một phòng đọc sách.”

“Dù sao, chuyện đó bây giờ cũng không quan trọng.” George tháo kính ra và lau vào chiếc áo không được sơ vin.

“Tôi xin lỗi, George. Cậu đã đúng. Đáng lẽ bọn tôi nên chờ.”

“Hừm, đáng lẽ tôi nên tới nhập cuộc với các cậu. Nhưng buổi đêm rất khó bắt taxi...”

“Tôi đã bực mình một cách vô lý. Chỉ vì tôi quá lo lắng thôi. Tôi hy vọng cậu ấy ổn.”

“Cậu ấy sẽ ổn. Nghe này, tôi cũng không nên nổi nóng như vậy - cũng không nên đá quả bầu đó. Tôi đã làm vỡ nó, phải không?”

“Ồ, cậu ấy sẽ không biết đâu. Chỉ cần đặt nó lại lên giá thôi.”

“Ừ.” Cặp kính được đeo trở lại. Cậu nhìn tôi. “Tôi rất tiếc về chuyện tay của cậu.”

Chúng tôi có lẽ đã tiếp tục xin lỗi nhau mãi, nhưng vào ngay lúc đó tôi bị phân tâm bởi khuôn mặt trong cái bình, lúc này đã lén lút trôi lên và làm ra vẻ mặt vô cùng ghê tởm. “Thứ đó không thể nghe thấy chúng ta, phải không?”

“Xuyên qua thủy-tinh-bạc thì không. Hãy trở lại trên bếp đi. Tôi sẽ làm món gì đó cho cậu.”

Tôi bước về phía cầu thang xoắn. “Cậu sẽ phải rửa bát đĩa trước. Sẽ mất chút thời gian đấy.”

Tôi đã đúng. Thực tế phải mất rất nhiều thời gian, đủ để tôi tắm xong và thay quần áo, rồi lại khó nhọc xuống cầu thang, thì George mới đặt được trứng và thịt lợn muối xông khói lên đĩa. Tôi vừa mới đặt cái khay tay bị bong gân lên bàn và đang rón rén với tới lọ muối thì chuông cửa lại reo.

George và tôi nhìn nhau. Cả hai chúng tôi đều bước ra cửa.

Lockwood đứng ở đó.

Áo khoác của cậu ấy tơi tả và cháy sém, áo sơ mi rách toạc ở cổ. Mặt cậu bị cào xước, đôi mắt trằn trối sáng bừng và má tóp lại như một người bệnh vừa ngồi dậy trên giường. Không hề sưng vù lên như tôi đã từng lo sợ, cậu có vẻ gầy hơn bao giờ hết. Khi cậu bước chậm rãi vào trong ánh sáng của hành lang, tôi nhìn thấy tay trái của cậu đã được băng trong một lớp gạc trắng mỏng.

“Chào George,” cậu nói, và giọng cậu run run. “Chào Lucy...” Cậu lão đảo, dường như sắp ngã. Chúng tôi ào tới để đỡ cậu, và Lockwood cảm ơn chúng tôi bằng một nụ cười. “Rất vui được về nhà,” cậu nói, và rồi, “Này, chuyện gì xảy ra với quả bầu của tôi vậy?”

## CHƯƠNG 10

Hoặc do băng giá từ vụ ma chạm vẫn còn chạy trong các mạch máu của cậu, hoặc do các chấn thương khác - cùng với những cuộc thẩm tra kéo dài ở Sở Cảnh sát Thủ đô - đã làm cậu ấy kiệt sức, Lockwood rơi vào trạng thái ủ dột suốt cả ngày. Cậu ngủ (tôi cũng thế) gần hết buổi sáng; buổi trưa cậu ăn một chút, hầu như chẳng động vào món bánh nướng nhân thịt và món đậu George mới nấu. Cậu di chuyển chậm chạp; hầu như chẳng nói gì, điều rất không bình thường đối với Lockwood. Sau bữa trưa cậu vào phòng khách và ngồi đó với cánh tay bị thương chườm bằng những chai nước nóng, chờ đợi nhìn ra ngoài cửa sổ.

George và tôi ở bên cạnh cậu bầu bạn trong yên lặng suốt cả buổi chiều. Tôi đọc một cuốn tiểu thuyết trinh thám rẻ tiền. George tiến hành những thử nghiệm với con ma bị nhốt trong bình bằng cách dùng một mạch điện nhỏ để gây sốc điện vào chiếc bình thủy tinh. Hoặc do đã mất sức phản kháng, hoặc do một nguyên nhân nào khác, con ma chẳng phản ứng gì.

Gần bốn giờ chiều, khi ánh sáng đã tắt dần, Lockwood làm bọn tôi giật mình khi đột nhiên nhờ lấy quyển hồ sơ điều tra của chúng tôi. Đó là lần đầu tiên cậu mở miệng sau hàng giờ đồng hồ.

“Sắp tới chúng ta có vụ gì vậy, George?” cậu hỏi, khi quyển sổ cái bìa đen được mang tới. “Có những vụ nào nổi bật?”

George lật giở tới những ghi chép mới nhất. “Chẳng có gì *nhiều nhận*,” cậu ấy nói. “Có báo cáo về một 'hình dáng màu đen khủng khiếp' xuất hiện ở bãi đỗ xe một cửa hàng rượu vào đầu buổi tối. Có thể là bất cứ thứ gì từ

một Hồn Tối tới một Sương Xám. Đáng lẽ chúng ta sẽ tới đó điều tra vào đêm nay, nhưng tôi đã gọi điện cho họ báo hoãn... Chúng ta cũng có một vụ 'tiếng gõ quái gở' được nghe thấy ở một ngôi nhà gần Neasden... Có lẽ là một Gõ Đá, thậm chí là một Yêu Tinh yếu, nhưng cũng chưa có đủ thông tin để khẳng định chắc chắn. Rồi có một 'bóng đen, bất động' được nhìn thấy ở cuối một khu vườn ở Finchley - có lẽ là một Ma Ẩn hoặc một Bóng... Ồ, và một yêu cầu khẩn cấp của bà Eileen Smithers ở Chorley. Tối nào, khi ở một mình vào đêm muộn, bà ấy cũng đều nghe thấy...”

“Khoan đã,” Lockwood nói. “Eileen Smithers à? Chẳng phải chúng ta đã làm việc với bà ấy trước đây rồi sao?”

“Rồi. Lần đó là 'tiếng hú lìa hồn rừng rợn' vang lên trong phòng khách và phòng bếp nhà bà ấy. Chúng ta đã nghĩ đó có thể là một Hồn Hét. Trên thực tế đó là Bumbles, con mèo nhà hàng xóm bà ấy, bị kẹt trong một bức tường rỗng.”

Lockwood nhăn mặt. “Ôi Chúa ới, tôi nhớ ra rồi. Còn lần này?”

“Một âm thanh 'kỳ quặc, như trẻ con khóc' trên tầng áp mái nhà bà ấy. Bắt đầu từ nửa đêm, khi...”

“Sẽ lại là con mèo chết tiệt đó cho mà xem.” Lockwood rút tay trái từ dưới những chai nước ra và cẩn trọng co duỗi những ngón tay. Làn da vẫn hơi xanh. “Nói cho cùng, đó không phải chương trình hấp dẫn nhất trong cuộc đời các thám tử tâm linh, phải không nào? Những Ma Ẩn, Bóng và Bumbles, chú mèo đực màu cam... Thế còn những vụ *tốt* như Nỗi kinh hoàng Mortlake và Hồn Chết Dulwich đâu rồi?”

“Nếu 'tốt' theo ý cậu là những hồn ma hùng mạnh, đầy thách thức,” tôi nói, “thì hôm qua là một vụ được đấy. Vấn đề là - chúng ta đã không ngờ tới nó.”

“Y như cảnh sát ở Sở Cảnh sát Thủ đô đã nhắc đi nhắc lại với tôi vậy,” Lockwood cầu nhàu. “Không, tôi nói 'tốt' ở đây nghĩa là những vụ có thể đem lại tiền cho chúng ta. Những vụ vừa rồi không hẳn là đáng kể.” Cậu sụp người trở lại ghế.

Chẳng mấy khi Lockwood đề cập đến tiền bạc; đó không phải động lực thường trực của cậu ấy. Có một khoảng lặng chẳng lấy gì làm thoải mái. “Thật nực cười rằng George đã tìm được một chút thông tin về cô gái ma của chúng ta,” tôi vui vẻ nói. “Kể cho cậu ấy đi, George.”

George đã mong chờ cả ngày để giải phóng gánh nặng này khỏi lồng ngực mình. Cậu rút bài báo ra khỏi túi áo và đọc từ đầu đến cuối. Lockwood - người chẳng mấy hứng thú với danh tính của các Khách, kể cả khi họ *không* làm cậu bị thương - dừng dừng lắng nghe.

“Amabel Ward à?” cuối cùng cậu ấy nói. “VẬY ra đó là tên cô ta? Tôi băn khoăn không biết cô ta đã chết như thế nào...”

“Và kẻ nào đã giết cô ấy,” tôi thêm vào.

Lockwood nhún vai. “Năm mươi năm là khoảng thời gian dài. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được. Tôi quan tâm nhiều hơn tới *hiện tại*. Hồn ma của cô ta đã gây rắc rối thực sự cho chúng ta. Cảnh sát không hài lòng chút nào về vụ cháy đó.”

“Thế chuyện gì đã xảy ra ở chỗ họ đêm qua vậy?” George hỏi.

“Không có gì nhiều. Họ lấy lời khai của tôi. Tôi đã biện hộ cho vụ của chúng ta khá tốt - *Khách nguy hiểm, tính mạng của chúng tôi bị lâm nguy, phải ứng phó lập tức với hoàn cảnh*, và những thứ hiển nhiên khác nữa. Nhưng họ có vẻ không tin.” Cậu nghẹn giọng, nhìn ra ngoài cửa sổ lần nữa.

“Còn bây giờ?” tôi hỏi.

Cậu lắc đầu. “Chúng ta sẽ phải chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra.”

Và điều đó đến với chúng tôi nhanh hơn mong đợi. Chưa đến hai mươi phút sau, những tiếng gõ cốc cần đã vang lên ở cửa trước. George đi ra để trả lời. Cậu quay trở lại với một tấm danh thiếp diêm xanh và một vẻ mặt thất thần đau khổ.

“Ông Montagu Barnes từ DEPRAC,” cậu chán chường nói. “Cậu có ở nhà chứ?”

Lockwood rên rỉ. “Tôi phải ở nhà. Ông ta biết rằng tôi đang ở trong tình trạng không thể ra ngoài được vào ngày hôm nay. Được rồi. Cậu dẫn ông ta vào đi.”

Cục Nghiên cứu và Kiểm soát Tâm linh, hay DEPRAC, là một trong những tổ chức quyền lực nhất ở đất nước này. Cơ cấu của nó nôm na là nửa thuộc chính phủ, nửa thuộc lực lượng cảnh sát, nhưng thực tế nó được rất nhiều thám tử lớn tuổi vận hành, họ là những người đã trở nên quá chậm chạp và thậm chí lụ khụ để có thể làm công việc giám sát. Một trong những công việc chính của họ là theo dõi các công ty thám tử và đảm bảo rằng họ tuân thủ các luật lệ.

Thanh tra Barnes khoái luật lệ hơn hết thảy. Ông ta nổi tiếng miễn cán và vô cùng ghét những thứ gì không tuân theo từng câu từng chữ các nguyên tắc của DEPRAC. Lockwood và George đã đụng mặt với ông ta vài lần, hầu hết là trước khi tôi gia nhập công ty. Đây là lần đầu tiên tôi chạm mặt ông ta, bởi vậy tôi chăm chú quan sát ông ta khi ông ta bước vào phòng khách.

Đó là một người đàn ông nhỏ bé, mặc một bộ vét tối màu và khá nhàu nhĩ. Giày ông ta màu nâu và đã trầy da, cái quần thì quá dài. Ông ta mặc một chiếc áo mưa dài màu nâu buông tơi tận mắt cá, đầu đội mũ quả dưa bằng da lộn màu nâu. Tóc ông ta mỏng và rũ xuống, nhưng bộ ria thì khác, nó hoành tráng, tua tủa và rậm rạp như một chiếc bàn chải cọ sàn mới tinh.

Khó mà đoán tuổi; có lẽ ông ta đã ngoài năm mươi. Với tôi ông ta dường như vô cùng già, chỉ một bước chân ngắn nữa thôi là chính ông ta sẽ trở thành Khách. Ông ta có cái vẻ sầu muộn, cau có, cứ như thể người ta đã gây tê và phẫu thuật cắt bỏ tất cả ánh sáng và niềm vui khỏi thân thể ông ta, để lại cho ông ta làn da bùng nhùng và chảy xệ bên dưới hai mắt. Tuy nhiên, đôi mắt ấy lại rất sắc sảo, tinh tường.

Lockwood khó nhọc đứng lên, chào ông ta với cung cách vừa đủ thân mật và mời ông ta ngồi. George dọn chiếc bình ma sang tủ ly và che phủ nó dưới tấm vải chàm bi. Tôi đi pha trà.

Khi tôi quay trở lại, ông Barnes đang ngồi ở chính giữa chiếc ghế xô pha, vẫn chưa cởi áo mưa và mũ, tay đặt trên hai đầu gối dạng ra. Cái tư thế đó cùng lúc vừa thể hiện vẻ hống hách lại vừa có vẻ kỳ quặc. Ông ta đang nhìn bộ sưu tập các đồ tạo tác ở trên tường.

“Hầu hết mọi người,” ông ta nói bằng một giọng có vẻ là giọng mũi, “thường trang hoàng nhà cửa bằng tranh phong cảnh hay tranh vẽ đàn vịt. Những thứ này không thể đảm bảo vệ sinh được. Cái thứ bị rõ đó là gì vậy?”

“Đó là gậy linh hồn của người Tây Tạng,” Lockwood nói. “Ít nhất đã một trăm năm tuổi rồi. Cháu đoán rằng các thầy tu Tây Tạng đã bằng cách nào đó dẫn lối cho các hồn ma lang thang chui vào những khối cầu kim loại rỗng treo giữa những lá cờ đó. Ông quả rất tinh tường khi để ý đến nó, ông Barnes; đó là một trong những thứ giá trị nhất trong bộ sưu tập của cháu.”

Viên thanh tra khịt mũi. “Tôi thì thấy nó giống các vật thờ ngoại quốc lố lăng hơn...” Ông ta rời mắt khỏi đó để lướt sang nhìn vào mắt chúng tôi. “Hừm,” ông ta nói, “Tôi rất vui thấy cả hai cô cậu đều ổn. Thậm chí cả ngạc nhiên nữa. Khi tôi thấy các cô cậu trong vườn đêm qua, tôi đã nghĩ cô cậu sẽ phải ở trong bệnh viện cả tuần cơ đấy.” Có vừa đủ sự mập mờ trong

giọng nói của ông ta để khiến tôi băn khoăn không biết có phải ông ta cũng đã *mong chờ* kết quả như thế.

Lockwood phác một cử chỉ tỏ vẻ hối tiếc. “Cháu xin lỗi vì đã không thể ở lại giúp đỡ mọi người,” cậu ấy nói. “Cháu đã muốn ở lại, nhưng các bác sĩ rất kiên quyết.”

“Ồ, cậu cũng chẳng thể làm được gì,” ông Barnes nói. “Cậu chỉ làm vương chân họ thêm thôi. Chính nhờ những nỗ lực quả cảm của lính cứu hỏa và các thám tử mà ngọn lửa mới được dập tắt. Họ đã cố gắng cứu được phần lớn ngôi nhà. Nhưng tầng trên thì đã bị cháy rụi hoàn toàn, chính là nhờ cô cậu đấy.”

Lockwood gật đầu dứt khoát. “Cháu đã khai với các đồng nghiệp của ông ở Sở rồi.”

“Tôi biết. Và tôi đã nói chuyện với bà Hope, chủ nhân ngôi nhà bị cô cậu phá hủy.”

“À. Bà ấy thế nào ạ?”

“Bà ấy điên lắm rồi, cậu Lockwood ạ, cậu cứ hình dung mà xem. Tôi chẳng thể hiểu được gì nhiều từ bà ấy. Nhưng bà ấy và cả con gái bà ấy đều rất tức giận, và họ đang yêu cầu bồi thường. Đây là trà của tôi hả? Tuyệt.” Ông ta cầm một chén lên.

Mặt Lockwood, vốn đã tái nhợt, nay càng trở nên nhợt nhạt hơn. “Cháu rất hiểu rằng họ đang tức giận,” cậu ấy nói, “nhưng, với tư cách người trong nghề, cháu xin nói những sự cố như thế này luôn xảy ra trong công việc của chúng ta. Lucy và cháu đã phải đối mặt với một Loại Hai nguy hiểm trước đó đã từng giết người và khi ấy đang đe dọa mạng sống của chúng cháu. Vâng, sự hủy hoại kèm theo đó thật là không may, nhưng cháu tin tưởng rằng DEPRAC sẽ hỗ trợ chúng cháu các chi phí...”

“DEPRAC sẽ không hỗ trợ các cô các cậu một xu nào cả,” ông Barnes nói và nhấp một ngụm trà. “Đó chính là lý do tôi tới đây. Tôi đã nói chuyện với cấp trên của mình, và họ nhìn nhận rằng các cô cậu đã coi nhẹ một vài quy định an toàn cơ bản trong cuộc điều tra của các cô cậu ở đường Sheen. Nghiêm trọng nhất, các cô cậu đã lựa chọn đối đầu với Khách mà không có xích sắt: và vụ cháy là hệ quả trực tiếp của quyết định đó.” Viên thanh tra lau khô ria mép bằng cạnh một ngón tay. “Các cô cậu phải tự mình bồi thường.”

“Nhưng chuyện này thật nực cười,” Lockwood nói. “Chắc chắn chúng ta có thể...”

“Chẳng có 'chúng ta' nào hết!” Ông Barnes dường như đột ngột trở nên giận dữ. Ông ta đứng dậy, khua khua cái chén. “Nếu cậu và cô Carlyle làm việc một cách *đúng đắn* - nếu các cô cậu rời khỏi ngôi nhà đó khi chạm mặt Khách lần đầu tiên, nếu các cô cậu trở lại với những thiết bị tốt hơn,” - ông ta trừng mắt nhìn chúng tôi - “hoặc với những thám tử giỏi hơn, thì ngôi nhà sẽ vẫn còn đó! Đó là lỗi của các cô cậu và tôi e rằng tôi không thể giúp đỡ. Và tôi sẽ nói các cô cậu nghe điểm chính yếu đây.” Ông ta lấy ra một gói từ trong túi áo khoác. “Các cố vấn pháp luật nhà Hope đã gửi tôi phong bì này. Họ yêu cầu bồi hoàn ngay lập tức cho những hư hỏng do vụ cháy gây ra. Tổng cộng là 60.000 bảng. Các cô cậu có bốn tuần để trả tiền bồi thường, nếu không họ sẽ kiện các cô cậu.” Ông ta mím môi. “Tôi hy vọng rằng cậu thực sự phong lưu như vẻ bề ngoài, cậu Lockwood ạ, bởi vì tôi có thể cam đoan rằng nếu cậu không hoàn thành nghĩa vụ này, DEPRAC sẽ phải giải tán công ty thám tử của cậu.”

Không ai động đậy. Lockwood và tôi ngồi như thế cả hai chúng tôi đã bị ma-khóa. George chậm chậm tháo cặp kính và lau vào áo len chui đầu của mình.

Giờ đây sau khi đã thông báo với chúng tôi cái tin trí mạng đó, thanh tra Barnes dường như bồn chồn không yên. Ông ta khệnh khạng đi lại xung quanh phòng, vừa nhìn ngắm những đồ tạo tác vừa uống trà.

“Ông để lá thư đó lên tủ ly hộ cháu,” Lockwood nói. “Cháu sẽ xem nó sau.”

“Tự ái chẳng ích lợi gì đâu, cậu Lockwood,” ông Barnes nói. “Đây là điều sẽ xảy ra khi một công ty thám tử không được điều hành đúng đắn. Không có người giám sát! Các công ty thám tử có người lớn đảm bảo mọi thứ được tiến hành với sự cẩn trọng tối đa dành cho tài sản và sự tổn thất tối thiểu đối với nhân mạng. Nhưng các cô cậu...” - ông ta phẩy tay về ghê tởm - “Các cô cậu chẳng là gì cả, chỉ là một lũ trẻ chơi trò người lớn. Tất cả mọi thứ trong ngôi nhà này minh chứng cho điều đó, thậm chí cả thứ rác rưởi này trên tường.” Ông ta chăm chú nhìn một mảnh nhân nhỏ. “'Cây bắt ma của Indonesia' à? Thật vớ vẩn! Quăng nó vào viện bảo tàng ấy!”

“Bộ sưu tập đó là của mẹ cháu,” Lockwood nói khẽ.

Viên thanh tra không nghe thấy, ông ta lắc chiếc phong bì lên trên tủ ly, và cùng lúc đó, nhận thấy thứ được che giấu dưới chiếc khăn tay chấm bi. Nhấn mặt, ông ta hất tấm vải ra, để lộ chiếc bình sương khói màu vàng. Trán ông ta càng nhăn tít. Ông ta cúi sát xuống, nhìn sâu vào bên trong. “Còn cái này? Cái thứ quái dị này là gì vậy? Lại một thứ mẫu vật kinh khủng đáng lẽ phải được hỏa thiêu từ lâu rồi...” Ông ta thô bạo gõ lên chiếc bình thủy tinh.

“Ồm, nếu là cháu, cháu sẽ không làm thế đâu,” Lockwood nói.

“Tại sao không?”

Một luồng sinh chất màu vàng đột ngột dồn lên; khuôn mặt ma đông kết lại hiện hình đối diện thẳng với ông Barnes. Mắt nó lồi như muốn bật hẳn ra

ngoài; miệng nó ngoác ra, để lộ một dãy hàm răng lởm chởm như dãy Alps. Nó đang dùng lưỡi làm những điều đầu đầu.

Thật khó đoán chính xác ông thanh tra nhìn thấy ma hình đó rõ tới mức độ nào. Nhưng rõ ràng ông ta đã cảm nhận thấy *điều gì đó*. La lên một tiếng như khỉ hú, ông ta bật nảy người lại kinh sợ. Tay ông ta giật lên cao; trà nóng, đặc, chảy xuống mặt và ngực áo sơ mi của ông ta. Chiếc chén rơi lóc cóc dưới sàn nhà.

“George,” Lockwood nói giọng ôn hòa, “tôi *đã bảo* cậu để cái bình đó ở tầng dưới cơ mà.”

“Ừ. Tôi quên mất.”

Ông Barnes chớp chớp mắt, há hốc miệng, đoạn lấy tay vuốt mặt. “Lũ ngốc vô trách nhiệm! Cái quái quỷ đó - nó là cái gì thế?”

“Cháu không chắc nữa,” George nói. “Có thể đó là một Hồn Sống loại nào đó. Xin lỗi về điều đó, ông Barnes, nhưng lẽ ra ông không nên nhìn sát như thế. Nó dễ bị giật mình bởi những hình dạng kỳ cục.”

Viên thanh tra đã giật một chiếc khăn giấy từ khay trà và đang thấm nước trên áo mình; lúc này ông ta quắc mắt nhìn tất cả bọn tôi. “*Đây chính là điều* tôi muốn nói tới đây,” ông ta nói. “Không được giữ những chiếc bình như thế trong nhà riêng. Chúng cần phải được giữ trong những nơi an toàn, dưới sự kiểm soát của những tổ chức có trách nhiệm - hoặc, tốt hơn nữa, là bị phá hủy. Nếu con ma trong đó thoát ra thì sao? Nếu có đứa trẻ con nào tới và tìm thấy nó thì sao? *Tôi* mới chỉ nhìn lơ mờ thôi mà nó đã dọa tôi sợ suýt chết, thế mà các cô cậu để nó khơi khơi như thế trên tủ ly.” Ông ta cáu bẳn lắc đầu. “Như tôi đã nói đây, các cô cậu chỉ coi công việc như trò chơi. Hừm, tôi đã nói những điều cần nói. Hãy đọc những giấy tờ này, cậu Lockwood, và nghĩ về điều cậu muốn làm. Hãy nhớ - các cô cậu chỉ có bốn tuần. Bốn tuần và 60.000 bảng. Không, không cần phải tiền tôi làm gì; tôi

tự ra được, miễn là không có con ma cà rồng nào xé xác tôi trong hành lang.”

Ông ta ụp chiếc mũ lên đầu và sầm sập bước ra khỏi phòng. Chúng tôi chờ cho đến khi nghe tiếng cửa trước đóng sập lại.

“Một cuộc gặp đáng chán và mệt mỏi trên nhiều khía cạnh,” Lockwood nói, “nhưng về cuối thì vui lên một chút.”

“Đúng vậy, phải không?” George khúc khích. “Quả là vô giá. Các cậu thấy vẻ mặt của ông ta chứ?”

Tôi cười nhả nhổ. “Tôi chưa từng thấy ai di chuyển nhanh như vậy.”

“Ông ta đã sợ chết điếng, phải không?”

“Đúng vậy. Thật tuyệt vời.”

“*Rất* buồn cười.”

“Đúng vậy.”

Tiếng cười của chúng tôi tắt dần. Có một khoảng lặng dài. Tất cả chúng tôi đều nhìn vào hư không.

“Cậu có trả *nổi* cho nhà bà Hope không?” tôi hỏi.

Lockwood hít một hơi thật sâu; việc đó dường như làm cậu đau - cậu cúi kính xoa lên sườn. “Nói thẳng ra là: không. Tôi có ngôi nhà này, nhưng trong ngân hàng thì chẳng có mấy. Dù sao cũng chẳng đủ để sửa được nhà bà Hope. Cách duy nhất tôi có thể làm là bán chỗ này đi, và đó sẽ là dấu chấm hết cho công ty thám tử này, như ông Barnes đó đã lường trước...” Trong thoáng chốc cậu dường như co người lại trong ghế; rồi như thể một công tắc nào đó được bật lên và năng lượng quay trở lại. Cậu nở một nụ cười méo mó nhưng rạng rỡ với cả hai chúng tôi. “Nhưng điều đó sẽ không xảy ra, phải không nào? Chúng ta có bốn tuần! Thế là *quá nhiều* thời gian để kiếm tiền! Điều chúng ta cần là một vụ *thực sự* đáng chú ý để có thể làm

chúng ta nổi tiếng, đồng thời tạo đà cho chúng ta.” Cậu chỉ vào quyển hồ sơ trên bàn. “Không làm những thứ rác rưởi Bóng hay Ma Ẩn gì nữa - chúng ta cần thứ gì đó thực sự làm nên tên tuổi chúng ta. Hừm... mai chúng ta sẽ lo tiếp... Không, cảm ơn George - tôi không muốn uống trà. Tôi hơi mệt rồi. Nếu các cậu cũng thấy mệt rồi, thì tôi đi ngủ đây.”

Cậu chúc ngủ ngon và bỏ đi. George và tôi ngồi đó, chẳng nói năng gì.

“Tôi đã không nói với cậu ấy, nhưng chúng ta vừa mất một vụ như thế rồi,” cuối cùng George nói. “Hôm nay họ đã gọi hủy. Cậu biết đấy, hẳn họ đã nghe về vụ cháy rồi.”

“Vụ quý bà mèo hả?”

“Không phải. Một trong những vụ thú vị cơ.”

“Bốn tuần không *thực sự* đủ dài để kiếm số tiền đó, phải không?” tôi nói.

“Đúng vậy.” Cậu ngồi bắt chéo chân trên ghế xô pha, cầm ủ rữ gục xuống tay.

“*Thật* không công bằng,” tôi nói. “Chúng ta đã mạo hiểm mạng sống của mình!”

“Đúng vậy.”

“Chúng ta đã đối mặt và đẩy lùi một con ma ghê gớm! Chúng ta đã làm cho London trở thành một nơi an toàn hơn!”

“Đúng vậy.”

“Đáng lẽ chúng ta phải được *khen thưởng* mới phải chứ!”

George đuổi người, chuẩn bị đứng dậy. “Ý nghĩ hay đấy, nhưng mọi việc không diễn ra theo cách đó. Cậu đói chứ?”

“Không. Chỉ kiệt sức thôi. Tôi nghĩ tôi cũng đi ngủ đây.” Tôi nhìn cậu thu dọn đồ uống trà, và nhặt chiếc chén đánh rơi của viên thanh tra từ dưới

xô pha. “Ít nhất thì cũng đã giải quyết được Annabel Ward,” tôi nói. “Cũng là chút an ủi.”

Cậu căn nhắc. “Đúng vậy. Ít ra thì các cậu đã làm đúng *chuyện đó*.”

## CHƯƠNG 11

Tôi thức giấc đầu đó khoảng chừng nửa đêm, căn phòng chìm trong bóng tối và toàn thân tôi đau nhức. Tôi nằm ngửa - tư thế đỡ khó chịu nhất - hơi nghiêng người về phía cửa sổ. Một tay gập lại để trên gối, tay kia duỗi thẳng trên tấm chăn. Mắt tôi thao láo, đầu óc tôi tỉnh táo. Cứ như thể tôi chưa từng ngủ chút nào vậy, nhưng chắc hẳn tôi đã ngủ, bởi vì xung quanh tôi là sự yên ắng nặng nề, mượt như nhung của những giờ khắc câm lặng.

Những vết cắt trên người tôi đau nhói, những vết bầm nhức nhối; một ngày sau cú ngã, cơ bắp của tôi đang phục hồi tương đối tốt. Tôi biết có lẽ mình nên thức dậy và uống vài viên aspirin, nhưng lọ thuốc ở trong bếp tận dưới kia. Đi xuống lấy thì tốn sức quá. Tôi không muốn di chuyển. Người tôi cứng đờ, cái giường thì ấm áp mà không khí thì quá lạnh.

Tôi nằm yên, nhìn cái mái dốc của tầng áp mái. Sau một chốc, một đốm sáng trắng nhợt hiện ra bên ngoài khung cửa sổ, lúc đầu tối mờ, rồi sáng lóe lên. Đó là ánh sáng từ chiếc đèn ma, đều đặn như luồng sáng từ một ngọn hải đăng, chiếu tới tận góc cuối phố. Cứ ba phút rưỡi một lần, nó lại xuyên thủng bóng đêm với ánh sáng trắng chói lọi trong chính xác ba mươi giây, trước khi lại tắt đi. Về cơ bản, đèn ma được thiết kế để giữ an toàn cho các con đường, ngăn Khách không lảng vảng ở đó. Nhưng trên thực tế - bởi chẳng có mấy hồn ma lang thang trên các con đường trống - nó có tác dụng làm yên lòng, để mọi người nghĩ rằng các nhà chức trách đang làm điều gì đó.

Tôi nghĩ nó cũng có tác dụng theo cách riêng. Nó khiến ta thoải mái đôi chút. Nhưng khi tắt đi rồi, nó dường như làm cho bóng đêm trở nên càng

sâu thẳm.

Khi đèn bật lên, tôi có thể nhìn thấy từng chi tiết căn phòng bé nhỏ của mình: những thanh xà trên trần nhà, những thanh chắn ma bằng sắt tối đen xung quanh cửa sổ, tủ quần áo mỏng dính tới nỗi tất cả móc treo quần áo của tôi trong đó đều phải để nghiêng. Trong đó chẳng có mấy chỗ trống - tôi thường phải chất quần áo của mình thành đống trên chiếc ghế cạnh cửa. Tôi đã thoáng nhìn thấy đống quần áo đó. Nó đã cao vống lên rồi. Ngày mai tôi sẽ phải sắp xếp lại.

Ngày mai... Bất kể Lockwood có tỏ vẻ can trường tới đâu, dường như không còn nhiều ngày mai cho chúng tôi. Bốn tuần... Bốn tuần để kiếm một số tiền không tưởng. Và chính sự ngoan cố *của tôi* đã giữ chúng tôi ở lại căn nhà đó sau đợt tấn công đầu tiên của cô gái ma. Chính tôi đã khiến cả hai đối mặt cô ấy một lần nữa, trong khi thu dọn đồ lễ và bỏ đi có thể sẽ dễ dàng hơn nhiều.

Lỗi do tôi. Tôi đã quyết định sai lầm, giống như trong vụ Cối xay Wythburn. Lần đó tôi đã không tuân theo bản năng. Lần *này* tôi làm theo bản năng, nhưng bản năng đó đã sai. Dù theo cách này hay cách kia, khi bước vào khủng hoảng, thì kết quả cuối cùng luôn như nhau. Tôi đã gây rắc rối, và thảm họa theo đó mà xảy ra.

Ở bên ngoài đường phố, chiếc đèn ma lại tắt; căn phòng trở lại bóng tối. Tôi vẫn không di chuyển. Tôi đang hy vọng mình có thể lừa trí óc quay lại giấc ngủ. Nhưng tôi đang đùa với ai chứ? Tôi đang quá đau, quá tỉnh, quá mặc cảm tội lỗi - và cũng quá lạnh nữa. Tôi thực sự cần tới một chiếc chăn nữa từ tủ đựng đồ vải trong phòng tắm phía dưới.

Lạnh quá...

Tim tôi khẽ run rẩy khi tôi nằm đó trên giường.

Thực sự *rất* lạnh.

Và đó cũng không phải cái lạnh ẩm ướt bình thường của tiết trời giữa tháng Mười một. Nó là cái lạnh làm hơi thở của ta hóa khói khi ta ngủ. Nó là cái lạnh in sương giá lên mặt trong lớp kính cửa sổ phòng ta. Nó là cái băng giá tê cóng, buốt phổi, lan tỏa, và đối với tôi nó rất quen thuộc.

Tôi mở *choàng* mắt.

Bóng tối. Tôi nhìn thấy viền ngoài mờ nhạt của cửa sổ và xuyên qua đó, là đêm London nhuộm sắc cam. Tôi lắng nghe - nhưng chỉ nghe thấy tiếng mạch máu động trong tai. Tim tôi đập mạnh trong lồng ngực tới nỗi tôi nghĩ tấm chăn bông đắp bên trên cũng đang nhảy nhót theo. Tất cả các bó cơ trên người tôi đều căng cứng; tôi trở nên vô cùng cảnh giác, cảm nhận từng centimet vuông tiếp xúc trên da thịt mình - cái lướt qua của lớp vải trên chiếc váy ngủ cotton, sự ấm áp, mềm mượt của tấm chăn, sức ép của băng gạc lên những vết thương. Bàn tay đặt trên gối tự dưng siết lại; mồ hôi túa ra trong lòng bàn tay.

Tôi không nhìn thấy gì, chẳng nghe thấy gì, nhưng tôi *biết*.

Không chỉ có mình tôi trong căn phòng này.

Một phần nhỏ bé trong tâm trí tôi đang gào thét bảo tôi di chuyển. Hất cái chăn nặng nề ra mà đứng dậy. Làm gì *sau đó* thì tôi không biết - nhưng bất cứ điều gì cũng sẽ tốt hơn là chỉ nằm đó trong vô vọng, nghiền chặt nỗi sợ hãi giữa hai hàm răng mình.

Chỉ cần bật dậy thôi. Mở tung cửa ra. Chạy xuống cầu thang... *Làm* gì đó đi!

Tôi vẫn nằm bất động.

Một mẫu trí nhớ lạnh lẽo đã mách bảo tôi rằng chạy ra cửa có lẽ không phải quyết định thông minh. Bởi vì tôi đã nhìn thấy... Tôi *đã* nhìn thấy gì nhỉ?

Tôi chờ đợi. Chờ đợi luồng sáng.

Đôi khi ba phút là rất, rất lâu.

Dưới kia, gần cửa hàng góc đường, trong mạch điện giấu kín của chiếc đèn ma, một công tắc điện tử vừa được bật. Đằng sau những thấu kính lớn hình tròn, những bóng đèn magiê được bật lên, tưới ánh sáng trắng mát mẻ khắp đường phố. Ở trên cao nơi cửa sổ gác mái phòng tôi, ánh sáng đã trở lại.

Mắt tôi nhìn sang hướng cửa.

Đúng. Ở đó. Cái ghế và đồng quần áo. Chúng hình thành một khối đen mờ không rõ hình dạng - nhưng cái khối đó *cao hơn* so với bình thường rất nhiều. Nếu lấy tất cả quần áo tôi có trên thế gian này và chất chúng thành đồng ở đó với váy và áo len chui đầu ở dưới trong khi những chiếc tất vắt ở trên đỉnh, thì nó cũng chẳng thể nào cao, hoặc thôn dài, như cái hình dáng đứng chỉ vừa đủ để có thể nhìn thấy trong khoảng tối gần cửa.

Nó không di chuyển. Nó không cần phải di chuyển. Tôi nhìn trừng trừng vào nó trong ba mươi giây khi vẫn nằm chờ người trên giường. Và *thực sự* tôi cũng cảm thấy người mình cứng đờ ra. Cơn ma-khóa đã xâm chiếm tôi một cách thật lén lút, mơ hồ, làm tôi hoàn toàn không nhận biết gì về nó cho tới tận lúc này.

Ánh sáng từ ngoài đường phố đã tắt.

Tôi cắn môi, đánh thức sự tập trung, xua đuổi cảm giác vô vọng trong đầu óc. Gồng hết sức để ép cơ thể cử động, tôi hất chân ra khỏi người. Tôi lật người sang một bên, lăn tròn rồi đáp xuống sàn nhà.

Tôi nằm bất động.

Tất cả các cơ bắp của tôi đều đau nhức nhối; hành động mạnh mẽ đó chẳng cải thiện tình hình được chút nào. Nhưng giờ chiếc giường đã ở giữa tôi và cửa ra vào, cùng cái thứ đứng bên cạnh nó, và như vậy *là* tốt. Đó là điều duy nhất quan trọng vào lúc này.

Tôi ép người sát xuống thảm, đầu đặt trên hai bàn tay. Không khí lạnh buốt như băng đang cắn xé khoảng da hở ở hai bàn chân và cẳng chân tôi. Thảm thảm bị bao bọc bởi một lớp mỏng sương khói trắng lờn vờn, sáng mờ: sương ma, một thứ phụ phẩm thường có trong những vụ hiện hồn.

Tôi nhắm mắt lại, cố gắng trấn tĩnh, vênh tai *lắng nghe*.

Nhưng cái điều vốn rất dễ dàng khi bạn quần áo chỉnh tề, đồ nghề đầy đủ, và có một thanh kiếm sáng lóa đeo bên hông, lại trở nên không đơn giản chút nào khi bạn đang mặc bộ váy ngủ màu hồng pha vàng, nằm dài dưới sàn. Cái điều vốn rất ổn khi bước vào một ngôi nhà bị ma ám trong công việc điều tra lại trở thành không ổn khi bạn ở trong chính phòng ngủ của mình, và vừa chột nhìn thấy một thứ gì đó đã chết đứng cách đó vài mét. Bởi thế tôi chẳng nghe được bất cứ âm thanh siêu nhiên nào. Thứ mà tôi nghe được là âm thanh cơ bản của sự sống - tiếng tim tôi đập, tiếng phổi phập phồng.

*Làm thế quái nào nó vào được vậy? Ở cửa sổ có sắt. Làm sao nó lên cao được thế này?*

Bình tĩnh nào! *Nghĩ đi*. Tôi có thứ vũ khí nào trong phòng mình không - bất cứ thứ gì tôi có thể sử dụng được?

Không. Đai làm việc của tôi đang ở trên bàn bếp, cách cả hai tầng nhà phía dưới. Hai tầng! Nó có ở tận Trung Quốc thì cũng đến thế này mà thôi. Kiếm của tôi thì cũng vậy, đã tiêu tùng, bị cháy và tan chảy trong ngọn lửa ở đường Sheen. Tất cả những đồ dự phòng thì ở tầng hầm, nghĩa là cách *ba* tầng phía dưới! Tôi hoàn toàn không có khả năng tự vệ. Có lẽ cũng có nhiều đồ lặt vặt nằm rải rác đâu đây trong căn nhà, nhưng điều đó cũng là vô ích, bởi vì thứ đó đang bay lượn gần cửa.

Hoặc có phải vậy không? Không khí dịch chuyển. Tôi nổi da gà.

Nằm úp người như thế, tôi chẳng thể nâng đầu lên quá cao được nếu không chống tay lên. Tôi chỉ có thể nhìn thấy chiếc chân giường gần nhất, màu xám và sần sùi, những dải sường ma màu trắng xanh, và bức tường. Đằng sau lưng tôi là khoảng phòng trống. Nếu có thứ gì đó trôi nổi đằng sau lưng tôi vào lúc đó, tôi sẽ chẳng thể biết được.

Dù tối hay không, tôi cũng *phải* quan sát ngay lúc này. Tôi chuẩn bị sẵn sàng để nâng người dậy.

Ánh sáng từ ngoài phố lại bùng lên. Tôi chống thẳng hai tay, ngẩng đầu lên, nhìn lại về phía ấy qua mép tấm đệm...

Và cảm thấy sợ hãi đến mức tim tôi gần như ngừng đập. Cái hình dáng đó không còn ở cạnh cửa nữa. Không. Nó đã bay lên cao, chậm rãi, yên lặng, và giờ đang lượn vòng *bên trên chiếc giường*. Nó treo mình ở đó trong tư thế cúi gập để xem xét, sinh chất tạo thành vệt trên tấm nệm, những ngón tay dài màu đen của nó quờ xuống sờ soạng những mảng ẩm trên tấm chăn mà tôi vừa mới nằm đắp.

Nếu nó vươn dài những ngón tay đó sang bên cạnh, thì chúng đã chạm vào tôi.

Tôi lại thụp xuống.

Xét theo nhiều khía cạnh thì cái giường vốn từ lâu không ai dùng mà tôi đã ngủ trên đó ít lâu là một thứ chẳng mấy giá trị. Có lẽ nó là chiếc giường đầu tiên Lockwood đã dùng trong những năm xưa năm xưa, hồi cậu ấy còn là một đứa bé con. Các khớp nối của nó ọp ẹp, tấm nệm của nó thì gồ ghề những đoạn lò xo. Nhưng có một thứ hữu ích ở nó: nó không có những chiếc ngăn kéo gắn bên dưới như kiểu giường hiện đại. Bởi vậy ở dưới còn rất nhiều không gian cho những chiếc khăn tay nhàu nát, những cuốn sách và bụi bặm, kể cả chỗ cho chiếc hộp nhỏ đựng đồ lặt vặt tôi mang từ nhà đến.

Và có rất nhiều không gian, vào lúc đó, cho một cô gái lạnh lẽo.

Tôi không biết liệu rằng mình đã bò hay lăn; tôi không biết mình đã đè bẹp hay làm vỡ thứ gì. Tôi nghĩ tôi đã đập đầu vào cái gì đó, và ắt hẳn tôi đã làm bong băng gạc khỏi hai cẳng tay, bởi sau đó tôi nhận ra rằng thảm đã dính đầy máu. Một giây, có thể là hai: đó là khoảng thời gian tôi lao xuống dưới giường và thoát ra ở phía đằng kia.

Khi chui ra tôi bị bao bọc bởi thứ gì đó lạnh lẽo.

Nó to, xộp và phủ xuống tôi từ phía bên trên. Trong thoáng chốc tôi đã vùng vẫy trong hoảng loạn tột độ - rồi nhận ra đó chỉ là chiếc chăn của mình đang phủ xuống bên giường. Tôi hất chăn ra, cố hết sức đứng dậy. Ở phía đằng sau, trên chiếc giường, một luồng ánh-sáng-khác lóe lên giận dữ. Bóng đen đó lại đột ngột hiện rõ: một hình dáng nhợt nhạt, gầy gò trôi theo tôi, hai cánh tay với ra.

Tôi nhảy tới cánh cửa, giật tung cửa ra, và tuyệt vọng phóng xuống cầu thang.

Tới hành lang tầng hai, tôi va vào lan can cầu thang, những luồng gió lạnh bóp nghẹt cổ họng tôi. “Lockwood!” tôi gào to. “George!”

Cánh cửa phòng Lockwood ở bên trái. Một vệt sáng nhỏ xuất hiện nơi khe cửa bên dưới. Tôi chộp lấy tay nắm cửa, ngoái lại phía sau nhìn đốm sáng nhạt đang nhanh chóng kéo dài xuống những bậc thang. Tay nắm cửa di chuyển lên xuống nhưng chẳng ích gì; cánh cửa đã bị khóa, nó sẽ không mở ra. Tôi tuyệt vọng giơ nắm đấm để động vào cánh cửa gỗ. Ở góc quanh của cầu thang đã xuất hiện những ngón tay, rồi một bàn tay phát sáng đang duỗi dài...

Cánh cửa bật mở; ánh sáng vàng dịu của ngọn đèn bên trong cơ hồ làm tôi lóa mắt.

Lockwood đứng đó, mặc bộ pyjama kẻ sọc và chiếc áo choàng dài tối màu.

“Lucy?”

Tôi lao qua cậu mà chạy vào trong phòng. “Một con ma! Phòng tôi! Nó đang đến đây!”

Tóc cậu hơi rối, gương mặt thâm tím của cậu mệt mỏi và buồn bã, nhưng ngoài ra thì cậu hoàn toàn bình tĩnh. Cậu không hỏi gì mà bước lùi lại phía sau, mặt hướng về phía cái ô màu đen của khung cửa. Có một chiếc tủ ngăn kéo bên cạnh cậu. Cậu với cánh tay lành mở ngăn kéo trên cùng mà không cần nhìn, rồi quả quyết thò tay vào bên trong. Tôi cảm thấy sự nhẹ nhõm dâng trào như một luồng hơi ấm. Ổn Chúa! Nó có thể là một quả bom muối hoặc một hộp mạt sắt chẳng? Chẳng quan tâm. *Bất cứ thứ gì cũng được.*

Cậu lôi ra một mớ rối tung những gỗ, dây dợ và những mẫu kim loại. Những mẫu kim loại có hình như những con chim và thú. Lockwood cầm một thanh gậy gỗ và bắt đầu gỡ dây.

Tôi nhìn nó. “Cậu chỉ có chừng đó thôi à?”

“Kiếm của tôi ở dưới nhà rồi.”

“Đó là cái quái gì vậy?”

“Đồ treo cũi. Nó là của tôi hồi còn nằm nôi. Cậu cầm nó ở đây, và những con thú được treo từ bánh xe quay này. Nó tạo ra âm thanh vui nhộn lắm. Tôi thích nhất con hươu cao cổ mặt cười.”

Tôi nhìn về phía cánh cửa mở. “Hừm, rất tuyệt, nhưng...”

“Chúng bằng sắt, Lucy. Thế điều gì đã xảy ra vậy? Đầu gối cậu đang chảy máu kìa.”

“Một ma hình. Lúc đầu là quầng xạ tối, nhưng giờ ánh- sáng-khác xuất hiện. Các hiệu ứng cấp hai của ma-khóa và và cơn băng giá. Nó vừa mới

theo tôi xuống cầu thang.”

Lockwood có vẻ thỏa mãn với món đồ treo cũi. Khi cậu cầm nó lên và xoay cổ tay, vòng tròn nhỏ những con vật treo quay tự do. “Cậu tắt đèn ngủ đi, được chứ?”

Tôi làm thế. Chúng tôi chìm vào bóng tối. Không có đốm sáng ma nào xuất hiện ngoài hành lang.

“Tin tôi đi, nó ở ngoài đó,” tôi nói.

“Được rồi. Chúng ta sẽ ra cửa. Khi cậu đi qua giường tôi, hãy nhặt một chiếc giày.”

Chúng tôi len lén đi ra cửa, với chiếc treo cũi chìa ra đằng trước, và cẩn trọng quan sát ra phía ngoài. Chẳng có dấu hiệu ma hình nào trên chiếu hành lang cả.

“Cậu lấy giày rồi chứ?”

“Rồi.”

“Ném nó vào cửa phòng George nhé.”

Với tất cả sức mạnh tôi có thể tập trung được, tôi ném nó bằng qua hành lang. Nó đập *uỳnh* một cái thật mạnh vào cánh cửa đối diện. Chúng tôi chờ đợi, dõi vào bóng tối.

“Nó đã theo tôi xuống cầu thang,” tôi nói.

“Tôi biết. Cậu đã nói rồi mà. Nhanh nào, George...”

“Tiếng động tôi tạo ra chắc chắn làm cậu ấy thức dậy rồi.”

“Hừm, cậu ấy ngủ say lắm. A, cậu ấy dậy rồi.”

Cuối cùng George cũng loạng choạng bước ra từ phòng mình, chớp chớp và đảo mắt như một con chuột đồng bị cận thị. Cậu mặc một bộ pyjama xanh dương lòng thùng cỡ bự, rộng hơn cỡ của cậu ít nhất ba số, được trang trí hình tàu vũ trụ và máy bay lòe loẹt cầu thả.

“George,” Lockwood gọi, “Lucy nói cậu ấy đã nhìn thấy Khách, ở đây, trong ngôi nhà này.”

“Tôi đã nhìn thấy nó,” tôi nói quả quyết.

“Cậu có sắt đây không?” Lockwood nói. “Chúng ta cần xem nó là gì.”

George dụi mắt; cậu lóng ngóng sờ xuống thắt lưng trong nỗ lực tuyệt vọng nhằm giữ cho quần không xệ xuống quá thấp. “Tôi không chắc lắm. Có thể có. Chờ tí.”

Cậu quay người lê bước vào trong. Có một khoảng lặng, theo sau là liên tiếp những tiếng lục lọi. Một lúc sau George quay trở lại, đeo một chiếc đai quàng chéo qua vai kiểu người chăn bò Nam Mỹ. Chiếc đai mấp mô những pháo sáng magiê, bom muối và hộp mạt sắt. Bên dưới nó treo một chiếc hộp thủy-tinh-bạc trống không. Cậu cầm một cuộn xích sắt, một thanh kiếm dài, chuôi chạm trổ hoa văn cầu kỳ, và có một chiếc đèn pin chòi ra hững hờ từ cặp quần pyjama cậu. Hai chân cậu xỏ trong một đôi giày bự chẳng. Lockwood và tôi nhìn cậu.

“Gì thế?” George nói. “Vài thứ nhỏ nhất và mấy món đồ tôi giữ cạnh giường ấy mà. Phòng bị vẫn là hơn. Cậu có thể mượn một quả bom muối nếu cậu muốn, Lockwood.”

Lockwood giơ chiếc treo cũi kêu leng keng của cậu lên vẻ cam chịu. “Không, không, tôi sẽ ổn với cái này.”

“Nếu cậu chắc chắn như thế thì thôi vậy. Thế ma hình ấy ở đâu vậy?”

Tôi nói một vài câu ngắn gọn. Lockwood ra lệnh. Chúng tôi bắt đầu leo cầu thang.

Trước sự ngạc nhiên của tôi, lối đi quang quẻ. Cứ vài bước chúng tôi dừng lại quan sát và lắng nghe, nhưng không có kết quả gì. Cảm giác về cái lạnh đáng sợ đã biến mất; sương ma cũng đã tan đi, và tôi chẳng còn nghe thấy gì nơi tai trong của mình nữa. Lockwood và George cũng chẳng thu

nhận được gì. Mỗi hiểm họa rõ ràng duy nhất là cặp quần pyjama của George, dưới sức nặng các món đồ của cậu, nó đang không ngừng đòi tụt xuống.

Cuối cùng chúng tôi cũng vòng quanh góc ngoặt. George rút đèn pin khỏi quần pyjama và lia quanh phòng tôi. Tất cả mọi thứ đều tối đen và tĩnh lặng. Tấm chăn nhàu nát của tôi vẫn nằm ở nơi tôi hất nó xuống, cạnh chiếc giường bề bộn. Đồng quần áo trên ghế của tôi, mà tôi hẳn đã xô xuống khi ulla chạy ra ngoài, nằm vương vãi trên nền nhà.

“Chẳng có gì ở đây cả,” George nói. “Cậu chắc chắn về chuyện này chứ, Lucy?”

“*Tất nhiên* là tôi chắc chắn,” tôi cáu kỉnh. Tôi bước thật nhanh về phía cửa sổ, nhìn xuống dưới phố xa. “Dù rằng tôi thừa nhận tôi không cảm thấy nó vào lúc này.”

Lockwood đang quỳ gối, nheo mắt nhìn dưới gầm giường. “Từ những điều cậu nói, nó chắc hẳn là một con yếu - di chuyển chậm, chỉ lờ mờ cảm nhận về xung quanh nó, nếu không chắc chắn nó đã tóm được cậu. Có lẽ nó đã dùng hết năng lượng của mình và đã quay trở vào Nguồn.”

“Nhưng chính xác thì Nguồn đó là *cái gì*?” George nói. “Cái Nguồn mới vừa đột ngột xõ ra một cách bí ẩn như từ trên trời rơi xuống vào phòng Lucy đó đâu? Căn nhà được bảo vệ kiên cố. Chẳng có gì có thể xâm nhập được.” Cậu nhìn vào trong tủ quần áo của tôi, thanh kiếm sẵn sàng trong tay. “Chà, chẳng có gì trong này cả mà chỉ có những chiếc áo váy quyeen rũ và... Ồ, Lucy - tôi chưa từng thấy cậu mặc *cái đó*.”

Tôi đóng sập cửa lại, suýt chút nữa kẹp luôn bàn tay béo mập của cậu. “Để tôi *nói* cậu nghe, tôi đã nhìn thấy ma, George. Cậu nghĩ tôi mù sao?”

“Không, tôi chỉ nghĩ cậu nhầm thôi.”

“*Nghe này...*”

“Chuyện này không hợp lý chút nào,” Lockwood xen ngang, “trừ phi Lucy mang một trong những đồ tạo tác tâm linh của chúng ta lên trên này. Cậu không mang gì lên, phải không Luce? Cậu đã không mang gì, ví dụ như bàn tay cướp biển lên đây để quan sát kỹ và quên không đặt nó trở lại vào trong hộp của nó đấy chứ?”

Tôi khề kêu lên một tiếng bực tức. “Đừng có ngốc thế chứ. *Tất nhiên* là tôi không làm thế rồi. Tôi sẽ không bao giờ *mơ* đến chuyện mang bất cứ thứ gì chưa được... chưa được phong ấn đâu ra đấy... Ôi.”

“Hừm, George luôn mang chiếc bình của cậu ấy loanh...” Lockwood nhận ra vẻ mặt của tôi. “Lucy?”

“Ôi. Ôi không.”

“Cái gì vậy? Cậu đã *mang* thứ gì lên sao?”

Tôi nhìn cậu. “Đúng vậy,” tôi nói bằng giọng rất khề. “Đúng vậy, tôi nghĩ tôi đã mang lên một thứ.”

Cả George và Lockwood đều quay về phía tôi, lưng hướng về phía tủ quần áo và đồng đồ lộn xộn nằm vương vãi trên sàn nhà. Khi họ bắt đầu nói, một ánh sáng nhàn nhạt lóe lên trên tường. Một hình dáng vươn lên từ sàn nhà đằng sau họ. Tôi nhìn những cánh tay và cẳng chân gầy guộc, chiếc váy với những bông hoa hướng dương màu cam, những lọn tóc dài tan ra thành làn sương xoáy như những con rắn, gương mặt méo mó một cơn thịnh nộ lạnh lẽo, dữ dội... Tôi hét lên một tiếng. Cả hai cậu con trai cùng quay lại, vừa kịp ngay khi những ngón tay với móng tay nhọn hoắt với ra tóm cổ họ. George vung thanh kiếm, chém nó kẹt vào góc tủ quần áo của tôi. Lockwood điên cuồng chọc chiếc treo củi về phía trước. Bị năng lượng mạnh mẽ của sắt đánh vào; cô gái ma biến mất. Một luồng khí lạnh thổi khắp căn phòng, ép chặt bộ váy ngủ vào hai chân tôi.

Căn phòng áp mái lại tối om.

Có ai đó ho. George giật chuôi kiếm, cố gắng rút nó ra.

“Lucy...” Giọng Lockwood nhỏ như thầm thì. “Chẳng phải nó trông giống như...”

“Đúng vậy. Chính là nó đấy. Tôi rất, rất xin lỗi.”

George gắng sức rút; lưỡi kiếm tụt ra ngoài. Cậu lão đảo bước sang một bên, và khi cậu làm vậy, có một tiếng *cách* sắc nhọn bên dưới giày cậu ấy. Cậu nhăn mặt, cúi xuống, nhặt lên thứ gì đó giữa đồng quần áo vương vãi cạnh chiếc ghế. “Ôi!” cậu thốt lên. “Nó lạnh cóng!”

Lockwood lấy đèn pin chiếu vào thứ đang treo đung đưa dưới những ngón tay của George. Một mặt dây chuyền hơi móp, sáng lấp lánh khi nó xoay vòng trên một sợi dây chuyền vàng mỏng mảnh.

Lockwood và George nhìn nó chăm chăm. Họ nhìn tôi chăm chăm. George tháo hộp thủy-tinh-bạc từ thắt lưng và xếp gọn ghẽ sợi dây chuyền vào bên trong. Cậu đóng nó lại với một tiếng *cạch* dứt khoát.

Lockwood chậm chậm chệch đèn pin lên cho tới khi tôi bị đóng đinh trong luồng sáng yên lặng mà đầy vẻ buộc tội của nó.

“Ờ, đúng vậy,” tôi nói. “Sợi dây chuyền của cô gái đó... Ừm, cậu biết không, tôi *đang* định nói chuyện đó với cậu.” Đứng đó trong bộ đồ ngủ nhàu nát, thân thể băng bó, rũ rượi, tôi gượng cười tươi nhất có thể.

## CHƯƠNG 12

Bình minh ngày hôm sau ló dạng tươi sáng và quang đãng.

Ánh dương nhàn nhạt của tháng Mười một tràn qua cửa sổ nhà bếp và vườn dài vui vẻ trên khung cảnh hỗn độn thông thường của bữa sáng. Những gói bỏng ngô bùng sáng, cốc bát lấp lánh; vụn bánh mì vương vãi và những vết nứt hiện ra rõ nét trong ánh ban mai. Không khí ấm áp và đượm mùi của thứ trà đặc ngon, của bánh mì nướng, trứng rán và thịt lợn muối.

Nhưng tôi lại không cảm thấy thoải mái chút nào.

“Tại sao, Lucy?” Lockwood chất vấn. “Tôi thật không hiểu được! Cậu *biết* rằng thám tử phải báo cáo lại bất cứ thứ đồ tạc nào được tìm thấy. Nhất là những thứ gắn bó mật thiết với Khách như thế. Chúng *phải* được lưu giữ đúng cách.”

“Tôi biết.”

“Chúng *phải* được đặt trong sắt hoặc thủy-tinh-bạc cho tới khi được nghiên cứu kỹ càng hơn hoặc tiêu hủy.”

“Tôi biết.”

“Nhưng cậu chỉ nhét nó vào trong túi, và không nói với tôi hay George!”

“Đúng vậy. Tôi đã nói là tôi rất xin lỗi! Trước kia tôi chưa từng làm gì như thế.”

“Vậy sao giờ cậu lại làm thế?”

Tôi hít một hơi thật sâu. Đầu tôi cúi xuống; trong vài phút tôi nguệch ngoạc trên tấm khăn, suy ngẫm trong khi việc kết tội tôi vẫn tiếp diễn. Đó là

hình ảnh một cô gái; một cô gái mảnh khảnh mặc bộ váy mùa hè kiểu cũ. Tóc cô ấy xòe ra xung quanh đầu, và đôi mắt của cô ấy mờ lung, trống rỗng. Tôi đè mạnh ngọn bút, có lẽ hằn cả vào mặt bàn phía dưới.

“Tôi chẳng biết nữa,” tôi lí nhí. “Tất cả diễn ra quá nhanh. Có thể là bởi vụ cháy - có lẽ tôi chỉ muốn cứu giữ thứ gì đó của cô ấy, để cô ấy không biến mất hoàn toàn...” Tôi vẽ một bông hoa hướng dương lớn màu đen ở giữa chiếc váy. “Thực lòng tôi hầu như không nhớ mình đã cầm nó. Và sau đó... tôi đã quên mất.”

“Tốt hơn đừng có hở điều này ra với Barnes,” George nhắc. “Ông ta sẽ rất tức giận nếu biết cậu đang trối và mang một Khách nguy hiểm đi khắp London mà không có gì phòng ngừa. Chuyện đó sẽ cho ông ta thêm một cái cớ để đóng cửa công ty thám tử này.”

Tôi liếc nhìn cậu hã hê phết thêm xốt chanh vàng lên bánh của mình. Ồ, buổi sáng hôm đó cậu ấy, George, mới thật hưng phấn, hoạt bát làm sao, như một con chồn sương vậy. Tôi nghĩ cậu đang vô cùng thích thú với sự khỗ sở của tôi.

“Cậu quên ư?” Lockwood nói. “Chỉ vậy thôi ư? Đó là lý do của cậu?”

Tính ngang bướng nổi lên; tôi ngẩng cao đầu, hất tóc về phía sau. “Đúng vậy đấy,” tôi nói, “và nếu cậu muốn biết *tại sao*, thì lúc đầu có lẽ tôi quá phân tâm do phải ở trong bệnh viện, và sau đó là quá bận rộn lo lắng về *cậu*. Nhưng thực ra, cậu thử nghĩ mà xem, tôi đã không có lý do gì phải nghĩ nó là thứ nguy hiểm cả. Phải không? Bởi vì chúng ta đã khóa Nguồn rồi mà.”

“Không!” Lockwood gõ mạnh một ngón của bàn tay không đau xuống tấm khăn trải bàn. “Chính là thế đó! Chúng ta *tưởng* chúng ta đã khống chế nó, nhưng thực ra là chưa! Chúng ta *chưa* khóa được Nguồn, Lucy ạ, bởi vì rõ ràng rằng Nguồn là ở *đó*.”

Cậu ấy chỉ vào chiếc hộp thủy-tinh-bạc nhỏ, đang nằm yên lặng giữa hộp bơ và ấm trà. Nó sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời; bên trong, chiếc dây chuyền vàng hiện ra vừa đủ thấy.

“Nhưng làm sao nó *có thể* là Nguồn chứ?” tôi gào lên. “Phải là xương cốt cô ấy mới đúng.”

Cậu ấy lắc đầu vẻ thương hại. “*Có vẻ* là như thế thôi, bởi vì bóng ma của cô ta biến mất khi cậu trèo lưới bạc lên xác cô ta. Nhưng rõ ràng là bằng cùng động tác đó, cậu cũng trèo lên cả sợi dây chuyền nữa, như thế là đã quá đủ để khóa nó lại. Nhưng rồi, khi cậu trộm sợi dây chuyền...”

Tôi quắc mắt nhìn cậu ấy. “Tôi không trộm sợi dây chuyền.”

“... cậu đút nó thẳng vào trong túi áo khoác, trong đó đầy mật sắt và các gói muối, và những thứ đồ thám tử khác thừa đủ để nhốt nó lại suốt phần còn lại của đêm hôm đó. Tuy nhiên ngày hôm sau, cậu vứt áo khoác của cậu lên ghế và sợi dây chuyền rơi ra. Rồi nó nằm khuất giữa đồng quần áo cho tới khi đêm xuống, lúc bóng ma có thể quay trở lại.”

“Câu hỏi duy nhất là tại sao nó không nhanh và có uy lực như đêm trước,” George nói. “Theo như điều cậu nói thì nó rất chậm chạp khi lần đầu cậu thoát ra khỏi phòng.”

“Nhiều khả năng là do có một chút sắt và muối rơi ra từ áo khoác của cậu cùng với sợi dây chuyền,” Lockwood nói. “Chúng đủ để làm hồn ma yếu đi, và ngăn không cho nó xuất hiện lâu. Có lẽ đó chính là lý do khiến nó không thể theo cậu xuống cầu thang, và không thể hiện hình thật nhanh khi chúng ta quay trở lại.”

“Thật may cho chúng ta,” George nói. Cậu rung mình, đoạn cắn một miếng bánh giải khuây.

Tôi giơ hai tay lên ra dấu yên lặng. “Đúng, đúng. Tôi hiểu tất cả. Nhưng đó không phải điều tôi muốn nói. Điều tôi muốn nói là, Nguồn là thứ mà

Khách găng bó nhất, phải không nào? Là thứ mà nó găng bó, yêu quý nhất. Bởi thế chắc chắn nó *đáng lẽ* phải là xương của cô ấy chứ.” Tôi với tay ra, nhặt lấy dây buộc chiếc hộp thủy tinh và xoay nó giữa những ngón tay, làm cho mặt và sợi dây chuyền trong đó nhẹ nhàng trượt qua lại. “Nhưng thay vào đó thì hóa ra lại là *cái này*. Sợi dây chuyền này quan trọng đối với linh hồn của Annabel Ward hơn chính thể xác còn lại của cô ấy... Chẳng phải chuyện hơi kỳ lạ sao?”

“Cũng chẳng khác với vụ tay lái mô tô mà chúng ta đã từng làm,” George chỉ ra.

“Đúng, nhưng...”

“Tôi hy vọng cậu không cố lảng sang chuyện khác, Lucy,” Lockwood nói bằng giọng lạnh lùng. “Tôi đang rất bức mình với cậu đấy.”

Tôi đặt chiếc hộp xuống. “Tôi biết.”

“Tôi chưa nói xong đâu. Còn lâu mới xong. Tôi còn rất nhiều điều cần nói.” Lại một khoảng lặng dài. Lockwood nghiêm khắc nhìn tôi, rồi nhìn ra ngoài cửa sổ. Cuối cùng cậu bức tức thốt lên. “Thật không may là tôi đã quên mình định nói gì rồi. Điều quan trọng là: *đừng có làm thế một lần nào nữa*. Tôi thất vọng về cậu. Khi cậu gia nhập công ty tôi đã nói với cậu rằng tôi không quan tâm việc cậu giữ bí mật những chuyện thuộc về quá khứ của cậu. Điều đó vẫn đúng. Nhưng giữ bí mật về những điều xảy ra *bây giờ* thì lại khác. Chúng ta là một đội và chúng ta phải làm việc theo cách đó.”

Tôi gật đầu. Tôi nhìn tấm khăn trải bàn. Mặt tôi cùng lúc vừa cảm thấy nóng bừng vừa cảm thấy lạnh ngắt.

“Cậu cũng không phải nghĩ ngợi gì về sợi dây chuyền này nữa,” Lockwood nói. “Hôm nay tôi sẽ mang nó tới lò thiêu Fittes ở Clerkenwell để tiêu hủy. Vĩnh biệt Nguồn. Vĩnh biệt Annabel Ward. Sự giải thoát cho

toàn bộ câu chuyện.” Cậu cau có nhìn xuống cốc của mình. “Và giờ trà của tôi còn nguội mất rồi chứ.”

Những sự kiện trong đêm đó hiển nhiên chẳng hề dễ chịu gì, nhưng tâm trạng của Lockwood không tốt còn là do những nguyên nhân khác nữa. Cánh tay bị ma chạm đang làm cậu khổ sở. Những tin tức xấu từ ông Barnes đè nặng lên trí óc cậu. Tệ hơn cả, tin tức về thảm họa của chúng tôi ở đường Sheen đã bắt đầu lan truyền. Cậu kinh hãi nhận ra vụ cháy đã được đăng lên tờ *Thời báo* vào buổi sáng ngày hôm ấy. Trong chuyên mục *Vấn đề*, nơi hằng ngày đăng những vụ ma ám đáng chú ý, một bài báo với tiêu đề “Các công ty thám tử độc lập: cần có thêm chế tài kiểm soát?” miêu tả cách một vụ điều tra do Lockwood & Đồng sự thực hiện (“Một đội độc lập dưới sự điều hành của các thiếu niên”) đã kết thúc bằng một vụ hỏa hoạn nguy hiểm, tàn phá như thế nào. Nó ngụ ý rõ ràng rằng Lockwood đã mất kiểm soát tình hình, ở cuối bài báo dẫn lời một nữ phát ngôn viên của công ty thám tử Fittes trứ danh. Bà ta khuyến nghị nên có “quy chế giám sát của người lớn” cho hầu hết các cuộc điều tra tâm linh.

Những hậu quả của bài báo đến rất nhanh và rất rõ ràng. Lúc 8 giờ 5 phút sáng, có một cuộc điện thoại gọi đến văn phòng, hủy một trong những vụ điều tra đang diễn tiến của chúng tôi. Cuộc gọi thứ hai tiếp theo sau lúc 9 giờ. Chúng tôi chắc chắn sẽ còn có vài cuộc nữa.

Nói theo cách nhẹ nhàng nhất thì cơ hội để kiếm được 60.000 bảng trong vòng một tháng dường như quá xa vời.

Bữa ăn của chúng tôi kết thúc trong không khí lạnh lùng ảm đạm. Lockwood ngồi đối diện tôi qua bàn, mân mê cốc trà nguội ngắt, co duỗi những ngón tay bị thương. Sự sống đã trở lại với chúng, nhưng trông chúng

vẫn còn hơi xanh xao. George nặng nề đi lại trong bếp, thu nhặt bát đĩa và chất đồng chúng vào trong bồn *rửa*.

Tôi lật đi lật lại chiếc hộp thủy tinh trong tay.

Cơn nóng giận của Lockwood là rất chính đáng, và điều đó khiến tôi thấy khổ sở. Điều lạ là ở chỗ - dù tôi biết rằng tôi đã sai, cả trong việc lấy sợi dây chuyền lẫn việc quên phắt về nó - tôi chẳng thể hoàn toàn cảm thấy hối tiếc về điều tôi đã làm. Đêm đó ở đường Sheen tôi đã nghe thấy giọng nói của một cô gái bị sát hại. Tôi cũng đã nhìn thấy cô ấy - cả trong dáng hình trước kia, và cả trong hình hài quắt queo, thảm hại lúc ấy. Và bất chấp sự hiện hồn đáng sợ và cuồng nộ, bất chấp mức độ tàn độc kinh khủng của hồn ma đầy hận thù, tôi không thể nào vứt bỏ những ký ức về cô ấy sang một bên.

Với thân thể đã cháy thành tro bụi, sợi dây chuyền này là tất cả những gì còn lại: của Annabel Ward, của cuộc đời và cái chết của cô ấy, của toàn bộ câu chuyện chưa được biết đến này.

Và chúng tôi cũng lại sắp ném nó vào lửa.

Chuyện đó với tôi có vẻ không đúng.

Tôi giơ chiếc hộp sát vào mắt mình, nhìn xuyên qua lớp thủy tinh. “Lockwood,” tôi nói, “tôi có thể lấy sợi dây chuyền ra được chứ?”

Cậu thở dài. “Tôi nghĩ là được. Giờ là ban ngày. Tạm thời đủ an toàn.”

Hiển nhiên hồn ma của Annabel Ward sẽ chẳng bật ra khỏi mặt dây chuyền đó vào ban ngày được. Nhưng nó có liên hệ với cô ấy, dù rằng cô ấy hoặc vì nguyên do nào đó bị nhốt trong đó, hoặc chỉ đơn giản là sử dụng nó như một đường dẫn từ thế giới bên kia. Bởi vậy tôi không ngần ngại cảm giác rùng mình ớn lạnh vì lo lắng khi gạt cái chốt mỏng bằng sắt và mở nắp chiếc hộp thủy-tinh-bạc.

Nó đây: trông chẳng hề độc ác xấu xa gì hơn những chiếc thìa múc mứt và những con dao cắt bơ nằm vương vãi trên mặt bàn rực nắng. Một món đồ trang sức tinh tế trên một sợi dây chuyền vàng tinh tế. Tôi lấy nó ra khỏi hộp, khẽ rúm lại khi cái lạnh băng giá của nó chạm vào da tôi, và lần đầu tiên tìm hiểu nó một cách kỹ càng.

Sợi dây chuyền được kết thành từ những mắt xích xoắn bằng vàng, hầu hết sạch sẽ và sáng bóng, ngoại trừ một vài chỗ có gì đó màu đen bám lại giữa những mắt nối. Mặt dây chuyền về cơ bản có hình bầu dục, kích cỡ chừng một quả óc chó. Do chiếc giày vụng về của George, nó trông có vẻ hơi móp. Hần lớp viền bên ngoài đã từng rất đẹp. Nó được khảm hàng chục mảnh xà cừ màu trắng ngà hồng sáng lấp lánh, nằm gọn gàng giữa những mắt lưới bằng vàng. Nhưng rất nhiều mảnh đã bị rụng, và cũng giống như sợi dây chuyền, bề mặt xà cừ bị ố bẩn đây đó bởi những đốm đen mang đầy điềm gở. Tệ nhất (và có lẽ lại là do George), là toàn bộ hình bầu dục đã bị nứt ở một bên. Tôi có thể nhìn thấy rõ một đường nứt chạy dọc gờ của nó.

Tuy vậy, thú vị hơn tất cả là một biểu tượng hình trái tim hơi gồ lên một chút ở nửa dưới của mặt trước mặt dây chuyền, trên đó khảm mờ hoa văn hình mạng nhện bằng vàng.

“Ồ!” tôi nói. “Có chữ viết bên trên.”

Tôi giơ nó lên ra trước ánh sáng, và lần ngón tay trên những chữ cái. Khi làm thế, tôi đột nhiên nghe thấy những giọng nói - một người đàn ông và một phụ nữ đang trò chuyện, rồi sau đó là tiếng cười cao vút, lạnh lạnh của người phụ nữ.

Tôi chớp mắt; cảm giác đó biến mất. Tôi nhìn kỹ vật trong tay mình. Sự tò mò của tôi đã lây sang những người khác. Dù không muốn, Lockwood cũng đã đứng dậy đi vòng quanh bàn. George đã ngưng rửa bát, và vừa vung vẩy khăn lau đĩa vừa nhìn qua vai tôi từ phía bên kia.

Bốn chữ. Chúng tôi yên lặng nhìn chúng một lúc.

*Tormentum meum*

*laetitia mea*

Chúng chẳng gọi nên gì nhiều với tôi.

“*'Tormentum'...*” cuối cùng George lên tiếng. “Nghe có vẻ vui đấy.”

“Tiếng Latin,” Lockwood nói. “Chẳng phải chúng ta có một cuốn từ điển tiếng Latin đâu đó sao?”

“Nó là từ người đàn ông đã tặng cho cô ấy sợi dây chuyền này,” tôi nói. “Người cô ấy yêu...” Tiếng vọng của hai giọng nói đó vẫn còn âm vang trong tâm trí tôi.

“Sao cậu biết được đó là một người đàn ông?” George hỏi. “Có thể là một người bạn gái chứ. Có thể là mẹ cô ấy.”

“Không thể nào,” tôi nói. “Hãy nhìn biểu tượng này. Thêm vào đó, cậu đeo thứ này để lời yêu thương của người yêu cậu luôn ở cạnh trái tim cậu.”

“Cứ như thể cậu biết về điều đó không bằng,” George nói.

“Cậu thì biết đấy.”

“Để tôi xem nó nào,” Lockwood nói. Cậu ngồi xuống chiếc ghế cạnh tôi và lấy sợi dây chuyền từ tay tôi. Cậu giơ nó sát mắt, lông mày nhăn tít.

“Những cụm từ Latin, quà tặng của người yêu, một cô gái mất tích đã lâu...” George vắt chiếc khăn lau đĩa ẩm lên vai và bước về phía bồn rửa bát. “Có vẻ là một bí ẩn kỳ lạ...”

“*Phải thế không?*” Lockwood nói. “*Phải thế không nhỉ?*” Chúng tôi nhìn cậu. Mắt cậu sáng bừng; cậu đột ngột ngồi thẳng dậy. Vẻ u sầu bao bọc lấy cậu suốt cả buổi sáng đã đột nhiên tan biến như những đám mây trắng giữa cơn gió. “George,” cậu tiếp tục, “cậu có nhớ vụ nổi tiếng mà Tendy đã làm một hoặc hai năm trước chứ? Vụ có hai bộ xương quăn vào nhau ấy?”

“Vụ Cái cây than khóc hả? Tất nhiên rồi. Bọn họ đã được thưởng vì vụ đó mà.”

“Đúng vậy, và đã trở nên rất nổi tiếng. Và nguyên do là bởi họ đã tìm ra danh tính hồi trước của Khách, phải không? Họ đã tìm thấy một chiếc kẹp cà vạt kim cương trên một trong hai bộ xương và lần ngược trở lại người thợ kim hoàn đã tạo ra nó, và từ đó đã cho họ biết rằng người chủ sở hữu...”

“... là lãnh chúa Ardley trẻ tuổi,” tôi nói, “mất tích hồi thế kỷ 19. Tất cả mọi người đều nghĩ rằng ông ta đã ra nước ngoài. Nhưng rồi ông ta ở đó, bị chôn trong khu vườn của gia đình, em trai ông ta hẳn đã chôn ông ta để được thừa kế gia sản.” Yên lặng một thoáng; tôi nhìn bọn họ. “Sao phải ngạc nhiên thế chứ? Tôi cũng đọc bài trong *Những vụ ma ám đích thực* mà.”

“Có lý,” Lockwood nói. “Và cậu nói đúng. Điểm mấu chốt là, đó là một câu chuyện rất ly kỳ, và nhờ lý giải được bí ẩn đó đội của Tendy đã được thưởng xứng đáng. Họ trở thành một công ty thám tử nổi tiếng hơn rất nhiều so với trước đó; giờ họ là công ty lớn thứ tư ở London. Bởi thế tôi đang băn khoăn...” Cậu ngừng lại, nhìn vào mặt dây chuyền trong tay mình.

“Liệu rằng Annabel Ward có thể làm điều tương tự cho chúng ta không ư?” George nói. “Lockwood, cậu có biết rằng có bao nhiêu Khách ở London không? Bao nhiêu Khách trên khắp đất nước này không? Nó là một bệnh dịch. Người ta chẳng quan tâm tới những câu chuyện đằng sau chúng. Họ chỉ muốn chúng biến mất.”

“Cậu nói đúng, nhưng những vụ tốt sẽ tạo những tin nóng,” Lockwood nói. “Và vụ này *có thể* là vụ tốt. Hãy nghĩ về nó đi. Một cô gái quyến rũ, bị giết dã man và mất tích trong nhiều thập kỷ, bị kịch hai người yêu nhau, một công ty thám tử nhỏ nhưng dám làm đã khám phá ra sự thật đằng sau vụ giết người...” Cậu ấy ngoác miệng cười với chúng tôi. “Đúng thế... nếu

chúng ta làm đâu ra đấy, chúng ta có thể thu hút sự chú ý của nhiều người. Cuối cùng thì chúng ta cũng có thể đổi vận. Nhưng chúng ta cần phải hành động ngay. George - tôi nghĩ rằng cuốn từ điển tiếng Latin đó ở trên hành lang tầng áp mái. Cậu lấy nó xuống đây được chứ? Cảm ơn cậu! Còn Lucy,” cậu ấy tiếp tục khi George đã bước đi, “có lẽ tôi cũng có việc cần cậu giúp.”

Tôi nhìn cậu. Quá trình cậu chuyển đổi từ một con người cau có, ủ rũ một vài phút trước giờ đã hoàn tất. Cậu di chuyển nhanh nhẹn và nhẹ nhàng, quên cả những cơn đau; mắt cậu sáng long lanh khi nhìn vào mắt tôi. Trong khoảnh khắc đó dường như chẳng có gì trên thế giới này mê hoặc cậu hơn tôi.

“Hãy nói cho tôi biết điều này,” cậu nói. “Tôi không thực sự muốn hỏi cậu điều này, xét trên những gì chúng ta đã trải qua trong hai ngày vừa rồi, nhưng khi cậu cầm chiếc hộp đó mới này, chắc là cậu... đã cảm thấy gì đó, phải không?”

Tôi chậm chậm gật đầu. “Nếu cậu muốn nói đến tàn dư tâm linh, thì có, tôi có cảm thấy. Những giọng nói, tiếng cười... Không nhiều lắm. Tôi đã không cố nghe.”

“Và cậu có nghĩ rằng,” Lockwood vừa nói vừa mỉm cười, “nếu cậu cố...?”

“Cậu muốn xem tôi có thể cảm nhận được gì không ư?”

“Đúng thế! Chẳng phải đó là một ý tưởng tuyệt vời sao? Cậu có thể sẽ thu lượm được thứ gì đó quan trọng; một đầu mối nào đó mà chúng ta có thể sử dụng.”

Tôi nhìn lảng đi, ngượng ngùng trước ánh mắt mãnh liệt của cậu. “Chắc chắn rồi, có thể lắm... Tôi chẳng biết nữa.”

“Nếu có ai có thể làm điều này, thì người đó chính là *cậu*, Luce ạ. Cậu rất giỏi chuyện này. Hãy thử đi.”

Chỉ một lúc trước đây thôi, cậu cam đoan sẽ thiêu chiếc hộp. Giờ đây nó là chìa khóa cho tất cả mọi rắc rối của chúng tôi. Chỉ một lúc trước đây thôi, cậu còn đang quở trách tôi vô cùng nặng nề; giờ đây tôi trở thành người quan trọng nhất trong mắt cậu. Lockwood là như vậy. Đôi khi những thay đổi của cậu xảy ra đột ngột tới mức khiến ta ngộp thở, nhưng năng lượng và nhiệt huyết của cậu luôn là thứ không thể cưỡng lại. Tôi có thể nghe thấy tiếng George phấn chấn đi thành thịch lên cầu thang; và bản thân tôi cũng bất giác cảm thấy rộn ràng phấn khích trước viễn cảnh có thể đưa câu chuyện của cô gái ma ra trước ánh sáng; thấy hy vọng trước ý nghĩ bằng cách nào đó có thể giúp cứu vãn công ty thám tử này.

Dù không chủ ý, dĩ nhiên, nhưng tôi cũng chẳng thể không cảm thấy hãnh diện trước những lời khen ngợi của Lockwood.

Tôi thở dài nặng nề. “Tôi có thể *thử*,” tôi nói, “nhưng tôi không thể hứa bất cứ điều gì. Cậu thừa biết rằng Mạc lực thường sẽ chỉ cho ta cảm thấy tình cảm và âm thanh, mà không có được những dữ kiện cụ thể. Bởi vậy nếu...”

“Tuyệt vời! Tốt lắm.” Cậu đẩy mặt dây chuyền trên mặt bàn về phía tôi. “Tôi có thể giúp cậu bất cứ điều gì không? Cậu có muốn tôi rót cho cậu một chén trà không?”

“Không. Chỉ cần cậu im miệng lại để cho tôi tập trung thôi.”

Tôi không nhặt nó lên ngay. Xét cho cùng, đây không phải điều gì có thể làm hời hợt. Tôi đã biết rõ về cơn phẫn nộ và lòng căm hờn của hồn ma cô gái ấy. Tôi đã biết được rằng số mệnh cô ấy chẳng lấy gì làm dễ chịu. Bởi thế tôi không vội vã. Tôi ngồi đó nhìn chiếc mặt và sợi dây chuyền, cố hết

sức đẹp bỏ mọi ý nghĩ trong đầu. Tôi gạt sang bên tất cả những cảm giác vội vàng, gấp gáp, mơ hồ thường nhật.

Cuối cùng tôi cầm nó lên tay. Cảm giác lạnh lẽo của kim loại truyền vào người tôi.

Tôi chờ đợi bất cứ tiếng vọng nào có thể đến.

Và chúng đã đến, cũng như lúc trước. Đầu tiên là tiếng một người đàn ông và một người phụ nữ nói chuyện với nhau; tiếng cười lạnh lạnh của người phụ nữ, tiếng người đàn ông hòa theo tiếng cô ấy. Rồi cảm giác của niềm vui sướng mãnh liệt, của đam mê được chia sẻ; tôi cảm giác thấy niềm hoan hỉ cùng nỗi phấn chấn của cô gái. Niềm hạnh phúc bùng nổ, ủa đến với thế giới của tôi... Tiếng cười thay đổi, trở nên cuồng loạn. Giọng người đàn ông cục cằn hơn, âm thanh méo mó. Tôi đột ngột cảm thấy ớn lạnh vì sợ hãi... Và rồi ngay lập tức niềm vui thích đã trở lại, và tất cả lại rất ổn... Cho tới lần thay đổi tiếp theo, cho tới khi sự hài lòng biến mất, và những tiếng nói lại cất cao trong cơn giận dữ, và tôi cảm thấy mệt mỏi với sự ghen tuông và cơn thịnh nộ... Và nó cứ tiếp diễn như thế, hết lần này đến lần khác, tâm trạng cứ chuyển đổi vô cùng chớp nhoáng, cứ như thể tôi đang ngồi trên vòng quay ngựa gỗ ở Hexham hồi còn bé mà một lần mẹ đã cho tôi đi, nơi tôi đã cảm thấy vừa vui thích vừa sợ hãi, và tôi biết mình chẳng thể nào bước xuống dù có cố gắng thế nào. Rồi đột nhiên tất cả đều im lặng, và một giọng nói lạnh lùng vang lên trong tai tôi, cơn thịnh nộ cuối cùng đã bùng phát thành một tiếng thét tuyệt vọng vì đau đớn - tiếng thét tôi nhận ra là của chính bản thân mình.

Tôi mở choàng mắt. Lockwood đang đỡ tôi trên ghế. Cánh cửa bật mở; George phóng hết tốc lực vào phòng.

“Chuyện quái gì đang diễn ra vậy?” cậu hét to. “Tôi không rời các cậu ra một lúc được sao?”

“Lucy,” Lockwood nói. Mặt cậu trắng bệch. “Tôi rất xin lỗi. Đáng lẽ tôi không nên yêu cầu cậu làm việc đó. Chuyện gì đã xảy ra vậy? Cậu ổn chứ?”

“Tôi chẳng biết nữa...” Tôi đẩy cậu ra xa, và thuận tay thả mặt dây chuyền xuống bàn bếp. Nó sáng lấp lánh và lắc lư ở đó trong thoáng chốc. “Đáng lẽ tôi không nên làm việc đó,” tôi nói. “Nó quá mạnh. Linh hồn và những ký ức của cô ấy đã hoàn toàn bao bọc nó. Có một lúc tôi đã cảm thấy tôi *chính là* cô ấy, và như thế thật không tốt chút nào. Cơ thịnh nộ của cô ấy thật kinh khủng.”

Tôi ngồi yên lặng một lúc trong căn bếp ngập nắng để cho những cảm giác đó rời khỏi tôi như những mảnh vụn của một giấc mơ đang tan biến. Hai người kia chờ đợi.

“Tôi *có thể* nói với cậu một điều,” cuối cùng tôi tiếp tục. “Có thể đó chính là điều cậu đang theo đuổi, Lockwood ạ, mà cũng có thể không, nhưng đó là điều mà giờ đây tôi *đoan chắc*. Nó thể hiện rất rõ ràng trong những cảm xúc đó.” Tôi hít một hơi thật sâu, đoạn ngẩng lên nhìn bọn họ.

“Là gì vậy?” Lockwood hỏi.

“Người đàn ông đã tặng cô ấy sợi dây chuyền này ấy? Đó cũng chính là kẻ đã giết cô ấy.”

## CHƯƠNG 13

Đầu giờ chiều ngày hôm đó chúng tôi cuốc bộ một đoạn ngắn tới nhà ga tàu điện ngầm phố Baker. Thật tốt khi lại được ra ngoài, và cả được đi dưới ánh mặt trời dễ chịu nữa. Mỗi người chúng tôi đều cảm thấy sự thay đổi; tâm trạng của chúng tôi đã phấn chấn hơn. Chúng tôi mặc đồ bình thường. Lockwood mặc một chiếc áo khoác da dài màu nâu làm nổi bật cái dáng mảnh khảnh của cậu và thoải mái sải bước. George mặc một chiếc áo vét phòng gồm ghiếc với đường eo chim chiết cao làm nổi bật cái mông của cậu. Tôi mặc những thứ bình thường của mình: áo khoác, áo len cổ lọ, váy ngắn sẫm màu và quần tất. Tất cả chúng tôi đều mang kiềm (với tôi là thanh kiềm dự phòng lấy từ hành lang). Những món đó - và những vết xước cùng vết thâm tím trên mặt chúng tôi - là những dấu hiệu cho thấy nghề nghiệp và thân thể của chúng tôi: người ta đẹp sang một bên khi chúng tôi bước qua.

Tàu điện ngầm tuyến Jubilee đông đúc, bận rộn và đậm mùi bảo vệ ngọt ngào của oải hương. Đàn ông cài những nhành oải hương trên khuy áo; phụ nữ cài chúng trên mũ. Trên khắp toa tàu, những chiếc trâm cài tóc và kẹp cà vạt bằng bạc sáng lấp lánh dưới ánh đèn neon. Chúng tôi đứng yên lặng và nghiêm nghị khi chuyển tàu lăn bánh qua những đường hầm trên hành trình năm phút tới công viên Green. Không ai nói gì cả. Ánh mắt của đám đông dõi theo chúng tôi khi chúng tôi xuống tàu và bước dọc sân ga.

George lật giở cuốn từ điển tiếng Latin trong suốt hành trình. Khi chúng tôi bước lên thang cuốn, cậu lấy chiếc bút chì ra khỏi miệng và ghi chú thích cuối cùng lên một tờ giấy nháp.

“Được rồi,” cậu nói. “Tôi đã cố hết sức có thể. Những chữ đó là ‘*Tormentum meum, laetitia mea*’, đúng không? Hừm, *Tormentum* có nghĩa là 'nỗi thống khổ' hoặc là 'sự hành hạ'. *Laetitia* tương đương với 'sự vui thích' hoặc 'hạnh phúc'. *Meum* và *mea* đều có nghĩa là 'của tôi'. Bởi vậy tôi dịch chữ trên mặt dây chuyền đó là 'Nỗi thống khổ của tôi, niềm hạnh phúc của tôi.’” Cậu đóng sập quyển từ điển lại. “Không phải thông điệp tình yêu lành mạnh nhất, phải không nào?”

“Khớp hoàn toàn với điều tôi đã cảm thấy,” tôi nói ngắn gọn. “Đó *không phải* một mối quan hệ lành mạnh. Nó đảo chiều giữa hai thái cực. Phân nửa thời gian là cảm giác hạnh phúc, nửa còn lại bị lấn át bởi ghen tuông và hờn ghét. Và đó là những gì đã thống trị về cuối.”

“Đừng nghĩ về nó nữa, Lucy,” Lockwood nói. “Cậu đã làm phần việc của mình rồi. Giờ George và tôi sẽ làm phần việc của bọn tôi. Cậu nghĩ ta sẽ mất bao lâu ở Trung tâm Lưu trữ hả George?”

“Không lâu đâu,” George nói. “Chúng ta sẽ tìm lại những tờ báo địa phương, bắt đầu từ ngày tháng lần trước tôi bỏ dở. Nếu có thêm bất cứ thông tin gì về Annabel Ward - chẳng hạn một vụ bắt bớ nào đó - chúng ta sẽ tìm thấy nó ngay lập tức. Rồi chúng ta có thể kiểm tra cả những tạp chí lá cải nữa - người ta nói cô ấy là người của công chúng mà.”

Chúng tôi rời khỏi nhà ga và bước lên giao lộ Piccadilly. Nắng chiều xiên chéo giữa những tòa nhà cao tầng; chúng tôi bước từ ánh sáng mặt trời rực rỡ vào trong bóng râm xanh thẫm và lại ra ngoài. Đã là cuối thu, công việc chuẩn bị cho buổi tối đã bắt đầu. Một người rải muối đẩy xe dọc đường phố, vãi những hạt muối tươi sang hai bên như tuyết rơi. Bên ngoài các khách sạn lớn, những người phục vụ nhồi vào thùng rác những bó oải hương khô đã sẵn sàng đốt lửa; những người khác đánh bóng những chiếc đèn ma treo bên trên các cánh cửa.

Tôi để những cơ bắp thâm tím của mình duỗi ra thoải mái khi bước đi; thật tốt khi cảm thấy sức mạnh đang quay trở lại. Lockwood khập khễnh đôi chút, nhưng ngoài ra thì hoàn toàn vui vẻ. Cậu đã tháo bỏ đám băng gạc trên cánh tay bị ma chạm để làn da tăm trong ánh mặt trời. “Nếu chúng ta có thể giải quyết vụ án cũ này,” cậu nói; “nếu chúng ta có thể vén mở vụ giết người và lấy lại công bằng cho cô gái ấy, vụ này sẽ trở nên *vô cùng* nổi tiếng. Nó sẽ hoàn toàn bù đắp cho việc chúng ta đốt cháy nhà người phụ nữ đó.”

“Và thêm vào đó sẽ giúp chúng ta giữ được Lockwood & Đồng sự,” tôi nói.

“Hy vọng thế...” Cậu lách tránh một người đàn ông đang chào bán bản đồ du lịch của những “vùng an toàn” trong thành phố và tặng lời những lời nài nỉ của một người bán đồ sắt. “Nhưng chỉ khi chúng ta có được những vụ tốt, và phải kiếm ra chúng thật nhanh.”

“Các cậu hãy chú ý rằng DEPRAC cũng sẽ làm vụ này,” George chỉ ra. “Đó chưa bao giờ là ưu tiên của họ, nhưng họ cũng có điều tra những vụ giết người từ xưa, nếu chúng xảy ra trong quãng thời gian mà hiện nay người ta còn nhớ được.”

“Lại càng có lý do để hành động nhanh,” Lockwood nói. “Được rồi, hãy bước qua chỗ này.”

Chúng tôi rời khỏi đường, bước qua rãnh thoát nước không nắp đậy, hay còn gọi là “rãnh chảy”, chứa dòng nước chảy tách vĩa hè khỏi mặt đường. Ai cũng biết hồn ma lang thang không thích dòng nước chảy; hệ quả là những rãnh chảy nhỏ hẹp cắt chỉ chít quanh những đường phố mua sắm nổi tiếng ở khu West End xuất hiện, cho phép người ta an toàn dạo bước vào buổi tối. Trước đây chính phủ đã hy vọng mở rộng hệ thống này ra khắp

thành phố, nhưng thực tế đã cho thấy đó là việc vô cùng tốn kém. Ngoài những chiếc đèn ma, khu vực ngoại ô phải tự chống đỡ cho mình.

Chúng tôi đi lên một đường nhánh, qua một cổng vòm đá lớn và bước ra đoạn đường cong của phố Regent. Không xa phía trước, một quầy hàng được dựng trên vỉa hè. Những lá cờ phấp phới bên trên một mái che màu đỏ máu vui mắt. Trên mỗi lá cờ đều có hình một huy hiệu sư tử màu vàng kim, và một chữ “R” hoa mỹ.

“Ồ, nhìn kìa,” George nói. “Hạt dẻ nóng! Ai muốn ăn một chút không?”

Một nhóm các cậu con trai và cô con gái mặc những chiếc áo khoác đỏ sậm đứng xung quanh quầy hàng, phát miễn phí những nhánh oải hương, bom muối và kẹo cho những người qua đường. Hạt dẻ rang nóng nổ lách tách trên một vỉ nướng; một cậu mặt mụn cầm muối to tướng đứng cạnh đó để đổ chúng vào trong những cốc giấy hình phễu. Tóc các thám tử này chải kỹ càng, kiếm được đánh bóng, gương mặt sạch sẽ và tươi cười; tất cả dường như được đẩy ra từ cùng một khuôn đúc nhọt nhọt, thiếu sinh khí. Họ là những đại diện của Rotwell, công ty thám tử lâu đời thứ hai ở London, và nhờ những chiến dịch tuyên truyền của họ, công ty nổi tiếng nhất trên diện rộng. Đằng sau quầy hàng, lùi lại một chút từ đường cái, văn phòng chính của Rotwell đứng sừng sững ở đó - một công trình hoành tráng, mặt ngoài nhẵn bóng với kính và đá cẩm thạch. Hình những con sư tử đang gầm gừ, giữ kiếm ở chân trước được khắc lên mặt kính của cánh cửa trượt đôi phía trước. Tôi biết bên trong văn phòng đó trông thế nào; tôi đã trượt một cuộc phỏng vấn ở đó.

Một cậu bé, không quá mười tuổi, đang mỉm cười, chìa ra một cốc phễu đựng hạt dẻ khi chúng tôi tiến tới. “Quà của Rotwell,” cậu ta nói. “Chúc một buổi tối an toàn.”

“Chúng ta sẽ *không* lấy,” Lockwood cầu nhàu. “George, tôi muốn cậu chỉ đi qua thôi.”

“Nhưng tôi đang đói.”

“Chịu thôi. Cậu sẽ không đi trên phố với một chiếc cốc giấy như vậy trên tay. Quảng cáo cho đối thủ là có tội đấy.”

Cậu lờ cậu bé kia đi và bước qua. George lưỡng lự, rồi cầm lấy chiếc cốc và nhét vào trong túi. “Thế,” cậu ấy nói. “Khuất mắt rồi. Đối với *tôi* từ chối thức ăn miễn phí mới là có tội.”

Chúng tôi lách qua dòng người ken đặc và bước ra ở phía bên kia. Một vài phút sau chúng tôi đã đến một khoảnh sân yên tĩnh ngập bóng cây cách phố Regent một dãy nhà. Một tòa nhà khổng lồ xấu xí, mặt trước bằng gạch sừng sừng đứng án ngữ. Một tấm biển sắt trên cửa ghi chữ: TRUNG TÂM LƯU TRỮ BÁO CHÍ QUỐC GIA.

Cặp kính của George sáng lên. Đây là lãnh địa của cậu; một thứ gần với nụ cười nhất tôi từng thấy nở ra trên khuôn mặt dính vệt hạt dẻ của cậu. “Chúng ta đến nơi rồi. Nói khê thôi nhé. Thủ thư ở đây khó tính lắm.” Cậu dẫn chúng tôi qua vạch sắt và đi qua những cánh cửa xoay.

Từ bé tới giờ tôi chưa từng đam mê đọc sách. Nhà tôi chẳng có mấy sách, và tôi đã thực tập ở chỗ ông Jacobs gần như trước khi đi học. Tất nhiên, tôi phải biết đọc để có thể hoàn thành bài tập của mình - bạn chẳng thể nào đạt được bất cứ chứng chỉ nào mà không phải trải qua một bài kiểm tra viết đơn giản - và tôi đã học thuộc *Cẩm nang Fittes cho người săn ma* năm lên mười hai. Nhưng sau đó? Nói thực là tôi đã quá bận làm việc để có thể dành thời gian cho sách vở. Đúng là ông Jacobs thi thoảng cử tôi tới thư viện địa phương để tra cứu chi tiết về những vụ treo cổ (khu vực xung quanh đồi

Gibbet, cách thị trấn nhỏ của chúng tôi nửa dặm, nơi nổi tiếng có nhiều Khách), bởi thế không phải tôi hoàn toàn không quen thuộc với những tòa nhà đầy sách vở. Nhưng Trung tâm Lưu trữ Báo chí Quốc gia lớn hơn bất cứ nơi nào tôi từng thấy hước đó.

Tòa nhà này có sáu tầng rộng mênh mông, chạy xung quanh một giếng trời trung tâm bằng bê tông. Khi bạn đứng ở dưới sân giếng trời, giữa những cây cọ và các loại cây cối trong nhà khác, những giá sách và bàn đọc sách ở các tầng trên dường như với lên tới tận bầu trời. Một khối điêu khắc bằng sắt lớn được treo xuống từ mái vòm cao phía trên, vừa để trang trí, vừa để bảo vệ. Ở tất cả các tầng, những dáng người lom khom đang lật giở những tờ báo và tạp chí đã ngả vàng. Một vài người có lẽ đang nghiên cứu về Vấn đề, tìm kiếm những manh mối cho thứ dịch bệnh đang bao vây chúng tôi. Những người khác là thám tử: tôi đã nhìn thấy những chiếc áo khoác xanh dương của Tamworth lác đác xung quanh, rồi màu hoa cà của Grimble, và đây đó sắc màu xám xịt u ám của Fittes. Không biết đây là lần thứ bao nhiêu tôi tự hỏi tại sao Lockwood chưa lựa chọn một bộ đồng phục riêng cho chúng tôi.

Giống như tôi, Lockwood dường như có phần choáng ngợp, nhưng George đã thúc giục chúng tôi bước theo trong một phong thái tự tin. Chỉ sau một vài phút cậu đã đưa chúng tôi đi thang máy tới tầng bốn, đến ngồi ở một chiếc bàn trống, và sau khi biến mất một lúc, cậu thả xuống trước mặt chúng tôi tập hồ sơ màu xám đầu tiên.

“Đây là những tờ báo địa phương từ quận Richmond, bốn mươi chín năm trước,” cậu ấy nói. “Annabel Ward biến mất vào cuối tháng Sáu. Bài báo tôi tìm thấy xuất hiện khoảng chừng một tuần sau đó.”

“Lockwood, cậu bắt đầu với các số tháng Bảy nhé. Khả năng chúng sẽ là hữu ích nhất. Lucy, cậu xem hồ sơ các tháng mùa thu nhé. Tôi sẽ đi lấy các bản phát hành của tờ *Xã hội London*.”

Lockwood và tôi cởi áo choàng rồi ngoan ngoãn đắm mình vào những trang báo ly kỳ của tờ *Người phán xử Richmond*. Tôi nhanh chóng nhận ra nó chứa đựng nhiều câu chuyện về các bữa tiệc ở địa phương, những vụ mất chó mất mèo, các cuộc thi chăm sóc vườn hơn tôi hình dung về những gì có thể tồn tại trong vũ trụ này. Cũng có chút ít thông tin về Vấn đề khi người ta bắt đầu thảo luận về bản chất của nó. Tôi đã thấy họ bắt đầu kêu gọi dựng đèn ma (và cuối cùng chúng đã được dựng lên) và san phẳng các nghĩa địa, đồng thời rải muối (điều này đã không được thực hiện: nó quá tốn kém và gây ra nhiều tranh cãi; thay vào đó họ chỉ đơn giản rào sắt xung quanh). Nhưng tôi chẳng tìm thấy gì thêm về việc tìm kiếm cô gái bị mất tích đó.

Lockwood và George - đang lật giở xem những tấm ảnh đen trắng bóng loáng trong các cuốn tạp chí - cũng không may mắn hết như tôi. Lockwood có vẻ bồn chồn; cậu chán nản nhìn đồng hồ.

Có mấy cái cái bóng đổ xuống trang báo của tôi. Ngẩng đầu nhìn lên, tôi thấy ba người đang đứng cạnh bàn và quan sát chúng tôi với vẻ đặc biệt được che đậy vụng về. Hai thiếu niên, một đứa con trai và một đứa con gái; người kia là một chàng trai còn rất trẻ. Cả ba đều mặc áo khoác xám mềm mại và quần đen phẳng phiu của công ty săn ma lâu đời nhất, danh tiếng nhất ở London - công ty thám tử Fittes lừng danh. Những thanh kiếm của họ có chuôi kiểu Ý cầu kỳ, cổ điển và đắt hơn nhiều so với những thanh kiếm của chúng tôi. Bọn họ mang theo va li màu xám gọn gàng có in phù hiệu Fittes (trên áo cũng thế), hình một con kỳ lân bằng bạc đang đứng trên hai chân sau.

Lockwood và George đứng lên. Chàng trai trẻ tuổi kia cười với bọn họ.

“Chào Tony,” anh ta nói. “Lạ quá *nhỉ*? Trước tôi chưa từng gặp cậu ở đây đâu đấy.”

Tony. Chẳng có ai, trong sáu tháng trời tôi quen biết cậu, dám gọi cậu là Anthony. Trong thoáng chốc tôi đã cho là có một tình bạn tuyệt vời giữa tay giám sát của Fittes này và Lockwood; rồi tôi nhận ra phải ngược lại mới đúng.

Lockwood cũng cười, nhưng theo cái cách tôi chưa từng nhìn thấy trước đó. Không hiểu sao nó có vẻ gì đó rất hung ác. Những nếp nhăn sâu che khuất mắt cậu ấy. “Quill Kipps,” cậu nói. “Cuộc đời đối đãi với anh thế nào?”

“Bạn. Bạn lắm. Còn cậu thì sao, Tony? Thứ lỗi cho tôi, trông cậu tệ quá.”

“Ồ, có gì nghiêm trọng đâu. Chỉ là chấn thương một chút. Chẳng thể phàn nàn gì.”

“Đúng thế, tôi hình dung rằng cậu chẳng có thời gian để phàn nàn,” người thanh niên nói, “vì đã có bao nhiêu người phàn nàn về *cậu* rồi...” Anh ta chẳng có mấy cơ bắp, dáng vẻ mảnh khảnh như một chú chim. Anh ta có khi còn nhẹ cân hơn tôi. Anh ta có cái mũi nhỏ, hếch ngược lên, khuôn mặt hẹp đầy tàn nhang, cùng mái tóc nâu đỏ cắt cụt ngắn. Anh ta có bốn hay năm cái huy chương đính trên ngực áo khoác, và trên núm chuôi kiếm lấp lánh là một viên đá xanh lục. Hẳn bây giờ anh ta chẳng còn *dùng* đến thanh kiếm đó nhiều nữa. Tôi đoán chừng anh ta đã khoảng hai mươi tuổi, bởi thế những ngày thính nhạy đã ở lại phía sau anh ta. Năng lực của anh ta đã teo lại và tiêu biến mất rồi. Giống như Jacobs, sếp cũ của tôi, và tất cả những giám sát viên vô dụng khác đang bóp nghẹt công việc này, hiện giờ anh ta chỉ có thể sai vặt bọn trẻ con.

Lockwood không có vẻ bị xáo trộn nhiều bởi những lời khích bác đó. “Hừm, anh biết đấy,” cậu nói, “những chuyện như thế vẫn xảy ra mà. Thế... anh đang nghiên cứu gì vậy?”

“Một cụm ma ở đường hầm gần Moorgate. Tôi đang cố tìm ra xem họ là ai.” Anh ta nhìn đồng giấy tờ của chúng tôi. “Tôi thấy là các cậu cũng đang nghiên cứu điều gì đó.”

“Đúng vậy.”

“*Người phán xử Richmond...*Ồ, tôi hiểu rồi. Vụ tai tiếng ở đường Sheen đây mà. Tất nhiên, ở Fittes, chúng tôi thường nghiên cứu *trước khi* đối đầu với Khách. Chúng tôi không đến nổi ngu ngốc, các cậu biết mà.”

Cậu con trai đứng bên cạnh anh ta, cao lênh khênh với cái đầu to và mái tóc xám lông chuột bờm xờm, cười theo vuốt đuôi. Cô con gái chẳng phản ứng gì. Tính hài hước – kể cả một cách dễ dãi và giả tạo mà đáng ra cô ta nên có để về cùng phe của mình - dường như không phải kiểu của cô ta. Cằm cô ta nhỏ và hơi nhọn một chút. Mái tóc vàng của cô ta được cắt ngắn ở phía sau, phần tóc mái thì cắt chéo trước trán; đuôi nhọn của nó gần chạm vào mắt cô ta. Tôi nghĩ cô ta khá xinh đẹp, một vẻ đẹp cứng rắn và giả tạo. Cô ta nhìn tôi. “Ai đây?”

“Trợ lý mới,” Lockwood nói. “Cũng được một thời gian rồi.”

Tôi chìa tay về phía cô gái. “Lucy Carlyle. Còn cậu?”

Cô ta khẽ cười và nhìn dọc theo lối đi như thể có một gói khoai tây chiên hay thứ gì cô ta thấy thú vị hơn tôi nằm đó.

“Đi với Tony thì phải cẩn thận đấy, cô em ạ,” Quill Kipps nói. “Trợ lý trước của cậu ta có kết cục tồi tệ lắm.”

Tôi cười nhạt. “Không phải lo cho tôi. Tôi ổn.”

“Đúng thế, nhưng những điều tồi tệ cứ xảy ra với những người thân cận của cậu ta. Luôn luôn là như thế. Kể từ khi cậu ta còn bé cơ.”

Anh ta cố làm ra vẻ suông sã, nhưng sắc điệu trong giọng nói đã phản bội anh ta. Có cái gì run rẩy trong đó mà tôi không hiểu được. Tôi liếc nhìn

sang Lockwood. Cái cách cậu đứng rất khác. Vẻ bất cần của cậu đã cứng ngắt, trở thành thứ gì đó đánh thép và ít nhân nhượng hơn. Tôi biết cậu đang định nói gì đó, nhưng trước khi cậu kịp cất lời, George đã chen vào.

“Tôi cũng có nghe điều tiếng về *anh* đấy, Quill ạ,” cậu nói. “Cậu chàng trẻ tuổi mà anh cử vào hầm mộ Southwark một mình, trong khi anh 'chờ lực lượng hỗ trợ' ở ngoài cửa ấy, cậu chàng đó sao rồi hả Quill? Người ta đã tìm được cậu ta chưa?”

Kipps nhăn mặt. “Ai bảo cậu thế? Chuyện xảy ra không phải như thế...”

“Còn vị khách hàng bị ma chạm vì các thám tử của anh đã để lại một đoạn xương tay trong thùng rác của ông ta nữa.”

Anh ta đỏ mặt. “Đó chỉ là nhầm lẫn thôi! Bọn họ đã vứt nhầm túi...”

“Thêm vào đó anh cũng là trưởng nhóm có tỷ lệ thành viên tử vong cao nhất trong số các nhóm của Fittes, đấy là tôi nghe nói thế.”

“Ồm...”

“Không phải một bản lý lịch *tuyệt vời* lắm, phải không nào?” Có một khoảng yên lặng.

“Ồ, chưa kể anh quên cài khóa quần kìa,” George nói.

Kipps nhìn xuống và phát hiện ra sự thực không mấy vui vẻ trong câu nói đó. Mặt anh ta đỏ bừng. Những ngón tay của anh ta lần xuống chuôi kiếm; anh ta lùi lại nửa bước. George không di chuyển, mà lãnh đạm chỉ vào tấm biển GIỮ TRẬT TỰ treo trên tường.

Quill Kipps hít một hơi thật sâu. Anh ta vuốt tóc ra đằng sau, mỉm cười. “Thật tiếc tôi không khóa được cái mồm béo núc của cậu lại ở chỗ này được, Cubbins,” anh ta nói. “Nhưng rồi sẽ có lúc tôi làm điều đó.”

“Được thôi,” George nói. “Trong khi chờ đợi, sao anh không chọn tỉ thí với ai đó cùng cỡ với mình? Tôi nghĩ một con chuột nhảy hoặc chuột chũi

cũng được đấy.”

Kipps khẽ rít lên một tiếng. Anh ta di chuyển; lưỡi kiếm đã ở trong tay...

Thoáng có chuyển động gì đó ở bên cạnh tôi; một tiếng 'keng' vang lên khi lưỡi sắt va vào nhau. Lockwood dường như chẳng hề thay đổi vị trí, nhưng thanh kiếm của cậu giờ đã vươn ra chéo qua chiếc bàn, bắt ngang lưỡi kiếm của Kipps và ấn chặt nó xuống.

“Nếu anh định lấy kiếm làm loạn, Quill,” Lockwood nói, “thì trước tiên nên biết cách dùng nó đã.”

Kipps chẳng nói gì. Một mạch máu nổi lên ở cổ anh ta; dưới lớp vải thanh nhả nơi tay áo mềm mại màu xám, cánh tay anh ta đang gồng lên. Tôi có thể thấy anh ta đang cố dịch chuyển thanh kiếm, đầu tiên về một bên, rồi chuyển sang bên kia, nhưng Lockwood, dù chẳng có vẻ gắng sức, vẫn chặn được anh ta. Hai lưỡi kiếm vẫn đứng nguyên, chủ nhân của chúng hầu như không cử động; George và tôi, và hai thám tử Fittes, cũng đứng im như thế, như thể bị tác động bởi sự lan truyền đầy phép thuật nào đó. Xung quanh chúng tôi, thư viện vẫn yên ắng.

“Cậu không thể giữ thế này mãi được,” Kipps nói.

“Đúng vậy.” Cánh tay Lockwood vặn lại; cậu hất cổ tay. Thanh kiếm của Quill Kipps bị giật khỏi tay anh ta. Nó bay thẳng lên trời và cắm phập mũi lên trần nhà.

“Được lắm,” tôi nói.

Lockwood mỉm cười, tra kiếm vào thắt lưng và ngồi trở lại ghế, để mặc Kipps thờ phì phò qua mũi. Sau một chốc anh ta khẽ nhảy lên, hy vọng với được chuôi chiếc kiếm nhưng bị hụt mất vài phân. Anh ta lại nhảy lên lần nữa.

“Cao thêm chút nữa đi, Quill,” George nói về động viên. “Anh sắp tóm được nó rồi đấy.”

Một lúc lâu sau Kipps phải trèo lên bàn mới có thể rút thanh kiếm ra. Các thám tử của anh ta yên lặng theo dõi, cậu con trai cười mỉa, cô con gái tóc hoe vàng thì mặt vẫn lạnh trơ như thế.

“Cậu sẽ phải trả giá vì chuyện này, Lockwood,” Kipps nói khi anh ta bước xuống đất. “Tôi thề tôi sẽ bắt cậu trả giá. Ai cũng biết DEPRAC sắp đóng cửa công ty của cậu, nhưng điều đó chưa đủ với tôi. Tôi sẽ tìm ra cách làm các cậu, cậu và mấy đứa bạn ngu ngốc của cậu, phải *thực sự* đau đớn. Bill, Kate, đi nào.”

Anh ta xoay người. Những thuộc hạ của anh ta cũng làm vậy. Như một vũ đoàn nhỏ, tập tành không đến nơi đến chốn, họ hồi hả đều bước tiến về phía thang máy.

“Kể cả hồi tôi làm việc cùng anh ta, Kipps cũng rất dễ dàng nổi nóng,” George nhận xét. “Anh ta phải học cách kiềm chế một chút. Cậu có thấy thế không, Lockwood?”

Nhưng Lockwood đã lại vùi đầu vào đồng hồ sơ, môi cậu ấy căng ra thành một đường mỏng. “Nào,” cậu nói. “Chúng ta có việc cần phải làm. Chúng ta không được lãng phí thời gian thêm nữa.”

Quả thực chỉ chừng một vài phút sau, thay đổi đột phá đã đến, và chính Lockwood là người tạo ra thay đổi đó. Với một tiếng huýt sáo đặc trưng khê và dài, cậu trở vào tờ báo trước mặt. Cô ấy ở đó. Annabel Ward. Một tấm hình khác, vẫn cùng mái tóc vàng, những đường cong và hàm răng trắng sáng quen thuộc. Lần này cô ấy đang mặc một kiểu đồ dạ hội; lần này cô ấy lên bìa tờ *Người phán xử Richmond*, bốn mươi chín năm trước.

**ANNIE WARD: BẠN TRAI CŨ BỊ ĐIỀU TRA**

Vụ việc cô Annabel “Annie” Ward, cô gái mất tích gần hai tuần nay, đã có diễn biến mới tối hôm qua khi cảnh sát bắt một trong số những bạn trai cũ của cô. Hugo Blake, 22 tuổi, một tay cờ bạc và một nhân vật nổi tiếng trong cộng đồng, hiện đang bị tạm giữ ở đồn cảnh sát phố Bow. Anh ta vẫn chưa chính thức bị buộc tội.

Theo các nguồn tin của cảnh sát, Blake là một trong số những người ăn tối cùng cô Ward ở câu lạc bộ đêm Gallops vào tối thứ Bảy, ngày 21 tháng Sáu, đêm cô biến mất. Nhân chứng nói anh ta đã rời câu lạc bộ ngay sau cô Ward, và sau quá trình thẩm tra liên tục, anh ta thừa nhận đã lái xe đưa cô về nhà. Các nguồn tin cho biết cặp đôi này từng gần gũi nhiều tháng trước đó, nhưng tình cảm giữa họ đã nguội lạnh. Mỗi quan hệ giữa Blake và cô Ward gây ra nhiều điều tiếng trong giới nghệ thuật. Dưới sự ảnh hưởng của anh ta, cô đã từ bỏ một sự nghiệp diễn xuất đầy triển vọng, dù gần đây cô có nỗ lực tìm kiếm những vai diễn mới trong...

“Hugo Blake”, tôi khẽ nói. “Bạn trai cũ của cô ấy. Tôi cá rằng anh ta là người đã tặng cô ấy sợi dây chuyền.”

George gật đầu. “Và anh ta đã đưa cô ấy về nhà đêm đó... Hừm, tôi nghĩ chúng ta biết anh ta đã làm gì ở đó.”

“Tiếp tục tìm đi,” Lockwood nói. “Họ đã bắt giữ anh ta, nhưng anh ta có bị kết tội không? Chúng ta chỉ mới biết rằng anh ta có thể đã phải vào tù, cho dù họ không tìm ra được thì thế.”

Chẳng mất quá nhiều thời gian để tìm ra câu trả lời. Một đoạn tin ngắn đề ngày muộn hơn sau đó vài hôm đã ghi lại một cách rõ ràng rằng Hugo Blake không bị kết tội và đã được thả. Các nguồn tin dẫn lại lời Sở Cảnh sát Thủ đô rằng vụ Annabel Ward đã “đâm đầu vào một bức tường gạch”.

“Chả là bức tường gạch còn gì!” tôi hỗn hển. “Bọn họ thật ngu ngốc! Cô ấy đã ở *chính* nơi đó mà!”

“Lúc đó họ không có đủ chứng cứ để bắt Blake đền tội,” Lockwood nói trong khi vẫn rà soát trang báo. “Anh ta là nghi can xác thực duy nhất trong vụ này, nhưng họ không có cơ sở để hỗ trợ giả thuyết đó. Anh ta nói đã đưa cô ấy về nhà và thả cô ấy xuống đó, nhưng anh ta không vào bên trong. Không ai có thể chứng minh điều ngược lại, và bởi vì họ không tìm được thi thể của cô ấy, hoặc bất cứ thứ gì khác để tiếp tục điều tra, họ không thể buộc tội được... Bởi vậy họ thả anh ta ra. Vụ này thật hoàn hảo. Có vẻ Blake là tên thủ phạm của chúng ta rồi.”

George ngả lưng vào ghế. “Lúc đó Blake bao nhiêu tuổi?”

“Hai mươi hai,” tôi nói. “Annie Ward tội nghiệp thì mới hai mươi.”

“Câu chuyện này đã xảy ra bốn mươi chín năm trước. Một thời gian dài đấy, nhưng lão giờ cũng mới bảy một tuổi thôi. Có lẽ lão vẫn còn sống.”

“Tôi cá lão vẫn còn sống,” tôi cay nghiệt nói. “Tôi cá là lão đã sống ung dung kể từ khi đó. Lão thoát được tội giết người cơ mà.”

“Cho tới bây giờ thôi,” Lockwood nói. Cậu ngoác miệng cười với chúng tôi. “Đây chính là điều chúng ta cần - miễn là chúng ta làm cho thật ngon ăn. Kế hoạch như thế này nhé. Chúng ta sẽ liên lạc với DEPRAC. Nếu Blake vẫn còn sống, lão sẽ bị bắt. Trong khi đó chúng ta sẽ liên lạc với các tòa soạn báo, kể với họ câu chuyện này. Kẻ giết người bị bắt sau năm mươi năm! *Chuyện này* sẽ tạo ra một làn sóng dư luận đấy.”

“Thế ổn đấy,” George chậm rãi nói, “nhưng tôi không chắc chúng ta có nên công bố rộng rãi ra công chúng hay chưa. Chúng ta còn phải nghiên cứu nhiều điều nữa, tìm hiểu quá khứ của Annie Ward.” Cậu ấy vỗ vào đồng tạp chí *Xã hội London* ở bên cạnh mình. “Cô ấy hẳn phải ở đâu đó

trong này. Và nếu chúng ta may mắn, chúng ta có thể còn tìm thấy cả những thứ hay ho về Blake nữa, điều đó có thể...”

“Các cậu cứ tiếp tục đi.” Lockwood đẩy chiếc ghế ra sau và đứng dậy. “Hãy cho tôi biết các cậu tìm thấy gì. Trong khi đó, tôi sẽ đi nói chuyện với một vài người. Sáng nay chúng ta đã mất ba khách hàng rồi. Và vì vận mệnh của công ty, chúng ta không thể à ời được nữa.”

“Hừm...” George nghi ngại chỉnh lại cặp kính. “Đừng quá vội vã, vậy thôi.”

Lockwood cười rạng rỡ với cả hai chúng tôi. “Ồ, tôi sẽ cẩn thận mà. Cậu biết tôi rồi đấy.”

## CHƯƠNG 14

PHÁT LỘ SAU 50 NĂM!

THI THỂ CỦA NẠN NHÂN VỤ GIẾT NGƯỜI ĐÃ ĐƯỢC TÌM THẤY

CHIẾN CÔNG THUỘC VỀ CÔNG TY THẨM TỬ LOCKWOOD

Sau một trong những vụ “án lạnh” ly kỳ nhất những năm gần đây, xác của Annabel “Annie” Ward, cô gái đã biến mất gần nửa thế kỷ trước, đã được tìm thấy trong một ngôi nhà ở Tây Nam London. Các thám tử làm việc cho công ty Lockwood & Đồng sự đã chiến đấu cả nửa buổi đêm với hồn ma đáng sợ của nạn nhân, trước khi xác định được vị trí và chế ngự an toàn thi thể.

“Chúng tôi chỉ thoát chết trong đường tơ kẽ tóc,” Anthony Lockwood, người đứng đầu trẻ tuổi của công ty thám tử này, nói. “Nhưng tiêu diệt hồn ma là chưa đủ đối với chúng tôi. Chúng tôi muốn đòi lại công bằng cho cô gái vô danh này.”

Nhóm thám tử sau đó đã áp dụng những kỹ thuật điều tra phức tạp để xác định danh tính của cô Ward.

DEPRAC từ đó đã chấp thuận mở một vụ điều tra án giết người.

“Chẳng có vụ án nào xảy ra quá lâu hay quá khó đối với chúng tôi,” Lockwood nói. “Thực ra, những vụ khó lại hợp với chúng tôi nhất, nhờ tính chuyên nghiệp cao và cách tiếp cận cá nhân độc đáo của chúng tôi. Chúng tôi muốn chế ngự Khách, tất nhiên rồi, nhưng chúng tôi cũng quan tâm đến những câu chuyện rất con người đằng sau những vụ ma ám. Annie Ward tội

nghiệp đã chết cách đây rất lâu, nhưng kẻ giết cô ấy có thể vẫn sẽ phải trả giá. Lucy Carlisle, một trong những thám tử hàng đầu của chúng tôi, đã kết nối tâm linh được với Khách này trong quá trình điều tra, và bất chấp đám cháy cuồng nộ do hồn ma đầy hận thù đó gây ra, đã thu thập được chứng cứ quan trọng mà chúng tôi nghĩ có thể đưa chúng ta đến với thủ phạm. Tạm thời đó là tất cả những gì tôi có thể nói lúc này, nhưng chúng tôi hy vọng sẽ sớm có thêm nhiều tin tức mới khi chúng tôi làm sáng tỏ toàn bộ sự thật giật gân đằng sau thảm kịch này.”

“Một bài báo tuyệt hay,” Lockwood nói lần thứ hai mươi trong ngày. “Không thể tuyệt vời hơn được nữa.”

“Họ ghi sai tên tôi kìa,” tôi chỉ ra.

“Họ còn chẳng thêm đả động tới tôi,” George nói.

“Hừm, nhưng điều quan trọng nhất,” Lockwood nhăn nhó cười với chúng tôi. “Trang sáu của tờ *Thời đại*. Trước kia chúng ta chưa từng nổi tiếng tới mức này. Đây chính là bước ngoặt đột phá. Cuối cùng thì mọi việc đã tích cực hơn.” Cậu rùng mình và nhắc giày từ một chỗ bón phân bốc mùi sang một chỗ bón phân bốc mùi khác.

Lúc đó đã gần tám giờ tối ngày hôm sau chuyến đi của chúng tôi tới Trung tâm Lưu trữ. Chúng tôi đang đứng trong một vạt đất trống lý gai nhộp nhúa giữa một khu vườn tối tăm lạnh lẽo, chờ đợi một hồn ma. Đó không phải nhiệm vụ vinh quang nhất người ta từng biết.

“Nhiệt độ?” Lockwood hỏi.

“Vẫn đang giảm.” George kiểm tra nhiệt kế của mình. Nó tỏa sáng yếu ớt giữa những cành lý gai đan vào nhau, ở phía ngôi nhà, ánh sáng bị che khuất bởi những chiếc rèm xám xịt. Một con chó sủa ở tận phía xa. Cách

chúng tôi sáu mét, những cành liễu mỏng đen sì rủ xuống như một làn mưa đông cứng.

“Âm khí đang tăng mạnh,” tôi nói. Tay chân tôi nặng nề, trí óc tôi bị đè nén bởi một cảm xúc vô vọng và xa lạ. Mùi vị của sự thối rữa gắt lên trong miệng tôi. Tôi ăn một chiếc kẹo bạc hà nữa để làm thanh sạch mọi thứ.

“Tốt lắm,” Lockwood nói. “Sẽ không lâu đâu.”

“Thông báo với DEPRAC về Annie Ward,” đột nhiên George nói, “là tốt thôi. Nhưng tôi *vẫn* không nghĩ rằng cậu nên để báo chí dính dáng vào sớm như thế. Cảnh sát còn chưa tiến hành điều tra cơ mà? Chúng ta còn chưa biết khi nào họ sẽ tiến hành điều tra.”

“Ồ, có biết chứ. Ông Barnes không lấy làm thoải mái lắm khi chúng ta tìm ra danh tính của cô gái trước họ, nhưng ông ta *rất* quan tâm tới mối liên hệ với lão Hugo Blake. Ông ta đã tìm kiếm lão trong hồ sơ lưu trữ của họ. Hóa ra giờ lão là một doanh nhân thành đạt, nhưng đã từng ở tù vài lần vì làm ăn gian dối, và một lần vì tấn công vũ lực nghiêm trọng. Lão là một kẻ ác hiểm. Và chúng ta đã đúng: lão vẫn còn sống và sống ổn, ở ngay chính London này.”

“Vậy họ đã triệu lão đến chưa?” tôi hỏi.

“Họ định làm điều đó hôm nay. Có lẽ họ đã bắt lão rồi.”

“Sương ma đang đến đây,” George nói. Những dải xoắn mờ nhạt đã bốc lên từ mặt đất, phát ra sáng lạnh lẽo, mỏng như sợi mỳ ống, uốn lượn giữa cây liễu và bức tường.

“Cậu nghe thấy gì, Lucy?” Lockwood hỏi.

“Vẫn thế. Gió thổi qua tán lá. Và một tiếng cọt kẹt, cọt kẹt, cọt kẹt.”

“Dây thừng chăng?”

“Có thể.”

“George - có thấy gì không?”

“Chưa thấy gì. Còn cậu? Đốm-sáng-chết vẫn ở bên trên mặt đất chứ?”

“Chắc, nó sẽ không di chuyển đâu, phải không nào? Đúng thế, nó vẫn ở trên đó giữa các cành cây.”

“Cho tôi một viên kẹo bạc hà được không, Lucy?” George nói. “Tôi quên không mang.”

“Được.”

Tôi chuyển gói kẹo. Câu chuyện ngưng lại. Chúng tôi quan sát cây liễu.

Dù Lockwood đặt nhiều hy vọng vào bài báo của cậu ấy, chúng tôi vẫn chưa cảm thấy bất cứ lợi ích nào từ nó, và ca lọ mọ đêm hôm lần này là vụ cuối cùng còn lại trong sổ của chúng tôi. Khách hàng của chúng tôi, một cặp vợ chồng trẻ, thường xuyên có cảm giác khó chịu và sợ hãi ở khu vực gần cuối khu vườn tân thời của họ. Những đêm gần đây hai đứa con của họ (bốn và sáu tuổi) nhìn từ trong nhà ra và thấy một “cái bóng màu đen, bất động” đứng giữa những cành nhánh của cây liễu. Hai ông bố bà mẹ, dù ở cùng với lũ trẻ trong những dịp đó, đã không nhìn thấy gì cả.

Lockwood và tôi đã tiến hành khảo sát sơ bộ khu vực này vào buổi sáng. Cây liễu đó đã rất già, cành nhánh to và cao vút. Cả hai chúng tôi đều đã nhận thấy những hiện tượng nền yếu ớt ở khu vực xung quanh, chủ yếu là âm khí và nỗi sợ vô căn cứ. Trong khi đó George dành cả ngày ở Trung tâm Lưu trữ điều tra lịch sử của ngôi nhà. Cậu phát hiện ra một sự kiện đáng chú ý. Trong tháng Năm năm 1926, người chủ nhà, ông Henry Kitchener, đã treo cổ tự vẫn đầu đó trong khuôn viên này. Địa điểm chính xác không được đề cập.

Chúng tôi có lý do để nghi ngờ cái cây.

“Tôi không biết tại sao cậu nhắc tới tôi nhưng không nhắc tới sợi dây chuyền,” tôi nói. “Cậu cứ làm như Annie Ward đã kể riêng với tôi về người

giết cô ấy vậy, điều mà tất cả chúng ta đều biết là rất vớ vẩn. Các hồn ma không giao tiếp rõ ràng như vậy. Mỗi liên hệ tâm linh là một thứ rất rời rạc.”

Lockwood chắc lưỡi. “Tôi biết, nhưng nhấn mạnh vào khả năng xuất sắc của cậu cũng không mất gì mà. Chúng ta muốn những khách hàng khác chạy xô đến, hăm hở muốn cậu điều tra cho họ. Và tôi đã chủ tâm không nhắc đến sợi dây chuyền, một phần bởi tôi muốn giữ nó lại cho các bài báo sau, một phần bởi tôi chưa nói về nó với ông Barnes.”

“Cậu chưa nói với ông Barnes?” George nói vẻ hoài nghi. “Kể cả về dòng chữ ư?”

“Chưa. Ông ta vẫn còn tức giận với chúng ta, và bởi việc mang các đồ tạo tác nguy hiểm về nhà như Lucy đã làm là phạm luật, tôi nghĩ sẽ an toàn hơn khi giữ yên lặng về nó lúc này. Thêm vào đó, tại sao phải lẩn tránh chứ? Sợi dây chuyền đó chẳng mang lại *thêm* thông tin gì cả. Kể cả không có nó, thì rõ ràng Blake cũng có tội. Nhắc đó mới nhớ - cậu có tìm được thêm điều gì về vụ cô Ward không, George?”

“Có. Một vài bức ảnh. Chúng rất đáng quan tâm đấy. Tôi sẽ cho các cậu xem khi chúng ta về nhà.”

Thời gian trôi qua. Cảm giác băng giá tăng lên. Cảm xúc phiền não của linh hồn tự tử chưa an nghỉ rỉ ra từ cây liễu, lan tới những bụi cây và những luống hoa, ra những chiếc xe đạp nhựa và đồ chơi trẻ con nằm vương vãi trong khu vườn. Những nhánh liễu bắt đầu sột soạt khe khẽ, cho dù chẳng có chút gió nào.

“Tôi đang băn khoăn không hiểu sao ông ấy lại làm thế,” Lockwood thì thầm.

“Ai cơ?” George nói. “Hugo Blake á?”

“Không, tôi đang nghĩ về vụ *này* cơ. Sao ông ấy lại treo cổ tự vẫn.”

Tôi cửa mình. “Ông ấy mất người nào đó ông ấy yêu quý.”

“Thật sao? Sao cậu lại nói thế, Luce? Điều đó không có trong hồ sơ, phải không, George?”

Đầu óc tôi đã hoàn toàn trống rỗng; tôi đang lắng nghe tiếng sột soạt trên cây. “Tôi chẳng biết nữa. Cũng có thể tôi sai.”

“Khoan đã.” Giọng Lockwood đánh lại. “Tôi nhìn thấy một hình dáng... Đúng rồi! Hai cậu có thấy không?”

“Không. Ở đâu cơ?”

“Ông ấy ở ngay đó! Các cậu không thấy ông ấy sao? Ông ấy đang đứng dưới gốc cây, ngược nhìn lên.”

Tôi đã cảm giác thấy nó đang đến - những làn sóng nhiễu loạn vô hình đang gợn lăn tăn từ trong ra ngoài, làm cho mạch máu đập thành thạch trong tai tôi. Nhưng Nhãn lực của tôi không tốt bằng của Lockwood, và với tôi cái cây đó vẫn chỉ là một màn bóng tối.

“Ông ấy cầm sợi dây thừng trong tay,” Lockwood thì thào. “Hẳn là ông ấy đã đứng đó rất lâu, lấy dũng khí để làm việc đó...”

Đôi khi meo vặt, giống như khi ngắm sao, là nhìn chệch đi một chút. Khi tôi đưa mắt về phía bức tường của khu vườn, những cái bóng dưới tán cây đột nhiên rõ nét hơn: tôi nhìn thấy một hình dáng mờ nhạt, gầy guộc và bất động, những cành cây liễu chông lên trên đó như những chân song.

“Tôi nhìn thấy rồi.” Đúng thế, ông ta đang nhìn lên, đầu nghiêng nghiêng, như thể cổ ông ta đã gãy sẵn rồi.

“Đừng nhìn vào mặt ông ấy,” George nói.

“OK, tôi sẽ tiến sát vào đây,” Lockwood nói. “Tất cả hãy bình tĩnh nhé. Aaa! Có thứ gì đó tóm được tôi rồi!”

Hai tiếng lưỡi sắt loẹt quẹt vang lên cùng lúc: George và tôi đã rút kiếm ra. Tôi bật đèn pin chiếu vào Lockwood, cậu ấy đang chết sững cạnh tôi, mắt nhìn trừng trừng.

Tôi lại tắt đèn pin đi.

“Chẳng có gì tóm được cậu đâu,” tôi nói. “Đuôi áo của cậu vướng vào bụi lý gai thôi.”

“Ồ, tốt rồi. Cảm ơn cậu.”

Một tiếng khịt mũi từ George. “Cái áo choàng đó! Nó quá dài! Nó cũng đã suýt giết cậu vào đêm đó rồi.”

Vài âm thanh nhỏ vang lên khi Lockwood dứt chiếc áo ra khỏi bụi lý gai. Dưới tán liễu, hình dáng đó vẫn không di chuyển.

“Yểm trợ cho tôi nhé,” Lockwood nói.

Cậu rút kiếm ra và lẳng lặng tiến bước về phía cái cây. Sương ma vờn quanh bắp chân cậu ấy và vặn xoắn thành những cuộn xoáy màu trắng sữa theo mỗi bước chân thận trọng của cậu. George và tôi theo sát đằng sau, bom muối sẵn sàng trên tay.

Chúng tôi tiến gần hơn đến vòm lá rủ bên ngoài của cây liễu.

“OK...” Lockwood thở thành tiếng. “Tôi đã đến gần, nhưng ông ấy không phản ứng gì. Ông ấy chỉ là một Bóng thôi.”

Lúc này tôi có thể nhìn thấy ông ta rõ ràng hơn: những đường nét thô sơ bên ngoài của một người đàn ông mặc áo sơ mi, quần cạp cao kèm dây đeo quần... Một khuôn mặt nhợt nhạt hắt lên phía trên. Tôi cố giữ mắt mình tránh khỏi khuôn mặt đó, nhưng tôi cảm thấy những tiếng vọng của một nỗi buồn khổ xa xưa, một người thân yêu đã ra đi, một nỗi tuyệt vọng quá sức chịu đựng... Tôi cảm nhận được một tiếng rên sâu trong cổ họng một người đàn ông.

Bất thành hình dáng đó chuyển động; tôi nhìn thấy loáng thoáng một sợi dây thừng, một vòng dây được quăng lên những cành cây...

Đúng lúc đó một vật nhỏ màu nhạt bay qua đầu tôi và bật tung ra trên cây. Một trận mưa muối ào xuống, xuyên qua hình dáng đó. Nó quẩn quại và biến mất. Những hạt muối bắt cháy lóe thành thứ lửa màu xanh lục. Chúng rơi lộp bộp xuống đất như một trận mưa tuyết màu ngọc lục bảo.

Tôi quay lại nhìn George. “Cậu làm thế để làm gì?”

“Cậu bình tĩnh đi. Ông ấy đã di chuyển. Lockwood thì ở ngay đó. Tôi không chấp nhận mạo hiểm đâu.”

“Ông ấy có tấn công đâu,” tôi nói. “Ông ấy còn đang bận nghĩ về vợ mình.”

“Vợ ông ấy ư? Sao cậu *biết* điều đó? Cậu đã nghe được ông ấy nói sao?” George nói.

“Không...”

“Vậy làm thế nào...”

“Điều đó không quan trọng.” Lockwood gạt những nhánh liễu sang một bên. Xung quanh giày cậu, những đốm sáng xanh lục nhấp nháy và tan biến. “Ông ấy đã đi rồi. Hãy lấy sắt rải quanh khu vực này và quay về nhà thôi.”

Một vài vụ là như thế - nhanh chóng và dễ dàng, chỉ trong chớp mắt. Ngày hôm sau, một vòng dây cũ, khuất sâu trên một cành cao, đã được tìm thấy thẳng phía trên chỗ ma hình xuất hiện. Sợi thừng đã chìm vào trong thân gỗ và không gỡ ra được, bởi thế cả cành cây đã bị cưa xuống và thiêu trong lửa-muối. Ba ngày sau đó, chủ nhà đã cho đốn cả cái cây xuống.

Trở về Portland Row sau pha hành động ở khu vườn nọ, chúng tôi ngạc nhiên thấy một chiếc xe cảnh sát đỗ bên ngoài nhà, đèn xe vẫn sáng và động cơ vẫn đang chạy. Một nhân viên DEPRAC xuống xe khi chúng tôi bước tới gần: một anh chàng to lớn, đầu cạo trọc, cơ bắp cuồn cuộn và chẳng thấy cổ đâu. Anh ta mặc bộ đồng phục đêm màu xanh da trời.

Anh ta chào chúng tôi mà không hề cười. “Lockwood & Đồng sự hả? Cuối cùng cũng xuất hiện. Các vị sẽ tới Sở Cảnh sát Thủ đô.”

Lockwood nhăn mặt. “Bây giờ ư? Nhưng muộn quá. Chúng tôi vừa mới xong một vụ.”

“Điều đó chẳng có nghĩa lý gì với tôi. Ông Barnes muốn gặp các vị. Ông ấy *muốn* gặp các vị từ hai tiếng trước cơ.”

“Có thể đợi đến mai được không?”

Bàn tay của viên cảnh sát, hồng hào và to bự như một súc thịt hun khói, chậm chậm hạ xuống cây dùi cui sắt ở thắt lưng. “Không.”

Lockwood chớp mắt. “Súc tích đấy,” cậu ấy nói. “Được thôi, hạ sĩ. Chúng ta đi thôi.”

Sở Cảnh sát Thủ đô, trụ sở chính của lực lượng cảnh sát truyền thống tại London, và cũng là trụ sở của các đơn vị DEPRAC phục vụ thành phố trong những thời khắc ban đêm khắc nghiệt, là một khối nhà hình tam giác được xây dựng từ thép và kính nằm giữa phố Victoria ở trung tâm thành phố. Gần đó là Hội Đào Mả và Nghiệp đoàn Nhà đòn; chưa kể công ty sắt Fairfax; công ty Muối United; và trên tất cả, là công ty Sunrise khổng lồ chuyên sản xuất đồ nghề cho hầu hết các công ty thám tử trên đất nước này. Ở phía đối diện, bên kia đường, là các văn phòng của hầu hết các tôn giáo lớn. Mỗi

một tổ chức trong số những tổ chức quyền lực đó đều là trung tâm của cuộc chiến chống lại Vấn đề.

Bên ngoài Sở Cảnh sát Thủ đô, những đám oải hương cháy âm ỉ trong những chiếc bồn kim loại, và những rãnh nước sạch đang tuôn chảy qua các vỉa hè. Hai đứa trẻ gác đêm mũi đỏ ửng đứng gần mấy cánh cửa, canh phòng những mối nguy hiểm siêu nhiên. Chúng thu gập và đứng nghiêm nghênh đón khi viên cảnh sát dẫn chúng tôi đi qua và trèo lên những bậc thang để đến trung tâm điều hành của DEPRAC.

Cũng như mọi khi, sau khi màn đêm buông xuống, căn phòng vô cùng náo nhiệt. Ở bức tường phía sau là một tấm bản đồ đường phố London khổng lồ, trên đó lốm đốm hàng chục chấm sáng nhỏ, một số màu xanh lá, một số màu vàng, mỗi đốm đánh dấu một ca khẩn cấp của đêm đó. Những người đàn ông và phụ nữ mặc đồng phục nền nã chạy đi chạy lại như con thoi phía dưới tấm bản đồ, mang theo hàng tập giấy tờ, nói lớn vào điện thoại, ra lệnh cho các nhóm trưởng của Rotwell và Fittes, các công ty thường giúp DEPRAC trong công việc của họ. Một thám tử trẻ chạy vượt qua chúng tôi, cầm theo một bó kiếm; đằng xa, hai cảnh sát đang đứng uống cà phê, lớp áo giáp của họ bốc khói - hậu quả của những vết cháy ngoại chất.

Viên cảnh sát đưa chúng tôi vào một phòng đợi và bỏ lại chúng tôi ở đó. Ở đây yên tĩnh hơn. Phía trên đầu chúng tôi đám đồ treo bằng sắt đang đung đưa trong làn gió thổi từ những chiếc quạt khuấy đâu đây. Tiếng điều hòa không khí kêu đều đều.

“Cậu nghĩ ông ta muốn gì?” tôi hỏi. “Muốn biết thêm về vụ cháy chẳng?”

Lockwood nhún vai. “Tôi *hy vọng* đó là tin tức mới về Blake. Có lẽ họ đã tóm được lão. Có lẽ lão đã thú tội.”

“Tiện thể nói đến điều đó...” George lục tìm trong túi xách. “Trong khi chờ đợi, các cậu hãy xem những bài báo lấy từ Trung tâm Lưu trữ này. Tôi đã tìm được thêm nhiều thông tin về Annie Ward. Có vẻ như năm mươi năm trước đây, cô ấy tham gia vào một nhóm phù phiếm - hầu hết là con nhà giàu, nhưng không phải tất cả - họ la cà ở những quán bar sành điệu nhất ở London. Một năm trước khi cô ấy chết, tờ *Xã hội London* đã đăng một loạt ảnh về họ. Các cậu xem đi. Cô ấy không phải cái tên duy nhất các cậu nhận ra đâu.”

Được sao ra từ bản gốc, trên trang báo là những tấm ảnh đen trắng. Hầu hết chụp cảnh dạ hội và tiệc tùng, nhưng cũng có cả ảnh sòng bạc và những ván bài nữa. Những con người trẻ tuổi, rạng rỡ tùm tùm lại trong mỗi bức hình. Ngoại trừ kiểu cách ăn mặc (và cả nước ảnh đen trắng) thì họ chẳng khác mấy các nhân vật trong những tạp chí hiện đại mà Lockwood vẫn đọc, và cũng đỡ dẫn y như thế - nhưng tôi đã sửng người khi xem đến trang thứ ba hoặc thứ tư gì đó. Có hai bức ảnh trên trang này. Bức đầu tiên chụp một chàng trai trẻ bóng bẩy, đang cười trước ống kính trong studio. Anh ta đội mũ đen, đeo nơ con bướm đen, bận vét đen tuyền. Có lẽ anh ta còn vận một chiếc áo sơ mi có diềm tay nữa, nhưng đã bị che khuất đằng sau cây ba toong trong tay anh ta. Anh ta cũng mang găng tay màu trắng nữa. Tóc anh ta dài, sẫm màu và toát lên vẻ quyền quý; gương mặt anh ta mang vẻ đẹp trai màu mỡ. Nụ cười rất tự tin và lấy lòng người nhìn. Nó như nói lên rằng nó *biết* bạn sẽ thích anh ta nhiều thế nào một khi bạn dẫn tới.

Phía dưới có một lời chú thích: *Ông Hugo Blake: Công dân tiêu biểu của thành phố ngày hôm nay.*

“Lão đó,” Lockwood thở dài.

Tôi nhìn chăm chú khuôn mặt bóng bẩy, tự mãn đó. Và khi tôi làm thế, một khuôn mặt *khác* - bị bụi và mạng nhện bao phủ - ùa vào tâm trí tôi.

“Và lão ở trong bức hình này nữa,” George nói.

Ngay phía dưới là một bức hình khác. Đây là bức ảnh tập thể, được chụp từ trên cao. Những người đàn ông và phụ nữ trẻ tuổi đang đứng cạnh một đài phun nước. Đó hẳn là một dịp hội hè buồn tẻ, bởi tất cả cánh đàn ông đều bận cà vạt trắng và áo đuôi tôm, còn hội con gái mặc những chiếc váy dạ hội dài. Nào dây đeo, nào cườm lấp lánh, nào vai xếp nếp và những thứ khác nữa tôi chẳng biết gọi là gì. Tôi không thạo về áo váy cho lắm. Đó là một bức ảnh đen trắng, nhưng nhìn là biết đám váy vóc có màu sắc rất đẹp. Các cô gái được xếp đứng trước, còn những chàng trai đứng chen chúc phía sau. Tất cả bọn họ đều hướng về ống kính cười như thể thế giới này là của họ, mà với vài người trong số họ, có thể đúng như vậy thật. Và ngay chính giữa bức ảnh là Annie Ward. Cô ấy rạng rỡ như thể ánh-sáng-khác đã tỏa hào quang quanh cô ấy ngay từ lúc ấy. Các cô gái ở quanh cô ấy nở những nụ cười cam phận, như thể họ biết rằng mình chỉ đang làm nền.

“Blake đây,” George nói và chỉ vào một người cao lớn đang cười ở hàng sau. “Ngay đằng sau vai cô ấy. Như thế lão bám theo cô ấy ngay cả ở chính chỗ này.”

“Và nhìn này...” Tôi giật nảy người lên khi nhận ra một vệt mờ nhỏ hình bầu dục chỉ vừa đủ nhìn thấy bên dưới chiếc cổ trắng ngần của cô gái. Tôi cảm giác cổ họng mình nghẹt lại. “Cô ấy đã đeo sợi dây chuyền đó.”

“Ồ, *tất cả* các cô cậu đã đến rồi, phải không?” Thanh tra Barnes đứng ở cửa, nhìn xuống chúng tôi. Ông ta trông có vẻ mệt mỏi, ngay cả bộ ria của ông ta cũng rầu rĩ rủ xuống. Một tay ông ta cầm theo tập hồ sơ kẹp các báo cáo còn tay kia cầm cốc cà phê dùng một lần. “Vui làm sao. Chuẩn bị làm đồ đồ uống của tôi nữa chẳng?”

Lockwood đứng dậy. “Chúng cháu tới đây theo yêu cầu của ông, ông Barnes,” cậu ấy điềm tĩnh nói. “Chúng cháu có thể giúp gì ông?”

“Hừm, không phải tất cả các cô cậu đều *có thể*.” Ông Barnes nhìn George đầy chú ý. “Cậu vứt chiếc bình ma đó đi chưa, Cubbins?”

“Chắc chắn rồi, thưa ông Barnes,” George nói.

“Ừm. Chắc, hôm nay tôi không cần đến cậu - và cả cậu nữa, Lockwood. Tôi muốn nói chuyện với cô Carlyle.” Đôi mắt ti tiện dò xét tôi; tôi cảm nhận được cái nhìn sắc lạnh của ông ta. “Giờ xin mời đi theo tôi, quý cô. Những người khác đợi ở đây.”

Cảm giác sợ hãi dâng trào trong ngực tôi; tôi lo lắng nhìn Lockwood, giờ đã cau mày bước lên phía trước. “Cháu không đồng ý, thưa thanh tra,” cậu nói. “Cô ấy là nhân viên của cháu. Cháu yêu cầu phải được có mặt dù...”

“Nếu cậu muốn bị buộc tội cản trở điều tra,” Barnes gầm gừ, “thì cứ tiếp tục nói đi. Tuần này tôi đã quá đủ chuyện với cậu rồi. Thế nào? Còn muốn nói điều gì nữa không?”

Lockwood yên lặng. Tôi cố nở nụ cười tươi nhất có thể với cậu. “Không sao đâu,” tôi nói. “Tôi sẽ ổn thôi.”

“Tất nhiên là cô ấy sẽ ổn.” Ông Barnes kéo cánh cửa mở ra và dẫn tôi đi qua. “Đừng lo. Sẽ không lâu đâu.”

Ông ta dẫn tôi ra ngoài và đi qua các phòng điều hành tới một cánh cửa thép nhấn thín ở đằng xa. Ông ta nhấn một dãy số vào một bàn phím; cánh cửa trượt mở, để lộ một hành lang yên tĩnh được những dải đèn neon dài chiếu sáng.

“Cậu bạn Lockwood của cô đã *nói* với tôi,” ông Barnes mở lời khi chúng tôi bước vào hành lang, “rằng cô có liên hệ tâm linh với hồn ma của Annie Ward. Có phải thế không?”

“Vâng, thưa ông. Cháu nghe thấy tiếng nói của cô ấy.”

“Cô ấy cũng nói rằng cô có kiến giải quan trọng về cái chết của cô ấy - rằng cô ấy bị người đàn ông cô ấy từng yêu giết chết.”

“Đúng vậy, thưa ông.” Chà, điều đó cũng đúng - xét theo một chừng mực nào đó. Tôi đã có kiến giải đó khi tôi chạm vào sợi dây chuyền. Tôi không thu thập được thông tin đó từ chính bản thân hồn ma cô gái.

Ông Barnes nhìn xéo tôi. “Khi cô ấy nói chuyện với cô, cô ấy có cho cô biết tên hắn ta không?”

“Không, thưa ông. Nó chỉ là... những mảnh âm thanh rời rạc ngẫu nhiên thôi. Ông biết Khách là như thế nào mà.”

Ông ta lẩm bẩm. “Người ta nói rằng hồi xưa Marissa Fittes đã nói chuyện được với các hồn ma Loại Ba, và bởi thế đã tìm ra được nhiều điều. Nhưng đó là một Năng lực rất hiếm, và những hồn ma đó cũng rất hiếm. Còn chúng ta phải chấp nhận xoay xở với bất cứ thứ vớ vẩn nào chúng ta có thể có. Được rồi... đây là khu vực an ninh cao. Chúng ta sắp tới rồi.”

Chúng tôi bước theo một cầu thang bê tông xuống một tầng bên dưới. Những cánh cửa xung quanh chúng tôi giờ đây đã nặng nề hơn, và được nẹp cứng những đai sắt. Một vài trong số chúng có những tấm biển cảnh báo viền đen gắn trên tường: những hình tam giác màu vàng bên trong có một hình sọ người đang nhe răng cười, những hình tam giác màu đỏ thì có hai. Không khí đã lạnh hơn; tôi đoán chúng tôi giờ đây đã ở dưới mặt đất.

“Giờ hãy nghe nhé,” ông Barnes nói. “Nhờ những khám phá của cô, tôi đã mở lại vụ Annabel Ward.” Ông ta trừng mắt nhìn tôi ngờ vực. “Đừng có nghĩ rằng không có các cô cậu thì chúng tôi không thể tìm ra danh tính của cô ấy. Các cô cậu có thể tìm ra nhanh hơn, nhưng đó là bởi vì các cô cậu là ba đứa lêu lổng, chẳng có việc gì khá hơn để làm. Nhưng dù thế nào đi nữa, tôi đã điều tra mối quan hệ tới ông Hugo Blake này và tôi nghĩ ông ta có tội. Hôm nay tôi đã bắt ông ta.”

Tim tôi nhảy vọt lên. “Tốt quá ạ!”

“Tuy vậy...” ông Barnes đã dừng lại bên ngoài một cánh cửa sắt trơn “đã năm mươi năm rồi, Blake vẫn một mực chối bỏ mọi tội lỗi. Ông ta nói rằng đã để cô ấy xuống xe ở bên ngoài nhà, còn ông ta không bước vào nhà.”

“Ông ta đang nói dối đấy,” tôi nói.

“Tôi chắc chắn là vậy, nhưng tôi muốn có thêm chứng cứ. Và đó là lúc tôi cần đến cô. Nào, mời cô vào.”

Trước khi tôi có thể mở miệng, ông ta đã dẫn tôi qua cánh cửa và bước vào một căn phòng nhỏ tối tăm, chỉ có hai chiếc ghế thép mặt bọc da và một chiếc bàn con. Những chiếc ghế hướng về phía bức tường đối diện, bức tường có duy nhất một khung kính xám mờ. Có một công tắc gắn với bàn, và cả một ống nghe điện thoại màu đen.

“Mời ngồi, cô Carlyle.” Ông Barnes nhắc ống nghe lên và nói vào đó. “Được chưa? Ông ta ở đó chứ? Ổn rồi.”

Tôi nhìn ông ta. “Ông đang nói chuyện gì thế? Hãy cho cháu biết đang có chuyện gì diễn ra đi.”

“Những mối liên hệ tâm linh như giữa cô với cô gái đã chết đó,” ông Barnes nói, “là những thứ rất chủ quan. Rất khó nói thành lời. Cô nhớ một vài điều và quên những điều khác, về cơ bản, chúng gây nhiễu loạn trong trí óc cô. Bởi vậy có thể hồn ma đó đã trao đổi nhiều thông tin về vụ giết cô ấy hơn cô nhớ. Chẳng hạn như khuôn mặt của kẻ đã giết cô ấy.”

Tôi lắc đầu khi đột ngột hiểu ra. “Ý ông là Blake ư? Không. Cháu vừa mới nhìn thấy một bức ảnh của ông ta lúc này. Nó chẳng gọi lên điều gì cho cháu cả.”

“Có thể con người bằng xương bằng thịt sẽ khác chẳng,” ông Barnes nói. “Chúng ta sẽ xem nhé?”

Cơn hoảng hốt tràn ngập trong tôi. “Ông Barnes, cháu thực sự không muốn làm việc này. Cháu đã kể tất cả mọi thứ với ông rồi.”

“Cứ nhìn thử đi. Ông ta sẽ không thể nhìn thấy cô đâu. Đây là kính một chiều. Ông ta thậm chí chẳng hề biết cô ở đó.”

“Không mà, xin ông đẩy, ông Barnes...”

Viên thanh tra tảng lờ tôi. Ông ta nhấn công tắc trên bàn. Trước mặt chúng tôi, ánh sáng rực rỡ xé đôi ô kính. Vùng sáng mở rộng ra. Những cửa chớp ở bên trong được kéo sang bên như những tấm rèm, để lộ ra một căn phòng lấp đèn rọi.

Một người đàn ông ngồi trên chiếc ghế kim loại ở giữa phòng, mặt hướng về phía chúng tôi. Nếu không tính tới tấm kính một chiều, lão cách tôi khoảng chừng hai đến ba mét.

Lão là một quý ông lớn tuổi mặc bộ vét thời thượng màu đen với những đường sọc mảnh màu hồng. Đôi giày của lão được đánh sáng bóng, chiếc cà vạt của lão màu hồng tươi; một chiếc khăn tay màu hồng rực nhô lên từ túi áo ngực như ngọn lửa. Hugo Blake rõ ràng vẫn lưu giữ được cái vẻ bảnh bao lão đã trưng ra trong tấm ảnh đen trắng chụp năm mươi năm về trước. Mái tóc lão đã ngả muối tiêu, nhưng vẫn dài và rậm rạp; nó xõa tung xuống vai lão thành những cuộn xoắn mềm.

Rất nhiều thứ vẫn nguyên như thế - nhưng khuôn mặt thì không.

Cái vẻ tự mãn dẻo quẹo của tuổi trẻ đã bị thay thế bằng vẻ nhăn nheo, hốc hác ảm đạm thâm lương. Xương chìa ra như những lưỡi cày bên dưới lớp da. Mạng lưới mạch máu dày màu xanh trên mũi đã bắt đầu trải ra trên gò má và cằm. Cặp môi nhăn nhúm - mỏng quẹt và mím chặt đầy khắc nghiệt. Và đôi mắt...

Đôi mắt là thứ tệ nhất. Chìm trong hốc mắt sâu hoắm, chúng sáng rực và lạnh lùng, chất chứa nổi tức giận và ánh lên vẻ trí tuệ. Chúng di chuyển

không ngừng, nhìn khắp lượt xung quanh, quan sát bề mặt của bức tường kính trống trơn. Cơ thể nộ của người đàn ông lộ rõ. Hai bàn tay lão bấu chặt vào hai đầu gối như móng vuốt loài thú. Lão đang nói gì đó, nhưng tôi chẳng thể nghe rõ lời.

“Blake rất giàu có,” ông Barnes tắc lưỡi, “và thường muốn gì được nấy. Ông ta chẳng vui vẻ chút nào khi phải ở đây. Nhưng đó không phải vấn đề của cô. Hãy quan sát thật kỹ nhé, cô Carlyle. Hãy để tâm trí mình không vướng bận; hãy nghĩ lại về những gì cô có được từ cô gái đó. Nó có làm nảy ra bất cứ điều gì không?”

Tôi hít một hơi thật sâu, dẫn nỗi lo của mình xuống. Dù gì thì mọi việc cũng sẽ ổn thôi. Lão không thực sự nhìn thấy tôi. Tôi sẽ làm điều ông Barnes muốn, rồi biến khỏi đây.

Tôi chú tâm vào khuôn mặt...

Và ngay khi tôi làm thế, đôi mắt người đàn ông đó đột ngột khóa chặt ánh mắt tôi. Chúng chững lại. Cứ như thể lão đã nhìn xuyên qua lớp kính và biết tôi đang ở đó.

Lão cười với tôi. Đó là một nụ cười nhăn nhó.

Tôi giật nảy người trên ghế. “Không!” tôi thốt lên. “Thế là đủ rồi! Cháu không thu nhận được gì cả. Chẳng có cái gì nảy ra cả. Xin ông đấy. Xin hãy ngừng lại ngay! Thế là đủ rồi.”

Ông Barnes lưỡng lự, rồi nhấn công tắc. Cánh cửa chớp kéo vào, từ tốn che khuất người đàn ông đang cười với khuôn mặt được rọi sáng.

## CHƯƠNG 15

“Lucy,” Lockwood nói. “Dừng lại. Cậu phải nói chuyện với tôi đã.”

“Không. Không, tôi thực sự không muốn.”

“Đừng đi nhanh thế. Tôi hiểu tại sao cậu bức mình, nhưng cậu phải hiểu rằng... tôi đã không biết ông Barnes sẽ yêu cầu cậu làm việc đó.”

“Không ư? Có lẽ cậu nên đoán được chứ. Nhờ có bài báo ngớ ngẩn của cậu sáng nay, cả *thế giới này* biết về mối liên hệ tâm linh của tôi với Annie Ward. Tôi đột nhiên được xem là trung tâm của vụ án!”

“Lucy, thôi nào...” Lockwood chớp lấy ống tay áo tôi, kéo tôi dừng lại ở giữa đường. Chúng tôi đang ở đâu đó giữa Mayfair, khoảng nửa đường về nhà. Những tòa dinh thự nằm yên ắng, hầu hết giấu mình sau những bức tường cao và làn sương cuộn xoáy. Lúc này vừa mới qua nửa đêm. Kể cả ma cũng chẳng thấy đâu.

“Đừng có chạm vào tôi,” tôi nói. Tôi giật ra. “Vì bài báo của cậu, tối nay tôi đã phải đối mặt với một kẻ giết người, và thật nực cười, tôi không thích thú gì cái trải nghiệm đó. Cậu không nhìn thấy *cặp mắt* của lão, Lockwood ạ. Nhưng *tôi* đã nhìn thấy - và tôi cảm giác như thể lão đã nhìn thấy *tôi*.”

“Không thể nào.” George đang quay mặt sang hướng khác; tay cậu đặt trên chuôi kiếm khi cậu quan sát đám sương. Chúng tôi chỉ nhìn thấy một Khách trên đường về - ở công viên Green, một hình dáng ở tít đằng xa trôi dọc một đại lộ có cây mọc thành hàng hai bên - nhưng ta luôn phải thận trọng. Ở London, ta chẳng thể nào biết trước góc ngoặt tiếp theo sẽ có gì. “Lão không thể thấy cậu được,” George nhắc lại. “Cậu ở đằng sau tấm kính

đó cơ mà. Hiển nhiên lão đã biết có *người ở* đó, và lão chỉ muốn dọa cho họ sợ mà thôi. Tất cả chỉ có thế.”

“Cậu sai rồi,” tôi nói khẽ. “Blake biết đó là tôi. Lão đã đọc bài báo đó như những người khác. Lão biết tất cả về Lockwood & Đồng sự, và biết làm thế nào Lucy 'Carlisle' thu thập được chứng cứ quan trọng chống lại lão. Lão cũng có thể dễ dàng tìm ra nơi ở của chúng ta. Nếu lão được tự do bước ra khỏi đó, sẽ chẳng có gì ngăn lão lần theo chúng ta đâu!”

Lockwood lắc đầu. “Lucy, Blake sẽ *không* lần theo chúng ta.”

“Hoặc nếu lão có làm thế,” George nói, “thì đó sẽ là một ông cụ chống gậy khập khểnh vô cùng chậm rãi. Lão đã hơn bảy mươi tuổi rồi.”

“Điều tôi *muốn* nói, là lão sẽ không bao giờ được thả đâu,” Lockwood tiếp tục. “Lão sẽ phải ra tòa, bị kết tội và tổng giam, lão đáng bị như thế. Mà chưa kể, nhờ mắt lão có vấn đề thì sao? Mắt George cũng khá kỳ quặc, thế mà chúng ta có vấn đề gì với cậu ấy đâu.”

“Cảm ơn vì đã nói thế,” George nói. “Tôi tưởng chúng là thứ tốt nhất trên người tôi chứ.”

“Đúng vậy - thế mới thảm kịch chứ. Nghe này, Lucy. Tôi có thể hiểu vì sao cậu lại tức giận. Tôi cũng rất bức đây. Ông Barnes không có quyền bắt cậu làm những điều trái với ý muốn của cậu. Đó là cách hành xử kiểu DEPRAC, họ nghĩ họ là người điều khiển cuộc chơi. Nhưng họ không điều khiển được - hoặc, chí ít, họ không điều khiển được *chúng ta*.” Lockwood giơ hai tay lên và ra dấu về phía đám sương cuộn xoắn, về phía con đường tĩnh lặng. “Hãy nhìn xung quanh cậu lúc này. Đã quá nửa đêm. Chỉ có chúng ta trong một thành phố vắng lặng. Tất cả những người khác đã đi ngủ, cửa nhà họ đã khóa chặt và bùa chú đã được treo trên những khung cửa sổ. Ai cũng lo sợ - ngoại trừ cậu, tôi và George. Chúng ta đi bất cứ đâu

chúng ta muốn, và chúng ta không bị ràng buộc bởi Barnes hay DEPRAC hay bất cứ người nào. Chúng ta hoàn toàn tự do.”

Tôi quần chặt áo choàng xung quanh người, vẫn như mọi khi, cậu ấy nói rất có lý. *Thật* tốt khi lại được ra ngoài vào buổi đêm, với thanh kiếm và các bạn đồng nghiệp của tôi bên cạnh. Nỗi buồn bực về cuộc gặp gỡ ngăn ngẽn của tôi ở Sở Cảnh sát Thủ đô đang dần dần tan biến. Tôi đã cảm thấy khá hơn một chút. “Tôi nghĩ cậu nói đúng...” tôi nói. “Cậu thực sự nghĩ Blake sẽ tiếp tục bị giam giữ sao?”

“Tất nhiên rồi.”

“Tien thế, Lucy này,” George nói, “có thứ có thể làm cậu vui lên đây. Chúng tôi đã thấy Quill Kipps trong khi chờ cậu. Anh ta ở trong một nhóm Fittes làm việc cho DEPRAC tối nay. Anh ta phải làm việc đó thường xuyên - đó là một phần của thỏa thuận giữa hai tổ chức. Hừm, hãy cứ tạm nói rằng anh ta đã tuần tra các cổng thoát nước tối hôm nay. Đội của anh ta rõ ràng đã đối đầu rất gần với *thứ gì đó* kinh khủng ở dưới đó, và tôi không có ý nói tới Khách. Eo ôi, cậu phải nhìn thấy họ cơ. Ướt như chuột lột.”

Tôi không nhin được mà phá lên cười. “Ít nhất Kipps còn có một công việc. Cuốn sổ cái của chúng ta giờ trống trơn.”

“Thà nghèo còn hơn dính bùn nhớp nháp,” George nói.

Lockwood siết cánh tay tôi. “Thôi nào,” cậu nói. “Đừng lo lắng về ngày mai. Sẽ có thứ gì đó tươi sáng hơn. Về nhà thôi. Tôi thềm một chiếc bánh kẹp bơ lạc.”

Tôi gật đầu. “Tôi thềm ca cao và khoai tây chiên.”

Làn sương trở nên dày hơn khi chúng tôi bước qua; nó xoắn lại quanh hàng lan can sắt, và quần xung quanh những cây đèn ma, che mờ và vặn xoắn những chùm sáng của chúng. Giày chúng tôi gõ xuống vỉa hè trống

không, vọng lại một cách kỳ lạ sang phía bên kia đường, bởi thế đôi khi cứ như thể có một nhóm ba người vô hình đang bước đi bên cạnh chúng tôi.

Cây đèn ma ở Portland Row đang gặp trục trặc; những đốm lửa xanh dương tóe ra ở đế lồng đèn, và thay vì ánh sáng chói lọi như bình thường, các thấu kính tỏa ra một thứ ánh sáng đỏ rực bội, yếu ớt. Hầu hết khung cửa sổ các nhà hàng xóm chúng tôi đã tối đèn, và tất cả đã đóng kín và buông rèm. Làn sương bám sát lấy chúng tôi khi chúng tôi leo gần tới cửa nhà.

Lockwood đi đầu; cậu vờ tay ra để mở cửa và đột nhiên sững người lại. Cả George và tôi đều đâm sâu vào cậu.

“George,” Lockwood nói khẽ. “Cậu là người cầm sợi dây chuyền của Annie Ward cuối cùng. Cậu đã làm gì với nó?”

“Tôi đã đặt nó lên giá cùng các chiến lợi phẩm khác. Sao thế?”

“Cái hộp thủy-tinh-bạc đựng nó đã được niêm phong kín rồi chứ? Không bị lỏng hay gì chứ?”

“Tất nhiên là không rồi. Cái gì...”

“Tôi vừa mới nhìn thấy ánh sáng ở cửa sổ văn phòng chúng ta.”

Cậu chỉ xuống dưới qua lan can. Sân tầng hầm là một biển bóng tối, bị ánh sáng nhạt màu cam từ ngọn đèn đường bên ngoài số nhà 37 cắt chéo qua. Thứ ánh sáng đó chiếu sáng một phần ô cửa sổ nghi vấn. Vào ban ngày, qua khung cửa sổ đó, người ta có thể loáng thoáng thấy ghế làm việc của tôi và bình hoa ở chính giữa bàn tôi. Ngay lúc này đây nó phẳng lì như thể một hình chữ nhật màu đen đã được sơn lên bức tường gạch.

“Tôi chẳng nhìn thấy gì hết,” George thở hắt ra.

“Nó chỉ xuất hiện trong thoáng chốc thôi,” Lockwood nói. “Tôi nghĩ nó có thể là vết tích của ánh-sáng-khác, nhưng có thể... Không, nó lại xuất hiện kìa!”

Lần này *tất cả* chúng tôi đều nhìn thấy thứ ánh sáng lơ mờ, yếu ớt, thoáng qua và phản chiếu lấp loáng ở mặt trong của tấm kính. Cơn sốc giữ chặt lấy chúng tôi; không ai trong chúng tôi di chuyển.

“Đó là ánh đèn pin,” George nói khẽ.

Tôi gật đầu; da gà da vịt nổi lên. “Có kẻ nào đó trong nhà chúng ta.”

“Kẻ nào đó,” Lockwood nói, “không sợ đi ra ngoài vào buổi đêm. Điều đó có nghĩa bọn chúng được trang bị vũ khí. Ít nhất chúng sẽ có kiếm và pháo sáng. Được rồi, động não chút nào. Sao chúng vào nhà được?”

Tôi nheo mắt nhìn lối đi chính. “Cửa trước trông có vẻ ổn.”

“Cậu muốn tôi kiểm tra cổng hậu không?” George nói. “Có thể chúng đã đột nhập qua lối vào vườn.”

“Nhưng nếu chúng không làm thế thì cậu sẽ bị kẹt ở bên ngoài... Không, chúng ta phải cùng nhau làm việc này. Chúng ta sẽ vào cửa trước như bình thường - chỉ là *một cách thật lặng lẽ* thôi. Đi nào.”

Cậu tiến lên nhẹ nhàng theo lối đi, di chuyển không một tiếng động trên những viên gạch lát nền. Tới hiên nhà, cậu dừng lại, im lặng chỉ vào những mảnh gỗ vụn ở nửa chừng khung cửa. Khi cậu đẩy cánh cửa, nó chậm chậm mở bung ra.

“Bọn chúng đã dùng xà beng cậy khóa,” George rít lên.

“Nếu đó là đường vào của bọn chúng,” Lockwood nói, “thì chúng ta có thể bẫy chúng ở dưới kia.” Cậu ra hiệu cho chúng tôi lại gần và thì thầm vào tai chúng tôi. “Được rồi. Chúng ta sẽ kiểm tra tầng một, rồi xuống dưới theo cầu thang xoắn. Tôi không muốn nghe thấy một âm thanh nào đâu đấy.”

“Thế còn các tầng trên thì sao?”

“Không mạo hiểm được. Hành lang cọt kẹt lắm. Thêm nữa, rõ ràng chỗ bọn họ đang lục soát là khu văn phòng. Vậy, kiếm đã sẵn sàng chưa? Nếu chúng ta tìm thấy chúng, dồn chúng vào góc, bắt chúng phải hạ vũ khí.”

“Nếu bọn chúng không hạ vũ khí thì sao?” tôi hỏi.

Răng Lockwood thoáng lóe lên. “Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì cần thiết.”

Hành lang tối om; chẳng có âm thanh nào vọng ra từ sâu trong nhà. Chúng tôi ngừng lại một lát, kéo cánh cửa đóng lại phía sau, để cho mắt thích ứng. Chiếc đèn sọ pha lê nhả nhử từ trên cái bàn con; giá treo áo khoác của chúng tôi là một khối sẫm màu trên tường. Lockwood chìa mũi kiếm vào những giá trưng bày đối diện. Mới nhìn qua có vẻ chúng vẫn như cũ; rồi tôi thấy vài chiếc mặt nạ và vài quả bầu đã hơi xê dịch, như thể có ai đó đã vội vã lung sục quanh đó. Xa xa phía trước, tôi nhìn thấy tấm khăn suy ngẫm trắng lơ mờ đằng sau cửa bếp. Tôi lại lắng nghe nhưng chẳng thấy gì. Tôi nhận ra mình đã bất giác sử dụng *tất cả* các giác quan, cả bên trong lẫn bên ngoài, cứ như thể chúng tôi đang đi điều tra bên ngoài, làm những công việc của thám tử.

Nhưng đây là ngôi nhà *của chúng tôi*, tổ ấm *của chúng tôi*, và có kẻ đang xâm nhập nơi này.

Lockwood di chuyển với lưỡi kiếm hết khua sang trái rồi lại sang phải. George nhẹ nhàng lên vào phòng khách; tôi bước như một cái bóng vào thư viện. Tôi có thể cảm thấy ngay rằng nó trống không: chẳng có dấu hiệu gì cho thấy có ai đang ở đây. Nhưng nó đã không thoát khỏi sự chú ý từ vị khách của chúng tôi. Dưới những chiếc giá, sách và giấy tờ nằm vương vãi trên sàn nhà.

Quay trở lại hành lang, Lockwood đã đợi ở cầu thang. George cũng có kết quả tương tự như tôi. “Có kẻ nào đó đã lục soát toàn bộ căn nhà,” cậu ấy

thở hỗn hển. “Tìm kiếm thứ gì đó.”

Lockwood chỉ gật đầu. Chúng tôi rón rén tiến về phía bếp.

Thật khó nói liệu địch thủ của chúng tôi có lục lọi, vơ vét thứ gì ở đây hay không, bởi vì căn phòng vẫn lộn xộn như thường ngày. Chiếc bàn vương vãi đồ ăn thừa từ lúc chúng tôi ăn trước khi ra ngoài làm vụ ở khu vườn nọ, còn trên mặt bếp kín đặc đủ thứ đồ. Tôi thấy những lọ mạt sắt khuất sau hộp ngũ cốc và một đồng nhỏ bom muối chồng lên nhau ở nơi George đã chuẩn bị chúng trước đó. Chẳng thứ nào trong số đó là hữu dụng với chúng tôi lúc này cả: chúng tôi đang kiếm tìm một con mồi bằng xương bằng thịt.

Lockwood tiến về phía cánh cửa nhỏ dẫn xuống tầng hầm. Nó đang khép hờ. Dùng mũi kiếm, cậu khều vào tay nắm cửa, nhẹ nhàng kéo nó mở ra. Bóng tối, sự yên lặng, đầu cầu thang xoắn ốc... Không khí ẩm áp bức lên từ phía dưới, nặng mùi giấy, mực và magiê. Đèn đã tắt, và chúng tôi chẳng cố bật lên làm gì. Từ đâu đó vang lên một tiếng sột soạt nho nhỏ, như thể tiếng chuột rúc mũi vào những khoảng không gian chật hẹp trong bóng tối.

Chúng tôi nhìn nhau, nắm chuôi kiếm thật chặt. Lockwood bước lên bậc thang trên cùng. Cậu mau lẹ di chuyển xuống. George và tôi theo sau, giày hầu như không chạm xuống mạt sắt. Chẳng bao lâu chúng tôi đã xuống dưới chân cầu thang.

Căn phòng tro gạch nơi chúng tôi đang đứng là phần trống của hầm rượu, giờ nó chỉ chứa những tủ đựng mạt sắt và những bao tải đựng đồ sắt. Không có ánh sáng, căn phòng tối như hũ nút, ngoại trừ một vệt sáng xanh lục mờ mờ chiếu từ khung vòm bên phải. Từ khung vòm đối diện vọng lại tiếng sột soạt như tiếng chuột dũi. Một ánh đèn pin loáng vụt qua đây khiêu khích rồi lại biến mất.

Lướt tới thật nhẹ nhàng như thể chính mình là Khách, chúng tôi cùng nhau kiểm tra khung vòm phía bên phải và thấy một khung cảnh tanh bành. Những cặp hồ sơ chống ngược lên, các tủ đồ bị mở tung, một biển giấy tờ ngập ngụa dưới sàn văn phòng. Trên bàn George, vải che chiếc bình ma đã bị lật lên. Chiếc đầu lâu rơi bóng xuống nhờ chính ánh sáng từ thứ sinh chất màu xanh lục của nó. Phía trên nó, cái khuôn mặt lìa khỏi xác cứ u sầu xoay vòng quanh, vòng quanh mãi.

Phòng đựng kiểm trống không, cửa nhà kho thì vẫn khóa. Chỉ còn lại phần phía sau của tầng hầm - nơi có những chiếc giá trưng bày chiến tích. Chúng tôi nhẹ nhàng tiến lại gần đó. Đứng trước chúng tôi dường như có ai đó đã trở nên sốt ruột khi tìm kiếm. Những tiếng sột soạt nghe rõ hơn bao giờ hết.

Chúng tôi đến khung vòm cuối cùng và nhìn vào trong.

Khu trưng bày chiến tích không hoàn toàn tối đen. Trong đêm nó cũng chẳng mấy khi tối do có ánh sáng từ những chiếc hộp trên mấy cái giá đặt cạnh cửa. Một vài trong số những chiến tích của Lockwood - chẳng hạn như những khúc xương và các quân bài vấy máu - là hoàn toàn vô hại. Ta có thể đưa chúng cho em bé chơi cũng được bởi chúng không có sức mạnh siêu nhiên. Nhưng những thứ khác thì vẫn là các Nguồn đang hoạt động, với quyền năng âm hồn có thể bộc lộ ra vào ban đêm. Những ánh sáng yếu ớt lập lờ phía bên dưới lớp thủy tinh - xanh dương và vàng nhạt, tím hoa cà, xanh lục, hạt dẻ - đang dịch chuyển, thay đổi liên tục, luôn tìm cách thoát ra. Đó là một cảnh tượng đẹp - nhưng cũng kỳ quái, và tốt hơn hết là đừng nhìn chúng quá lâu.

Lúc này có ai đó *đang* nhìn chúng.

Một bóng hình đứng cạnh những chiếc giá, một dáng người to lớn mặc đồ màu đen. Đó là một người đàn ông vai rộng, cao hơn Lockwood chừng

nửa cái đầu; hắn ta mặc áo khoác, mũ kéo lên che mặt. Một thanh kiếm đeo ở thắt lưng. Hắn đứng xoay người lại phía chúng tôi, xem xét một chiếc hộp nhỏ trên bàn tay đeo găng đen. Hắn chĩa đèn pin vào nó; ánh sáng phản xạ từ các bề mặt hộp lên trần nhà.

Cho dù hắn tìm gì thì hắn cũng đã không tìm thấy. Hắn khinh khỉnh lẳng chiếc hộp xuống sàn nhà.

“Tôi có thể mời ông uống trà trong khi ông lục lợi chỗ của chúng tôi được chứ?” Lockwood nhã nhặn nói.

Bóng người quay phắt lại. Lockwood rọi thẳng đèn pin vào mặt kẻ đột nhập.

Bị bất ngờ, tôi há hốc miệng. Chiếc mũ chìa ra phía trước, cong lại như mở kèn kèn. Bên dưới cái mũ sùm sụp, khuôn mặt được giấu kín sau một tấm mặt nạ vải trắng. Hai hốc mắt là hai lỗ màu đen được rạch ra. Một vết rạch khác, lờm chờm và lệch tâm, tạo thành cái miệng. Chẳng thể thấy thứ gì của người đàn ông bên dưới lớp mặt nạ đó.

Kẻ đột nhập rõ ràng bị ánh đèn pin làm lóa mắt. Hắn giơ một tay lên để che sáng.

“Đúng rồi. Giơ hai tay lên,” Lockwood nói.

Cánh tay đó hạ xuống. Nó với tới thanh kiếm treo ở thắt lưng.

“Là một đầu ba đây,” Lockwood chỉ cho hắn thấy.

Một tiếng soạt của kim loại: thanh kiếm đã được rút ra.

“Thích thì chiêu thôi.” Lockwood giơ thanh kiếm của cậu lên, chậm chậm tiến về phía trước.

Phương án C dường như là phương án tấn công hiển nhiên trong những tình huống như thế này. Chúng tôi thường sử dụng nó để đối phó với những Loại Hai có quyền năng mạnh, tất nhiên rồi, nhưng nó cũng hữu dụng với

cả những kẻ thù còn sống nữa. Tôi dạt sang trái, George lao sang phải. Lockwood chiếm vị trí ở giữa. Ba lưỡi kiếm của chúng tôi giương cao sẵn sàng. Chúng tôi diềm tĩnh tiến vào, quây kẻ đột nhập vào trong.

Hoặc chúng tôi tưởng vậy. Hình dáng đeo mặt nạ trắng dường như chẳng hề bận tâm. Hắn giơ tay trái lên trên giá chộp lấy một chiếc hộp phát ra thứ ánh sáng xanh dương mờ mờ. Quay người lại, hắn ném nó thật mạnh xuống sàn nhà cạnh chân George. Bản lề bật tung, chiếc hộp vỡ toác; một đoạn xương ngón tay văng ra. Ngay lập tức thứ ánh sáng đó chảy tràn ra ngoài như một đám mây nhỏ. Một ma hình màu xanh dương nhạt trời lên từ những miếng ván sàn. Nó có hình dạng của một sinh vật méo mó, giận dữ, khoác giẻ rách trên người. Nó quay tròn cái đầu, hất tay về phía sau và uốn mình nhào sang bên, thẳng vào George.

Tôi chẳng quan sát thêm được nữa, bởi kẻ xâm nhập đã lấy hai chiếc hộp khác ném vào Lockwood và tôi. Hộp của Lockwood nảy lên, nhưng không mở ra. Hộp của tôi vỡ tung, bật ra một chiếc kẹp tóc phụ nữ, sáu luồng sinh chất màu vàng và một tiếng kêu than dữ dội. Những luồng sinh chất cuộn tròn lại và đổ sụp xuống sàn nhà, rồi vươn lên như những con rắn hổ mang trong thế tấn công và quăng mình về phía tôi. Với những cú bổ và lia kiếm trong hoảng loạn tôi cắt chúng thành những dải nhỏ. Một số ngay lập tức tan ra và biến mất; số khác hợp vào với nhau và trở lại tấn công.

Có tiếng những lưỡi kiếm va vào nhau. Lockwood đã nhảy tới áp sát kẻ địch. Kiếm của họ giao nhau hết lần này đến lần khác. Phía xa hơn, George đang né người tránh những cú quật ra đòn của con Hồn Sống. Cậu đẩy lùi nó, vạch những hoa văn sắt vào không trung.

Khách mà tôi phải đối mặt yếu và không dứt khoát. Đã đến lúc loại bỏ nó. Tôi quờ tìm nơi thắt lưng, lấy ra một túi mặt sắt. Sau khi xé rách túi, tôi quăng mặt sắt xuống. Một thứ ánh sáng lấp lánh thoát ra. Luồng sinh chất đang vặn xoắn co lại, trở thành một vũng khói nhỏ ở trên sàn nhà.

Bên cạnh tôi, những lưỡi kiếm sắt vẫn đang đập vào nhau; Lockwood và kẻ xâm nhập cứ tiến lên lùi lại ở chính giữa căn phòng, trao nhau những cú ra đòn rất mau lẹ. Người đàn ông đeo mặt nạ rất nhanh nhẹn, những cú ra đòn của hắn ta chính xác và đầy uy lực, nhưng Lockwood vẫn đối phó dễ dàng. Cậu di chuyển như thể đang khiêu vũ với những bước nhảy khoa trương, lá lướt. Giày cậu hầu như không chạm đất. Tay cầm kiếm của cậu khẽ hất qua lại, mũi kiếm thay đổi vị trí như một con chuồn chuồn lanh lẹ.

George đã trở nên hết kiên nhẫn với trận đấu của mình; cậu lùi lại một chút rồi lấy một quả bom muối từ thắt lưng và thổi tung con Hồn Sống ngoặt ngoẹo của mình thành những hạt bụi nhỏ nhấp nháy thứ ánh sáng màu xanh ngọc bích. Âm thanh khiến Lockwood phân tâm và liếc sang nhìn. Ngay lập tức kẻ địch đeo mặt nạ kia vùng thanh kiếm chém vào mặt Lockwood. Đó có thể sẽ là một vết thương chí mạng nếu nó giáng trúng. Lockwood nghiêng người; lưỡi kiếm sượt qua má cậu. Khi địch thủ đang mất cân bằng, Lockwood bước sang một bên, xia kiếm về phía trước. Bóng người kia kêu lên một tiếng rồi ôm lấy ngang bụng. Với những đường tấn công tuyệt vọng, hắn đẩy lùi Lockwood và lao người qua cậu, băng ngang căn phòng. George với tay ra chặn hắn lại. Một bàn tay đi găng vùng cú đâm, trúng ngay má George, xô cậu vào tường cùng một tiếng rên.

Kẻ đột nhập chạy ngang phòng về phía chiếc cầu thang xoắn, Lockwood đuổi theo phía sau. Tôi nhảy qua những dải sinh chất vàng đang tan biến và áp sát hắn ta, vừa chạy vừa chém bừa vào bóng tối. Gã đàn ông kia chạy vượt cầu thang và xuyên qua khung vòm vào văn phòng phía trước. Trong thoáng chốc dáng hình của hắn in bóng giữa luồng sáng yếu ớt lọt vào qua cửa sổ, và tôi biết hắn đang định làm gì.

“Nhanh!” tôi hét lên. “Hắn ta định...”

Lockwood đã biết về mối nguy đó rồi; thậm chí ngay lúc đang chạy, cậu ấy đã với xuống thắt lưng, rút ra một ống Lửa Hy Lạp.

Kẻ xâm nhập tăng tốc, tiến tới gần bàn tôi. Hắn nhảy lên trên đó, đoạn giơ hai tay lên che mặt. Lao vào cửa sổ trong tư thế khom người, hắn xô vỡ lớp kính thành một cơn mưa mảnh vụn cuộn xoáy.

Lockwood chửi thề; từ phía đằng xa của văn phòng cậu ném ống pháo. Nó xuyên thẳng qua khung cửa sổ vỡ và rơi xuống sân. Chúng tôi nghe thấy tiếng chiếc ống vỡ ra trên nền đá. Ánh lửa màu trắng bạc bùng lên trong bóng đêm, hất những mảnh vụn của khung cửa sổ vỡ vào trong phòng. Chúng bắn lên bàn, va mạnh vào chiếc bình ma, làm cái đầu bên trong co rúm lại và giương mắt nhìn. Những mảnh kính vỡ như những viên nước đá văng khắp sàn nhà.

Lockwood nhảy bật lên bàn, kiểm cầm trong tay; tôi dừng khựng lại phía sau cậu. Chúng tôi không đi xa hơn nữa. Chúng tôi biết rằng mình đã quá trễ. Bên ngoài tầng hầm, những đốm lửa nhỏ màu trắng cháy bập bùng giữa những chậu hoa bị vỡ, nhảy múa rồi tắt dần như những ngọn đèn Giáng sinh trên đám dây thường xuân. Khói bốc lên về phía đường phố; đâu đó phía trên chúng tôi, rất nhiều tiếng còi xe hú lên đều đặn. Nhưng chẳng ích gì nữa. Kẻ đột nhập đã chạy thoát. Ở trên đầu cầu bậc thang, cánh cổng trước nhè nhẹ đung đưa. Dần dần nó dừng lại.

Lockwood nhảy trở lại xuống sàn nhà. Đằng sau chúng tôi, một hình dáng xuất hiện: George, vừa đau đón lê chân vừa ôm lấy một bên hàm, máu chảy từ một vết rách ở môi dưới. Tôi nở một nụ cười mệt mỏi đầy cảm thông với cậu trong khi Lockwood vỗ vỗ vào cánh tay cậu.

“Thú vị thật,” George mệt nhọc nói. “Chúng ta cần có khách ghé thăm thường xuyên hơn.”

Đột nhiên tôi cảm thấy đầu óc quay cuồng. Hai chân tôi bủn rủn; tôi dựa người vào bàn. Lần đầu tiên kể từ lúc trận chiến bắt đầu, tôi mới nhớ ra những cơn đau và cảm giác mệt mỏi còn sót lại từ cú ngã ở đường Sheen. Lockwood hẳn cũng có cảm giác suy sụp tương tự như thế. Phải mất hai, ba lần cậu mới dứt được kiếm trở lại thắt lưng.

“George,” cậu nói. “Sợi dây chuyền của Annabel Ward. Cậu nói cậu đã đặt nó cùng với các chiến lợi phẩm. Cậu đi xem xem nó còn đó không nhé?”

George đưa cổ tay áo chấm lên môi. “Không cần đâu. Tôi đã nghĩ tới điều đó rồi. Tôi vừa mới xem xong. Nó mất rồi.”

“Cậu có chắc cậu đã đặt nó lên giá không?”

“Mới sáng nay mà. Giờ chắc chắn nó không còn ở đó nữa.”

Một khoảng yên lặng. “Cậu nghĩ hẳn ta đến là vì nó hả?” tôi hỏi.

Lockwood thở dài. “Khả năng thế. Dù gì thì chắc chắn lúc này hẳn ta đã có được nó.”

“Không,” tôi nói. “Hẳn ta không có đâu.” Cùng lúc đó tôi kéo cổ áo sang bên, để lộ chiếc hộp thủy-tinh-bạc với mặt dây chuyền trong đó, an toàn treo trên dây đeo của nó quanh cổ tôi.

## CHƯƠNG 16

Tôi nghĩ có lẽ mình nên làm rõ rằng tôi không có sở thích giấu những vật bị ma ám trong người. Tôi chắc chắn không có những đồ tạo tác mang điềm gở khác nhồi trong tất, như George gợi ý. Sợi dây chuyền đó là vật kỳ quặc duy nhất tôi mang theo.

Tôi đã nhìn thấy nó vào buổi chiều hôm trước, khi chúng tôi chuẩn bị sẵn sàng cho nhiệm vụ chỗ cây liễu. George đã đặt nó trên giá chiến lợi phẩm cùng với những thứ kỳ quặc khác. Nó chỉ nằm đó, trong chiếc vỏ bảo vệ nhỏ bé, sáng lờ mờ đằng sau lớp thủy tinh. Và thay vì bỏ mặc nó ở đó, như bất kỳ người bình thường nào khác sẽ làm, thì tôi đã nhặt cái hộp lên, đeo nó quanh cổ và bước đi.

Lý giải *tại sao* tôi lại làm điều đó quả thật không hề dễ dàng, nhất là khi ở trong trạng thái như của tất cả chúng tôi sau trận chiến ấy. Bởi thế phải đến sau bữa ăn sáng rất muộn của ngày hôm sau tôi mới cố đưa ra những lý do của mình.

“Chỉ là tôi muốn giữ sợi dây chuyền trong tầm tay,” tôi nói. “Không phải tổng nó lên đó cùng với những chiến lợi phẩm khác. Tôi nghĩ đó là bởi những điều đã xảy ra khi tôi chạm vào nó, khi tôi có mối liên hệ tâm linh với Annie Ward. Những cảm giác tôi đã trải qua khi đó chính là những cảm giác *của cô ấy*. Tôi cảm thấy điều *cô ấy* đã cảm thấy; tôi đã thoáng có cảm giác mình *chính là cô ấy*. Bởi vậy...”

“Đó là nguy cơ ở Năng lực của cậu,” Lockwood nói cộc lốc. Buổi sáng hôm đó trông cậu xanh xao và rất nghiêm nghị; cậu nheo mắt nhìn tôi. “Có

thể nói cậu quá nhạy cảm. Cậu tới quá gần bọn họ.”

“Không đâu, đừng có hiểu nhầm tôi,” tôi nói. “Tôi không hề gần gũi với Annie Ward chút nào. Tôi nghĩ cô ấy chẳng phải là người đặc biệt hiền lành gì khi còn sống, và rõ ràng cô ấy là một hồn ma rất tàn độc và nguy hiểm. Nhưng nhờ Mạc lực của tôi, tôi *quả thật* phần nào hiểu được những điều cô phải trải qua. Tôi hiểu nỗi đau của cô ấy. Và điều đó có nghĩa tôi muốn giành lại công bằng cho cô ấy lúc này. Tôi không muốn cô ấy bị lãng quên. Cậu đã nhìn thấy cô ấy nằm trong lòng ống khói đó, Lockwood! Cậu biết điều Blake đã làm. Bởi thế khi tôi nhìn thấy sợi dây chuyền bị vứt cùng với những chiến lợi phẩm khác, việc đó dường như... với tôi việc đó dường như rất sai trái. Chẳng nào gã đàn ông đó chưa bị trừng phạt, và công lý chưa được thực thi một cách đúng đắn, tôi nghĩ chúng ta chưa nên... vứt bỏ cô ấy.” Tôi rầu rĩ cười với họ. “Đừng có nói với tôi... chuyện này hơi điên khùng nhỉ?”

“Chuẩn luôn,” George nói.

“Cậu cần phải cẩn thận, Lucy,” Lockwood nói, giọng cậu đều đều và lạnh lùng. “Không xem nhẹ những hồn ma tàn ác được đâu. Và cậu lại giữ bí mật nữa rồi, bất cứ thám tử nào làm như thế đều là mối nguy hiểm tiềm ẩn đối với những người còn lại. Không được có bất cứ người nào không đáng tin tưởng trong đội hình của tôi. Cậu hiểu điều tôi nói chứ?”

Tôi hiểu. Tôi nhìn ra chỗ khác.

“Mặc dù vậy...” cậu tiếp tục, bằng một giọng nhẹ nhàng hơn đôi chút, “tình cờ chuyện này hóa ra lại rất được việc. Sợi dây chuyền này có thể đã bị lấy trộm mất, nếu như không nhờ có cậu.”

Cậu cầm nó trong lòng bàn tay trong khi nói, bề mặt bằng vàng của mặt dây chuyền lấp lánh trong ánh mặt trời. Chúng tôi đang đứng trong tầng hầm, bên cạnh cánh cửa vườn để mở.

Không khí mát mẻ ùa vào, xua tan mùi thối rửa hôi nồng còn sót lại từ các Khách được giải phóng đêm hôm qua. Sàn nhà vương vãi đầy những mảnh kính vỡ và những vệt sinh chất. George đang xử lý những giá đựng chiến lợi phẩm, soát lại những chiếc hộp. Cậu đeo một chiếc tạp dề diềm thêu ren đơn giản, ống tay áo xắn lên. “Chẳng có thứ nào khác bị ăn trộm cả,” cậu nói, “nếu như đây là một tên trộm bình thường lấy đồ bán ra chợ đen thì điều này có vẻ hơi lạ. Có những thứ rất 'ngon lành' ở đây. Chẳng hạn như bàn tay cướp biển này, hoặc cái xương mác đáng yêu này...”

Lockwood lắc đầu. “Không. Hẳn ta muốn sợi dây chuyền cơ. Nếu không thì có quá nhiều điều trùng lặp tình cờ đấy. *Có ai đó* rất cần nó.”

“Hừm, chúng ta biết ai đó là ai mà,” tôi nói. “Hugo Blake.”

George ngắt lời tôi. “Chỉ có một vấn đề. Hiện tại lão đang bị tổng giam cơ mà.”

“Lão bị giam giữ,” Lockwood tán đồng, “nhưng điều đó không có ý nghĩa nhiều. Lão là người lắm tiền. Lão có thể dễ dàng thu xếp vụ đột kích. Nhưng tôi phải thú nhận tôi không hiểu rõ lắm tại sao sợi dây chuyền đó lại quan trọng với lão như vậy. Những chữ viết Latin trên đó chẳng thể chứng tỏ lão có tội, phải không nào?” Cậu lưỡng lự. “Trừ phi...”

“Trừ phi,” tôi nói, “sợi dây chuyền đó có chứa một đầu mối *khác* hoặc một bí mật mà Blake không muốn bị phát hiện ra.”

“Chính xác. Hãy cùng quan sát nó dưới ánh sáng ban ngày nào.”

Chúng tôi bước ra khu vườn nhỏ. Lockwood cầm sợi dây chuyền lên để chúng tôi xem xét. Nó có vẻ vẫn y nguyên như cũ: một mặt dây chuyền hình bầu dục làm bằng vàng với những vảy xà cừ, hơi bẹp và có đường xẻ dọc một bên.

Tôi chăm chú nhìn nó. Vết xẻ dọc một bên...

“Chúng ta ngớ ngẩn quá,” tôi kinh ngạc. “Nó lộ lộ ngay trước mắt chúng ta.”

Lockwood liếc nhìn tôi. “Có nghĩa là...”

“Có nghĩa là nó *phải* có một đường xẻ! Nó là *mặt dây chuyền mở được* mà. Nó mở được! Chúng ta có thể mở nó ra.”

Tôi lấy mặt dây chuyền từ tay cậu và ấn cạnh móng tay vào vết nứt hẹp đó. Tôi khê cậu ra. Cho dù mặt dây chuyền đã méo mó xẹo xọ, vẫn có một tiếng tách sượng tai vang lên gần như ngay lập tức; mặt dây chuyền tách làm hai nửa, xoay gọn ghẽ trên bản lề. Tôi mở hai nửa đó ra, giữ nó trong lòng bàn tay.

Tôi không biết mình đang chờ đợi điều gì, nhưng tôi tin rằng sẽ có *một điều gì đó*. Một túm tóc chẳng? Một tấm ảnh? Người ta vẫn cất giấu đủ thứ trong mặt dây chuyền kiểu này. Nó sinh ra để làm thế mà.

Cả ba đứa cùng nhìn trân trân vào hai nửa đã mở của mặt dây chuyền.

Chẳng có bất cứ sợi tóc nào. Hoặc một tấm ảnh, một vật lưu niệm hay một lá thư bé tí được gấp lại. Nhưng điều đó không có nghĩa bên trong mặt dây chuyền trống rỗng. Không. Có thứ gì đó ở bên trong.

Lại là một dòng chữ khác, được khắc gọn ghẽ ở bề mặt vàng nhẵn nhụi phía trong:

A (chèn kí tự đặc biệt) W

H.II.2.115

“Chính là nó đây,” Lockwood nói. “Đầu mỗi bí mật. Đây là thứ mà lão muốn che giấu.”

“Chữ AW này rõ ràng là Annabel Ward,” tôi nói.

“Còn chữ H là Hugo,” George thở thành tiếng. “Trong Hugo Blake ấy...”

Lockwood nhăn trán. “Như thế này tốt đấy. Nhưng hẳn còn phải có gì đó nữa. Những con số này thì sao? Đây là mã số gì đó chẳng...”

“Tốt hơn chúng ta nên chuyển nó cho DEPRAC,” tôi đột ngột nói. “Chúng ta không thể giữ nó. Đây là chứng cứ quan trọng mà cảnh sát cần phải thấy. Mà Blake lại biết nó ở đây.”

“Có lẽ cậu nói đúng,” Lockwood nói. “Mặc dù tôi *thực sự* không muốn dính dáng tới ông Barnes. Tôi muốn tự chúng ta khám phá chuyện này hơn. Nhưng...” Chuông điện thoại vang lên lạnh lạnh trong văn phòng. “Có lẽ chúng ta không có nhiều lựa chọn. Cậu trả lời điện thoại được chứ, George?”

George đi một lúc lâu. Tới khi cậu trở lại, Lockwood đã bỏ mặt dây chuyền trở lại hộp của nó và tôi đã bắt đầu quét những mảnh vụn rơi trên sàn nhà.

“Để tôi đoán,” Lockwood lên tiếng. “Lại là ông Barnes à?”

Mặt George hơi ửng hồng. “Không phải. Một khách hàng mới.”

“Chắc là một bà già với con mèo ma trên cây chứ gì?”

“Không. Còn cậu có thể để đấy đã, Lucy, và bắt đầu dọn dẹp ở trên tầng đi là vừa. Đó là ông John Fairfax, chủ tịch hội đồng quản trị của công ty Sắt Fairfax, và ông ấy đang đến đấy.”

Nhìn chung mọi người đều cho rằng Vấn đề đang bao trùm Anh quốc là một thứ không có lợi cho nền kinh tế. Những người chết quay trở lại để ám những người sống, ma hình xuất hiện sau khi trở tới - những việc như thế gây ra vô số hậu quả. Tinh thần và năng suất lao động suy giảm. Không ai muốn làm việc vào những ca muộn. Vào mùa đông, công việc kết thúc từ

giữa buổi chiều. Nhưng có những công ty vẫn ăn nên làm ra, bởi vì họ đáp ứng những nhu cầu sống còn. Một trong số đó là công ty sắt Fairfax.

Ở vị thế nhà sản xuất sản phẩm sắt hàng đầu từ khi cuộc khủng hoảng này chớm nổ ra, Sắt Fairfax đã ngay lập tức hăng hái bắt tay vào cung cấp ấn niêm phong, mặt sắt và dây xích cho Fittes và Rotwell. Khi Vấn đề trở nên tồi tệ hơn, và chính phủ bắt đầu sản xuất hàng loạt đèn ma, cũng chính sắt Fairfax đã cung cấp khối lượng kim loại khổng lồ cần thiết. Chỉ nguyên thương vụ này đã đảm bảo lợi nhuận cho công ty. Nhưng tất nhiên vẫn còn nhiều hơn thế nữa. Những thần lùn xấu xí bằng sắt mà người ta đặt rải rác quanh vườn nhà mình chẳng hạn? Hay những chiếc vòng cổ Protecto™ không hợp thời trang? Những chiếc vòng tay bằng nhựa với những hình mặt cười bằng sắt được đeo vào cổ tay các em bé sơ sinh trước khi chúng rời khỏi bệnh viện nữa? Tất cả đều là sản phẩm của Fairfax.

Ông chủ của công ty, John William Fairfax, nhờ đó trở thành một trong những người giàu có nhất đất nước này, ngang hàng với những nhà tư bản, những người thừa kế của Marissa Fittes và Tom Rotwell, và với cái tay sở hữu những trang trại oải hương mênh mông ở Lincolnshire Wolds. Fairfax sống đâu đó tại London, và chỉ cần ông ta búng tay một cái, bộ trưởng đang tại vị của bất cứ chính phủ nào cũng sẽ ba chân bốn cẳng chạy tới nhà ông ta.

Giờ ông ta đang đích thân tới đây.

Các bạn yên tâm đi, chúng tôi đã dọn dẹp phòng khách nhanh gấp đôi bình thường.

Vài phút sau tiếng một chiếc xe lớn đã ầm ì vang lên từ ngoài phố. Tôi nhìn ra, thấy một chiếc Rolls-Royce bóng loáng đang từ từ dừng lại. Chiếc xe dường như choán hết cả con đường. Nó có những tấm lưới kim loại tráng bạc sáng bóng bọc ở các cửa sổ, và những gân bạc chạy dọc hai bên hông

xe. Trên nắp ca pô, một hình tạc nhỏ bằng bạc sáng lấp lánh dưới ánh nắng mùa đông.

Tài xế bước ra; vượt phẳng bộ đồng phục màu xám đậm của mình rồi đi vòng quanh chiếc xe tới mở cửa sau. Tôi thụt lại vào bên trong, nơi Lockwood đang điên cuồng đập phồng những chiếc gối tựa, còn George phúi những vụn bánh bên dưới ghế xô pha. “Ông ấy đến rồi,” tôi rít lên.

Lockwood hít một hơi thật sâu. “Được rồi. Hãy cố tạo ấn tượng tốt nhé.”

Chúng tôi đứng dậy khi ông John Fairfax bước vào căn phòng dù điều đó cũng chẳng tạo ra mấy khác biệt. Ông ta là người rất cao và gầy. Ông ta cao hơn hẳn tôi, cao hơn hẳn Lockwood. George, đi ngay theo sau ông ta, hoàn toàn lọt thỏm trong cái bóng của ông ta. Cho dù ở tuổi bảy mươi hay tám mươi, hoặc bất cứ độ tuổi nào của ông ta hiện thời, thì ông ta cũng có vóc người rất ấn tượng, như thể một con tàu khổng lồ ta thường thấy ở bến cảng Southampton. Tuy vậy tay chân ông ta lại rất gầy và thừa thãi. Hai bên tay chiếc áo khoác dài bằng tơ lụa của ông ta rộng thùng thình; đôi chân của ông ta, cho dù có chiếc gậy chống đỡ cho, vẫn run lập cập khi ông ta bước đi. Ấn tượng tức thì của tôi về ông ta là một sự kết hợp kỳ dị giữa sức mạnh và sự yếu đuối. Trong một căn phòng đông nghẹt người, chắc chắn không ai có thể bỏ qua ông ta.

“Xin chào ngài,” Lockwood nói. “Đây là Lucy Carlyle, trợ lý của cháu.”

“Rất vui được gặp cô cậu.” Một giọng trầm cất lên, một cánh tay chìa ra to lớn và bao bọc. Từ trên cao, ông ta nghiêng cái đầu lớn vuông vắn, trơn nhẵn và lăm chấm đôi môi về phía tôi. Ông ta có cái mũi khoằm, đôi mắt đen sáng rực; cặp lông mày rậm. Khi ông ta cười (nó chẳng giống một nụ cười là mấy; chỉ là vẻ mặt tỏ ý xác nhận sự tồn tại của tôi thì đúng hơn), tôi

nhìn thấy những chiếc răng bọc bạc. Đó là một khuôn mặt đã quen với quyền lực và mệnh lệnh.

“Rất vui được gặp ngài,” tôi nói.

Chúng tôi ngồi xuống. Vị khách của chúng tôi choán hết cả chiếc ghế của ông ta. Gậy của ông ta làm bằng gỗ gụ với tay cầm bịt sắt hình đầu chó: có lẽ là chó ngao hoặc chó bun. Ông ta để nó dựa vào đầu gối và xòe tay ra trên thành ghế.

“Thật là vinh dự khi được đón ngài ở đây,” Lockwood nói. “Ngài muốn uống trà chứ ạ?”

Ông Fairfax gật đầu, âm ừ tỏ ý đồng tình. “Bữa Sáng Của Pitkins, nếu cậu có loại trà đó. Bảo người phục vụ của cậu mang cả đường nữa nhé.”

“Người phục vụ của cháu? À, vâng. Cậu đi đi, George. Lấy trà cho tất cả mọi người nhé.”

George, lúc này đã quên không cởi tạp dề ra, quay gót rời khỏi phòng, mặt không biểu lộ gì.

“Thế này nhé, Lockwood,” ông John Fairfax nói, “tôi là một người bận rộn, và vì cô cậu có thể đang băn khoăn vì sao tôi lại tới nhờ cậy cô cậu mà không báo trước vào một buổi sáng thứ Sáu như thế này, chúng ta sẽ bỏ qua màn xã giao mà đi thẳng vào công việc nhé. Tôi đang gặp rắc rối với một vụ ma ám. Nếu cô cậu giúp được, tôi sẽ tưởng thưởng xứng đáng.”

Lockwood nghiêm trang gật đầu. “Chắc chắn rồi, thưa ngài. Chúng cháu rất sẵn lòng.”

Vị khách của chúng tôi đưa mắt nhìn quanh căn phòng. “Cô cậu có ngôi nhà đẹp đấy. Bộ sưu tập đồ đuổi ma của người New Guinea tuyệt vời đấy... Công việc tốt chứ hả?”

“Cũng tương đối thôi, thưa ngài.”

“Cậu nói dối như một chính trị gia ấy, Lockwood ạ,” ông già bật lại. “Rất trơn tru và tự nhiên. Mẹ tôi, Chúa phù hộ cho linh hồn bà và cầu mong linh hồn bà ngủ yên khi đêm xuống, đã bảo tôi hãy nói chuyện thẳng thắn và trung thực với tất cả mọi người. Tôi đã nghe theo lời khuyên của bà suốt cuộc đời mình. Bởi thế, thôi nào” - ông ta dùng bàn tay to lớn của mình vỗ vỗ vào đầu gối - “chúng ta sẽ làm việc dễ dàng hơn nhiều nếu chúng ta cởi mở với nhau! Công việc của cô cậu *không* tốt. Tôi đã đọc báo rồi! Tôi biết cô cậu đang gặp khó khăn về tài chính... cụ thể là do vụ cô cậu đốt rụi nhà người ta.” Ông ta cười khùng khục, một tiếng dội khô khốc vọng lại. “Cô cậu phải trả một món nợ rất lớn.”

Má Lockwood giật nhẹ; ngoại trừ điểm đó ra thì cậu không biểu lộ dấu hiệu khó chịu nào. “Không sai, thưa ngài, dù cháu đã đang gom tiền rồi. Chúng cháu có nhiều vụ xuất sắc khác, mang lại cho chúng cháu thu nhập tốt.”

Ông Fairfax phẩy tay. “Lại bịa rồi, cậu Lockwood! Tôi phải nói với cậu rằng tôi có các nguồn tin ở DEPRAC và tôi đã đọc hồ sơ mới nhất của các cậu. Tôi biết quy mô và chất lượng của những vụ 'xuất sắc' đó. Sương Xám, Trinh Nữ Lạnh, Sương Liễn Thoảng! Những Loại Một yếu ớt và tẻ nhạt nhất người ta có thể tưởng tượng ra! Tôi ngạc nhiên khi thấy cậu có thể kiếm đủ tiền để trả cho cô Carlyle đây.”

Ngẫm ra thì ông ta nói có lý. Tháng này tôi *chưa* được trả lương.

Lockwood quắc mắt. “Nếu như vậy, thưa ngài, thì cháu có thể hỏi sao ngài lại đến với chúng cháu hôm nay chứ? Có rất nhiều công ty thám tử khác ở London mà.”

“Đúng là có rất nhiều.” Ông Fairfax nhướn cặp lông mày rậm và ghim chặt cả hai chúng tôi trong đôi mắt hạt huyền của ông ta. “Nhưng cũng tình cờ là sự nổi tiếng gần đây của cô cậu xung quanh vụ đó đã thu hút được sự

ưu ái của tôi. Tôi ấn tượng bởi các cô cậu không chỉ tìm thấy xác của...” Ông ta ngập ngừng. “Tên cô gái đó là gì nhỉ?”

“Annie Ward, thưa ngài.”

“Của Annie Ward, mà còn khám phá được cả danh tính của cô ấy nữa. Tôi thích sự phô trương của cô cậu, tôi thích việc cô cậu chú ý tới từng chi tiết nhỏ. Tôi cũng thích tuổi trẻ và tư duy độc lập của cô cậu!” Người đàn ông lớn tuổi chống gậy và nghiêng người ra trước. Một biểu cảm mới mẻ trên khuôn mặt ông ta: không hân hỉ ấm áp, mà chính xác hơn là một thứ gì đó nhiệt thành mãnh liệt. “Tôi cũng bắt đầu với tư cách là một kẻ ngoại đạo, cậu Lockwood ạ. Khi còn trẻ tôi đã phải cố gắng vất vả để tiến bước. Tôi chiến đấu chống lại các công ty lớn, lòng biết rõ những giai đoạn khó khăn vẫn còn nằm phía trước... Tôi hiểu sự đam mê thúc đẩy cậu hằng ngày! Hơn nữa, tôi cũng không có hứng thú đổ thêm nhiều tiền cho Fittes hay Rotwell nữa. Họ đã đủ giàu có rồi. Không, tôi đề nghị cho cô cậu một cơ hội mà cô cậu chưa từng mơ đến, để xem cô cậu có thể đem Năng lực của mình để đối đầu với một vấn đề khác biệt hơn, nguy hiểm hơn hay không... À, anh bạn của cậu quay trở lại rồi đấy.”

George đã trở lại, cậu bưng một chiếc khay trên đó xếp một bộ đồ trà tôi chưa từng nhìn thấy trước đó. Tất cả đều là đồ sứ xương điểm những bông hoa nhỏ màu hồng, kiểu chén điệu đà mỏng manh tới nỗi người ta sợ nó sẽ vỡ vụn ngay khi đưa lên môi. Hiệu ứng trang nhã, sang trọng đó đã bị suy giảm đôi chút vì một đồng lênh khênh những chiếc bánh rán nhân mứt béo ú đặt trên chiếc đĩa cạnh đó.

“Cảm ơn, George,” Lockwood nói. “Cậu đặt nó xuống đây.”

George đặt chiếc khay xuống bàn, rót trà và mời mọi người ăn bánh rán. Bởi không ai khác lấy bánh, cậu rút chiếc to nhất từ dưới đáy chồng bánh, mó tay vào hầu hết những chiếc bánh khác trong lúc rút nó ra, thả phịch nó

vào một chiếc đĩa rồi ngồi xuống cạnh tôi với vẻ thỏa mãn không giấu giếm. “Dịch vào nào,” cậu nói. “Tôi có bỏ lỡ điều gì không?”

Ông già tròn mắt. “Cậu Lockwood, đây là một cuộc bàn bạc quan trọng! Người của cậu nên đợi ở bên ngoài.”

“Dạ, thực ra cậu ấy không phải người phục vụ, thưa ngài. Đây là George Cubbins. Cậu ấy làm việc cùng cháu.”

Ông Fairfax dò xét nhìn George trong khi cậu còn đang bận rộn liếm mứt trên những ngón tay. “Tôi hiểu rồi... Hừm, thế thì tôi không nên chậm trễ thêm nữa.” Ông ta thò một tay vào trong túi áo khoác và lóng ngóng lục lọi trong đó. “Hãy xem cái này.” Ông ta thấy một tấm ảnh nhàu nhĩ lên mặt bàn.

Một ngôi nhà. Không chỉ là một ngôi nhà bình thường: đó là một tòa dinh thự ở miền quê, được xây dựng trên một khoảnh đất rộng. Bức ảnh được chụp từ khoảng cách xa, ở phía bên này một bãi cỏ được cắt tỉa rất đẹp. Những rặng liễu và những luống hoa trải dài bên rìa bãi cỏ, và có lẽ còn có một cái hồ, nhưng tòa nhà ở phía xa kia án ngữ tất cả - một khối cao, sẫm màu nhiều tầng. Ta có thể nhìn thấy những hàng cột và cầu thang chính uốn lượn, và vô số những ô cửa sổ hẹp được sắp đặt chẳng theo quy tắc nào, nhưng tuổi chính xác và bản chất của tòa nhà thì rất khó đoán. Bức ảnh dường như được chụp từ lúc rất sớm hoặc vào lúc rất muộn. Mặt trời đã ở đâu đó phía sau tòa nhà, và những cái bóng dài đen đúa của rất nhiều những ống khói cổ xưa vươn ra trên bãi cỏ như những ngón tay muốn túm lấy thứ gì đó.

“Dinh thự Combe Carey,” ông Fairfax nói, uốn lưỡi phát âm từng chữ. “Ở Berkshire, ngay phía Tây London. Các cô cậu đã nghe nói về nó chưa?”

Chúng tôi lắc đầu. Chưa đứa nào trong chúng tôi từng nghe tới.

“Không, nó không hề nổi tiếng, nhưng có lẽ nó là tư dinh bị ám kinh khủng nhất nước Anh. Tôi tin rằng nó cũng có thể là dinh thự chết chóc nhất nữa. Theo hiểu biết có hạn của tôi, bốn chủ sở hữu trước đây của bất động sản này đã chết tại đó do những ma hình của nó. Cũng có rất nhiều người hầu, khách khứa và những người khác đã sợ đến chết, hoặc bị ma chạm, hoặc vì những nguyên do khác mà chết ở trong tòa nhà hoặc trên mảnh đất này...” Ông ta khẽ cười một cái khô khốc. “Hừm, danh sách thì còn dài. Trên thực tế, nơi đó đã bị đóng cửa ba mươi năm trước sau một vụ ghê gớm kiểu như thế, và đã không được mở cửa trở lại cho tới tận gần đây, khi nó trở thành sở hữu của tôi.”

“Ngài sống ở đó à?” tôi hỏi.

Mái đầu nghiêng nghiêng, đôi mắt sẫm lấp láy nhìn tôi. “Nó không phải tài sản *duy nhất* của tôi, nếu đó là điều cô muốn hỏi. Tôi thi thoảng tới thăm nơi này. Tòa dinh thự đã rất lâu đời rồi. Nguồn gốc của nó là một tu viện, được thành lập bởi một nhóm các tu sĩ ly khai khỏi một tu viện khác ở vùng đó. Những viên đá đặt ở trung tâm của Chái Tây đã có từ giai đoạn đó. Sau đó các lãnh chúa địa phương đã luân phiên sở hữu nó, xây dựng lại và sửa chữa các phế tích, trước khi nó có diện mạo như hiện tại vào khoảng thế kỷ 18. Về mặt kiến trúc nó là một mớ hỗn tạp kỳ quặc - những lối đi chẳng dẫn đi đâu cả hay lặp lại chính chúng, cách thay đổi độ cao kỳ quặc... Nhưng liên quan đến vấn đề chúng ta đang bàn, tòa dinh thự đã luôn mang tiếng xấu về điềm gở. Những câu chuyện về Khách ở đó đã xuất hiện từ nhiều thế kỷ trước rồi. Nói tóm lại, nó là một trong số những nơi mà hiện tượng ma ám đã hiện diện rất lâu trước khi Vấn đề bùng phát. Người ta nói rằng...”

“Có phải có người đang nhìn từ trong ra không ạ?” George đột ngột hỏi. Cậu đã nghiên cứu kỹ càng bức ảnh trong khi ông già nói chuyện, chăm chú sẫm soi nó qua cặp mắt kính dày cộp tròn xoe. Giờ cậu nhặt nó lên, và dùng một ngón tay mập mạp, chỉ vào một chấm trên bức tường chính

của ngôi nhà. Lockwood và tôi cúi sát người lại, nhìn trần. Cao cao phía bên trái của cổng vào, một vết khía hình tam giác cho thấy sự hiện diện của một ô cửa sổ hẹp. Có một vết mờ màu xám nhạt bên trong vết khía đó, mờ đến mức gần như không thể nhìn thấy.

“À, cậu cũng nhận thấy cái đó hả?” ông Fairfax nói. “Đúng vậy, trông giống một bóng người, phải không? Đứng ngay ở bên trong. Điều gây tò mò là, bức ảnh này được chụp vài tháng *trước khi* tôi tiếp quản bất động sản này. Ngôi nhà đã bị đóng cửa. Không có ai sống ở đó cả.”

Ông ta nhấp một ngụm trà, đôi mắt đen hấp háy. Một lần nữa, tôi nghĩ tôi đã dò thấy nét hài hước trong tính cách của ông ta, như thể ông ta thấy một niềm vui thú nào đó từ vết mờ kia và những ẩn ý của nó.

“Bức ảnh này được chụp vào lúc nào ạ?” tôi hỏi.

“Lúc sắp hoàng hôn. Mặt trời đang lặn, như các cô cậu có thể thấy đấy.”

Nãy giờ mặt Lockwood luôn ánh lên niềm phấn khích bị đè nén hiếm thấy. Cậu khom người cúi về phía trước, hai khuỷu tay xương xẩu chống lên trên hai đầu gối, hai tay chắp vào nhau, từng thớ thịt đều căng lên niềm thích thú. “Ngài hãy nói với chúng cháu về hiện tượng ở đó đi,” cậu nói. “Ý cháu là chúng đã hiện hồn như thế nào.”

Ông Fairfax đặc cốc của mình xuống bàn và ngồi ngả ra sau thở dài, một bàn tay to lớn nắm lấy chiếc gậy chống đầu bịt sắt; tay kia phe phẩy khi ông ta nói. “Tôi là một lão già. Tôi chẳng thể tự mình nhìn thấy các ma hình nữa, và theo quy luật chung, tôi cũng chẳng cảm thấy được chúng. Nhưng cái vẻ độc địa của ngôi nhà này thì rất hiển hiện kể cả với tôi. Tôi cảm thấy nó ngay khi tôi bước qua cửa, tôi nếm thấy nó trong miệng mình. Đó là một thứ không khí bệnh hoạn, cậu Lockwood ạ, nó làm cho linh hồn ta cạn kiệt. Nói cụ thể...” Ông ta dựa người một chút vào cây gậy, khẽ điều chỉnh tư thế như thể xương khớp đau nhức. “Hừm, có rất nhiều câu chuyện. Chúng ta có

thể hỏi quản gia Bert Starkins; ông ấy dường như biết tất cả những câu chuyện đó. Nhưng hiển nhiên hai câu chuyện nổi tiếng khắp vùng - những vụ ma ám chủ chốt, các cô cậu biết đấy - có liên quan tới Căn Phòng Đỏ và Cầu Thang Gào Thét.”

Không gian lặng phắt, chỉ đột ngột bị phá vỡ bởi tiếng ùng ục lớn phát ra từ bụng George. Nó không đủ để làm vữa từ trần nhà rơi xuống, nhưng cũng gần như thế.

“Cháu xin lỗi,” cậu vui vẻ nói. “Đói quá. Cháu nghĩ cháu sẽ ăn thêm một chiếc bánh rán nữa, mọi người không phiền chứ. Có ai lấy thêm không nào?” Chẳng ai buồn để ý tới cậu. Cậu với ra chiếc đĩa.

“Căn Phòng Đỏ ư?” tôi hỏi.

“Cầu Thang Gào Thét ư?” Lockwood dịch ra phía trước trên ghế của mình. “Ngài Fairfax, xin hãy kể thêm cho chúng cháu đi.”

“Tôi rất vui khi thấy các cô cậu hứng thú đến vậy,” ông già nói. “Tôi có thể thấy việc tôi đánh giá cao các cô cậu là đúng đắn. Hừm, Căn Phòng Đỏ là một phòng ngủ trên tầng hai ở Chái Tây của tòa nhà. Ít nhất nó *đã từng* được dùng làm phòng ngủ. Bây giờ thì không. Bây giờ nó hoàn toàn trống không. Đó là một trong những nơi mà sự hiện diện của thể lực siêu nhiên mạnh mẽ tới độ gieo thảm họa cho tất cả những người tới thăm nó. Không ai có thể ở đó qua đêm mà còn sống sót - hoặc ít nhất người ta đồn như vậy.”

“Ngài đã từng đến đó chưa ạ?” Lockwood hỏi.

“Tôi *đã từng* nhìn vào đó. Ban ngày, tất nhiên rồi.”

“Và không khí ở đó...?”

“Nặng nề, cậu Lockwood ạ. Nặng một vẻ tà ác.” Ông lão ngật đầu ra sau, đoạn nhìn xuống chúng tôi qua chiếc mũi khoằm to tướng. “Và tôi có lý do hợp lý để tin vào năng lượng của căn phòng này, lát nữa tôi sẽ nói với

các cô cậu sau. Và rồi có vụ Cầu Thang Gào Thét. Đối với tôi, đây còn là câu chuyện bí ẩn hơn. Đoạn cầu thang ấy dẫn từ phòng trưng bày dài, ở tầng một, lên tới chiều nghỉ. Nó được làm bằng đá và đã rất lâu đời rồi. Bản thân tôi chưa từng trải qua bất cứ cảm giác xấu nào trên những bậc thang đó, và tôi không thấy có bất cứ ai từng cảm thấy thế. Nhưng chuyện kể rằng rất lâu trước đây người ta đã chứng kiến những nỗi kinh sợ khủng khiếp, và rằng linh hồn của những người có liên quan đã bị nhốt ở trong đó. Vào những lúc nhất định, có lẽ khi năng lượng của những Khách đó đạt đỉnh điểm, có lẽ khi chúng cảm thấy sự hiện diện của một nạn nhân mới, ta có thể nghe thấy tiếng hú hét điên cuồng của chúng. Nó phát ra từ chính những bậc thang.

Lockwood nói khẽ. “Chính chiếc cầu thang gào thét sao?”

“Có vẻ thế. Tôi thì chưa từng nghe thấy.”

“Về Căn Phòng Đỏ...” George đang ăn nốt chiếc bánh rán của mình; cậu dừng lại và nuốt. “Ngài nói nó ở tầng hai sao? Có phải nó cùng tầng với khung cửa sổ trong bức ảnh không ạ?”

“Đúng vậy... Tôi nghĩ nó ở khoảng chừng đó. Phiên cậu không làm đường vương ra bức ảnh được chứ? Tôi không có bức khác đâu.”

“Cháu xin lỗi.”

“Chuyện này thật thú vị,” Lockwood nói. “Từ những điều ngài nói, có nhiều hơn một Khách trong tòa nhà này. Nhiều hơn một Nguồn. Nói cách khác là cả một cụm ma. Ngài tin điều đó là thực chứ?”

“Chắc chắn rồi,” ông Fairfax nói. “Tôi có thể cảm thấy chúng.”

“Vâng, nhưng chuyện bắt đầu như thế nào? Hẳn phải có một sự kiện mấu chốt nào đó, một tấn thảm kịch chủ chốt nào đó đã khởi nguồn cho tất cả... Nó đặt ra câu hỏi - Khách nào là đầu tiên?” Lockwood gõ những đầu ngón tay vào nhau. “Bây giờ ngôi nhà trống không chứ ạ?”

“Khu Chái Tây thì chắc chắn là trống không, vì đó là nơi tập trung các mối nguy hiểm. Người của tôi, ông Starkins, đã coi sóc ngôi nhà trong nhiều năm. Ông ấy sống ở một ngôi nhà gần đó.”

“Còn *ngài* thì ở đâu khi ngài tới thăm nơi đó?”

“Tôi có một khu ở Chái Đông, nơi đó khá hiện đại. Nó có cổng vào riêng, và cách biệt với khu vực chính của tòa nhà bằng những cánh cửa sắt ở tất cả các tầng. Tôi đã tự mình lắp đặt chúng, cùng với tất cả những thứ phòng vệ tốt nhất có thể, và giấc ngủ của tôi chưa từng bị quấy rầy.” Tới lượt ông già nhìn tất cả chúng tôi chăm chăm. “Tôi không phải kẻ nhát gan, nhưng tôi sẽ không vì bất cứ duyên cớ nào mà ngủ đêm một mình ở chái nhà cũ của dinh thự Combe Carey. Tuy vậy,” - ông ta âu yếm lần ngón tay trên con chó bun bằng sắt - “đó chính là điều tôi muốn *các cô cậu* làm.”

Tim tôi giật thót. Tôi chỉnh trang một chút chiếc váy của mình, nhưng ngoài ra thì vẫn ngồi bất động. Mắt Lockwood sáng rực lên. George, vẫn như mọi khi, không biểu lộ cảm xúc gì ra mặt; cậu chậm chậm tháo kính và lau mặt kính lên vạt áo trước. Chúng tôi chờ đợi.

“Các cô cậu không phải những người đầu tiên thử sức đâu,” ông Fairfax tiếp tục. “Những câu hỏi mà cậu Lockwood vừa mới đặt ra cũng đã nảy ra trong trí óc của người chủ trước. Ba mươi năm trước ông ta đã quyết định điều tra, và thuê một đội nhỏ từ công ty thám tử Fittes - một cậu thiếu niên, một cô gái và một giám sát viên trưởng thành của họ - để tiến hành khảo sát sơ bộ. Họ đồng ý ở qua đêm trong ngôi nhà, tập trung sự chú ý vào nơi được gọi là Căn Phòng Đỏ. Hừm, họ đã tuân theo những quy trình chuẩn. Cánh cửa chính của ngôi nhà được để mở không khóa để họ có lối thoát dễ dàng. Họ lắp một đường điện thoại nội bộ ở chính Căn Phòng Đỏ; nó được kết nối với điện thoại ở nhà Bert Starkins, để kêu gọi sự giúp đỡ khi cần thiết. Tất cả bọn họ đều là những thám tử có nhiều kinh nghiệm. Người chủ

nhà đã để họ ở lại đó lúc hoàng hôn. Một vài giờ sau, khi đi ngủ, ông Starkins nhìn thấy ánh đèn pin diêm tĩnh rọi vào các cửa sổ các tầng trên. Quãng nửa đêm điện thoại của ông quản gia bắt đầu đổ chuông. Ông ấy bốc điện thoại: đó là người giám sát. Ông ta nói rằng đã bắt đầu có một vài hiện tượng lạ, và rằng ông ta muốn kiểm tra xem kết nối điện thoại có hoạt động tốt không. Ngoài ra tất cả mọi thứ đều ổn. Ông ta khá bình tĩnh. Ông ta gác máy, và ông Starkins lên giường đi ngủ. Điện thoại không đổ chuông trong đêm đó nữa. Vào buổi sáng, khi Starkins và người chủ nhà gặp nhau ở bậc thềm trước, đội của Fittes đã không xuất hiện. Lúc bảy rưỡi họ bước vào trong nhà. Ở đó im lặng như tờ; khi họ gọi không có ai đáp lại. Tất nhiên họ biết mình phải đi đến đâu; khi họ mở cánh cửa vào Căn Phòng Đỏ, họ tìm thấy người giám sát nằm úp mặt xuống đất bên cạnh điện thoại. Ông ta bị ma chạm và đã chết rồi. Cô con gái thì ở phía đằng kia căn phòng, cuộn người cạnh một cửa sổ. Tôi nói *cuộn người*: cô ấy bị cuộn chặt tới nỗi họ không thể gỡ cô ấy ra để nhìn mặt hoặc kiểm tra mạch của cô ấy. Chuyện đó cũng chẳng quan trọng gì lắm. Tất nhiên là cô ấy cũng đã chết cứng rồi. Tôi rất tiếc khi nói rằng người ta đã không biết được điều gì xảy ra với cậu con trai.”

“Ý ông là họ không thể biết được cậu ấy chết như thế nào ư?” George hỏi.

“Ý tôi là họ không tìm được cậu ấy.”

“Xin lỗi ngài,” Lockwood nói, “nhưng khi người đàn ông đó gọi điện vào lúc nửa đêm, ông ta có nói hiện tượng mà họ đang trải qua là gì không?”

“Không. Ông ta không nói.” Ông Fairfax lấy một chiếc đồng hồ quả quýt từ trong túi áo choàng và xem giờ rất nhanh. “Thời gian trôi nhanh quá. Mười lăm phút nữa tôi phải đến Pimlico! Tốt lắm, vào thẳng vấn đề nhé. Như tôi đã nói đấy, công ty thám tử của các cô cậu đã thu hút được sự

chú ý của tôi; tôi rất ngạc nhiên và hứng thú trước khả năng của các cô cậu. Bởi thế: đây là lời đề nghị của tôi cho các cô cậu. Tôi sẽ chuẩn bị trả khoản phí tổn trong vụ đường Sheen cho các cô cậu. Như thế những hậu quả do vụ cháy gây ra sẽ được khắc phục, và DEPRAC sẽ im miệng. Để giành được 60.000 bảng, các cô cậu chỉ cần dồn hết sức cho vụ điều tra này. Thực ra tôi sẽ chuyển tiền vào tài khoản của các cô cậu ngay khi các cô cậu đặt chân tới tòa dinh thự. Thêm vào đó, nếu các cô cậu làm sáng tỏ được những bí ẩn của nó, và xác định được Nguồn trong đó, tôi sẽ trả thêm cho các cô cậu một khoản hậu hĩnh. Giá tính tiền chuẩn của các cô cậu là bao nhiêu?”

Lockwood đưa ra một con số.

“Tôi sẽ trả gấp đôi thế. Combe Carey, tôi có thể đảm bảo với các cô cậu, là không thể xem nhẹ được đâu.” Ông Fairfax nắm lấy chiếc đầu chó và lê chân lên trước, chuẩn bị đứng dậy. “Còn một điều nữa: khi tôi cần điều gì, tôi hành động rất mau chóng. Tôi muốn hai ngày nữa các cô cậu đến đó.”

“Hai ngày ư?” George nói. “Nhưng chúng cháu cần thời gian để...”

“Để tôi nói luôn với các cô cậu thế này,” ông Fairfax nói, “đề nghị đó của tôi không phải để thương lượng. Các cô cậu không ở vị trí có thể đặt điều kiện. Ồ, tôi còn có một quy định nữa. Không được mang pháo hay thiết bị nổ vào tòa nhà đó, vì ở đó có chứa rất nhiều cổ vật và đồ đạc có giá trị. Không phải tôi không tin các cô cậu, nhưng thứ lỗi cho tôi” - những chiếc răng bọc bạc sáng lấp lánh - “tôi không muốn gia sản của tôi bị thiêu rụi.” Tiếng kéo kẹt vang lên từ chiếc ghế; ông ta đứng dậy, cao lừng lững bên cạnh chúng tôi trên đôi chân gầy guộc như thể một con côn trùng khổng lồ. “Tốt lắm. Tất nhiên tôi không yêu cầu các cô cậu phải đưa ra quyết định ngay lúc này. Hãy cho tôi biết vào cuối ngày. Có số điện thoại thư ký của tôi trên danh thiếp này.”

Tôi ngồi trở lại vào ghế xô pha, thở dốc. Chắc hẳn ông ta sẽ không có được câu trả lời ngay lập tức rồi. Thám tử của Fittes là những người giỏi nhất, tất cả chúng tôi đều biết điều đó. Và ba người của họ đã chết ở dinh thự Combe Carey! Theo họ vào đó mà không có thời gian chuẩn bị thỏa đáng thì cũng gần như mất trí vậy. Căn Phòng Đỏ ư? Cầu Thang Gào Thét ư? Đúng, số tiền mà ông Fairfax đề nghị có thể cứu được công ty của chúng tôi, nhưng có ích gì nếu chúng tôi mất mạng? Không nghi ngờ gì nữa: chúng tôi cần thảo luận chuyện này một cách *vô cùng* kỹ càng.

“Cảm ơn ngài rất nhiều,” Lockwood nói, “nhưng cháu có thể trả lời ngài luôn. Chắc hẳn chúng cháu sẽ nhận vụ này.” Cậu đứng dậy và chìa tay ra. “Chúng cháu sẽ sắp xếp để đến đó ngay khi có thể. Chiều Chủ nhật có được không ạ?”

**PHẦN 4**

**DINH THỰC**

## CHƯƠNG 17

Có thể nói rằng chúng tôi, tôi và George, có những khác biệt trong những tháng ngày tôi làm việc ở Lockwood & Đồng sự. Chúng tôi cãi nhau suốt về những thứ to tát (chẳng hạn như khi một đứa có cái mặt đầy muỗi hoặc suýt bị phạt mất mảng da đầu bởi đường vung kiếm loạn xạ của đứa kia), và chúng tôi đấu đá về những thứ nhỏ nhặt (phân công giặt đồ, dọn dẹp nhà bếp, thói quen để bình ma ở những nơi không ngờ đến của George, chẳng hạn như đằng sau cửa nhà vệ sinh). Chúng tôi đối đầu nhau trong hầu hết mọi thứ. Điều mà chúng tôi cơ hồ chưa bao giờ làm là về cùng phe với nhau trong một cuộc tranh luận.

Buổi trưa hôm đó, sau khi ông Fairfax đi khỏi, là một trong những dịp hiếm hoi như thế.

Ngay khi chiếc Rolls-Royce rền rền chạy đi, cả hai chúng tôi quây lấy Lockwood vì đã không tham khảo ý kiến của chúng tôi trước khi quyết định. Tôi nhắc cho cậu nhớ về tai tiếng của dinh thự đó. George tranh cãi rằng chúng tôi cần ít nhất nửa tháng, và tốt hơn là cả một tháng, để có thể nghiên cứu một cách thỏa đáng về lịch sử của nó. Bất cứ khoảng thời gian nào ít hơn thế đều không khác gì tự sát.

Lockwood vui vẻ lắng nghe chúng tôi mà không ngắt lời. “Các cậu nói xong chưa?” cậu nói. “Tốt lắm. Có ba điểm. Thứ nhất: đây có lẽ là cơ hội duy nhất của chúng ta để cứu công ty trước khi chúng ta phá sản. Chúng ta có thể trả cho nhà bà Hope một lần xong luôn và thoát khỏi DEPRAC. Đó là một cơ hội đặc biệt và đơn giản là chúng ta không thể bỏ qua được. Thứ hai: tôi là người điều hành ở đây, và những quyết định của tôi phải được

tuân thủ. Thứ ba: chẳng phải đây là công việc hấp dẫn nhất chúng ta từng có sao? Cầu Thang Gào Thét? Căn Phòng Đỏ? Thôi nào các cậu! *Cuối cùng* chúng ta đã có được một công việc xứng đáng với tài năng của chúng ta! Các cậu có muốn suốt phần đời còn lại đi đánh hơi những Bóng buồn tẻ ở vùng ngoại ô không? Đây là thứ thực sự ra trò! Không nhận vụ này có thể coi là tội ác đấy.”

Cách lập luận của cậu, đặc biệt là điểm thứ hai, không hoàn toàn thuyết phục được chúng tôi. George giận dữ lau kính vào áo. “Tội ác thực sự,” cậu ấy nói, “chính là những điều kiện vô nhân đạo của Fairfax. Không pháo, Lockwood ạ! Điều đó quả là điên rồ!”

Lockwood đuổi người trên ghế xô pha. “Đó rõ ràng là một yêu cầu thú vị.”

“*Thú vị ư?*” tôi gào lên. “Vô nhân đạo thì có!”

“Ông già mất trí rồi,” George nói. “Nếu chỗ đó chỉ nguy hiểm bằng một nửa những thứ ông ấy đã nói với chúng ta thôi, thì cũng họa có điên mới vào đó mà không mang theo mọi thứ vũ khí ta có!”

Tôi gật đầu. “Không ai đối đầu với Loại Hai mà không có một ống Lửa Hy Lạp cả!”

“Đúng vậy! Mà đây còn là một *cụm* Loại Hai đấy...”

“Với khả năng gây chết chóc đã được chứng tỏ...”

“Thêm vào đó chúng ta không có đủ thời gian để...”

“... nghiên cứu những dữ liệu lịch sử,” Lockwood nói. “Đúng, đúng, tôi *biết*, vì cứ ba mươi giây các cậu lại gào vào tai tôi một lần rồi. Hai mươi hàng cá các cậu có thể im đi và lắng nghe được không? Dù ông ấy có vẻ kỳ quặc, nhưng ông Fairfax là khách hàng của chúng ta, và chúng ta phải đáp ứng những mong muốn của ông ấy. Chúng ta còn có kiếm nữa, phải không nào?”

Và rất nhiều xích sắt để phòng thủ nữa. Bởi thế không hẳn là chúng ta đi vào tay không.” Cậu ngần ngại. “Lucy, cậu lại nhìn đăm đăm kiểu đó rồi.”

“Phải đấy. Bởi vì tôi không nghĩ cậu đang nhìn nhận vấn đề một cách nghiêm túc.”

“Sai rồi. Tôi đang hoàn toàn nghiêm túc đấy. Chúng ta sẽ tới dinh thự Combe Carey, chúng ta đánh cược cả mạng sống của mình, đó là điều chắc chắn.” Cậu mỉm cười. “Nhưng chẳng phải đó là điều chúng ta vẫn làm sao?”

“Chỉ khi được trang bị thỏa đáng,” George gầm gừ. “Và còn một thứ khác nữa. Những gì ông Fairfax nói về việc chọn chúng ta chẳng hợp lý chút nào cả. Có tới mười lăm công ty thám tử ở London lớn hơn và thành công hơn Lockwood & Đồng sự. Vậy mà cậu dường như chẳng hề ngạc nhiên khi ông ấy tới gõ cửa văn phòng *chúng ta*.”

Lockwood lắc đầu. “Ngược lại, tôi nghĩ thật đặc biệt khi ông ấy làm thế. Đó gần như là thứ hấp dẫn nhất trong vụ này. Chính vì thế chúng ta phải tận dụng tối đa cơ hội này và xem điều gì sẽ xảy ra. Còn bây giờ, nếu đó là tất cả...”

“Chưa đâu,” tôi nói. “Còn chưa hết đâu. Thế còn về Hugo Blake và mặt dây chuyền đó? Có lẽ nó đã trôi tuột khỏi tâm trí cậu, nhưng chúng ta vừa mới bị trộm đột nhập mười hai giờ trước đấy. Chuyện đó giải quyết sao đây?”

“Tôi không quên Blake đâu,” Lockwood nói. “Nhưng ông Fairfax và lời đề nghị của ông ấy là ưu tiên của chúng ta lúc này. Ông ấy đã cho chúng ta bốn mươi tám giờ để chuẩn bị, và chúng ta phải hết sức tận dụng thời gian đó. Blake hiện tại ở trong tù. Chúng ta không cần thiết phải mang mặt dây chuyền tới cho ông Barnes ngay lúc này. Bên cạnh đó, tôi phải thử giải mã mã kia trước khi bàn giao cho ông ta mới được. Đó sẽ là thông tin mới để

cung cấp giới báo chí - hy vọng là cùng với những chi tiết về chiến công của chúng ta ở dinh thự Combe Carey.” Cậu giơ một bàn tay lên khi tôi cố ngắt lời. “Không, Lucy, chúng ta sẽ không bị trộm lần nữa đâu - bọn chúng biết rằng giờ đây chúng ta đã cảnh giác. Và cô bạn Annie Ward của cậu đã chờ đợi công lý năm mươi năm rồi, thêm một vài ngày cũng chẳng khác gì đâu. Thôi nào, đến lúc bắt tay vào việc rồi. George: tôi có một số thứ muốn cậu tìm hiểu.”

“Hiển nhiên rồi,” George càu nhàu. “Tòa dinh thự đó.”

“Đúng vậy, và một vài thứ khác nữa. Hãy chuẩn bị sẵn sàng nhé, và cố gắng vui vẻ lên. Đây là thời gian nghiên cứu mà - cậu phải phấn chấn lên mới đúng chứ. Lucy, nhiệm vụ *của cậu* ngày hôm nay là giúp tôi sửa nhà và sắp xếp dụng cụ. Mọi người hài lòng cả chứ? Tốt.”

Hài lòng hay không thì cũng không thể tranh cãi với Lockwood khi cậu đang trong tâm trạng đó, vì thế tôi và George biết rằng tốt hơn là không nên cố. Chẳng bao lâu sau, George lên đường tới Trung tâm Lưu trữ, trong khi tôi cùng làm việc với Lockwood ở dưới tầng hầm. Và thế là hai ngày làm việc điên cuồng bắt đầu.

Buổi chiều đầu tiên ấy, Lockwood giám sát việc sửa chữa và gia cố các lớp phòng thủ ở nhà chúng tôi. Cửa trước được thay khóa, và những thanh sắt cứng - phù hợp cho cả việc ngăn người sống cũng như người chết - được lắp đặt vào cửa sổ tầng hầm. Trong khi công nhân làm việc, cậu ngồi cạnh điện thoại gọi liên tục. Cậu gọi Mullet & Các Con Trai, một công ty buôn kiếm, để đặt hàng những lưỡi kiếm mới toanh; cậu nói chuyện với Tiệm Satchell Phố Jermyn, nhà cung cấp những trang thiết bị thám tử chính ở London, yêu cầu chuyển sắt và muối tới để bù cho việc phải để pháo lại.

Trong khi đó tôi dành thời gian xếp vũ khí và dụng cụ phòng thủ của chúng tôi trên sàn tầng hầm. Tôi đánh bóng đám dây xích và kiếm, đổ đầy những lọ mật sắt. Tôi kiểm tra lại bộ ấn bạc, lựa chọn tất cả những chiếc hộp mạnh nhất, những dải băng và lưới xích, và sắp những dụng cụ nhỏ hơn vào một bên. Cuối cùng, thật đáng tiếc, tôi bỏ những ống pháo ra khỏi đai dụng cụ của chúng tôi và đặt chúng trở lại nhà kho. Chiếc đầu trong cái bình ma vừa chăm chú theo dõi toàn bộ công việc đó vừa lăm bắm ra vẻ khân trường với tôi qua lớp thủy tinh mờ đục, cho tới khi tôi bực mình lấy tấm vải che nó đi.

Trong suốt thời gian chúng tôi chuẩn bị, Lockwood dường như bị sao nhãng trước quy mô của cuộc phiêu lưu sắp tới. Cậu đầy sức sống - tôi chưa từng thấy cậu sôi nổi hơn thế, nhún nhảy khắp nhà, lao lên cầu thang ba bậc một lúc - nhưng cũng có vẻ bận tâm suy nghĩ một cách kỳ quặc. Cậu chẳng mấy khi nói gì, và thi thoảng lại sao nhãng khỏi những công việc đang làm và nhìn trần trời vào khoảng không, như thể đang lặn theo một mẫu hoa văn phức tạp nào đó trong đầu, cố gắng xem nó kết thúc ở đâu.

George ở lì Trung tâm Lưu trữ cả ngày; khi tôi đi ngủ cậu vẫn chưa trở về và khi tôi thức dậy vào sáng hôm sau thì cậu đã đi rồi. Tôi ngạc nhiên khi thấy Lockwood cũng chuẩn bị để đi ra ngoài. Cậu đứng cạnh chiếc gương trong sảnh, cẩn thận chỉnh lại chiếc mũ bê rê to tướng trên đầu. Cậu mặc một bộ vét rẻ tiền và mang một chiếc va li đã sờn cũ ở bên cạnh. Khi tôi nói chuyện với cậu, cậu trả lời bằng một giọng quê đặc sệt, khác xa với giọng bình thường.

“Nghe thế này được chứ?” cậu hỏi. “Thích hợp với vùng nông thôn, phải không?”

“Tôi nghĩ là vậy. Tôi chẳng hiểu cậu nói gì cả. Cậu đang làm gì vậy?”

“Tôi chuẩn bị tới Combe Carey. Tôi muốn kiểm tra vài điều. Tôi sẽ trở về khá muộn đấy.”

“Cậu muốn tôi đi cùng chứ?”

“Xin lỗi. Ở đây còn có công việc quan trọng cần phải làm, Lucy, và tôi cần cậu thường trực ở đây. Sẽ có hàng của Satchell và Mullet chuyển đến. Khi hàng đến, cậu có thể lấy các thanh kiếm mới ra kiểm tra lại được chứ? Gọi cho ông Mullet nếu có bất cứ vấn đề gì. Còn hàng của Satchell thì không phải lo; khi về tôi sẽ mở ra xem. Rồi cậu kiểm tra các túi dụng cụ lần nữa và chuẩn bị sẵn sàng đồ ăn nhé. Còn nữa,” - cậu thò tay vào túi áo khoác và rút ra một hộp thủy-tinh-bạc nhỏ - “tôi muốn cậu giữ sợi dây chuyền của cô gái ma kia. Chúng ta sẽ tính tiếp với nó sau vài ngày nữa, nhưng trong thời gian này, hãy giữ nó cẩn thận cho tôi. Đeo nó trên người cậu, như trước kia ấy.” Cậu xách va li lên, đoạn bước ra hành lang. “Ồ, còn nữa này, Luce, ngoại trừ những người đưa hàng ra, cậu đừng cho bất cứ ai vào nhé. Tiếp theo ông bạn đeo mặt nạ của chúng ta có thể sẽ thử một cách tiếp cận xảo trá hơn đấy.”

Chiều muộn hôm ấy: mặt trời mùa đông như một chiếc đĩa tím mờ chiếu thấp trên những mái nhà. Số 35 phố Portland Row lạnh lẽo và trống trải, đầy những khoảng xám của cơ man những bóng râm. Tôi ở một mình trong căn nhà này. Cả George lẫn Lockwood đều chưa về. Tôi nhận những thư hàng người ta chuyển đến, sắp xếp lại những túi đồ nghề của cả nhóm, gói ghém đồ ăn và nước uống rồi là phẳng quần áo của tôi để chuẩn bị sẵn sàng cho buổi sáng ngày hôm sau. Tôi đã tập lại bài đấu kiếm với Esmeralda dưới tầng hầm. Lúc này tôi đi quanh nhà trong bóng chạng vạng mỗi lúc một thâm dần, cổ xua tan cảm giác khó chịu.

Vụ của ông Fairfax không phải điều thực sự khiến tôi bận tâm, dù những mối nguy hiểm của nó tụ lại như những bóng ma ở một góc trong tâm trí tôi. Tôi có thể thấy Lockwood đã đúng - đơn giản là chúng tôi không thể bỏ qua một lời đề nghị hào phóng và đặc biệt đến như vậy nếu chúng tôi muốn công ty này còn tồn tại. Còn về vô số câu hỏi xung quanh vụ này - chẳng hạn bản chất thực sự của Căn Phòng Đỏ và Cầu Thang Gào Thét là gì - tôi có đủ tự tin vào khả năng nghiên cứu của George để biết chắc rằng chúng tôi sẽ không *hoàn toàn* mù mờ khi bước vào đó.

Nhưng trong khi chuyện này hoàn toàn xứng đáng nhận được sự chú ý của chúng tôi, thì tôi cũng thấy khó chịu khi hơi có cảm giác mình bị gạt ra ngoài cuộc chơi. George đang làm việc mình vẫn làm với đám sách báo. Lockwood thì (có lẽ) đang thu thập thông tin mới về tòa dinh thự. Còn tôi? Tôi luẩn quẩn ở nhà, làm bánh kẹp phô mai và gói ghém vũ khí. Dĩ nhiên đó là một công việc quan trọng, nhưng đó không hẳn là công việc làm tôi phấn khích. Tôi muốn mình đóng góp nhiều hơn.

Tuy vậy, điều *thực sự* làm tôi bận tâm, là cái cách chúng tôi làm lơ vụ điều tra *kia* của chúng tôi. Tôi không đồng ý với Lockwood rằng chúng tôi có thể để mặt dây chuyền đó chờ đợi thêm vài ngày nữa. Với vụ trộm và việc dòng chữ kỳ lạ xuất hiện, tôi thấy dường như việc tiếp tục điều tra là rất cần thiết, và niềm tin đó được khẳng định bởi một cú điện thoại choáng váng gọi đến vào buổi chiều. Đó là thanh tra Barnes, thông báo rằng Hugo Blake sắp được thả.

“Không có đủ chứng cứ,” ông Barnes cúi kính. “Tóm lại là như thế. Ông ta không chịu nhận tội, và chúng tôi không chứng minh được ông ta đã vào trong ngôi nhà đó. Lúc này đây các luật sư của ông ta đang rất bận rộn, và điều đó có nghĩa thời gian của chúng ta sắp hết. Trừ phi chúng ta tìm kiếm được thứ gì khác, cô Carlyle ạ, hoặc trừ phi bản thân ông ta vô tội - tôi e rằng ông ta sẽ ra khỏi đây vào ngày mai.”

“Gì cơ?” tôi gào to. “Nhưng các ông không thể để ông ta đi được! Ông ta rõ ràng có tội!”

“Đúng thế, nhưng chúng ta không thể *chứng minh* được điều đó, phải không nào?” Tôi cơ hồ có thể nhìn thấy hàng ria của Barnes rung rinh khi ông ta nói. “Chỉ việc ông ta đưa cô ấy về nhà thôi là chưa đủ. Chúng ta chưa có bằng chứng cuối cùng chứng minh mối liên hệ của ông ta với tội ác đó. Nếu lũ ngốc các cô cậu không đốt rụi ngôi nhà ấy, chúng tôi có lẽ đã có thể tìm được thứ gì khác ở đó. Như đã nói đây, tôi rất tiếc, nhưng có vẻ như ông ta sẽ ra khỏi đây mà không trầy vi tróc vảy gì.” Khịt mũi một cái cuối cùng, viên thanh tra gác máy, để lại tôi cùng cơn phẫn nộ.

*Chúng ta chưa có bằng chứng cuối cùng...* Nhưng dĩ nhiên, có lẽ chúng ta đã có rồi.

Tôi lấy chiếc hộp nhỏ đeo trên cổ giờ lên dưới ánh sáng đang tắt dần. Đằng sau lớp kính, mặt dây chuyền vàng trông méo mó như thể một con lươn ở vùng nước nông. *Tormentum meum, laetitia mea...* Tôi như có thể đọc lên dòng chữ. Còn bên trong: nó là gì nhỉ? A (*chèn kí tự đặc biệt*) W; H.II.2.115... Bằng cách nào đó, những chữ cái và con số này che giấu đầu mối cuối cùng. Đó chính là điều Blake săn đuổi. Đó chính là lý do lão muốn chiếm lại nó tới vậy. Có lẽ khi chúng tôi giao nộp nó cho Barnes, ông ta sẽ tìm ra được vấn đề.

Hoặc cũng có thể không. Có thể tên sát nhân sẽ lại tiếp tục thoát tội, như lão đã từng trong năm mươi năm.

Cái lạnh và cơn giận dữ dấy lên trong tôi. Nếu chúng tôi không giải mã được nó, cơ hội cuối cùng sẽ qua đi. Blake sẽ chẳng bao giờ thú nhận điều đã xảy ra, và chẳng có ai khác biết điều đó cả.

Không ai khác, ngoại trừ...

Tôi nhìn xuống chiếc hộp thủy tinh trong tay mình.

Cái ý tưởng đột ngột đến với tôi táo tợn tới nỗi tôi chỉ có thể đứng nguyên đó mất một lúc, lắng nghe tiếng đập bồn chồn của con tim mình. Việc đó hiển nhiên có thể đặt mạng sống của tôi vào vòng nguy hiểm, dù tôi nghĩ mình có thể dễ dàng tìm cách tránh được; tệ hơn, nó có thể làm Lockwood, người đã cảnh báo tôi không được làm bất kỳ điều gì nguy hiểm khi chưa được phép, phẫn nộ. Nếu tôi có dù chỉ một chút lý trí thì tôi nên đợi cậu trở về, nhưng tôi biết khá chắc chắn rằng cậu sẽ không để tôi tiến hành thử nghiệm tôi đã lên kế hoạch. Và rồi tôi sẽ thực sự tổn một ngày chẳng được tích sự gì, trong khi gã Blake tàn độc đó đang chờ được thả.

Tôi đi vô định trong nhà, dẫn đo cân nhắc kế hoạch trong tâm trí mình. Trời đã tối; và tôi thấy mình ở trong bếp. Chầm chậm, tôi theo những bậc thang sắt xuống tầng hầm bên dưới. Ở bức tường phía lưng nhà, những chiếc giá để các đồ tạo tác tạo thành một tấm lưới đen sì. Tối nay bàn tay cướp biển sáng mờ màu tím hoa cà, trong khi những chiến lợi phẩm khác vẫn tối đen.

Thật đáng để mạo hiểm. Nếu tôi thành công, chúng tôi có thể giải được mật mã kỳ lạ trên mặt dây chuyền đó. Tôi có thể có được thông tin mang tính quyết định, thứ xác nhận tội ác của Blake. Nếu tôi thất bại thì cũng có sao đâu? Lockwood chẳng cần biết tới thử nghiệm này.

Những sợi xích sắt đã được trải dưới sàn nhà, được bôi dầu và kiểm tra, sẵn sàng để đóng gói. Tôi lấy sợi dài và dày nhất, dày chừng năm phân, kéo vào phòng tập kiếm, nơi hai bù nhìn nhồi rơm Joe và Esmeralda treo lơ lửng trong bầu không khí yên ắng sâu muện. Tôi rải nó ra thành một vòng tròn dày gấp đôi bình thường, đường kính khoảng chừng mét hai, hai đầu xoắn lại với nhau. Để chắc chắn rằng vòng xích không thể bị bật tung ra, tôi khóa hai mắt xích ở hai đầu bằng một chiếc khóa xe đạp. Đây là lớp phòng thủ mạnh, đảm bảo ngăn cản được Loại Hai. Có lẽ do Sắt Fairfax sản xuất.

Thường thì các thám tử sẽ đứng ở bên trong, được bảo vệ an toàn khỏi các hồn ma đi lang thang phía ngoài.

Hôm nay, tôi sẽ thay đổi các quy tắc.

Phòng tập kiếm không có cửa sổ, bởi vậy trong đó đã tối sẵn rồi. Đồng hồ của tôi mới chỉ năm giờ chiều, thông thường lúc này vẫn còn quá sớm để sự hiện hồn toàn phần diễn ra. Nhưng tôi không lựa chọn chờ đợi. Lockwood và George có thể trở về bất cứ lúc nào. Bên cạnh đó, khi một hồn ma đang rất hăm hở xuất hiện, thì ai mà biết nó có thể xuất hiện sớm tới đâu?

Tôi bước qua dây xích sắt vào trong vòng tròn và lấy chiếc hộp thủy-tinh-bạc ra khỏi túi áo. Quỳ dưới sàn, tôi đẩy chiếc lẫy, lật nắp hộp ra và để chiếc mặt dây chuyền rơi xuống lòng bàn tay. Nó lạnh thấu xương, cứ như thể thứ gì đó được lấy ra từ tủ đông. Tôi cẩn thận đặt nó xuống sàn nhà. Rồi tôi đứng dậy và bước lùi ra khỏi vòng xích sắt.

Tới giờ mọi việc đều dễ dàng. Tôi không mong chờ có kết quả ngay lập tức, bởi vậy tôi vào khu văn phòng để lấy vài thứ. Tôi chỉ ra ngoài trong khoảng hai phút, nhưng khi quay trở lại, không khí trong phòng tập đã trở nên băng giá. Joe và Esmeralda đang đứng đưa nhè nhẹ dưới những sợi xích treo chúng.

“Annie Ward phải không?” tôi hỏi.

Không gì cả - không có tiếng đáp lại, nhưng tôi cảm thấy thái dương mình căng ra, một năng lượng yếu ớt đang tập hợp lại trong căn phòng. Tôi đứng cách những vòng xích sắt một đoạn, trong túi áo có một gói muối và tay cầm một tờ giấy.

“Annie Ward phải không?” tôi lại nói. “Tôi biết đó là cô.”

Một thứ ánh sáng màu bạc mờ mờ xuất hiện bên trong vòng xích sắt. Một hình bóng hai chiều nhạt nhòa của một cô gái cong gập, uốn éo; lúc

hiện, lúc ẩn.

“Ai đã giết cô, Annie?” tôi hỏi.

Cái bóng lại biến dạng và lập lòe như lúc trước. Tôi lắng nghe, không thấy tiếng nói nào cả. Áp lực ở hai bên thái dương giờ đã trở nên đau đớn.

“Có phải là Hugo Blake không?”

Chẳng có gì thay đổi - ít nhất là theo những gì tôi *thấy được*. Trong một thoáng, tôi nghĩ mình đã bắt được một tiếng thì thầm rất nhỏ, như thể có ai đó đang nói chuyện rất khẽ ở một căn phòng phía xa. Tôi cố gắng tập trung lắng nghe; trán tôi nhói lên vì nỗ lực... Không được. Biến mất rồi. Nếu quả thật nó đã từng xuất hiện ở đó.

Thực sự sẽ là quá nhiều nếu tôi hy vọng sẽ thu nhận được gì đó. Nếu việc thẩm vấn người chết đơn giản như vậy, thì những tài năng lớn đã lão luyện trong chuyện này. Trên thực tế, chỉ có Marissa Fittes từng làm việc đó, trong những cuộc nói chuyện huyền thoại của bà ấy với các Loại Ba. Không, tôi đang đùa với ai kia chứ? Trong một khoảnh khắc nữa thôi tôi sẽ lấy muối ra, dọn sạch mớ rắc rối này.

Dẫu vậy, tôi còn điều cuối cùng để thử.

Tôi đã có bản copy của George trong tay mình, và giấu nó đằng sau lưng. Giờ tôi đưa nó vòng ra đằng trước, giở nó ra và bước đến gần vòng xích sắt. Tôi lật mở trang giấy để cho những bức hình của Blake đối diện với vòng tròn. Lão xuất hiện hai lần - trong bức ảnh chụp chính diện, đang cười, đeo cà vạt, đội mũ và mang găng tay đen, và cũng như thế trong bức ảnh tập thể bên cạnh đài phun nước, đứng rất sát Annie Ward.

“Đây,” tôi nói. “Có phải lão không? Có phải H...”

Một tiếng gào chói tai, một tiếng hú chất chứa buồn khổ và giận dữ, hất tôi ngã xuống. Gió thổi tung khắp phòng, khiến sợi xích sắt căng ra thành một vòng tròn hoàn hảo, thổi tung bụi cát trên những bức tường tầng hầm.

Hai hình nộm rơm bị văng lên quá cao và đập vào trần nhà; tôi trượt ngã người, lùi ra gần tới cửa, vừa trượt vừa gào to vì áp lực trong đầu tôi lớn tới nỗi tôi nghĩ sợ mình sẽ nứt ra mất. Tôi nhìn lên, thấy hồn ma đang lao tới lui bên trong vòng xích sắt, liên tục đập vào đường biên giới hạn, phun ra những luồng sinh chất kêu xèo xèo mỗi khi chúng chạm vào rìa. Hình dạng của bóng ma bị bóp méo một cách kỳ cục, chiếc đầu dài, chẳng ra hình thù gì cả, thân người thì mảnh khảnh, nứt ra như một khúc xương bị vỡ. Tất cả những đường nét của một cô gái đã biến mất. Còn tiếng than khóc thì vẫn cứ phát ra, khiến tôi chói tai và sững người.

Tôi đã đánh rơi trang giấy khi ngã xuống, nhưng quả bom muối thì vẫn ở trong túi áo khoác. Tôi nhào người ngồi dậy và ném thật mạnh vào trong vòng tròn.

Vỏ nhựa nổ tung, muối bung ra; thứ va đập, than khóc kia biến mất. Ngay lập tức, âm thanh trong đầu tôi tắt phụt.

Tôi ngồi uể oải trên sàn, miệng há ra, mắt chớp chớp, tóc xòa vào mắt. Đối diện với tôi, hai hình nộm rơm đứng đưa dử dội; chúng nhanh chóng chậm lại rồi đứng yên hẳn.

“Ôi,” tôi nói. “Đau thật đấy.”

“Tôi cũng nghĩ như thế.”

Lockwood và George đứng ở khung vòm nhìn xuống tôi, gương mặt đờ đẫn vì kinh ngạc.

“Đợi đã!” tôi nói. “Đừng nói nữa, George! Đợi đã! Tôi sẽ chỉ cho các cậu thấy!”

Hai phút đã trôi qua mà tôi vẫn chưa tìm được lời nào. Đúng vậy, tôi đã quá bận rộn: công việc đầu tiên của tôi, sau khi đầu óc tôi ngừng quay

cuồng, là tìm lại mặt dây chuyền - nói thì dễ nhưng làm thì khó, bởi vì nó đã bị phủ trong lớp vảy muối đông cứng chút nữa thì làm rộp da tôi. Rồi sau đó tôi phải bỏ nó trở lại chiếc hộp - lại cũng không dễ chút nào, khi George Cubbins cứ gào vào tai tôi. Nhưng tôi cần phải lên tiếng, và phải lên tiếng thật nhanh. Lockwood vẫn chưa nói lời nào với tôi. Mặt cậu biến sắc, và môi cậu đang mím chặt.

“Nhìn này,” tôi nói và nhặt trang giấy từ dưới sàn lên. “Tôi đã làm điều mà chúng ta đáng lẽ phải làm ngay từ đầu. Tôi đã cho Annie Ward xem những bức hình này. Chúng có hình của ai? Hugo Blake. Cô ấy đã làm gì? Cô ấy đã nổi điên lên. Tôi chưa từng nghe thấy tiếng hét nào như vậy.”

“Cậu đã cố tình thả cô ấy ra sao?” Lockwood nói. “Đó là một hành động ngu ngốc.”

Khi tôi nhìn mặt cậu ấy, tim tôi thắt lại. “Có thả hẳn đâu,” tôi tuyệt vọng nói. “Chỉ là... tự do hơn thôi. Và điều đó đã đem lại kết quả, điều mà trước đây chưa phương pháp nào đạt được.”

George khịt mũi. “Kết quả gì cơ? Cô ấy đã thực sự nói chuyện với cậu sao? Không. Cô ấy đã ký tên vào một văn bản pháp luật sẽ có hiệu lực trước tòa ư? Không.”

“Phản ứng đó rất rõ ràng, George. Nhân nào quả ấy. Cậu không thể chối bỏ mối liên hệ đó được.”

Lockwood gật đầu. “Cho dù thế đi nữa, cậu cũng không nên làm việc đó. Đưa tôi trang giấy ấy nào.”

Tôi đưa cậu mà không nói lời nào, hai mắt tôi nhoi nhoi. Tôi đang gặp rắc rối lớn. Tôi lại đưa ra một quyết định sai lầm, và lần này tôi biết Lockwood sẽ không tha thứ cho tôi. Tôi có thể thấy điều đó trên gương mặt cậu. Công việc của tôi ở công ty này sẽ kết thúc ở đây. Bỗng chốc tôi hiểu công việc tôi đã ném đi quý giá đến nhường nào.

Lockwood bước sang một bên, đôi giày của cậu lạo xạo trên lớp muối, đứng nghiêng cứu trang giấy dưới ánh đèn. George thì không có được may mắn như thế; cậu bước lại gần, hai mắt trợn trừng hết cỡ đằng sau cặp kính tới mức gần như lồi ra và ép cả vào mặt kính.

“Tôi không dám *tin* cậu lại làm thế, Lucy ạ. Cậu điên thật rồi! *Cố tình* thả một con ma cơ đấy!”

“Thử nghiệm thôi mà,” tôi nói. “Cớ sao cậu lại phàn nàn chứ? Cậu vẫn nghịch chiếc bình ma ngu ngốc đó mãi mà.”

“Sao so sánh thế được. Tôi luôn giữ con ma đó ở *bên trong* bình. Mà nữa, đó là nghiên cứu khoa học. Tôi chỉ thực hiện trong những điều kiện nghiêm ngặt.”

“Nghiêm ngặt ư? Hôm nọ tôi thấy nó trong bồn tắm đấy!”

“Đúng thế. Tôi làm thí nghiệm về phản ứng của hồn ma với sức nóng.”

“Còn việc bồn tắm đầy bọt thì sao? Bọt phủ khắp chiếc bình. Cậu đã bỏ hương liệu sức mùi xà phòng vào trong nước, và...” tôi nhìn cậu. “Cậu đã tắm cùng với nó trong bồn, phải không George?”

Cậu ấy đỏ mặt. “Không, tôi đâu có. Tôi không thường làm thế. Tôi... tôi chỉ muốn tiết kiệm thời gian thôi. Tôi đang định vào bồn thì chợt nghĩ rằng tôi có thể làm một thí nghiệm rất hữu ích về sự kháng cự của ngoại chất với hơi ẩm. Tôi muốn xem liệu nó có co lại...” Cậu khua hai tay loạn xạ trong không khí. “Gượm đã! Sao tôi lại đi thanh minh với *cậu* chứ? Cậu vừa mới thả một con ma ra trong nhà chúng ta!”

“Lucy...” Lockwood nói.

“Tôi đâu có thả nó ra!” tôi kêu lên. “Hãy nhìn chỗ muối kia kìa. Tôi hoàn toàn kiểm soát được mà.”

“Đúng vậy,” George nói, “thế nên chúng tôi mới thấy cậu nằm sõng soài trên sàn. Nếu cậu kiểm soát được hồn ma đó, thì do ăn may hơn là nhờ kỹ năng của cậu. Cái thứ chết tiệt đó đêm trước đã suýt lấy đầu chúng ta, và giờ cậu...”

“Ồ, thôi đừng phàn nàn nữa đi. *Cậu* đã khóa thân cùng với một con ma...”

“*Lucy!*” Chúng tôi không nói chuyện với nhau nữa. Lockwood vẫn ở nguyên một tư thế từ khi chúng tôi bắt đầu cãi nhau, dưới ánh sáng ngọn đèn trần, tay cầm trang giấy giơ lên phía trước. Mặt cậu nhợt nhạt và giọng cậu rất lạ. “Cậu đã cho Khách xem tờ giấy này ư?”

“Ừ, đúng vậy. Tôi...”

“Cậu đã cầm nó như thế nào? Như thế này? Hay như thế này?” Cậu nhanh nhẹn xoay tay.

“Ừm, chắc như kiểu cuối cùng ấy.”

“Cô ấy thấy toàn bộ trang giấy chứ?”

“Ừm, đúng thế, nhưng chỉ trong chốc lát thôi. Rồi cô ấy phát điên, như các cậu đã thấy đấy.”

“Đúng vậy,” George nói gay gắt. “Chúng tôi đã thấy. Lockwood, này giờ cậu không nói gì nữa. Cậu có thể bảo Lucy rằng cô ấy *không bao giờ* nên làm bất cứ điều gì như thế này nữa được chứ? Tới giờ đã hai lần chúng ta gặp nguy hiểm rồi. Chúng ta cần phải nói rằng...”

“Chúng ta cần phải nói rằng *làm tốt lắm*,” Lockwood ngắt lời. “Lucy, cậu quả là thiên tài. Tôi nghĩ cậu đã tạo ra một mối liên hệ quan trọng. Đây là một đầu mối mang tính quyết định.”

Tôi cũng ngạc nhiên gần như George, cảm cậu lúc này trở xuống và giật nhẹ. “Ồ. Cảm ơn...” tôi nói. “Cậu nghĩ... cậu nghĩ điều này sẽ giúp giải

quyết vụ điều tra ư?”

“Rất nhiều.”

“Vậy chúng ta hãy mang nó đến nộp cảnh sát nhé? Chúng ta hãy đưa mặt dây chuyền cho ông Barnes xem được không?”

“Chưa đâu. George nói đúng đấy: phản ứng lúc này của hồn ma không hẳn được tính là chứng cứ. Nhưng đừng lo - nhờ có cậu, tôi tự tin chúng ta có thể sớm đưa câu chuyện của Annie Ward tới một kết thúc có hậu.”

“Tôi hy vọng thế...” Dù rất bối rối, tôi cũng cảm thấy nhẹ nhõm hơn rất nhiều. “Nhưng có điều này các cậu nên biết. Hugo Blake sắp được thả rồi.” Tôi kể với bọn họ về cuộc gọi khi nãy.

Lockwood mỉm cười; dường như cậu đột nhiên trở nên thoải mái, vui vẻ nữa là khác. “Tôi thì chẳng lo lắng về chuyện đó làm gì,” cậu ấy nói. “Chúng ta đã gia cố ngôi nhà đâu ra đấy. Bọn họ sẽ không đột nhập vào đây lần nữa đâu. Tuy vậy, tôi không nghĩ chúng ta nên để mặt dây chuyền ấy ở lại đây khi chúng ta đến Combe Carey. Cậu mang nó theo nhé, Lucy - đeo nó quanh cổ cậu ấy. Tôi hứa chúng ta sẽ sớm giải quyết vấn đề này. Nhưng trước tiên” - cậu nhe răng cười - “còn có công việc của Fairfax nữa. George đã có vài tin tức về vụ này.”

“Đúng vậy,” George nói. “Tôi đã khám phá được chút ít về vụ ma ám đó.”

Tôi nhìn cậu. “Và nó có tệ như những gì ông Fairfax đã nói không?”

“Không.” George gỡ cặp kính ra và mệt mỏi dụi mắt. “Từ những điều tôi đã thấy, nó chắc chắn còn tệ hơn nhiều.”

## CHƯƠNG 18

Việc di chuyển từ văn phòng của Lockwood & Đồng sự ở London tới làng Combe Carey khá dễ dàng. Chỉ cần bắt một chuyến taxi nhanh tới nhà ga Marylebone, ung dung chờ đợi ở sân ga số sáu, và cuối cùng đi một chuyến tàu bốn mươi lăm phút nhẹ nhàng - xuyên qua những vùng ngoại ô màu nâu xám mênh mông trải dài, rồi những cánh đồng hiu hắt của vùng Berkshire - trước khi ta đến bên dưới sườn nhà phủ rêu mốc của nhà thờ thánh Wilfred ở nhà ga Combe Carey cũ kỹ. Một hành trình nhiều lắm là một tiếng rưỡi. Một chuyến đi thẳng tưng dễ dàng, nhanh chóng và thoải mái nhất có thể.

Vâng, đúng vậy. Lý thuyết là thế. Nhưng thực tế sẽ không vui thú đến vậy khi các bạn phải giúp nhau mang sáu chiếc túi vải len thô cực lớn nặng trĩu các đồ kim loại, cộng thêm một túi đựng kiếm với bốn thanh kiếm cũ nhồi bên trong làm kiếm dự phòng, và rồi chính bạn cũng có một thanh mới tinh đeo ở thắt lưng cứ liên tục làm vướng chân. Rồi lại cũng chẳng khá khẩm gì hơn khi đội trưởng và đội phó của bạn tiện làm sao lại bỏ quên ví, thành ra *bạn* lại là người phải trả tiền cho ba vé tàu, và tiền hành lý quá cân. Hoặc khi bạn dành quá nhiều thời gian tranh cãi và lỡ mất chuyến tàu đầu tiên. Đúng vậy, tất cả những điều đó *thực sự* vui lắm đấy.

Và rồi việc đến một trong những ngôi nhà bị ma ám nặng nề nhất nước Anh với hy vọng bạn sẽ không ngòm củ tỏi cũng là một vấn đề nho nhỏ nữa.

Chuyện George chia ra bản tóm tắt chi tiết về những thứ cậu đã khám phá ra được trong hai ngày trước chẳng giúp làm vấn đề cuối cùng trên nhẹ nhàng hơn chút nào. Cậu có một cặp hồ sơ gáy xoắn kệp đầy những trang

giấy ghi chép mạch lạc, và khi con tàu vui vẻ trôi lững lờ qua những ngọn tháp nhọn và những ngọn đèn ma của vùng quê giấu mình trong những khu rừng trập trùng giữa bao ngọn đồi thoải thoải, cậu thết đãi chúng tôi bằng hàng đồng chi tiết kinh khủng từ trong đó.

“Về cơ bản, dường như những điều ông Fairfax đã nói với chúng ta đều đúng,” cậu nói. “Tòa dinh thự đó đã mang tiếng xấu trong nhiều thế kỷ rồi. Các cậu nhớ lúc đầu nó là tu viện chứ? Tôi đã tìm thấy một tài liệu từ thời Trung cổ về nó. Nó được một hội có tên Các Tu sĩ Dị giáo của Thánh John xây dựng. Có vẻ như bọn họ đã 'chuyển từ tôn thờ Chúa sang mến mộ những thứ đen tối', bất kể *điều đó* có nghĩa là gì. Chẳng bao lâu sau một nhóm nam tước nghe phong thanh được chuyện này và đốt rụi nơi đó. Họ chiếm vùng đất của tu viện rồi chia nhau.”

“Có thể đó là một âm mưu chăng?” tôi nói. “Bọn họ giăng bẫy các tu sĩ nhằm chiếm lấy khu đất?”

George gật đầu. “Có thể lắm. Kể từ khi đó nó đã được hết gia đình giàu có này đến gia đình giàu có khác sở hữu - nhà Carey, nhà Fitz-Percy, nhà Throckmorton - tất cả đều đã được hưởng lợi từ khu đất. Nhưng bản thân tòa dinh thự thì chỉ đem lại rắc rối. Tôi không thể tìm thấy nhiều chi tiết cụ thể, nhưng một chủ sở hữu đã bỏ hoang nó trong thế kỷ 15 bởi vì có 'ma quỷ hiện hình'. Nó suýt cháy hai hay ba lần, và - nghe này - năm 1666 một dịch bệnh bùng phát đã giết chết những cư dân của tòa nhà. Dường như một vị khách tới thăm và phát hiện thấy tất cả mọi người đã chết, ngoại trừ một em bé đang nằm khóc trong nôi ở một phòng ngủ.”

Lockwood huýt sáo. “Ghê quá. Đó có thể chính là cụm Khách của cậu đấy.”

“Họ có cứu được em bé đó không?” tôi hỏi.

George xem lại những ghi chép của mình. “Có. Ông ta được một người họ hàng nhận nuôi và trở thành thầy giáo. Chuyện đó kinh khủng thật, nhưng rồi ông ta đã may mắn thoát được. Dù sao đi nữa thì điều tiếng xấu về ngôi nhà vẫn tiếp tục cho tới thế kỷ này. Đã có nhiều vụ tai nạn liên tiếp, và người chủ cuối cùng trước ông Fairfax - một người họ hàng xa - đã tự tử bằng súng.”

“Phen này chúng mình không lo thiếu Khách rồi,” Lockwood trầm ngâm. “Có thông tin gì nhắc đến Cầu Thang Gào Thét, hoặc Căn Phòng Đỏ đáng sợ không?”

“Một mẫu nhỏ, từ cuốn *Những huyền thoại Berkshire* của Corbett.” George lật giở một trang khác. “Trong đó nói rằng người ta tìm thấy hai đứa trẻ ở Combe Carey trong tình trạng bất tỉnh ở dưới chân 'những bậc thang cũ' ở trong tòa dinh thự. Một đứa chết ngay lập tức, nhưng đứa kia hồi phục vừa đủ để thuật lại rằng chúng đã bị 'một tiếng tru ma quái, ác hiểm, tàn độc và báng bố' bao vây.” Cậu đóng sập tập hồ sơ lại. “Rồi cô bé cũng chết sau đó.”

“Tiếng tru là gì?” Tôi hỏi.

“Đó chính là tiếng gào.” Lockwood nhìn ra khung cảnh đang trôi vụt đi. “Những câu chuyện, toàn những câu chuyện... Điều mà chúng ta thực sự cần là *những sự kiện có thật*.”

George tự mãn chỉnh lại cặp kính. “A ha. Có lẽ tôi có thể giúp cậu cả chuyện đó nữa đấy.” Cậu lấy từ bên trong cặp hồ sơ ra hai tờ giấy, mở ra và để trên chiếc bàn con dưới cửa sổ trong khoang tàu của chúng tôi. Tờ đầu tiên là bản vẽ tay mặt sàn của một tòa nhà lớn, cho thấy có hai tầng nhà rất rộng, mỗi tầng có tường, cửa sổ và cầu thang được vẽ cẩn thận bằng mực. Đôi chỗ có những chú thích được viết bằng mực màu xanh: *Sảnh chính*,

*Thư viện, Phòng Công tước, Phòng trưng bày dài... Ở trên cùng, dòng chữ gọn gàng, nắn nót của George ghi Chái Tây: Dinh thự Combe Carey.*

“Rất xuất sắc đấy, George,” Lockwood nói. “Cậu tìm thấy nó ở đâu vậy?”

George gãi chiếc mũi bự. “Hiệp hội Kiến trúc Hoàng gia ở Pall Mall. Họ có tất cả những bản vẽ mặt bằng và các bảng khảo sát ở đó. Bản vẽ này được hoàn thành từ thế kỷ 19. Hãy nhìn chiếc cầu thang vĩ đại này: nó quả là một con quái vật. Nó hằn phải lấn át cả căn nhà. Bản vẽ mặt bằng còn lại” - cậu lật sang tờ giấy kia - “thì cũ hơn nhiều; thậm chí có thể từ thời Trung cổ. Nó là những nét phác họa sơ sài, nhưng cho thấy nơi đó về cơ bản vẫn là phế tích của tu viện. Nó nhỏ hơn nhiều, và rất nhiều phòng hẳn đã bị phá đi khi họ xây lại thành nhà ở, bởi vì chúng đã không còn xuất hiện trong tấm bản đồ sau này nữa. Nhưng nhìn này, các cậu có thể thấy cây cầu thang khổng lồ đã có ở đó, và cả những khu vực sau này trở thành hành lang và phòng trưng bày dài nữa. Phòng trưng bày dài chính là phòng ăn của các tu sĩ. Vài căn phòng ở tầng trên cũng tương ứng với bản vẽ mặt bằng ở thế kỷ 19. Bởi thế so sánh giữa chúng,” George nói, “những bản vẽ mặt bằng này cho chúng ta biết những khu vực cổ xưa nhất của Chái Tây ở đâu.”

“Và nơi đó,” Lockwood nói, “nhiều khả năng chính là nơi Nguồn có tối cao. Tốt lắm. Tối nay chúng ta sẽ bắt đầu việc tìm kiếm của mình ở những khu vực đó. Còn những tài liệu khác mà tôi đã yêu cầu cậu thì sao, George? Tôi có thể xem qua được chứ?”

George rút ra một bìa kẹp hồ sơ mỏng màu xanh lá cây. “Đây. Tất cả những gì tôi có thể tìm thấy về ông John William Fairfax. Như ông ấy đã nói, ông ấy được thừa kế nơi đó sáu hay bảy năm trước. Có vẻ không bị nhụt chí bởi những tai tiếng của nó. Dù sao đi nữa, có rất nhiều bài báo về

ông ấy ở trong đó - những cuộc phỏng vấn, tiểu sử, những thứ đại loại như thế.”

Lockwood cầm tập hồ sơ ngả người ra sau. “Để xem nào... Hừm, có vẻ Fairfax là một người rất ủng hộ việc săn cáo. Thích săn bắn và câu cá... Hỗ trợ *rất nhiều* hoạt động từ thiện.Ồ, ông ấy còn là một diễn viên nghiệp dư xuất sắc hồi còn trẻ... Hãy xem bài phê bình này: 'Liệu Fairfax có thể đem đến màn trình diễn xuất sắc khi đóng vai Othello...' Ngạc nhiên thật đấy. Nhưng theo một cách nào đó thì cũng có lý. Thậm chí cả bây giờ ông ấy cũng có vẻ hơi đóng kịch.”

“Điều đó không thực sự liên quan, phải không?” tôi nói. Tôi vẫn đang nghiên cứu những bản vẽ, lần theo đường cong của chiếc cầu thang, đoán chừng xem vị trí của Căn Phòng Đỏ tai tiếng ở đâu.

“Ồ, biết toàn bộ bối cảnh của một vụ án là điều tốt mà...” Lockwood trở nên đắm chìm. Cuộc nói chuyện đã lắng xuống; con tàu vẫn lao đi. Một hoặc hai lần tôi chạm vào mặt trước áo choàng của mình, cảm thấy viền cứng của vật treo bên trong: chiếc hộp chứa mặt dây chuyền của cô gái ma. Tôi giữ nó an toàn trong người mình, như Lockwood đã chỉ thị. Tôi hy vọng cậu đúng; rằng chúng tôi sẽ mau chóng đưa câu chuyện đó tới đoạn kết. Tất nhiên, với điều kiện chúng tôi sống sót qua buổi đêm ở Dinh thự Combe Carey.

Bên ngoài nhà ga của làng, một chiếc xe con đang đợi chúng tôi. Một anh chàng trẻ tuổi đầu bù tóc rối đang ngồi uể oải trên nắp ca pô, đọc một số cũ của tờ *Những vụ ma ám nổi tiếng*. Khi chúng tôi lảo đảo bước ra dưới sức nặng của hành lý như thể ba người Tây Tạng mới vào nghề phu khuân vác vừa quay xuống từ đỉnh Everest, anh ta hạ thấp tờ tạp chí xuống và nhìn

chúng tôi bằng một vẻ thích thú nhần tâm pha lẫn thương xót. Anh ta chạm vào lọn tóc mái với một cử chỉ có phần châm biếm.

“Cậu Lockwood, phải không? Tôi đã nhận được điện của cậu, tôi sẽ đưa cậu đến tòa dinh thự.”

Đồ đạc của chúng tôi được nhồi nhét vào hàng ghế sau, và sau khi cổ xoay xở, George và tôi cũng len được vào đó. Lockwood nhảy vào hàng ghế trước cạnh tài xế. Chiếc taxi đánh lái ra đường, làm lũ vịt nháo nhào dưới ao làng còn tôi ngã dúi đầu vào lòng George. Tôi sầm mặt chống người ngồi thẳng dậy. Gã thanh niên huýt sáo trong khi xe chúng tôi chạy giữa những hàng cây du xám ảm đạm.

“Tôi thấy trên xe không gia cố đồ sắt,” Lockwood gợi chuyện.

“Ở đây thì không cần,” anh ta đáp.

“Vùng an toàn ư? Không có Khách quanh đây hả?”

“Không. Bọn chúng tập trung ở tòa nhà đó cả rồi.” Anh chàng cua gấp để tránh ổ gà trên đường, và thế là tôi lại văng cả người qua đùi George lần nữa.

George nhìn xuống tôi. “Muốn giúp một tay không? Cậu có thể nằm yên ở đó nếu như thế dễ dàng hơn.”

“Không. Không, cảm ơn cậu. Tôi xoay xở được.”

“Ý anh là dinh thự Combe Carey hả?” Lockwood nói. “Tốt lắm. Đó chính là nơi chúng tôi sẽ ở tối nay.”

“Ở chái mới hả? Hay cùng với ông già quản gia Bert Starkins?”

“Ở trong nhà chính.”

Anh chàng trẻ tuổi yên lặng một lúc, nhấc tay ra khỏi bánh lái để làm dấu thánh, chạm vào một biểu tượng tôn giáo nhỏ trên bảng đồng hồ và cung kính nhổ nước bọt ra ngoài cửa sổ. Anh ta trầm ngâm nhìn vào gương

chiếu hậu. “Tôi thích chiếc túi vải len thô màu đỏ đó,” anh ta nói. “Tôi có thể lấy một chiếc để đựng đồ đá bóng. Cậu không phiền nếu sáng mai tôi chạy ù vào trong nhà xin một chiếc chứ? Ông Fairfax chắc sẽ chẳng cần đến nó đâu nhỉ? Cả ông già Starkins cũng thế.”

“Xin lỗi,” Lockwood nói. “Sáng mai *chúng tôi* vẫn cần tới nó.”

Người thanh niên trẻ gật đầu. “Dù sao tôi vẫn cứ ghé qua,” anh ta nói. “Xem một tí cũng chẳng hại gì.”

Chúng tôi băng lên đồi, xuyên qua những lùm cây rải rác, giữa những cánh đồng lạnh giá, tối tăm nằm xen kẽ với những cánh đồng trồng rau vụ đông. “Anh đã bao giờ vào trong tòa nhà ấy chưa?” Lockwood hỏi.

“Gì cơ? Cậu nghĩ tôi điên sao?”

“Vậy thì hẳn anh biết điều gì đó về nó. Về những vụ ma ám tại tòa nhà đó.”

Người thanh niên trẻ đột ngột ngoặt vào một con đường phụ nhỏ hẹp, một cú ngoặt thần kỳ vào phút cuối làm tất cả mọi thứ ở đằng sau xe nhào dữ dội về bên trái, và đầu tôi bị kẹp một cách tàn nhẫn giữa cửa kính xe và phần mềm mềm nào đó trên mặt George. Mất một vài giây tôi chẳng nghe thấy gì ngoại trừ tiếng cậu thở vào tai tôi; cho tới lúc cậu đẩy được người ra khỏi tôi, sau một hồi lóng ngóng không cần thiết, thì chúng tôi đã vượt qua một cái cổng xiêu vẹo và lao như tên trên một đoạn đường dài thẳng tắp.

“... bị giết chết, giấu xác, và không bao giờ tìm thấy,” anh chàng đó đang nói. “Tôi nghĩ tất cả đã bắt đầu *như thế* đó. Ai ở quanh đây đều biết chuyện. Cái chết này dẫn đến cái chết kia, và cứ thế trở thành một chuỗi những cái chết, nó cứ tiếp tục dài ra chừng nào tòa nhà này còn tồn tại. Cần phải đốt rụi toàn bộ chỗ đó và rải muối trên lớp tro - mẹ tôi nói thế đó. Nhưng chúng tôi không thể khiến chủ nhà hiểu được điều đơn giản ấy. Ông ta nhất quyết

thực hiện những thí nghiệm nho nhỏ của mình. Chúng ta tới nơi rồi. Mười bảng rưỡi, cộng thêm hai bảng cho túi xách nữa.”

“Thú vị đấy,” Lockwood nói. “Đặc biệt là phần đầu ấỵ. Cảm ơn anh.”

Chúng tôi dừng lại ở cuối đoạn đường rải sỏi. Qua cửa kính chỗ mình, tôi thấy một đồng cỏ rộng lớn rải rác những cây sồi và dẻ gai, và một phần của cái hồ tôi đã nhận ra trong bức ảnh của ông Fairfax. Nó có một vẻ hoang dã, um tùm. Cỏ mọc cao và bờ hồ ken đặc những bãi sậy. Ở phía bên kia, qua chỗ George, tôi chỉ có thể nhận ra phần thân nhạt màu của một cái cây, hai cái bình lớn đặt trên bệ, và đằng sau tất cả, bề mặt đá xám trống trải của một tòa nhà.

Lockwood đang bận nói chuyện với anh tài xế. Tôi ra khỏi xe và giúp George lấy túi. Dinh thự Combe Carey rộng lớn và sừng sững phía sau tôi. Không khí ẩm ướt và lạnh giá.

Tít trên đầu, những ống khói gạch cao vút nhô lên như những chiếc sừng nổi bật trên những đám mây. Khu bên tay trái của tòa nhà, mà tôi cho là khu Chái Tây, chái nhà lâu đời hơn, hầu hết được xây bằng đá cổ, và bằng gạch ở gần mái và ở rìa nhà. Nó có rất nhiều cửa sổ, với nhiều kích cỡ và độ cao khác nhau, mỗi ô cửa đều trơ trơ phản chiếu bầu trời xám ngoét thánđ Mười một. Những chiếc cột rạn nứt chống đỡ một cổng hiên bê tông xấu xí phía trên cánh cửa đôi dẫn vào nhà, phía trước nó là mấy bậc thềm loe ra dưới chân. Một cây tần bì đồ sộ, lớn cả về tuổi đời lẫn kích thước, đứng ở đằng xa, phía cuối chái nhà. Những cành cây màu trắng ngà của nó ép vào tường gạch như những cái chân của một con nhện khổng lồ.

Ở bên phải của bậc thềm dẫn lên lối vào, chái phía Đông nhỏ hơn và cũng được xây bằng gạch, nhưng rõ ràng có tuổi đời ít hơn. Do một lỗi kiến trúc kỳ quặc, hai chái nhà được thiết kế để tạo thành một góc tù lớn, bởi thế nó tạo ra hiệu ứng như thể toàn bộ căn nhà đang khẽ với ra để bao vây tôi.

Đó là một kết hợp ngọt ngào, xấu xí và không cần nghe tới tiếng xấu của nó, tôi cũng đã ghét nó kinh khủng rồi.

“Tuyệt vời quá!” Lockwood phấn khởi nói. “Đây là khách sạn của chúng ta đêm nay.” Cậu đã nói chuyện rất sôi nổi với người lái xe một lúc lâu. Như tôi quan sát thấy, cậu đã đưa cho anh chàng đó một cơ số tiền - nhiều hơn mười hai bảng rưỡi một khoản kha khá - và một chiếc phong bì nâu được xi kín. “Anh sẽ chuyển giúp chứ?” cậu nói. “Nó quan trọng lắm đấy.”

Anh chàng kia gật đầu. Chiếc xe của anh ta gầm lên, phóng vút đi, bắn tung đá sỏi, để lại đằng sau mùi xăng và mùi của sợ hãi, và bóng dáng một ông già đang bước xuống những bậc thềm của ngôi nhà.

“Tất cả những chuyện đó là thế nào vậy?” tôi chất vấn.

“Một gói nhỏ tôi cần gửi ấy mà,” Lockwood nói. “Tôi sẽ nói với cậu sau.”

“Suyt,” George thì thầm. “Đây hẳn là 'ông già Bert Starkins'. Ông ấy già quá, phải không?”

Người quản gia quả là đã rất già, người ông ta khô quắt lại như thể hơi ẩm và sự mềm dẻo đã bị hút cạn từ lâu. Trong khi ông Fairfax vẫn toát ra đầy khí lực bất chấp tuổi tác và thể chất yếu ớt, người đàn ông này lại giống cây tần bì mọc cạnh nhà: xương xấu và quần quai, nhưng vẫn ngoan cố bám lại với đời. Ông ta có mái tóc muối tiêu bù xù cùng khuôn mặt hẹp mà càng tiến lại gần, khuôn mặt đó càng nát tung thành một mạng lưới những nếp nhăn ngang dọc, như một bề mặt đá vôi gồ ghề, nứt nẻ. Quần áo ông ta toát ra vẻ đứng đắn ử rử: một chiếc áo khoác đuôi tôm đã lỗi một bằng vải nhưng đen sẫm, từ trong hai ống tay áo thò ra những ngón tay xám ngoét điểm đồi mồi. Ống chiếc quần sọc ông ta mặc nhỏ tí, đôi giày dài và nhọn như mũi ông ta vậy.

Ông ta dừng lại và nhìn chúng tôi với vẻ u sầu. “Chào mừng tới Combe Carey. Ông Fairfax đang chờ các cháu, nhưng hiện tại ông ấy cảm thấy khó ở. Ông ấy sẽ đón các cháu sớm thôi. Trong khi chờ đợi, ông ấy yêu cầu tôi dẫn các cháu đi xem xung quanh khu đất và giới thiệu với các cháu về ngôi nhà.” Giọng ông ta đứt quãng và có vẻ cáu kỉnh, nghe như tiếng sột soạt của những nhánh lá liễu.

“Cảm ơn ông,” Lockwood nói. “Ông là ông Starkins có phải không ạ?”

“Là tôi đây, tôi đã chăm sóc tòa nhà này năm mươi ba năm, cả một đời người rồi, bởi thế tôi biết chút ít về nơi này và tôi chẳng quan tâm người ta có biết đến chuyện đó không.”

“Cháu... cháu chắc hẳn ông rất hiểu nơi này. Tốt quá rồi. Bọn cháu nên để đồ ở đâu nhỉ?”

“Cứ để ngay ở đây đi. Có ai lấy đâu chứ? Cư dân của ngôi nhà này thì chắc hẳn là không rồi; họ không thức dậy trước khi mặt trời lặn đâu. Đi nào, tôi sẽ chỉ cho các cháu xem khu vườn.”

Lockwood giơ một tay lên. “Xin lỗi ông, nhưng chuyến đi hơi dài. Ông có... *phòng giải quyết* nào gần đây không ạ?”

Mạng lưới nếp nhăn hằn sâu hơn; bóng tối bao phủ đôi mắt ông già. “Đợi khi chúng ta vào nhà nhé, cậu nhóc. Tôi không thể dẫn cháu đi lúc này được. Ông Fairfax muốn tự mình chỉ cho các cháu xem bên trong nhà.”

“Nhưng mà hơi khẩn cấp ông ạ.”

“Chịu khó khép chân lại và nhịn đi.”

“Hay ông chỉ đường cho cháu cũng được.”

“Không! Không được.”

“Thế thì cháu sẽ núp đằng sau một trong hai cái bình kia. Sẽ chẳng ai biết đâu.”

Ông Starkins cau có. “Bước lên mấy bậc thang kia, đi ngang qua sảnh, căn phòng nhỏ ở bên trái cầu thang.”

“Cảm ơn ông rất nhiều. Cháu sẽ quay lại sớm.” Lockwood vội vã bước đi.

“Nếu bây giờ cậu ấy không nhìn được,” ông già nói, “thì đêm nay cậu ấy sẽ ra sao, khi ánh sáng tắt dần ở phòng trưng bày dài đây?”

“Ồ, cháu chẳng biết nữa,” tôi nói. Hành vi của Lockwood cũng làm tôi cảm thấy hơi khó hiểu.

“Chúng ta không phải chờ cậu ấy làm gì,” ông Starkins tiếp tục. Ông ta chỉ vào chái phía Tây. “Phần công trình bằng đá này đánh dấu phần xưa cũ nhất của Combe Carey. Nó là lớp vỏ của tu viện ban đầu - các cháu có thể thấy một trong những cửa sổ nhà nguyện ở đó - do cái hội tai tiếng Các Tu sĩ Dị giáo của Thánh John xây dựng. Họ là một nhóm xấu xa! Người ta nói rằng họ chuyển từ thờ phụng Chúa sang thờ phụng...”

“... những thứ đen tối,” tôi lẩm bẩm.

Ông Starkins nhìn tôi ngờ vực. “Ai là người dẫn thăm quan ở đây, cháu hay tôi? Nhưng cháu nói đúng. Những nghi thức và lễ cúng tế sa đọa đó...Ồ, thật kinh khủng khi nghĩ về việc đó. Hừm, tiếng đồn cứ thế lan truyền, và cuối cùng tu viện bị các nam tước tịch thu. Bảy nhà tu tội lỗi nhất đã bị ném xuống một cái giếng. Những người còn lại bị thiêu cháy bên trong tòa nhà. Đúng vậy, tất cả đã gào thét đến chết bên trong những bức tường đó! Nhân tiện, tôi đã chuẩn bị giường cho các cháu trong các phòng khách ở tầng hai. Có cả phòng tắm trong mỗi phòng ngủ nữa. Các cháu có đầy đủ tiện nghi.”

“Cảm ơn ông,” tôi nói.

“Cái giếng đó vẫn còn dùng được chứ ạ?” George hỏi.

“Không. Hồi ta còn trẻ thì vẫn còn thấy một cái giếng bỏ hoang ở sân trong này, nhưng người ta đã dùng nắp sắt bịt lại từ nhiều năm trước và lấy cát lấp nó lại rồi.”

George và tôi nhìn quét qua tòa nhà yên tĩnh một lúc. Tôi cố xác định xem chỗ nào trong bức ảnh của ông Fairfax là chỗ cửa sổ có vẻ có bóng người đứng. Rất khó nói chính xác. Có một vài chỗ khả nghi, dường như là ở tầng hai, ba hoặc bốn.

“Ông có nghĩ các tu sĩ đó chính là Nguồn cơ bản của những vụ ma ám này không?” tôi hỏi. “Có vẻ chính là bọn họ.”

“Tôi đâu dám múa rìu qua mắt thợ,” ông Bert Starkins nói. “Có thể là các tu sĩ đó; nhưng cũng có thể là ngài Rufus Carey Điên, người đã xây dựng ngôi nhà này từ phế tích của tu viện vào năm 1328... À, anh bạn thận yếu của các cháu quay lại rồi đây. Cũng đến lúc rồi.”

Lockwood đang tiến về phía chúng tôi, bước đi rất phấn chấn. “Xin lỗi về chuyện vừa rồi,” cậu nói. “Cháu có bỏ lỡ điều gì không?”

“Bọn tôi vừa mới nghe về ngài Rufus Điên,” tôi nói.

Ông Starkins gật đầu. “Đúng vậy. Ở quanh đây người ta gọi ông ta là Công Tước Đỏ, vì mái tóc đỏ rực và vì thích đổ máu. Người ta nói rằng ông ta đưa những kẻ thù của mình vào một phòng tra tấn nằm sâu bên trong ngôi nhà, nơi...” Ông ta do dự. “Không, tôi không thể nói thêm nữa, khi có mặt một cô gái trẻ ở đây.”

“Ồ, ông cứ tiếp tục đi mà,” George nói. “Lucy không phải dạng vừa đâu. Nhìn cô ấy mà xem. Cô ấy đã thấy qua đủ thứ rồi.”

“Cháu đã nhìn thấy nhiều rồi,” tôi ngọt ngào nói.

Ông lão lâu bầu. “Hãy cứ nói là họ thỏa mãn thú vui ban đêm của ông ta đi. Mỗi khi ông ta kết liễu một người, ông ta đặt thủ cấp của họ trên cầu thang chính với những cây nến cháy trong hốc mắt.” Chỉ nghĩ đến đó thôi

mà đôi mắt già nua, ghèn gỉ của ông Starkins đã sợ hãi trợn trừng lên. “Chuyện cứ tiếp diễn suốt nhiều năm, cho tới một đêm đông gió nọ, một nạn nhân đã thoát được và cắt cổ ngài Rufus bằng chiếc cùm tay gỉ sét. Từ đó tới nay, cứ khi nào hồn ma của Công Tước Đỏ đi qua hành lang, thì ta có thể nghe thấy tiếng linh hồn các nạn nhân của ông ta gào rú. Người ta nói nghe cứ như thể chính chiếc cầu thang đang gào thét vậy.”

Lockwood, George và tôi liếc nhìn nhau. “Vậy ra đó là nguồn gốc của cầu Thang Gào Thét ạ?” Lockwood hỏi.

Ông Starkins nhún vai. “Có thể.”

“Ông đã bao giờ nghe thấy nó gào thét chưa?” tôi hỏi.

“Chưa bao giờ! Tôi chẳng bao giờ vào ngôi nhà này vào ban đêm cả.”

“Thế còn những người khác mà ông biết ạ? Họ có từng nghe thấy không? Bất cứ người bạn nào của ông?”

“Bạn ư?” Trán người coi nhà nhăn lên vì bối rối trước khái niệm đó. “Đây không phải chỗ để tôi có *bạn*. Tôi là người phục vụ trong căn nhà này. Thôi, hãy tiếp tục thăm quan thôi.”

Ông lão Starkins đưa chúng tôi ngao du một vòng xung quanh ngôi nhà, chỉ trỏ những đặc điểm bên ngoài, và hướng dẫn chúng tôi một cách ngắn gọn. Chẳng bao lâu mọi thứ trở nên rõ ràng, ít nhất là theo quan điểm của ông già, rằng mỗi hòn đá, mỗi cái cây đều có những mối liên hệ đáng sợ. Ngài Rufus và những tu sĩ nọ đã hình thành một cái dóp. Tất cả những người chủ sau của ngôi nhà đều hoặc điên, hoặc không ra gì, hoặc là kết hợp hỗn độn của cả hai thứ. Trong suốt những năm họ tra tấn kẻ khác, vô số những vụ giết chóc đã xảy ra. Về lý thuyết, bất cứ ai trong số những nạn nhân đều có thể đã góp phần vào bầu không khí tồi tệ trong căn nhà này, nhưng số lượng giai thoại vô cùng lớn này lại tẻ nhạt và quá khó tin. Tôi có thể thấy Lockwood đang cố nén nụ cười hoài nghi, còn George lần lữa đi

thụt lại sau, vừa ngáp vừa đảo mắt. Về phần tôi, chẳng bao lâu tôi đã từ bỏ nỗ lực ghi nhớ tất cả những câu chuyện đó, và dành thời gian để nghiên cứu ngôi nhà. Tôi nhận ra rằng ngoài cổng chính, chẳng có đường thoát nào từ tầng một ra ngoài, ngoại trừ ở Chái Đông, nơi ông Fairfax sử dụng. Chiếc Rolls-Royce của ông ta đang đỗ bên ngoài cánh cửa hông; người tài xế, mặc áo sơ mi bất chấp thời tiết giá lạnh, đang đứng đánh bóng nắp ca pô.

Khoảnh đất phía bên kia Chái Đông vươn ra một hồ chèo thuyền buồn tẻ hình bầu dục. Gần bên cạnh là những vườn hoa hồng và một tháp tròn cao với những bức tường đồ sộ có khe châu mai.

Ông Bert Starkins chỉ. “Các cháu hãy nhìn một công trình vô dụng của ngài Lionel.”

“Một cái tháp khác thường,” Lockwood góp lời.

“Cứ chờ đã,” George thì thào.

Ông lão gật đầu. “Đúng vậy, từ trên đỉnh tháp đó cô Caroline Throckmorton đã gieo mình xuống vào năm 1863. Đó là một buổi tối mùa hè đẹp trời. Cô ấy đứng trên khe châu mai, váy phên phật, bóng in lên bầu trời màu máu, trong khi những người hầu cố gắng dụ cô ấy quay vào trong bằng trà và bánh hạt. Tất nhiên là không có tác dụng. Họ nói rằng cô ấy bước vào không trung cứ bình thường như thể cô ấy đang bước xuống khỏi một chiếc xe buýt hai tầng vậy.”

“Ít ra thì đó là một kết cục thanh thản,” tôi nói.

“Cháu nghĩ vậy sao? Cô ấy đã gào thét và đập tay loạn xạ khi rơi xuống đấy.”

Một khoảng lặng ngắn. Làn nước lạnh trong hồ gợn lăn tăn trong gió. George hắng giọng. “Chà... vườn hồng đó đẹp quá.”

“Đúng vậy... Chính ngay chỗ cô ấy rơi xuống.”

“Một cái hồ êm đềm...”

“Nơi ngài John Carey đã bỏ mạng. Một đêm nọ ông ấy đi bơi. Người ta nói ông ấy bơi ra giữa hồ, rồi chìm ngihm như một hòn đá dưới sức nặng của những ký ức tội lỗi.”

Lockwood hấp tấp chỉ vào căn nhà gỗ nhỏ nằm giữa những bụi cây rậm và bờ giậu. “Thế còn về ngôi nhà kia...”

“Họ chưa bao giờ tìm thấy xác của ông ấy.”

“Thế ạ? Thật đáng xấu hổ. Còn căn nhà kia...”

“Xác ông ấy vẫn nằm dưới đó, được bao bọc trong bùn đá và đám lá rụng chìm sâu... Tôi xin lỗi, cậu nói gì nhỉ?”

“Căn nhà nhỏ đằng kia. Có câu chuyện kinh khủng gì về nó không?”

Ông lão trầm ngâm mím môi. “Chẳng có gì.”

“Không có gì sao?”

“Không.”

“Ông chắc chứ ạ? Không có các vụ tự tử hay phạm tội vì tình gì sao? Ít ra cũng phải có một vụ đâm dao hay gì đó chứ.”

Người quản gia nhìn Lockwood vẻ nghi ngờ. “Có lẽ, thưa cậu, cậu đang sáng tạo ra một câu chuyện cười thông thái kiểu sinh viên về tôi chẳng?”

“Cháu không dám nghĩ đến điều đó đâu.” Lockwood nói. “Và thực ra cháu chưa từng vào trường đại học.”

“Có lẽ cháu không tin những câu chuyện tôi đã kể,” ông già nói. “Như những bánh xe trượt trong bùn sâu, đôi mắt ghèn *gỉ* xoáy vào George và tôi. “Có lẽ không ai trong các cháu tin.”

“Không, không. Chúng cháu tin mà,” tôi nói. “Chúng cháu tin từng từ một. Phải không, George?”

“Hầu hết tất cả mọi câu chuyện.”

Ông Bert Starkins cau mặt. “Rồi các cháu sẽ sớm biết rằng những điều tôi nói có phải là thật hay không. Trong bất cứ trường hợp nào, thì cũng không có ma trong ngôi nhà gỗ nhỏ kia, bởi vì đó là nơi *tôi* ở. Tôi giữ không cho Khách vào đó.” Kể cả từ rất xa người ta đã có thể nhìn thấy những đồ bảo vệ bằng sắt treo lủng lẳng từ mái ngói. Ông lão không nói gì thêm nữa. Ông ta bước lên phía trước, vòng qua góc ngoặt cuối cùng và dẫn chúng tôi quay trở về mặt trước ngôi nhà, nơi chúng tôi phát hiện ra những chiếc túi vải len thô của chúng tôi đã được chuyển lên bậc thang trên cùng dẫn lên lối vào, và thấy một bóng người cao ráo, hốc hác đứng giữa hai cánh cửa mở toang, tay vẫy chiếc gậy đầu bịt sắt chào đón.

## CHƯƠNG 19

“Chào mừng, cậu Lockwood, chào mừng!” John William Fairfax đón chúng tôi trên ngưỡng cửa, ông ta bắt tay Lockwood và gật đầu cốc lốc với George và tôi. Ông ta dường như thậm chí còn cao gầy và giống bộ ngựa hơn so với những gì tôi nhớ về ông ta; vải bộ vét xám sẫm màu của ông ta treo thông phía trên đôi chân gầy guộc. “Vừa kịp giờ, y như cậu đã hứa. Và cậu sẽ thấy rằng tôi cũng giữ lời hứa *của mình*. Tôi đã chuyển tiền vào tài khoản của cậu mười phút trước, cậu Lockwood ạ, bởi vậy tương lai của công ty cậu đã được đảm bảo. Xin chúc mừng! Nếu giờ cậu theo tôi tới phòng tôi ở Chái Đông, cậu có thể điện thoại cho giám đốc ngân hàng của cậu, trong khi chúng ta thảo luận. Cậu Cubbins, cô Carlyle - ở phòng trưng bày dài đằng kia các cô cậu sẽ thấy đồ ăn thức uống đặt cạnh lò sưởi. Không, đừng lo mấy cái túi! Ông Starkins sẽ để mắt đến chúng.”

Ông ta tiếp tục vừa bước đi vừa nói âm âm, cây gậy của ông ta đều đập gõ xuống mặt sàn lát đá. Lockwood đi cùng ông ta; George chần chừ một chút, chùi sạch đôi giày trên tấm thảm trước cửa. Tôi cũng chần chừ một chút, nhưng không phải để chùi giày. Lần đầu tiên kể từ khi Jacobs dùng roi bắt tôi vào một ngôi nhà nông trại bị ma ám hồi tôi còn bé, tôi đã không tuân thủ quy tắc tiên quyết, quan trọng nhất.

Tôi nấn ná ở lối vào, do dự và sợ hãi.

Sảnh căn nhà này là một phòng lớn hình vuông, có mái vòm bằng gỗ và những bức tường quét vôi trắng giản dị. Hai bản vẽ mặt bằng của George đã cho chúng tôi biết nó là phần còn lại của tu viện ban đầu, và với quy mô cùng kiến trúc giản đơn thì nó vẫn còn rất giống một nhà thờ. Trên trần nhà,

nơi những thanh xà cũ kỹ giao nhau, những hình tạc nhỏ bé có cánh và mặc áo choàng đang nhìn xuống đầy bí hiểm, khuôn mặt của chúng đã cũ mòn theo năm tháng. Trên các bức tường treo những bức tranh sơn dầu, chủ yếu là chân dung các lãnh chúa và phu nhân thời xa xưa.

Ở hai bên sảnh, những khung vòm thụt vào dẫn tới những căn phòng khác. Tuy vậy, ngay đối diện tôi là một khung vòm khác cao hơn nhiều, gần tới tận trần nhà, và đằng sau khung vòm đó...

Đằng sau khung vòm đó là một cây cầu thang. Những bậc thang rất rộng và được làm bằng đá. Thời gian và những bước chân qua nhiều thế kỷ đã mài mòn phần giữa, làm chúng nhẵn bóng như đá hoa cương. Ở hai bên, hai hàng lan can dẫn ngược lên một chiều nghiêng bên dưới một cửa sổ kính tròn. Xuyên qua khung cửa đó, những tia sáng mặt trời cuối cùng le lói, nhấn chìm những bậc thang trong sắc đỏ.

Tôi nhìn cái cầu thang đó, và tôi không di chuyển được nữa. Tôi nhìn nó và *lắng nghe*.

Bên cạnh tôi, George đang giậm giậm đôi chân mập mạp của mình. Ông lão Starkins đã nhắc chiếc túi vải len thô đầu tiên lên, và thở khò khè trong lúc khó nhọc kéo lê nó vào sảnh. Những người phục vụ bước qua, mang theo những chiếc khay đựng cốc, bánh và những bộ thìa đĩa kêu leng keng. Tôi nghe Lockwood cười khi cậu ấy tiến vào một căn phòng khác.

Nói một cách khác, có rất nhiều âm thanh ở xung quanh. Nhưng khi lắng nghe, tôi cảm nhận được một thứ khác. Sự yên lặng. Cái yên lặng sâu thẳm của ngôi nhà. Tôi cảm nhận nó ở khắp xung quanh tôi, như thể nó có tri giác và nhận thức. Sự yên lặng đó vươn dài ra từ chỗ tôi, chạy dọc những hành lang và các tầng nhà, lên những bậc cầu thang đá, xuyên qua những cánh cửa mở và những khung cửa sổ cô độc, cứ thế cứ thế mãi, cho tới tận những nơi xa xôi và đáng sợ hơn cả. Nó chẳng có điểm kết thúc. Căn nhà

này chỉ là một cánh cổng. Sự yên lặng đó cứ tiếp diễn tới bất tận. Và nó đang chờ đợi chúng tôi - tôi có thể cảm thấy nó đang chờ đợi. Tôi có ấn tượng như thể có thứ gì đó đứng cao lừng lững cạnh tôi, to lớn và cao vút, sẵn sàng đổ sụp xuống đầu tôi.

George đã chùi giày xong; cậu bắt đầu đuổi theo những người phục vụ và đồng bánh. Ông Starkins đang đánh vật với đồng hành lý. Những người khác thì đã đi khỏi.

Tôi ngoái lại nhìn con đường rải sỏi và khoảng sân vườn phía xa. Ánh sáng đã tắt trên khắp vùng thôn quê lạnh lẽo. Trên những cánh đồng, các luống cày đã bị bóng tối bao phủ; chẳng mấy chốc nó sẽ tràn tới phủ kín khắp đất đai, và sự yên lặng trong căn nhà sẽ bị khuấy động...

Cơn hoảng hốt ghì chặt ngực tôi. Tôi không *bắt buộc* phải vào trong, vẫn còn thời gian để quay lại.

“Hồi hộp, có phải không?” Bert Starkins nhận xét và lách qua tôi, hai tay ôm một chiếc túi vải len thô. “Tôi cũng chẳng trách nếu cháu hồi hộp. Cô gái tội nghiệp từ Fittes ba mươi năm trước đó: cô ấy cũng sợ hãi. Để tôi nói cháu nghe nhé, tôi sẽ không trách nếu cháu bỏ chạy.” Ông ta nhìn tôi vô cùng ái ngại.

Giọng ông ta cắt ngang trạng thái dờ dẩn của tôi. Khoảnh khắc đó qua đi; cơn tê liệt của tôi đã qua đi. Tôi khẽ lắc đầu mà không nói gì. Chậm rãi mà cứng nhắc, tôi bước qua ngưỡng cửa, băng qua hành lang lạnh giá, và bước vào phòng trưng bày dài.

Đây là một căn phòng đẹp nhưng âm đạm, được chiếu sáng dọc theo chiều dài tít tắp bởi một chuỗi những cửa sổ có chấn song. Rõ ràng nó được xây cùng thời với căn sảnh lớn: cùng lớp đá quét vôi trắng, trần nhà gỗ sồi, những hình tạc trong bóng tối, những hàng dài các bức tranh đã ngả màu. Ở nửa chừng, một ngọn lửa đang nhảy nhót và bập bùng trong lò sưởi bằng

gạch cỡ lớn; ở phía đầu đằng kia, một tấm thảm treo nhạt màu choán hết bức tường. Nó thể hiện một cảnh thần thoại khó hiểu, bao gồm sáu tiểu thiên sứ, ba người phụ nữ mũm mĩm bán khóa thân và một con gấu trông có vẻ xấu xa. Bên cạnh lò sưởi là một chiếc bàn, và những người phục vụ đang dọn lên đó bữa trà mặn.

George đã chén một chiếc bánh rồi, và đang chăm chú ngắm nghía tấm thảm. “Bánh ngon đấy,” cậu nói. “Cậu nên thử một chiếc bánh trứng sữa.”

“Bây giờ không phải lúc. Tôi cần nói chuyện với Lockwood.”

“Cần giờ chuẩn đấy. Cậu ấy đây rồi.”

Lockwood và ông Fairfax đã từ sảnh bước vào phòng. Lockwood di chuyển tới chặn trước mặt chúng tôi. Gương mặt cậu bình thản, nhưng mắt thì sáng rỡ.

“Cậu có cảm thấy *không khí* của nơi này không?” tôi bắt đầu. “Chúng ta...”

“Các cậu sẽ chẳng bao giờ đoán được đâu,” cậu nói với tôi. “Họ đã lục soát túi của chúng ta.”

George và tôi tròn trừng. “*Gì cơ?*”

“Trong khi chúng ta thăm thú xung quanh cùng ông Starkins. Ông Fairfax đã bảo người của mình kiểm tra chúng. Họ muốn đảm bảo chắc chắn chúng ta không mang theo bất cứ ống Lửa Hy Lạp nào.”

George huýt sáo. “Họ không thể làm thế được!”

“Đúng thế! Chúng ta đã hứa với họ rồi mà.”

Ở bàn trà đằng kia, Fairfax đang la mắng những người phục vụ vì một sai sót nào đó. Ông ta vừa huơ huơ một tay vừa động chiếc gậy xuống sàn nhà. “Sao cậu *biết* ông ấy làm thế?” tôi khẽ nói.

“Ồ, ông ấy đã nói thẳng với tôi, sau khi tôi gọi điện đến ngân hàng. Ông ấy trơ lăm. Ông ấy nói với ai ông ấy cũng sẽ làm thế thôi. Ông ấy phải bảo vệ kết cấu của ngôi nhà cổ, và những đồ đạc *cực kỳ* đắt tiền - vân vân và vân vân. Nhưng thông điệp *thực sự* mà ông ấy muốn gửi đến tôi là: đây là nhà ông ấy, phải tuân theo những gì ông ấy đặt ra. Chúng ta chơi theo luật của ông ấy, không thì thôi.”

“Ngay từ đầu đã như thế rồi mà,” George nói. “Toàn bộ câu chuyện này rất dở hơi. Chẳng có thứ gì hợp lý cả. Ông ấy không cho phép chúng ta mang theo pháo. Ông ấy không cho chúng ta thời gian để tìm hiểu. Rồi ném chúng ta vào nơi ông ấy cho là một trong những khu vực bị ma ám nặng nề nhất Anh quốc, và...”

“Không phải chỉ *cho là* không đâu,” tôi nói. “Các cậu không cảm thấy sao? Xung quanh chúng ta ấy?”

Tôi nhìn bọn họ. Lockwood gật đầu cộc lốc. “Có. Tôi có cảm thấy.”

“Thế thì, cậu có thực sự nghĩ rằng chúng ta nên...”

“Cậu Lockwood!” Giọng nói trầm sâu của ông Fairfax vang lên từ bên kia phòng trưng bày tranh. “Trà của các cô cậu đang đợi đây! Hãy ra bàn và để tôi khuyên các cô cậu vài điều cho tối nay.”

Bữa ăn rất ngon, trà là loại Pitkins tốt nhất, và hơi ấm từ ngọn lửa kê lách tách đẩy lùi cái yên lặng chết chóc kia một lúc. Ông Fairfax ngồi cùng với chúng tôi trong khi chúng tôi ăn, nhìn chúng tôi bằng đôi mắt đen già nua, và nói chung chung về ngôi nhà. Ông ta nói về rất nhiều những báu vật của nó - những mái trần thời hậu Trung cổ, những bộ sưu tập đồ sứ vùng Sèvres và đồ nội thất thời nữ hoàng Anne, những bức tranh sơn dầu thời Phục hưng độc nhất vô nhị được treo ở sảnh và cầu thang. Ông ta kể về những hầm

rượu rộng lớn chạy dưới chân chúng tôi; về những vườn rau thơm mà ông ta hy vọng sẽ phục hồi lại được sớm; về những dãy hành lang chìm dưới đáy hồ. Ông ta không đề cập bất cứ điều gì liên quan tới nhiệm vụ của chúng tôi cho tới khi bữa tiệc trà kết thúc. Rồi ông ta cho những người phục vụ đi và bắt đầu vào công việc.

“Thời gian rất gấp gáp,” ông ta nói, “ông Starkins và tôi muốn rời đi trước khi màn đêm buông xuống. Chắc chắn các cô cậu cần phải chuẩn bị trước khi bắt đầu công việc, bởi vậy tôi sẽ nói ngắn gọn thôi. Như hôm trước tôi đã nói với các cô cậu, mái nhà này là khu vực nhiều vấn đề của tòa nhà. Có lẽ các cô cậu cũng đã cảm thấy điều đó rồi.”

Ông ta chờ đợi. Lockwood, lúc này đang lấy một ngón tay thon dài rê một quả nho khô trong chiếc đĩa của mình, mỉm cười lịch sự. “Sẽ là một đêm rất hấp dẫn đấy, thưa ngài,” cậu nói.

Ông Fairfax chặc lưỡi. “Có tinh thần lắm. Rất tốt, đây là những luật lệ cơ bản nhé. Sau khi trời tối, tôi sẽ bỏ lại các cô cậu ở bên trong, nhưng nhớ rằng các cửa chính kia vẫn không khóa cả đêm, nếu các cô cậu cần phải rời khỏi tòa nhà. Thêm vào đó, ở mỗi tầng các cô cậu sẽ thấy một cánh cửa sắt dẫn tới các căn phòng của tôi ở Chái Đông. Những cánh cửa đó sẽ được khóa, nhưng trong trường hợp khẩn cấp, hãy đập thật mạnh vào cửa và tôi sẽ đến trợ giúp các cô cậu. Các thiết bị điện ở chái bên này không hoạt động tốt, do ảnh hưởng của các linh hồn, nhưng chúng tôi sẽ đặt một điện thoại ở trong sảnh, kết nối từ chỗ các cô cậu đến ngôi nhà gỗ của ông Starkins. Tất cả các cánh cửa bên trong sẽ được mở để các cô cậu có thể đến bất cứ chỗ nào các cô cậu muốn, ngoại trừ một cánh cửa. Với cánh cửa đó” - ông ta vỗ vào túi áo khoác - “tôi có chìa khóa ở đây, và tôi sẽ đưa cho các cô cậu ngay bây giờ. Các cô cậu muốn hỏi gì không?”

“Nếu ngài có thể chỉ cho chúng cháu những khu vực có nhiều hoạt động nhất thì sẽ rất hữu ích đấy ạ,” Lockwood nói khẽ. “Nếu ngài có thời gian.”

“Có. Tất nhiên là có chứ. *Starkins!*” Ông già cao giọng hét lên; từ ngoài sảnh ông già thậm chí còn lớn tuổi hơn thế hấp tấp bước vào, hai bàn tay xương xẩu siết chặt vào nhau. “Bảo Boris và Karl đặt điện thoại nhé,” ông Fairfax nói. “Tôi sẽ đưa cậu Lockwood đi xem một vòng. Ông Starkins đó là một người phục vụ tốt,” ông ta giải bày khi người quản gia đã tập tễnh bước đi, “chỉ là nhát đến phát bực. Ông ấy chẳng bao giờ lên trên tầng hầm này, cho dù mặt trời còn chưa lặn hẳn đi nữa. Hừm, tôi nghĩ chắc sự cẩn trọng đó đã giúp ông ấy sống lâu đến như này. Chúng ta đi thôi.”

Chúng tôi rời khỏi bàn và theo ông Fairfax băng qua căn phòng ra ngoài. Ông ta chỉ một cánh cửa ở phía xa của lò sưởi. “Qua cánh cửa này các cô cậu sẽ thấy những phòng hứng nắng, khu vực tiếp tân, nhà kính và bếp. Chúng đều cũ rồi, nhưng không bằng phòng trưng bày tranh ở đây, vốn là một phần của tu viện ban đầu. Trước kia nó dẫn tới các tòa nhà khác, nhưng chúng đã bị phá sập từ rất lâu rồi.” Ông ta trở vào tấm thảm treo ở phía cuối. “Chỗ đó bây giờ là điểm cuối của tòa nhà.”

Ông ta dẫn chúng tôi quay trở lại qua sảnh và tới một khung vòm ở phía xa. Đây là một căn phòng hình vuông, trải thảm và tối sầm đi bởi những hàng giá sách cao vút; ở phía đằng xa là một cánh cửa kim loại tán đinh. Những chiếc ghế hiện đại bằng sắt và da trông không lấy gì làm thoải mái đứng giữa những chiếc bàn đọc sách. Một bức tường gần như bị che phủ hoàn toàn bởi một bộ sưu tập rất nhiều những bức ảnh đóng khung, một số là ảnh màu, còn hầu hết là ảnh đen trắng. Bức to nhất, đặt ở vị trí trang trọng nhất, là ảnh một chàng thanh niên nghiêm nghị, mặc áo chên, cổ xếp nếp và quần ống bó, đang chăm chú xem xét một cái đầu lâu trông có vẻ rêu mốc.

Lockwood nhìn bức ảnh đó vẻ thích thú. “Xin lỗi thưa ngài, nhưng chẳng phải đó chính là ngài sao?”

Ông Fairfax gật đầu. “Đúng, đó là tôi. Tôi đóng vai Hamlet hồi còn trẻ. Thực ra tôi đã đóng hầu hết các vai kịch Shakespeare, nhưng Dane có lẽ là vai diễn tôi yêu thích nhất. À, ‘tồn tại hay không tồn tại’, người anh hùng bị giằng co giữa sống và chết... Tôi phải tự khen rằng mình diễn khá tốt. Còn đây: thư viện, nơi tôi dành phần lớn thời gian trong các chuyến viếng thăm nơi này. Gu sách của người chủ trước tôi không được sắc sảo cho lắm, bởi vậy tôi đã thay thế bộ sưu tập sách của ông ấy bằng bộ sách của tôi, và chỉnh trang lại chút ít. Chỉ cần bước qua cánh cửa kia là đến được chỗ an toàn nơi các căn phòng của tôi, và những đồ đạc bằng sắt - tất nhiên do chính công ty tôi sản xuất - sẽ xua lũ ma ra xa.”

“Một căn phòng rất thoải mái, thưa ngài,” Lockwood nhận xét.

“Các cô cậu không cần tìm kiếm nhiều ở đây đâu,” ông Fairfax đưa chúng tôi quay trở lại sảnh, nơi ông Starkins đang đặt một chiếc điện thoại kiểu cổ màu đen lên một chiếc bàn con, cạnh một bình hoa có hoa văn tinh xảo. “Cho dù là thứ gì đi nữa, thì chắc chắn Nguồn cũng sẽ ở trong phần cổ nhất của tòa nhà. Sảnh, phòng trưng bày dài, hoặc có nhiều khả năng nhất, là ở trên tầng. Này, cẩn thận đấy!” Hai người phục vụ đang trải cuộn dây điện thoại quanh chiếc bàn. “Nó là đồ thời nhà Hán đấy! Các người có biết *giá trị* của chiếc bình đó là bao nhiêu không?”

Ông ta tiếp tục quở trách họ, nhưng tôi đã chẳng còn nghe ông ta nói nữa. Tôi bước ngang sảnh, lắng nghe bằng tai trong và chỉ thấy tiếng tim mình đập trong bầu im lặng chờ đợi. Phía trước tôi, cây cầu thang lớn nhô lên, uốn cong tới chiều nghỉ và dẫn lên vào bóng tối. Những sinh vật kỳ lạ với rất nhiều vảy và sừng được khắc vào hai bên thành cầu thang theo từng bậc. Mỗi con đỡ một chiếc cột nhỏ trong móng vuốt.

“Có nghe thấy gì không?” George thì thầm. Cậu đã tới bên cạnh tôi.

“Không. Mà ngược lại. Cứ như thể thứ gì đang cố che đậy những âm thanh ấy hay sao đó.”

“Tôi thấy là các cô cậu đã tìm thấy cây Cầu Thang Gào Thét huyền thoại!” ông Fairfax một lần nữa quay lại với chúng tôi. “Các cô cậu thấy đồng cột cạnh những tượng rồng đó chứ? Đó là nơi Công Tước Đỏ đặt đầu lâu những nạn nhân của ông ấy - chuyện kể lại như vậy. Có lẽ sau đêm nay, các cô cậu sẽ có thể khẳng định lại câu chuyện về cây cầu thang. Tôi hy vọng các cô cậu sẽ không phải nghe tiếng hét của nó.”

Ông ta dẫn chúng tôi lên những bậc thang, cây gậy đều đặn gõ vào bậc thang đá. Chúng tôi theo sau trong yên lặng, đội hình rời rạc, mỗi người đều lờ những người kia đi, để cho các giác quan của chúng tôi dẫn lối. Tôi vuốt ngón tay lên tay vịn cầu thang, vừa để tâm trí rộng mở chờ đón những dấu vết tâm linh, vừa liên tục lắng nghe.

Chúng tôi đi bên dưới một ô cửa sổ, bốn dáng người vương những tia nắng cuối cùng chầm chậm leo lên qua một đợt cầu thang nữa và tới chiếu nghỉ. Một tấm thảm màu đỏ đun và lớp giấy dán tường xộp màu đỏ hấp thụ hết mọi âm thanh. Ở trên này có một thứ mùi ngọt ngào rất lạ, như mùi những bông hoa của vùng nhiệt đới, nhưng quẩn mùi thối rữa. Một hành lang dài rộng mà tôi còn nhớ được từ bản vẽ của George chạy theo hướng Đông-Tây, dọc theo trục tòa nhà. Ở cả hai bên có rất nhiều căn phòng mở cửa; qua những cánh cửa khép hờ tôi loáng thoáng thấy đám đồ đạc tối màu, những bức tranh, những tấm gương vàng nặng nề... Fairfax bỏ qua tất cả. Ông ta dẫn lối dọc theo hành lang về phía Tây cho tới khi nó kết thúc ở một cánh cửa.

Fairfax dừng lại; không hiểu do cố gắng lúc leo cầu thang hay do không khí ở nơi đây đột nhiên trở nên ngọt ngào mà ông ta bị hụt hơi.

“Đằng sau rào chắn này,” cuối cùng ông ta nói, “chính là nơi tôi đã nói với các cô cậu. Căn Phòng Đỏ.”

Đó là một cánh cửa gỗ chắc chắn, được đóng chặt và khóa lại, và không khác gì so với những cánh cửa khác mà chúng tôi vừa đi ngang qua - ngoại trừ một vết đánh dấu ở trên. Người nào đó, vào một lúc nào đó, đã gạch một chữ X nguệch ngoạc lên thanh ván ở giữa của nó. Một nét ngắn, một nét dài; cả hai đều được tạo ra bởi lực rất mạnh, khắc sâu vào gỗ.

Fairfax chỉnh vị trí của đầu gậy trên sàn nhà. “Giờ, cậu Lockwood, hãy thật chú tâm nhé. Bởi vì đây là một căn phòng đặc biệt nguy hiểm, nó luôn được khóa lại. Tuy vậy, tôi có chìa khóa ở đây, và giờ tôi trao nó cho cậu.”

Ông ta làm một màn khua chiêng gõ trống, hết vỗ vỗ rồi lục lọi. Cuối cùng chiếc chìa khóa xuất hiện: một vật nhỏ màu vàng trên một vòng dây đỏ đậm. Lockwood điềm tĩnh cầm lấy.

“Tôi tin,” ông Fairfax nói, “rằng Nguồn ở trong căn phòng này. Các cô cậu có muốn điều tra theo hướng đó không là tùy các cô cậu. Các cô cậu *không bắt buộc* phải vào trong đó. Tôi để các cô cậu tự quyết định. Tuy vậy, tôi nghĩ các cô cậu đã cảm thấy là tôi đúng...”

Có lẽ ông ta còn nói nhiều nữa, nhưng tôi quá bận rộn để cố gắng lắng nghe những tiếng thì thầm yếu ớt lặp đi lặp lại đã đột nhiên phá vỡ sự tĩnh lặng. Chúng ở đâu đó rất gần, và tôi không thích những giọng nói đó. Tôi nhận ra Lockwood đã tái xám mặt mày, và kể cả George trông cũng xanh tái và nôn nao; cậu kéo cao cổ áo như thể cảm thấy lạnh.

Ở dưới sảnh, chiếc điện thoại đã được đặt cạnh cái bình, dây cáp của nó chạy trên mặt sàn đá tới một lỗ cắm đầu đó trong thư viện. Những người phục vụ đã rời đi. Ông già Bert Starkins bồn chồn đứng bên cánh cửa, trong ánh sáng nhá nhem, nóng lòng muốn đi theo bọn họ.

“Còn mười phút, thưa ngài!” ông ta gào lên.

Ông Fairfax nhìn chúng tôi. “Cậu Lockwood?”

Lockwood gật đầu. “Được ạ. Chúng cháu chỉ cần mười phút thôi.”

Chúng tôi làm việc trong yên lặng bên dưới những khung cửa sổ cao và hẹp của phòng trưng bày dài, đổ các thứ trong túi ra, tập hợp đồ nghề, thắt chặt các dây buộc và điều chỉnh bộ dụng cụ. Mỗi chúng tôi đều mang những bộ đồ nghề thông thường và bổ sung thêm một chút để bù cho việc thiếu pháo.

Trên đai lưng, tôi mang thanh kiếm của mình, một chiếc đèn pin cùng pin dự phòng, ba cây nến với một chiếc bật lửa và một hộp diêm, năm ấn bạc nhỏ (mỗi cái có một hình dạng khác nhau), ba túi nhỏ mạ sắt, ba quả bom muối, hai lọ nước oải hương, nhiệt kế, sổ ghi chép và một cái bút. Kế đến, trên một dây đai khác, choàng chéo qua vai tôi như một tấm khăn, tôi đeo hai hàng hộp nhựa đặt thành cặp. Mỗi cặp chứa hai lạng mạ sắt và hai lạng muối. Tiếp theo, cũng là ở trên vai, tôi có một vòng xích sắt mỏng, giờ hết ra thì dài một mét tám, và được quấn chặt với màng bóng xộp để ngăn tiếng động mạnh. Cuối cùng, trong túi ngoài áo khoác của tôi, tôi trữ đồ ăn dùng trong trường hợp khẩn cấp - nước tăng lực, bánh kẹp và sô cô la. Những bình giữ nhiệt đựng trà nóng, xích sắt cùng những chiếc ấn lớn hơn, được mang trong một túi riêng.

Ngoài quần áo thường ngày, tôi mang găng tay, áo gi lê và quần tất giữ nhiệt, và bên trong đôi boots thì đi tất dày. Vẫn chưa đủ lạnh để đội mũ, bởi vậy tôi nhét nó trong túi áo khoác dài. Và tôi vẫn đeo sợi dây chuyền đặt trong chiếc hộp thủy-tinh-bạc giấu quanh cổ.

Những người kia cũng mang theo ít nhiều như thế, dù Lockwood còn có cặp kính râm gài vào túi ngực áo khoác. Những trang thiết bị trở thành gánh nặng cho chúng tôi, và khiến chúng tôi thấy vướng víu hơn bình thường, nhưng mỗi người chúng tôi đều mang theo đủ lượng sắt để có thể tự mình

chiến đấu. Nếu bị tách nhau ra và rơi vào tình thế bất buộc, chúng tôi có thể tạo lập những vòng tròn bảo vệ của riêng mình. Trong mấy túi vải len thô vẫn còn hai bộ xích sắt đường kính năm phân nữa - ngay cả những Khách mạnh nhất cũng khó lòng dịch chuyển được chúng - nhưng chúng tôi hiện giờ không hoàn toàn phụ thuộc vào những thứ này.

Chúng tôi đã xong. Ánh sáng bên ngoài cửa sổ gần như đã tắt hẳn. Đằng kia trong lò sưởi, những ngọn lửa màu cam đang lụi dần. Bóng tối đã trùm dọc trần nhà của phòng trưng bày dài, bao lấy những đường cong và góc nhọn của cây cầu thang đá lớn. Nhưng thế thì đã sao? Đúng vậy, ngày đã tàn và đêm đã đến, và Khách trong căn nhà đang thức dậy, nhưng Lockwood & Đồng sự đã sẵn sàng. Chúng tôi làm việc cùng nhau, và chúng tôi sẽ không sợ hãi.

“Hừm, vậy thôi,” ông Fairfax nói. Ông ta đứng cạnh ông Starkins ở cửa. “Tôi sẽ quay trở lại đây vào chín giờ sáng ngày mai để nghe báo cáo của các cô cậu. Còn có câu hỏi cuối nào không?”

Ông ta nhìn khắp chúng tôi; chúng tôi đứng đó chờ đợi, Lockwood cười nhẹ nhàng như vẫn thường làm, tay đặt trên chuôi kiếm, thoải mái như thể đang đứng đợi taxi vậy. Bên cạnh cậu, George, bình thản tới kỳ cục như mọi khi, đang chớp mắt qua cặp kính tròn dày cui, quần được kéo cao bấp chập sức nặng của muối và sắt. Còn tôi... Tôi tự hỏi trông *mình* ra sao trong những giây phút cuối cùng đó? Tôi hy vọng mình thể hiện tốt. Hy vọng tôi không để sự sợ hãi của mình lộ ra ngoài.

“Có câu hỏi gì không?” ông Fairfax nhắc lại.

Mỗi đứa chúng tôi đều đứng đó yên lặng, chờ đợi ông ta kết thúc câu chuyện và rời đi.

“Thế thì hẹn gặp sáng mai nhé!” Fairfax giơ tay làm một cử chỉ chia tay gượng gạo. “Chúc các cô cậu may mắn!” Ông ta gật đầu nhanh với Bert Starkins, và quay đầu đi xuống các bậc thềm. Ông Starkins với tay ra đóng cửa. Hai tiếng cọt két đồng thời của mấy chiếc bản lề rít lên; hai cánh cửa khép lại. Trong một khoảnh khắc người quản gia như bị đóng khung giữa chúng, in bóng trong ánh sáng chạng vạng như một giá treo cổ cằn cỗi và uốn éo... Rồi hai cánh cửa đóng sập lại. Tiếng sập cửa dội chói tai qua sảnh và dọc khắp các phòng trưng bày. Tôi có thể nghe thấy những tiếng vọng trôi mãi tới tận những góc ngách xa xôi, bụi bặm của tòa nhà.

“Chẳng phải sẽ rất hay nếu ông ấy quên gậy và phải vội vã chạy ngược lại để lấy nó sao?” George nói, “Chắc chắn hiệu ứng này sẽ *hông* *bét*, phải không?”

Cả hai chúng tôi đều không đáp lời. Những tiếng vọng đã lịm dần, và giờ đây cái im lặng hau háu của ngôi nhà dâng lên ôm lấy chúng tôi như một làn nước giếng.

## CHƯƠNG 20

“Làm việc cần làm trước đã”, Lockwood nói. “Đợi đây nhé.”

Cậu bước ngang qua sảnh, để giày gõ xuống những viên đá lát sàn, dưới ánh mắt các lãnh chúa và phu nhân của Combe Carey, tới một cánh cửa nhỏ bên cạnh cầu thang. Cậu mở cánh cửa và biến mất vào bên trong. Cánh cửa đóng lại. Yên lặng một lúc. George và tôi nhìn nhau. Một tiếng leng keng kỳ lạ của sứ vang lên, rồi yên lặng; rồi tiếng xả bồn cầu. Lockwood chui ra, tay lau vào áo choàng. Cậu từ tốn bước lại phía chúng tôi. “Tốt hơn rồi,” cậu nói. Cậu xách một gói gì đó loang loáng ướt.

“Cái gì vậy?” George hỏi.

Lockwood vung cái gói đó lên. “Bảy ống pháo mạnh nhất mà Satchell có thể cung cấp,” cậu nói. “Gắn chúng vào thắt lưng của các cậu như mọi ngày và lên đường thôi.” Cậu xé lớp băng dán bọc quanh chiếc túi nhựa ướt và giở nó ra. Khi cậu giở ra hết, hai cái ống màu bạc sáng lặn xuống lòng bàn tay cậu.

“Lockwood...” George bắt đầu. “Làm sao cậu...”

“Cậu đã giấu pháo trong quần áo!” tôi thốt lên. “Cậu đem giấu chúng khi chúng ta tới đây! Trong khi chúng tôi đang đợi bên ngoài với ông Starkins!”

Cậu mỉm cười; hàm răng sáng mờ trong ánh sáng nhá nhem.

“Đúng thế. Tôi gắn chúng vào lớp lót áo khoác. Ngay khi chúng ta tới đây tôi đã lén vào nhà vệ sinh và giấu chúng vào bồn nước nhà vệ sinh. Của cậu đây, Lucy. Chia tay ra.”

Tôi vui vẻ nhận lấy những ống pháo và gắn chúng vào đúng chỗ trên thắt lưng của mình. Lockwood lấy ra hai ống nữa và đưa cho George.

“Tôi đã đoán trước rằng ông Fairfax thế nào cũng sẽ khám người và bộ đồ nghề của chúng ta,” cậu nói, “và tôi muốn giấu chúng khuất mắt trước khi điều đó xảy ra. Phải thừa nhận rằng tôi đã không nghĩ rằng ông ấy có thể lục lọi túi xách của chúng ta khi chúng ta không có mặt ở đó. Nhưng rồi thế đấy, ông ấy là con người như thế mà.”

“Chà, ông ấy là người thế nào cơ?” George vừa nói vừa nhìn xuống hai ống của cậu.

“Một con người đáng sợ. Chẳng phải điều đó quá hiển nhiên sao? Còn đây là hai ống cho tôi...”

Tôi lắc đầu, kinh ngạc. “Nếu ông Fairfax mà biết cậu làm việc này...”

“Ờ, nhưng ông ấy không biết đâu.” Lockwood nhe răng cười như một con sói. “Và tôi sẽ chẳng mất ngủ vì đã lừa dối ông ấy đâu. Trước giờ ông ấy là người đặt ra luật lệ. Giờ là lúc chúng ta điều chỉnh chúng theo hướng có lợi cho mình.”

“Tôi không tranh cãi đâu, Lockwood,” George nói. “Đây là một việc tuyệt vời. Nhưng cậu thừa biết rằng nếu chúng ta chỉ cần làm bắt lửa vào một chiếc chân ghế thời nữ hoàng Anne thôi, chúng ta sẽ không lấy được phần tiền còn lại. Trên thực tế, ông Fairfax có lẽ sẽ kiện chúng ta, như nhà Hope đã làm, và như thế chúng ta sẽ lại trở về với cái máng lợn thôi.”

“Ồ, ông ấy sẽ kiện chúng ta, được thôi,” Lockwood đồng tình. “Nhưng ai quan tâm chứ? Ống Lửa Hy Lạp này có thể sẽ cứu mạng chúng ta. Nhớ điều đã xảy ra với nhóm thám tử cuối cùng đã ở đây qua đêm chứ? Chúng ta sẽ không để người ta tìm thấy *chúng ta* chết cứng dưới sàn nhà. Và vì thế tôi đã có chuyến mua sắm nho nhỏ cuối cùng ngày hôm qua...”

Cậu vỗ vỗ vào chiếc gói dốc ngược. Chiếc ống thứ 7 lăn ra, nó hơi lớn hơn một chút so với những ống khác. Giống như những ống còn lại, nó có in logo hình mặt trời mọc của công ty Sunrise trên thân, nhưng giấy gói màu đỏ sẫm thay vì màu trắng. Ở một đầu có một chiếc ngòi dài.

“Một loại pháo mới,” Lockwood nói và nhét nó vào bên cạnh hai ống khác ở thắt lưng. “Người của Satchell nói rằng các thám tử Fittes và Rotwell đã sử dụng chúng trong nhiều vụ ma cụm - nạn nhân của các vụ ném bom thời Đức Quốc xã, các khu vực bệnh dịch vân vân... Nó sẽ phát ra một luồng bạc, sắt và magiê rộng lớn. Chắc chắn chúng ta sẽ phải tránh thật xa khi nó phát nổ, bởi vì nó có sức mạnh rất ghê gớm. Tôi hy vọng thế; bởi vì giá của nó rất đắt. Giờ thì - tôi phải giấu thứ rác rưởi này vào đâu đây?” Cậu vò nhàu chiếc túi ướt, và nhét nó vào trong miệng một chiếc bình thời Hán của ông Fairfax. “Tốt,” cậu nói cụt ngắn. “Làm việc thôi.”

Chúng tôi chọn thư viện làm căn cứ địa của mình. Nó vừa gần lối thoát vừa gần cánh cửa nối sang mái nhà an toàn, và ở đó có rất nhiều những chiếc ghế băng sắt có thể sẽ kiềm chế được hoạt động của Khách. Chúng tôi kéo túi xách vào bên trong và đặt một ngọn đèn điện lên trên một chiếc bàn. Lockwood giảm ánh sáng xuống.

“Chúng ta đã xem nhanh một vòng quanh đây rồi,” cậu nói. “Ai có ý kiến gì không?”

“Nơi này đầy những hồn ma,” tôi nói.

George gật đầu. “Cụ thể là?”

“Hành lang gần Căn Phòng Đỏ?”

“Ừ.”

“Cậu nghe thấy gì chứ, Lucy?”

“Ở hành lang đó ư? Rất nhiều tiếng thì ào. Quá khê để có thể nghe ra được bất cứ từ nào, nhưng những giọng nói thì... rất tàn độc, tôi nghĩ vậy. Ở

những nơi khác thì chỉ là sự yên lặng. Nhưng đó là sự yên lặng tôi *biết* chắc sẽ bị phá vỡ ngay khi đêm xuống.” Tôi nở nụ cười ái ngại. “Xin lỗi nhé, nghe không hợp lý lắm, phải không?”

Lockwood gật đầu. “Thực ra thì rất có lý. Chuyện tương tự cũng xảy ra với tôi. Tôi có thể cảm thấy các đốm-sáng-chết *khắp mọi nơi*, nhưng chưa thể nhìn rõ được chúng. Còn cậu thế nào, George?”

“Tôi không được thính nhạy như hai cậu,” cậu nói, “nhưng tôi đã nhận thấy một điều.” Cậu gỡ nhiệt kế ra và chìa mặt số về phía chúng tôi. “Khi chúng ta ở trong thư viện cùng ông Fairfax, nhiệt độ lúc đó là mười sáu độ. Giờ nó đã giảm xuống mười độ. Thế là giảm khá nhanh đấy.”

“Nó sẽ còn giảm xuống nhiều hơn nữa,” Lockwood nói. “Được rồi, chúng ta sẽ làm một cách có hệ thống. Chúng ta sẽ ghi chú lại nhiệt độ và những cảm nhận của chúng ta. Đầu tiên là tầng một trước, bao gồm cả cây cầu thang đó - rồi đến hầm rượu. Rồi chúng ta sẽ nghỉ một lát. Sau đó: những tầng khác. Đêm sẽ dài, và đây là một tòa nhà lớn. Chúng ta sẽ luôn ở cạnh nhau. Không ai đi lang thang một mình. Vì *bất cứ* lý do gì. Nếu các cậu cần đi vệ sinh, tất cả chúng ta sẽ cùng đi. Đơn giản thế thôi.”

“Thế thì tôi không uống trà nữa vậy,” tôi nói.

Tôi đã đúng. Nơi đây đầy hồn ma. Và chẳng cần phải đợi lâu chúng mới bắt đầu lộ diện.

Nhờ những đồ đạc bằng sắt, thư viện - nơi chúng tôi khởi đầu - có tương đối ít những dấu hiệu bất thường. Nhưng ngay cả khi ở đây, với ngọn đèn tạm thời tắt đi để lại chúng tôi đứng trong bóng tối, chúng tôi bắt đầu nhận thấy những đốm và vệt sáng vụt qua tầm nhìn. Chúng quá mờ và lướt quá nhanh nên rất khó để hình thành một vụ hiện hồn thực sự, nhưng chúng cũng chính là những vệt sinh chất. Theo phương pháp Fittes cổ điển,

George lấy chỉ số nhiệt độ ở cả bốn góc và trung tâm của căn phòng. Cậu ghi lại những chỉ số này rất cẩn thận trên bản sơ đồ mặt bằng. Trong lúc ấy tôi cầm kiểm đứng gác; sau đó Lockwood và tôi vận dụng Năng lực của mình để cảm nhận. Chúng tôi không thu được gì nhiều. Sự yên lặng trùm lên hai tai tôi. Lockwood thông báo có vài đốm sáng yếu ớt mà cậu đoán là các đốm-sáng-chết cổ xưa. Cậu có vẻ quan tâm nhiều hơn tới những tấm ảnh rở tiền kịch tính trên tường.

Trong hành lang, chỉ số trung bình của George là mười một độ. Những đốm sinh chất giờ đã mạnh hơn thấy rõ, bắn tóe xung quanh chúng tôi như những con đom đóm trong bóng tối. Ở đây cũng xuất hiện bóng dáng đầu tiên của một làn sương ma màu trắng xanh, mờ ảo tới nỗi có căng mắt ra cũng rất khó thấy được. Nó nằm sát dưới sàn nhà và chầm chậm lớn dậy ở rìa phòng.

Và giờ đây các hiện tượng khác bắt đầu tăng tốc xuất hiện. Khi tôi tập trung, tôi bắt đầu nghe được một âm thanh lách tách nho nhỏ, như tiếng nhiễu trên radio, ở rìa xa của vùng cảm nhận. Nó cứ liên tục tắt đi rồi lại nổi lên, mãi đe dọa nhập lại với nhau thành những âm thanh có nghĩa, nhưng cuối cùng chuyện đó chẳng bao giờ xảy ra. Vì một lý do nào đó sự mơ hồ của nó làm tôi khó chịu. Tôi cố gắng hết sức để loại bỏ nó ra khỏi đầu.

Trong khi đó Lockwood đã phát hiện được ba đốm-sáng-chết trong sảnh, chúng đều sáng đến mức ngạc nhiên.

“Gần đây thôi, phải không?” tôi hỏi.

Cậu gỡ kính râm xuống và gài vào áo khoác. “Hoặc là dấu vết của một sự kiện đã lâu rồi nhưng vô cùng kinh hoàng. Khó mà nói được.”

Bản thân cây cầu thang khổng lồ thì bất ngờ thay lại có những chỉ số rất thấp. Nhiệt độ của nó (George đã thực hiện đo đạc ở một vài bậc thang, rồi lấy chỉ số trung bình) không khác gì so với trong sảnh. Tôi chẳng cảm nhận

thấy sự thay đổi nào trong những âm thanh ẩn giấu ở đó, và chắc chắn không có tiếng gào thét nào cả. Khi tôi (hơi ngập ngừng) sờ vào mặt đá cầu thang và cố gắng cảm nhận những dấu ấn tâm linh, tôi không tìm được gì khác ngoài một cảm giác khó chịu cao độ, mà - nói thật - tôi đã cảm thấy sẵn rồi.

Trong phòng trung bày dài, bức tường phía xa đã chìm trong bóng tối và không khí đã trở nên lạnh lẽo. Ngọn lửa bùng cháy trong lò giờ đây đã ngớt lại thành một tia lửa cứng đờ duy nhất; nó rung rinh, run rẩy, nhưng vẫn chưa chịu tắt. George lại xem nhiệt kế một lần nữa. “Tám độ,” cậu nói, “và vẫn tiếp tục hạ.”

“Tôi bắt đầu cảm thấy phiền muộn rồi,” tôi nói. “Có ai cảm thấy vậy không?”

Bọn họ gật đầu. Đúng vậy, nó đang bắt đầu. Cảm giác xuống tinh thần quen thuộc, cái sức nặng như chì đang ép xuống trái tim ta một cách tàn độc, làm cho ta chỉ còn muốn cuộn người như một quả bóng và nhắm mắt lại...

Chúng tôi tiến sát vào nhau, tay đặt trên chuôi kiếm, và bước cùng nhau dọc căn phòng.

Cảm giác tuyệt vọng càng lúc càng trở nên mạnh mẽ hơn theo mỗi bước chân của chúng tôi, vượt qua chiếc bàn uống trà và lò sưởi, tiến về phía tấm thảm treo phai màu ở đầu đằng kia của phòng tranh. Nhiệt độ giảm rất nhanh. Sương ma trôi dưới mắt cá chân chúng tôi và xô vào những chiếc ghế xô pha. Và giờ đây, khi chúng tôi quay đầu nhìn lại, những ma hình thực sự đầu tiên đã xuất hiện: những hình dáng mờ mờ đang đứng ở giữa sảnh.

Theo quy luật kỳ quặc của những Loại Một yếu, ta nhìn thấy chúng rõ nhất khi quan sát từ khước mắt: những vết khía nhiễu loạn màu xám và đen

sáng lập lòe trong chốc lát và tan biến vào hư không. Hai linh hồn cỡ trẻ con, một cỡ người lớn: ngoài điều đó ra thì ta chẳng thể nói bất cứ điều gì về chúng.

Chúng tôi cố gắng hết sức tăng lờ chúng đi và thay phiên nhau đứng gác trong khi đo đạc các chỉ số ở bức tường đằng xa nhất. Ở đây lạnh hơn thấy rõ. Lockwood nâng một góc tấm thảm treo lên và quan sát đằng sau nó.

“Tôi cũng đã bắn khoản về cái đó,” George nói. “Có gì không?”

Lockwood thả tấm thảm xuống. “Chỉ là đá thôi. Dù sao thì đây cũng là một điểm lạnh.”

“Đúng vậy. Sáu độ, sắp sửa xuống năm độ rồi. Được rồi, chúng ta đã xong ở đây. Đi tiếp thôi.”

Khi chúng tôi hoàn thành tầng một và quay trở lại cầu thang thì một dải sương mù cùng âm thanh và mùi khó chịu đón chào chúng tôi, và không phải toàn bộ chúng là do George. Không nơi đâu khác lạnh lẽo hoặc có cái không khí quái gở như ở phòng trưng bày dài, nhưng những hiện tượng siêu nhiên đã lan ra khắp mái nhà này. Âm thanh lách tách nhiễu loạn xấu xa lúc này đã mạnh hơn. Chúng tôi đã ghi lại thêm vài đốm-sáng-chết nữa. Các ma hình xuất hiện khá liên tục. Chúng chẳng bao giờ tới gần chúng tôi, mà luôn luôn hình thành ở đằng phía xa kia của hành lang, ở những chỗ mà chúng tôi vừa mới ở, hoặc sắp sửa định tới. Không thể nhìn rõ chi tiết của chúng, dù một vài trong số đó rõ ràng là trẻ con. Ấn tượng chúng đem lại đều là đặc trưng của Loại Một: lãnh đạm, không hung hăng, chỉ có chút buồn buồn.

“Chúng là những thứ không đáng kể thôi,” George nói trong khi chúng tôi, với quầng sáng yếu ớt từ ngọn nến Lockwood đang cầm chìa ra đằng trước, tiến xuống cây cầu thang nhỏ hẹp của hầm rượu. “Bóng, Ma Ấn, Sương Xám... Đó chỉ là những hồn ma bên ngoài tụ tập lại xung quanh vụ

ma ám khởi thủy, gốc rễ. Tới giờ trong những thứ chúng ta đã thấy vẫn không có gì có thể là bản thân Nguồn, thậm chí còn chẳng có gì gần như thế, có chăng thì là vùng lạnh ở gần tấm thảm treo thôi. Và các cậu biết căn phòng nào nằm thẳng phía trên nó chứ?”

Tôi không trả lời. Không đứa nào trong chúng tôi nhắc đến Căn Phòng Đỏ trong vòng một tiếng đồng hồ vừa rồi, cho dù chúng tôi thấy khá rõ rằng đó có khả năng là nơi cuộc điều tra của chúng tôi hướng tới.

Hầm rượu tối đen như mực và có một cơn gió quái ác lùa qua. Ngọn nến bị thổi tắt gần như ngay lập tức và chúng tôi phải dùng đến đèn pin. Ánh đèn soi rọi một hệ thống phức tạp những lối đi dưới khung vòm, những phiến đá xám, những cột trụ cổ xưa, và sàn nhà lát đá mấp mô quần sương ma. Một vài hốc tường chứa đầy những chiếc thùng vỡ và những giá kệ trống không đã có thời được dùng để trữ rượu vang; những hốc còn lại chứa củi đốt lò, những thứ lặt vặt, mạng nhện và chuột. Khi chúng tôi bước vào sâu hơn, mạng nhện dày dần lên và sương ma dần sáng hơn. Nhiệt độ vẫn tiếp tục giảm xuống.

Căn phòng cuối cùng kết thúc ở một bức tường đá trống không.

“Cùng kiểu với bên trên,” George nói và ghi nguệch ngoạc lên tấm bản đồ của cậu trong khi tôi soi đèn pin. Lockwood đứng bên cạnh chúng tôi với thanh kiếm trong tay. “Chúng ta đang đứng thẳng ngay dưới vị trí cuối phòng trưng bày dài, và lại một lần nữa chúng ta gặp một điểm lạnh. Nhiệt độ ở đây cũng là năm độ: đó là nhiệt độ thấp nhất trong hầm rượu này. Nhìn những mạng nhện trên kia... Bức tường này có vẻ gì rất... Ồi!”

Lockwood đẩy chúng tôi sang một bên. Cậu dùng kiếm chém điên cuồng xuống dưới. Mũi kiếm đập vào mặt đá trên bức tường cuối phòng; những đốm lửa vàng tóe lên trong bóng tối.

Cậu chửi thề. “Trượt rồi!” cậu càu nhàu. “Nó biến mất rồi.”

Tôi rút kiếm ra; George, bị mất thăng bằng do cái túi đeo sau lưng và đồng xích sắt, đã ngã sấp trên nền đá. Cả hai chúng tôi đều cuống quýt nhìn xung quanh. Ánh sáng đèn pin của tôi chạy thành những vòng tròn điên cuồng. Cứ như chúng tôi bị một vòng đá xám ào tới bủa vây.

“Cái gì thế?” tôi hỏi. “Lockwood...”

Cậu gạt tóc ra khỏi mắt, thở hổn hển. “Cậu không nhìn thấy sao?”

“Không.”

“Nó ở đó. Đứng ngay bên cạnh cậu. Chúa ơi, nó nhanh thật.”

“*Lockwood...*”

“Một người đàn ông - bơi ra từ trong bóng tối bên cạnh bức tường. Chỉ có khuôn mặt và bàn tay. Cứ như thể lúc đó ông ta đang với tay tới để tóm lấy cậu ấy, Lucy. Tôi nghĩ đó là một tu sĩ. Phần đỉnh đầu của ông ta hói trụi. Tóc ông ta đã được cắt trong một lễ cắt tóc nào đó.”

“Lễ xuống tóc,” George nằm dưới sàn nói.

“*Cắt tóc, xuống tóc*, thế nào mà chả được. Tôi không ưa khuôn mặt ông ta.”

Chúng tôi quay trở lên trên tầng. Vài luồng sương ma cuộn xoáy đã xâm nhập sâu hơn một chút vào trong thư viện, nhưng ngọn đèn vẫn rất sáng và chúng tôi vẫn kiểm soát được những ma hình. Lockwood vặn ngọn đèn sáng lên một chút. Chúng tôi gỡ bỏ những vòng xích sắt ra để lưng được nghỉ ngơi, bỏ đồ ăn thức uống lên mấy chiếc bàn đọc sách của ông Fairfax, và ngồi cùng nhau trong yên lặng. Lúc đó là hơn mười giờ tối.

Tôi đã nhận ra một vật lạnh ép vào ngực mình từ nãy, và tranh thủ lúc này rút chiếc hộp thủy-tinh-bạc từ trong áo ra. Một tia sáng màu xanh dương yếu ớt tỏa ra từ bên trong: lần đầu tiên tôi thấy chiếc mặt dây chuyền

của cô gái ấy phát ra ánh sáng ma. Rõ ràng linh hồn cô ấy vẫn còn mạnh mẽ. Có lẽ cô ấy đang phản ứng với sức mạnh của những Khách bao quanh; cũng có lẽ còn nguyên do khác nữa cho nguồn sáng đó. Khi nói về Khách, tất cả chỉ là phỏng đoán. Dù đã năm mươi năm rồi, vẫn còn rất nhiều điều chúng tôi không biết.

George trải hai tấm sơ đồ mặt bằng lên cặp đầu gối bự chẳng; cậu cúi kính gỗ bút chì lên rằng trong khi cân nhắc những ghi chú của chúng tôi. Lockwood đã ăn xong bánh quy; đèn pin trong tay, cậu đứng dậy để kiểm tra các giá sách. Bên ngoài hành lang, một con ma đơn độc đứng khuất mình trong bóng tối, đột nhiên sáng lóe lên rồi biến mất.

“Hiểu rồi,” George nói.

Tôi nhét chiếc hộp thủy tinh đi khỏi tầm mắt. “Hiểu gì?”

“Nguồn. Tôi biết nó ở đâu.”

“Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều có thể đoán ra điều đó,” tôi nói. “Căn Phòng Đỏ.” Đã đến lúc *ai đó* phải nói ra. Sau khi nghỉ ngơi chúng tôi sẽ phải lên tầng.

“Có thể,” George nói. “Và cũng có thể không.” Cậu gỡ cặp kính xuống để có thể dụi cặp mắt mệt mỏi của mình. Giờ cậu lại đeo kính vào. Đó là một điều lạ lùng ở George. Khi không đeo kính, cặp mắt cậu trông nhỏ bé và yếu ớt - nháy liên tục và có phần thần thờ, như một con cừu ngốc nghếch đi lạc đường. Nhưng khi cậu đeo kính trở lại, mắt cậu lại sắc sảo và nghiêm nghị, giống như mắt con chim đại bàng sẽ xé thịt con cừu ngốc nghếch kia làm bữa sáng hơn. Và bây giờ chúng là như thế. “Tôi vừa chợt nhận ra một điều,” cậu nói. “Suốt từ đầu đến giờ nó đã hiện diện ngay trước mặt chúng ta trong những tấm bản đồ mặt bằng này. Nhưng các chỉ số của chúng ta đã khẳng định điều đó, tôi nghĩ vậy. Nhìn đây nhé...”

Cậu đặt cả hai tấm bản vẽ mặt bằng lên bàn. “Đây là bản vẽ phác thảo cũ của phế tích tu viện,” cậu ấy nói, “được vẽ vào thời Trung cổ. Đây là phòng ăn, sau này trở thành phòng trưng bày dài. Ở trên tầng, những căn phòng ở đây là các phòng ngủ của tu sĩ. Rất nhiều trong số đó giờ đã biến mất, nhưng căn phòng này vẫn còn tồn tại - giờ người ta gọi nó là Căn Phòng Đỏ.”

“Lockwood,” tôi đột ngột nói, “cậu vẫn đang nghe đấy chứ?”

“Hừm, có...” Lockwood đang đứng cạnh bức tường treo ảnh của Fairfax. Cậu đã lấy một quyển album lớn từ trên giá và đang uể oải lật giở nó.

“Bản vẽ thời Trung cổ,” George tiếp tục, “cho thấy có những lối đi phía sau Căn Phòng Đỏ, và cả đằng sau phòng trưng bày dài nữa, và chúng đã bị đập bỏ. Chúng dẫn tới một loạt các phòng ở cả hai tầng - có lẽ là thêm nhiều phòng ngủ nữa, hoặc các phòng chứa đồ, hoặc các phòng cầu nguyện. Có lẽ cũng đã từng có phần mở rộng ở tầng hầm rượu nữa - tôi không chắc, các bản vẽ mặt bằng không thể hiện đoạn đó. Nhưng khi nhìn vào bản vẽ mặt bằng thế kỷ 19, những phần mở rộng đó đã biến mất. Nó chỉ thể hiện chái nhà này đến điểm kết thúc hiện tại - với bức tường đá lớn nơi có những điểm lạnh.”

“Chẳng phải đó là một bức tường rất vững chắc sao?” tôi nói.

“Nó là một bức tường rất *dày*,” George nói. “Và vấn đề chính là ở đó. Nó dày hơn *nhiều* so với bức tường trong bản vẽ ban đầu. Nó mở rộng ra cả những lối đi hồi xưa.”

Một cơn rùng mình phấn khích, như thể một cú điện giật nhỏ chạy khắp lồng ngực tôi và rần rật trên những cơ bắp cánh tay tôi. “Cậu nghĩ...”

Cặp mắt kính cậu lấp loáng. “Đúng thế. Tôi nghĩ chúng ta đang nói tới những căn phòng bí mật.”

“Vậy là... khi phần còn lại bị phá hủy, họ có thể đã bịt vại lối đi lại chẳng? Tôi nghĩ điều đó là có khả năng. Cậu nghĩ sao, Lockwood?”

Không có tiếng trả lời. Khi tôi quay lại, Lockwood đã lấy thêm vài quyển album nữa từ trên giá và đang đắm chìm vào đó. Cậu đứng quay lưng lại với chúng tôi, mấy bình giữ nhiệt của cậu đặt thẳng băng trên chồng sách. Trong khi tôi nhìn, cậu thành thơi nhấp một ngụm trà.

“Lockwood! Cậu đang làm cái quái gì thế?”

Cậu quay lại; mắt cậu vẫn có cái vẻ vô tư lự mà tôi đã nhận thấy trong mấy ngày vừa rồi. Cứ như thể cậu đang nhìn thứ gì đó ở rất xa. “Xin lỗi, Lucy. Cậu vừa nói gì à?”

“Hét lên thì đúng hơn. Cậu đang làm gì vậy? George vừa có khám phá mới đây này.”

“Vậy hả? Tuyệt vời... Tôi chỉ đang xem qua quyển album ảnh của Fairfax. Ông ấy lưu giữ lại mọi thứ về tất cả các vở kịch mà ông ấy đã tham gia hồi còn trẻ: các chương trình trình diễn, vé, những lời nhận xét... những thứ đại loại như thế. Rất hấp dẫn. Hồi xưa ông ấy diễn cũng khá đấy.”

Tôi trừng mắt nhìn cậu. “Ai quan tâm chứ? Chuyện đó thì liên quan gì? Nó ảnh hưởng gì tới việc chúng ta đi tìm Nguồn chứ?”

“Không có gì... Tôi chỉ đang cố tìm nguồn cơn của một việc. Gần được rồi, nhưng nó cứ tuột ra khỏi tầm với...” Cậu đột ngột thay đổi; mặt cậu giãn ra. “Và cậu nói đúng - đó không phải ưu tiên của chúng ta lúc này.” Cậu nhào tới ngồi cạnh chúng tôi, thân mật vỗ một cái vào lưng George. “Cậu vừa nói gì, George? Những căn phòng bí mật đằng sau bức tường phía cuối ư?”

“Những căn phòng hoặc những lối đi, đúng vậy.” George chỉnh lại cặp kính; cậu nói nhanh. “Cậu nhớ câu chuyện của ông Fairfax về đội thám tử điều tra của Fittes bỏ mạng nhiều năm trước đây chứ? Điều đó đã cho tôi

một hướng giải thích. Xác hai thám tử được tìm thấy ở Căn Phòng Đỏ. Người thứ ba - cậu con trai - biến mất. Theo những gì chúng ta biết, ma không ăn thịt nạn nhân của chúng. Vậy thì cậu ấy ở đâu?” Cậu trở một ngón tay búp chuối xuống bản vẽ mặt bằng. “Ở đây. Đầu đó trong bức tường dày một cách bất thường ở cuối phòng này. Cậu ấy đã tìm thấy lối vào và bước vào bên trong. Một Khách - có lẽ *chính là* Khách trung tâm của mọi chuyện - đã tóm được cậu ấy. Cậu ấy không bao giờ quay trở ra nữa. Cậu ấy vẫn còn ở trong đó, và tôi cá ba chiếc bánh rán sô cô la hảo hạng của Arif rằng Nguồn cũng ở đó.”

Chúng tôi ngồi yên nhìn vào tấm bản vẽ trong vũng ánh sáng nhỏ xíu của ngọn đèn, biến sương ma dập dềnh vào rìa của nó. Lockwood cúi đầu, tay siết chặt vào nhau. Cậu ấy đắm chìm trong suy nghĩ.

“OK,” cuối cùng cậu nói, “tôi có điều này quan trọng cần nói.”

“Không phải lại là về quyển album ảnh của Fairfax nữa đấy chứ?” tôi nói.

“Không. Nghe này. George, như mọi khi, đã nói đúng. Nguồn ở Combe Carey có lẽ được giấu trong bức tường đó. Để tìm ra nó chúng ta phải tìm ra lối vào, và nó gần như chắc chắn ở trong Căn Phòng Đỏ. Một vài câu chuyện về tòa dinh thự này có thể chỉ là tầm bậy - chẳng hạn tôi không nghĩ có điều gì thật trong câu chuyện về cây Cầu Thang Gào Thét đó - nhưng Căn Phòng Đỏ rõ ràng lại khác. Tất cả chúng ta đều đã cảm thấy không khí bên ngoài cánh cửa. Vào bên trong đó sẽ không phải chuyện nhỏ đâu.” Cậu nhìn lên, chăm chú quan sát từng đũa chúng tôi. “Nhưng chúng ta không nhất thiết *phải* đi vào. Chính Fairfax đã nói thế. Chúng ta không phải vào bên trong căn phòng đó. Chỉ cần ở đây đêm nay thôi, chúng ta đã kiếm được đủ số tiền để bồi thường cho những hư hại do vụ hỏa hoạn ở đường Sheen gây ra. Fairfax đã trả tiền rồi - tôi đã kiểm tra lại với bên ngân hàng khi chúng ta tới đây. Hiển nhiên là chúng ta có thể kiếm được nhiều hơn

nếu tìm ra được Nguồn, nhưng điều đó không quan trọng. Công ty sẽ tồn tại được mà không cần đến việc đó.”

“Liệu có được không?” George nói. “Chính xác thì cậu nghĩ chúng ta sẽ kiếm thêm được bao nhiêu vụ nữa đây, Lockwood? Ngoại trừ đề nghị bất ngờ của ông Fairfax, danh tiếng của chúng ta đã bị thiêu rụi rồi.”

Lockwood không cố chối bỏ điều đó. “Như tôi đã nói đấy,” cậu nói khẽ, “chúng ta cần một thành công lớn để đảo ngược tình thế. Hóa giải được vụ giết Annie Ward có thể sẽ làm được điều đó, tất nhiên rồi, và chúng ta đã sắp làm được điều đó, nhờ có Lucy. Nhưng... chưa có gì đảm bảo điều đó.” Cậu thở dài. “Tôi chưa tìm được mối liên hệ cuối cùng. Còn đối với việc tìm Nguồn ở đây - hừm, đó hiển nhiên là một lựa chọn khác. Nhưng là một lựa chọn rất mạo hiểm. Bất cứ thứ gì ẩn mình ở nơi này đều mạnh khủng khiếp.” Cậu ngồi tựa lưng vào ghế và cười - và lần này nó không phải là nụ cười rạng rỡ, thu hút, nụ cười sẽ khiến ta bất giác tuân theo; chỉ là một nụ cười thân thiện, ấm áp. “Các cậu biết tôi rồi đấy,” cậu nói. “Tôi nghĩ chúng ta có thể đối phó được với Nguồn ở đây. Nhưng tôi sẽ không áp đặt niềm tin của mình lên các cậu. Nếu các cậu muốn đổi hướng, cũng ổn thôi. Tôi để các cậu quyết định.”

George và tôi nhìn nhau. Tôi chờ cậu nói; cậu chờ tôi. Và trong đầu tôi tiếng lách tách ma quái kia cũng ngưng bặt, như thể cái thứ điều khiển ngôi nhà này cũng chờ đợi quyết định của tôi.

Nếu là trước đó có thể tôi đã bàn lùi. Tôi đã đưa ra quá nhiều quyết định sai lầm trong những tình huống cấp bách nên giờ khó có thể hoàn toàn tin tưởng vào trực giác của mình. Nhưng kể từ khi bước qua cánh cửa đó, và nhất là kể từ khi chúng tôi bắt đầu khảo sát nơi này, sự tự tin của tôi đã dần tăng lên. Chúng tôi làm việc cùng nhau rất tốt; tốt hơn nhiều so với trước kia. Chúng tôi đã trở nên cẩn thận, nghiêm khắc, thậm chí là xuất sắc... Nó cho tôi thấy Lockwood & Đồng sự sau này có thể trở thành một công ty

như thế nào. Đây không phải thứ gì đó mà tôi muốn từ bỏ một cách dễ dàng. Tôi hít một hơi thật sâu.

“Theo ý tôi chúng ta sẽ xem xét thật nhanh,” tôi nói, “*miễn là* chúng ta giữ một lối rút lui thật thoáng đãng. Nếu tình hình xấu đi, chúng ta sẽ rời đi và thoát ra khỏi tòa nhà này nhanh nhất có thể.”

Lockwood gật đầu. “Nghe hợp lý đấy. Còn George?”

George phùng cặp má bự. “Ngạc nhiên chưa, Lucy cũng có lúc nói có lý đấy. Tôi cũng cảm thấy y như vậy. Miễn là” - cậu vỗ vào những chiếc ống ở thắt lưng mình - “chúng ta được phép dùng tất cả vũ khí của mình khi bắt buộc.”

“Vậy thì thống nhất thế đi,” Lockwood khẽ nói. “Xách túi lên và đi thôi.”

Giờ chúng tôi đã đưa ra quyết định, chúng tôi không còn lừng khờ nữa - nhưng chúng tôi cũng không liều lĩnh. Chúng tôi cẩn trọng bước lên cầu thang, luôn quan sát và lắng nghe phía trước. Cũng như trước đó, những bóng ma giữ khoảng cách, nhưng sương ma cuộn lên quanh mắt cá chân chúng tôi. Lockwood đã nhìn thấy những đốm-sáng-chết trên hành lang và phía sau những cánh cửa phòng ngủ. Về phần tôi, cái yên lặng cao ngất đã trở lại: nó ép chặt vào hai thái dương tôi. Không khí đặc quánh và quyen lại như si rô. Cái mùi ngòn ngọt giả tạo và bệnh hoạn đi theo chúng tôi từ chiều nghĩ.

Bên ngoài cánh cửa xấu xí tiếng thì thầm đã tắt hẳn. Khi tôi nhìn lại dọc theo lối đi, tôi có thể cảm thấy những ma hình đang tụ lại bên ngoài rìa luồng sáng đèn pin.

“Cứ như thế chúng đang chờ *đợi*,” tôi lẩm bẩm. “Như thế chúng đang chờ đợi chúng ta bước vào.”

“Có ai có kẹo bạc hà không?” George hỏi. “Tôi *biết* rằng chúng ta sẽ cần tới kẹo bạc hà ở đó.”

Lockwood lấy chìa khóa ra từ trong túi áo và tra vào ổ khóa. “ Xoay rất dễ dàng,” cậu nói. Có một tiếng cạch chắc gọn. “Được rồi. Chúng ta vào thôi. Như Lucy đã nói lúc này, chúng ta sẽ xem xét thật nhanh, và thế là xong.”

George gật đầu. Tôi cố hết mức để mỉm cười.

“Đừng lo,” Lockwood nói. “Sẽ ổn thôi.”

Rồi cậu cầm lấy tay nắm cửa đẩy vào, và nỗi kinh hoàng của đêm ấy bắt đầu.

## CHƯƠNG 21

Những khớp bản lề không hề cốt kết một cách kỳ dị hay điều gì tương tự. Thực ra, chúng không cần thiết phải làm thế.

Khi cánh cửa mở bung ra, có một luồng khí mát mẻ, khô khốc thổi ra như một tiếng thở dài nhuốm mùi bụi bặm và hoang vắng. Đó cũng là cảm giác ta thường gặp trong bất cứ một căn phòng bỏ trống nào. Lockwood chiếu đèn pin vào bóng tối; vòng tròn sáng mềm mại của nó soi tỏ những tấm ván sàn trống trơn, chạy khắp căn phòng. Chúng có màu xám sậm và ố xỉn. Rải rác đây đó là những mảnh thảm cũ rách tả tơi, gắn vào những tấm ván bởi hàng thế kỷ bụi bặm.

Cậu hướng luồng sáng lên phía trên cho tới khi nó gặp bức tường đối diện. Ván ốp chân tường màu trắng thoáng hiện ra, rồi đến lớp giấy dán tường màu xanh lá cây đậm, hầu như đã hóa thành màu đen bởi bụi bẩn và thời gian. Ở một vài chỗ nó đã rách toạc, để lộ bức tường gạch phía sau. Luồng sáng vẫn tiếp tục di chuyển lên cao: chúng tôi nhìn thấy một dải phào trần nặng nề, rồi trần nhà với lớp thạch cao trang trí hình vòng xoắn ốc. Luồng sáng vươn tới một chùm đèn duy nhất treo từ chính giữa trần nhà. Những dải tơ nhện mềm mại màu xám nhạt thả xuống từ trụ đèn và những dây xích, đung đưa theo luồng không khí do cánh cửa mở khuấy động.

Nhện... Một dấu hiệu chắc chắn.

Lockwood hạ thấp đèn pin xuống. Ở dưới chân chúng tôi, tấm thảm hành lang kết thúc chính xác ở mép cửa. Một dải sắt dày đã được đặt ở đó.

Phía sau là bụi bặm, những tấm ván sàn và cảnh hoang tàn tuyệt đối của Căn Phòng Đỏ.

“Có ai cảm nhận được gì không?” Lockwood hỏi. Giọng cậu nghe có vẻ lạ và trầm.

Cả hai chúng tôi đều không cảm thấy gì. Lockwood bước qua dải sắt, George và tôi theo sau cậu, mang theo những chiếc túi vải len thô nặng nề. Không khí mát lạnh quấn quanh người chúng tôi. Giày của chúng tôi gõ nhẹ xuống những tấm ván sàn.

Tôi đã tưởng những hiện tượng kinh hoàng sẽ giáng xuống ngay giây phút chúng tôi bước vào. Nhưng tất cả rất mực yên tĩnh, cho dù áp lực ép vào đầu tôi tệ hơn lúc nào hết. Sương ma chưa hề hiện rõ ràng trong căn phòng và tôi chẳng thể nghe thấy tiếng lách tách hay tiếng thì thầm kia vào lúc này. Chúng tôi đặt túi xuống và lia đèn khảo sát xung quanh.

Đó là một căn phòng rộng hình chữ nhật, chạy hết toàn bộ chiều sâu của mái nhà. Bức tường đối diện đánh dấu điểm cuối cùng của tòa nhà, ngay trên bức tường treo thảm ở phòng trưng bày dài tầng dưới. Bức tường này không có cửa hay cửa sổ, nhưng ở một vài chỗ lớp giấy đã bị rách toạc để lộ nền gạch đá phía sau.

Bức tường ở bên phải không có cửa sổ; bức tường phía bên trái ban đầu có ba cửa sổ, nhưng hai ô đã bị xây gạch bịt lại. Ô cuối cùng có một cửa chớp, được gập lại sang hai bên thành cửa hốc cửa sổ.

Ngoài chùm đèn ra chẳng có đồ đạc gì cả.

“Nó không 'đỏ'; lắm, phải không?” George nói. Đó cũng là điều tôi nghĩ.

“Việc đầu tiên nào,” Lockwood nói dứt khoát. “Lucy, hãy giúp tôi tạo một vòng tròn. George, đảm bảo lối rút cho chúng ta nhé.”

Dùng răng ngậm đèn pin, Lockwood và tôi mở những chiếc túi vải len thô và lôi ra những sợi xích sắt nặng nề dày năm phân. Chúng tôi đặt chúng

xuống sàn nhà và bắt đầu tạo thành hình tròn cần thiết - lớp phòng thủ của chúng tôi đối với bất cứ thứ gì chờ đợi trong căn phòng này.

Trong khi đó George đang cúi xuống chiếc ba lô của mình. Cậu kéo khóa túi hông và lần tìm bên trong. “Tôi có một chiếc TBCC chống Khách đầu đó trong này,” cậu nói. “Chờ một chút...”

“TBCC?” tôi hỏi.

“Thiết bị chặn cửa. Một công nghệ mới nhất. Mua của Satchell. Đắt, nhưng xắt ra miếng. À, đây rồi.” Cậu giơ ra một miếng gỗ hình tam giác gọt nhám nhỏ.

Tôi nhìn nó. “Chẳng phải đó chỉ là một miếng nêm sao?”

“Không. Một cái TBCC, cô bạn ạ. Một cái TBCC. Nó có lõi sắt.”

“Trông như cậu vừa tìm được nó trong thùng rác ấy? Cậu trả bao nhiêu cho nó vậy?”

“Tôi không nhớ nữa.” George đá nó thật chắc vào vị trí, để cánh cửa khép hờ. “Cậu thích gọi nó là gì thì tùy. Nó sẽ chặn không để cửa đóng lại, và điều đó có thể giữ lại mạng sống cho chúng ta.”

Về điểm đó thì cậu đúng. Trong vụ Yêu Tinh Shadwell năm ngoái, hai thám tử của Grimble đã bị ngăn cách với các đồng sự của họ khi cánh cửa nhà tắm đột ngột đóng lại sau lưng. Cánh cửa sập lại rất nhanh; không ai có thể vượt qua được, và hai thám tử đã bị luồng xoáy những mảnh sành sứ quật tới chết. Khi tai họa đó qua đi, cánh cửa lại mở bung dễ dàng.

“Rải cả muối ở cửa vào nữa nhé,” Lockwood nói. “Cho chắc.” Lúc này chúng tôi đã làm xong vòng xích sắt và kéo những chiếc túi vào bên trong. “Được rồi, chúng ta sẽ rút lui vào trong này nếu có bất kỳ ai kêu rút. Nhiệt độ?”

“Sáu độ,” George nói.

“Tối giờ thì vẫn ổn. Hiện giờ đây dường như là nơi yên tĩnh nhất trong ngôi nhà này. Hãy tận dụng điều đó. Chúng ta sẽ đi tìm những cánh cửa ẩn. Nó là bức tường cuối phòng, phải không George?”

“Đúng vậy. Chúng ta sẽ tìm bất cứ dấu hiệu nào của một lối vào bị che giấu. Những nút bấm, thanh gạt, những thứ kiểu như thế. Thử gõ để tìm những vùng rỗng nữa.”

“Được rồi. Lucy và tôi sẽ tiến hành đợt tìm kiếm đầu tiên. George, hãy ở đây quan sát yểm trợ chúng tôi.”

Lockwood và tôi đi tới đầu kia của bức tường, giày của chúng tôi vang vọng vào khoảng không trống rỗng, những luồng sáng đèn pin được tụ nhỏ lại để hạn chế ảnh hưởng đến những giác quan bên trong của chúng tôi. Tôi chọn góc bên trái, không xa lắm từ ô cửa sổ không bị xây bít lại. Xuyên qua lớp kính bụi bặm tôi chỉ có thể loáng thoáng thấy ánh sáng từ một ngôi làng ở phía xa và một vài ngôi sao mùa đông.

Tôi tắt đèn pin đi và rờ tay dọc bức tường. Nó dường như khá nhẵn, giấy dán tường phẳng và không bị rách. Tôi bước sang ngang, sờ từ trên xuống dưới. Thình thoảng tôi dừng lại và lắng nghe, nhưng tất cả vẫn tĩnh lặng.

“Có ai người thấy không?” Lockwood đột nhiên nói. Hình bóng cậu hiện ra ở rìa luồng sáng đèn pin. Cậu đang nhăn trán, chun mũi lại.

“Người thấy gì cơ?”

“Thứ gì đó ngọt nhưng chua... Tôi chẳng thể nghĩ được nó là cái gì. Nó quen mà lại lạ.”

“Có vẻ đó là mùi Lucy đấy,” George bình phẩm. Cậu ở đằng sau chúng tôi, ngay chính giữa căn phòng.

Thời gian trôi qua. Tay Lockwood gặp tay tôi trong bóng tối; chúng tôi đã đến giữa bức tường. Sau một khoảnh khắc mỗi chúng tôi lại bắt đầu

quay trở lại theo lối mình đã tiến đến, lần này lấy đốt ngón tay gõ nhẹ lên bề mặt.

“Một vài luồng sinh chất đang hình thành đấy,” George nói to.

“Bạn muốn bọn tôi dừng lại không?”

“Tạm thời cứ tiếp tục đi.”

Cuối cùng, ở gần cuối bức tường, nơi góc gần cửa sổ, tôi dò được một sự thay đổi nhỏ trong âm thanh. Âm vang từ tiếng gõ của tôi dường như cao hơn và dội rõ hơn, như thể vọng lại từ một không gian phía bên trong.

“Có lẽ tôi bắt được gì đó ở đây,” tôi nói. “Có một chỗ nghe có vẻ rỗng. Nếu các cậu...”

“Cái gì *thế*?” George nói. Tất cả chúng tôi đều nghe thấy nó: ở đâu đó trong bóng tối, có một tiếng *tách* nhẹ, dứt khoát. Lockwood và tôi quay lại.

“Quay trở lại vòng tròn,” George nói. “Và cứ để đèn pin tắt nhé. Chúng ta sẽ dùng đèn pin của tôi.” Luồng sáng đèn pin của cậu cẩn trọng và chậm rãi quét qua chúng tôi khi chúng tôi vội vã quay trở lại với cậu, nó chiếu lên trần, những bức tường và sàn nhà. Tất cả dường như vẫn y nguyên như cũ.

Hay là không? Có thứ gì đó đã thay đổi trong không gian một cách âm thầm, kín đáo.

Chúng tôi đứng xoay lưng vào nhau ở giữa vòng tròn, vai ép sát vào nhau.

“Tôi tắt đèn pin đi đây,” George nói.

Cậu làm thế. Chúng tôi căng mắt nhìn vào bóng tối của căn phòng trống rỗng.

“Lucy,” giọng Lockwood vang lên, “cậu nghe thấy gì?”

“Tiếng thì thầm đó đã nổi lên,” tôi nói. Đột nhiên nó trở nên rất to. “Như lúc trước ấy. Một loạt những giọng nói xấu xa.”

“Cậu có biết nó phát ra từ đâu không?”

“Chưa biết được. Có vẻ ở khắp xung quanh.”

“Được rồi. George: Cậu nhìn thấy gì?”

“Ánh sáng kéo thành dải hoặc cuộn lại. Sáng rõ, nhưng vụt qua. Không tập trung ở chỗ nào cụ thể.”

Yên lặng một chốc. “Còn cậu, Lockwood?” tôi hỏi.

Cậu nặng nề nói. “Lúc này tôi có thể nhìn thấy những đốm-sáng-chết.”

“Nhiều hơn một à?”

“Lucy, có tới *hàng chục* ấy. Tôi không biết tại sao trước đó tôi lại không nhìn thấy chúng. Toàn bộ căn phòng này là một buồng hành hình...” Cậu hít một hơi. “Tất cả mọi người hãy rút kiếm ra.”

Ba đôi vai nhô lên và dịch chuyển. Có một tiếng soạt đồng loạt của sắt.

“Chúng cảm nhận được đấy,” George nói. “Những làn khói vừa trở nên hỗn loạn. Giờ chúng đã trật tự trở lại.”

“Lucy?”

“Tiếng thì thầm trở nên to hơn, giận dữ hơn, rồi lại tắt đi. Chúng ta phải làm gì?”

“Cái mùi đó!” Lockwood nói. “Nó lại xuất hiện. Rất mạnh! Chắc chắn các cậu có thể...” Cậu khẽ kêu lên một tiếng bực dọc. “Chẳng lẽ *cả* hai cậu đều không ngửi thấy hay sao?”

“Không,” tôi nói. “Lockwood - tập trung nào. Chúng ta phải làm gì? Chúng ta rút lui không?”

“Tôi nghĩ chúng ta phải rút thôi. Có thứ gì đó khủng khiếp sắp xuất hiện. Aaa... những đốm sáng đó chói quá!” Tôi có thể nghe thấy cậu sờ soạng tìm kính râm rồi vội vã đeo nó lên.

“Nhưng chẳng phải Lucy nói cậu ấy đã tìm thấy một cánh cửa sao?” George nói. “Chúng ta có nên...”

“Không phải một cánh cửa,” tôi nói. “Tôi thấy một tiếng *thụp* rỗng, như thể tường chỗ ấy mỏng hay sao đó.”

“Dù gì chuyện đó cũng không quan trọng,” Lockwood nói. “Chúng ta sẽ rời căn phòng này ngay bây giờ.”

Một tiếng *tách* nữa vọng lên trong bóng tối, không gắt nhưng nặng nề, y như tiếng ban đầu. Một tiếng nữa vang lên theo. Và rồi một tiếng nữa.

“Nó vang lên giữa chúng ta và cửa ra,” George nói.

“Không, không phải thế.”

“Yên lặng nào,” Lockwood nói. “Cứ nghe đã.”

*Tách, tách, tách...* đều đặn và chậm rãi: tôi đo được năm tiếng tim đập nhanh giữa mỗi tiếng gõ. Thật khó để nói tiếng động đó phát ra từ đâu, hoặc nó là gì, nhưng nó có vẻ quen thuộc. Tôi đã từng nghe thấy tiếng động như thế trước kia rồi. Vì một lý do nào đó căn phòng tắm ở Portland Row hiện lên trong trí óc tôi - căn phòng tắm ở tầng dưới, nơi thỉnh thoảng tôi xuống tắm vòi hoa sen, và là nơi đồng hồ lót của George nằm vương vãi đợi những bàn chân vô ý giẫm vào. Đầu tiên tôi nghĩ có thể chính linh tính báo trước sự nguy hiểm giống nhau đã tạo nên sự liên hệ đó; rồi tôi chợt nhận ra nó là một thứ khác. Đầu vòi tắm trong phòng tắm đó bị hỏng. Nó rỉ nước tí tách.

*Tách, tách, tách...*

“Bật đèn pin của cậu lên, Lockwood,” tôi thì thầm. “Chiếu ngay đằng trước cậu ấy.”

Cậu nghe theo mà không hỏi lại gì. Có lẽ cậu cũng đã nhận ra.

Luồng sáng rơi xuống những tấm ván sàn như một chiếc vòng vàng mỏng manh. Có thứ gì đó màu đen khác thường nằm ở trung tâm của nó,

trông như thể một con nhện méo mó với vô số cái chân. *Tách*. Một cái chân mới mọc ra, lan sang bên. *Tách*. Một cái chân khác: dài hơn, mảnh hơn, vươn xa trên nền gỗ... Với mỗi tiếng tách lại có một chuyển động nhanh như chớp ở trung tâm của khối hình. Thứ màu đen đó sáng loang loáng. Một sắc đỏ ánh lên.

Lockwood chậm chậm chéch ngọn đèn pin lên trên, vừa đúng lúc bắt được giọt tiếp theo nhỏ xuống giữa không trung. Cậu chiếu đèn pin lên trần nhà thạch cao, nơi một vết ố rộng hơn, sẫm màu hơn đang loang ra dọc theo đường gờ xoáy tròn ốc. Ở trung tâm của nó, một thứ đặc sánh và tối màu như nước mật đang trũng xuống, nặng dần hơn và nhỏ thành từng giọt - bắn tóe xuống sàn nhà phía dưới.

“Giờ tôi đã biết cái mùi đó là gì rồi,” Lockwood lẩm bẩm.

“Máu...” tôi nói.

“Hừm, tất nhiên, về cơ bản đó là sinh chất,” George nói. “Chỉ là Khách chọn một vẻ bề ngoài khác thường, không theo kiểu kết cấu cơ thể, mà...”

“Tôi không quan tâm về *cơ bản* là thế nào, George!” tôi hét lên. “Nó *trông* giống máu, *mùi* như máu. Đối với tôi nó là máu.”

Thậm chí ngay cả khi chúng tôi đang quan sát, sức nặng của chất tụ lại trên trần nhà trở nên quá lớn để thoát ra thành một dòng chảy đều đều duy nhất. Nó nhỏ xuống một dòng ở một chỗ thứ hai, gần chúng tôi hơn một chút, và tốc độ rơi nhanh hơn. Tôi cũng bật đèn pin của mình lên và nhìn thấy vết đen trên sàn đang loang ra. Những ngón tay máu khúc khuỷu đang vươn tới chuỗi xích sắt của chúng tôi.

“Đừng để nó lại gần các cậu,” George nói. “Nó sẽ gây ra ma chạm như bất cứ loại sinh chất nào khác đây.”

“Chúng ta đi thôi,” Lockwood nói dứt khoát. “Thu túi lại. Không, quên đám xích sắt đó đi; chúng ta mang chỗ dự phòng đi. Sẵn sàng chưa? Nhanh

nào. Theo tôi.”

Chúng tôi bước qua vòng xích sắt và chạy cắt qua phòng, tránh xa thứ vật chất đang lan tỏa. Ác tâm phát ra thành muôn vàn làn sóng. Căn phòng lạnh như băng.

“Tạm biệt nhé, nhẹ cả nợ,” George nói khi chúng tôi tiến đến cánh cửa.

Nhưng khi chúng tôi đến đó nó đã đóng chặt.

Trong một khoảnh khắc cả ba chúng tôi dừng lại. Tôi cảm thấy một cuộn dây hoảng hốt trơn tuột đang thắt rất chặt ngang bụng. Lockwood bước lên trước. Cậu nhanh chóng sai ba bước tới sát cửa và thử mở ra. Cậu lắc tay nắm một cách khẩn trương. “Đóng chặt rồi,” cậu nói. “Tôi không mở ra được.”

“Chuyện quái quỷ gì xảy ra với cái nệm đó vậy?” tôi nói.

Giọng George yếu ớt. “Cái TBCC.”

Tôi chửi thề một câu tục tĩu. “Tôi có quan tâm nó được gọi là gì, George! Nó không có tác dụng! Cậu đã không chèn nó đủ chặt.”

“Tôi chèn nó chặt mà.”

“Không, cậu chỉ đẩy nó vào bằng BCB của cậu! Tiện thể nói luôn, BCB là Bàn Chân Béo đấy.”

“*Im đi, Lucy!*”

“*Cả hai cậu im đi,*” Lockwood cầu nhàu, “và giúp tôi mở cánh cửa này được không?”

Chúng tôi cùng nhau nắm chặt tay nắm cửa và giật mạnh hết sức có thể. Cánh cửa chẳng hề nhúc nhích.

“Chìa khóa đâu rồi?” tôi hỏi. “Lockwood - *chiếc chìa khóa*. Cậu đã làm gì với nó?”

Cậu ấy lưỡng lự. “Tôi để nó ở cánh cửa rồi.”

“Ồ, thế mới tuyệt làm sao,” tôi nói. “Giữa cậu và George, có lẽ chúng ta nên đặt một tấm biển cho Khách trên đó đề ‘*Cứ tự nhiên*’.”

“Tôi dám chắc với cậu là tôi đã lèn *chặt* nó rồi,” George gào lên. “Và tôi đã rải cả muối nữa.” Cậu ấy hắt học đá vào những hạt muối nằm dưới giày chúng tôi. “Thấy chưa? Đáng lẽ chúng chẳng thể nào lại *gần* cánh cửa được.”

“Bình tĩnh nào,” Lockwood nói. Cậu lại chiếu đèn pin ngược lên trần nhà, nơi một nhánh máu mới đã bắt đầu tuôn xuống gần chỗ chúng tôi đứng tới đáng ngại. “Nó phản ứng theo nỗi sợ hãi của chúng ta. Hãy quay lại vòng xích nào.”

Chúng tôi xoay xở làm điều đó khá ổn, dù phải đi cắt ngang phòng một quãng đường xa hơn lúc trước. Một vài chỗ nhỏ giọt giờ đây đã mạnh lên thành những dòng chảy ngắt quãng, giống như vòi nước chưa đóng hết. Âm thanh chúng tạo ra giờ đây không còn là một chuỗi *tách tách* cụt ngủn nữa mà là tiếng chát lỏng rơi xuống liên tục. Đã có một vũng máu khá lớn loang ra trên nền nhà.

“Chúng ta sắp bị bao vây rồi,” tôi nói. “Không biết nó có bao nhiêu sinh chất vậy?”

“Nó *mạnh* quá,” George thì thầm. “Nó không phải một Loại Hai bình thường đâu. Yêu Tinh có thể có siêu năng lực dịch chuyển đồ vật từ xa để có thể sập cửa, giữ cho cửa đóng chặt, xoay chìa khóa - nhưng lại không có khả năng hiện hình. Thứ máu kia cho thấy nó là dạng Biến Hình, chắc chắn rồi. Nhưng Biến Hình không xoay chìa khóa...”

“Tôi ngốc quá,” Lockwood nói. “*Thực sự* ngu ngốc. Tôi đã đánh giá thấp mọi thứ... Lucy, chúng ta sẽ phải tìm lối ra bí mật đó. Cậu phải chỉ cho chúng tôi thấy nơi cậu cảm thấy bức tường có sự khác biệt.”

Một cánh tay máu vờn nhanh từ vũng máu trung tâm ở trên sàn. Đầu mút của nó lao tới gần sợi xích sắt và rụt lại, phun xèo xèo tung tóe. Không khí đặc quánh mùi máu; thật khó thở.

“Hoặc chúng ta có thể ở đây...” tôi nói. “Ít nhất thì nó cũng không thể vào bên trong được.”

George hét lên một tiếng; tôi cảm thấy cậu nhảy sang một bên. Cậu vấp vào đám túi vải len thô và suýt chút nữa ngã ra bên ngoài vòng xích sắt.

Lockwood cúi bản. “Cậu làm cái quái gì...?” Cậu chiếu đèn pin sang. George khom người trên những chiếc túi, tay túm chặt áo khoác. Một dải khói cuộn lên từ vai cậu.

“Phía trên,” cậu nói bằng giọng khàn khàn *“Nhanh lên.”*

Luồng đèn pin vọt lên phía trên. Ở đó là chiếc đèn chùm bám đầy bụi và mạng nhện. Một dòng chất lỏng đỏ đã tuôn xuống từ trần nhà, tới trục trung tâm đèn, và chảy ra theo một tay đỡ pha lê cong cong. Ở điểm thấp nhất của nó một giọt máu mới đang chầm chậm hình thành.

“Nó... nó không thể làm thế,” tôi lắp bắp. “Chúng ta đang ở bên trong vòng sắt.”

“Tránh ra!” Lockwood đẩy tôi lùi lại vừa kịp trước khi giọt máu đó rơi xuống, bắn tung trên sàn nhà ở trung tâm vòng tròn. Tất cả chúng tôi đều hầu như đứng cả trên chiếc xích sắt. “Chúng ta đã làm vòng quá rộng,” cậu ấy nói. “Năng lượng của sắt không vờn tới được tâm. Nó không đủ mạnh ở đó, trong khi Khách này đủ mạnh để vượt qua.”

“Điều chỉnh vòng xích vào trong đi...” George bắt đầu.

“Nếu chúng ta làm cho vòng tròn nhỏ lại,” Lockwood nói, “chúng ta sẽ bị bóp nghẹt vào một không gian chật hẹp. Giờ mới vừa là nửa đêm thôi; chúng ta còn bảy tiếng nữa mới tới bình minh còn cái thứ này thì vừa mới

bắt đầu thôi. Không, chúng ta phải phá vòng vây thoát ra - và điều đó có nghĩa là tới góc của Lucy. Nào, đi thôi.”

Cầm đèn pin chìa lên trên đầu, chúng tôi bước ra khỏi vòng tròn ở bên đối diện với vũng máu đang lan ra, và bắt đầu di chuyển vòng về phía góc trái của bức tường cuối căn phòng. Nhưng chúng tôi chẳng nhanh hơn được bao nhiêu so với những vệt đen đặc vờn ra trên trần, đang chảy nhanh theo hướng chúng tôi. Sợi dây hoảng hốt dưới bụng tôi thắt lại chặt hơn; tôi cố gắng để không hét lên.

“Đợi đã,” tôi nói. “Nó cảm nhận được chúng ta đang ở đâu. Nếu *tất cả* chúng ta tới đó, nó sẽ nhanh chóng dồn được chúng ta.”

Lockwood gật đầu. “Cậu nói đúng. Giỏi lắm. Nào, George. Chúng ta sẽ đánh lạc hướng nó. Lucy: cậu lại đó và tiếp tục tìm kiếm.”

“Được rồi...” tôi vội vã nói. “Nhưng sao lại là tôi?”

“Cậu là con gái,” Lockwood nói to. “Chẳng phải cậu sẽ nhạy cảm hơn sao?”

“Với cảm xúc, đúng. Với những sắc thái hành vi của con người. Không nhất thiết là với những lối đi bí mật ở trong tường.”

“Ồ, cũng như nhau cả thôi. Ngoài ra về căn bản tôi và George cũng chỉ biết mỗi vung kiếm thôi.” Cậu uyển chuyển đi ngang phòng, vừa vung đèn pin loạn xạ vừa giơ cao tay ngoáy thanh kiếm về phía trần nhà. George cũng làm tương tự, nhưng về phía một góc khác.

Khách đã bị đánh lạc hướng hay chưa, tôi không có thời gian để nhìn. Tôi cất thanh kiếm của mình đi, chỉnh đèn pin về mức yếu nhất, căn chặt nó giữa hai hàm răng để có thể nhìn loáng thoáng thấy mình đang ở đâu. Ở bên trái tôi là hốc tường cửa sổ. Phía bên kia lớp kính là không khí mát lạnh của buổi đêm, và độ cao chín mét ngã-là-chết-chắc xuống con đường rải sỏi

phía dưới. Ai mà biết được, có khi chúng tôi sẽ phải nhảy xuống trước khi bị kết liễu. Có lẽ chết kiểu đó thì tốt hơn.

Mồ hôi tuôn ròn ròn xuống mặt tôi bất chấp cái lạnh. Hai tay tôi run lẩy bẩy khi tôi đặt chúng lên bức tường. Như trước đó, tôi sờ tay khắp khu vực nơi tôi đã thấy tiếng vọng rỗng kia.

Không ích gì. Chẳng có gì khác ngoài bề mặt trơn nhẵn.

Tôi đã tới góc tường, rờ lên rờ xuống dọc theo phần tiếp giáp. Đột nhiên tôi thử kiểm tra cả bức tường bên cạnh. Có lẽ ở đó có một cái công tắc hoặc một cánh cửa. Tôi nhón chân kiễng cao hết mức có thể. Tôi cúi xuống thật thấp. Tôi ấn và đẩy. Tôi xô. Tôi làm tất cả những điều đó cho tới khi đến hốc cửa sổ. Vẫn không tìm được gì.

Nhìn lại, tôi thấy chiến thuật của chúng tôi đã có tác dụng ở một mức độ nào đó. George và Lockwood đang múa may ở những góc đằng xa của căn phòng, biến cơn hoảng hốt của họ thành những tiếng hò reo, huýt sáo, và những lời sỉ nhục thậm tệ nhằm vào Khách. Đáp lại, vũng máu trên trần nhà đã tõe ra những nhánh mới: những dòng chảy dài giận dữ của máu tỏa đi xung quanh chùm đèn, phóng về phía họ.

Nhưng tôi cũng không bị lãng quên. Tôi kinh hoàng thấy một dòng máu đã vươn gần tới chân mình trên sàn nhà. Phía trên cao, một cánh tay của khối máu trung tâm đã tiến lại gần tôi đến đáng ngại, và từ đó, một dòng chảy nhỏ, sẫm màu đang rơi xuống. Những vệt màu đen bắn tung lên những tấm ván sàn cạnh giày tôi. Một vệt rơi vào gót giày tôi. Có một tiếng xì xì; một làn khói trắng mỏng cuộn lên khi tôi nhảy lên bậu cửa rộng bên dưới cửa sổ để tránh.

*Thế này* không ổn rồi. Giờ tôi đứng trước nguy cơ bị bủa vây hoàn toàn. Tôi xoay người, cúi thấp, chuẩn bị nhảy xuống - và khi tôi làm thế, ngón tay tôi chạm vào cánh cửa chớp bằng gỗ đã được gập lại bên thành của hốc

cửa sổ. Tôi nhìn nó. Và trong khoảnh khắc tuyệt vọng đó, ý tưởng chợt nảy ra.

Tôi vặn đèn pin sáng lên hết cỡ chiếu vào cửa chớp. Đó là loại cánh chớp một bên, cao bằng hốc cửa sổ và rộng gần như thế. Ở lưng nó, gần cửa sổ, những chiếc bản lề đen to lớn gắn chặt nó vào mặt đá. Nếu ta kéo nó ra, nó sẽ mở rộng che lấy lớp kính.

Và - cũng có thể - sẽ để lộ ra thứ gì đó.

Tôi nắm lấy cánh cửa chớp gỗ, cố kéo nó về phía mình. Tôi muốn nhìn thấy đằng sau đó - nhớ đâu có gì. Ở đâu đó, có thứ gì đó lỏng ra. Tôi cảm thấy cánh cửa chớp chuyển động. Tôi lia nhanh đèn pin để nhìn - và thấy một vết nứt đã mở ra, một khoảng trống đủ rộng để nhét ngón tay vào. Có lẽ chẳng có gì ngoài mặt đá phía sau; có lẽ nó thực sự là một cánh cửa chớp. Hoặc có lẽ...

“George! Lockwood!” Tôi ngoái lại gọi to, xuyên qua những cột máu đang tuôn xuống. “Có lẽ tôi đã tìm ra nó! Nhanh lên - tôi cần các cậu giúp!”

Không chờ đợi, tôi kéo cánh cửa gỗ. Tôi ráng sức giật mạnh. Nó chẳng hề di chuyển.

Có thứ gì đó xô tôi sang một bên. Đó là Lockwood, đang lao mình vào hốc cửa sổ. Máu đã chảy tới gần rìa phòng. Cậu đã phải ép sát người vào tường khi chạy tới rìa cửa sổ. George tăng tốc phía sau cậu, thanh kiếm chênh lên một góc phía trên đầu. Những giọt máu rơi xuống bắn tóe trên mũi kiếm, xèo xèo và lóe sáng khi chạm vào lưỡi sắt. Cậu nhảy tới sát chúng tôi. Không ai nói gì. George đưa tôi thanh kiếm. Cậu và Lockwood nắm lấy cánh cửa gỗ, gắng hết sức mình và kéo.

Tôi quay người lại giơ thanh kiếm lên phía trên chúng tôi như thể một tấm khiên chẳng mấy tác dụng.

Vệt máu trên trần nhà lúc này đã dàn ra hầu như tới hết các mép tường; ở góc của chúng tôi, còn lại duy nhất một khoảng hình tam giác sạch sẽ. Từng luồng máu tuôn xuống thành lớp màn, sôi sục, quay cuồng, giạt như làn mưa trong cơn bão. Sàn nhà đã ướt sũng. Máu đọng thành vũng dưới khe ván sàn và ào lên liếm vào chân tường. Chùm đèn cũng đang nhỏ máu: pha lê phát ra ánh sáng đỏ. Giờ tôi đã biết tại sao căn phòng lại không có bất cứ thứ đồ đạc gì, và tại sao nó lại bị bỏ hoang nhiều năm như thế. Giờ tôi đã biết tại sao nó lại có cái tên như vậy.

George thở hổn hển; Lockwood kêu lên một tiếng, họ ngã ra phía sau, xô vào người tôi, kéo cánh cửa chớp bật mở. Đằng sau nó, mạng nhện bện lại như những lọn tóc xác chết. Ánh đèn pin của tôi cho thấy cả bóng tối nữa - một khung vòm hẹp bên trong bức tường.

Máu đã bắn tung lên góc cửa chớp và trên mũi kiếm chích lên của tôi. Tôi cảm thấy máu xèo xèo trên găng tay và cánh tay mình.

“Vào đi! Vào đi!” tôi ra hiệu với bọn họ; họ đổ nhào vào bên trong. Tôi đi giạt lùi theo sau, bước từ bậc cửa sổ vào trong lớp đá cổ. Máu tuôn xuống mặt trong cửa chớp; chảy xuống các cạnh của hốc cửa sổ về phía chân tôi.

Ở bên trong cánh cửa chớp chúng tôi nhìn thấy một sợi dây xưa cũ, đầu buộc một vòng sắt. George và Lockwood nắm lấy nó, gắng sức kéo. Cánh cửa chậm chậm xoay vào bên trong. Máu chảy như thác qua khe cửa đang đóng dần, vẩy đầy lên cánh tay của George. Cậu chửi thề và ngã về phía sau; tôi cũng mất thăng bằng. Lockwood kéo một lần cuối cùng. Cánh cửa đóng ập - và chúng tôi bị bỏ lại trong bóng tối, lắng nghe tiếng máu động vào cửa và kêu ùng ục, máu của thứ không tên đang xả cơn cuồng nộ ở phía bên kia bức tường.

## CHƯƠNG 22

Bất thành linh, như thể một cái công tắc vừa được gạt hay một chiếc phích cắm điện vừa được rút ra, âm thanh tồ tẹt đó tắt ngúm. Chỉ còn lại chúng tôi với nhau.

Sự yên lặng đột ngột làm tôi nao núng. Tôi ngồi dựa vào bức tường đá thô ráp, đầu ngửa lên, miệng há hốc, hỗn hển thở. Máu đập thành thạch trong tai tôi. Ngực tôi phồng lên xẹp xuống trong những cú giật mạnh; mỗi một cử động đều làm tôi đau đớn. Dù trong khung cảnh tối như hũ nút, tôi biết hai người kia cũng đang đổ vật ra cạnh tôi trong lối đi chật hẹp đó. Tiếng thở khô khè của họ hòa nhịp với tiếng thở của tôi.

Chúng tôi đổ xuống thành một đồng, người nọ trên người kia. Không khí lạnh và gắt, nhưng ít ra thì cái mùi máu nồng nặc lúc này đã biến mất.

“George,” tôi kêu lên, giọng khàn khàn, “cậu ổn chứ?”

“Không. Mông ai đang đè bẹp chân tôi rồi.”

Tôi bực dọc đối tư thế. “Ý tôi là những vệt *sinh chất* đó kia - chỗ cậu bị bắn vào ấy.”

“Ồ. Phải rồi. Cảm ơn cậu. Nó đã không chạm được vào tay tôi, dù tôi nghĩ cái áo đã *hỏng* rồi.”

“Như thế là tốt đấy. Chiếc áo khoác đó rất xấu. Ai có đèn pin nào? Tôi đánh rơi đèn pin của tôi rồi.”

“Tôi cũng vậy,” Lockwood nói.

“Đây.” George bật đèn pin của cậu lên.

Ánh đèn pin chẳng bao giờ cho thấy đáng vẻ tử tế nhất của người ta. Trong ánh sáng chói lọi đột ngột, George và tôi đang thu mình sát vào nhau, mắt lồi ra, tóc bết vào bởi mồ hôi và nổi hải hùng. Tay George bị vấy một vệt màu trắng xám ngả xanh tại chỗ sinh chất rơi vào cậu. Khói bốc lên từ đó, và cả từ thanh kiếm để ngang đầu gối tôi. Khi nhìn xuống, tôi thấy giày và quần tất của mình cũng đã bị thứ vật chất đó bắn lên.

Lockwood, thật thần kỳ thay, có vẻ như đã thoát được những gì tồi tệ nhất từ vụ tấn công. Áo choàng của cậu chỉ bị vấy bẩn một chút, và móm tóc trước trán cậu cháy trắng cả ra bởi một giọt sinh chất. Nhưng trong khi mặt George đỏ bừng, thì mặt cậu lại trở nên nhợt nhạt hơn; trong khi George và tôi thở hổn hển, rên la và lảo nhào, cậu nằm yên vững vàng, hơi thở của mình lắng xuống. Cậu đã gỡ cặp kính râu xuống và đôi mắt đen của cậu sáng lấp lánh. Hàm cậu đan lại. Tôi có thể nhìn ra ngay lập tức là cậu đã dồn tình cảm của mình vào sâu thẳm bên trong, làm cho nó trở nên rắn rỏi, sắt đá. Có vẻ gì đó trên khuôn mặt cậu mà tôi chưa từng nhìn thấy trước kia.

“Hừm,” cậu nói. “Lúc này nó ngưng rồi.”

George chiếu đèn pin vào phía trong của lối đi bí mật. Mấy giây trước thôi, những ngón tay máu đặc sệt đã tuôn xuống đó. Giờ đây lớp gỗ đã khô, đầy bụi bặm và không có vết ố. Không dấu hiệu gì có thể nhìn thấy bằng mắt thường cho thấy có chuyện gì đã từng xảy ra. Nếu chúng tôi quay trở về căn phòng trống, không nghi ngờ gì rằng nó cũng đã khô ráo và sạch sẽ. Nhưng chúng tôi sẽ không quay trở lại đó.

Lockwood khó nhọc ngồi dậy, đoạn điều chỉnh những vòng dây xích sắt bọc trong màng bóng xốp. “Không ai làm sao cả,” cậu ấy nói. “Chúng ta bị mất chuỗi xích sắt cỡ lớn và những thứ để trong các túi đeo, nhưng chúng ta còn kiếm, mạt sắt và ấn bạc. Và giờ chúng ta đã tìm được thứ mình muốn.”

Tôi nhìn bề mặt sạch sẽ, bình yên của cánh cửa. “Sao nó lại không đuổi theo chúng ta nhỉ? Ma có thể đi xuyên tường mà.”

Lockwood nhún vai. “Trong một số trường hợp Khách thường gắn hoàn toàn vào căn phòng nơi cái chết xảy ra và không có ý niệm gì khác về không gian xung quanh nữa. Bởi vậy... khi chúng ta rời khỏi lãnh địa săn mồi của nó, thì như thế chúng ta không còn tồn tại nữa, như thế chúng ta không còn...”

Tôi nhìn cậu. “Thực sự cậu cũng không biết tại sao, phải không?”

“Ừ.”

“Có khả năng như thế này nhé,” George nói. Cậu vung tay cầm đèn pin. “Có nhìn thấy chiếc vòng chúng ta kéo để đóng cửa không? Nó được làm bằng sắt. Và nhìn này, có một lưới các dải sắt mỏng trên mặt gỗ. Và xuống tới cả mặt đá dưới này nữa... Tôi trông chúng có vẻ cũ. Có ai đó đã gắn chúng vào đây để chặn Khách đó lại từ lâu rồi. Nó làm cho lối đi này an toàn.”

Cậu quét đèn pin vòng quanh chúng tôi để chúng tôi có thể đánh giá khoảng không gian chúng tôi đang bị nhốt ở trong. Đó là một hành lang rất chật hẹp, tường và nền lát những viên gạch mỏng đã cũ. Nó chạy một đoạn ngắn, rồi đâm vào góc bức tường phía Tây - bức tường có vẻ dày đến đáng nghi trong các bản vẽ mặt bằng của George. Ở đây, gạch đã được thay bằng đá và lối đi ngoặt về bên phải. Góc ngoặt đó hầu như bị bịt kín hoàn toàn bởi đám mạng nhện rủ xuống như những bức màn dày, từ trên trần xuống tới tận sàn lối đi.

“Tôi không thích lũ nhện đó,” tôi nói.

“Lối đi bên hông này thì không có nhện,” Lockwood nói, “bởi vì có những lớp sắt kia. Nhưng khi chúng ta đi qua chỗ ngoặt, chúng ta quay trở lại với tòa tu viện cũ, và chúng ta sẽ tới gần hơn với Nguồn. Điều đó có

nghĩa là sẽ có nhiều nhện hơn và các hiện tượng ma quỷ cũng mạnh mẽ hơn. Từ giờ trở đi, chúng ta sẽ sử dụng tất cả vũ khí chúng ta có ngay khi bất cứ thứ gì xuất hiện.”

Chúng tôi chập vạt đứng dậy. Tôi đưa trả George thanh kiếm của cậu rồi rút kiếm của mình ra. Tôi tìm thấy đèn pin của mình ngay chỗ tôi đánh rơi nó trên nền gạch, nhưng bóng đèn đã bị vỡ. Đèn pin của Lockwood thì đã mất, còn đèn pin của George dường như không sáng bằng lúc trước.

“Để dành đi,” Lockwood nói. Cậu lấy ra mấy cây nến và chia cho từng người; khi thắp lên, ngọn lửa màu vàng mù tạt của chúng cao vút và ổn định. “Chúng sẽ rất hữu ích trong việc phát hiện sự hình thành của các hiện tượng tâm linh,” cậu nói thêm. “Để mắt đến chúng nhé.”

“Thật tiếc chúng ta không thể dùng mèo nhốt trong lồng, như Tom Rotwell đã từng làm,” George nhận xét. “Chúng là những công cụ cảnh báo nhạy nhất đấy, hiển nhiên là thế - nếu ta có thể chịu đựng được tiếng chúng rú lên.”

“Thật không thể tin được là Nguồn lại không ở trong Căn Phòng Đỏ,” tôi nói. “Khách này *quá* mạnh.”

“Và *quá* kỳ lạ,” George nói thêm. “Pha trộn giữa Yêu Tinh và Biển Hình. Loại mới đấy.”

“Không, chỉ là Biển Hình thôi.” Lockwood chìa ngọn nến ra phía trước, thăm dò đoạn hành lang dẫn đến góc ngoặt. “Nó không có khả năng di chuyển đồ vật.”

“Cậu quên là nó đã đóng và khóa cửa sao?” tôi nói.

“Có phải là nó không?” Lockwood nói. “Tôi không nghĩ vậy đâu.”

Tôi nhăn trán trước câu trả lời của cậu còn cậu thì đã tiến lên rồi. “Gượng đã,” tôi nói. “Cậu nghĩ là một con ma khác đã...” Rồi cậu trả lời đến với tôi.

“Ý cậu là một *người sống* đã làm việc đó ư? Chủ tâm nhốt chúng ta lại? Nhưng điều đó có nghĩa là...”

George khẽ huýt sáo một tiếng thật dài. “Fairfax hoặc Starkins...”

“Nhưng họ có vào đây đâu,” tôi phản đối, “sau khi trời tối.”

“*Starkins* thì không,” Lockwood nói. “Thôi đi nào, chúng ta còn có việc cần phải làm.”

Nhưng tôi vẫn nhìn cậu. “Ông *Fairfax* ư? Nhưng tại sao chứ? Lockwood...”

Cậu giơ tay ra hiệu cho tôi yên lặng; giờ cậu đang ở góc ngoặt, người cúi thấp để tránh những tấm mạng nhện. Khi cậu giơ ngọn nến về phía chúng, hàng chục cơ thể sáng bóng màu đen chạy lon ton ra rìa ngoài, cố trốn khỏi quang ánh sáng. “Ở đây tức khắc lạnh hơn rất nhiều,” cậu nói, “ngay khi ta bước ra khỏi nền gạch. Và có cả âm khí cùng nỗi phiền muộn tức thì nữa... George, cậu kiểm tra nhiệt độ ở chỗ đó, rồi sang bên lát đá đi.”

George chen lên vượt qua tôi và bắt đầu đọc các chỉ số. Tôi theo sau một cách miễn cưỡng.

“Tôi biết cậu không thích ông *Fairfax*,” tôi nói, “nhưng nếu cậu nói rằng ông ấy bị điên...”

“Ồ, chắc chắn lão không điên rồi,” Lockwood nói. “Nhiệt độ khác biệt thế nào, George?”

“Giảm từ chín xuống năm độ chỉ trong khoảng cách một bước chân thôi.”

Lockwood gật đầu. “Tất cả nằm trong đá hết. Và sẽ chỉ càng lạnh hơn khi chúng ta xuống dưới đó.”

Cậu chỉ vào khung vòm bên cạnh mình: tối đen và trống hoác như một cái miệng há hốc. Ánh nến của chúng tôi không rọi được vào sâu bên trong.

George bật đèn pin lên trong thoáng chốc, để lộ phần mở đầu của một lối đi khác, cao hơn và rộng hơn so với lối chúng tôi đã vào. Nó chạy dài bên trong bức tường.

Lockwood đã nói đúng về sự giảm nhiệt. Lần đầu tiên, tôi thực sự cảm nhận thấy cái lạnh. Tôi lấy mũ ra, đội lên đầu; kéo khóa áo khoác lên thật kín. Hai cậu kia cũng làm vậy. Tôi vừa làm vừa lườm Lockwood, khó chịu vì cậu đã từ chối không nói về ông Fairfax và cánh cửa Căn Phòng Đỏ. *Lại một lần nữa* cậu giữ yên lặng, không chịu chia sẻ những gì mình biết. Cậu đã hành xử như thế mấy ngày nay rồi, kể từ khi có cuộc gọi đầu tiên của ông Fairfax. Thậm chí có lẽ là trước đó - từ khi có vụ trộm, thậm chí kể từ khi chúng tôi tìm thấy sợi dây chuyền...

Tôi đưa hai tay lên cổ, kiểm tra sợi dây được đeo kín đáo quanh cổ. Phía dưới áo khoác của tôi, chiếc hộp thủy tinh lạnh lẽo ép chặt vào ngực. Tôi băn khoăn không biết nó có ửng lên không, liệu hồn ma trong đó có phát ra thứ ánh sáng nào không. Hừm, cô ấy đã bị nhốt kỹ. Người chúng tôi phải lo tới lúc này không phải Annie Ward.

Lockwood đeo găng tay vào; George đã nhét được đầu vào trong mũ len xanh xấu xí dính quả bông. Chúng tôi bắt đầu tiến theo hành lang, Lockwood dẫn đầu. Cậu giơ cao ngọn nến. Những mảng mạng nhện nhảy múa phía trên ngọn lửa nến mong manh.

Bước được vài bước, George gọi chúng tôi dừng lại. Cậu chỉ vào bức tường bên phải, một cổng vòm thô bằng gạch ẩn trong tường đá. “Đã từng có lối đi gốc xuyên qua đây từ Căn Phòng Đỏ,” cậu nói. “Nó bị bít kín khi họ xây lại căn nhà. Chúng ta giờ đây đang ở trong một lối đi của tu viện xưa.”

“Tốt rồi,” Lockwood nói. “Hãy nhìn vào sơ đồ. Rồi chúng ta có thể nhìn thấy đâu là...”

Cậu quay giật đầu lại nhìn xung quanh. Bắc nền của cậu rung rinh, ánh sáng của nó mờ đi. Tất cả chúng tôi đã cảm thấy sự thay đổi khi có Khách tiến lại gần.

Chúng tôi chờ đợi, kiểm rút ra sẵn sàng, tay để hờ trên đai lưng.

Mất một lúc chẳng có gì cả, và rồi tiếp theo... một cậu con trai đứng phía trước chúng tôi trong bóng tối. Cậu ta tỏa ra một thứ ánh sáng yếu ớt. Thật khó mà nói cậu ta ở cách đây bao xa, hoặc liệu cậu ta nổi bông bênh trên không hay đứng trên mặt sàn đá. Ánh-sáng-khác của cậu ta chỉ soi rọi bản thân cậu ta. Khi lắng nghe, tôi nghĩ rằng mình đã thấy tiếng khóc nức nở yếu ớt, nhưng khuôn mặt ma hình lại trống trơn không biểu hiện gì. Cậu ta nhìn về phía chúng tôi với vẻ trống rỗng mà rất nhiều hồn ma như vậy thường có.

“Để ý quần áo nhé,” Lockwood thì thầm.

Cậu con trai khá trẻ, có lẽ chưa đến tuổi tôi. Cậu ta có mái tóc vàng hoe, dáng người to bè, gần như là béo, cùng khuôn mặt tròn, mềm mại. Nếu George được cọ rửa sạch sẽ và được nhét vào bộ đồ nào đó bảnh chọe, là lượt phẳng phiu, thì chắc cũng suýt trở thành anh em họ của cậu kia. Cậu ta mặc một chiếc quần sẫm màu và áo khoác dài màu xám, có vẻ hơi rộng so với cậu ta. Có cái gì đó từ cách cắt may chiếc áo vét và chiếc quần (tôi không giỏi lắm về thời trang), cho tôi biết rằng cậu ta chết cách đây đã hàng chục năm rồi. Nhưng bộ đồng phục, hay chuôi kiếm kiểu Ý ở hông cậu ta thì không thể lẫn vào đâu được.

“Ôi, Chúa ơi,” tôi nói, “đó là cậu con trai của đội Fittes. Cậu ấy đã chết ở đây.”

Âm thanh khóc than trở nên rõ ràng hơn. Ma hình bập bùng; nó chậm chậm quay đi khỏi chúng tôi và trôi đi dọc hành lang.

Tất cả hình ảnh và âm thanh đột ngột biến mất. Chỉ còn lại bóng tối, sự yên lặng, và một thứ mùi chua chua ngọt ngọt nhạt dần đi trong mũi tôi. Bức nền lại sáng như ban ngày. Chúng tôi nhớ ra là cần phải thở.

“Giá được ăn một chiếc kẹo bạc hà thì tốt *thật*,” George nói.

“Cậu ấy có nói gì với cậu không, Lucy?” Lockwood hỏi.

“Không. Nhưng cậu ấy đã cố nói với chúng ta điều gì đó.”

“Đó là vấn đề đối với các hồn ma. Họ chẳng bao giờ nói gì rõ ràng cả. Hừm, có lẽ đó là một lời cảnh báo, nhưng chúng ta vẫn phải đi tiếp thôi. Chúng ta chẳng thể làm được gì khác.”

Chúng tôi tiếp tục tiến bước dọc theo hành lang ấy, nhưng chậm hơn so với trước. Chỉ thêm độ một mét nữa, ánh chùng ngay khoảng chúng tôi thấy ma hình vừa rồi, chúng tôi tới một đoạn cầu thang.

Nó là một cầu thang xoáy tròn ốc, chật hẹp và dốc thẳng xuống dưới. Hành lang dẫn thẳng tới nó, và đường xuống được những khối đá nhỏ hơn bo quanh.

“Bốn độ,” George dừng dừng nói. Ánh sáng từ nhiệt kế phản chiếu trên cặp kính làm cho hơi thở đã hóa khói của cậu trở thành màu xanh.

“Có vẻ chúng ta sẽ đi xuống dưới,” Lockwood nói. “Có chỗ này trên bản vẽ mặt bằng thời Trung cổ không, George?”

“Tôi không biết nữa... Thực ra là... có, tôi nghĩ là có. Một cầu thang nối từ các phòng ngủ xuống phòng ăn. Muốn tôi xem lại không?”

“Không. Không, cứ làm cho xong đi đã.”

Chúng tôi bước xuống những bậc thang. Lockwood đi trước, rồi đến tôi, George chốt đuôi. Đó không phải một nơi dễ chịu. Chúng tôi có cảm giác rất mãnh liệt rằng mình đang ở nơi nào đó rất xưa cũ và cách rất xa ánh sáng tự nhiên. Bất chấp cái lạnh, không khí bí bức, ngọt ngạt, và những bức

tường ép chặt lại từ cả hai bên. Chúng tôi phải cúi đầu xuống để tránh những lớp mạng nhện rủ xuống từ trần nhà. Khói từ mấy ngọn nến làm tôi ứa nước mắt, và những chiếc bắc đấm sáp chảy rọi những cái bóng nhảy múa lên các đoạn tường đá cong nhẵn thín.

“Đừng vấp vào bộ phận nào của cậu bé Fittes đấy, Lockwood,” George nói. “Cậu ấy ngã đâu đó dưới này.”

Tôi quay lại quắc mắt nhìn. “Hừ, George. Sao cậu có thể *nói* thế chứ?”

“Chắc có lẽ bởi vì tôi đang lo lắng.”

Tôi thở dài. “Cũng... phải thôi. Tôi cũng vậy.”

Lúc này tất cả chúng tôi đều đã cảm thấy căng như dây đàn; các giác quan của chúng tôi đang ở trong tình trạng báo động đỏ, chỉ chờ đợi kích thích nhỏ nhất. Phía ngoài kia tất cả dường như yên lặng - không âm thanh, không đốm-sáng-chết, không có những dải sinh chất trôi bồng bềnh. Nhưng như thế cũng chẳng có nghĩa lý gì. Mọi chuyện ở Căn Phòng Đỏ cũng đã bắt đầu y hệt vậy thôi.

Chiếc cầu thang mở ra thoáng chốc vào một khoang hình vuông bé tí, với những cửa vòm đã bị bịt lại ở cả hai bên, trước khi tiếp tục đi xuống. Lockwood ngừng lại. “Chúng ta đã ở tầng mặt đất rồi,” cậu nói. “Chắc chắn ta đang ở ngay đằng sau tấm thảm đó. Các cậu nhớ chứ - cái có hình con gấu tinh ranh đó.”

“Tôi nhớ,” tôi nói. “Đây chính là chỗ của điểm lạnh đó.”

“Đúng vậy, nhiệt độ đã hạ xuống ba độ rưỡi,” George nói. “Nhiệt độ thấp nhất trong ngôi nhà này.” Giọng cậu đánh lại. “Chúng ta tới gần rồi.”

“Giờ chúng ta nên đi chậm lại.” Lockwood đưa cho mọi người kẹo bạc hà. Chúng tôi nhai trong vô thức và lại bắt đầu theo những bậc thang xoáy xuống hầm rượu. Một ý nghĩ chợt đến với tôi.

“Cây cầu thang này...” tôi nói bằng giọng bình thản. “Nó chẳng... nó chẳng phải chính là cây cầu thang *đó* sao?”

Đằng sau tôi, George bật cười. “Không. Đừng lo. Đó là cầu thang khác.”

“Cậu chắc chứ? Những truyền thuyết kia có nói rõ nó là cầu thang chính của sảnh không?”

“Có.” Chúng tôi bước xuống một cách chậm rãi, thận trọng, từng bước từng bước một vòng xuống dưới. Ngọn nến của Lockwood mờ đi và lập lờ, rồi lại sáng rõ lên. “Hừm,” George tiếp tục, “thực ra thì chúng không nói *hẳn ra* như thế. Chúng chỉ đề cập đến 'những bậc thang cũ'. Nhưng ai cũng cho rằng đó là cây cầu thang chính, với những con rồng tạc, hốc tường đặt đầu lâu và những thứ còn lại.”

“Phải rồi... Vậy là họ chỉ *cho là* thế thôi... Nhưng theo lẽ tự nhiên, nếu phải ở chỗ nào thì nó *ắt hẳn* phải là cầu thang chính, đúng không nào?”

“Đúng. Chính xác.”

“Cho dù chúng ta không tìm được bất kỳ dấu hiệu tâm linh nào ở đó, phải không?”

“Đúng vậy. Và ở *đây* chúng ta cũng không cảm nhận được gì.” George nói với vẻ quả quyết khác thường. “Chỉ là truyền thuyết thôi.”

Có vẻ đúng là như vậy. Tôi không nghi ngờ tí gì về điều đó. Và tôi cởi găng tay ra rồi nhét vào trong túi áo chỉ để khăn định chắc chắn hơn. Chỉ đơn thuần vì tò mò, tôi để những ngón tay của mình trượt trên mặt đá khi chúng tôi chầm chậm đi vòng vòng xuống dưới.

Thật nhẹ nhõm khi tất cả những gì tôi có thể cảm thấy chỉ là cái lạnh trong bức tường. Nó là cái lạnh sâu, khô khốc và vô hồn đã thấm vào lòng đá qua bao nhiêu năm tháng. Nó châm vào da tôi, như một cú điện giật khiến tôi dựng tóc gáy. Một cảm giác không lấy gì làm thoải mái - nhưng tất cả chỉ có thế. Chỉ lạnh thôi.

Tôi đang chuẩn bị nhấc tay ra thì nghe thấy những âm thanh ấy.

Ban đầu chúng rất yếu ớt, nhưng nhanh chóng tiến lại càng lúc càng gần. Tiếng những đôi giày nện xuống. Tiếng chân sầm sập, cùng tiếng leng keng của kim loại. Những âm thanh đó vang vọng trong ống cầu thang cùng với giọng của nhiều người đàn ông. Có áo chùng sột soạt, tiếng lạo xạo của những thanh kiếm. Đột nhiên chúng vỡ òa khắp xung quanh chúng tôi, hòa nhịp cùng bước đi của chúng tôi. Tôi ngửi thấy mùi hắc ín cháy, mùi khói cùng mùi mồ hôi, và sặc một thứ mùi của sợ hãi bao trùm. Có ai đó la hét bằng một thứ ngôn ngữ tôi không hiểu được. Đó đơn giản là tiếng hét tuyệt vọng, cầu xin sự giúp đỡ. Tiếng áo giáp sắt xúng xoảng, một cú đòn giáng xuống; tôi nghe thấy tiếng rên đau đớn.

Tiếng giày chạy vào trong và xuống dưới, và với mỗi bước chúng tôi đi, bầu không khí kinh hoàng càng trở nên mạnh mẽ và hiện hữu hơn. Giờ đây không chỉ còn là một tiếng kêu van nài duy nhất nữa, mà là giọng của nhiều người - và khi tôi lắng nghe, những tiếng kêu la của họ ngày càng lớn và trở nên tuyệt vọng hơn, chói tai hơn. Chúng cứ lớn dần, lớn dần... chẳng mấy chốc chúng đã át hết những âm thanh khác - những tiếng giày nện và tiếng áo giáp sắt xúng xoảng - cho tới khi dường như chỉ còn một tiếng thét vang vọng duy nhất xoáy sâu vào lòng đất, một tiếng thét thất thanh, cuồng loạn đầy sợ hãi...

Tôi giật tay ra.

Tất cả biến mất. Tôi hít một ngụm không khí đầy khói, và lo lắng nhìn khắp bức tường, ơn trời. Trong một khoảnh khắc cái bóng của tôi dường như đã khác đi một chút. Cao hơn, gầy hơn, sắc cạnh hơn và gù hơn... Mà không, nó vẫn nguyên như cũ. Còn âm thanh kia đã biến mất.

Tôi dò dẫm xỏ lại găng vào những ngón tay đã lạnh cóng. Tất cả đã biến mất...

Chỉ mỗi tội nó không biến mất hẳn. Tôi vẫn có thể nghe thấy nó. Yếu ớt và xa xăm, tiếng la hét vẫn tiếp tục vang vọng.

“Ừm, các cậu ơi...” tôi nói.

Lockwood dừng khựng lại trước mặt tôi. Cậu kêu lên một tiếng. “*Tất nhiên là thế rồi! Tôi ngốc thật đấy!*”

George và tôi đứng lại nhìn. “Cái gì?” George hỏi. “Cái gì nào?”

“Nó đã ở ngay trước mắt chúng ta từ đầu tới giờ!”

“Cái gì cơ?”

“Câu trả lời cho mọi chuyện. A, tôi *quả là* ngu ngốc!”

Nhấn trán, tôi đưa bàn tay đi gãi áp lên đầu. Tôi đang tập trung hết sức lắng nghe. “Lockwood, đợi đã,” tôi nói. “Cậu có nghe thấy...”

“Tôi chịu quá đủ rồi,” George nói. “Lockwood, cậu đã cư xử rất kỳ lạ mấy ngày nay. Nói với chúng tôi điều gì đang xảy ra đi. Rõ ràng nó là về Fairfax, và bởi vì công việc *của ông ấy* đang đặt chúng ta vào nguy hiểm như thế này, tôi nghĩ cậu nợ chúng tôi một lời giải thích.”

Lockwood gật đầu. “Đúng vậy. Nhưng trước tiên chúng ta phải tìm ra Nguồn đã. Rồi...”

”Không,” George nói. “Thế luôn đi.”

Tiếng gào thét đang nổi lên, vẫn còn yếu ớt nhưng sức mạnh đang tăng dần. Những ngọn nến bập bùng. Những cái bóng méo mó trên tường. “Lockwood,” tôi khấn khoản. “*Nghe xem nào.*”

“Chúng ta phải hết sức cảnh giác, George,” Lockwood nói. “Không có thời gian giải thích đâu.”

“Thế thì cậu nói nhanh lên, dùng từ ngữ ngắn gọn thôi.”

“*Không! Cả hai cậu im đi!*” Họ nhìn tôi. Những ngón tay tôi đang cào vào thái dương; hàm răng tôi nghiến chặt. Âm thanh đáng sợ đó vừa bùng

lên tới mức tối đa trên những bức tường. “Các cậu không nghe thấy sao?” tôi thì thào. “Tiếng *gào thét* đó ấy.”

Lockwood nhăn mặt. “Gì cơ? Không... tôi không nghĩ vậy.”

“Hãy nghe tôi đi! Đây chính là cây Cầu Thang Gào Thét đó! Chúng ta cần phải rời khỏi đây *ngay bây giờ*.”

Một khoảnh khắc do dự trôi qua, nhưng Lockwood là một người lãnh đạo giỏi và cậu không đời nào lờ đi một lời cảnh báo khẩn thiết. Cậu nắm lấy tay tôi. “Được rồi, bọn tôi sẽ đưa cậu xuống dưới chân cầu thang. Có lẽ âm thanh sẽ ngừng lại ở đó. Có lẽ chỉ có cậu, Lucy, người có thể...” Cậu chột ngừng lại. Những ngón tay cậu siết chặt những ngón tay tôi; tôi cảm thấy cậu loạng choạng trên những bậc thang. Những âm thanh đó lại trỗi dậy; lần đầu tiên nó phá vỡ những rào cản vật lý, trở thành âm thanh mà những đôi tai không nhạy cảm bằng tai tôi cũng có thể nghe được.

Tôi nhìn lại. George cũng đã sững người, hai mắt cậu mở to. Cậu nói gì đó, nhưng tôi chẳng thể nghe thấy. Tiếng hét quá to.

“Đi xuống!” Lockwood hét lên; ít nhất, tôi có thể nhìn thấy khẩu hình cậu. “*Đi xuống!*” Cậu lão đảo nhưng vẫn nắm chặt tay tôi. Cậu kéo tôi đi; đằng sau tôi George đã vấp ngã, hai nắm tay áp chặt vào tai. Chúng tôi lao xuống dưới qua không gian xoắn ốc lẫn lộn giữa ánh sáng và bóng tối, với những ngọn nến nhảy nhót điên cuồng và những cái bóng của chúng tôi nhào lộn trên những bức tường.

Những tiếng gào thét vang lên khắp xung quanh chúng tôi, phát ra thẳng từ những bậc thang và những tảng đá. Cường độ của nó quả là kinh sợ - đau đớn như những cú đấm liên hoàn - nhưng sự kiệt quệ tinh thần nó mang theo mới quả là quá sức chịu đựng, nó làm bụng ta cuộn lên, đầu đau như chẻ làm đôi và thế giới quay cuồng trước mắt ta. Nó là âm thanh kinh hoàng

của cái chết, khởi phát từ hư không rồi cứ lan ra tới vô tận. Nó xoay vòng xung quanh chúng tôi, quặp lấy trí óc chúng tôi.

Chúng tôi cứ quay cuồng chạy mãi, chạy mãi - rồi những cái bóng đồng loạt chạy ủa theo chúng tôi, nhưng không phải bóng của chính chúng tôi, mà là những hình dáng sẫm màu hơn với những cái đầu trùn mũ sắc nhọn, và những cánh tay gầy, rất gầy, vươn cao theo những bức tường. Chúng tôi cứ chạy xuống mãi - ngã nhào, nhảy cóc, xuyên toạc qua những đám mạng nhện treo lơ lửng. Quay cuồng, quay cuồng - trên tường, những hình dáng đội mũ kia cứ trôi lên rồi lại sụp xuống, bám theo ở cả hai phía. Ngón tay của những cái bóng chụp xuống; cầu thang cứ dài bất tận; và những tiếng gào thét vẫn xoáy vào đầu chúng tôi như những que sắt nung đỏ, tới mức tôi chẳng còn mong muốn điều gì ngoài việc dừng âm thanh kinh khủng đó lại...

Đúng lúc đó thì chúng tôi ngã khỏi những bậc thang cuối cùng, vào một căn phòng nhỏ hình vuông.

Chúng tôi ngã rạp xuống sàn nhà. Những ngọn nến tuột ra khỏi tay, trượt trên nền đá. Đầu óc chúng tôi quay cuồng; chúng tôi chẳng thể nào gượng đứng dậy được do thứ âm thanh kia và cảm giác choáng váng sau khi lao xuống. Tiếng gào thét vẫn không tắt đi. Và giờ đây những cái bóng đã tuôn ra từ cầu thang lên khắp mé tường căn phòng, chúng lơ mờ thụp xuống trên các bức tường như thể đang nhảy trong một cơn cuồng điên từ địa ngục. Những sợi dây thừng đứt đoạn đang đưa trên những cổ tay chúng.

“Các tu sĩ,” tôi hỗn hển. “Đó chính là các tu sĩ! Những người đã bị giết ở đây.”

Bảy vị tu sĩ, truyền thuyết đã nói như vậy. Bảy vị tu sĩ, vì tội báng bổ, đã bị đem vứt xuống giếng.

Tôi ngóc đầu lên, nhìn quanh sàn nhà chao đảo. Kia rồi, dưới ánh sáng của ngọn nến nằm ngang mặt đất: một miệng hố tròn rộng, đen ngòm, mép viền đá, được đặt ở chính giữa sàn nhà. Và bên cạnh nó...

Ở giữa chúng tôi và cái giếng là một dáng người nhỏ bé nằm co rúm: một đồng hồ độn xương và vải rách, được bao phủ bởi một lớp bọc mềm mại tạo thành từ tầng tầng lớp lớp mạng nhện. Cái cổ vặn xoắn ở một tư thế kỳ lạ, không hề tự nhiên. Một bên tay áo khoác rộng với ra về phía cái hố như thể nó đã muốn kéo bản thân mình về phía trước và trượt vào trong bóng tối.

Hồi đó cậu trai của Fittes đã gần tới được chân cầu thang trước khi bị tiếng gào thét kia giết chết. Tôi đoán chừng cậu ta đã bị vấp ngã và lộn nhào khi hoảng sợ tháo chạy, và kết cục là bị ngã gãy cổ. Ít ra cậu ta cũng có được kết thúc nhanh chóng.

Âm thanh này đang làm tôi phát điên. Tôi cố đứng dậy. Thật khó để làm thế; thật khó để có thể di chuyển hay suy nghĩ. Ở bên cạnh tôi, Lockwood và George cũng làm tương tự. Máu đang nhỏ giọt xuống từ một bên tai của Lockwood.

Như một gã say, cậu túm lấy cổ áo chúng tôi, kéo chúng tôi lại gần. “Tìm Nguồn đi!” cậu gào lên. “Nó *chắc chắn* phải ở đây. Đâu đó trong căn phòng này!”

Cậu đẩy chúng tôi ra xa. George bị vấp ngã, và vì thế dúm dúi tới gần hơn một trong những chiếc bóng trên tường. Ngay lập tức một bàn tay trong mờ vươn ra từ thành đá bên cạnh cậu, với những ngón tay dài và xương xẩu, cẳng tay phủ lông trắng, cổ tay treo lủng lẳng một đầu dây thừng tựa sờn. Nó vươn tới George. Lockwood đã nhanh hơn; cậu giật mạnh một quả bom muối từ đai lưng, ném vào thành đá. Những hạt muối bùng cháy thành ngọn

lửa xanh lục. Cánh tay kia thụt về. Trên bức tường, cái bóng ấy co lại, uốn éo dữ dội như một con rắn.

Chúng tôi, Lockwood, George và tôi, loạng choạng băng qua phòng, tìm đi tìm lại. Nhưng chẳng ích gì. Căn phòng chẳng dẫn đi đâu. Nó không có lối ra, không có những chiếc giá; chẳng có gì bên trong ngoài những bức tường, những tảng đá và một cái giếng sâu tối đen đang chờ đợi.

Một ánh chớp trắng chói lòa lóe lên, một tiếng nổ của muối và sắt. George đã lẳng một ống Lửa Hy Lạp vào những cái bóng ở góc đằng xa của căn phòng. Những mảnh vữa hồ rơi ra từ các phiến đá; căn phòng rung chuyển. Trong một thoáng những hình bóng ở gần nhất rung rinh, rồi điệu nhảy của chúng lại tiếp tục.

Nỗi tuyệt vọng chiếm lĩnh chúng tôi. Lúc này tất cả chúng tôi đang chuẩn bị đợt tiến công cuối cùng. Mạt sắt, bom muối, pháo - chúng tôi ném cả vào những bức tường, cố gắng làm những cái bóng ma quái tiêu tan, cố gắng làm thứ âm thanh đáng sợ kia ngưng bật. Những viên đá nứt vỡ, khói liếm ra phía ngoài, những bức rèm mạng nhện bùng lửa. Những đốm sắt và muối bay lơ lửng, bắn tung khắp phòng trong vô vàn màu sắc. Vậy mà bóng của những tu sĩ bị giết hại vẫn cứ nhảy múa, tiếng gào thét của họ vẫn cứ tiếp tục.

Chẳng ích gì. Một cảm giác nặng nề khôn tả đột ngột nhận chìm tôi. Chúng tôi chưa tìm thấy Nguồn, và giờ đai lưng và đai choàng vai của chúng tôi đã trống rỗng, vũ khí của chúng tôi đã được dùng hết, năng lượng của chúng tôi đã cạn kiệt... Tôi bước chậm lại rồi dừng khựng ở một tư thế lê lết. Ở đằng kia, George đã rút thanh kiếm ra và đang chém bừa xung quanh mình, chẳng ý thức mình có chạm vào tường hay không nữa. Lockwood đứng bên cạnh cái giếng, điên cuồng nhìn quanh, lông mày nhăn tít, có vẻ như vẫn đang cố hết sức tìm kiếm một giải pháp.

Lockwood tội nghiệp. *Chẳng* có giải pháp nào cả. Năng lực của chúng tôi đã thành vô dụng, vũ khí của chúng tôi đã hết. Tôi buông thông tay; đầu gục xuống. Chúng tôi sẽ *chẳng bao giờ* tìm thấy Nguồn. Chúng tôi sẽ chẳng bao giờ tìm thấy nó và âm thanh kia sẽ chẳng bao giờ bật đi cả.

Trừ phi...

Tôi lơ lơ nhìn cái giếng.

Sao tôi lại ngu ngốc vậy nhỉ? Có một cách để âm thanh kia ngừng lại. Để ngay lập tức từ ồn ào trở thành tĩnh lặng, từ đau đớn trở thành yên bình và trật tự. Và nó *thật* dễ thực hiện.

Ở đằng kia, cạnh những bậc thang, George đã hạ kiếm. Cậu đã khụy gối, và đang co rúm người xuống thấp, hai cánh tay choàng lên che đầu. Ở bức tường phía sau, những cái bóng hắt hê đang nhảy vũ điệu chiến thắng.

Tôi lê tới trước. Phía trước tôi: gờ giếng xây bằng gạch, những thân đá xám nhạt dẫn lối vào bóng tối yên bình.

Đúng vậy. Thật dễ dàng, thật hiển nhiên. Tôi đã biết ngay từ lúc đầu rồi. Sau cùng thì, *đây* chính là điều mà ngôi nhà này đã hứa hẹn, khi tôi đứng lưỡng lự ở sảnh mấy giờ trước. Đây là nơi tôi biết nó sẽ dẫn tôi tới - từng bước, từng bước dễ dàng, vượt qua những Loại Một lơ lửng vòng quanh, đám sương ma và những tiếng thì thầm quỷ quái, vượt qua căn phòng đầy máu, và cuối cùng, xuống những bậc thang xoáy vòng. Đây chính là nơi nó sẽ kết thúc. Chính ở nơi này. Nơi sự yên lặng ngự trị, ở ngay trung tâm của ngôi nhà và những vụ ma ám, nơi yên lặng sẽ kéo dài mãi mãi. Mọi chuyện giờ đây thật đơn giản. Chỉ cần một vài bước nữa thôi và tiếng gào thét sẽ ngừng lại. Tôi cũng sẽ là một phần của sự yên lặng đó.

Tôi sải bước đầu tiên thật nhanh; khi tôi bắt đầu sải bước thứ hai, một cơn đau đột ngột nhói lên trong ngực tôi: một cơn co thắt mãnh liệt, lạnh buốt. Tôi lưỡng lự, rờ rẫm sợi dây quanh cổ mình. Nó tới từ chiếc hộp đựng

mặt dây chuyền... Một luồng năng lượng bùng tỏa; tôi có thể cảm thấy nó thậm chí xuyên qua cả lớp thủy-tinh-bạc. Đó là Annie Ward - đến thời khắc cuối cùng rồi mà vẫn còn gây rắc rối! Hừm, không sao. Cô ấy cũng sẽ biến mất cùng tôi.

Lòng giếng chờ đợi. Nó hứa hẹn với tôi rất nhiều. Tôi không lường lự nữa. Trong lòng chẳng có gì khác ngoài sự nhẹ nhõm, tôi rải những bước cuối cùng lên phía trước và bước khỏi thành giếng...

Và treo người ở đó, nhào ra phía trên một vực thẳm đen ngòm.

Có thứ gì đó đã tóm lấy tôi; thứ gì đó đã giữ tôi thật chặt. Thứ gì đó đã kéo tôi trở lại nơi an toàn trên mặt đá.

Lockwood: khuôn mặt cậu phờ phạc, đầu tóc rối bời, áo choàng đã rách và vấy bẩn. Máu chảy xuống cổ áo cậu. Cậu giữ chặt hơn quanh eo tôi và kéo tôi về phía mình.

“Đừng,” cậu nói vào tai tôi. “Đừng, Lucy. Đó *không* phải cách.”

Nói rồi cậu buông tôi ra, cúi đầu xuống, gỡ vòng xích sắt của mình ra thả xuống sàn. “Diêm!” cậu hét lên. “Đưa diêm của cậu đây cho tôi. Và cả xích sắt nữa!” Cậu lần tìm trên thắt lưng của mình. “Tôi muốn có thêm sắt, và bất cứ cái ấn bạc nào cậu có. Nào, *nhANH LÊN!* Chúng ta thật là ngu ngốc,” cậu gào lên. “*Cái giếng* chính là Nguồn, tất nhiên là thế rồi. Khách đã tới từ đó.”

Sức mạnh ý chí của cậu đã phá tan trạng thái ma-khóa, phá tan cái sức mạnh làm người ta nhụt hết nhuệ khí của tiếng gào thét không ngừng kia. Tôi ném dây xích sắt của mình xuống và gỡ những chiếc ấn ra. Tôi mở một chiếc túi ở đai lưng, lấy ra hộp diêm Sunrise, trong khi Lockwood rút ống lửa cuối cùng ra khỏi thắt lưng mình. Ống loại lớn. Với giấy bọc màu đỏ sẫm. Ống pháo có sức công phá đáng nể với dây ngòi dài, đủ thời gian để ta tìm được chỗ trú an toàn.

Lockwood lôi ra con dao gấp và cắt dây ngòi đi, chỉ để lại một núm nhỏ tí.

“Cầm lấy này!” cậu quát lên. “Châm lửa vào đầu ngòi!”

Cậu đã bước khỏi chỗ tôi, kéo những đoạn xích về phía cái giếng, chiến đấu chống lại thứ âm thanh ngộp thở. Xung quanh, trên những bức tường, bảy hình dáng đang nhào xuống chột dừng lại; bọn họ dường như cũng đã đột nhiên cảnh giác. Những cánh tay ma đầy xuyên qua lớp đá, với ra về phía chúng tôi; cùng với chúng, những cái đầu trùm mũ đầu tiên hiện ra rõ ràng.

Tôi quẹt một que diêm, gí nó vào dây ngòi tẩm dầu. Một đốm lửa lòe lên, một vệt sáng nhỏ lập lòe.

Ở thành giếng, Lockwood đá đóng xích sắt và ấn bạc xuống bên dưới. Cậu loạng choạng lùi về đằng sau, cầm lấy chiếc hộp trên tay tôi rồi hét vào tai tôi.

“Chạy đi, Lucy! Chạy lên cầu thang!”

Nhưng tôi chẳng thể di chuyển được. Tôi vẫn cảm thấy lực kéo chết người về phía cái giếng. Cơ thể tôi cảm giác như đang ngộp trong nhựa đường; tôi thậm chí chẳng có sức lực để quay đầu nữa.

Các Khách lúc này đã thoát hẳn ra khỏi các bức tường; họ đang trôi vào phía trong từ mọi hướng. Hai Khách gần nhất đã sắp tới chỗ George, lúc này vẫn đang khom người trên sàn nhà. Các Khách còn lại tụ vào chỗ hai đứa tôi, những khuôn mặt xương trắng lấp ló dưới đám mũ mục ruỗng. Những hốc mắt sâu hoắm, những hàm răng sắc nhọn lóe sáng. Và tiếng gào thét vẫn cất cao.

Lockwood cầm ống pháo, loạng choạng tới bên thành giếng. Đoạn ngòi đã sắp cháy hết.

Cậu thả nó vào trong đó. Đoạn ngòi cháy chiếu sáng thành đá của cái giếng trong thoáng chốc rồi biến mất.

Lockwood quay người lại. Trong một khoảnh khắc tôi nhìn thấy khuôn mặt thanh tú, xanh xao của cậu, đôi mắt sẫm màu của cậu bắt gặp mắt tôi.

Những cái bóng trùm mũ nhào xuống chúng tôi.

Rồi tiếng gào thét ngừng bật, những cái bóng dừng khựng lại, và một phần một triệu giây sau đó thế giới nổ tung trong thứ ánh sáng vô thanh.

## CHƯƠNG 23

Tôi choàng tỉnh dậy trong đau đớn. Mắt tôi mở to, và trong một lúc lâu các chị em tôi đang đứng đó, cùng với Lockwood, và Annabel Ward trong bộ váy mùa hè đẹp để in hình những bông hoa màu cam. Tất cả bọn họ đều đang cười với tôi; tôi nhìn thấy họ rất rõ ràng, hình dáng của họ khẽ nhòa vào nhau. Có lẽ họ đang trôi trên một loại mây khói nào đó.

Tôi không tin vào mấy thứ đó; chưa kể đầu tôi đang đau như búa bổ. Bởi thế tôi nhìn chòng chọc vào họ không chớp mắt cho tới khi họ tách rời ra và tan biến đi, và tôi bị bỏ lại ở một nơi tối tăm hơn, khác lạ hơn.

Tối, nhưng không phải tối đen như mực. Không gian ở đây mờ mờ một ánh sáng bạc.

Yên lặng, nhưng không yên lặng hoàn toàn. Tôi nghe thấy tiếng vo ve trong tai mình.

Đó là tiếng vo ve nhỏ, cao vút như tiếng muỗi bay, và khi nghe thấy nó tôi ngay lập tức cảm thấy vui mừng. Bởi vì điều đó có nghĩa là tai tôi đang bị ù, và ù có nghĩa là tôi chưa chết. Tôi không ở cái nơi yên tĩnh dưới đáy giếng.

Thêm vào đó có mùi nồng nặc của khói và thuốc súng, và có một vị hóa chất gì đó trên lưỡi tôi. Một bên mặt tôi đang ép xuống nền đá cứng.

Khi động dậy tôi thấy đau. Như thế lại bị ngã từ cửa sổ phòng đọc sách nhà ông Hope xuống lần nữa vậy; tất cả các cơ bắp đều đau nhức. Tôi có thể cảm thấy một lớp bụi mỏng rơi ra khỏi tóc và da khi tôi lăn sang và chống người ngồi dậy.

Tôi đang ngồi ở một góc đằng xa của căn hầm kinh khủng, nơi sức ép của vụ nổ đã hất tôi tới. Trán tôi dính nhớp nháp máu. Người tôi - cũng giống như tất cả những thứ khác trong căn phòng này - đã bị bao phủ bởi một lớp tro và bụi sắt trắng bạc vẫn còn đang lơ lửng trong không khí. Tôi ho và khạc những thứ bám đầy trong miệng ra. Cơn ho khiến đầu tôi càng thêm nhức nhối.

Một cột khói trắng nhờ nhờ chậm chậm bốc lên từ lòng giếng ở giữa phòng. Nó được chiếu rọi bởi một thứ ánh sáng bạc chói lọi đầy giận dữ từ đáy giếng sâu phía dưới, một thứ ánh sáng kỳ quái bùng lên từng đợt. Cả căn phòng được ánh lửa magiê soi tỏ. Ở đâu đó, những tiếng vọng yếu ớt vẫn vang lên; tôi có thể cảm thấy những rung động trong đá.

Ở mép giếng, một vài hòn gạch đã biến mất, và một vết nứt cong cong giờ đã chạy từ thành giếng qua sàn nhà. Một phần của sàn nhà bị dựng nghiêng lên. Ở chỗ vết nứt chạm vào tường, nhiều viên đá đã bị bung ra; vài viên rơi xuống, còn những viên khác trôi ra ở những góc nghiêng lộn xộn. Những mảnh đá nhỏ hơn nằm rải rác khắp căn phòng. Nhiều mảnh rơi trên các cơ thể đang nằm ở đó.

Ba thân người, bị bao phủ bởi bụi trắng. Ba thân người, nằm rải rác bởi vụ nổ từ cái giếng. Tất cả đều bất động.

Với cậu trai Fittes tội nghiệp thì khá dễ hiểu. Cậu ta đã nằm như thế từ lâu rồi.

Nhưng Lockwood và George...

Tôi đứng dậy chậm rãi và thận trọng rồi dựa người vào tường. Mặc dù đầu óc còn choáng choáng, tôi vẫn cảm thấy tốt hơn nhiều so với khi tiếng gào thét xâm chiếm tâm trí tôi. Sau khi bị các hồn ma tấn công, dường như trí óc tôi đã bị hồng một lỗ; tôi cảm thấy nhẹ bằng người và trống rỗng, như thể tôi là một người bệnh vừa mới ra khỏi giường.

George ở gần nhất. Cậu nằm ngửa, tay chân giăng ra. Trông cậu như một đứa bé đang làm thiên thần trên tuyết, mỗi tội cặp kính đã bị thổi bay và một bàn tay đang chảy máu. Cậu thở nặng nhọc; bụng phập phồng.

Tôi quỳ gối sát vào cậu. “George ời?”

Một tiếng rên, một tiếng ho. “Quá muộn rồi. Mặc tôi... Để tôi ngủ...”

Tôi lắc cậu thật mạnh, tát vào một bên má cậu. “George, cậu phải thức dậy! *Đi mà*, George. Cậu ổn chứ?”

Một con mắt mở ra. “Au. Bên má đó là chỗ duy nhất trên người tôi *không* đau.”

“Đây, nhìn này - kính của cậu.” Tôi nhón nó ra khỏi tro bụi, đặt nó lên ngực cậu. Một bên mắt kính đã bị nứt. “Cậu dậy đi.”

“Lockwood thì sao?”

“Tôi không biết.”

Tôi tìm thấy cậu ở phía đối diện của căn phòng, nằm nghiêng người với chiếc áo khoác hất ra phía ngoài như một cái cánh gãy. Cậu nằm bất động. Khuôn mặt bị lớp tro bụi phủ kín, trông giống như một bức tượng thạch cao, trơn mịn, trắng toát, lạnh lẽo. Một mảnh vữa đã văng trúng cậu, và trên tóc cậu có vết máu. Tôi quỳ xuống bên cạnh, gạt tro bụi khỏi trán cậu.

Cậu mở mắt ra và nhìn tôi với ánh mắt trong trẻo, thanh thản.

Tôi hắng giọng. “Chào, Lockwood...”

Tri giác đã trở lại. Tôi nhìn thấy vẻ bối rối trước, rồi sau đó cậu dần dần nhớ lại.

“Ồ... Lucy.” Cậu chớp chớp mắt, ho hắng và cố ngồi dậy. “Lucy. Trong thoáng chốc tôi đã nghĩ cậu... Thôi bỏ đi. Cậu *thế* nào, Lucy? Cậu ổn chứ.”

Tôi đột ngột đứng lên. “Ừ, tôi ổn.”

George quan sát tôi qua cặp kính bị nứt. “Tôi nhìn thấy rồi nhé.”

“Gì cơ?” tôi nói. “Nhìn thấy gì? Có gì xảy ra đâu.”

“Chính xác. Những cú vả vào miệng *cậu* ấy đâu? Những cú lay người dữ dội đâu? Đi làm mà cũng có tiêu chuẩn kếp sao?”

“Đừng lo,” tôi nói. “Lần tới chắc chắn tôi sẽ vả *cậu* ấy.”

George càu nhàu. “Được lắm... Dù điều đó cũng có nghĩa lần sau *cậu* có thể sẽ *tung vài cú đá* để đánh thức tôi dậy.”

“Tôi chắc chắn sẽ nhớ làm thế.”

Luồng khói màu trắng bạc vẫn tiếp tục bốc lên từ miệng hố, và nhờ ánh sáng của nó chúng tôi trấn tĩnh trở lại. Chúng tôi đã thoát khỏi sức ép của vụ nổ một cách tương đối nguyên lành, dù cho cả Lockwood và George đều bị những mảnh vụn bắn vào, và tất cả chúng tôi vẫn còn đang run rẩy từ những gì đã xảy ra trước đó. Chúng tôi có kiếm đấy, nhưng sắt và muối đã hết. George vẫn còn xích sắt; Lockwood và tôi thì đã ném chúng xuống giếng rồi.

Điều đầu tiên chúng tôi làm là chia sẻ chỗ bánh kếp và nước tăng lực còn sót lại. George và tôi ngồi trên một đồng vôi vữa để ăn phần của mình, túm tụm vào nhau cho ấm. Lockwood đứng cách đó một quãng, dờ dảnh nhìn làn khói.

“Đáng lẽ chúng ta phải tấn công cái giếng đó ngay từ đầu,” George nói. “Tôi cho rằng chúng ta đã làm như thế, nếu như không có cái âm thanh quỷ quái kia làm chúng ta quẩn trí. Ất hẳn đó *chính* là Nguồn. Là nơi chứa xương của các tu sĩ; nơi họ đã chết.”

Tôi gật đầu mà không nói năng gì. Đúng vậy, đó là nơi họ đã chết - sau khi bị trói vào nhau và dẫn xuống cầu thang. Họ đã biết điều gì sắp đến. Nỗi sợ hãi trong hành trình cuối cùng của họ đã thấm vào đá...

“Giờ tôi đã thấy mọi thứ khớp với nhau,” George tiếp tục. “Linh hồn của các tu sĩ đã ở đây nhiều đời, và cái chết của họ khủng khiếp đến nỗi ảnh hưởng của họ đã lan tỏa ra toàn bộ tòa nhà. Nó là cơ sở cho tất cả các Khách khác. Chính những điều xảy ra trong căn phòng này đã khiến rất nhiều người tới ở trong tòa dinh thự sau đó phát điên và làm những điều kinh khủng.”

“Tất cả những công tước giết chóc và những quý bà tự tử mà Starkins rất yêu thích,” tôi nói. Tôi nuốt miếng bánh kẹp cuối cùng. “Cậu nghĩ giờ tất cả đã kết thúc rồi chứ?”

“Hy vọng thế.” George nhìn làn khói hừng hực. “Ổng pháo đó hẳn đã rải *rất nhiều* sắt, bạc và magiê xuống dưới ấy. Nếu may mắn nó sẽ trộn đều với những khúc xương, và điều đó sẽ giữ tình hình yên tĩnh cho tới khi chúng ta có thể bịt cái giếng lại. Cây cầu thang sẽ an toàn. Và có lẽ cả Căn Phòng Đỏ nữa.”

“Cậu nghĩ thứ máu ở đó có liên hệ với các tu sĩ sao?” tôi hỏi.

“Tôi tin đó *chính là* họ, chỉ hiện hình khác đi thôi. Họ là những Biển Hình: họ có hình dạng khác nhau ở những địa điểm khác nhau. Dòng máu chảy xối xả ở Căn Phòng Đỏ, những cái bóng gào thét ở cầu thang; ở dưới này họ thậm chí còn hiện thành hình người, dù đó không phải hình dạng ưa thích của họ. Tôi nói 'của họ' nhưng thực sự thì hồn ma của họ hành động gần như một cá thể duy nhất. Chính vì thế nó mới mạnh đến vậy. Việc hợp nhất như thế không phải chưa từng xảy ra. Chẳng phải từng có vụ Lâu đài Sherbourne rất nổi tiếng đó sao?”

“Có lẽ vậy. Cậu nghĩ thế nào, Lockwood?” tôi nói. “Cậu yên lặng quá đấy.”

Cậu không trả lời ngay, chỉ đứng nhìn làn khói. Bóng cậu mảnh mai và đen thẫm, áo choàng của cậu ấy rũ xuống và rách rưới như bộ lông một con

chim gặp bão. “Tôi nghĩ thế nào ư?” cậu nói khề. “Tôi nghĩ tới giờ chúng ta đã suýt chết hai lần.” Cậu quay lại nhìn chúng tôi, mặt cậu đầy máu, tóc tai rối bời; khi cậu cử động, tro bụi rơi khỏi người cậu như một đám mây nhỏ. “Tôi nghĩ chúng ta may mắn lắm mới sống sót. Tôi nghĩ rằng tôi đã hiểu ra vấn đề quá trễ, và đã đánh giá quá thấp kẻ thù của chúng ta. Đó là sai lầm không thể tha thứ đối với một người lãnh đạo, và tôi xin lỗi vì điều đó. Tuy nhiên,” - giọng cậu trở nên đanh sắc; cậu nói qua hàm răng nghiến chặt - “giờ tất cả những điều đó đã kết thúc.”

George và tôi nhìn cậu. “Ờ, thế tốt rồi,” tôi nói. “Vậy có lẽ cậu có thể nói với chúng tôi chính xác chuyện gì đang diễn...”

“Tôi cần cái gì để bẫy!” Lockwood hét to, đột ngột tới mức cả George và tôi đều giật mình. Cậu bỗng dừng hoạt bát trở lại, sai bước băng qua căn phòng, chiếc áo choàng rách rưới lật phật đằng sau cậu. “Một cái gậy, xà beng - hay thứ gì đó! Nào! Nhanh lên! Không được lãng phí thời gian!”

“Tôi có xà beng đây,” tôi nói và quờ xuống thắt lưng. “Nhưng...”

“Cái đó được đấy. Đưa đây.” Cậu giật chiếc xà beng từ tay tôi, lao qua phòng tới bức tường nứt vỡ và phang nó vào giữa hai hòn đá. “Đừng có ngồi không như thế,” cậu gầm gừ. “Các cậu đang đi picnic sao vậy? Chúng ta phải phá tường ở đây.”

“Khoan đã nào, Lockwood,” George cất tiếng khi tôi và cậu đang cố gắng đứng lên. “Chúng ta đang ở sâu dưới đất. Làm thế nào cậu biết đó có thể là lối thoát chứ?”

“Hãy nhìn làn khói!” Lockwood giật mạnh chiếc xà beng, bẫy một viên đá lỏng lẻo cho rơi xuống, và nhảy sang một bên khi nó nứt ra trên những phiến đá giữa hai chân cậu. “Nếu khói có thể thoát ra, chúng ta cũng vậy!”

Và đúng như thế, dù rằng cả George lẫn tôi đều đã không nhận ra trước đó, rằng khói từ cái giếng không tụ lại trong căn phòng; thay vì thế nó chạy

ngang trần thành một dòng chảy màu xám nhạt, và bị hút ra ngoài giữa các tảng đá của bức tường nứt vỡ.

“Có chênh lệch áp suất,” Lockwood nói to. “Nó bị hút ra một không gian lớn hơn. Đó chắc là hầm rượu. Xuyên qua bức tường đó chắc hẳn là hầm rượu. Vụ nổ đã làm giúp chúng ta phân nửa công việc. Chúng ta chỉ cần tạo một cái lỗ to hơn thôi. Nào các cậu!”

Năng lượng của cậu đã thúc đẩy chúng tôi hành động. Rũ bỏ cảm giác lơ đãng mệt mỏi, George và tôi dùng dao cùng xà beng, những khối lỏng lẻo nhất thì gỡ xuống, những khối còn lại thì nạy cho rời ra. Bên cạnh chúng tôi, Lockwood làm việc hết tốc lực, ráng sức đẩy xà beng, và khi cần thiết, nạy những hòn đá bằng tay không. Mắt cậu lấp lánh; miệng cậu mím chặt thành một đường thẳng trắng bột.

“Tôi nay chúng ta đã đương đầu với hai vấn đề riêng rẽ,” cậu vừa nói vừa bổ vào lớp vữa. “Chúng  *dường như*  liên quan tới nhau, nhưng thực sự chúng rất khác biệt. Vấn đề đầu tiên, vụ ma ám ở dinh thự Combe Carey, đã kết thúc. Các tu sĩ đã ra đi, những vụ hiện hồn khác có thể dễ dàng bị dẹp bỏ. Nguy hiểm đã kết thúc ở đây. Vấn đề thứ hai” - cậu quăng chiếc xà beng sang một bên và giúp George kéo một tảng đá cỡ trung ra khỏi bức tường - “liên quan tới ông bạn của chúng ta, ngài John William Fairfax, và câu chuyện đó thì vẫn chưa kết thúc.”

Hòn đá rơi xuống, vỡ thành những mảnh nhỏ. Tôi gạt những mảnh vụn ra. Lockwood và George quay trở lại tấn công khu vực yếu nhất ở nửa chùng bức tường.

“Vậy,” tôi nói. “Fairfax. Ông ấy thì làm sao?”

“Ngay từ đầu rõ ràng đã có thứ gì đó rất không ổn trong toàn bộ chuyện này,” Lockwood nói. “Lời mời tới đây của lão đã là một chuyện quá sức lạ thường. Đúng vậy, các điều khoản đều vô cùng hào phóng, nhưng nó lại

khiến cho câu chuyện càng thêm kỳ lạ hơn nữa. Tại sao lão lại chọn mời chúng ta tới, trong khi lão có thể mời Fittes hoặc Rotwelll, hoặc một công ty bất kỳ trong hàng chục công ty thám tử khác? Danh tiếng của chúng ta gần đây... không tốt lắm, nhưng lão lại nói lão ấn tượng với nó.”

“Ông ấy cũng đã nói mình là người ngoại đạo mà,” tôi vừa nói vừa giật mạnh một hòn đá. “Ông ấy nói ông ấy thích sự nhiệt huyết và - cẩn thận chân cậu nhé! Ồ, xin lỗi, George - tư duy độc lập của chúng ta.”

Môi Lockwood nhếch lên. “Đúng vậy, đó là điều lão *đã nói*, phải không? Một tuyên bố khá thiếu thuyết phục, đặc biệt khi cậu đọc được về tuổi trẻ của lão và phát hiện ra lão đã thừa hưởng tất cả tài sản từ bố mình. Nhưng ngoài việc chọn chúng ta, thì còn ba câu hỏi khác làm tôi băn khoăn. Thứ nhất: tại sao lại là lúc này? Lão đã sở hữu tòa nhà này nhiều năm rồi, vậy sao lão lại đột nhiên tuyệt vọng muốn giải quyết mấy vụ ma ám tới thế? Thứ hai: tại sao lại vội vàng tới vậy? Lão chỉ cho chúng ta hai ngày để chuẩn bị! Và thứ ba: vì lý do gì mà lão cấm chúng ta không được mang pháo chứ?”

“Đúng vậy, tôi chẳng thể nào hiểu được vấn đề cuối cùng,” George nói. “Chẳng ai có đầu óc minh mẫn lại chịu đối đầu với Khách hạng A mà không có đủ pháo.”

“Chúng ta sẽ chịu,” Lockwood nói. “Và Fairfax biết điều đó. Lão biết chúng ta khao khát muốn kiếm tiền. Và lão cũng khao khát muốn mời chúng ta tới hết như thế, tới nỗi lão đề nghị trả cho chúng ta 60.000 bảng tiền nợ, chỉ để chúng ta xuất hiện ở cửa. Với tôi điều đó hoặc là hào phóng tới mức điên khùng, hoặc có liên hệ tới một động cơ ngầm nào đó, và tôi muốn tìm ra nó là gì. Bởi vậy hành động đầu tiên của tôi, ngày tiếp theo, là ghé thăm làng Combe Carey một chuyến.”

“Chúng ta xuyên qua được rồi!” George nói. Cậu vừa vật lộn gỡ được một hòn đá nữa: một khoảng trống nhỏ lúc này đã hiện ra chính giữa bức tường nứt. Đằng sau đó là bóng tối và khoảng không trống rỗng.

Lockwood gật đầu. “Tốt lắm. Hãy nghỉ ngơi một phút. Mấy giờ rồi, Lucy?”

“Ba giờ sáng.”

“Đêm sắp tàn rồi. Chúng ta phải ra khỏi đây trước bình minh. OK, thế là tôi đã tới làng này. Tôi giả làm một người bán dạo, đi tới từng nhà một.”

“Bán cái gì cơ?” George hỏi.

“Bộ sưu tập truyện tranh của cậu, George. Ồ, đừng lo, tôi không bán được quyển nào đâu. Tôi đã đặt giá quá cao. Nhưng nó cho tôi một lý do để nói chuyện với người dân địa phương.”

“Và rồi cậu tiếp tục thế nào?” tôi hỏi.

Lockwood tỏ vẻ buồn rầu. “Lúc đầu cái giọng giả quê mùa của tôi không có tác dụng. Chẳng ai hiểu được tôi, và ba gã đánh xe ngựa lực lưỡng đã phật lòng mà đuổi tôi chạy vòng quanh hồ nước cối xay. Nhưng khi tôi sửa lại giọng, tất cả trở nên thuận lợi, và tôi đã nghe được một vài tin đồn về Fairfax. Tôi nghe được rằng lão thường tới ngôi nhà này cùng một xe tải của công ty lão. Nó chất đầy những món đồ sắt mới; và dân địa phương được trả tiền để mang những món đồ đó vào bên trong. Hầu hết chúng là những thứ đồ gia dụng bình thường - chấn cửa và đồ treo cửa sổ, các cậu biết đấy - nhưng còn có những thứ đồ chắc chắn phải lớn hơn, bởi vì chúng được chứa trong những thùng lớn. Vài ngày sau lão lại thuê người đưa chúng ra. Dân địa phương không nghi ngờ gì về điều lão đang làm - lão đang bận thử nghiệm tính an toàn của những sản phẩm mới trên những bóng ma của dinh thự Combe Carey. Bản thân điều đó,” Lockwood vừa nói vừa vuốt tóc và nhìn bức tường, “không có gì sai trái - tất cả các công ty

đều phải làm như thế. Nhưng lại một lần nữa nó làm dậy lên những nghi vấn. Nếu lão thấy địa điểm này hữu ích đến vậy, tại sao lão lại đột nhiên muốn dẹp bỏ nó? Tại sao lại gọi chúng ta đến?”

“Và tại sao không nói với chúng ta rõ hơn về những mối nguy hiểm?” tôi thêm vào. “Nếu ông ta đã tiến hành những thử nghiệm ở đây, ông ta hẳn phải biết ít nhất là về Căn Phòng Đỏ, nếu không nói đến cây cầu thang ẩn giấu.”

“Chính xác... Các cậu biết đấy, tôi nghĩ chúng ta nên bắt hòn to này tiếp theo. Nếu có thể đẩy nó ra, thậm chí cả George cũng có cơ hội thu mình chui qua.”

Tiếng đáp trả ngăn ngủi của George chìm trong âm thanh xà beng bổ vào đá. Chúng tôi gắng sức xử lý khối đá còn lại suốt vài phút nữa; và sau một hồi dồn toàn lực chúng tôi đã xoay sở đẩy nó ra được nửa chừng trước khi nó lại mắc kẹt một lần nữa. Rồi tất cả chúng tôi lại nghỉ.

“Nói tóm lại thì là như thế này,” Lockwood nói, “tôi đã vô cùng nghi ngờ Fairfax và động cơ của lão. Tôi có thêm cơ sở để suy ngẫm từ những nghiên cứu của George mà tôi đã đọc trên tàu. Về việc Fairfax đã khởi đầu một cách bừa bãi thế nào khi còn trẻ. Về việc bố lão muốn lão bắt đầu ngay vào việc kinh doanh, nhưng lão đã hoang phí nhiều năm sống ở London, rượu chè, cờ bạc và cố gắng trở thành diễn viên. Tất cả những điều đó sẽ không có ý nghĩa gì đối với tôi, nếu như không có bước đột phá quan trọng của Lucy.” Cậu ngừng lại đột ngột.

“Đó là?” George nói. Tôi mừng vì cậu đã hỏi; bản thân tôi cũng không biết.

“Cậu ấy đã chỉ tôi xem cái này.” Lockwood ngồi thẳng dậy và lục lọi hết đám túi trên áo choàng, lôi ra nào là những mẫu giấy gói kẹo đã dùng, nào

là những mẫu nặn và đoạn dây, trước khi lôi ra một mẫu giấy gấp nhàu nát. Cậu đưa nó cho chúng tôi.

Đó là một bản copy trang báo có bài viết trên cuốn tạp chí George tìm được ở Trung tâm Lưu trữ. Bài viết về cộng đồng những thanh niên trẻ tuổi, giàu có thường xuyên tụ tập ở các quán cà phê và sòng bạc năm mươi năm trước. Annie Ward ở đó, giữa đám đông bóng bẩy đang tụ tập gần đài phun nước. Trong bức ảnh chân dung chụp riêng, khuôn mặt của Hugo Blake đang nhìn tôi đầy tự mãn.

“Hãy nhìn quanh đài phun nước,” Lockwood nói.

Thật khó để nhìn rõ các chi tiết trong ánh sáng mờ mờ từ lửa magiê, bởi thế George bật đèn pin của cậu ấy lên. Ở hàng sau của đám đông hội hè đó là một nhóm thanh niên chải chuốt hết cỡ với nơ trắng và áo vét đuôi tôm. Họ đứng vòng quanh đài phun nước. Một người đã trèo lên bệ đỡ phía dưới vòi phun; những người khác bám vào bên cạnh. Họ toát lên vẻ giàu có, khỏe khoắn, phấn khởi. Người cao nhất trong bọn họ đứng khuất một phần trong bóng của đài phun nước, hơi tách biệt khỏi những người khác. Anh ta là một người cao lớn, lực lưỡng, vòm ngực nở nang với mái tóc dài màu đen bù xù như bờm sư tử. Với mái tóc như thế và bóng của đài phun nước, khuôn mặt của anh ta phần nào bị che khuất, nhưng những đường nét cơ bản - cái mũi khoằm lớn, cặp lông mày dày, chiếc cằm vuông mạnh mẽ và dứt khoát - đủ rõ để nhận ra.

George và tôi yên lặng nhìn bức ảnh.

Ông ta đã giảm cân rất nhiều trong những năm qua, nhưng đó chính là ông ta.

“Fairfax...” tôi nói.

George gật đầu một cái, vẻ thông thái, đầy suy tư. “Tôi cũng *đã nghĩ* như thế.”

Tôi nhìn cậu ta. “*Gì cơ? Đừng có nhận vợ. Cậu có biết gì đâu!*”

“Hừm...” Cậu đưa trả lại tờ giấy cho Lockwood. “Dù sao tôi cũng đã nghĩ ông ta có cái gì đó mờ ám.”

“Bởi thế khi tôi giơ tờ giấy này cho hồn ma của Annie Ward xem,” tôi bắt đầu, “cô ấy đã hóa điên vì kinh sợ hoặc buồn khổ...” tôi ngừng lại, cần môi. Bên dưới chiếc áo khoác của tôi, chiếc hộp thủy-tinh-bạc lạnh tới bỏng rát trên da thịt tôi. “Nhưng điều đó không chứng tỏ...”

“Cậu nói đúng,” Lockwood nói. “Tự thân nó thì không chứng tỏ được gì nhiều. Ngoại trừ một điều trọng yếu: Fairfax là kẻ nói dối. Khi tới gặp chúng ta, lão đã quả quyết rằng chưa từng nghe tới Annie Ward. Lão đã cố làm ra vẻ không nhớ tên cô ấy. Nhưng hiển nhiên lão *đã từng* biết cô ấy. Lão từng là một thành viên của nhóm kia khi còn trẻ.”

“Và không chỉ có thế!” Lúc này tim tôi đang đập rộn lên. Tôi cảm thấy chóng mặt; đầu óc tôi quay cuồng, giống như lúc trước khi ở trên cây cầu thang xoắn, nhưng lần này không phải bởi tiếng gào thét ma quái nào. Nó chính là ký ức của tôi đang gào thét: tôi nhớ lại một chi tiết mình đã bỏ sót trước kia. “Cô ấy cũng là một diễn viên,” tôi nói. “Giống như Fairfax. Các cậu có nhớ, trong tờ báo cũ đó, họ đã nói rằng cô ấy có nghiệp diễn rất triển vọng, nhưng đã phải từ bỏ bởi... một nguyên nhân gì đó.”

“Hugo Blake,” Lockwood nói. “Cô ấy chịu sự ảnh hưởng của lão, và bởi thế...”

“Nếu chúng ta đang đến nơi mà tôi nghĩ chúng ta định đến,” George đột ngột nói và gõ gõ vào khối đá trời ra, “các cậu không nghĩ chúng ta nên bước tiếp sao? Đêm không dài mãi đâu.”

Không ai phản đối cậu ấy. Trong yên lặng chúng tôi tấn công một lần cuối cùng vào khối đá. Phải mất vài đợt tấn công thật lực lên lớp hồ vữa ngang bướng với hai chiếc xà beng và một con dao, cùng với toàn bộ sức

mạnh của chúng tôi, khối đá mới lỏng ra. Nó rơi xuống đất. Âm thanh của chấn động ấy dần tắt đi. Chúng tôi đứng nhìn vào cái lỗ.

Lockwood bước lại gần và nheo mắt nhìn qua. “Chẳng nhìn thấy gì cả... Có lẽ chỗ này ở sâu trong hầm rượu, nơi lúc trước tôi nhìn thấy tu sĩ đó. Tốt rồi... Một khi chúng ta lên được trên tầng chúng ta sẽ theo lối cửa trước thoát ra. Đưa đèn pin cho tôi, George. Tôi sẽ đi qua trước.”

Ngậm chiếc đèn pin giữa hai hàm răng, cậu nhảy lên và chui đầu qua khe hở. Lúc lắc, vặn vẹo rồi giật hai chân: cậu lao vèo về phía trước và biến mất.

Yên lặng.

George và tôi chờ đợi.

Một ánh sáng mờ mờ hiện ra bên kia bức tường, và cùng với đó là giọng Lockwood. “Xin lỗi nhé,” cậu thì thào. “Tôi để rơi đèn pin một lúc. Ổn rồi, đây *chính là* hầm rượu. Nào - Lucy tiếp theo.”

Tôi không mất quá nhiều thời gian để vượt qua. Khi hai tay và đầu tôi vươn được sang bên kia, Lockwood đã ở đó để kéo tôi ra.

“Cảnh giới khi tôi hỗ trợ George nhé,” cậu thì thầm. “Đêm đã sắp tàn rồi, vậy nên tôi cho rằng các Khách khác giờ cũng đã trở nên yên lặng, nhưng... ta sẽ chẳng biết trước được đâu.”

Bởi vậy tôi đứng đó với đèn pin và kiếm, trong khi Lockwood vật lộn đưa George qua khoảng hở. Tôi chỉ có thể nhìn thấy một lối nhỏ. Bóng tối dày đặc phủ khắp mái vòm cong của hầm rượu; đằng sau khung vòm gần nhất, đường nét của những giá chứa rượu vươn vào bóng tối. Sương ma đã biến mất dạng. Có lẽ vụ tấn công của chúng tôi vào chiếc giếng đã ảnh hưởng đến toàn bộ cụm ma. Thật khó mà nói được.

Nhưng vào chính lúc đó, ma mãnh không phải mối quan tâm chính của tôi. Tôi đang nghĩ về cô gái tóc vàng trong bức ảnh, và người đàn ông bên

cạnh đài phun nước. Mỗi liên hệ đó cứ liên hồi dậy lên trong trí óc tôi.

“Mọi người sẵn sàng chưa?” Lockwood thì thào khi George đã chui ra được rồi. “Chúng ta sẽ rời ngôi nhà này và băng qua công viên nhanh nhất có thể. Tôi muốn tới được cánh cổng hồng dẫn ra đường. Nếu chúng ta có thể tới đó trước bình minh, chúng ta sẽ...”

“Hãy cho tôi biết điều này trước đã,” tôi nói. “Cậu nghĩ Fairfax cũng chính là người lên kế hoạch vụ trộm đó sao?”

“Tất nhiên rồi. Khi vụ đó thất bại, lão đã phải sử dụng phương án hai, đó là đưa chúng ta tới đây.”

“Vậy là ông ta muốn có mặt dây chuyền kia ư?”

Cậu gật đầu. “*Tất cả* đều là vì mặt dây chuyền đó, và điều nó có thể chứng minh.”

“Thế nó chứng minh *gì* vậy, cậu Lockwood?” một giọng trầm cất lên.

Tiếng kim loại lách cách. Hai bóng người tiến lên phía trước từ bên kia khung vòm. Đó là bóng hai người đàn ông, nhưng có mái đầu méo mó, kỳ quái. Một người cầm khẩu súng ngắn ổ quay, người kia cầm đèn lồng chiếu thẳng vào mắt chúng tôi; luồng sáng chói lọi của nó khiến chúng tôi lóa mắt và đau điếng.

“Dừng lại đó!” giọng nói lại tiếp tục. Tay chúng tôi đã để xuống những chuôi kiếm. “Tối nay sẽ không có đấu kiếm nữa đâu. Đặt vũ khí của các cô cậu xuống sàn nhà nếu không chúng tôi sẽ bắn hạ các cô cậu ngay tại chỗ đấy.”

“Làm như lão nói đi,” Lockwood nói. Cậu cời thanh kiếm ra và thả nó rơi xuống. George cũng làm như thế. Tôi là người cuối cùng tuân theo. Tôi nhìn trân trân vào bóng tối, theo hướng của giọng nói đó.

“Nhanh nào, cô Carlyle!” giọng nói đó ra lệnh. “Hay cô muốn một viên đạn găm vào tim đây?”

“Lucy...” Lockwood nắm lấy vai tôi.

Tôi thả rơi thanh kiếm. Lockwood nhấc tay ra, và tiện thể làm một động tác tao nhã. “Lucy, George,” cậu nói, “rất hân hạnh được giới thiệu với các cậu một lần nữa chủ nhà và người bảo trợ của chúng ta, ông John William Fairfax - chủ tịch của công ty sắt Fairfax, một trùm kinh doanh lầy lùnh, đã từng là diễn viên và, tất nhiên rồi, kẻ đã giết Annie Ward.”

## CHƯƠNG 24

Lão vẫn mặc chiếc áo sơ mi trắng và chiếc quần tây màu xám mà lão đã mặc từ đầu buổi tối, nhưng tất cả những thứ khác ở lão già đó đã thay đổi. Chiếc áo khoác xám đã biến mất, thay thế bằng một áo lưới thép dài, sáng bóng, ôm lấy ngực lão và buông rủ dưới bụng thành một tấm màn sáng mờ mờ. Chiếc áo thép không có ống tay áo, nhưng có những găng kim loại bảo vệ cổ tay và bàn tay lão. Cũng như lúc trước, lão chống cây gậy có tay cầm hình chó bun - chỉ có điều lúc này lớp bọc gỗ bên ngoài đã được gỡ bỏ, để lộ một thanh kiếm dài, mỏng phía bên trong. Kỳ lạ và lố bịch nhất là chiếc mũ lão đội: một chiếc mũ thép nhẵn thín ôm sát đầu với phần rìa chìa ra đằng sau gáy, và cặp kính da lồi được đai vào dưới lưỡi trai. Mắt kính sáng lên vẻ vô hồn; không thể nhìn thấy mắt lão. Về tổng thể, Fairfax có cái vẻ của một con ếch kỳ quái: vừa kinh khủng mà cũng vừa nực cười.

Lão nâng đèn lên, đứng trọn trong ánh sáng vẫn khời của nó dò xét chúng tôi. Rồi lão cười, để lộ những chiếc răng bọc bạc.

“Ồ, cậu là một khách hàng ấn tượng đấy, cậu Lockwood,” Fairfax nói. “Tôi thừa nhận như vậy. Càng lúc tôi càng thấy ấn tượng với cậu hơn. Thật tiếc là chúng ta đã không gặp nhau trong những hoàn cảnh khác. Cậu đã có thể trở thành nhân viên của tôi.”

Tôi không biết Lockwood đã làm thế nào, nhưng bất chấp khẩu súng ngắn chìa vào ngực cậu, bất chấp chiếc áo khoác rách bươm, những vết máu, những đốm sinh chất, magiê, muối và tro bụi trên quần áo, bất chấp những dải mạng nhện trên tóc, những vết cào xước trên mặt và trên hai tay, cậu vẫn có được vẻ từ tốn bình thản.

“Ông rất tử tế,” cậu nói. “Nhưng - ông không định giới thiệu người bạn của ông đây với chúng tôi sao?” Cậu liếc nhìn kẻ mang súng. “Tôi không nghĩ chúng tôi từng có vinh dự ấy bao giờ.”

Gã này cao xấp xỉ Fairfax, người rất cơ bắp với cặp vai rộng. Gương mặt gã - theo như những gì tôi có thể nhìn thấy - còn trẻ và nhẵn nhụi. Gã cũng đội chiếc mũ đầu ếch cùng một bộ áo giáp và mang một thanh kiếm ở thắt lưng.

Fairfax cười một tiếng cộc lốc. “Percy Grebe, tài xế riêng và trợ lý của tôi. Từng là một thám tử của công ty Hambleton, trước khi nó sát nhập vào Fittes. Một anh chàng rất có năng lực, và vẫn là một tay kiếm có hạng. Thực ra, mọi người đã biết nhau từ trước rồi đấy. Percy đã ghé thăm các cô cậu đêm trước.”

“Ồ, phải rồi,” Lockwood nói. “Kẻ đột nhập bịt mặt. Tôi đã đâm anh, phải không? Bụng anh thế nào rồi?”

“Đang bình phục,” Grebe nói.

“Thêm một tổn thất nhỏ vào danh sách dài mà cậu đã gây ra cho chúng tôi, cậu Lockwood,” Fairfax nói. “Hãy nhìn bức tường này!” Lão ra hiệu về phía đồng đá và cái lỗ lõm chồm mà từ đó khói magiê vẫn còn bốc lên nhẹ nhẹ. “Tôi kinh ngạc, thực sự đấy. Tôi đã yêu cầu không mang những thứ gây cháy nổ vào nhà tôi cơ mà.”

“Xin lỗi vì điều đó,” Lockwood nói. “Về mặt tích cực, chúng tôi đã dò tìm được và hủy diệt Nguồn của ông, bởi vậy chúng tôi mong nhận được đợt thanh toán thứ hai ngay khi ngân hàng mở cửa sáng nay.”

Lại một tiếng cười nữa. “Lạc quan đến mất trí là một phẩm chất nữa mà tôi ngưỡng mộ ở các cô cậu, cậu Lockwood ạ, nhưng tôi phải nói rằng khả năng sinh tồn của các cô cậu mới làm tôi kinh ngạc đấy. Tôi đã thực sự nghĩ rằng Nỗi Kinh hoàng ở Căn Phòng Đỏ đã có thể giết các cô cậu nhiều giờ

trước. Tôi nhìn các cô cậu vào bên trong, tôi khóa cửa... Thế mà giờ đây tôi thấy các cô cậu lại trôi lên như ba con giun bắn thiu từ một phần hoàn toàn khác của ngôi nhà! Phi thường đấy. Rõ ràng các cô cậu đã tìm được đường ra khỏi Căn Phòng Đỏ, thế là đã rất ấn tượng rồi, nhưng khám phá ra Nguồn tối cao... Nói với tôi đi, có phải đó là Công Tước Đỏ không? Đó là giả thuyết yêu thích của tôi.”

“Không. Đó là cây cầu thang và các vị tu sĩ. Chúng tôi đã tìm thấy cái giếng của họ.”

“Vậy sao? Một cái giếng? Qua chỗ đó ư?” Cặp mắt kính mờ đục lóe sáng lên trong ánh đèn lồng; giọng nói trở nên trầm ngâm. “Thú vị làm sao... Cậu phải chỉ cho tôi xem mới được.”

Ở bên cạnh tôi, George khó chịu cựa người. “Đúng... Không hẳn là một ý hay khi nhắc tới cái giếng đó đâu, Lockwood.”

Lockwood nhe răng cười. “Ồ, ông Fairfax là một người biết điều. Vả lại, ông ta muốn nói chuyện với chúng ta trước, phải thế không, ông Fairfax?”

Chỉ có sự im lặng dưới chiếc mũ thép, ở bên cạnh Fairfax, bóng người kia không hề nhúc nhích; khẩu súng vẫn lơ lửng trong bóng tối, chĩa vào bụng chúng tôi.

“Đúng vậy.” Giọng nói kia đột ngột trở nên danh sắc, cương quyết. “Và chúng ta có thể làm điều đó trong không gian thoải mái hơn. Tôi đã mệt và tôi muốn ngồi xuống một lúc. Grebe, đưa những người bạn của chúng ta tới thư viện. Nếu hai cậu con trai cố làm bất cứ điều gì, cứ thoải mái bắn cô con gái nhé.”

Lockwood nói điều gì đó, nhưng tôi không nghe rõ là gì. Bên dưới sự ngạc nhiên và kinh hãi của tôi, cơn giận dữ đã trỗi dậy. Đó là giả thuyết ngay tức thì của Fairfax: rằng tôi là kẻ ít nguy hiểm nhất, mắt xích yếu nhất của cả đội. Rằng tôi có thể được sử dụng để buộc những người khác hành

xử cho phải phép, và tôi chẳng được tính là mối đe dọa thực sự. Tôi khoác lên mặt vẻ điềm tĩnh, vô cảm, và nhìn thẳng phía trước khi chúng tôi vượt qua lão già đó và bước về phía cầu thang.

Trong thư viện ngọn đèn điện đã được vặn sáng rõ. Sau bao nhiêu giờ trong bóng tối, ánh sáng của nó vô cùng chói lọi; chúng tôi loạng choạng tiến về phía những chiếc ghế gần nhất với hai tay che mặt. Grebe ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống; còn gã tới bên những chiếc giá sách, hai tay khoanh hờ, khẩu súng gác trên bập tay căng phồng. Chúng tôi chờ đợi.

Cuối cùng tiếng gậy gõ chậm chạp, đầy đau đớn cũng vang lên ở hành lang, và Fairfax bước vào. Ánh sáng lóe lên trên chiếc mũ kim loại; nó cũng sáng lên trên cái mũi khoằm to tướng, khiến lão có dáng vẻ của một con chim săn mồi to lớn hơn bao giờ hết. Lưỡng lự một chút, lão tiến tới chiếc ghế da bên dưới bức tường treo những tấm ảnh, và với một tiếng thở dài nhẹ nhõm, ngồi thụp xuống ghế. Khi lão ngồi xuống, vạt áo giáp của lão trùm ra xung quanh với những tiếng leng keng nhè nhẹ.

“*Cuối cùng* cũng đã xong,” lão nói. “Chúng tôi đã ở trong cái hầm rượu chết tiệt đó mấy tiếng đồng hồ sau khi nghe thấy tiếng nổ. Được rồi, Grebe; cậu có thể cởi nó ra rồi. Ở đây chúng ta không phải lo ma mãnh gì nữa.”

Lão cúi đầu xuống và cởi chiếc mũ ra rồi gỡ bỏ cặp kính. Nó để lại một vết hằn đỏ lựng trên lông mày lão. Cặp mắt đen tuyền nheo lại khó chịu; khuôn mặt hằn dấu ấn tuổi tác.

Trên tường, tấm ảnh thời trẻ của lão đang nhìn ra với vẻ huênh hoang, vênh váo: diễn viên Fairfax, bóng bẩy đẹp trai với đệm quần, khuyên tai và chiếc quần bó sát, trầm ngâm nhìn một cái đầu lâu thạch cao. Dưới tấm ảnh, con người thật đang cúi sụp mặt mồm, ho rũ rượi trên ghế. Thật lạ khi thấy

tháng năm đã hoàn toàn thay đổi lão như thế nào, đã chậm rãi ngốn đi sức mạnh và rút cạn sinh khí của lão.

Grebe cũng gỡ bỏ chiếc mũ của gã. Hóa ra gã có cái đầu khá nhỏ, quá nhỏ so với cơ thể đầy cơ bắp của gã. Trông gã hết như một con ki bowling vậy. Tóc gã cắt ngắn theo kiểu quân đội, miệng gã mỏng và tàn độc.

Fairfax đặt cặp kính và chiếc mũ thép xuống chiếc bàn gần nhất, trên đỉnh chồng sách Lockwood đã đọc một vài tiếng trước. Lão liếc nhìn quanh căn phòng với một vẻ thỏa mãn. “Tôi thích thư viện này,” lão nói. “Nó là chiến tuyến của tôi. Buổi tối nó tạo thành ranh giới giữa thế giới của người sống và thế giới của người chết. Tôi thường xuyên tới đây để thử nghiệm những thiết bị mới nhất do nhà máy tôi sản xuất ra. Tất cả những thứ đồ sắt giữ cho tôi tương đối an toàn, nhưng tôi còn mang áo giáp nữa, nó cho phép tôi đi sâu vào bên trong nhà mà không sợ bị tổn thương.”

George cựa quậy. “Đấy mà là áo giáp: trông như ông đang mặc váy ấy.”

Fairfax nheo mắt lại. “Sì nhục người khác vào một lúc *như thế này* sao, cậu Cubbins? Như thế có khôn ngoan không?”

“Hừm, khi bị một lão già điên khùng mặc váy bằng kim loại chìa súng vào người, thì cũng quá rơi xuống đáy vực,” George nói. “Thật không thể tệ hơn được.”

Lão già cười một cách không lấy gì làm thoải mái. “Điều đó còn phải chờ xem. Nhưng cậu đã sai khi thô lỗ như vậy. Chiếc 'váy' này được làm từ một loại thép đặc biệt - hầu hết là từ sắt, cho nó sức mạnh bảo vệ khỏi tà ma, nhưng trong thành phần lại có hợp kim nhôm, khiến nó nhẹ hơn bình thường rất nhiều. Vừa dễ di chuyển mà lại đảm bảo an toàn tuyệt đối! Chiếc mũ cũng rất hiện đại. Cậu biết rằng phần nhạy cảm nhất của mỗi thám tử là ở cổ chứ, cậu Lockwood? Viên mũ này loại bỏ mọi nguy hiểm đó... Cậu không ước ao có một chiếc sao?”

Lockwood nhún vai. “Nó rõ ràng... độc nhất vô nhị.”

“Lại sai nữa rồi! Nó phức tạp, không bình thường, nhưng không phải độc nhất vô nhị. Sắt Fairfax không phải là công ty duy nhất có những cải tiến phi thường. Cặp kính này, bây giờ...” Lão trấn tĩnh trở lại. “Nhưng có lẽ chúng ta lạc đề mất rồi.”

Fairfax ngồi ngả người ra sau ghế và nhìn Lockwood một lúc mà không nói năng gì. Có vẻ lão đang cân nhắc nên nói gì. “Ở dưới hầm rượu,” lão bắt đầu một cách chậm rãi, “tôi đã lén nghe các cô cậu thảo luận về một *mặt dây chuyền* và *bằng chứng* nào đó gắn liền với nó. Và thói đời thường tò mò, tôi rất muốn biết các cậu nói 'bằng chứng' là có ý gì, nếu như thực sự các cô cậu có ý gì đó. Và sau đó” - lão cười nhạt - “có lẽ các cô cậu có thể nói với tôi mặt mặt dây chuyền đó ở đâu, và làm thế nào để tìm được nó.”

“Chúng tôi khó lòng giúp ông chuyện đó được,” George nói. “Ông sẽ đẩy chúng tôi xuống cái giếng đó thôi.” Khuôn mặt xanh xao và máu me của cậu bùng lên vẻ thách thức. Mặt tôi (tôi đoán) cũng tương tự, dù còn có thêm cảm giác vô cùng ghê tởm. Tôi không hề muốn nhìn mặt Fairfax một chút nào.

Nhưng Lockwood chẳng khác gì đang nói chuyện thời tiết với một người hàng xóm. “Không sao đâu, George,” cậu nói. “Tôi có thể đưa cho ông ta những bằng chứng đó. Quan trọng là chúng ta cho ông ta thấy tình hình của ông ta tuyệt vọng thế nào.” Cậu bắt chéo chân và ngồi ngả người ra sau với vẻ vô cùng thỏa mãn. “Hừm, ông Fairfax, như ông đoán ra rồi đấy, chúng tôi đã tìm thấy mặt dây chuyền ấy trên xác Annabel Ward. Chúng tôi ngay lập tức biết rằng kẻ sau này giết cô ấy đã tặng nó cho cô ấy.”

Fairfax giơ một tay lên. “Gượm đã! Cậu biết điều đó ư? Làm thế nào cậu lại biết được?”

“Nhờ có cảm quan tâm linh của Lucy đây,” Lockwood nói. “Khi chạm vào nó, cô ấy đã dò được những dấu vết tình cảm rất mạnh kết nối kẻ say mê không rõ tên của Annie Ward với khoảnh khắc cô ấy chết.”

Cái đầu to bự quay lại; cặp mắt đen dò xét tôi trong vài giây. “À, phải rồi, cô Carlyle nhạy cảm...” Có thứ gì đó trong cách lão nói làm tôi sờn gai ốc. “Nhưng, nói về mặt luật pháp,” Fairfax nói, “điều đó là vô giá trị. Chẳng có bằng chứng nào trong đó cả.”

“Đúng vậy,” Lockwood nói. “Chính vì thế mà tôi muốn tìm hiểu chữ viết được khắc trên mặt dây chuyền ấy. Ở phía bên ngoài, nó là *Tormentum meum, laetitia mea*: 'Nỗi thống khổ của tôi, niềm hạnh phúc của tôi', hoặc một câu vô nghĩa khác đại loại như thế. Điều đó không cho chúng tôi biết nhiều điều, ngoại trừ việc kẻ đã đặt làm chiếc dây chuyền đó là một tên tự mãn, chỉ biết đến bản thân mình. Nhưng rồi, không phải bao nhiêu kẻ giết người khác cũng đều như thế sao ông Fairfax? Chính vì thế chúng tôi cần biết nhiều hơn.”

Thư viện lặng phắt. Lão già đó ngồi bất động, đôi bàn tay xương xẩu để trên hai tay ghế tán đỉnh của chiếc ghế da. Đầu lão ngھn ra phía trước với vẻ vô cùng chăm chú.

“Tiếp theo đó,” Lockwood nói, “chúng tôi chuyển sang dòng chữ chúng tôi tìm thấy phía trong. Đó là, nếu tôi nhớ chính xác, *A (kí tự đặc biệt) W; H.II.2.115*. Ba chữ cái, A, W và H, cộng với một dãy chữ số bí ẩn. Lúc ban đầu, những chữ cái đã đánh lừa chúng tôi; trên thực tế, chúng đã dẫn chúng tôi tới một sai lầm nghiêm trọng. Ngay lập tức chúng tôi đưa ra giả thuyết AW là viết tắt của Annabel Ward, và vì thế chữ H là viết tắt tên của người yêu cô ấy. Những tờ báo vào thời đó đã tập trung khai thác mối quan hệ của cô ấy với Hugo Blake, bởi thế đó dường như là một khả năng lớn. Ông ta là người cuối cùng gặp cô ấy lúc còn sống, và là nghi phạm duy nhất của vụ

án. Cảnh sát ngày nay cũng nghĩ ngay tới Blake và rất mau chóng bắt ông ta.”

“Trên thực tế,” Lockwood tiếp tục, “Blake là một sự chệch hướng hoàn toàn, điều mà đáng lẽ tôi đã có thể nhận ra sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng dòng chữ khắc đó. Chẳng phải hơi kỳ quặc một chút khi những chữ viết tắt trong tên của Annie Ward được viết đầy đủ, trong khi của kẻ say mê cô ấy lại chỉ được viết bằng một chữ cái? Và còn những con số II.2.115 nữa chứ? Có phải đó là một dạng mã số? Một ngày tháng? Rất tiếc phải nói tôi bí không luận ra được.”

Cậu liếc nhìn xuống đồng hồ một thoáng, rồi cười với tôi. “Lucy đã tạo nên tất cả sự khác biệt, ông Fairfax. Cô ấy đã tìm thấy một bức ảnh có ông đứng trong cùng một nhóm với Annie Ward. Ngay lập tức tôi biết rằng ông đã nói dối về mục đích đưa chúng tôi tới đây. Trên chuyến tàu tôi đã đọc về thời trẻ của ông ở nhà hát và tôi đã nhớ ra rằng Annie Ward cũng đã từng diễn xuất. Tôi đoán chừng đó có thể là mối liên hệ giữa hai người. Tôi cũng nhận ra rằng ông đã đi diễn dưới tên đệm của mình: Will Fairfax. Ngay lập tức tôi có một đáp án khác cho A (*kí tự đặc biệt*) W. Không phải Annie Ward, mà là Annie và Will.”

Lão già vẫn không hề nhúc nhích. Hoặc có lẽ đầu lão đã gục xuống một chút. Cặp mắt lão giờ đang chìm trong bóng tối và không thể nhìn thấy được.

“Tôi đã không tìm ra được ý nghĩa của những chữ số cuối cho đến tận buổi tối hôm nay,” Lockwood nói. “Lúc đó chúng tôi đang ở trên Cầu Thang Gào Thét, và kể từ đó tới giờ đã hơi bận rộn một chút, bởi thế tôi chưa có cơ hội kiểm chứng lại. Nhưng tôi nghĩ chúng tôi đã tìm ra rằng 'H.II.2.115' liên quan tới một vở kịch ông đã đóng cùng Annie Ward. Tôi cá rằng nó là một trích dẫn suýt soát mà không biết làm sao đã gắn kết hai người với nhau, và nếu chúng tôi điều tra, nó sẽ chứng tỏ hai người biết

nhau *rất rõ*.” Cậu liếc nhìn lên bức tranh trên tường. “Nếu phải đoán, tôi sẽ nói rằng đó là *Hamlet*, bởi vì đó dường như là vở kịch yêu thích của ông, nhưng ai có thể nói được ngoại trừ ông nào?” Cậu mỉm cười và vỗ tay lên trên đầu gối. “Thế, ông Fairfax - ông thấy thế nào? Có lẽ giờ là lúc ông cho chúng tôi biết rồi chứ?”

Fairfax chẳng hề xáo động. Lão thực sự ngủ rồi ư? Rất có thể là thế, nhất là khi Lockwood đã nói dài tới vậy. Ở đẳng giá sách, người đàn ông cầm khẩu súng cựa mình; rõ ràng ít nhất gã đã trở nên mất kiên nhẫn. “Gần bốn rưỡi rồi, thưa ngài,” gã nói.

Một giọng nói khàn khàn vang lên từ chiếc ghế, từ khuôn mặt chìm trong bóng tối. “Phải rồi, phải rồi. Chỉ một câu hỏi thôi, cậu Lockwood. Cậu đã có những chữ khắc đó. Tại sao cậu không ngay lập tức đưa cho cảnh sát xem?”

Lockwood không trả lời trong giây lát. “Bởi lòng kiêu hãnh, tôi cho là vậy. Tôi muốn tự mình giải mã. Tôi muốn Lockwood & Đồng sự có được vinh quang. Đó là một sai lầm.”

“Tôi hiểu.” Fairfax ngẩng đầu lên, và nếu lúc trước trông lão đã già rồi, thì giờ trông lão như đã chết vậy, cặp mắt lão sáng và nhuốm vẻ kinh hoàng, làn da xám xịt dính sát vào xương. “Lòng kiêu hãnh gây hại cho con người ta. Trong trường hợp của cậu, đó sẽ là cái chết dành cho cậu và những đồng sự của cậu. Trong trường hợp của tôi, nó đã đẩy tôi vào nỗi ân hận suốt cả cuộc đời.” Lão thở dài. “Chà, bằng chứng của cậu tốt đấy, và trực giác của cậu còn tốt hơn nữa. Mấy chữ số ở cuối đó chính là trích dẫn trong vở *Hamlet* mà Annie và tôi đã đóng hồi xưa. Chúng tôi đã gặp gỡ nhau như thế. Tôi là hoàng tử Hamlet, còn cô ấy đóng Ophelia, vợ chưa cưới của Hamlet. Mặt dây chuyền đó nhắc tới màn II, cảnh 2, dòng 115 tới 118, như thế này:

“Cứ hồ nghi những vì sao là lửa,  
Và mặt trời trên cao mãi xoay vần,  
Cứ hồ nghi sự thực là dối trá,  
Nhưng xin đừng nghi hoặc tôi yêu em.”

Lão già dừng lại; lão nhìn chăm chăm vào bóng tối. “Đó là lời Hamlet nói với Ophelia,” cuối cùng lão nói. “Chàng đã nói rằng tình yêu của chàng dành cho nàng tuyệt đối chân thực, chân thực hơn bất cứ thứ gì khác trong vũ trụ này. Tất nhiên, trong vở kịch nàng đã trầm mình tự tử, còn chàng đã uống thuốc độc, nhưng nguyên tắc đó vẫn đúng. Nó nói về *niềm say mê* giữa họ... và niềm say mê là những gì mà Annie và tôi đã chia sẻ.”

“Nhưng vẫn không ngăn ông giết cô ấy,” tôi nói. Đó là lần đầu tiên tôi cất tiếng.

Fairfax liếc nhìn về phía tôi, cặp mắt đen u ám như đá. “Cô vẫn còn là trẻ con, cô Carlyle. Cô chẳng biết gì về những chuyện như thế.”

“Sai rồi.” Tôi lộ rõ vẻ khinh miệt. “Tôi biết *chính xác* những gì Annie Ward đã trải qua. Khi tôi chạm vào mặt dây chuyền đó, tôi đã *cảm thấy* tất cả.”

“Tốt quá còn gì,” Fairfax nói. “Cô biết không, tôi luôn nghĩ rằng kiểu Năng lực như thế ắt hẳn đem lại *nhều* rắc rối hơn là lợi ích. Cảm nhận được cái chết của một người khác ư? Tôi chẳng bao giờ mong muốn những chuyện như thế cả.”

“Tôi không chỉ cảm thấy *cái chết* của cô ấy,” tôi khẽ đáp. “Tôi cảm thấy tất cả những tình cảm mà cô ấy đã trải qua khi cô ấy đeo sợi dây chuyền đó. Tôi biết tất cả những gì cô ấy đã trải qua với ông.” Và những ký ức đó cũng chẳng hề nhạt nhòa đi là mấy. Tôi vẫn có thể cảm thấy sự cuồng loạn của cô gái, những cơn ghen hoang dại cùng nỗi buồn khổ và tức giận của cô ấy; và, cuối cùng, ngay khi mọi chuyện sắp sửa kết thúc...

“Cô có kỹ năng kỳ lạ thật đấy,” Fairfax nói. “Thật là vô nghĩa và gây mất tập trung. Dẫu vậy, cô vẫn sẽ không biết lúc đó Annie Ward là người đen tối và khó chịu như thế nào đâu. Cô ta có tính cách đồng bóng và tính khí độc địa, nhưng cô ta cũng rất xinh đẹp. Chúng tôi cùng đóng trong một số vở diễn nghiệp dư, và điều đó đã cho chúng tôi lý do để ở cùng nhau, bởi mối quan hệ giữa chúng tôi phải được giữ bí mật. Annie không môn đăng hộ đối, cô biết đấy - bố cô ta là một thợ may, hoặc đại loại như thế - và bố mẹ tôi sẽ cắt quyền thừa kế của tôi nếu họ biết về cô ta. Hừm, cuối cùng Annie đòi công khai chuyện của chúng tôi. Tất nhiên là tôi từ chối - chuyện đó là không thể được - bởi thế cô ta rời bỏ tôi.” Môi lão nhếch lên, hàm răng lóe sáng. “Có một thời gian cô ta qua lại với Hugo Blake: một công tử bột, vô giá trị. Hắn ta chẳng tài cán gì, và cô ta biết điều đó. Chẳng bao lâu sau cô ta quay lại với tôi.”

Lão lắc đầu; giọng lão càng lúc càng lớn. “Thật tiếc khi phải nói rằng Annie rất ngang bướng. Cô ta giao du với những người tôi không đồng ý, bao gồm cả Blake, dù rằng tôi đã cấm cô ta gặp hắn ta. Chúng tôi thường xuyên cãi nhau; những cuộc cãi vã của chúng tôi ngày càng tệ hơn. Một đêm nọ tôi bí mật tới nhà cô ta và tự vào bên trong. Cô ta không ở đó. Tôi chờ cô ta. Hãy hình dung cơn thịnh nộ của tôi khi tôi thấy chính tên Hugo Blake kém cỏi đó, chứ không phải ai khác đưa cô ta về nhà. Ngay khi cô ta bước vào, tôi đã chất vấn cô ta. Chúng tôi đã cãi nhau kịch liệt, và cuối cùng tôi đã mất kiểm soát. Tôi đánh cô ta. Cô ta nằm bất động trên sàn nhà. Tôi đã làm gãy cổ cô ta chỉ với một cú đâm duy nhất.”

Tôi rùng mình. Ngay vào lúc cuối: cơn đau đớn và nỗi kinh hãi cuối cùng. Đúng, tôi cũng đã cảm thấy điều đó.

“Hãy đặt bản thân vào vị trí của tôi, cậu Lockwood,” Fairfax tiếp tục. “Lúc đó tôi, người kế thừa cơ đồ lớn nhất nước Anh, quỳ gối bên xác cô gái tôi đã giết. Tôi có thể làm gì? Nếu tôi gọi cảnh sát, tôi sẽ mất hết - bị tổng

vào tù, chắc chắn rồi, và có lẽ còn bị treo cổ nữa. Hai cuộc đời có thể sẽ bị hủy hoại bởi một phút điên cuồng! Mặt khác, nếu tôi cứ để cô ta nằm đó, thì vẫn không có gì đảm bảo tôi sẽ thoát tội. Ngộ nhờ ai đó đã nhìn thấy tôi vào nhà? Tôi chẳng thể chắc chắn được. Bởi vậy tôi viện tới giải pháp thứ ba. Tôi sẽ giấu xác chết và che giấu tội ác đó. Tôi đã mất gần hai mươi bốn tiếng, cậu Lockwood ạ, để làm cho Annie yêu dấu của tôi một ngôi mộ không định trước, hai mươi bốn tiếng đó đã theo tôi suốt năm mươi năm. Tôi đã phải tìm chỗ để giấu, đục tường ra, mang vật liệu vào trong nhà để che giấu cái lỗ đó - và làm tất cả những điều đó mà không bị ai nhìn thấy. Mỗi một khoảnh khắc tôi đều sợ bị phát hiện, mỗi một khoảnh khắc tôi đều phải làm việc với cái xác bên cạnh mình..." Người đàn ông già nua nhắm mắt lại; lão hít một hơi đứt quãng. "Hừm, tôi làm xong việc, và tôi đã sống với ký ức ấy kể từ khi đó. Nhưng cố gắng đến vậy mà - và điều này thật trở trêu, cay đắng - tôi quên mất chiếc mặt dây chuyền! Tôi đã không nghĩ tới nó; tôi đã quên mất nó. Phải vài tuần sau tôi mới nhớ ra sự tồn tại của nó, và nhận ra rằng có thể một ngày nào đó nó sẽ... gây rắc rối. Và đúng là như thế. Ngay khi tôi đọc bài báo của các cô cậu, tôi đã đoán chừng các cô cậu đã tìm ra nó và đang đi tìm lời giải. Vài câu hỏi vu vơ cho thấy cảnh sát đã không tìm được gì. Điều đó đã cho tôi hy vọng; tôi hướng sự chú ý của mình tới các cô cậu. Đầu tiên tôi cố đánh cắp nó. Khi Grebe thất bại, tôi buộc phải sử dụng những biện pháp mạnh mẽ hơn để đảm bảo các cô cậu sẽ im lặng." Lão thở dài; không khí xì qua kẽ những chiếc răng bạc. "Giờ đây những hồn ma của Combe Carey cũng đã phụ lòng tôi, và tôi sẽ phải tự tay kết thúc công việc này. Dẫu vậy, trước khi tôi làm điều đó - vẫn còn lại một câu hỏi đơn giản. Các cô cậu đã làm gì với mặt dây chuyền của tôi?"

Không ai nói gì. Khi tôi lắng nghe bằng Thính lực của mình, căn nhà sạch bóng. Khách đã đi hết cả. Chúng tôi bị bỏ lại với những kẻ tử thù của mình - một tên sát nhân, đệ tử của lão, và một khẩu súng.

“Tôi đang đợi đây,” Fairfax nói. Lão hoàn toàn bình tĩnh.

Cái viễn cảnh ra tay giết chúng tôi có vẻ không làm lão mấy may bận lòng chút nào.

Lockwood, tuy vậy, có vẻ cũng thoải mái y như thế, nếu không muốn nói là còn hơn thế. “Cảm ơn ông vì câu chuyện,” cậu nói. “Nó đã làm sáng tỏ nhiều điều - và rất hữu dụng, vì nó giúp chúng ta tiêu tốn thêm được chút thời gian. Ông thấy đấy, lúc trước tôi đã quên không nhắc đến rằng chúng ta sẽ không còn ở riêng với nhau lâu nữa đâu. Ngay sau khi chúng tôi đến đây, tôi đã gửi lời nhắn qua người tài xế tới thanh tra Barnes của DEPRAC. Tôi đã cho ông ấy biết thông tin về ông đủ để kích thích niềm hứng thú nơi ông ấy, và đề nghị ông ấy tới gặp chúng tôi ở đây vào lúc bình minh.”

George và tôi nhìn cậu. Tôi vẫn nhớ cái gói đó, nhớ người tài xế taxi, và những bàn tay trao nhận tiền...

“Ông ấy sẽ tới đây nhanh thôi,” Lockwood thản nhiên tiếp tục. Cậu ấy ngả người vào ghế và vươn tay ra sau đầu. “Nói cách khác, mọi chuyện đã kết thúc rồi, ông Fairfax. Đẳng nào cũng thế, chúng ta cứ thoải mái thôi. Sao không sai Grebe đi pha cho mỗi người một cốc trà nhỉ?”

Gương mặt lão già trông thật ghê sợ: những cơn sóng căm thù, sợ hãi và kinh ngạc cứ trào lên khuôn mặt đó hết đợt này đến đợt khác, và trong một khoảnh khắc lão chờ người ra. Rồi cái biểu hiện ấy tan biến đi. “Cậu đang lừa tôi,” lão nói. “Và kể cả nếu không phải vậy đi nữa thì ai thèm quan tâm chứ? Tới lúc bất kỳ ai đến được đây, các người đã gặp phải kết cục không may trong khi chiến đấu với Khách ở cái giếng bị ma ám rồi. Người này tiếp sau người kia, tất cả đều bị ngã xuống giếng. Tôi sẽ hết sức đau buồn. Barnes sẽ chẳng thể chứng minh được điều gì. Bởi thế, tôi hỏi lần cuối: *Mặt đây chuyện đâu?*”

Chẳng ai nói gì.

“Percy,” Fairfax nói. “Bắt đưa con gái đi.”

“Đợi đã!” Lockwood và George nhảy bật dậy khỏi ghế.

“Được rồi!” tôi hét lên. “Được rồi, đừng làm thế! Tôi sẽ cho ông biết.”

Tất cả mọi con mắt quay ra nhìn khi tôi đứng lên. Fairfax nhào ra phía trước. “Tốt lắm. Tôi cũng *đã nghĩ* cô sẽ là người đầu hàng mà. Thế... cô đã giấu nó ở đâu, cô gái? Phòng nào?”

“Lucy...” Lockwood lên tiếng.

“Ồ, nó có ở Portland Row đâu,” tôi nói. “Tôi mang nó theo đây.”

Tôi vừa nói vừa quan sát khuôn mặt lão già đó; tôi thấy mắt lão nheo lại đầy thỏa mãn như thế nào, thấy miệng lão thích thú cong lên thành một nụ cười mỉm thầm kín thế nào. Và có cái gì đó trong biểu hiện ấy, dù lướt qua rất nhanh, đã mở ra một vết nứt và một cánh cửa sổ bắn thiu để tôi bước vào những gì bản chất nhất, sâu kín nhất của lão. Đó là thứ mà thường ngày lão che giấu dưới vẻ ngoài khoa trương lừa phỉnh của một nhân vật đầu ngành; nó thậm chí còn ẩn giấu dưới sự hối hận vô cảm trong lời thú tội dài dòng của lão. Tôi đã nhìn thấy rất nhiều thứ vào đêm đó ở dinh thự Combe Carey, nhưng nụ cười hân hoan thoáng qua trên cặp môi rộng, già nua ấy? Đúng vậy, đó là tình yêu bản thân của kẻ giết người, và chắc chắn đó là thứ đáng kinh tởm hơn tất cả. Tôi tự hỏi không biết đã có bao nhiêu người khác đặc tội với lão trong những năm qua, và lão đã rũ bỏ bọn họ như thế nào.

“Thế thì đưa nó ra đây,” lão nói.

“Có ngay.” Qua khước mắt tôi có thể thấy Lockwood đang nhìn tôi chăm chăm, cố gắng một cách tuyệt vọng để thu hút sự chú ý của tôi. Tôi không nhìn lại. Chẳng để làm gì. Tôi đã có lựa chọn riêng. Tôi biết mình đang làm gì.

Tôi vòng tay ra sau gáy và gỡ móc cài. Khi tôi kéo chiếc hộp ra, tôi nghĩ mình đã nhìn thấy một ánh lửa xanh nhạt ở dưới lớp thủy tinh, nhưng lúc đó

ánh đèn điện trong thư viện rất sáng nên có thể tôi đã nhầm. Một tay tôi cầm chiếc hộp, tay kia đẩy cái chốt nhỏ sang một bên.

“Này, đó là hộp thủy-tinh-bạc...” Grebe đột nhiên nói. “Sao mặt dây chuyền lại ở trong đó vậy?”

Tôi mở bung nắp ra và đổ sợi dây chuyền xuống lòng bàn tay. Khi làm thế, tôi nghe thấy tiếng George khê thở dốc. Fairfax cũng nói gì đó, nhưng tôi chẳng để tâm tới lão. Tôi đang lắng nghe một âm thanh khác - xa xăm, nhưng đang tiến lại rất nhanh.

Mặt dây chuyền lạnh buốt; lạnh tới nỗi làm bỏng da tôi. “Của cô đây,” tôi nói. “Tùy cô định đoạt.”

Nói xong tôi chìa tay ra, và quay mặt sang một bên.

Trên tường, Fairfax trẻ tuổi trong bức ảnh oai vệ đứng nhìn cái đầu lâu cũ nát. Còn ở đây trong thư viện này, Fairfax già yếu, hom hem đang nhìn trừng trừng khiếp đảm vào sợi dây chuyền trên tay tôi.

Gió tạt vào một bên mặt tôi. Tóc tôi tung ra đằng sau; đám chân ghế cào xuống thảm, những chiếc bàn dịch chuyển. Tôi nghe thấy một tiếng rầm rất mạnh khi tất cả những cuốn sách trong căn phòng đập vào thành phía sau các giá sách. Percy Grebe, kẻ đang làm gì đó với khẩu súng của mình, bị hất ngã ngửa ra; gã đập mạnh vào một kệ sách và đổ sụp xuống sàn. Ghế của Lockwood quay tít, đập vào ghế của George. Cả hai đều bị ép ngửa ra ghế của mình bởi năng lượng phát ra từ tay tôi.

Mọi bóng đèn trong thư viện đều phát nổ.

Nhưng căn phòng không tối đi; với tôi nó còn trở nên sáng hơn, bởi vì cô gái ấy đang ở đây. Cô ấy mặc bộ váy mùa hè đẹp đẽ với những bông hoa màu cam. Cô ấy đứng giữa tôi và Fairfax, và lúc này ánh-sáng-khác tuôn ra từ người cô ấy như nước chảy: nó đổ xuống thành dòng, chảy xối xả qua

đồng ghế và tấm thảm, tràn ra xung quanh những chiếc bàn đọc sách trong cơn thủy triều sáng rõ và lạnh cóng.

“*Tôi lạnh,*” một giọng nói cất lên. “*Vô cùng lạnh.*”

Trong đầu tôi vọng lên tiếng gõ âm âm nho nhỏ mà tôi đã nghe thấy ở đường Sheen vào đêm mọi chuyện bắt đầu, giống như tiếng móng tay trên thạch cao hay tiếng đinh bị đóng vào gỗ. Giờ đây âm thanh đó trở nên có nhịp điệu, như tiếng đập của một trái tim. Ngoài ra thì hoàn toàn yên lặng. Trong một khoảnh khắc cặp mắt của cô gái ma nhìn vào mắt tôi; rồi cô ấy quay mặt sang lão già đang ngồi trên ghế.

Fairfax đã cảm thấy nhưng không thể nhìn thấy cô ấy. Lão đang cuống cuồng nhìn xung quanh. Đột nhiên những ngón tay lão quờ quạng trên bàn. Lão tìm thấy cặp kính, ấn nó vào mắt mình. Lão quan sát và nhú mào: ngay lập tức mặt lão thất sắc, cơ thể lão bất động.

Cô gái ma trôi về phía lão, ánh sáng tuôn ra từ tóc cô ấy.

Cặp kính tuột khỏi tay Fairfax, treo chéo qua mũi lão. Rồi chúng rơi xuống. Cặp mắt lão ngật nổi kinh ngạc và một nỗi sợ hãi khủng khiếp. Như một quý ông thường làm khi một quý cô bước vào căn phòng, lão chậm rãi, run rẩy đứng lên. Lão đứng đó, chờ đợi.

Cô gái dang rộng hai cánh tay.

Có lẽ Fairfax đã cố di chuyển. Có lẽ lão đã cố tự vệ. Nhưng cơn ma-khóa đã tóm chặt lấy lão. Cánh tay cầm kiếm của lão khẽ giật, bàn tay lão tuyệt vọng giơ trên thắt lưng.

Dạt sang một bên, Lockwood cố gắng thoát ra được khỏi vùng ảnh hưởng xấu; cậu kéo tay George, lôi cậu ấy ra đằng sau mấy chiếc ghế và an toàn thoát khỏi hiểm nguy.

Những cuộn ánh-sáng-khác, giống như những ngón tay khổng lồ, khép lại quanh Fairfax từ mọi phía. Và lúc này đây cô gái đã với tới lão. Luồng

sinh chất đã chạm vào lớp áo giáp; nó xì xì và sủi bọt. Hình bóng cô gái dao động, nhưng vẫn không di chuyển. Cô nhìn vào đôi mắt lão già. Lão mở miệng; dường như lão đang chuẩn bị nói... Cô gái siết chặt lão vào lòng, nhấn chìm lão trong cái ôm lạnh lẽo.

Fairfax yếu ớt kêu lên một tiếng duy nhất.

Và ánh-sáng-khác tắt ngúm.

Căn phòng tối đen. Tôi nghiêng bàn tay; mặt dây chuyền rơi xuống và vỡ vụn trên sàn.

“Nhanh lên! George - tóm lấy Grebe!” Đó là tiếng Lockwood đang hét. Bóng gã tài xế chỉ loáng thoáng ẩn thiện, gã loạng choạng băng qua căn phòng, va vấp vào đồ đạc, tìm đường chạy ra hành lang. Lockwood chớp lấy một que còi từ lò sưởi và đuổi theo. George cũng vừa lao theo chân Lockwood vừa lia một cái nệm ghế vọt qua đầu Grebe. Grebe cúi xuống; hình bóng của gã mờ tỏ giữa khung vòm hành lang. Gã quay lại: một ánh chớp, một tiếng nổ giòn, một viên đạn vọt qua giữa chúng tôi bay vào bóng tối.

Lockwood và George đã tới khung vòm ấy, họ ngừng lại một thoáng, và lao qua nó. Sau đó ngay lập tức có một tiếng la và tiếng đổ vỡ, rồi những giọng nói vang lên, và bất chấp cơn đau nơi bàn tay bị thương, tôi cũng loạng choạng đi ra hành lang - ở đó, tôi kinh ngạc thấy gã tài xế đang nằm dài trên mặt đất với que còi lò của Lockwood chĩa vào cổ gã, cửa chính đã mở tung, và thanh tra Barnes cùng một hội thám tử mặt mũi nghiêm trọng đang tiến vào nhà.

**PHẦN 5**

**VÀ SAU ĐÓ**

## CHƯƠNG 25

Chẳng biết Lockwood đã nguệch ngoạc những gì gửi cho thanh tra Barnes, nhưng chắc chắn nó đã đem lại hiệu quả mong muốn. Người tài xế taxi đã chuyển tin nhắn đó tới Sở Cảnh sát Thủ đô vào tối muộn ngày hôm trước; tới nửa đêm Barnes đã tập hợp được hai xe tải đầy các nhân viên DEPRAC và các thám tử, rồi lên đường tới Berkshire. Họ tới làng Combe Carey lúc hơn ba giờ sáng một chút, và tới ngôi nhà vào lúc bốn giờ. Chỉ có điều những trở ngại khi mở cổng chính (Bert Starkins, vì tưởng họ là những bóng ma mọc lên từ luống cải bắp của mình, đã bắn một loạt đạn mạt sắt vào họ từ cửa sổ của ông ta) đã ngăn họ đến được tòa nhà trước năm giờ sáng. Cho dù như vậy, họ vẫn đến sớm hơn cả hai tiếng so với yêu cầu của Lockwood, và vừa kịp lúc để chặn đường thoát của Percy Grebe.

Với tôi thì họ đã đến không sớm chút nào.

Tôi không bị ma-chạm hay sao cả, nhưng việc tiếp xúc gần với lần hiện hồn cuối cùng của Annie Ward đã làm tôi choáng váng nặng. Băng giá đã thấm vào tận xương tủy, và bàn tay phải của tôi - nơi tôi cầm mặt dây chuyền - đã bị bỏng lạnh ở lòng bàn tay. Sau tất cả mọi điều chúng tôi đã trải qua trong tòa nhà này suốt đêm dài dằng dặc, tôi chỉ có thể làm mỗi một việc là đứng thẳng. Những phút giây hỗn loạn sau khi DEPRAC tới với tôi chỉ rất mơ hồ.

Dù vậy mọi thứ bắt đầu trở nên tích cực hơn. Một nhân viên y tế của Fittes tiêm cho tôi adrenaline để tôi lấy lại dũng khí. Một người khác băng bó bàn tay bị thương của tôi. Một sĩ quan DEPRAC tốt bụng đã làm điều tuyệt vời nhất là pha cho tôi một cốc trà ngon lành. Kể cả ông Barnes, khi

đi qua ghế xô pha của tôi giữa những tiếng hò hét ra lệnh xung quanh, cũng vỗ vào vai tôi và hỏi tôi có khỏe không. Tôi ổn, cảm ơn vì đã hỏi thăm, nhưng cũng khá hài lòng khi để người khác lo hết mọi chuyện.

Tất nhiên, dòng sự kiện vẫn không ngừng lại chỉ bởi tôi đã bị loại khỏi vòng chiến đấu. Vẫn còn rất nhiều điều khác tiếp diễn. Điều đầu tiên xảy ra là gã tài xế đó, Percy Grebe, bị bắt giam. Gã đã không chứng kiến những chi tiết đáng sợ của số mệnh lão Fairfax, nhưng *cảm nhận* đủ để rơi vào trạng thái kinh hãi cùng cực. Cơn hoảng hốt làm gã nói rất nhiều. Gần như ngay trước khi được dừng dậy, gã bắt đầu phun ra hết.

Điều tiếp theo là đám đông các thám tử, vũ trang tới tận răng cùng với những kiếm, pháo và bom muối, vừa sốt sắng lia những cây đèn pin cỡ lớn khắp xung quanh vừa chậm rãi tiến bước khắp tòa nhà. *Chậm rãi* là điều tối quan trọng. Hầu hết họ là những thám tử của Fittes, với một số đến từ Tendy và một số từ Grimble, và tất cả đều bước đi vô cùng thận trọng, kiểm tra các chỉ số tâm linh theo mỗi bước đi. Tai tiếng của Combe Carey đè nặng lên vai họ, cũng như đối với những người giám sát đi quanh quần ở cửa. Lockwood và George vui vẻ đứng quan sát khi bọn họ bắt đầu rà soát khu vực, cần mẫn chuyển những mệnh lệnh qua lại, và nhảy vào tất cả những chỗ tối tăm kéo kẹt.

Đương nhiên điểm dừng đầu tiên của họ là thư viện, và ở đây, dưới ánh sáng đèn pin quay cuồng, xác của Fairfax được tìm thấy. Lão nằm úp mặt xuống thảm ở giữa phòng, hai mắt mở to và hai tay vươn ra như thể đang cầu xin. Đội ngũ y tế đã chuẩn bị sẵn sàng các mũi tiêm adrenaline, nhưng họ không phải sử dụng đến chúng. Quá trễ rồi. Fairfax đã bị ma-chạm cấp độ một, và người lão đã sững tấy, bầm tím và không còn sự sống. Họ tiến hành đo đạc ngay lập tức ở quanh mặt dây chuyền và khắp xung quanh căn phòng, nhưng không thu được gì. Linh hồn của Annie Ward - sau khi hội ngộ kẻ giết cô ấy - đã biến mất.

Sau đó, theo lệnh của ông Barnes, các thám tử tỏa ra toàn bộ căn nhà, tập hợp những người phục vụ của Fairfax ở Chái Đông, và kiểm tra các chi tiết trong câu chuyện của chúng tôi ở Chái Tây. Lockwood và George giám sát họ làm việc cho tới tận cửa Căn Phòng Đỏ, nơi họ phát hiện ra là đã bị khóa. Chiếc chìa khóa, theo gợi ý của Lockwood, được tìm thấy trong túi của Fairfax; bản thân căn phòng đó, khi một đội xuất sắc rón rén bước vào, đã trống không, yên lặng và lạnh lẽo.

George thì vui mừng khi biết một trong những thám tử Fittes ông Barnes chỉ huy đêm hôm đó chính là anh bạn cũ Quill Kipps của chúng tôi, cùng với những đồ đệ của anh ta, đứa con gái tóc vàng và cậu con trai với mái đầu bờm xờm. George rất lấy làm sung sướng được đứng cạnh khi ông Barnes ra lệnh cho bọn họ, thỉnh thoảng đá vào một vài lời gợi ý của chính cậu.

“Đi qua lối đi bí mật ấy là mọi người sẽ thấy cây cầu thang trứ danh đó ngay,” cậu nói. “Cháu *nghĩ* chúng cháu đã dọn sạch những cái bóng gào thét rồi, nhưng có lẽ Kipps nên đi trước kiểm tra xem thế nào. Ở dưới chân cầu thang là căn phòng có cái giếng nơi vụ thám sát các tu sĩ đã diễn ra. Có lẽ đội của anh ấy nên vào đó ngó qua một cái xem sao. Không hả? Họ có vẻ lưỡng lự. Được thôi, nếu vụ đó quá đáng sợ, thì họ có thể xử lý con Sương Xám trong nhà vệ sinh dưới tầng một đấy.”

Thực ra, tất cả những mối nguy hiểm còn sót lại đã qua đi mau chóng. Những tia nắng bình minh đầu tiên đã xuyên qua các khung cửa sổ của phòng trưng bày dài và tỏa ánh sáng ấm áp vàng ruộm khắp sàn nhà.

Đúng như mọi khi, thanh tra Barnes vẫn giữ được vẻ khó chịu với chúng tôi ngay cả khi đang miễn cưỡng nói lời chúc mừng vì đã làm rất tốt. Bộ ria của ông ta vênh lên vẻ buồn phiền khi ông ta đứng ở trong không gian tranh

sáng tranh tối của thư viện, cay nghiệt chỉ trích Lockwood vì đã giữ bí mật về chiếc mặt dây chuyền quá lâu.

“Theo luật tôi có thể buộc cậu tội che giấu thông tin,” ông ta làu bàu. “Hoặc đánh cắp chứng cứ từ hiện trường vụ án. Hoặc liều lĩnh gây nguy hiểm tới mạng sống của bản thân cậu và hai kẻ ngốc đi theo cậu đây. Bằng cách đến đây một mình, các cô cậu đã đặt bản thân mình vào tay một kẻ giết người.”

“Một nghi phạm giết người,” Lockwood nói. “Vào lúc đó cháu chưa hoàn toàn hiểu về dòng chữ khắc vào mặt dây chuyền.”

Barnes trợn mắt. Ông ta khịt mũi một cái thật mạnh khiến ria mép vênh lên thành một đường nằm ngang. “Một *nghi phạm* giết người vậy! Cũng chẳng làm cho câu chuyện hợp lý hơn. Và tôi cũng biết cậu đã không thống nhất với Cubbins hay cô Carlyle khi đưa ra quyết định đó!”

Phải nói rằng điều đó là một luận điểm rất chính xác, và đó cũng là điều tôi nghĩ.

Lockwood hít một hơi thật sâu; có lẽ cậu đã nhận ra rằng cậu phải giải thích rõ với George và tôi, cũng như với Barnes. “Cháu không có lựa chọn nào khác,” cậu nói. “Cháu *phải* chấp nhận lời mời của Fairfax. Đó là cách duy nhất để kiếm được đủ tiền trả nợ. Và về những mối nguy hiểm chúng cháu đã dẫn thân vào, cháu hoàn toàn tự tin với Năng lực của đội cháu. Lucy và George là những thám tử giỏi nhất ở London, như ông có thể thấy qua những kết quả của bọn cháu. Chúng cháu đã vô hiệu hóa được một cụm Khách lớn và chiến thắng được một kẻ địch cương quyết và tàn ác. Và chúng cháu làm tất cả những điều đó mà không hề có người lớn giám sát, ông Barnes ạ.” Cậu nở nụ cười toe toét nhất, rạng rỡ nhất.

Barnes nheo mắt. “Thôi đừng có cười nữa. Còn quá sớm và tôi vẫn chưa ăn bữa sáng... Nào, Kipps!” Quill Kipps đang vất vả, cực nhọc dưới sức

nặng của ba chiếc hộp nhựa trong khổng lồ. Hai chiếc đựng đầy những album ảnh nhà hát, được lấy làm chứng cứ; chiếc hộp thứ ba chứa một chiếc áo giáp dài, được gấp gọn gàng, và hai chiếc mũ thép kỳ lạ nọ. “Chiếc áo giáp thứ hai đâu rồi?” Barnes hỏi.

“Vẫn còn ở trên xác chết,” Kipps nói.

“Hừm, chúng ta phải gỡ nó ra khỏi người ông ta, trước khi ông ta trương phình lên. Cậu đi xem luôn được chứ?”

“Đừng có lãng phí thời gian,” George nói to. “Nhanh nào, nhanh nào!”

“Điều đó làm tôi nhớ ra,” Barnes tiếp tục nói khi Kipps đã cau có rời đi. “Những chiếc mũ thép đó. Chúng là của Fairfax, phải không?”

“Đúng vậy, thưa ông Barnes,” Lockwood nói vẻ ngây thơ. “Chúng cháu đã bắn khoả không biết chúng là cái gì.”

“Hừm, thế thì các cô cậu cứ tiếp tục bắn khoả đi nhé, bởi vì tôi sẽ cho chúng sung công. Giờ chúng thuộc thẩm quyền giải quyết của DEPRAC.” Viên thanh tra lưỡng lự, xoắn một góc ria mép. “Fairfax đã không... nói với các cậu bất cứ điều gì về sáng kiến lạ lùng này, phải không?” ông ta đột nhiên nói. “Về những điều ông ta thích *làm* ở nơi này?”

Lockwood lắc đầu. “Cháu nghĩ lão đã quá bận giết chúng cháu, thưa ông Barnes.”

“Và ai có thể trách ông ta được chứ.” Barnes nhìn chúng tôi vẻ chua chát. “Mà này, một chiếc mũ thép có vẻ thiếu mắt kính. Có ai biết nó ở đâu không?”

“Không, thưa ông. Có lẽ chiếc mũ đó không có kính.”

“Có lẽ vậy...” Ông Barnes tặng chúng tôi cái nhìn dò xét cuối cùng rồi đi chuẩn bị cho chúng tôi rời tòa nhà. Chúng tôi vẫn ở nguyên chỗ cũ, ngả ngốn vào nhau trên những chiếc ghế thư viện. Chúng tôi không nói chuyện.

Có ai đó mang cho chúng tôi thêm trà. Chúng tôi nhìn ánh sáng ban ngày trải khắp những cánh đồng.

Khi các chuyên viên dọn dẹp quay trở lại Combe Carey vài tuần sau đó, họ thấy mức độ của các hoạt động siêu tự nhiên đã giảm đi rất nhiều. Công việc đầu tiên của họ, theo chỉ dẫn trong báo cáo của chúng tôi, là nạo vét chiếc giếng. Tại đó, ở một độ sâu tương đối, họ tìm thấy những khúc xương cổ xưa của bảy người đàn ông, trước đó bị trói vào nhau, giờ đây thì lẫn lộn cả với những mảnh bạc và sắt. Những thứ còn sót lại được thu thập và đem hủy, và sau đó, như Lockwood đã dự kiến, phần còn lại của tòa nhà chẳng bao lâu sau đã trở lại trật tự. Một số Nguồn thứ cấp đã được tìm thấy dưới những phiến đá lát hành lang và trong những chiếc rương cũ ở một phòng ngủ, nhưng khi xương cốt của các tu sĩ không còn, hầu hết các Loại Một ngoại vi cũng biến mất.

Lockwood đã bỏ công thuyết phục để chúng tôi có thể tham gia vào công việc tẩy ma cuối cùng cho ngôi nhà, nhưng lời đề nghị của chúng tôi bị từ chối phũ phàng bởi những người chủ mới của khu đất đó - một người cháu trai và một cô cháu gái của Fairfax, hai nhân vật đã tiếp quản công ty của lão. Họ không thích tòa nhà, và đã bán nó ngay sau khi nó trở nên an toàn. Một năm sau đó nó trở thành một trường học.

Fairfax không có người kế thừa trực tiếp. Hóa ra lão chưa từng lập gia đình, và cũng không có con. Vậy có lẽ rốt cuộc Annabel Ward *chính là* mối tình của cuộc đời lão.

Những mảnh vụn của mặt dây chuyền được người của Barnes quét gọn và hốt vào một chiếc hộp thủy-tinh-bạc đặc biệt. Liệu linh hồn của cô gái ma vẫn còn gắn chặt với nó, hay liệu (như bản thân tôi tin tưởng) cô ấy đã

rời bỏ nó vĩnh viễn, tôi cũng chẳng biết, bởi vì tôi chưa từng nhìn thấy nó lần nào nữa.

Xác của thám tử Fittes mất tích được tìm thấy trong căn phòng có cái giếng ngay trong đêm đó và được những đồng nghiệp thời hiện đại của cậu ta mang đi. Một thời gian sau đó, Lockwood đã nhận được một lá thư từ chính Penelope Fittes, người đứng đầu công ty Fittes và là cháu đích tôn của người sáng lập ra công ty, Marissa Fittes huyền thoại. Bà ấy chúc mừng thành công của chúng tôi, và cảm ơn chúng tôi vì đã tìm được xác của người đồng nghiệp và bạn thời thơ ấu của bà ấy. Tên cậu ta là Sam McCarthy. Và để các bạn biết rõ hơn, lúc đó cậu ta mới mười hai tuổi.

## CHƯƠNG 26

### NỖI KHIẾP SỢ Ở COMBE CAREY

#### NỖI KINH HOÀNG NHUỐM MÁU Ở “CĂN PHÒNG ĐỎ”

#### NHỮNG BÍ MẬT CỦA CÂY “CẦU THANG GÀO THÉT” ĐÃ ĐƯỢC HÉ LỘ PHÒNG VẤN ĐỘC QUYỀN VỚI A.J. LOCKWOOD Ở TRANG TRONG

Ít lâu nay, đã có nhiều tin đồn lan truyền về những sự kiện gần đây ở dinh thự Combe Carey và cái chết bất ngờ của chủ nhân nó, trùm kinh doanh lừng danh John William Fairfax. Trên tờ *Thời báo* của London ngày hôm nay, chúng tôi hân hoan tiết lộ câu chuyện thật khó tin của đêm đó, được kể lại bởi một trong những nhân vật chủ chốt của sự việc, cậu Anthony Lockwood của công ty Lockwood & Đồng sự.

Trong cuộc nói chuyện độc quyền với phóng viên của chúng tôi, Lockwood miêu tả lại cụm Khách Loại Hai khủng khiếp mà đội của cậu ấy đã phát hiện thấy trong tòa nhà, những lối đi bí mật mà họ đã khám phá, và nỗi kinh hoàng của cái “giếng chết” tai tiếng ẩn giấu trong lòng ngôi nhà.

Cậu ấy cũng giải thích tình huống xung quanh cái chết thảm khốc của ông Fairfax, theo đó ông ấy đã chết vì một cơn đau tim sau khi bị ma-chạm trong cuộc đối đầu cuối cùng. “Ông ấy đã bước vào chái nhà đó bất chấp lời khuyên của chúng tôi,” Lockwood nói. “Ông ấy là một người dũng cảm, và tôi tin rằng ông ấy muốn tận mắt nhìn những

**Khách đó, nhưng sẽ luôn là thảm họa nếu một người không phải thám tử mà lại bước vào một khu vực bị ảnh hưởng.”**

**Lockwood cũng nói một cách cởi mở về những bước tiến mới trong vụ án giết Annabel Ward. “Chứng cứ mới đã xuất hiện,” cậu ấy nói, “và nó cho thấy nghi phạm ban đầu, ông Hugo Blake, không liên quan gì tới tội ác này. Mặc dù danh tính kẻ giết hại cô ấy vẫn còn là một ẩn số chưa có lời giải đáp, chúng tôi cũng rất vui khi có thể giúp phục hồi danh dự cho một người vô tội. Đó là một phần công việc chúng tôi có thể cống hiến cho xã hội.”**

***Bài phỏng vấn Lockwood: xem trang 4-5.***

***Cáo phó và tiểu sử của ông Fairfax: xem trang 56.***

***Những công ty thám tử tâm linh triển vọng nhất hiện tại: xem trang 83***

Một tuần sau khi chúng tôi quay trở lại London, sau khi đã ngủ thật lâu và hoàn toàn hồi phục sau những gì đã phải trải qua, một bữa tiệc đã được tổ chức ở số 35 phố Portland Row. Nó không phải một bữa tiệc lớn - thực tế chỉ có ba chúng tôi - nhưng điều đó không ngăn cản Lockwood & Đồng sự làm một chuyến xuống phố ra trò. George mua rất nhiều bánh rán các loại từ cửa hàng ở góc phố. Tôi mua một ít ruy băng giấy treo xung quanh bếp. Lockwood quay trở về sau một chuyến tới Knightsbridge với hai chiếc giỏ mây khổng lồ chất đầy bánh kẹp xúc xích, mứt, bánh nướng, bánh ngọt, Coca-Cola, bia gừng và những thứ cao lương mỹ vị khác. Khi chúng tôi gỡ hết đồ ra, căn bếp của chúng tôi (và hai cái giá dưới tầng hầm) như thể đã biến mất. Chúng tôi ngồi giữa một vùng đất thần tiên của lạc thú ẩm thực.

“Uống vì dinh thự Combe Carey nào,” Lockwood nói và nâng cốc của mình lên, “và vì thành công nó đem đến cho chúng ta. Hôm nay chúng ta có thêm một khách hàng mới.”

“Thế tốt đấy,” George nói. “Trừ phi đó lại là quý bà mèo.”

“Không phải. Lần này là trường nữ sinh Chelsea. Họ báo có một ma hình trong ký túc xá, một người đàn ông cụt tứ chi lê lết trên sàn nhà tắm với thân mình đầy máu.”

Tôi nhặt một chiếc bánh kẹp xúc xích. “Nghe có vẻ hứa hẹn đấy.”

“Đúng vậy, tôi cũng mong chờ vụ này.” Lockwood lấy một miếng bánh thịt to bự. “Bài phỏng vấn mới nhất với tờ *Thời báo* rất có tác dụng. Cuối cùng chúng ta cũng đã nổi tiếng theo đúng nghĩa.”

George gật đầu. “Đó là bởi vì chúng ta đã không đốt cháy Combe Carey. Cho dù, nói đi thì cũng phải nói lại, chúng ta đã giết khách hàng của mình. Tôi cho rằng chúng ta còn cần phải cải thiện nhiều.”

Lockwood lại rót đầy cốc cho chúng tôi. Chúng tôi cùng nhau ăn trong bầu không khí yên lặng thân thiết.

“Tôi chỉ thấy tiếc,” tôi nói sau một lúc, “rằng ông Barnes đã bắt cậu nói dối về Fairfax. Đáng ra lão phải bị vạch trần trước công chúng vì những điều lão đã làm.”

“Tôi hoàn toàn đồng ý,” Lockwood nói, “nhưng ở đây chúng ta đang nói tới một gia đình rất quyền lực, và một trong những công ty quan trọng nhất ở nước Anh. Nếu người đứng đầu của họ bị lật tẩy là một kẻ sát nhân và một kẻ vô lại, thì những hậu quả khủng khiếp sẽ xảy ra. Và với việc Vấn đề đang ngày càng xấu đi, đó không phải điều DEPRAC muốn cân nhắc.”

Tôi đặt nĩa xuống. “Chắc, nếu có hậu quả thì đã sao? Cái thứ bá láp này thật sự không *công bằng*, phải không? Sẽ không ai biết được sự thật về Fairfax, hoặc về Annie Ward, hoặc...”

“Nhờ có cậu, Lucy,” Lockwood ngắt lời, “hồn ma của Annie Ward đã có được chính xác điều cô ấy mong muốn. Công lý đã được thực thi. Đó thực sự là một kết quả tuyệt vời, cho dù cậu nhìn nó theo góc độ nào. Annie

Ward tóm được kẻ giết cô ấy, Fairfax bị trừng trị, ông Barnes che đậy câu chuyện cho lão, Blake được giải oan... Và bởi vì ông Barnes muốn chúng ta giữ yên lặng về bản chất thật sự của vụ này, ông ấy đã phải để tôi tới tờ *Thời báo* với tất cả những chi tiết thú vị còn lại. Thế có nghĩa là chúng ta còn được quảng cáo miễn phí nữa. Tuyệt vời. Tất cả mọi người đều vui vẻ.”

“Ngoại trừ Fairfax,” George nói.

“Ồ, phải rồi. Ngoại trừ lão.”

“Tôi không biết DEPRAC còn đang che giấu những gì *khác* nữa?” tôi nói. “Các cậu có thấy họ tiến vào nơi đó và thu dọn nhanh chóng như thế nào không? Cứ như thể họ hứng thú với bộ áo giáp và mũ thép của Fairfax hơn là những tội ác của lão. Chiếc mũ thép đó *thật là kỳ quặc*... Tôi rất muốn được xem xét nó thật kỹ.”

Lockwood cười vẻ buồn rầu. “Không được đâu. Giờ này nó đã ở trong hầm cất giữ của Sở Cảnh sát Thủ đô, ở sâu dưới lòng đất rồi. Cậu sẽ không bao giờ thấy những thứ *như thế* nữa đâu.”

“Thật may tôi lén lấy được cặp kính này,” George nói. Cậu gỡ cặp kính vốn đang treo ở đằng sau ghế xuống. “Nó lạ lắm,” cậu nói. “Theo tôi thấy thì nó chẳng có tác dụng gì. Nó chỉ hơi nhòe một chút; làm mắt ta có cảm giác rất kỳ cục... Ở trên mắt kính cũng có một dấu gì đó rất lạ - ngay ở đây. Cậu nghĩ đó là gì, Lucy?”

Cậu chuyển nó sang cho tôi. Cặp kính nặng hơn so với tôi nghĩ, và rất lạnh. Khi tôi nheo mắt thật gần, tôi chỉ có thể nhận ra một hình ảnh nhỏ xíu in ở mép phía trong của mắt kính bên trái... “Trông giống giống một cái đàn hạc kỳ cục,” tôi nói. “Kiểu đàn Hy Lạp cỡ nhỏ hai bên uốn cong ấy. Có thể nhìn thấy cả những dây đàn, dây này. Có ba dây...”

“Đúng rồi. Hừm, chắc chắn đó không phải logo của Fairfax.” George quăng cặp kính xuống giữa những hộp mứt trên bàn. “Chắc tôi cũng chỉ có

thể tiếp tục thử nghiệm mà thôi.”

“Cậu hãy làm thế nhé, George,” Lockwood nói. Chúng tôi lại nâng cốc.

“Chúng ta sắp hết bia gừng rồi,” George đột nhiên nói. “Và chúng ta cần thêm bánh rán nữa. Đây là một nhiệm vụ quan trọng, và cậu có thể giao phó cho tôi.” Cậu đứng bật dậy, mở cửa tầng hầm, và biến mất dưới đó.

Lockwood và tôi ngồi đối diện nhau. Chúng tôi chạm mắt nhau, mỉm cười và nhìn ra chỗ khác. Không khí đột nhiên có vẻ hơi khó xử, giống như những ngày xưa.

“Nghe này, Lucy,” Lockwood nói. “Có điều này tôi cứ định hỏi cậu.”

“Ừ. Cứ hỏi đi.”

“Khi chúng ta quay trở lại thư viện và Grebe đang chuẩn bị bắn cậu... Cậu đã lấy sợi dây chuyền ra và chủ định thả hồn ma đó ra, phải không?”

“Tất nhiên.”

“Điều đó đã cứu mạng chúng ta, bởi vậy rõ ràng đó là một quyết định sáng suốt. Một lần nữa cậu đã làm rất tốt. Nhưng tôi chỉ bắn khoắn...” Cậu chăm chú nhìn những chiếc bánh kẹp một lúc. “Sao cậu biết cô ấy không tấn công cả chúng ta nữa?”

“Tôi đâu có biết. Nhưng bởi vì Fairfax chắc chắn sẽ giết chúng ta, nên có vẻ mạo hiểm như vậy cũng đáng.”

“OK... vậy là năm ăn năm thua.” Cậu lưỡng lự. “Vậy cô gái ma không nói gì với cậu ư?”

“Không.”

“Cô ấy không *bảo* cậu lấy mặt dây chuyền ra khỏi hộp chứ?”

“Không.”

“Thế vào đêm xảy ra vụ cháy, cô ấy cũng không bảo cậu lấy mặt dây chuyền từ xác cô ấy à?”

“Không!” Tôi nở nụ cười chế nhạo mang thương hiệu L. Carlyle với cậu ấy. “Lockwood... có phải cậu đang cho rằng tôi bị hồn ma đó điều khiển không đấy?”

“Không đâu. Chỉ là đôi lúc tôi không hiểu cậu cho lắm. Lúc ở trong thư viện, khi cậu giơ sợi dây chuyền ra, cậu dường như không sợ hãi chút nào.”

Tôi thở dài; điều đó cũng đã luôn luẩn quẩn trong tâm trí tôi, kể từ lúc nó xảy ra. “Nghe này,” tôi đáp, “thành thực mà nói, cũng không quá khó để đoán ra hồn ma sẽ tập trung vào Fairfax: tôi nghĩ tất cả chúng ta đều có thể đoán trước được điều đó. Nhưng cậu nói đúng. Tôi đã khá chắc chắn rằng cô ấy sẽ không tấn công chúng ta một lần nữa. Cô ấy không *bảo* tôi thế. Theo một cách nào đó tôi đã cảm nhận được dự định của cô ấy. Đó là điều đôi lúc đi kèm với Năng lực của tôi. Tôi không chỉ đọc được những tình cảm trong quá khứ, mà còn, một cách lơ mờ, cảm nhận được những gì linh hồn đó đang nghĩ ở *hiện tại*.”

Lockwood nhăn trán. “Tôi đã để ý thấy một vài lần rằng cậu dường như biết rõ những điều rất tinh tế về các Khách của chúng ta,” cậu nói. “Như hồn ma ở cây liễu mấy bữa trước. Cậu nói rằng ông ấy đang khóc than cho ai đó yêu dấu... Nhưng có khi nào cậu đã nghe thấy ông ấy nói thế chẳng?”

“Không, ông ấy không nói gì cả. Tôi chỉ cảm thấy điều đó thôi. Cũng có thể tôi đã sai. Khó mà biết được khi nào thì nên tin vào những cảm giác đó, khi nào thì không.” Tôi nhặt một chiếc kẹo sô cô la lên mân mê rồi đặt xuống trở lại. Tôi đưa ra một quyết định đột ngột. “Vấn đề là, Lockwood ạ,” tôi nói, “*Không phải* lúc nào tôi cũng quyết định đúng. Trước đây tôi đã vài lần phạm sai lầm. Tôi chưa từng nói với cậu về vụ cuối cùng của tôi trước khi tôi tới London. Tôi cảm nhận hồn ma đó là rất xấu xa, nhưng tôi đã không tin tưởng vào trực giác của mình, và người giám sát của tôi cũng đã không lắng nghe tôi. Đó là một con Biến Hình, và nó đã đánh lừa tất cả

chúng tôi. Nhưng tôi đã *gần như* nhìn thấu nó. Nếu tôi nghe theo bản năng sâu thẳm của mình, tôi đã có thể đưa tất cả ra kịp thời...” Tôi nhìn xuống tấm khăn trải bàn. “Nhưng như chuyện đã diễn ra, tôi *đã không* hành động. Và đã mọi người đã chết.”

“Nghe có vẻ đó là lỗi của người giám sát chứ không phải lỗi của cậu,” Lockwood nói. “Nghe này, Luce, cậu đã tuân theo bản năng của mình một cách hoàn hảo ở Combe Carey, và nhờ đó mà tất cả chúng ta đã thoát chết.” Cậu cười với tôi. “Tôi tin tưởng vào Năng lực và phán đoán của cậu, và tôi rất tự hào có cậu trong đội của mình. Được chứ? Vậy hãy thôi lo lắng về quá khứ đi! Quá khứ là để dành cho những hồn ma. Chúng ta đều đã từng làm những điều khiến chúng ta phải hối hận. Nhưng chỉ những điều phía trước chúng ta mới là quan trọng - phải không, George?”

George vừa đá mở cánh cửa. Cậu đang bê một thùng bia gừng. “Mọi người vui vẻ cả chứ?” cậu nói. “Sao cả hai cậu đều không ăn vậy? Chúng ta còn rất nhiều đồ ăn nữa đấy... Ôi trời ơi. Tôi quên bánh rán mất rồi.”

Tôi đứng dậy thật nhanh. “Đừng lo,” tôi nói. “Tôi sẽ đi lấy.”

Tầng hầm rất mát mẻ, chính vì thế chúng tôi mới trữ đồ ăn dưới đó. Sau khi vừa rời gian bếp ấm áp, cái lạnh làm tôi rùng mình một chút và khiến khuôn mặt đỏ bừng của tôi râm ran. Tôi lộp cộp bước xuống những bậc thang sắt, lắng nghe tiếng những người khác vọng xuống qua trần nhà. Được nói chuyện với Lockwood cũng không tệ, nhưng tôi rất vui khi có cơ lắng đi. Với tôi, nghĩ về quá khứ, hoặc về mối liên hệ gần gũi của tôi với hồn ma đó chẳng hề dễ dàng gì. Không phải vì tôi đã nói dối cậu về điều đó. Tôi *đã không* tiếp nhận những chỉ dẫn từ cô gái đó - ít nhất, theo một cách *có ý thức* thì tuyệt đối không. Giao tiếp một cách vô thức? Thành thực mà nói,

thật khó mà biết được. Nhưng đêm nay tôi không quan tâm là bằng cách nào. Đêm nay chúng tôi đang thư giãn; đêm nay chúng tôi vui vẻ.

Bánh rán được cất trong phòng kho an ninh cao, đó là căn phòng lạnh nhất ở đây. Tôi đã đặt khay bánh trên giá ngay phía ngoài. Sẽ rất dễ với đến; tôi bước vào mà không thềm bật đèn. Ngay khi vừa bước vào, tôi vấp phải một thùng lớn khoai tây chiên vị cốt tai tôm mà George đã tỏ ra rất được việc khi đặt ngay giữa sàn. Mất thăng bằng, tôi ngã nhào vào mấy cái giá phía trước, đầu tiên va phải thứ gì đó cứng cứng, rồi đổ người lên thứ gì đó mềm mềm.

Quá dễ để biết tôi đang ngồi lên thứ gì. Đó là những chiếc bánh rán. Hừm, Lockwood có thể ăn những chiếc bánh đó.

Tôi đứng dậy, giữ đường khỏi vấy, và với tìm chiếc khay trong bóng tối.

*“Lucy...”*

Tôi sững người. Cánh cửa đã đóng sập lại. Chỉ còn thấy bốn vạch ánh sáng vàng; ngoài ra căn phòng tối đen.

*“Lucy...”*

Một giọng trầm trầm thì hướng thẳng vào tai tôi. Tuy xa, mà lại thật gần. Bạn biết là như thế nào rồi đấy.

Tôi không có kiếm, tôi không mang đai lưng. Tôi chẳng có gì để phòng thủ cả.

Tôi vươn tay về phía sau dò dẫm, lần tìm tay nắm cửa.

*“Tôi đã theo dõi cô...”*

Tôi đã tìm thấy được tay nắm cửa; kéo nó ra một chút nhưng không được nhiều lắm. Chưa được. Bốn vệt sáng màu vàng mịt mịt vươn ra, chia bóng tối thành một tấm lưới màu xám. Ở phía trước tôi, nằm trên giá phía

trên những chiếc bánh rán: một dáng hình gù lên dưới chiếc khăn tay chấm bi.

“Đúng rồi đó...” giọng nói đó thì thầm. “*Tiếp tục nào... Đúng rồi.*”

Tôi với tay ra, kéo tấm vải. Hôm nay sinh chất trong chiếc bình ma sáng lên một màu xanh lá nhàn nhạt. Khuôn mặt đáng sợ đã thành hình hoàn chỉnh, và hiện lên một cách chính xác trên chiếc đầu lâu bên dưới, tới nỗi khó mà nhìn thấy tí xương nào. Chiếc mũi thì dài còn hai hốc mắt sâu hoắm và rộng mở. Cái miệng nhe ra cười một vẻ quỷ quái; những đốm sáng nhỏ lấp lánh ở chính giữa những hốc mắt.

“*Đúng lúc quá,*” hồn ma nói. “*Tôi đã gọi cô mãi.*”

Tôi nhìn nó.

“*Đúng rồi... Là tôi bé nhỏ đây. Hãy cúi gần vào, và nói chuyện một chút.*”

“*Đừng có mơ.*” Tôi nhìn chiếc bình. Nó là bình thủy-tinh-bạc, nó giữ hồn ma ở bên trong. Tôi đã va phải nó khi ngã xuống, nhưng chưa làm vỡ nó. Chiếc bình vẫn còn nguyên vẹn. Vậy thứ gì đã thay đổi?

“*Ồ, đừng như thế chứ.*” Khuôn mặt giờ đây có vẻ đau đớn. “*Cô khác biệt với những người khác. Cô biết là như thế mà.*”

Tôi khom người gần hơn, kiểm tra chiếc nút nhựa ở đỉnh bình. Phải rồi: ở trên chiếc nút, một vành bảo vệ màu vàng đã cong lên khi tôi làm đổ chiếc bình. Nó bị vặn ngay như một vòi nước, để lộ ra một thoáng lưới sắt mà tôi chưa từng nhìn thấy trước đó.

“*Cô không nhẫn tâm, như gã Lockwood đó, hoặc thô tục, như gã Cubbins đó,*” hồn ma tiếp tục. “*Ôi, những điều hãn ta đã làm với tôi, là sỉ nhục thô bỉ! Có lần - cô sẽ khó mà tin được - hãn ta đã để tôi trong phòng tắm và...*”

Tôi vờ tay ra “vòi nước” màu vàng. Ngay lập tức cái miệng trong chiếc bình vôi vàng múa máy. *“Không, đừng làm thế! Cô đừng làm thế. Tôi sẽ trả ơn cô. Tôi có thể kể cho cô nghe nhiều điều, cô thấy đấy. Những điều quan trọng. Chẳng hạn như thế này: Thần chết đang đến đây.”* Cái miệng cười ngoác ra. *“Thế nào. Cô nghĩ gì về điều đó?”*

“Tạm biệt nhé,” tôi nói. Tay tôi khép lại trên chiếc nút nhựa.

*“Đừng giận tôi,”* hồn ma thốt lên. *“Thần chết đang đến với tất cả các người mà. Tại sao ư? Bởi vì tất cả mọi thứ đã đảo lộn. Trong sự sống có cái chết và trong cái chết có sự sống, và cái cố định lại hết sức linh hoạt. Và dù rằng cô có cố gắng làm điều gì, Lucy, cô sẽ chẳng bao giờ có thể thay đổi được số phận...”*

Có lẽ là không, nhưng chắc chắn tôi có thể vặn cái “vòi” đó lại.

Tôi làm thế. Giọng nói đó tắt ngấm. Tôi nhìn vào khuôn mặt trong bình. Cái miệng vẫn tiếp tục động đậy; toàn bộ khuôn mặt rung chuyển. Bọt sủi ra và xoáy vòng giận dữ trong sinh chất.

Không. Đây là đêm ăn mừng của chúng tôi. Không một con ma ngu ngốc trong bình nào có thể phá hỏng điều đó.

Tôi kéo tấm khăn chấm bi phủ lên cái bình thủy tinh, nhặt lấy chiếc khay, mở cửa và rời khỏi nhà kho. Tôi bước ngang tầng hầm và chậm chậm trèo lên cầu thang xoắn.

Lên được nửa chừng, tôi nghe thấy Lockwood đang cười rống lên trong bếp. George đang nói. Cậu đang kể dở một câu chuyện gì đó.

*“... và rồi tôi nhận ra anh ta chẳng mặc gì cả! Tưởng tượng mà xem! Vĩnh viễn trôi nổi mà không mặc quần!”*

Lockwood lại cười. Cười *hết cỡ*. Cậu đã ngật đầu ra sau, tôi có thể chắc chắn như vậy.

Đột nhiên tôi muốn ở đó, chia sẻ câu chuyện cười với họ. Tôi bước nhanh hơn. Mang theo khay những chiếc bánh rán hơi bẹp một chút, tôi leo thật nhanh ra khỏi bóng tối và bước về phía căn phòng sáng sủa, ấm áp.

# CHÚ GIẢI

\* Ma **Loại Một**

\*\* Ma **Loại Hai**

**Ánh-sáng-khác** - Thứ ánh sáng kỳ lạ, trái tự nhiên phát ra từ một số **ma** hình.

**Âm khí** - Bầu không khí khó chịu, thường bao gồm mùi vị gắt, thường xuất hiện trước khi sự **hiện hồn** xảy ra. Thường đi cùng **nỗi sợ vô căn cứ, nỗi phiền muộn và băng giá**.

**Ấn** - Đồ vật thường là bằng **bạc** hoặc **sắt**, được thiết kế để bao bọc hoặc phủ lên **Nguồn** và ngăn **hồn ma** thoát ra.

**Bạc** - Một hàng rào phòng ngự quan trọng và hiệu nghiệm chống lại các **hồn ma**. Nhiều người mang theo đồ bạc làm **bùa** dưới dạng trang sức. Các thám tử dùng bạc tráng lên **kiếm**, và bạc cũng là một thành phần quan trọng tạo nên **ấn**.

**Băng giá** - Sự giảm nhiệt độ đột ngột khi có một **hồn ma** ở gần. Một trong bốn biểu hiện thường thấy khi một vụ **hiện hồn** sắp xảy ra, những biểu hiện còn lại là **nỗi phiền muộn, âm khí** và **nỗi sợ vô căn cứ**. Băng giá có thể lan khắp một vùng rộng, hoặc tập trung ở những “điểm lạnh” nhất định.

**Biến Hình\*\*** - Một ma **Loại Hai** hiếm thấy và nguy hiểm, đủ mạnh để thay đổi hình dạng khi sự **hiện hồn** đang diễn ra.

**Biện pháp phòng vệ chống lại hồn ma** - Có ba biện pháp phòng vệ chính, xếp theo thứ tự hiệu quả, là **bạc, sắt** và **muối**. **Oải hương** cũng có tác dụng bảo vệ nhất định, cũng như ánh sáng mạnh và **nước chảy**.

**Bình ma** – Đồ chứa bằng **thủy-tinh-bạc** dùng để giam giữ **Nguồn** đang hoạt động.

**Bom muối** - Khối cầu nhỏ bằng nhựa chứa đầy **muối** để ném. Nó vỡ vụn ra khi va chạm và bắn muối đi khắp mọi hướng. Được các thám tử dùng để đẩy lùi những **hồn ma** yếu. Không hiệu quả với những đối tượng mạnh hơn.

**Bóng\*** - **Hồn ma Loại Một** cơ bản, và có lẽ là loại **Khách** phổ biến nhất. Bóng có thể xuất hiện dưới dạng khá đặc, giống như **Hồn Sống**, hoặc có thể ở dạng mỏng manh hơn, như **Ma Khí**; tuy vậy, chúng hoàn toàn không có độ thông minh nguy hiểm như cả hai loại đó. **Bóng** dường như không nhận thức được sự hiện diện của người sống, và thường gắn với một kiểu hành vi cố định. Chúng thường tỏa ra cảm giác buồn khổ và mất mát, nhưng ít khi biểu lộ ra sự tức giận hoặc những cảm xúc mạnh hơn. Chúng hầu như luôn xuất hiện dưới hình dạng con người.

**Bùa** - Vật dùng để xua đuổi **hồn ma**, thường là bằng **sắt** hoặc **bạc**. Những bùa nhỏ thường được đeo như đồ trang sức trên người; những bùa lớn hơn thường được treo quanh nhà, và cũng có tác dụng trang trí.

*Cẩm nang Fittes* - Cuốn sách hướng dẫn nổi tiếng dành cho những người săn ma do Marissa Fittes, người sáng lập công ty thám tử tâm linh đầu tiên của Anh quốc, viết.

**Chuông cảnh báo** - Chuông sắt loại lớn dùng để báo **giờ giới nghiêm** ban đêm, và được gióng lên khi xảy ra những vụ bùng phát **hiện hồn**

ng nghiêm trọng. Được chính phủ lắp đặt ở nhiều thị trấn nhỏ và làng mạc như một biện pháp thay thế đỡ tốn kém cho **đèn ma**. **Công ty thám tử tâm linh** - **Cơ** quan chuyên chế ngự và tiêu diệt các **hồn ma**. Chỉ tính riêng ở London đã có hơn một chục công ty thám tử. Hai công ty lớn nhất (công ty Fittes và công ty Rotwell) có hàng trăm nhân viên; công ty nhỏ nhất (Lockwood & Đồng sự) có ba nhân viên. Hầu hết các công ty thám tử được các giám sát viên trưởng thành điều hành, nhưng tất cả đều chủ yếu phải dựa vào trẻ em có **Năng lực** tâm linh mạnh.

**Cụm ma** - Một nhóm **hồn ma** chiếm giữ một khu vực nhỏ.

**DEPRAC** - Cục Nghiên cứu và Kiểm soát Tâm linh. Một tổ chức chính phủ lập ra chuyên để giải quyết **Vấn đề**. DEPRAC điều tra bản chất của các **hồn ma**, tìm kiếm và hủy diệt những **hồn ma** nguy hiểm nhất, và giám sát hoạt động của **công ty thám tử**.

**Đèn ma** - Đèn đường chạy điện tỏa ra luồng sáng trắng rực rỡ để xua đuổi các **hồn ma**. Hầu hết các đèn ma đều có cửa chớp gắn trên các thấu kính; chúng mở ra đóng vào theo chu kỳ suốt buổi đêm.

**Điểm biến mất** - Địa điểm chính xác nơi hồn ma tiêu tan vào cuối quá trình **hiện hồn**. Thường là một đầu mối tuyệt vời để xác định vị trí của **Nguồn**.

**Đội gác đêm** - Những nhóm trẻ em, thường là làm việc cho các công ty lớn hoặc các ủy ban địa phương của chính phủ, canh gác các nhà máy, văn phòng và các khu vực công cộng sau khi trời tối. Dù không được phép sử dụng **kiếm**, trẻ em gác đêm có những thanh giáo dài đầu bịt sắt để ngăn **ma hình** lại gần.

**Đốm-sáng-chết** - Dấu vết năng lượng sót lại ở chính nơi cái chết diễn ra. Cái chết càng dữ dội, đốm-sáng-chết càng rực rỡ. Những đốm sáng mạnh có thể tồn tại qua rất nhiều năm.

**Giờ giới nghiêm** - Để đối phó với **Vấn đề**, chính phủ Anh đã thiết lập giờ giới nghiêm ở nhiều khu vực dân cư. Trong giờ giới nghiêm - bắt đầu sau khi trời nhá nhem tối và kết thúc lúc bình minh - người bình thường được khuyến nghị nên ở nguyên trong nhà, an toàn sau những lớp **phòng vệ** tại nhà họ. Ở nhiều thành phố, thời điểm bắt đầu và kết thúc giờ giới nghiêm được báo hiệu bởi tiếng **chuông cảnh báo**.

**Gỗ Đá\*** - **Hồn ma Loại Một** chán ngắt, nó chẳng làm gì khác ngoài việc gõ liên tục.

**Hiện hồn** - Một sự xuất hiện ma quái. Có thể bao gồm tất cả những hiện tượng siêu nhiên, bao gồm cả âm thanh, mùi, cảm giác kỳ lạ, đồ vật di chuyển, sự hạ nhiệt và **ma hình**.

**Hồn Chết\*\*** - Một **hồn ma Loại Hai** nguy hiểm. Hồn Chết giống **Hồn Sống** ở sức mạnh và kiểu hành vi, nhưng có vẻ ngoài đáng sợ hơn nhiều. **Ma hình** của chúng mô phỏng tình trạng sau khi chết của chúng: hốc hác và co rúm, gây đến đáng sợ, đôi khi thối rữa và có dòi bọ. Hồn chết thường xuất hiện dưới dạng bộ xương. Chúng phát ra **ma-khóa** rất mạnh. *Xem thêm Xương Tươi*.

**Hồn Hét\*\*** - Một **hồn ma Loại Hai** đáng sợ, có thể hiện thành **ma hình** nhìn thấy được hoặc không. Hồn hét phát ra những tiếng hét tâm linh kinh hãi, âm thanh đó đôi khi đủ mạnh để làm người nghe sợ hãi tới tê liệt, và từ đó rơi vào trạng thái **ma-khóa**.

**Hồn ma** - Linh hồn của người chết. Hồn ma đã tồn tại suốt chiều dài lịch sử, nhưng giờ đây không rõ vì sao lại càng lúc càng trở nên phổ biến. Có rất nhiều loại hồn ma khác nhau; nhưng về cơ bản có thể phân loại thành ba nhóm chính (*Xem Loại Một, Loại Hai, Loại Ba*). Hồn ma luôn lớn vờn gần **Nguồn**, thường là ở nơi họ chết. Họ thường mạnh nhất về đêm, và đặc biệt

là từ nửa đêm tới hai giờ sáng. Hầu hết các hồn ma không nhận thấy hoặc không quan tâm tới người sống. Một số ít thì rất thù địch.

**Hồn Sống\*\*** - **Hồn ma Loại Hai** thường gặp nhất. **Hồn sống** luôn có **ma hình** rõ ràng, chi tiết mà trong một số trường hợp có thể gần y như thật. Nó thường phản ánh một cách chính xác dáng vẻ của người chết khi họ còn sống hay lúc mới chết. **Hồn sống** không mờ nhạt như **Ma Khí** và không gồm ghieếc bằng **Hồn Chết**, nhưng hành vi thì đa dạng tương tự. Nhiều ma loại này trung tính và ôn hòa khi gặp người sống - có lẽ họ quay trở lại để làm sáng tỏ một bí mật nào đó, hoặc sửa lại một việc sai trái trong quá khứ. Tuy vậy, một số lại rất thù địch, và luôn muốn tiếp xúc với con người. Cần phải tránh những hồn ma này bằng mọi giá.

**Hồn Tối\*\*** - Một **hồn ma Loại Hai** kinh hoàng, nó hiện hồn thành một mảng bóng tối có thể di chuyển. Đôi khi người ta có thể thấy lơ mờ **ma hình** ở chính giữa mảng bóng tối; vào những lúc khác nó là đám mây đen dễ thay đổi và không có hình dạng, có thể thu nhỏ lại bằng kích cỡ một quả tim đang đập, hoặc nhanh chóng nở ra để có thể bao phủ cả một căn phòng.

**Khách** - Một **hồn ma**.

**Kiểm** - **Vũ** khí chính thức của tất cả các thám tử điều tra tâm linh. Đôi khi mũi kiếm **sắt** được bọc **bạc**.

**Loại Ba** - Một cấp độ **hồn ma** rất hiếm gặp, lần đầu tiên được ghi nhận bởi Marissa Fittes, và đã có nhiều ý kiến trái chiều về nó kể từ khi ấy. Được cho là có khả năng giao tiếp hoàn toàn với người sống.

**Loại Hai** - **Hồn ma** thường xuất hiện loại nguy hiểm nhất. **Loại Hai** mạnh hơn **Loại Một**, vẫn còn sót lại một phần khả năng tư duy. Chúng nhận biết được người sống, và có thể cố gắng làm hại họ.

Các **Loại Hai** phổ biến, xếp theo thứ tự là: **Hồn Sống**, **Ma Khí** và **Hồn Chết**. *Xem thêm: Biển Hình, Yêu Tinh, Xương Tươi, Hồn Hét và Ma*

## Hoang.

**Loại Một** - Dạng **hồn ma** yếu nhất, phổ biến nhất, và ít nguy hiểm thấp nhất. **Loại Một** thường hiếm khi nhận biết được xung quanh, và thường chỉ có duy nhất một dạng hành vi lặp đi lặp lại. Một số **Loại Một** thường gặp bao gồm: **Bóng**, **Sương Xám**, **Ma Ấn** và **Ma Đuôi**. *Xem thêm: **Trinh Nữ Lạnh**, **Sương Liễn Thoảng** và **Gỗ Đá**.*

**Lửa Hy Lạp** - Một tên gọi khác của **pháo magiê**. Những phiên bản đầu tiên của loại vũ khí này dường như đã được sử dụng để chống ma từ thời Đế chế Byzantine (hoặc Hy Lạp), một nghìn năm về trước.

**Ma ám** - *Xem **Hiện hồn***

**Ma Ấn\*** - Một **hồn ma Loại Một** ẩn mình trong bóng tối, hiếm khi di chuyển, chẳng bao giờ tiến lại gần người sống, nhưng gieo rắc cảm giác lo lắng và **nỗi sợ vô căn cứ**.

**Ma chạm** - Hậu quả khi cơ thể tiếp xúc với **ma hình**, và là sức mạnh chết chóc nhất của một hồn ma hung hăng. Ban đầu là cảm giác lạnh buốt choáng ngợp, sau đó ma-chạm nhanh chóng lan tỏa cảm giác băng giá và tê liệt đi khắp cơ thể. Từng cơ quan nội tạng trọng yếu lần lượt ngừng hoạt động; chẳng bao lâu sau cơ thể trở nên bầm tím và bắt đầu sưng phồng. Nếu không được can thiệp y tế kịp thời, ma-chạm thường gây ra tử vong.

**Ma Đuôi\*** - Một **hồn ma Loại Một** có vẻ chú tâm tới người sống, thường bám theo người sống ở một khoảng cách nhất định nhưng không bao giờ mạo hiểm tới gần. Các thám tử có **Thính lực** tốt thường dò được tiếng lê bước chầm chậm của bàn chân xương xẩu cùng tiếng thở dài và rên rỉ u sầu của nó.

**Ma hình** - Hình dáng do **hồn ma** hình thành nên trong quá trình **hiện hồn**. **Ma hình** thường bắt chước hình dáng của người chết, nhưng còn có cả ma hình theo bắt chước hình dáng con vật hoặc đồ vật. Một số có thể khá lạ

thường. **Hồn Sống** trong vụ Vũng tàu Limehouse gần đây đã hiện hồn thành một con rắn hổ mang chúa phát ra ánh sáng xanh lục, trong khi hồn ma trong vụ Nổi kinh hoàng phố Bell tai tiếng bắt chước hình dáng một con búp bê vải ghép. Dù mạnh hay yếu, hầu hết các hồn ma đều không (hoặc không thể) thay đổi hình dạng, ngoại trừ **Biến Hình**.

**Ma Hoang\*\*** - Một dạng **hồn ma Loại Hai** khác thường, thường gặp ở những vùng hẻo lánh và nguy hiểm, nói chung là ở ngoài trời. Thông thường nó ngự trang dưới dạng một đứa bé gầy còm, có thể nhìn thấy từ xa qua một khe núi hoặc hồ nước. Nó không bao giờ tới gần người sống, nhưng phát ra **ma-khóa** cực mạnh có thể làm bất cứ ai đứng gần choáng ngợp. Nạn nhân của **Ma Hoang** thường ngã nhào khỏi vách núi hoặc lao xuống nước sâu nhằm cố gắng chấm dứt tất cả.

**Ma Khí\*\*** - Bất cứ **hồn ma Loại Hai** nào ở dạng không khí, mỏng manh và nhìn xuyên qua được. Ma Khí gần như hoàn toàn vô hình, ngoại trừ đường viền mờ mờ bên ngoài và một vài chi tiết loáng thoáng của khuôn mặt và những nét đặc trưng. Bất chấp vẻ mong manh, nó không hề ít hung hăng hơn loại có bề ngoài đặc hơn là **Hồn Sống**, và nó càng nguy hiểm hơn gấp bội vì khó nhìn thấy.

**Ma-khóa** - Một sức mạnh nguy hiểm của **hồn ma Loại Hai**, có thể là cảm giác **phiền muộn** tăng cao. Nạn nhân bị rút cạn ý chí và bị cảm giác sợ hãi tuyệt vọng xâm chiếm. Cơ bắp của họ trở nên nặng như chì và họ chẳng thể nào nghĩ ngợi hay di chuyển được nữa. Trong hầu hết các trường hợp họ đều chết đứng vì khiếp sợ và tuyệt vọng chờ đợi trong khi con ma đói trượt đến càng lúc càng gần hơn.

**Mạc lực** - Khả năng phát hiện những tiếng vọng tâm linh bằng cách chạm vào những vật thể liên quan trực tiếp tới một cái chết hoặc một vụ **ma ám**. Những tiếng vọng như thế thường có dạng hình ảnh, âm thanh và những cảm giác khác. Là một trong ba loại **Năng lực** chính.

**Muối** - Một biện pháp **phòng thủ** thường được dùng để chống lại các **hồn ma Loại Một**. Muối không hiệu quả bằng **sắt** và **bạc**, nhưng rẻ hơn cả hai thứ kia và được dùng nhiều để bảo vệ nhà dân.

**Năng lực** - Khả năng nhìn, nghe hoặc khả năng khác để nhận ra các **hồn ma**. Rất nhiều trẻ em, dù rằng không phải tất cả, được sinh ra với Năng lực tâm linh ở mức độ nào đó. Khả năng này biến mất dần theo thời gian, dù vẫn còn phần nào lưu lại ở một số người lớn. Trẻ con với Năng lực trên mức trung bình tham gia **đội gác đêm**. Trẻ con với tài năng thiên phú thường gia nhập các công ty thám tử. Ba loại Năng lực chính là **Nhãn lực**, **Thính lực** và **Mạc lực**.

**Ngoại chất** - Một thứ vật chất lạ, có thể biến đổi được để hình thành nên các **hồn ma**. Khi ở trạng thái cô đặc, ngoại chất rất nguy hiểm với người sống.

**Nguồn** - Vật thể hoặc địa điểm mà qua đó hồn ma bước vào thế giới.

**Người nhạy cảm** - Người được sinh ra với Năng lực tâm linh đặc biệt xuất sắc.

**Nhãn lực** - Khả năng tâm linh giúp người ta nhìn thấy **ma hình** và các hiện tượng ma quỷ khác, ví dụ như **đốm-sáng-chết**. Một trong ba dạng **Năng lực** tâm linh chính.

**Nỗi phiền muộn** - Cảm giác chán nản, trì trệ thường diễn ra khi **hồn ma** đang tiến lại gần. Trong những trường hợp cực đoan nó có thể trầm trọng hơn và trở thành hiện tượng **ma-khóa** nguy hiểm.

**Nỗi sợ vô căn cứ** - Cảm giác sợ hãi không thể lý giải được thường xuất hiện khi sự hiện hồn đang hình thành. Thông thường đi kèm với **băng giá**, **âm khí** và **nỗi phiền muộn**.

**Nước chảy** - Từ thời cổ đại người ta đã nhận thấy rằng **hồn ma** không thích những dòng nước chảy. Ở nước Anh thời hiện đại, kiến thức này đôi

khi được sử dụng để chống lại chúng. Ở trung tâm London, người ta xây dựng một mạng lưới những con kênh nhân tạo hoặc lạch nước để bảo vệ khu vực trung tâm mua bán. Ở quy mô nhỏ hơn, một số chủ nhà đào các rãnh nước bên ngoài cửa trước nhà họ và dẫn nước mưa trong đó.

**Oải hương** - Hương thơm gắt của loài thực vật này được cho là có thể xua đuổi các linh hồn xấu xa. Chính vì thế mà nhiều người cài những nhánh oải hương khô, hoặc đốt nó để tỏa ra thứ khói hăng nồng. Các thám tử đôi khi mang theo những lọ nước oải hương nhỏ để chống lại những **Loại Một** yếu.

**Pháo magiê** - Một ống kim loại nhỏ với nắp bằng kính dễ vỡ, chứa magiê, sắt, muối, thuốc súng và một thiết bị kích nổ. Một vũ khí quan trọng của các công ty thám tử để chiến đấu chống lại các **hồn ma** hung hăng.

**Quầng xạ** - Ánh sáng mờ hoặc chói lọi bao quanh nhiều **ma hình**. Hầu hết quầng xạ đều khá yếu, và chỉ nhìn thấy rõ nhất qua khước mắt. Những quầng xạ mạnh, rực rỡ được gọi là **ánh-sáng-khác**. Một vài loại ma, chẳng hạn **Hồn Tối**, tỏa ra quầng xạ tối hơn cả đêm đen xung quanh chúng.

**Sắt** - Một biện pháp bảo vệ cổ xưa và quan trọng chống lại tất cả các kiểu **hồn ma**. Người bình thường gia cố nhà cửa với những đồ trang trí bằng sắt, và mang chúng theo người dưới dạng **bùa**. Các thám tử mang kiếm và xích **sắt**, và do vậy hoàn toàn dựa vào chúng trong cả tấn công lẫn phòng thủ.

**Sinh chất** - Xem **Ngoại chất**.

**Sương Liễn Thoảng\*** - Một **Loại Một** yếu, mỏng mảnh, nổi tiếng vì giọng cười điên loạn, lặp đi lặp lại, một âm thanh nghe như thể nó vọng lại từ đằng sau bạn.

**Sương ma** - Làn sương mù mỏng mảnh, màu trắng ngả xanh lục, thường được sinh ra trong quá trình **hiện hồn**. Sương-ma có lẽ được hình thành nên

từ **ngoại chất**. Nó lạnh và không dễ chịu, nhưng bản thân nó thì không nguy hiểm khi chạm vào.

**Sương Xám\*** - Một **hồn ma** vô hại, khá buồn tẻ, một dạng **Loại Một** phổ biến. **Sương Xám** dường như không có đủ sức mạnh để tạo thành **ma hình** liền mạch mà chỉ hình thành nên những mảng sương mù không hình dạng, le lói sáng. Có lẽ bởi **ngoại chất** của chúng bị khuếch tán, **Sương Xám** không gây ra **ma-chạm**, cho dù người ta có đi xuyên qua nó. Hiệu ứng chủ yếu là làm lan tỏa **âm khí** cùng cảm giác **băng giá** và khó chịu.

**Thính lực** - Một trong ba loại **Năng lực** tâm linh chính. Những **người nhạy cảm** với khả năng này có thể nghe được giọng nói của người chết, tiếng vọng của những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ, và những âm thanh siêu tự nhiên gắn với hiện tượng **ma ám**.

**Thủy-tinh-bạc** - Một loại thủy tinh đặc biệt chống được ma, dùng làm đồ chứa **Nguồn**.

**Trinh Nữ Lạnh\*** - Một dáng người nữ sương khói, xám xịt, thường mặc những bộ váy áo lồi mốt, và thường loáng thoáng xuất hiện ở khoảng cách xa. Trinh Nữ Lạnh phát ra cảm giác buồn khổ và **phiền muộn** rất mạnh, nhưng hiếm khi tiến tới gần người sống.

**Vấn đề** - Dịch **ma ám** hiện đang tác động lên nước Anh.

**Xương Tươi\*\*** - Một loại **hồn ma** hiếm gặp và rất khó chịu, thường hiện hình thành một thi thể không có da, đầm đìa máu, cặp mắt lồi và hàm răng nhe nhớn. Các thám tử không thường xuyên gặp chúng. Nhiều chuyên gia xem chúng là một dạng **Hồn Chết**.

**Yêu Tinh\*\*** - Một lớp **hồn ma Loại Hai** rất mạnh và có tính hủy diệt cao. **Yêu Tinh** phát ra những luồng năng lượng siêu tự nhiên mạnh tới nỗi có thể nâng được cả những vật nặng lên không trung. Chúng không hiện hình.

Department of Psychic Research and Control: Cục Nghiên cứu và Kiểm soát Tâm linh.

Một phân vùng gồm khoảng trên 1000 đảo ở Trung Nam Thái Bình Dương, còn gọi là Đa Đảo.

Execution Dock: một địa điểm bên dòng sông Thames, nơi xử tử cướp biển từ khoảng thế kỷ 15-19.

Blitz: chỉ những đợt rải bom của Đức Quốc xã xuống Anh trong Thế Chiến thứ 2.